TẤM GƯƠNG BÁC
Ngọc quý của mọi nhà

TS. NGUYỄN VĂN KHOAN

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

TẤM GƯƠNG BÁC
NGỌC QUÝ CỦA MỌI NHÀ

Chịu trách nhiệm xuất bản, nội dung
Giám đốc - Tổng Biên tập
TRẦN CHÍ ĐẠT

Biên tập:
NGUYỄN THỊ LÊ - MAI QUỐC BẢO

Biên tập sách điện tử:
NGUYỄN TIẾN PHÁT

Kỹ thuật sách điện tử:
NGUYỄN THANH TÙNG

Thiết kế bìa:
TRẦN HỒNG MINH

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 3935-2019/CXBIPH/4-152/TTTT
Số quyết định xuất bản: 70/QĐ-NXB TTTT ngày 18/10/2019
Nộp lưu chiểu: Quí IV năm 2019
ISBN: 978-604-80-4155-7

TS. NGUYỄN VĂN KHOAN

TẤM GƯƠNG BÁC
Ngọc quý của mọi nhà

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà tư tưởng vĩ đại, nhà lý luận thiên tài, anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất. Cuộc đời và sự nghiệp của Người đã nêu tấm gương sáng về phương pháp làm việc khoa học và học tập suốt đời cho toàn Đảng, toàn dân ta cùng lớp lớp các thế hệ trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam nguyện phấn đấu học tập và noi theo.

Cuốn sách "***Tấm gương Bác - Ngọc quý của mọi nhà***" do TS. Nguyễn Văn Khoan sưu tầm qua các sách báo, tập hợp các bài viết, lời kể của các nhân chứng, những kỷ niệm sâu sắc về Bác Hồ thành một công trình dày dặn, phong phú. Nội dung cuốn sách vô cùng quý và có giá trị phổ biến, tên sách đã nói lên điều đó. Đây là những bài viết ngắn gọn, có nội dung súc tích, dễ đọc, dễ nhớ, phản ánh tình cảm gắn bó của Bác Hồ với bộ đội, cán bộ, nhân dân. Mối quan hệ mật thiết và cách ứng xử linh hoạt, có tình có lý của Bác Hồ với mọi người qua những câu chuyện bình thường, cụ thể trong đời sống hàng ngày đã được thuật lại một cách tự nhiên đến xúc động lòng người. Điều đáng được trân trọng nêu cao, đó là giá trị giáo dục to lớn xuyên suốt các bài viết từ đầu đến cuối công trình, qua từng bài, làm cho người đọc tiếp nhận một cách dễ dàng mà sâu sắc, lâu dài, mãi mãi. Người đọc sách này, tùy theo trình độ và tuổi tác, nghề nghiệp và thân phận, kể cả người nước

ngoài - "*Những chiến sĩ mới của Bác Hồ*", đều có thể rút ra từ đây những bài học lý tưởng và đạo đức làm người, để theo đó cố gắng học tập tư tưởng không ngừng tiến bộ. Tấm gương Bác lung linh không phải treo trên cao để mọi người cùng chiêm ngưỡng kính phục mà rất gần với mọi người, luôn luôn chiếu sáng, soi đường, chỉ lối cho chúng ta không ngừng tu dưỡng bản thân để có điều kiện phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân với chất lượng ngày càng tốt hơn, hiệu quả ngày càng cao hơn.

"*Tấm gương Bác - Ngọc quý của mọi nhà*" với nội dung phong phú và cao quý như vậy lại ra mắt bạn đọc trong một thời điểm rất thích hợp - Kỷ niệm 50 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1969 - 2019), nên đã cung cấp đúng lúc và kịp thời một tài liệu tham khảo quý có giá trị lý luận và thực tiễn cao, phục vụ đắc lực cho việc học tập tấm gương Bác một cách thiết thực và hiệu quả.

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Hà Nội, tháng 9 năm 2019

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

LÀM VIỆC NƯỚC NẶNG NỀ, KHÓ KHĂN NÊN PHẢI HẾT SỨC CẨN THẬN

Hồi Bác Hồ ở Pác Bó, để giữ bí mật, nước sinh hoạt được đựng trong những ống dài để trong hang. Trừ những khi ốm đau, sáng nào Bác cũng đi "kín" nước (tiếng Tày "kỉn" là "lấy").

Ống nước làm bằng ống luồng, hoặc bương (loại tre lớn) sẵn trong rừng, đục thông các "mắt" lấy dây thừng hay mây buộc lại đầu trên và dưới, để gánh bằng đòn. Có ống không cần buộc dây, để vác thẳng lên vai.

Một sáng sớm, trời còn sương, mặt trời chưa lên tỏ, Bác và một đồng chí bảo vệ, mỗi người hai ống trên vai, ra suối "kín" nước. Bác đặt chân nhẹ nhàng lên các hòn đá, vục ống xuống suối lấy đầy nước, đựng vào một hòn đá, khỏa nước rửa tay chân... Đồng chí bảo vệ tuy là người miền núi, người địa phương nhưng bước đi không vững, trên vai lại hai ống nước nặng, đặt ống không thăng bằng, nên vấp đá, chẳng may trượt ngã.

Bác đến nâng đồng chí dậy, dạy cách đặt, cách vác ống nước, cách đi trên đá. Rồi hai bác cháu ra về.

Lên bờ, Bác nói:

- Làm việc nước nặng nề, khó khăn nên phải hết sức cẩn thận, cháu ạ.

BÁC LÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Vào khoảng cuối năm 1953, đầu năm 1954, tuy đã ở trong ATK (an toàn khu) nhưng đội bảo vệ của Bác vẫn đào hầm sâu trong núi để đề phòng giặc.

Anh em không quen nên làm việc có phần lúng túng. Bác đến và làm động tác mẫu quai búa cho đồng chí phụ trách xem. Rồi Bác lấy một thanh tre bánh tẻ làm kẹp cây "choòng" cầm chống, ra lệnh cho người quai búa cứ quai cho đều tay.

Sợ Bác mệt, anh em nói:

- Thưa Bác, chúng cháu hiểu rồi ạ.

Đến lúc anh em tranh cãi về tăng gia, Bác lại "tham gia". Có anh phát biểu nên trồng cà, anh thì bảo nên trồng rau muống cạn.

Bác hỏi:

- Các chú là nông dân cả phải không?

- Dạ, chúng cháu đều là nông dân.

Bác giải thích:

- Vì các chú mỗi người một quê khác nhau, thời tiết mỗi vùng khác, kinh nghiệm trồng trọt cũng khác nên tranh cãi là bình thường. Song phải chú ý tới người xưa dạy ta rằng: "Bao giờ đom đóm bay ra, cành xoan chân chó trồng cà mới nên…". Thế các chú đã thấy cây xoan nảy mầm tức là thò chân chó chưa?

- Dạ, chưa ạ.

- Thế thì chưa trồng cà được đâu.

"CÁC CHÚ LÀ QUÂN ĐỘI CỦA CÁCH MẠNG"

Giữa năm 1948, hưởng ứng cuộc thi báo tường của Phòng Tuyên truyền quân đội do đồng chí Trần Độ phụ trách, nhạc sinh quân tham dự tờ Tuổi Xanh. Tờ báo được trao giải nhất và được Bác xem. Trong tờ báo có bức tranh do đồng chí Nguyễn Thế Vinh vẽ cảnh một nhạc binh lớn tuổi tát một nhạc sinh quân nhỏ trong lúc học.

Bỗng một hôm, đồng chí Lê Tất Đắc ở Phòng Tuyên truyền từ Chợ Chu xuống đoàn đưa cho đồng chí Lại Văn Thuận - lúc đó là chính trị viên đoàn nhạc binh - lá thư của Bá

"Gửi Ban chỉ huy đoàn nhạc binh.

Dạy dỗ, dìu dắt các em nhỏ là làm nhiệm vụ của những người anh lớn tuổi. Đánh đập, sỉ nhục cấp dưới là quân đội của thời trước. Nay các chú là quân đội của cách mạng rồi, cán bộ, chiến sĩ phải đoàn kết yêu thương đùm bọc nhau, coi như anh chị em ruột thịt một nhà.

Bác cấm các chú từ nay về sau có hành động quân phiệt với các em nhỏ nữa.

Bác Hồ".

BÁT CHÈ SẺ ĐÔI

Đồng chí liên lạc đi công văn mười giờ đêm mới đến. Bác gọi mang ra một bát, một thìa. Rồi Bác đem bát chè đậu đen đường phên mà anh em phục vụ vừa mang lên sẻ một nửa cho đồng chí liên lạc.

- Cháu ăn đi!

Thấy đồng chí liên lạc ngần ngại, lại có tiếng đằng hắng bên ngoài, Bác giục:

- Ăn đi, Bác cùng ăn…

Cảm ơn Bác, đồng chí liên lạc ra về. Xuống sàn, đồng chí cấp dưỡng bám vào vai anh lính thông tin:

- Cậu chán quá. Cả ngày Bác có bát chè để bồi dưỡng làm đêm mà cậu lại ăn mất một nửa.

- Khổ quá, anh ơi! Em có sung sướng gì đâu. Thương Bác, em vừa ăn vừa rớt nước mắt, nhưng không ăn lại sợ Bác không vui, mà ăn thì biết cái chắc là bị các anh mắng mỏ rồi...

BÁC THĂM CHIẾN SĨ ĐẢO VẠN HOA

Một lần, khi gặp các chiến sĩ hải quân trẻ ở đảo Vạn Hoa, Bác hỏi ngay:

- Các cháu có cá ăn không?

- Thưa Bác không ạ! - Một chiến sĩ trả lời rất hồn nhiên và chân thật, có lẽ cũng bởi câu hỏi khá bất ngờ. Các chiến sĩ ta đã nói đúng sự thật với Bác.

Bác quay lại hỏi đồng chí Tư lệnh Hải quân:

- Tại sao ở cạnh biển mà bộ đội không có cá ăn? Các chú chỉ huy có khuyết điểm.

Bác lại hỏi:

- Có rau ăn không?

Một chiến sĩ khác trả lời:

- Thưa Bác, tạm đủ ạ!

Sau đó, Bác chỉ thị tập hợp bộ đội để Bác nói chuyện. Câu đầu tiên Bác lại hỏi:

- Bao nhiêu lâu các cháu mới được xem văn công một lần?

Một cán bộ đứng lên:

- Thưa Bác, từ khi ra đảo chưa được xem lần nào.

Bác "à" lên một tiếng ngạc nhiên, rồi hỏi tiếp:

- Thế còn phim?

- Thưa Bác, năm sáu tháng mới có một tối.

Bác quay lại chúng tôi hỏi:

- Hôm nay có ông tướng đi cùng đây, ông nghĩ thế nào?

Tôi mạnh dạn thưa ngay với Bác:

- Cháu sẽ sửa chữa khuyết điểm.

- Không, chú nói còn chung chung quá. Bao lâu nói cho rõ.

- Thưa Bác, cứ sáu tháng cho anh em xem một tối văn công và ba tháng một tối phim.

Bác cười gật đầu đồng ý. Còn tôi, hứa với Bác rồi mà lại thấy lo làm sao thực hiện được để Bác vui. Bởi vì niềm vui của Bác có gì khác đâu, chính là được thấy bộ đội và nhân dân sống đầy đủ hạnh phúc.

(Theo lời kể của đồng chí Lê Trọng Tấn)

HAI CHIẾC ÁO RÉT CỦA BÁC HỒ

Trong suốt cuộc đời của mình, Bác Hồ luôn cho rằng "một trăm kế hoạch to mà không thực hiện được cũng chẳng bằng một kế hoạch nhỏ mà hoàn thành". Bác dặn: "Một trăm bài diễn thuyết tuyên truyền suông cũng không bằng một việc làm thiết thực".

Tại buổi lễ kỷ niệm 30 năm thành lập Đảng (1960), Bác nói: "... Đảng đoàn kết và lãnh đạo nhân dân ta thi đua kiến thiết chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống vui tươi ấm no và mỹ tục thuần phong. Hễ còn có một người Việt Nam bị bóc lột, bị nghèo nàn thì Đảng vẫn đau thương, cho đó là vì mình chưa làm tròn nhiệm vụ." Bác giải thích: "Chủ nghĩa xã hội trước hết làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc".

Bản thân Bác từng nêu cao tấm gương lo cho dân no ấm, lo cho các chị dân công không bị ướt, lo cho các chiến sĩ không bị rét lạnh ở chiến trường... lo cho các cháu nhỏ bút giấy học hành...

Ngày 16/11/1946, trong lần gặp các vị đại biểu của phong trào "Mùa đông chiến sĩ" tại Nhà hát Lớn Hà Nội, Bác nêu ý kiến:

"Nước ta được giải phóng nhờ có xương máu của toàn dân và xương máu của các chiến sĩ đã hy sinh nơi tiền tuyến. Ở hậu phương chúng ta có gia đình ấm áp, ở tiền tuyến các chiến sĩ phải chịu rét mướt..."

Sau đó Người nói thêm: "Chiếc áo trấn thủ mà đồng bào sẽ gửi cho anh em binh sĩ trong mùa rét này, chẳng những sẽ giúp anh em giữ được sức mạnh để bảo vệ đất nước, mà còn khiến cho anh em luôn nhớ đến tình thân ái nồng nàn của đồng bào ở hậu phương".

Đặt lên bàn một gói, Người nói "Bây giờ, tôi có hai chiếc áo rét. Một chiếc tôi mặc đã mấy năm nay và một chiếc Ủy ban Vận động Mùa đông chiến sĩ vừa mang biếu tôi. Cả hai chiếc, tôi tặng các binh sĩ ngoài mặt trận..."

Gần nửa thế kỷ đã trôi qua, không biết ai trong các binh sĩ ấy còn giữ được tấm áo trấn thủ mà Bác Hồ đã nhường như Người đã nhịn cơm... cứu đói năm nào.

ĐĨA CƠM RANG TRỨNG

Năm 1946, tổ điện đài của đồng chí Trương Duy Thái phục vụ ở văn phòng Chủ tịch phủ tại Việt Bắc. Một tối mùa hè, tổ phải phát đi một bức điện tối khẩn, nhưng máy móc ậm ạch, đài bạn lại ở xa nên đánh vật mãi từ chập tối đến gần hai giờ sáng mới xong việc.

Thái đang mơ mơ màng màng thì nghe có tiếng chân người. Theo thói quen của người lính, anh nằm yên hé mắt nhìn ra.

Trong ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn dầu, Thái thấy Bác Hồ, mặc bộ quần áo bà ba trắng, đang cúi xuống giắt màn cho anh. Thái không động đậy, nằm im, trong lòng xốn xang, hối hận... Bỗng anh chiến sĩ quay máy từ đầu chạy huỳnh huỵch vào nhà.

Bác giơ tay lên miệng, ra hiệu bước nhẹ nhàng, chỉ tay về phía anh em đang ngủ, ý bảo để anh em ngon giấc.

Bác vẫy đồng chí "quay viên" lại hỏi nhỏ:

- Đêm qua các cháu làm việc đến mấy giờ?

- Thưa Bác, gần hai - ba giờ sáng ạ.

Bác lại ghé sát tai hỏi:

- Làm xong có được bồi dưỡng không?

- Thưa Bác, việc thường xuyên xảy ra như thế, nên cũng không có bồi dưỡng ạ.

Bác nói:

- Sáng mai, các cháu được ngủ đến sáu giờ sáng, tập thể dục sau. Cháu lên giường ngủ đi, nhẹ nhàng để anh em khác khỏi thức giấc. Bác sẽ nói với các chú đánh kẻng.

Sáng hôm ấy, đồng chí Thắng bên tiểu đội cấp dưỡng mang sang cho tổ đài một đĩa men to cơm rang với trứng đầy có ngọn. Thắng nói:

- Bác bảo đêm hôm qua các cậu làm việc khuya, Bác gửi bồi dưỡng cho các cậu.

Nếu chúng ta biết, dạo ấy ở Việt Bắc chiến sĩ mỗi bữa được một bát cơm lưng lửng còn toàn ăn độn ngô, khoai, sắn... Bác cũng chỉ ăn như anh em và được thêm một bát nước cơm bồi dưỡng thì mới thấy "giá trị" đĩa cơm trứng ấy và tấm lòng của Bác...

(Theo tài liệu Bảo tàng Thông tin)

NGÀY TẾT "NỘI VỤ" CŨNG PHẢI GỌN GÀNG

Ngày 03 tháng 02 năm 1963, nhân dịp tết Nguyên đán, Bác Hồ đến thăm Đại đội 129, Trung đoàn 206 Bộ đội Phòng không. Đơn vị bấy giờ đóng quân tại Tiên Hội, Đông Anh, Hà Nội.

Cán bộ, chiến sĩ đang lúi húi xây dựng vườn hoa thì Bác đến. Anh em vây xung quanh Bác. Người nhìn các chiến sĩ trẻ, âu yếm hỏi:

- Tết mỗi chú được bao nhiêu bánh chưng?

Mọi người trả lời:

- Thưa Bác, được hai chiếc ạ.

Người nhìn quanh rồi chỉ vào những cây phi lao mới trồng, cạnh vườn hoa nhỏ, hỏi:

- Cây này có cho quả không?

- Thưa Bác, không ạ.

- Thế trồng nhãn có quả ăn không?

- Thưa Bác, có ạ.

Người tươi cười:

- Thế thì trồng nhãn tốt hơn. Phi lao nên trồng ngoài hàng rào. Còn xà cừ trồng ngoài cổng doanh trại, tính từ cổng ngược xuôi năm trăm mét trồng cây nào các chú phải chăm sóc cho được cây ấy.

Sau đó, Bác đi xem nơi ăn, chốn ở của đơn vị. Khen nhà bếp sạch, nhưng Người phê bình nhà ngủ chưa gọn:

- Dù là chủ nhật, dù là ngày tết "nội vụ" cũng phải gọn gàng.

(Theo tài liệu của Quân chủng Phòng không Không quân)

CHIẾC HUY HIỆU THỨ 16

Trong lúc đất nước còn bộn bề công việc, khó khăn chồng chất, nhưng Bác Hồ vẫn chỉ thị cho khai giảng khóa I Trường Võ bị Sơn Tây, lấy tên trường là Trần Quốc Tuấn vào ngày 26 tháng 5 năm 1946.

Trong buổi lễ khai mạc, Bác đã tặng trường lá cờ *"Trung với nước, Hiếu với dân"* và hẹn, mãn khóa Bác sẽ lại và có phần thưởng cho học viên.

Ngày 08 tháng 12 năm ấy, trường kết thúc khóa học, quá bận, Bác không lên dự ngày vui của nhà trường.

Sau khi nghe báo cáo về kết quả lớp học, biết được đồng chí Nguyễn Văn Hòa đỗ đầu, với số điểm trung 7,78 và người đỗ cuối cùng trong số gần ba trăm học viên là đồng chí Vương Quỳnh Anh có số điểm trên trung bình là 5,35, Người rất vui lòng.

Người gửi tặng đồng chí Hòa một thanh kiếm và mười lăm người đỗ cao mỗi người một huy hiệu Sao Vàng của kiều bào Pháp tặng Hồ Chủ tịch. Chiếc huy hiệu thứ 16, Người dặn: "Tặng đồng chí Anh".

(Theo tài liệu của Trường Lục quân I)

TẤM LÒNG CỦA BÁC

Trong những ngày ra thăm miền Bắc, đoàn anh hùng, dũng sĩ miền Nam được Bác chăm lo ân cần như cha đối với con. Bác bảo tôi (vì tôi được cử phụ trách theo dõi sức khỏe và đời sống của đoàn):

- Cô Bi phải chăm sóc các cô, các chú ấy thật tốt, đừng để các cô, các chú ấy ốm.

Một bữa, đồng chí Huỳnh Văn Đảnh bị sốt rét, Bác biết được, gọi tôi lên hỏi:

- Chú Đảnh bị sốt ra sao?

Tôi báo cáo về bệnh tình của đồng chí Đảnh với Bác, Bác nhắc:

- Cô phải cho các cô, các chú ấy ăn uống đầy đủ, chú ý làm các món ăn của địa phương để các cô, các chú ấy ăn được nhiều, sức khỏe mới tốt.

Một hôm khác, Bác chỉ vào Trần Dưỡng và hỏi tôi:

- Cô Bi, tại sao chú Dưỡng hơi gầy?

Bác nghe anh hùng Vai kể chuyện về quê hương miền núi nghèo khổ của mình. Bác cảm động nói:

- Thống nhất, Bác vô Nam, thế nào cũng về thăm quê hương cháu Vai.

Trong những tháng ngày sống bên Bác, tôi càng thấm thía hơn tình cảm của Bác đối với đồng bào miền Nam. Chị Tạ Thị Kiều nói với tôi:

- Càng được gần Bác, càng thấy Bác thương yêu dân miền Nam ta quá chị à.

Nói xong, hai chị em lại khóc vì sung sướng và cảm động trước tấm lòng của Bác Hồ.

(Theo lời kể của đồng chí Hồ Thị Bi)

KHÔNG CÓ VIỆC GÌ KHÓ

Năm 1927, với tên gọi Thầu Chín, Bác Hồ sống và hoạt động trong kiều bào Việt Nam ở Xiêm (Thái Lan) cho đến cuối năm 1929. Đây là một trong những khoảng thời gian Người sống lâu nhất với đồng bào, trước năm 1945.

Sau khi đặt chân đến Phi Chịt, Người nêu ý kiến đi ra U Đon để tìm gặp Việt kiều, Từ Phí Chịt đến U Đon phải đi đường rừng hàng tháng. Mỗi người đi đường đều gánh theo hai thùng sắt tây đựng quần áo, đồ dùng lặt vặt có nắp đậy để tránh mưa núi, vắt rừng. Thức ăn mang đi là mười ký gạo, ống "chẻo" (thịt gà hoặc sườn lợn băm nhỏ rang muối. Sau này, năm 1945 khi đi Côn Minh Bác cũng mang theo một ống chẻo nhưng đặt tên là "muối Việt Minh").

Thầu Chín cùng một số anh em ra đi vào dịp mùa thu. Cây rừng đang rụng lá. Trời nắng to, đường đi đá sỏi gập ghềnh, mọi người đều mệt mỏi. Thấy Thầu Chín không quen gánh, có người muốn giúp đỡ, nhưng Thầu Chín không chịu. Ít ngày sau, đôi bàn chân của Thầu Chín sưng lên rớm máu, tấy đỏ. Anh em lại yêu cầu Thầu Chín nhường gánh. Thầu Chín nói: "Thánh hiền đã dạy "Thiên hạ vô nan sự, nhân tâm

tự bất kiên", ý nói là dưới trời này không có việc gì dễ, chỉ sợ lòng người không kiên trì... Cứ cố gắng, để thế vài hôm nữa sẽ quen đi." Quả nhiên mấy ngày sau nữa, bước chân Thầu Chín đã nhanh, gọn, đôi thùng đang đưa có vẻ nhẹ nhàng. Mấy tháng sau, có lần từ U Đon đến Xa Vang đường dài hơn bảy mươi kilômét, Thầu Chín chỉ đi hết một ngày.

Hơn 20 năm sau, vào cuối đông 1950, trong một lần gặp gỡ với anh chị em thanh niên xung phong làm đường Đèo Khế, Thái Nguyên, Bác Hồ đã đọc tặng các cháu bốn câu:

"Không có việc gì khó

Chỉ sợ lòng không bền

Đào núi và lấp biển

Quyết chí ắt làm nên."

Bốn câu thơ ấy, tuy là mượn ý của "thánh hiền" nhưng đã được kiểm nghiệm trong thực tế cuộc sống của Bác Hồ mấy chục năm trước đó.

CÂU CHUYỆN VỀ MỘT CON ĐƯỜNG

Trong kháng chiến chống Mỹ, một lần sau khi đi thăm nơi ăn, chốn ở của một đơn vị thông tin, trước khi ra về, Bác bảo đồng chí chỉ huy tập trung bộ đội lại.

Bác nói:

- Muốn làm được tốt các nhiệm vụ, các chú phải đoàn kết nội bộ, đoàn kết chặt chẽ với nhân dân địa phương, thường xuyên thăm hỏi, động viên giúp đỡ nhân dân, làm cho nhân

dân tin yêu, giúp đỡ và bảo vệ quân đội. Chỉ có dựa vào nhân dân, đoàn kết với nhân dân mới bảo vệ được mình, che mắt địch và đánh thắng được chúng.

Chợt Bác chỉ tay ra phía đường cái hỏi:

- Thế các chú cấm con đường kia thì nhân dân ta đi lại bằng đường nào?

- Thưa Bác... đi vòng theo các bờ ruộng ngoài kia ạ.

Nghe đồng chí chỉ huy trả lời thế, Bác phê bình:

- Như vậy là không được. Các chú cấm đường để phòng kẻ gian, đảm bảo bí mật quân sự là đúng, nhưng phải đắp con đường khác cho nhân dân đi chứ. Có như vậy mới đúng là quân dân đoàn kết, Bác nói thế có đúng không?

Chúng tôi cùng trả lời:

- Thưa Bác, đúng ạ...

Vâng lời Bác, đơn vị đã tự phê bình trước nhân dân và cùng nhân dân đắp xong con đường mới sớm hơn thời gian dự định.

PHẢI ĐÁNH ĐƯỢC BÀI "KẾT ĐOÀN"

Có một cán bộ cấp cao rất yêu thích văn học nghệ thuật. Trong một số năm, đồng chí ấy đã tập đánh đàn dương cầm vừa để giải trí xen kẽ những giờ lao động trí óc mệt nhọc vừa thưởng thức những âm thanh huyền diệu của cây đàn.

Một lần, Bác đến thăm và yêu cầu đồng chí dạo bản nhạc tự chọn để Bác nghe. Ngồi vào bàn đồng chí phím và bài

"Chiến thắng Điện Biên" hùng tráng vang lên. Dứt bản nhạc, Bác hỏi:

- Chú có chơi các bài dân ca không?

Những phím đàn lại đưa Bác về vùng quan họ với bài *"Trống cơm"* rồi *"Trẩy hội đêm rằm"*.

Nghe xong, Bác tiến lại gần đồng chí cán bộ hỏi:

- Chú có biết đánh bài *"Kết đoàn"* không? Bài *"Kết đoàn"* ai cũng biết. Nếu chưa đánh được bài ấy thì chưa giỏi.

Đồng chí cán bộ đành thú thật với Bác là chưa đánh được bài*"Kết đoàn"*.

TỪ ĐÔI DÉP ĐẾN CHIẾC Ô TÔ

Đôi dép của Bác "ra đời" vào năm 1947 được "chế tạo" từ một chiếc lốp ô tô quân sự của thực dân Pháp bị bộ đội ta phục kích tại Việt Bắc.

Đôi dép đo cắt để không dày lắm, quai trước to bản, quai sau nhỏ rất vừa chân Bác.

- Đây là đôi hài vạn dặm trong truyện cổ tích ngày xưa... Đôi hài thần đấy, đi đến đâu mà chẳng được.

Chẳng những khi "hành quân" mà cả mùa đông, Bác đi thêm đôi tất cho ấm chân, tiếp khách trong nước, khách quốc tế vẫn thường thấy Bác đi đôi dép ấy.

Gặp suối hoặc trời mưa trơn, bùn nước vào dép khó đi, Bác tụt dép xách tay. Đi thăm bà con nông dân, sải chân trên các cánh đồng đang cấy, đang vụ gặt, Bác lại xắn quần cao lội ruộng, tay xách hoặc nách kẹp đôi dép...

Mười một năm rồi vẫn đôi dép ấy... Các đồng chí cảnh vệ cũng đã đôi ba lần "xin" Bác đổi dép nhưng Bác bảo "vẫn còn đi được".

Cho đến lần đi thăm Ấn Độ, khi Bác lên máy bay, ngồi buồng riêng thì anh em lập mẹo giấu dép đi, để sẵn một đôi giày mới.

Máy bay hạ cánh xuống Niu Đêli, Bác tìm dép. Anh em thưa:

- Có lẽ đã cất xuống khoang hàng của máy bay rồi. Thưa Bác....

Bác ôn tồn nói:

- Bác biết các chú cất dép của Bác đi chứ gì. Nước ta còn chưa được độc lập hoàn toàn. Nhân dân ta còn khó khăn. Bác đi dép cao su nhưng bên trong lại có đôi tất mới thế là đủ ấm mà vẫn lịch sự...

Thế là các ông "tham mưu con" phải trả lại dép để Bác đi vì dưới đất chủ nhà đang nóng lòng chờ đợi.

Trong suốt thời gian ở Ấn Độ, các chính khách, nhà báo, quay phim, chụp ảnh lại rất quan tâm đến đôi dép của Bác. Họ cúi xuống sờ nắn quai dép, thi nhau bấm từ nhiều góc độ, ghi ghi chép chép làm anh em cảnh vệ lại một phen xem chừng và bảo vệ "đôi hài thần kỳ" ấy.

Năm 1960, Bác đến thăm một đơn vị hải quân nhân dân Việt Nam. Vẫn đôi dép "thâm niên ấy", Bác đi thăm nơi ăn, chốn ở, trại chăn nuôi của đơn vị. Cán bộ và chiến sĩ rồng rắn kéo theo, ai cũng muốn chen chân, vượt lên để được gần Bác.

Bác vui cười nắm tay chiến sĩ này, vỗ vai chiến sĩ khác. Bỗng Bác đứng lại:

- Thôi, các cháu dẫm làm tụt quai dép của Bác rồi.

Nghe Bác nói, cả đám dừng lại cúi xuống yên lặng nhìn đôi dép rồi lại ồn ào lên:

- Thưa Bác, cháu, để cháu sửa - Thưa Bác, cháu, cháu có "rút dép" đây...

Nhao nhác, ầm ĩ như thế, nhưng đồng chí cảnh vệ chỉ đứng cười vì biết đôi dép của Bác đã phải đóng đinh rồi, có "rút" cũng vô ích.

Bác cười nói:

- Cũng phải để Bác đến chỗ gốc cây kia, có chỗ dựa mà đứng đã chứ!

Bác "lép xẹp" lết đôi dép đến chỗ gốc cây, một tay vịn vào cây, một chân co lên tháo dép ra, "thách thức":

- Đây! Cháu nào giỏi thì chữa hộ dép cho Bác.

Một anh nhanh tay giành lấy chiếc dép, giơ lên nhưng ngớ ra, lúng túng. Anh bên cạnh liếc thấy, "vượt vây" chạy biến...

Bác phải giục:

- Ở kìa, ngắm mãi thế, nhanh lên cho Bác còn đi chứ.

Anh chiến sĩ lúc nãy chạy đi đã trở lại với chiếc búa con cùng mấy cái đinh:

- Tôi, để tôi sửa dép...

Mọi người giãn ra. Phút chốc, chiếc dép đã được chữa xong.

Những chiến sĩ không được may mắn chữa dép phàn nàn:

- Tại dép của Bác cũ quá. Thưa Bác, Bác thay dép đi ạ...

Bác nhìn các chiến sĩ nói:

- Các cháu nói đúng, nhưng chỉ có đúng một phần. Đôi dép của Bác cũ nhưng nó chỉ mới tụt quai. Cháu đã chữa lại chắc chắn cho Bác thế này thì còn "thọ" lắm! Mua đôi khác chẳng đáng là bao, nhưng khi chưa cần thiết cũng chưa nên. Ta phải tiết kiệm vì đất nước ta còn nghèo....

- Đôi dép cá nhân đã vậy, còn đôi dép "ô tô" của Bác cũng thế. Chiếc "Pa-bê-đa" sản xuất tại Liên Xô mà Bác vẫn đi, đã cũ, văn phòng xin "đổi" xe khác, "đời mới" hơn, tốt hơn, nhưng Bác không chịu:

- Xe của Bác hỏng rồi à?

Anh em thưa rằng chưa hỏng, nhưng muốn thay xe để Bác đi nhanh hơn, êm hơn.

Bác nói:

- Ai thích nhanh, thích êm thì đổi....

Hôm sau đến giờ đi làm, không biết là xe hỏng thật hay "ai" xui mà Bác đứng đợi bên xe mà xe cứ "ì" ra. Bác cười bảo đồng chí lái xe:

- Máy móc có trục trặc, chú cứ bình tĩnh sửa. Sửa xong Bác cháu ta đi cũng kịp.

Vài phút sau, xe nổ máy.

Bác lại cười nói với đồng chí lái xe, cảnh vệ:

- Thế là xe vẫn còn tốt!

(Theo đồng chí Phan Văn Xoàn - Cục Cảnh vệ)

PHẢI QUAN TÂM ĐẾN MỌI NGƯỜI HƠN

Hồi trường Đảng Nguyễn Ái Quốc còn ở căn cứ kháng chiến Việt Bắc, một lần Bác Hồ đến dự lễ bế giảng của 8 trường. Xuống thăm nhà bếp, Bác thấy làm cỗ có vẻ linh đình, Bác nói với đồng chí phụ trách trường: "Này, bế mạc chứ không phải "bế bụng" đâu nhé! Kháng chiến còn khó khăn lắm đấy, các chú ạ".

Đến bữa ăn, thấy mâm cơm chỉ có một bát, một đôi đũa, Bác hỏi: "Thế Bác ăn với ai?". Đồng chí phụ trách gãi đầu gãi tai: "Dạ, xin để Bác ăn riêng cho tiện...". Bác ngắt lời: "Không tiện gì cả. Thế ra các chú muốn cho Bác ăn trên ngồi trốc[(1)] à?". Và Bác đòi phải bê các món ăn của cán bộ, nhân viên nhà trường lên cho Bác xem, rồi Bác bảo kê thêm bàn ghế cho mọi người cùng ăn với Bác. Bố trí xong xuôi cả rồi, Bác mới vui vẻ bảo mọi người: "Ngồi cả vào đây, ăn chung với Bác, ăn một mình thì Bác ăn sao được?" Khi Bác lên nói chuyện với các học viên, đồng chí phụ trách trường giới thiệu: "Bác Hồ sẽ huấn thị cho chúng ta". Bác cười mà bảo rằng: "Tôi nói chuyện với các đồng chí thôi, chứ có "huấn thị" gì đâu".

---

(1) Trốc tiếng địa phương Nghệ - Tĩnh và một số vùng có nghĩa là "đầu", "trốc..." tiếng Thanh Hóa là "đầu gối".

Buổi tối, Bác ở lại trường để làm việc. Các đồng chí mang đến cho Bác chiếc đèn tọa đăng rất sáng. Khoảng chín, mười giờ tối, Bác cầm đèn đó xuống văn phòng trường và bảo rằng: "Đèn này to, tốn dầu lắm! Bác còn làm việc khuya, một chiếc đèn con thôi cũng đủ. Các đồng chí đổi cho Bác chiếc đèn khác".

Sáng sớm hôm sau, trước khi Bác chia tay trường, đồng chí phụ trách hỏi Bác có điều gì căn dặn thêm về công việc của trường, Người nói: "Tôi chỉ mong các đồng chí đừng quan tâm đến tôi quá mà phải quan tâm đến mọi người hơn".

BÁC HỒ LÀM CÔNG TÁC DÂN VẬN Ở TÂN TRÀO (THÁNG 5 NĂM 1945)

Trong vai ông Ké, chiếc khăn mặt vắt vai, Bác xuất hiện ở rất nhiều nơi, có khi tham gia lao động với bà con dân bản, vừa làm vừa nói chuyện vui vẻ, thoải mái. Có lúc Bác còn vào cả các gia đình, thăm già hỏi trẻ, hướng dẫn cách giữ gìn vệ sinh, khuyến khích học chữ quốc ngữ, giải thích chương trình Việt Minh, nói chuyện tình hình trong nước và thế giới... Ai cũng quý mến ông Ké, nghe theo lời dạy bảo của ông. Lâu lâu không được gặp ông Ké, mọi người lại hỏi thăm, nhiều người già gặp tôi rỉ tai hỏi: "Ông Ké là người như thế nào?". Tôi chỉ cười, nhưng trong lòng thì lại nghĩ sao Bác thân tình đến thế. Học rộng, hiểu nhiều, đi khắp thế giới mà về với dân như về với người nhà. Còn bản thân mình, vốn dân sở tại nhà cảm thấy xa cách với dân. Nhân dân quý mến Bác tới mức

nhiều người bảo: "Tôi chưa hiểu cách mạng lắm đâu, 10 điểm chương trình Việt Minh cũng còn chưa hiểu hết nhưng tôi tin ông Ké".

Tuy nhiên, để đề phòng mọi bất trắc, Bác đi đâu, tôi đều phải cho người theo dõi bảo vệ. Các đồng chí Lý, Vương, Cắt... được giao trách nhiệm chính về việc này. Nhưng Bác dặn chúng tôi là muốn làm gì thì làm chứ không được biến Bác thành con người đặc biệt, xa cách với dân. Hồi ấy, Bác có nói một ý mà mãi sau này chúng tôi mới hiểu hết - chính sự gần gũi dân như thế là cách bảo vệ tốt nhất.

Có một lần tự nhiên Bác "biến mất". Chúng tôi lo sợ toát mồ hôi, tỏa người đi tìm kiếm. Vào sâu trong làng thì thấy Bác đang thoải mái ngồi vót nan tre với một ông cụ, hai người vừa làm vừa nói chuyện ra chiều tâm đắc lắm. Thấy chúng tôi, Bác nháy mắt ra hiệu cứ để Bác tự nhiên. Tôi về, nghe Bác kể chuyện lại, thì ra ông cụ ấy cho cháu tìm mời bằng được ông Ké đến nói chuyện vì cách đó mấy hôm, đi ăn giỗ bên ngoại, nghe tin là bọn địch đang có kế hoạch ám hại một lãnh tụ Việt Minh quan trọng vừa mới về Tân Trào và chúng treo giải thưởng to lắm. Bọn chúng đã cho một lực lượng lớn xâm nhập vào vùng này để chờ thời cơ ngoài đánh vào, trong đánh ra, tiêu diệt cơ quan đầu não cách mạng. Cụ già không biết kế hoạch đó đã bị chúng tôi bóp chết ngay từ trong trứng. Nhưng dù sao đó cũng là một thông tin quan trọng để mình hiểu rõ kẻ địch hơn, có phương án bảo vệ một cách toàn diện hơn.

(Theo đồng chí Đàm Quang Trung)

CHỮ "QUAN LIÊU" VIẾT NHƯ THẾ NÀO?

Năm 1952, trong một lần đến thăm lớp "chỉnh huấn" người chính trị cán bộ trung, cao cấp, anh em quây quần xung quanh Bác, nghe Bác kể chuyện, dặn dò. Cuối buổi, Bác cầm một cái que nói:

- Các chú học đã giỏi, bây giờ Bác đố chữ này xem các chú có biết không nhé!

Anh em hưởng ứng "Vâng ạ!", "Vâng ạ!". Người nào biết tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Trung Quốc thì "nhẩm" lại kiến thức của mình, người không biết tiếng nước ngoài thì băn khoăn có chữ gì khó mà lại không đọc được nhỉ?

Bác vẽ một vạch ngang trên mặt đất rồi hỏi:

- Chữ gì nào?

Tưởng chữ "phạn", chữ "cổ đại" nào chứ chữ này ai mà không biết. Cả lớp hò lên:

- Thưa Bác, chữ "nhất" ạ.

Bác khen:

- Giỏi đấy.

Rồi Bác lại gạch một gạch nữa dưới chữ nhất. Chưa kịp hỏi, anh em đã ồn lên:

- Chữ "nhị" ạ.

Bác động viên:

- Giỏi lắm.

Người lại gạch thêm một gạch nữa dưới hai gạch cũ.

- Chữ "tam" ạ...

Bác cười:

- Khá lắm.

Rồi Người vạch thêm một vạch nữa dưới chữ "tam".

- Chữ gì nào?

"Các vị" đớ người ra, nhìn vào vạch đầu tiên phải, vạch thứ hai dài hơn đã có hơi lệch một thứ ba dài hơn tí nữa cũng không được "song song" cho lắm, vạch thứ tư dài nhất, có vẻ đã "cong" lắm rồi… Tiếng Pháp thì không phải. Tiếng Hán chữ "tứ" viết khác cơ!

Bác giục:

- Thế nào? Các nhà "mác-xít"?

Bác lại cầm que vạch một vạch, rồi hai vạch dọc từ trên xuống dưới, ban đầu thì thẳng đứng, xuống đến vạch ngang thứ hai đã "queo", vạch ba thì "quẹo", vạch bốn như một con giun, loằng ngoằng như cái đuôi chuột nhắt.

Bác đứng dậy:

- Chịu hết à? Có thế mà không đoán ra. Các chú biết cả đấy...

Để que xuống đất, Bác nói:

- Chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng đúng đắn..., đến tỉnh đã hơi cong, đến huyện đã "tả hữu", đến xã đã sai lệch. Vì sao? Vì cán bộ không làm đúng, không nắm chắc chủ trương đường lối, không gần gũi dân, không chịu làm "đầy tớ

nhân dân" mà chỉ muốn làm "quan cách mạng". Cho nên chữ ấy là chữ "quan liêu". Cái các chú không học nhưng biết và vẫn làm. Còn cái các chú học, thì các chú lại ít làm.

Học viên cả lớp đứng im, không dám nhìn vào Bác.

NHỮNG "CHIẾN SĨ VIỆT NAM MỚI" CỦA BÁC HỒ

Cảm phục tinh thần yêu nước, sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của Việt Nam, nhiều người mang quốc tịch nước ngoài đã tình nguyện bỏ hàng ngũ địch sang chiến đấu bên cạnh các chiến sĩ Việt Nam.

Theo nguồn tư liệu của phương Tây, tính đến năm 1954 đã có 208 người Pháp, 338 người Bắc Phi (Marốc, Angiêri, Tuyndi), 78 người Trung Phi, 1.373 người Nga, Thụy Sỹ, Hy Lạp, Tiệp, Đức, Áo, Ba Lan, Tây Ban Nha, Nhật... đứng "dưới lá cờ của Chủ tịch Hồ Chí Minh".

Nhân dân ta thường quen gọi đây là "chiến sĩ Việt Nam mới của Bác Hồ" và phần lớn họ đã lấy họ Hồ Chí cho tên Việt Nam của mình. Những chiến sĩ Việt Nam mới này được phân công thực hiện nhiều công tác khác nhau: làm báo, địch vận, chiến đấu, xây cầu, đắp đường, tăng gia sản xuất, thợ cơ khí trong binh công xưởng, ở sân bay...

Một số người trong các chiến sĩ Việt Nam mới được gặp Bác Hồ, được Bác ân cần dạy bảo, quan tâm với một tình thương cao cả.

Trong số này có Kaxiút. Năm 1951, Kaxiút công tác tại Đài Tiếng nói Việt Nam ở Việt Bắc. Nghe và làm theo lời Bác, cơ quan phát động phong trào tăng gia sản xuất. Cuối đợt thi

đua Kaxiút được bầu là "chiến sĩ tăng gia giỏi". Biết tin này, Bác Hồ đã viết thư gửi Kaxiút, nội dung như sau:

"Đồng chí Kaxiút,

Tôi chúc chú thu được nhiều kết quả hơn nữa trong việc trồng rau. Gửi chú một cái bắt tay anh em.

Hồ Chí Minh"

Kể lại chuyện này Kaxiút nói:

- Đó là những phút quý giá nhất trong đời tôi.

Còn Ecvin Bocse, có tên Việt Nam là Chiến Sĩ, người thường được gặp Bác trên chiến khu, lúc rời Việt Nam được Bác tặng một đồng hồ Movađô. Anh nói:

- Đây là kỷ niệm quý báu nhất của nước Việt Nam, của Bác Hồ mà tôi hằng yêu mến.

TẤM LÒNG NGƯỜI CHA

Cuối năm 1946, thực dân Pháp tăng cường những hoạt động quân sự ở khắp đất nước ta. Nền độc lập của Việt Nam bị đe dọa nghiêm trọng. Hàng vạn thanh niên Việt Nam gia nhập Vệ quốc đoàn và họ sẵn sàng có mặt trong những trận chiến đấu chống Pháp. Nhiều người trong số họ đã anh dũng hy sinh vì nền độc lập của Tổ quốc Việt Nam. Với tấm lòng của một người cha, Bác Hồ đã ra thông báo: "Vì muốn thay mặt Tổ quốc, toàn thể đồng bào và Chính phủ cám ơn những chiến sĩ đã hy sinh tính mệnh cho nền tự do, độc lập và thống nhất của nước nhà, hoặc trong thời kỳ cách mạng hoặc trong thời kỳ kháng chiến.

Tôi gửi lời chào thân ái cho các gia đình liệt sĩ đó và tôi nhận các con liệt sĩ làm con nuôi của tôi".

Đầu năm 1947, biết tin con trai của bác sĩ Vũ Đình Tụng vừa hy sinh trong một trận chiến đấu, Bác Hồ viết thư gửi bác sĩ:

"Thưa ngài,

Tôi được báo cáo rằng: con giai của ngài đã oanh liệt hy sinh cho Tổ quốc.

Ngài biết rằng tôi không có gia đình, cũng không có con cái. Nước Việt Nam là đại gia đình của tôi. Tất cả thanh niên Việt Nam là con cháu tôi. Mất một thanh niên thì hình như tôi đứt một đoạn ruột".

Còn nữ phóng viên báo Pháp *Humanite Dimanche* - chị Madeleine Riffaud, lại được Bác nhận làm con gái trong hoàn cảnh khác. Chị kể lại: Lần đầu tiên chị được gặp Bác tại Hội nghị Fontainebleau, qua sự giới thiệu của André Viollis, tác giả cuốn sách "Đông Dương SOS", Lúc ấy, chị đang tập sự làm báo. Với kinh nghiệm của người thầy, tấm lòng của người cha, Bác nói: "Tốt lắm, con gái của Bác. Sau này khi ra trường con sẽ đến thăm đất nước của Bác".

Thế rồi tương lai của nữ nhà báo trẻ này đã có phần diễn ra đúng như lời dự đoán của Bác. Sau hội nghị Genève, Madeleine Riffaud đã sống nhiều tháng ở Việt Nam, đã được Bác tiếp nhiều lần. Những lần phỏng vấn, những cuộc gặp gỡ với Người đã để lại cho chị nhiều bài học, nhiều kỷ niệm sâu sắc. "Trong những buổi làm việc với Bác, không bao giờ Bác nhắc lại những nỗi khổ do thực dân Pháp gây ra cho nhân dân

Việt Nam trước đây - những khổ đau to lớn mà tôi đã khám phá ra trong từng bước đi trên mảnh đất mà tôi đang đặt chân đến. Tôi hết sức mang ơn Bác về điều này, tôi muốn nói với Bác, nhưng Bác ngăn tôi lại và kể cho tôi nghe quãng đời của Bác lúc ở Pháp..."

Những ngày đế quốc Mỹ thách thức đất nước Việt Nam, đe dọa đưa đất nước này trở về thời kỳ đồ đá thì trong vườn hoa quanh nhà Bác Hồ vẫn nở đầy hoa trái. Và cứ lần nào cũng vậy, sau khi chấm dứt cuộc phỏng vấn, Bác hái tặng "con gái của Bác" - nữ phóng viên báo Pháp - một bông hồng nhỏ, trước khi Người quay vào tiếp tục làm việc.

CHIẾC ĐỒNG HỒ CỦA BÁC HỒ

Cuối năm 1954, Bác Hồ đến thăm một đơn vị pháo binh đóng ở Bạch Mai đang luyện tập để chuẩn bị cho cuộc duyệt binh đón mừng chiến thắng Điện Biên Phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh về thủ đô Hà Nội.

Sau khi đi thăm nơi ăn, chốn ở của bộ đội, Bác đã dành một thời gian dài để nói chuyện với anh em. Bác lấy ở túi ra một chiếc đồng hồ quả quýt và bảo rằng đây là vật kỷ niệm của đồng chí lãnh tụ một Đảng Cộng sản tặng. Bác âu yếm nhìn mọi người rồi chỉ vào từng chiếc kim, từng chữ số và hỏi anh em về tác dụng của từng bộ phận. Mọi người trả lời đúng cả. Song, chưa ai hiểu tại sao Bác lại nói như vậy?

Bác vui vẻ nói tiếp:

Đã bao nhiêu năm nay, chiếc kim đồng hồ vẫn chạy để chỉ cho ta biết giờ giấc, chữ số trên mặt vẫn đứng một chỗ, bộ

máy vẫn hoạt động đều đặn bên trong. Tất cả đều nhịp nhàng làm việc theo sự phân công ấy - Ngừng một lát, Bác nói tiếp:

- Thế mà ngày nay, bỗng nhiên cái kim kêu lên: Tôi chạy mãi hết ngày này qua tháng khác, mỏi chân lắm rồi, phải cho tôi nghỉ. Chữ số thì đua nhau la lớn: Tôi đứng mãi một chỗ, chùn chân lắm, phải cho tôi chạy. Bộ máy bên trong thì than thở: Tôi ở mãi trong này, chẳng ai biết đến công việc âm thầm của tôi, phải cho tôi ra ngoài. Thế là kim thì đứng, chữ số thì chạy linh tinh theo sở thích, bộ máy bên trong thì nhảy ra ngoài. Các cô, các chú thử tưởng tượng xem, nếu như vậy có còn là chiếc đồng hồ nữa không? Có giúp ích gì cho chúng ta nữa không?

Mọi người đáp:

- Thưa Bác, không ạ!

Anh chị em đều hiểu ý Bác dạy: Việc gì cách mạng phân công phải yên tâm hoàn thành. Không được "đứng núi này trông núi nọ".

MƯỜI HẠT BƯỞI CỦA BÁC

Năm 1960, đồn biên phòng Mường Lạn (Sơn La) lập nhiều thành tích xuất sắc trong nhiệm vụ tiêu phỉ, trừ gian, giữ vững an ninh và chủ quyền biên giới. Biết tin đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư khen ngợi cán bộ và chiến sĩ đồn biên phòng Mường Lạn. Kèm theo thư là một gói quà trong đó có mười hạt bưởi. Bác căn dặn: "Các chú đóng quân ở vùng rừng sâu, núi cao, hãy trồng cây ăn quả và tăng gia sản xuất để cải thiện đời sống".

Cảm động trước món quà của Bác, các chiến sĩ đồn biên phòng Mường Lạn đã đem ươm các hạt bưởi quý báu đó trên một vạt đất bên bờ suối, ngày nào cũng thay nhau chăm sóc. Khi những hạt bưởi đã nhú mầm, các chiến sĩ lấy lá rừng che chắn cẩn thận, không để sương muối làm héo mầm non. Những hạt mầm lớn nhanh, một lá, hai lá, rồi ba, bốn lá. Ngày hai lần, các chiến sĩ tưới cây, cây non lớn lên và thích nghi dần với khí hậu vùng cao biên giới. Khi cây cao chừng bốn chục phân, các chiến sĩ mang trồng trước sân đồn biên phòng. Số còn lại các chiến sĩ đem tặng bà con ở các bản làng xung quanh.

Mùa quả đầu tiên, các chiến sĩ hái những trái bưởi chín vàng gửi về Hà Nội biếu Bác.

Đến nay "cây bưởi Bác Hồ" ở đồn biên phòng Mường Lạn đã sum suê bóng lá, mỗi năm cho một mùa trái chín ngọt thơm. Bà con các dân tộc ở vùng biên giới đã nhân giống những hạt bưởi "Vườn quả Bác Hồ" ra khắp vùng. Cũng từ đó mà dấy lên phong trào "Trồng cây gây rừng" của các dân tộc ở vùng rừng núi Tây Bắc.

GẶP BÁC TRONG KHU RỪNG GIÀ

Năm 1950, sau những chiến thắng liên tiếp, bộ đội khu Ba được cử một đoàn đại biểu lên Việt Bắc dự Đại hội chiến sĩ thi đua toàn quân. Trong đoàn có trai, có gái. Chị Tâm là thương binh, người gầy yếu nên mỗi lần qua suối, các anh giao liên bảo để các anh cõng, nhưng chị lại ngượng. Một anh nói:

- Đồng chí còn phong kiến lắm. Bác Hồ dạy chúng ta phải coi đồng chí như anh em ruột thịt mà...

Đoàn ngày đi đêm nghỉ, lúc mệt thì lại "hò lơ hò lờ" hoặc động viên nhau "cố lên, sắp được gặp Bác rồi".

Một buổi trưa, anh em phải leo lên cái dốc cao. Người thì túi, người thì ba lô, kẻ quang gánh ì ạch leo dốc. Bỗng phía đầu dốc có tiếng ồn ào, chân người chạy rầm rập, chen vai xô lấn ngược lên… Thì ra có một ông già, mặc quần áo nâu đội mũ lá cọ vành rộng, vai vắt khăn nhuộm màu xanh "phòng không", tay cầm cái quạt cắt từ lá cọ đang phe phẩy. Ông già đi đôi guốc mộc dưới chân mòn vẹt.

Bỗng ai đó hô lên:

- Bác Hồ! Đúng Bác Hồ rồi! - Thế là cả đoàn xô đến. Bác hỏi đoàn tỉnh này tỉnh kia rồi nhắc:

- Đoàn Thái Bình đâu?

- Thưa Bác, kia ạ...

Bác không chờ anh chị em đến mà tự đi tới. Nguyễn Thị Chiên vừa đặt đôi sọt xuống thì Bác đã đứng trước mặt, bắt tay từng người nói:

- Cháu Chiên đâu?

Không hiểu sao, chị Chiên bàng hoàng cả người, run lên rồi òa khóc, khóc rất to:

- Thưa Bác, cháu đây ạ. Cháu là Chiên đây ạ!

Thế rồi chị khuỵu xuống, ôm lấy chân Bác nức nở. Các anh trong đoàn nói với nhau:

- Đánh giặc thì gan lỳ, bị địch bắt, tra tấn cũng không khóc thế mà nay lại khóc như con nít...

Bác cúi xuống, nâng chị Chiên, mắt đỏ hoe, ôn tồn nói:

- Cháu nín đi, nín đi! Đừng khóc nữa! Đứng dậy, đứng dậy nào...

Bác khẽ vuốt mái tóc chị, hỏi:

- Bố mẹ cháu mất rồi, cháu sống với ai ở quê bây giờ?

Thế là chị Chiên lại nấc lên, khóc nữa. Một đồng chí khác phải trả lời thay chị.

Bác bảo:

- Thôi, lau nước mắt đi. Cháu đội nón vào. Nắng ở đây không như ở đồng bằng đâu. Và hình như để cho không khí đỡ "nặng nề", Bác đội mũ lên đầu, cười hỏi anh chị em:

- Thế nào? Bác đội mũ trông khác trong ảnh các cháu thấy chứ....

Bác bắt tay từng người rồi nói:

- Đi nắng về, không được xuống suối tắm vào cơ quan nghỉ ngơi, ăn cơm, ngủ cho đẫy giấc. Bác phải đi làm việc đây. Tạm biệt các cháu.

Tất cả anh chị em trong đoàn đứng nhìn theo Bác cho đến lúc Bác đi khuất không nhìn thấy nữa mới thôi. Đôi mắt chị Chiên vẫn chưa ráo nước...

(Theo lời kể của anh hùng Nguyễn Thị Chiên)

ỨNG BIẾN NHANH GIẶC NÀO CŨNG THẮNG

Nhân dịp đón các đồng chí ở miền Nam ra thăm Bác vào dịp tết Nguyên đán, Văn phòng Trung ương Đảng tổ chức bữa cơm thân mật.

Các đồng chí và gia đình được mời đến dự đông đủ. Riêng còn thiếu gia đình Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Ban Tổ chức có ý đợi một lát...

Bác bảo: "Đúng giờ ta đi ăn cơm, ai tới chậm để phần".

Đang lúc mọi người chuẩn bị nâng cốc thì Đại tướng Võ Nguyên Giáp và gia đình tới. Biết chậm, Đại tướng dù đang mặc quân phục vẫn vội bế hai cháu nhỏ khẩn trương bước vào phòng. Vợ đồng chí cùng cháu lớn theo sau vội vã…

Thấy Đại tướng, Bác xem giờ rồi nói:

- Chú Văn chậm năm phút. Đại tướng cũng chậm giờ à?

Đại tướng vội đặt hai cháu xuống rồi lại trước Bác đứng nghiêm nói:

- Thưa Bác, riêng quân chủ lực thì cơ động dễ dàng. Song còn "lực lượng dân quân du kích" đông đảo thế này thì cơ động khó quá ạ,…

Bác cười và khen:

- Giỏi! Chú ứng biến nhanh như vậy, nếu nắm vững lực lượng của mình thì giặc nào đánh cũng thắng.

Nói rồi Bác chỉ vào bàn ăn:

- Xung trận!

Mọi người cùng cười ồ cả lên và theo Bác vào "trận".

MỘT KỶ NIỆM VỀ BÁC

Trung tuần tháng 4 năm 1946, tôi được lệnh vào nhận nhiệm vụ mới ở miền Trung Trung bộ. Khác với những đoàn quân Nam tiến trước đó, mỗi chuyến đi có hàng trăm, hàng nghìn người, chuyến này chỉ có một mình tôi. Và không hiểu sao lại có cả quân nhạc tiễn đưa rất oai nghiêm, giống như sáu tháng trước đó tôi từ chiến khu về Hà Nội. Nhớ hôm đầu tiên gặp Bác ở 48 Hàng Ngang, Bác nói vui: "Chú về Hà Nội thì kèn trống đón mừng inh ỏi, đi đến đâu cũng nghe nói đến chi đội Quang Trung. Còn Bác thì đến lúc này vẫn chưa ai biết Bác là ai và ở đâu. Ở Việt Bắc, Bác là cụ Ké, còn về đây, Bác là cụ Già".

Buổi tối trước hôm lên đường, Bác gọi tôi lên phòng làm việc, hỏi thăm tình hình gia đình, hỏi tôi có gì khó khăn. Tôi thưa với Bác là tôi đã chuẩn bị sẵn sàng. Trong phòng chỉ có hai bác cháu. Và tự nhiên tôi bỗng cảm thấy bùi ngùi. Ngày mai, tôi phải xa Bác rồi. Gần một năm được sống bên cạnh Bác, được Bác chăm sóc thương yêu, ân cần dạy bảo, giống như một người cha đối với người con. Thời gian gần một năm được sống gần Bác, tôi như được qua một trường huấn luyện đặc biệt hiếm có. Tôi được Bác chú ý kèm cặp từ việc nhỏ đến việc lớn, từ cách phân tích tình hình đến tác phong cụ thể cần có của một cán bộ chỉ huy. Bây giờ, trước lúc tôi lên đường làm nhiệm vụ ở chiến trường xa xôi, Bác nói với tôi về nhân cách của một người làm tướng. Bác nói có nhiều loại tướng mãnh tưởng như Trương Phi, dũng tướng như Quan Vân Trường, hổ tướng như Triệu Tử Long... Các loại tướng như thế đều tốt, đều cần vì nhân dân ta sắp phải bước vào cuộc chiến đấu một

mất một còn với kẻ thù hung bạo. Nhưng theo Bác, chúng ta phải có nhiều nhân tướng, vì cuộc chiến đấu của chúng ta là cuộc chiến đấu vì con người. Và Bác giải thích: "Nhân tướng là người tướng hiểu con người, biết yêu quý con người, biết dùng người và được mọi người yêu quý. Chỉ có những người tướng như thế mới trăm trận trăm thắng được".

Lời dạy đó của Bác Hồ mãi mãi khắc ghi trong trái tim tôi suốt cuộc đời binh nghiệp.

(Theo Đàm Quang Trung)

BỮA CƠM KHÁNG CHIẾN

Khoảng giữa năm 1952, Đoàn đại biểu quân đội gồm 20 người tiêu biểu của các đơn vị chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích trong cả nước đến Tuyên Quang dự Đại hội liên hoan anh hùng chiến sĩ thi đua công nông binh toàn quốc.

Trước khi vào Đại hội, Bác mời cơm mọi người. Cụ Hoàng Hanh, Thiếu tướng Trần Đại Nghĩa, anh Ngô Gia Khảm, chị Nguyễn Thị Chiên và một em thiếu nhi được Bác gọi ngồi cùng mâm với Bác. Trên chiếc bàn bằng tre nứa sạch sẽ, thức ăn được bày lên, có thịt gà, cá rán, dưa chua, rau và cả một bát dưa nấu cá. Bác nói: "Đây là bữa cơm kháng chiến để chúc mừng các chiến sĩ thi đua đã lập nhiều thành tích trong sản xuất và chiến đấu. Trung ương Đảng và Chính phủ không có gì nhiều, chỉ toàn những thứ do anh em trong cơ quan và Bác trồng trọt, chăn nuôi thu hái được, mời cụ, các cô các chú ăn. Đã ăn là ăn thật no, ăn no để đủ sức tham gia hội nghị, nghe

hiểu hết mọi điều về nói lại với nhân dân. Nào, xin mời!" rồi Bác cầm đũa gắp thức ăn vào bát cho từng người.

Có đồng chí nói: "Chao ôi! Bác thết chúng cháu nhiều món quá". Bác quay sang vui vẻ nói: "Tất cả đây đều là kết quả tăng gia sản xuất của tập thể cơ quan: gà và cá là Bác tự nuôi. Rau thì các cô các chú xem kìa - Bác chỉ tay ra khoảng đất phía sau hội trường. Giữa tán cây cao, có một khoảng nắng rộng, nhìn rõ các luống rau xanh và giàn bầu tươi tốt. Bác tiếp: Rau thơm, hành tỏi cũng không phải mua. Hôm nay chưa giết lợn, để Hội nghị thành công, rồi sẽ khao chung một bữa."

Mọi người mải nghe Bác nói, không ai gắp thức ăn. Bác lại vồn vã giục: "Nào tất cả ăn đi, ăn xong ta sẽ nói chuyện với nhau".

Có Bác cùng ăn, mọi người ăn rất ngon lành, vui vẻ. Trong bữa ăn, nhìn anh Ngô Gia Khảm có thương tật ở tay, cầm thìa xúc ăn thật vất vả, Bác rơm rớm nước mắt và cứ gắp cho anh đều. Thấy chị Chiên thích ăn cá, Bác hỏi:

- Quê cháu có nuôi cá không?

- Thưa Bác, không nuôi ạ. Khi muốn ăn thì xách giỏ ra đồng, hoặc đánh bắt ở ao, hồ, sông.

- Ở đây Bác và anh em trong cơ quan chỉ ngăn lại một quãng suối, vậy mà cá to thế đấy.

Bác vui vẻ hỏi chuyện mọi người. Bữa ăn hôm ấy thật ngon miệng, thoải mái và ấm cúng.

(Theo Trung Kiên)

BỎ MỘT MÂM, LẤY MỘT ĐĨA

Đồng chí Vũ Uy kể cho chúng tôi nghe một câu chuyện mà đồng chí nhớ mãi.

Đó là vào dịp cuối năm 1950, sau Chiến dịch Biên giới. Tôi được cấp trên phân công lái xe đưa Bác đi công tác. Một tối, trên đường từ Ngân Sơn đi Cao Bằng, qua đèn chiếu tôi thấy một hòn đá giữa đường. Vốn là lái xe to, quen tay, tôi đưa xe vào giữa hòn đá, nghĩ bụng sẽ lọt thôi. Nào ngờ hòn đá tai ác bật lên chạm két nước. Nhảy xuống xe tôi phát hiện ra két bị thủng rồi. Nguy quá. Tôi cuống lên.

Bác đến bên, chiếu đèn pin cho tôi, rồi nói:

- Cứ bình tĩnh mà chữa. Chữa cho cẩn thận. Bác không hỏi vì sao xe hỏng, cũng không góp ý phê bình gì.

Vì trên xe có đồng chí thợ máy đi theo nên chẳng mấy chốc lỗ thủng két nước đã hàn xong. Chúng tôi lại đưa Bác lên đường đi tiếp, đến địa điểm an toàn.

Nghỉ ngơi xong, Bác hỏi tôi:

- Xe làm sao thế?

- Thưa Bác, cháu quen lái xe tải, nên thấy hòn đá đã nghĩ có thể vượt qua được, không ngờ nó lại kẹt vào thùng nên bị thủng...

Bấy giờ Bác mới nói:

- Đáng lẽ ra chú nên cho xe dừng. Ta lăn hòn đá xuống vực rồi tiếp tục đi. Có lâu cũng chỉ dăm ba phút không phải

dừng lại đến gần nửa tiếng mà lại giúp các xe đi sau khỏi gặp nạn. Chú đã "bỏ một mâm mà chỉ lấy một đĩa".

Tôi nhận lỗi và xin hứa với Bác rút kinh nghiệm, sửa chữa cách nghĩ, cách làm...

TẤM ẢNH CHỤP CHUNG

Trong kháng chiến chống Pháp, Chiến dịch Biên giới của quân đội ta triển khai năm 1950 đã thu được thắng lợi giòn giã, vang dội. Chuẩn bị cho chiến dịch này, Bác Hồ trực tiếp đi quan sát thực địa và quán triệt với cán bộ, chiến sĩ của đại đoàn quân tiên phong: "Chúng ta quyết thắng trận này. Để thắng trận này, các chiến sĩ ở mặt trận phải kiên quyết, dũng cảm trăm phần trăm…". Ngày tổng kết chiến dịch, Bác khen rất nhiều và dặn: "Không phải địch co lại để nằm yên mà co lại để rồi nhảy ra"…

Cho đến hôm kết thúc hội nghị tổng kết chiến dịch, Bác gặp mặt và chụp ảnh chung với tất cả những ai tên là Dũng có mặt tại hội nghị. Lúc đó có hai người tên Dũng là Nguyễn Thái Dũng - Trung đoàn trưởng Trung đoàn 88 và một Dũng là Tiểu đoàn trưởng "Dũng Mã".

Hai đồng chí Dũng được mời đến nơi ở của Bác tại một hang đá nhỏ. Bác ôm hôn, hỏi thăm quê quán gia đình từng người. Thái Dũng bị thương còn một tay, Bác ân cần hỏi:

- Tay chú như vậy thì leo núi, hành quân chiến đấu chắc là vất vả khó khăn lắm.

- Thưa Bác, cháu thường phải gắng sức, nhất là khi leo núi đá vất vả, hoặc khi định viết lách gì, và muốn viết nhanh

thì chưa thật quen. Đi lại đường xa thì cháu vẫn cưỡi ngựa như thường.

- Vậy là chú rất cố gắng. Người ta hay nghĩ những người bị thương tật là người tàn phế rồi. Chú có tàn nhưng không phế, trái lại chú đã hoàn thành nhiệm vụ, kém gì người lành lặn chân tay. Bác biết là chú bị thương từ năm 1948 gần Bằng Khẩu. Hai năm thử thách chứng tỏ chú rất cố gắng.

Ba bác cháu trò chuyện một lúc thì Đại tướng Võ Nguyên Giáp tới. Bác bảo chụp ảnh chung làm kỷ niệm. Lúc chụp ảnh, Bác còn nói: "Bác còn định gặp một vài chú nữa, nhưng các chú ấy đã về đơn vị rồi. Hôm nay chụp ảnh với hai chú thôi là các chú kia lại suy bì đấy".

Tấm ảnh đó là một kỷ niệm thiêng liêng nhất mà Thiếu tướng Nguyễn Thái Dũng còn giữ nguyên vẹn đến ngày nay.

BÁT CHÁO CHIA BA

Một chiều hè năm 1952, Bác đến thăm Trường Quân huấn chính trị Trung ương. Bấy giờ trường mới chuyển đến Bản Lời, gần Quán Vuông, Thái Nguyên.

Sau khi nói chuyện với học viên, Bác về "nhà khách", một túp lều tre nứa lợp lá gồi, nghỉ đêm để sáng mai đi sớm.

Bí thư Đảng ủy là đồng chí Võ Hồng Cương cùng đồng chí phụ trách bảo vệ trường đem chăn màn đến ngủ sát bên nhau, hẹn cùng dậy sớm lo bữa sáng để Bác dùng trước khi lên đường, không biết về đâu, xa hay gần.

Bàn bạc mãi mới quyết định thịt một con gà giò "tăng gia" để nấu cháo (gà to sợ Bác phê bình, gà bé quá lại không đành lòng).

Hai quan "hỏa đầu quân" tán chuyện mãi, ngủ quên lúc nào không biết. Chẳng có giờ chính xác, nên cứ mổ gà sớm, vo gạo, đặt lên bếp. Khoảng gần một giờ sau, nồi cháo đã chín. Đồng chí Cương còi than ủ nồi cháo cho nhừ. Chờ mãi, chờ mãi, trời vẫn chưa sáng. Hai anh không dám đi nằm, sợ ngủ quên bèn dựa lưng vào nhau gật gà, gật gù.

Bỗng đồng chí cảnh vệ của Bác lay lay. Bấy giờ "anh nuôi" mới choàng dậy. Nhìn vào nồi cháo thì ôi thôi nồi cháo đã cạn, chỉ còn độ một bát. Không biết tính toán sao đây thì đồng chí cảnh vệ mách đồng chí Cương:

- Anh cứ mang bát cháo này lên, mời Bác dùng và bảo chúng tôi đã ăn dưới này với các anh rồi.

Bí thư mừng quá:

- Thật là sáng kiến...

Anh bưng tô cháo, một bát con, một thìa nhỏ và một lọ muối tiêu lên nhà khách.

Bác hỏi:

- Còn hai chú kia đâu? Đồng chí Cương thưa với Bác mưu mẹo đã bàn...

Bác cười bảo:

- Chú xuống lấy thêm cho Bác hai cái bát, hai cái thìa, rồi bảo hai chú lên ăn với Bác. Có nhiều ăn nhiều, còn ít ăn ít, cùng nhau ăn cho ấm bụng.

Bí thư đỏ mặt, đành nói dối tiếp:

- Thưa Bác, hai đồng chí kia đang ăn.

Bác lại cười, lắc đầu nói:

- Cháo này là các chú ngủ quên, để cạn nên chỉ còn chừng này thôi. Chú gọi hộ Bác hai chú cảnh vệ đi.

Hai đồng chí cảnh vệ đành phải lên. Bác sẻ bát cháo đặc biệt chia ba phần đều nhau rồi nhận một bát ăn rất ngon lành.

Đứng dựa cột nhà khách, chủ nhà, cấp dưỡng, đồng chí Cương nhìn Bác nước mắt rưng rưng...

(Theo lời kể của đồng chí Võ Hồng Cương)

HỎA TỐC, THỦY TỐC

Đội liên lạc đặc biệt Trung ương cử một chiến sĩ liên lạc chạy công văn "hỏa tốc" đưa đến tận tay Bác.

Bác đọc xong công văn, mỉm cười rồi bảo đồng chí liên lạc:

- Cháu xuống trạm nghỉ, sáng mai Bác trả lời.

- Thưa Bác, đại đội trưởng dặn là cháu phải đi cùng với Bác về ngay ạ.

- Được, cháu cứ đi nghỉ.

Sáng mai, cơm nước xong, Bác cho gọi đồng chí liên lạc:

- Cháu mang thư này về cho đại đội, Bác cảm ơn đại đội đã mời Bác ăn liên hoan "mộc tồn". Cháu cứ đi bình thường, không phải "hỏa tốc" đâu.

Về đến đơn vị, đại đội trưởng thấy trên bì thư Bác ghi chữ "Thủy tốc".

Anh em nhìn nhau, biết là Bác dặn những công văn mời liên hoan không nên chạy "hỏa tốc".

BÁC HỒ DẶN CHÚNG TA

Năm 1943, đồng chí Đình Chương quê Cao Bằng được dịp sống bên Bác. Một hôm, Bác đọc cho đồng chí Chương một bài thơ bằng chữ Hán. Đồng chí Chương tự dịch ra, lược ý như sau:

"Làm cách mạng trước hết phải cách mạng tấm lòng

Cải tạo xã hội, trước hết phải cải tạo bản thân mình

Kiểm tra đầy đủ lòng mình, bản thân mình

Tự phê bình cho thành nền nếp.

Trước hết sửa mình tu dưỡng bản thân,

Sau mới có thể khuyên bảo cấp dưới,

Sau mới có thể làm cho quần chúng noi theo".

Nhiều chiến sĩ cách mạng đã chép tay bài thơ đó làm bài học hàng ngày cho chính bản thân mình. Nửa thế kỷ qua những lời dạy ấy của Bác còn nguyên giá trị cho mọi cán bộ, chiến sĩ chúng ta.

DÙ TÁ HAY TƯỚNG ĐỀU PHẢI LO PHỤC VỤ NHÂN DÂN

Vào khoảng tháng 7 năm 1944, một máy bay Mỹ bị quân Nhật bắn rơi ở Hòa An, Cao Bằng. Phi công Mỹ nhảy dù rơi xuống cánh rừng đã bị du kích địa phương bắt.

Lúc này, Mỹ ở trong phe Đồng minh chống phát xít. Phi công Mỹ được đưa đến chỗ chúng tôi. Bác gọi tôi đến chỉ thị:

- Tuy ta còn thiếu thốn, nhưng các chú cố gắng cho anh ta ăn uống tương đối, cư xử tử tế, nhân đạo để họ hiểu ta.

Vâng lệnh Bác, chúng tôi đã làm như vậy. Phi công Mỹ được ăn với khẩu phần còn hơn cả chúng tôi.

Sau đó mấy ngày, Bác bảo đưa anh ta đến gặp Bác. Bác hỏi chuyện bằng tiếng Anh. Người phi công vô cùng ngạc nhiên, trố mắt nhìn Bác đầy vẻ kính phục, không sao hiểu nổi ở chốn rừng núi này lại gặp một ông già gầy guộc, mặc áo chàm với đôi mắt rực sáng nói tiếng Anh rất thành thạo, am hiểu phong tục nước Mỹ.

Người phi công tên Sao (Shaw) tha thiết xin được thả về Bộ Chỉ huy Mỹ đang đóng trên đất Trung Quốc, dù có phải tốn phí bao nhiêu khi về nước cũng xin Chính phủ Mỹ và gia đình lo liệu.

Bác mỉm cười và giải thích thêm:

- Các anh trong quân đội Đồng minh, cùng chung một mục đích chiến đấu chống chủ nghĩa phát xít, bảo vệ hòa bình thế giới. Chúng tôi cư xử với anh như thế này là thể hiện

những cam kết thiện chí chứ không phải dùng anh vào mục đích kiếm lợi.

Sao đã hiểu và càng kính phục, tin tưởng Bác. Sau đó, chính anh ta đã được Bác cho theo sang Côn Minh, trao lại cho Bộ Tư lệnh Mỹ.

… Bác ở Trung Quốc về được một thời gian, Bộ Tư lệnh quân đội Mỹ điện cho Bác, xin được cử người sang để hợp tác bằng cách họ sẽ cho người nhảy dù xuống căn cứ Tân Trào.

Tôi lại được Bác giao nhiệm vụ đón năm người Mỹ này. Chúng tôi đốt lửa lấy khói làm ám hiệu cho máy bay biết mục tiêu. Khi họ nhảy dù xuống, chúng tôi tập hợp bộ đội hoan hô họ. Họ rất cảm động trước việc làm đó của ta.

Sau khi tiếp nhận năm nhân viên tình báo quân sự Mỹ, họ đều được Bác giao nhiệm vụ. Bác chỉ thị thành lập đại đội Việt - Mỹ và tôi làm đại đội trưởng.

Một người Mỹ mang hàm thiếu tá tên là Tô-mát làm tham mưu trưởng đại đội. Lúc đó, tôi đã rất tự hào. Tôi thưa với Bác nếu thiếu tá làm tham mưu trưởng, thì đại đội trưởng gọi là cấp gì, nào ngờ nét mặt Bác nghiêm lại. Bác bảo:

- Chú phải lo hoàn thành nhiệm vụ cho tốt, dù tá hay tướng, đã là một chiến sĩ cách mạng cũng đều phải lo phục vụ nhân dân cho tốt.

Từ bấy đến nay tôi luôn luôn nhớ lời dạy ấy.

(Theo lời kể của Thượng tướng Đàm Quang Trung)

"TẤT CẢ NHỮNG VIỆC CON LÀM ĐỀU DO CỤ HỒ DẠY"

Không khí trước ngày Tổng khởi nghĩa năm 1945 đã làm sôi sục tâm huyết bao nhiêu học sinh sinh viên cố đô Huế với những bài hát lịch sử "xếp bút nghiên lên đường tranh đấu, xếp bút nghiên coi thường công danh như phù vân, sơn hà xao xuyến, tiến ta tiến..."

Đội Thanh niên tiền tuyến 47 sau ngày giành được chính quyền ở Huế đã trở thành một đơn vị bán vũ trang rồi vũ trang (Trung đoàn Trần Cao Vân) làm nòng cốt cho nhiều chi đội Vệ quốc đoàn khác ra đời.

Giặc Pháp trở lại Huế chiếm khách sạn Moranh, cầu Tràng Tiền đã sập, bộ đội trung đoàn Thừa Thiên Huế rời khỏi thành nội, đi về nông thôn, lập chiến khu Hòa Mỹ (sau đổi là Dương Hòa, trường kỳ kháng chiến).

Trong hàng ngũ của các em liên lạc thành Huế mà Tố Hữu đã ngợi ca qua bài thơ *"Lượm"*, có một chú bé tên là Phan Thắng nhỏ xíu, nhưng có vốn học vấn và được sự giáo dục gia phong tốt, một tấm lòng yêu nước nồng nàn. Năm 1949, Thắng được cử đi học Trường Lục quân Quốc Tuấn, khóa 5, tại Hà Cháy, Thanh Chương, Nghệ An, một khóa lục quân "học chết thôi, vui nổ trời". Đẵn gỗ trên rừng, xuôi bè trên sông dưới những cơn mưa hè tầm tã, đầu cạo trọc, với những bát cơm gạo đỏ, khô cháy mặt trên "ăn không bao giờ thấy lửng bụng, ngủ không bao giờ lưng giấc" thật quá sức đối với một con người xuất thân từ gia đình có ăn có học như Phan Thắng.

Trải 8 năm chống Pháp, rồi chống Mỹ, đi hết chiến trường này đến chiến trường khác, Phan Thắng vẫn nhận được đầy đủ lòng tin yêu của bạn bè, đồng đội, cấp trên.

Anh chính là một trong những người đi "phá lối, mở đường" cho con đường vận tải biển mang tên Hồ Chí Minh. Trước ngày 30 tháng 4 năm 1975, và sau đó ít lâu, khi từ giã quân ngũ để trở về Huế, anh là một chính ủy trong quân đội nhân dân Việt Nam, giữ trọng trách công tác chính trị của một đơn vị anh hùng.

Gia đình anh, bên cạnh những chiều "thuận" có những chiều "không thuận". Dượng ruột anh là Hà Văn Lan, Phó Tổng trấn Trung kỳ thời ngụy quyền Pháp (1946 - 1954). Anh trở về quê, đến nhà dượng trong khu Vĩ Dạ - vườn nhà của các quan thượng thư triều đình nhà Nguyễn - nơi anh sống hồi nhỏ, trong một gia đình "hoàng phái".

Đứng trước bàn thờ dượng, anh đốt ba nén nhang, vẩy cho tắt, cắm vào bát nhang và làm đủ lễ nghĩa, nghi thức của gia đình hoàng tộc trước người đã khuất.

Bà cô anh rơm rớm nước mắt hỏi:

- Con là con cháu nhà vua, ông già, ông cố đều là hoàng thân, phó vương, con đi theo Việt cộng, "răng" còn biết thắp hương cúng dượng...

Anh Phan Thắng tên thật là Vĩnh Mẫn thưa:

- Dạ thưa o, con cũng như rất nhiều anh em trong hoàng tộc mình của thế hệ Cách mạng Tháng Tám đã đi theo Cụ Hồ. Tất cả những việc con làm đều theo lời dạy của Cụ... Không

chỉ có con, nước mình còn bao nhiêu người dù họ là ai cũng đi theo Cụ...

"ĐỂ BÁC GIỚI THIỆU CHO"

Ngày 20 tháng 10 năm 1964, Bác Hồ cùng Tổng thống nước Cộng hòa Mali, Môđibô Cây ta và phu nhân đến thăm Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

Bác nói với đồng chí thuyết minh: "Chú dẫn khách đi xem từ cổ chí kim, còn Bác, Bác xem ngược dòng lịch sử".

Khi lên gác, Bác dừng lại ở ngoài phòng số 6, nghe đồng chí Phúc kể sự kiện năm 1941, Bác Hồ về nước. Bác thong thả bước vào nói với đồng chí Phúc:

- Sao chú nói về Bác nhiều thế. Sao không nói nhiều về Đảng ta vĩ đại, nhân dân ta anh hùng?

Xuống đến phòng "Chiến thắng Điện Biên Phủ, nghe đồng chí Phúc giới thiệu về vị trí địa lý của Điện Biên, "đông giáp, tây giáp...", Bác nhắc:

- Khách không có nhiều thời gian đâu…

Rồi Bác hỏi:

- Chú có mặt ở Điện Biên Phủ không?

Một đồng chí khác thưa:

- Thưa Bác, đồng chí Phúc nguyên là tiểu đoàn trưởng pháo binh Điện Biên đấy ạ.

- Thế là rất quý... Ngoài chú, còn ai nữa? Thôi để Bác giới thiệu cho.

Bác nói đúng bảy phút. Bác dứt lời, ông bà Tổng thống và các vị khách cùng đi vỗ tay nồng nhiệt cảm động cảm ơn Hồ Chủ tịch.

QUÀ BÁC TẶNG MIỀN NAM

Năm 1962, đồng chí Nguyễn Văn Hiếu dẫn đầu đoàn đại biểu Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra thăm miền Bắc.

Bác Hồ đã tổ chức đón tiếp đoàn ngay hôm đoàn đến Hà Nội, tại vườn hoa sau Phủ Chủ tịch, Bác liền rảo bước ra đón. Mọi người xuống xe, quây tròn chung quanh Bác, nhưng không có một tiếng, một lời nào. Các đồng chí trong đoàn quá xúc động không kìm giữ được đã bật khóc thành tiếng.

Qua phút gặp gỡ ban đầu, Bác hỏi thăm tình hình sức khỏe mọi người. Bác hỏi cặn kẽ về tình hình miền Nam. Bác đặc biệt quan tâm, hỏi tỉ mỉ về đời sống, tinh thần chiến đấu của đồng bào và lực lượng vũ trang giải phóng. Đồng chí Nguyễn Văn Hiếu thay mặt đoàn báo cáo Bác đầy đủ. Đồng chí cũng đã thưa lên Bác ước mơ, nguyện vọng của đồng bào, chiến sĩ miền Nam đang mong chờ ngày thắng lợi, nước nhà thống nhất để đón Bác vào thăm. Cuối cùng đồng chí Hiếu thay mặt đồng bào và chiến sĩ miền Nam dâng lên Bác gói quà với giọng nghẹn ngào:

- Thưa Bác, đây là tấm lòng của đồng bào chiến sĩ miền Nam tặng Bác...

Bác cảm động ôm hôn đồng chí Hiếu.

Quà của miền Nam tặng Bác là một bình cắm hoa bằng vỏ đạn pháo cỡ lớn của quân Giải phóng và một cái gạt tàn thuốc lá bằng xác máy bay giặc Mỹ bị ta bắn rơi.

Nhìn gói quà tặng, đồng chí Xuân Thủy quay về phía Bác nói:

- Có, Bác có quà tặng đồng bào chiến sĩ miền Nam đây!

Nói xong, Bác dùng ngón tay trỏ chỉ vào trái tim của mình.

Đồng chí Hiếu quá cảm động, ôm chầm lấy Bác, giọng nói đứt quãng trong tiếng nấc:

- Thưa Bác... thưa Bác... thưa Bác.

(Theo Hà Sĩ Biên)

"BÁC NHỚ CÁC CHÁU"

Vào một ngày tháng 12 năm 1968, các dũng sĩ thiếu niên miền Nam đang học ở Quân khu Tả Ngạn được đón về Hà Nội. Hôm sau, các cháu được vào Phủ Chủ tịch.

Vừa bước chân xuống xe, đã thấy Bác Hồ và Bác Tôn ngồi ở một cái ghế dài kê trước cửa nhà. Tất cả chạy ào tới.

Bác cháu trò chuyện vui vẻ. Sau đó Bác bảo:

- Thôi các cháu vào ăn cơm với hai bác!

Bữa cơm chẳng có thịt cá gì nhiều nhưng rất ấm cúng. Các dũng sĩ thiếu niên được ngồi ăn cùng Bác Hồ và Bác Tôn. Có một em người nhỏ quá, cái đầu chỉ lấp ló cạnh bàn, được Bác gắp thức ăn cho luôn.

Ăn xong, hai bác cho mỗi cháu một bông hồng, một quả táo, một quả lê và ba quyển sách *"Người tốt việc tốt"*. Bác Hồ gọi:

- Các cháu lại cả đây hôn hai bác rồi ra về.

Các dũng sĩ hôn hai bác xong, Bác Hồ lại dặn:

- Các cháu về trường cố gắng học tập cho giỏi.

Tất cả đều cảm động. Nhưng, trong đoàn bỗng có một người lên tiếng hỏi:

- Thưa Bác, chúng cháu cứ tưởng hai bác gọi chúng cháu về có việc gì ạ?

Bác Hồ cười hiền từ và bảo:

- Hai bác nhớ các cháu thì gọi về để gặp và hỏi chuyện cho vui...

Hai bác tuổi đã cao, bận trăm công nghìn việc nhưng vẫn nhớ đến các cháu miền Nam. Mọi người cảm động muốn trào nước mắt.

(Theo Như Thu)

NHỚ LỜI BÁC DẠY

Một ngày đầu mùa thu năm 1959, Bác Hồ đến thăm một đơn vị hải quân. Tôi có vinh dự được góp phần điều khiển con tàu đưa Bác đi thăm một số đảo ở vùng Đông Bắc.

Đúng tám giờ sáng Bác đến. Bác từ trong xe bước ra, đội mũ cứng, mặc bộ quần áo ka-ki bạc màu, chân đi dép cao su. Bác lướt nhìn chúng tôi trìu mến, dịu dàng như một người cha. Đôi mắt sáng hiền từ, da dẻ hồng hào, chòm râu trắng như cước của Bác rung rinh trước gió.

Tôi nhớ mãi câu hỏi đầu tiên của Bác:

- Các chú có khỏe không? Đã chuẩn bị đi biển chưa?

- Dạ thưa Bác, chúng cháu khỏe, mời Bác xuống tàu đi ngay ạ. - Tôi thưa với Bác như vậy.

Bác mỉm cười với chúng tôi, cười rất vui. Chúng tôi đón Bác xuống tàu. Bác đi một lượt từ nhà bếp, khoang ngủ của chiến sĩ đến đài chỉ huy, khoang máy. Bác khen bộ đội hải quân ăn ở ngăn nắp, gọn gàng, giữ gìn tàu sạch sẽ. Đến buồng lái, Bác hỏi:

- Phòng này là phòng gì?

- Thưa Bác, đây là buồng hàng hải ạ!

- Hàng hải là gì?

- Thưa Bác, là buồng lái ạ. - Tôi ngập ngừng đáp lại: Bác nhìn tôi âu yếm.

- Sao không gọi là buồng lái cho dễ hiểu. Tôi còn đang bối rối chưa trả lời được, Bác hỏi tiếp:

- Chú giới thiệu với Bác xem trên tàu có những bộ phận gì?

- Dạ thưa Bác, trên tàu có năm ngành chính: hàng hải, súng pháo, thông tin, cơ điện và thủy vũ ạ.

Bác nhìn tôi cười và hỏi bằng giọng rất vui:

- Thủy vũ có phải là nơi để cho bộ đội nhảy múa ở dưới nước không?

- Thưa Bác, thủy vũ bao gồm những dụng cụ và vũ khí dưới nước như: thủy lôi, bom chìm và dụng cụ cắt lôi ạ.

Tôi vừa nói dứt lời, Bác nhìn chúng tôi ân cần căn dặn:

- Các chú xây dựng hải quân thì phải học tập các nước anh em là đúng. Nhưng không phải học thế nào thì làm y nguyên như thế, mà phải biết vận dụng vào điều kiện nước ta sao cho thích hợp, kể cả việc dùng chữ. Chữ của ta giàu lắm, chứ ta không thiếu chữ đâu.

Chúng tôi đứng lặng nghe Bác nói. Vâng theo lời Bác, chúng tôi đã sửa lại một số danh từ kỹ thuật nước ngoài cho phù hợp với tiếng nói của ta. Trong công tác giảng dạy, chúng tôi đã cố gắng nghiên cứu và biên soạn những tài liệu kỹ thuật, chiến thuật mang màu sắc riêng của Hải quân Việt Nam.

Bây giờ nghĩ lại, chúng tôi càng thấy thấm thía những lời dạy của Bác năm đó.

(Theo Trần Minh Trưởng)

CÂU HÁT VÍ DẶM

Chiều 18 tháng 5 năm 1969, các diễn viên đoàn văn công Quân khu 4 vào Phủ Chủ tịch biểu diễn mừng thọ Bác 79 tuổi.

Sau một số tiết mục, đến lượt chị Mai Tư hát dặm đò đưa: *"Nước sông Lam biết khi mô cho cạn cũng như tinh thần cách mạng của dân ta..."*. Bác hỏi mấy đồng chí ngồi xung quanh:

- Có hay không các chú?

- Thưa Bác, hay ạ!

Bác hỏi chị Mai Tư:

- Trong ta chừ có dệt vải nữa không?

- Dạ thưa Bác, có ạ!

- Rứa, cháu có biết hát phường vải không?

- Dạ thưa Bác, có ạ!

Bác bảo Mai Tư hát một câu mà các cụ ngày xưa hay hát. Mai Tư thưa với Bác:

- Dạ, chúng cháu hát điệu phường vải nhưng không biết lời cũ ạ!

Bác bảo:

- Thì cháu lấy câu ni để hát nhé: *"Khuyên ai chớ lấy học trò"*. Cháu tiếp đi.

- Dạ, thưa Bác, có phải *"Dài lưng tốn vải ăn no lại nằm"* không ạ!

- Giờ cháu tiếp câu nữa đi.

Mai Tư lúng túng không biết, Bác nhắc:

"Lưng dài có võng đòn cong

Áo dài đã có lụa hồng Vua ban."

Mai Tư hát câu Bác vừa nhắc theo điệu hát ví Nghệ An.

Đến lượt Minh Huệ, chị đứng dậy thưa:

- Thưa Bác, bây giờ cháu xin hát điệu ru em dân ca miền Trung theo lời cũ ạ! - Rồi chị cất giọng: *"A ơ ơ... Ru em em ngủ cho muồi."*

Bác sửa lại: *"Ru tam tam théc cho muồi."*

Minh Huệ tiếp: *"Để mẹ đi chợ mua vôi ăn trầu".*

Bác sửa lại*: "Để mạ chứ không phải mẹ".*

Minh Huệ hát tiếp:

"Mua nồi chợ Quán, chợ Cầu

Mua cau chợ Sải, mua trầu chợ Dinh."

Bác cười và nói: *"Mua cau Cam Phổ chứ không phải chợ Sải."*

Thế mới biết Bác Hồ đã từng đi năm châu bốn biển mấy chục năm trời mà vẫn không quên từng tên làng, ngõ xóm, từng câu hát ví dặm của quê nhà.

"ĐÓN VUA HAY ĐÓN BÁC"

Hồi còn bé, tôi được thấy một lần nhân dân huyện Thiệu Hóa tổ chức đón Bảo Đại đến khánh thành trường tiểu học của huyện.

Không biết thợ ở đâu về, họ dựng cổng chào bằng gỗ, bằng mây, bằng cành dừa, đan cài hoa lá, viết chữ, treo cờ, giăng đèn rất công phu... Các quan sở tại từ các xã xa về, mũ áo thụng xanh, giày hia xúng xính chắp tay đợi. Lính tráng súng ống canh gác nghiêm ngặt. Trông đến lạ mắt...

Lớn lên theo cách mạng, tôi được chứng kiến một số lần các cơ quan, đơn vị, đoàn thể, hội nghị đón Bác.

Lần Bác đến dự lễ kỷ niệm thành lập Quân đội ở nhà khách quốc tế trên đường Phạm Ngũ Lão, Bác từ một chiếc xe không được đẹp lắm bước xuống, anh em chúng tôi quên cả kỷ luật chạy ra vây lấy Bác. Mấy đồng chí bảo vệ xô bật chúng tôi ra, Bác chỉ nói nhẹ nhàng:

- Các cháu để Bác đi. Các chú đừng làm thế.

Lần Bác vào Vinh, sáng sớm, hoa trong vườn tươi là thế mà mới chín, mười giờ đã rũ xuống làm cho các vị chủ nhà héo hắt cả ruột gan.

Bác ra vườn, cầm cây hoa nhổ lên. Thì ra không phải là cây hoa trồng mà mới cắm... Bác cũng nhẹ nhàng nói:

- Không nên làm thế...

Năm 1953, Trung ương Hội Phụ nữ mời Bác đến thăm. Chị em hô hào quét nhà trong, vườn ngoài, đầu cổng sạch sẽ. Các chị cùng một khẩu hiệu cắt dán chữ "Hồ Chí Minh muôn năm" nhưng không dán các dấu. Lại làm một cổng chào kết lá, cài hoa rừng... Ai cũng bảo nhau mặc quần áo thật đẹp rồi xếp hai hàng, từ cổng vào nhà như kiểu "hàng rào danh dự", hồi hộp, chờ đợi...

Sương sớm Việt Bắc đã tan, trời đẹp. Chờ mãi không thấy khách đến. Chủ tịch Hội sốt ruột hết đi ra, lại đi vào. Bỗng có tiếng báo:

- Chị Xuyến ơi! Bác ở trong này rồi!...

Thế là hàng rào danh dự tan! Ùa vào trong nhà đã thấy Bác đang thăm vườn rau, giếng nước. Bác bước ra cổng nói:

- Chào các cô, các cháu. Vào nhà thấy vắng, Bác đoán ngay là tất cả ở ngoài này.

Nhìn lên khẩu hiệu, Bác cười:

- Tiếng Việt ta có dấu, phát âm rất hay, phân biệt rõ ràng. Dán chữ thế này đọc thế nào cũng được, sai ý của mình đi.

Vào đến hội trường Bác hỏi:

- Các cô đón ai thế?

Mọi người ngớ ra, không rõ ý Bác là thế nào.

- Thưa Bác, đón Bác đấy ạ!

Bác ôn tồn nói:

- À ra thế. Các cô đón Bác, chứ có phải đón ông vua ông quan nào đâu mà sửa soạn trang trí cầu kỳ như thế!...

Nghĩ thương các chị mất vui, Bác "rẽ" sang chuyện khác, khen:

- Sạch sẽ, gọn gàng thường xuyên hay chỉ được hôm nay thôi đấy!...

Bấy giờ các chị em mới dám "bắt chuyện":

- Dạ thưa Bác, thường xuyên ạ.

"CHỦ TỊCH NƯỚC CŨNG KHÔNG CÓ ĐẶC QUYỀN"

Đầu năm 1946, cả nước tiến hành cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên. Gần đến ngày bầu cử, tại Hà Nội - là nơi Bác Hồ ra ứng cử, có 118 vị Chủ tịch Ủy ban nhân dân và đại

biểu các giới hàng xã, đã công bố một bản đề nghị: "Yêu cầu cụ Hồ Chí Minh không phải ứng cử trong cuộc tổng tuyển cử sắp tới. Chúng tôi suy tôn và ủng hộ vĩnh viễn cụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa".

Từ nhiều nơi trong cả nước, đồng bào viết thư đề nghị Bác không cần ra ứng cử ở một tỉnh nào, nhân dân cả nước đồng thanh nhất trí ứng cử Bác vào Quốc hội.

Trước tình cảm tin yêu đó của nhân dân, Bác viết một bức thư ngắn cảm tạ đồng bào và đề nghị đồng bào để Bác thực hiện quyền công dân của mình: "Tôi là một công dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nên tôi không thể vượt khỏi thể lệ của tổng tuyển cử đã định. Tôi ra ứng cử ở Hà Nội nên cũng không thể ra ứng cử ở nơi nào nữa. Xin cảm tạ đồng bào đã có lòng yêu tôi và yêu cầu toàn thể đồng bào hãy làm tròn nhiệm vụ người công dân trong cuộc tổng tuyển cử sắp tới".

Sau ngày hòa bình lập lại, có lần Bác đi thăm một ngôi chùa cổ, vị sư chủ trì ra đón và khẩn khoản xin Bác đừng cởi dép khi vào trong chùa. Bác không đồng ý và lặng lẽ làm đúng những quy định như khách thập phương đến lễ chùa. Trên đường từ chùa về, khi vào đến thành phố, xe Bác vừa đến ngã tư thì vừa lúc đèn đỏ bật. Sợ phố đông, xe dừng lâu, đồng chí bảo vệ định chạy lại đề nghị đồng chí công an giao thông bật đèn xanh để Bác đi. Bác hiểu ý ngăn lại:

- Các chú không được làm như thế, phải tôn trọng và gương mẫu chấp hành luật lệ giao thông. Không được bắt luật pháp dành quyền ưu tiên riêng cho mình.

BÁC KHÔNG THÍCH "CƯỠI NGỰA XEM HOA"

Hôm ấy tất cả mọi người đều đã có mặt để đợi Người về lại Pác Bó. Đồng bào các dân tộc trong trang phục mới nhất, đẹp nhất của mình đã tề tựu đông đủ. Ai cũng nóng lòng đợi Bác đến. Dọc hai bên đường, từ hang ra đường lớn cũng chật những người.

Biết là sớm và Bác sẽ phải đi ngựa trên đoạn đường dài mất khoảng chừng hai giờ nữa, vậy mà chúng tôi vẫn sốt ruột. Tôi, anh Quất, anh Thế Minh, anh Đại Lâm đi ngược trở ra để đón Bác giữa đường.

- Kia rồi, Bác về đến kia rồi!

Tôi sung sướng reo lên khi chợt thấy Người. Nhưng sao Bác lại không đi ngựa. Chúng tôi đã bố trí hai con ngựa tốt nhất để Bác đi kia mà. Người đang bước thoăn thoắt, vừa đi vừa nói chuyện với mọi người.

Không nén được xúc động, chúng tôi chạy ào đến. Chợt nhớ ra. Bác không ưa những tình cảm quá ủy mị, nhất là đối với một người chỉ huy quân sự như tôi. Đối với một quân nhân, Bác vẫn thường nhắc nhở phải giữ vững lễ tiết, quân phong, quân kỷ. Tôi liền đứng nghiêm, hai gót giầy dập vào nhau, đưa tay lên vành mũ chào, báo cáo với Bác:

- Báo cáo Bác, cháu là Đàm Quang Trung, cùng các đồng chí Đại Lâm, Thế Minh, Quất được đồng bào cử ra đón Bác. Kính chúc Bác và các đồng chí trong đoàn mạnh khỏe!

Bác nhìn tôi trong tư thế quân nhân ấy một lúc, rồi Người hô dõng dạc:

- Nghỉ!

Bác hỏi tôi luôn:

- Các chú đi đón Chủ tịch nước mà "không kèn, không trống", giản đơn thế này thôi à?

Rồi Bác cười vui vẻ. Chúng tôi vây quanh Bác. Cùng đi với Bác còn có các anh Tố Hữu, Nguyễn Khai, Lê Quang Ba, Hồng Kỳ, Trung Lâm và một số anh nữa.

Đi một đoạn, Bác hỏi tôi:

- Chú được mấy con rồi?

- Thưa Bác, hai cháu rồi ạ. Một gái, một trai ạ!

- Đã hai rồi, nhanh thế đấy?

Người dừng lại chỉ tay lên ngọn núi cao nhất trước mặt nói:

- Mới ngày nào chú còn là một thanh niên. Có phải ngọn núi kia hồi trước Bác với chú ở đó không nhỉ?

- Dạ thưa Bác, đúng là ngọn núi ấy ạ.

Đi một đoạn đường nữa, thấy một phiến đá bên đường, Bác bảo mọi người ngồi nghỉ giải lao. Sợ Bác mệt tôi vội nói:

- Thưa Bác, chúng cháu đã có ngựa để Bác đi cho đỡ mệt ạ!

- Các chú đông vui thế này mà chỉ có hai con ngựa, ai đi ai không. Hơn nữa, trở về đây, Bác không thích "cưỡi ngựa xem hoa".

(Theo đồng chí Đàm Quang Trung)

"THẾ THÌ CHÚNG TA ĐÃ GẶP NHAU RỒI"

Chuyện xảy ra vào buổi tối cuối năm tại một thung lũng thuộc núi rừng Việt Bắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp.

Hôm ấy, khi đồng chí Tường đang ngâm mình dưới nước để đóng chân cầu thì bỗng một cụ già đi ngang qua. Dưới ánh đuốc sáng, biết mọi người đang khẩn trương hoàn thành chiếc cầu phục vụ chiến dịch sắp tới, ông cụ dừng lại chăm chú quan sát và hướng về đồng chí Tường đang ngâm mình dưới nước lạnh.

Khi Tường lên bờ nghỉ cho đỡ rét, cụ lại gần, nhìn bộ quần áo ướt anh đang mặc hỏi:

- Đồng chí có quần áo thay chưa?

Tường thật thà đáp chưa. Thấy vậy, cụ liền lấy chiếc áo trong gói đem theo, đưa cho Tường và nói:

- Đồng chí cầm lấy.

Từ chối không được, Tường ôm chầm lấy cụ và cảm ơn. Ông cụ chống gậy theo con đường nhỏ khuất trong buổi tối mờ sương.

Sau đó ít lâu, Tường được đi dự Đại hội chiến sĩ thi đua toàn quốc và được nghe Hồ Chủ tịch nói chuyện...

Trong bản báo cáo thành tích, Tường đã kể lại câu chuyện gặp ông cụ già và được ông cụ tặng chiếc áo trong ngày giá lạnh ấy.

Lần đó, Bác Hồ thưởng huy hiệu cho nhiều đại biểu đến dự đại hội. Đến lượt gắn huy hiệu cho Tường, Bác mỉm cười hỏi:

- Thế đồng chí không nhớ tên cụ nông dân mà đồng chí vừa kể à?

Tường thưa với Bác:

- Cháu rất tiếc là đã quên không hỏi, nhưng hy vọng sẽ còn có ngày cháu gặp lại cụ ấy!

Hồ Chủ tịch mỉm cười, xiết chặt tay anh và nói:

- Thế thì chúng ta đã gặp nhau rồi.

"CÁC CHÚ CÓ ĐỒNG Ý KHÔNG?"

Tháng 8 năm 1960, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ ba khai mạc. Đơn vị C8 - một bộ phận của Trung đoàn thủ đô - được giao nhiệm vụ trực tiếp bảo vệ đại hội. Hôm sắp khai mạc Đại hội, bất chợt Bác đến thăm đơn vị. Bác đi thăm nơi ăn, chốn ở, nơi để vũ khí của đơn vị. Khi qua gian buồng để vũ khí, thấy cửa mở, Bác liền phê bình ngay:

- Các chú để súng trong nhà mà không đóng cửa là mất cảnh giác.

Sau đó, ban chỉ huy tập trung anh em lại để nghe Bác nói chuyện:

- Các chú phải toàn tâm, toàn ý phục vụ và bảo vệ Đại hội Đảng toàn quốc cho tốt. Đại hội lần này không những có đại biểu trong nước mà còn có đại biểu của các đảng anh em tới dự. Việc tiếp khách do các đồng chí Trung ương và Bác lo, còn việc bảo vệ là các chú lo. Làm tốt Bác sẽ thưởng.

Suốt quá trình đại hội, vâng lời dạy của Bác, đơn vị C8 đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Đại hội kết thúc thắng lợi trong niềm vui lớn của quân và dân cả nước. Cán bộ và chiến sĩ C8 một lần nữa lại được Bác đến thăm. Bác vui vẻ nói:

- Thực hiện lời hứa với các chú, hôm nay Bác đến thưởng cho các chú đây!

Bác khen thành tích chung của cả đơn vị và hỏi tiểu đội nào khá nhất.

- Thưa Bác, tiểu đội 4 (thuộc Trung đoàn 254 bảo vệ thủ đô) và tiểu đội 6 (thuộc Trung đoàn 600) ạ. Đồng chí cán bộ chỉ huy thưa với Bác. Bác khen và hỏi tiếp:

- Thế cán bộ, chiến sĩ ai được bầu xuất sắc?

Đồng chí chỉ huy trả lời:

- Thưa Bác, có bảy đồng chí ạ. Đó là thượng úy Ngô Ngọc Lâm, chuẩn úy Hoàng Kín, thượng sĩ Phạm Cao Đính, Trung sĩ Nguyễn Văn Minh, trung sĩ Nguyễn Đắc Phái, trung sĩ Trần Đoan, trung sĩ Nguyễn Văn Cán.

Nghe xong, Bác liền thưởng bảy huy hiệu cho bảy đồng chí rồi hỏi:

- Bây giờ các chú có muốn gì nữa không?

Một số anh em trả lời:

- Thưa Bác, đề nghị Bác nói chuyện ạ.

Bác cười và nói:

Bác rất bận, nói chuyện sẽ để lúc khác. Bác "đề nghị" thế này: Bác và các chú chụp ảnh chung. Các chú có đồng ý không?

Tất cả anh em phấn khởi hô vang:

- Đồng ý ạ!

Thế là mọi người ra ngoài sân. Bác đứng giữa, anh em xếp hàng đứng hai bên và đồng chí nhiếp ảnh của đại đội đã bấm một kiểu rất đẹp.

BÁC HỒ "ĂN TẾT" VỚI CHIẾN SĨ

Đã gần đến tết. Theo lệnh Bác, ngày 10 tháng Giêng năm 1949, Phủ Chủ tịch đã chuyển từ xã Trung Trực, huyện Yên Sơn đến Lũng Tấu, xã Tân Trào, huyện Sơn Dương. Lũng Tấu là nơi trước đây cơ quan đã ở, nằm sát bên rừng nứa, trên bờ con suối lớn đổ vào sông Đáy rồi sông này nhập vào sông Lô, từ Phủ Chủ tịch đi bộ bốn, năm kilômét là ra được huyện lỵ Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đoạn sông Đáy này đã đi vào lịch sử, ngày 18 tháng 9 năm ấy, khi Bác xuôi mảng về huyện lỵ để nói chuyện với lớp huấn luyện cán bộ kháng chiến, trong bài thơ của Bác *"Đi thuyền trên sông Đáy":*

"Dòng sông lặng ngắt như tờ

Sao đưa thuyền chạy, thuyền chờ trăng theo".

Không khí chuẩn bị tết càng rộn rịp khi cơ quan văn phòng Trung ương họp bàn việc "ăn tết". Năm ấy, đồng chí Hồ Tùng Mậu đương chức Tổng Thanh tra Chính phủ được bầu làm Trưởng ban tổ chức tết Kỷ Sửu.

Hội nghị đang sôi nổi quyết định nào là trang trí, hái hoa, văn nghệ, thể thao... thì Bác Hồ đến.

Không đợi ai "báo cáo", Bác hỏi:

- Tết năm nay, ta tổ chức vui như thế nào?

- Thưa Bác, chúng cháu đang bàn đấy ạ.

Bác hỏi:

- Thế đã bàn mục pháo chưa? Tết phải có pháo chứ.

Có tiếng người thưa:

- Dạ chưa ạ!

Một số anh em bàn tán xôn xao "lấy pháo ở đâu". Trưởng ban tổ chức tết xin ý kiến Bác:

- Thưa Bác, rừng núi thế này thì kiếm đâu ra pháo...?

Bác cười chỉ tay ra rừng nứa mách anh em:

- Pháo ở rừng đấy, tha hồ!

Anh em "a" lên và hiểu rằng, đốt lửa thì nứa nổ, đấy là pháo, thứ pháo "thực vật" rất thiên nhiên, gần gũi với con người...

Bác còn "đạo diễn" nhiều hình thức vui tết nữa rồi mới về.

Đồng chí Mậu đề nghị anh em đi chặt nứa, bó lại thành những bó ngắn, vừa dễ vác, dễ xếp đống, khi đốt lại gọn. Đống nứa ở sân cứ cao dần, khô dần lại và ngày cuối của năm Tý cũng sắp hết. Anh em mong đến ngày tết và thầm bảo chắc là phải mồng hai, mồng ba Bác mới có thời gian "sang" thăm cơ quan được.

Nhưng, đúng đêm 30, giao thừa thì Bác đến, trên vai có một cái bị. Mọi người chạy ùa ra đón Bác, tranh nhau nói một câu chúc tết Bác.

Bác chỉ một "vị trí" thuận tiện bảo anh em xếp nứa đốt. Bác nói:

- Tết này, Bác ăn tết lửa trại với các chú.

Lửa bốc lên, nứa nổ lép bép như tràng pháo nối tiếp nhau, nghe không chối tai như pháo nhồi thuốc hóa học, không có mùi khét.

Việc đầu tiên là Bác mở cái bị, Bác nói:

- Để các chú yên tâm khỏi "thắc mắc". Đây là quà tết đồng bào tặng Bác. Bác biếu các chú...

Bác đưa tận tay từng cán bộ, chiến sĩ mỗi người một quả cam.

Anh em ca hát, cầm tay nhau nhảy quanh ngọn lửa trại ấm cúng tình cảm gia đình cách mạng.

Đêm ấy, Bác nghỉ lại cơ quan.

Sáng hôm sau, văn phòng tổ chức chúc tết năm mới Bác. Bác cảm ơn rồi bảo mọi người ngồi lại nghe Bác kể chuyện về tình hình thế giới, tình hình trong nước. Bác cho biết, quân ta vừa thắng địch ở Ba Thá, Tế Tiêu, ở Ý Yên và đặc biệt ở Thừa Thiên, Quảng Nam, Đà Nẵng ta đánh đoàn tàu gần hai mươi toa, phục kích ở đèo Hải Vân phá hủy mấy chục xe, diệt hàng trăm tên địch. Bác khuyên mọi người thi đua làm tròn nhiệm vụ ở hậu phương để xứng đáng với tiền tuyến.

Mặt trời ở Việt Bắc bị sương mù che dần dần sáng ra.

Đến mục thể thao, Bác nói:

- Để Bác làm trọng tài cho. Các chú chia đội ra chơi đi.

Trước khi hai đội chào nhau, vào trận đầu xuân giơ tay thổi một tiếng còi "tuyên bố":

- Đội nào thắng, sẽ được trọng tài chính thưởng mỗi người một điếu thuốc lá thơm - Các vận động viên và cổ động viên nhảy lên hoan hô ầm ĩ.

Cuộc đấu bóng chuyền diễn ra thật sôi nổi, hấp dẫn và cái "gay go" quyết liệt vì đội nào cũng muốn giành phần thắng, không muốn thua vì nếu thua chẳng được phần thưởng của Bác mà còn "rông" cả năm.

Nhưng cuối cùng cũng có bên được, bên thua.

Đội thắng trận, xếp hàng ngay ngắn, chỉnh tề, hân hoan. Đội trưởng hô "nghiêm" báo cáo:

- Thưa Bác, chúng cháu thắng ạ.

Bên thua "uất quá" cũng làm liều nhảy ra xếp vội hàng ngũ, cử người ra báo cáo:

- Thưa Bác, chúng cháu cũng thắng đấy ạ. Thắng một "séc" ạ!

Cổ động viên đứng ngoài sân thấy tình thế đội thua này "liều mạng" có khi được thưởng "như chơi" bèn chẳng ai bảo ai "nhào dô" xếp hàng chung:

- Thưa Bác, thưa Bác, chúng cháu cũng thắng ạ. Cổ vũ phe thắng ạ...

Bác cười, lắc đầu như có ý "chịu" cái "láu cá" rất "thương yêu" của anh em rồi nói:

- Đúng, năm nay sẽ là năm đại thắng lợi, không ai được phép thua cả...

Nói xong, Bác mở hộp thuốc thưởng cho mỗi người một điếu thuốc lá. Ai nấy đều hớn hở, phấn khởi, có anh hoa chân múa tay. Duy chỉ có đồng chí cảnh vệ lẩm bẩm:

- Thế là hết tiêu chuẩn cả ngày của ông cụ rồi...

Như biết ý người cảnh vệ, trên đường về, Bác cứ khen mãi là anh em mình "thông minh".

CÂU CHUYỆN VỀ CÁI KẸO

Một lần, Bác Hồ đến thăm bộ đội ở Quảng Bình. Tối đến, Bác dự buổi liên hoan văn nghệ "cây nhà lá vườn" với đơn vị. Anh em vô cùng sung sướng, nhưng cũng rất lo, vì cánh lính có ai biết hò hát gì đâu! Đồng chí Phố mạnh dạn lên "mở đầu chương trình" đọc bài thơ *"Hoa hồng không có gai"*, bài thơ có nhắc tới một cô gái. Đồng chí Phố đọc xong, Bác thưởng cho một cái kẹo và hỏi vui:

- Cô ấy có phải là "đối tượng" của chú không?

Tất cả anh em đều cười sảng khoái. Câu hỏi vui của Bác đã làm anh em mạnh dạn hẳn lên trong không khí đầm ấm, chan hòa tình cha con. Bác nói:

- Đã làm thơ thì nên ngâm phải không?

Tất cả đồng thanh đáp:

Vâng ạ!

Sau đó, đồng chí Lư đứng dậy xung phong ngâm bài thơ *"Thương nhất anh nuôi"* của Lưu Trùng Dương. Bác chăm chú nghe. Tới hai câu:

"Thương đồng chí, giúp đồng bào

Mình làm cách mạng việc nào cũng vinh".

Bác khen hay và thưởng liền cho hai cái kẹo. Đồng chí Lư ăn một chiếc, còn một chiếc ngay sáng hôm sau anh "bay" ra bưu điện gửi về tặng vợ mới cưới của mình.

BỮA CƠM CỦA BÁC

Sau khi đồng chí Lộc qua đời, thiếu người nấu ăn cho Bác, các anh đề nghị Bác lấy người khác, nhưng theo ý Bác là không cần. Bác bảo: "Nấu ăn cho Bác rất giản dị chẳng có gì khó. Một là gián tiếp, hai là trực tiếp. Gián tiếp là khi nào cô Phương đến chơi nhờ bảo cách nấu, hoặc các cô bên phụ vận Trung ương bảo giúp là được. Còn trực tiếp là các chú ở đây, ai nấu cũng được, chia lần lượt, hoặc là chuyên trách. Chuyên trách sau sẽ trở thành nghề, lần lượt thì khi nào được phép về qua gia đình có dịp cả gia đình đều được ăn ngon lành".

Việc ăn của Bác thật giản dị. Những khi ăn cơm, Bác đều ngồi cùng chúng tôi quanh chiếc bàn bằng nứa, hai bên có ghế ngồi, thức ăn của Bác để riêng. Năm 1947 - 1948, chúng tôi phải nấu riêng cho Bác một niêu cơm nhỏ vì gạo kho không ngon cơm, đãi kỹ thì mòn hết. Sau chúng tôi mua gạo của dân nấu cơm riêng để Bác ăn. Bác không đồng ý lại phải mua thóc của dân về xay giã lấy nấu chung cả một nồi, để Bác ngồi ăn

riêng. Một hôm, sắp đến giờ có cơm tôi lên báo cáo, Bác bảo: "Tập thể các chú đã bàn thì Bác cũng đồng ý, nhưng thực ra Bác ngồi ăn một mình không vui".

(Theo đồng chí Nguyễn Văn Nga, tên Bác đặt là Kiên)

CHIẾN SĨ CON MỘT VIỆT KIỀU ĐƯỢC BÁC HỒ ĐẶT TÊN

Năm 1928, khi Thầu Chín hoạt động ở Xiêm, Người đã đến nhà ông Hoe Lợi tại tỉnh Nakon Phanom. Thầu Chín đóng vai phụ việc bán thuốc bắc cho gia đình. Cụ Hoe Lợi kể chuyện: "Thầu Chín rất nhã nhặn, chăm lo, được mọi người trong gia đình yêu quý".

Cụ Hoe Lợi có bốn người con. Thầu Chín bàn và xin phép đặt tên cho anh con cả Bằng Sâm tên Việt là Cách. Chị thứ hai tên là Mệnh, anh thứ ba là Thành, anh thứ tư là Công. Gia đình Bằng Sâm năm 1960 từ Thái Lan về Việt Nam sinh sống. Chị Cách còn ở bên Thái. Anh Thành hy sinh trong trận đánh Pháp ở Thakhẹt năm 1945. Công hy sinh trong kháng chiến chống Pháp.

Người con trai của anh Bằng Sâm, của gia đình cụ Hoe Lợi, gia đình của Cách, Mệnh, Thành, Công là Bằng Lâm năm 1944 sinh tại Phanom rồi đi học ở Trường Ban RungVitthada, Padamha Raxalay ở Thái Lan. Năm 1960 về Hải Phòng, học ở Trường Ngô Quyền; Trường Trung cấp Mỹ thuật công nghiệp Hà Nội, vào bộ đội Sư đoàn 308 rồi tiếp tục theo học và tốt nghiệp Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội. Bằng Lâm hiện là

trung tá, họa sĩ quân đội (1994). Mẹ đồng chí Bằng Lâm khi còn sống có kể rằng:

- Năm 1945[1], khi đọc báo thấy ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh gia đình đều vui mừng nhận ra đó chính là ông Thầu Chín năm 1928 đã ở nhà mình.

Hàng năm vào dịp tết, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn mời một số Việt kiều ở Thái Lan trở về nước trong đó có cụ Hoa Lợi đến Phủ Chủ tịch để Người được gặp gỡ, cám ơn và chuyện trò, ôn lại chuyện cũ...

VINH DỰ CỦA NHÀ THƠ, NHÀ BÁO

Lễ trao tặng phẩm của Hồ Chủ tịch cho "Thi sĩ Bút chiến đấu" Tú Mỡ, được diễn ra trong đêm vui chia tay của lớp viết báo Huỳnh Thúc Kháng. Ngoài học viên còn có mặt các vị khách do báo *Cứu quốc Trung ương* mời dự lễ trao tặng phẩm này.

Ông Xuân Thủy, Chủ nhiệm báo *Cứu quốc* giới thiệu sự nghiệp văn chương của nhà thơ:

"Trong lúc một số người trong nhóm *"Tự lực văn đoàn"* đi theo con đường khác, nhà thơ Tú Mỡ cùng Xuân Diệu, Thế Lữ... đã dùng ngòi bút chiến đấu cho quyền lợi chính đáng của dân tộc. Trong lúc có những nhà thơ hăm hở đi tìm kỹ thuật bí hiểm, nhà thơ Tú Mỡ vẫn "bình cũ rượu mới" phụng sự đại chúng. Thơ ông giản dị, dễ hiểu được nhiều người ưa thích. Vì vậy mà được Hồ Chủ tịch ban khen".

---

[1] Năm 2009, Bằng Lâm là đại tá, Ủy viên Thường vụ Hội Mỹ thuật Việt Nam.

Mọi người chăm chú ngắm quyển sổ xinh xắn mà ông Xuân Thủy vừa giơ lên. "Đây là một chiến lợi phẩm mà anh em bộ đội thu được ở đồn địch gửi dâng Hồ Chủ tịch".

Quyển sổ bọc da màu nâu, gáy lấp lánh vàng. Trang đầu có mấy chữ tự tay Hồ Chủ tịch đề: "Tặng Bút chiến đấu, tháng 6 năm 1949 - Hồ Chí Minh" có dấu đỏ hình vuông nhỏ xíu, rất nên thơ.

Đặt quyển sổ xuống bàn, ông Xuân Thủy nhường lại cho ông Đỗ Đức Dục. Với giọng sang sảng, ông Dục đọc thư của ông Tổng bộ Việt Minh Hoàng Quốc Việt khen ông Tú Mỡ. Rồi thay mặt Tổng bộ Việt Minh trịnh trọng trao tặng phẩm. Ông Tú Mỡ như run lên, cầm quyển sổ không biết nói gì, sau ông đem chuyện làm thơ ra kể.

"Trước tôi làm thơ chỉ có ý định nghịch ngợm, sau có anh khuyên tôi nên đem đăng báo. Một dạo thì tôi nhận được thư của các cô ca tụng (ông cười, cử tọa cũng cười hóm hỉnh). Có cô gửi biếu quà, có cô hẹn gặp mặt (mọi người vỗ tay rào rào, cười khá to). Tôi thú lắm. Kháng chiến, một hôm đi chơi tình cờ tôi gặp một chị dân quê, ru con bằng thơ của tôi. Tôi càng thú. Mới đây thấy nhiều người đi tìm thơ không vần lối mới. Tôi tự hỏi không biết thơ mình còn hợp thời nữa không. Tôi lo là tôi bị lạc hậu mất. Một hôm đi tắm về, bác Đỗ Phồn vỗ vai tôi: Này khao đi, Hồ Chủ tịch ban khen cậu đấy. Biết bác Phồn hay đùa dai (mọi người cười khoái trá), tôi không tin. Sau, được anh Xuân Thủy cho biết tôi sướng quá. Thì ra Tú Mỡ chưa hẳn đã là đồ vứt đi!

Được Hồ Chủ tịch khuyến khích, tôi thêm vững lòng, thêm sức lực để phụng sự dân tộc. Trước kia có bao giờ tôi suy

luận thế nào là duy vật, thế nào là duy tâm, chỉ biết rằng khi nghĩ đến một niềm vui tin tưởng tuyệt đối với tôi vẫn không thay đổi, nhưng có điều khác là Đức Chúa trời của tôi bây giờ không hẳn là Đức Chúa trời của tôi ngày trước. Bây giờ Hồ Chủ tịch là Đức Chúa trời của tôi" (mọi người vỗ tay rất lâu).

Rồi nhà thơ kết luận: "Hồ Chủ tịch khuyến khích tôi, Tổng bộ Việt Minh lại cố ý khuyến khích rộng hơn, tại sao tặng phẩm này lại không gửi đến báo *Cứu quốc* hay Sở Thông tin là nơi tôi làm việc? Tại sao Tổng bộ Việt Minh lại trao cho tôi ở giữa lớp học Huỳnh Thúc Kháng này? Đó là tặng phẩm không phải chỉ để khuyến khích riêng tôi mà còn để khuyến khích chung cho các anh chị em học viên làm báo chúng ta đấy!". Mắt bốn mươi hai học viên sáng lên như hứa hẹn: Quyết noi gương bác Tú Mỡ! Tiếng vỗ tay, tiếng hát, tiếng cười tưng bừng nổi lên chào mừng nhà thơ đại chúng.

(Theo báo Cứu quốc)

ĐÔI CHÂN BÁC

Đôi chân của Bác là đôi chân ngàn ngàn dặm. Chẳng có ai trong thời đại Bác lại đi nhiều đến thế. Chỉ riêng trong thời gian chống Pháp, ở Việt Bắc, Bác đi rất nhiều. Anh em bảo vệ phục vụ Bác kể Bác đi "khiếp" lắm, toàn đi bộ, thỉnh thoảng mới đi ngựa. Thoắt đã từ Tân Trào sang Thái, thoắt đã lên Tuyên, thoắt ngược Bắc Kạn... Vừa đi vừa làm việc, viết báo, viết sách... Cánh thanh niên theo được Bác còn đến "tết".

- Thời gian ở Xiêm có ngày Bác đi bộ hơn bảy mươi kilômét đường rừng. Bác đi quen, sải chân đều, đúng giờ là nghỉ, hết

giờ nghỉ lại đi, dù mưa bão, hễ đã định đi đến đâu là đến bằng được, ít khi lỡ độ đường vì chủ quan. Ai đi theo Bác khi mệt mỏi, Bác mách cho cách xoa chân, bóp chân bằng nước tiểu, nấu canh lá lốt rừng ăn cho đỡ mỏi... Còn đôi chân của Bác thì cứ như là chân thép.

Nhưng Bác lại hay thương anh em phải đứng lâu, đi nhiều.

Một lần, các chiến sĩ quân đội được vào thăm Bác, xin Bác được chụp ảnh chung. Bác đồng ý. Bác mời đồng chí nhiếp ảnh tới. Để đảm bảo "ăn chắc", nhà nhiếp ảnh xin phép Bác lấy chân máy ảnh đặt máy lên chụp. Chờ mãi mới mang được chân máy ra, Bác nói:

- Chú tìm được chân máy thì chân Bác gãy rồi…

Ai nấy đều vui vẻ hẳn lên, quên cả thời gian chờ đợi.

Lần khác, nhân dịp Bộ Quốc phòng chiêu đãi đoàn đại biểu quân sự Liên Xô do Đại tướng P. Ba tốp dẫn đầu, Bác tới dự. Đồng chí Tổng tham mưu trưởng quân đội ta đọc diễn văn bằng tiếng Việt một đoạn rồi ngừng. Một cán bộ đối ngoại dịch ra tiếng Nga nên mất nhiều thời gian.

Bác quay sang đồng chí Bộ trưởng Quốc phòng:

- Bài dài quá, mình đứng rục cả chân.

Đồng chí Văn phân trần:

- Thưa Bác, hôm nay có các đại biểu quốc tế, có Ủy ban Giám sát đình chiến nên xin phép Bác... - Sau đó đồng chí nói riêng với một cán bộ. Đồng chí này viết một tờ giấy nhỏ chuyển tới đồng chí Tổng tham mưu trưởng. Từ đây, chỉ đọc

bản tiếng Nga. Cuối cùng đồng chí Tổng tham mưu trưởng mới nói lại bằng tiếng Việt, cảm ơn quan khách...

Tiếng vỗ tay chưa dứt, Bác đã cầm cốc rượu nhanh nhẹn đi chúc những người đứng xung quanh. Sau đó Người cầm cái đĩa, giơ lên nói:

- Bắt đầu thôi! Không thì mỏi chân lắm... - Thật ra là Bác nói hộ mọi người.

ĐỒNG CHÍ TRUNG TÂM SỰ VỚI BÁC

Sau khi giải phóng Cao - Bắc - Lạng, đồng chí Trung muốn xin Bác đi chiến đấu. Trong một buổi hai bác cháu đi tăng gia, đồng chí Trung tâm sự với Bác rằng mang tiếng đi bộ đội, mang súng rách cả vai áo mà chẳng trông thấy mặt thằng Tây nào. Sau này về phép, lỡ gia đình hỏi có dự trận nào không thì chẳng biết nói gì. Bác ậm ừ không trả lời.

Ít hôm sau, có buổi sinh hoạt, Bác nói:

- Công việc của Bác và của các chú là do Đảng phân công. Các chú muốn đi đánh giặc là rất tốt. Bác rất hoan nghênh. Nhưng cũng phải có người đánh giặc, có người nấu cơm, người đi trước, người đi sau. Ta đi làm cách mạng để mang lại hạnh phúc lâu dài cho dân chứ không phải tranh giành địa vị cao, tiền của nhiều. Bác sẽ đề nghị giúp đỡ các chú học hành thêm. Sau này kháng chiến thắng lợi, các chú sẽ nhận được nhiệm vụ theo khả năng của mình.

Đồng chí Trung biết ý Bác nói mình, tự rút lui ý kiến. Nhưng ít tháng sau, đồng chí được Bác giới thiệu chuyển công tác sang Tổng cục Hậu cần của đồng chí Trần Đăng Ninh. Lúc

rời cơ quan, Bác cho làm cơm liên hoan chúc đồng chí Trung hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Sau này đồng chí Trung nói: "Tâm sự với cha mẹ, anh em còn khó chứ tâm sự với Bác thật thoải mái và lại được Bác dạy dỗ, cho học hành".

(Theo đồng chí Trung - chiến sĩ bảo vệ)

NƯỚC NÓNG, NƯỚC NGUỘI

Buổi đầu kháng chiến chống Pháp, có một đồng chí cán bộ trung đoàn thường hay quát mắng chiến sĩ. Đồng chí này đã từng là giao thông, bảo vệ Bác đi ra nước ngoài trước Cách mạng Tháng Tám.

Được tin nhân dân "dư luận" về đồng chí này, một hôm, Bác cho gọi lên Việt Bắc. Bác dặn trạm đón tiếp khu ATK là dù có đến sớm, cũng giữa trưa mới cho đồng chí ấy vào gặp Bác.

Trời mùa hè, nắng chang chang, đi bộ đúng ngọ, đồng chí cán bộ vã cả mồ hôi, người như bốc lửa.

Đến nơi, Bác đã chờ sẵn. Trên bàn có đặt hai cốc nước, một cốc nước ý chừng vừa mới sôi bốc hơi nghi ngút, còn cốc kia là nước lạnh.

Sau khi chào hỏi xong, Bác chỉ vào cốc nước nóng nói:

- Chú uống đi.

Đồng chí cán bộ kêu lên:

- Trời! Nắng thế này mà Bác lại cho uống nước nóng làm sao cháu uống được!

Bác mỉm cười:

- À ra thế. Thế chú có thích uống nước nguội, nước mát không?

- Dạ, có ạ.

Bác nghiêm nét mặt nói:

- Nước nóng, cả chú và tôi đều không uống được. Khi chú nóng cả chiến sĩ của chú, cả tôi cũng không tiếp thu được. Hòa nhã, điềm đạm cũng như cốc nước nguội, dễ uống, dễ tiếp thu hơn.

Hiểu ý Bác giáo dục, đồng chí cán bộ nhận lỗi và hứa sẽ sửa chữa...

"CHÚ LÀ HIỂU MÀ LÍNH CỦA CHÚ ÍT HIỂU"

Tháng 7 năm 1954, Hiệp định Giơnevơ vừa được ký kết. Chúng tôi đang chuẩn bị cho trung đoàn học tập nghị quyết của Trung ương. Bỗng một sáng Bác đi công tác qua, ghé vào thăm đơn vị.

Bác buộc ngựa vào một thân cây đầu doanh trại, bước nhanh vào "lán" của chúng tôi. Chưa kịp đánh kẻng tập trung đơn vị, cán bộ chiến sĩ đã ùa ra vây quanh Bác. Tiếng hô "muôn năm, muôn năm" vang dậy cả khu rừng.

Tôi là trung đoàn trưởng, nên tự chấn chỉnh trang phục, dẫn anh em chạy ra định mời Bác vào nhà khách. Bác ra hiệu không cần thiết và bảo anh em ngồi xuống để Bác bắt đầu nói chuyện.

Bác phân tích tình hình kháng chiến của ta, tình hình thế giới, tình hình ký Hiệp định Giơnevơ và việc thi hành hiệp định. Tuy là những vấn đề "hóc búa" nhưng Bác diễn tả cụ thể rõ ràng, "lính ta" cứ gật gù đồng tình, tỏ vẻ nhận thức được. Tôi đứng cạnh Bác mấy bước thấy vậy, cũng khấp khởi mừng thầm trong bụng.

Nói xong Bác hỏi:

- Có chú nào thắc mắc gì nữa không?

- Thôi ạ, thôi ạ!

Tôi nghĩ, "thôi ạ" nhiều quá thế này, ông Cụ lại chất vấn cho một câu, anh nào mà bí thì chết.

Cũng có anh em định hỏi, nhưng sợ Bác ít thời gian, lại có người ngại cán bộ.

Bỗng có một chiến sĩ đứng lên, Bác khuyến khích:

- Cháu cứ hỏi đi.

Anh lính bỏ mũ nan lợp lá cọ cầm trong tay xoay xoay vành, ấp a ấp úng:

- Thưa... dạ thưa Bác, khi Bác nói chuyện, Bác có kể về Sài Gòn. Cháu... xin hỏi "cái nước Sài Gòn" họ ở đâu ạ?

Tôi đứng chết lặng đi.

Bác thoáng buồn, nhìn quanh tìm, tìm được một que, rồi tiến ra một mảnh đất không có cỏ nói:

- Các cháu lại đây.

Bác vẽ bản đồ Việt Nam rồi chỉ dẫn:

- Đây là nước ta, phía Bắc giáp, phía Tây giáp… thủ đô của ta là Hà Nội, Việt Bắc, Thái Nguyên ở đây, Thanh Hóa đây, Huế đây, Sài Gòn đây... Vậy Sài Gòn là của nước ta hay của nước nào?

Tiếng trả lời ồn ào hẳn lên. Bác đưa mắt hỏi đồng chí đã thắc mắc.

- Dạ thưa Bác, Sài Gòn là nước ta ạ...

Bác gật đầu.

Lát sau, Bác bảo anh em về tiếp tục học tập để Bác còn đi công tác. Chúng tôi tiễn Bác xuống đồi. Tôi dắt ngựa đi theo Bác, Bác hỏi:

- Chú nào là cán bộ phụ trách ở đây?

Tôi khẽ thưa:

- Dạ, cháu ạ.

- Chú tên là gì?

- Dạ, tên cháu là Hiểu ạ.

Bác dừng chân nhìn thẳng vào mắt tôi nói:

- Tên chú là Hiểu mà lính của chú ít hiểu biết quá. Có bao nhiêu cháu chưa biết chữ?

- Dạ, có đến vài chục người.

Bác nói:

- Chú mở lớp bình dân dạy cho chiến sĩ, một tháng rưỡi sau Bác sẽ trở lại kiểm tra...

Câu nói và cái nhìn của Bác năm ấy cho đến bây giờ không sao tôi quên được và tôi cứ hối hận mãi như có lỗi với Người.

(Theo đồng chí Tạ Đình Hiểu)

"CÓ ĂN BỚT PHẦN CƠM CỦA CON KHÔNG"

Mùa thu năm 1951, Bác đến thăm lớp chỉnh huấn chính trị toàn quân. Sau khi đọc lên những con số cụ thể về tệ nạn tham ô, lãng phí mà Ban lãnh đạo nhà trường đã báo cáo với Bác, Bác nói:

- Các chú xem đấy, mới có từng này cán bộ mà đã tham ô lãng phí như vậy, thử hỏi nếu cán bộ trong toàn quân, toàn quốc cũng phạm khuyết điểm như các chú ở đây thì thiệt hại cho công quỹ của Nhà nước, của nhân dân biết bao nhiêu.

Ngừng một lát, Bác hỏi:

- Ở đây, những chú nào có vợ rồi giơ tay.

Có độ một phần ba số cán bộ giơ tay. Bác chỉ vào một đồng chí trong số những người vừa giơ tay ngồi ở hàng ghế đầu, rồi hỏi:

- Chú có bao giờ ăn bớt phần cơm của con mình không?

Đồng chí cán bộ trả lời:

- Thưa Bác, không ạ!

- Thế thì tại sao của cải của nhân dân, tiêu chuẩn của chiến sĩ hễ sểnh ra là đút vào túi?

Bác vừa nói vừa làm động tác vơ vét và đút vào cái túi vải bên mình. Bác phân tích cho mọi người thấy rõ tham ô, lãng

phí là một tệ nạn, một thói xấu, nó giống như sâu mọt đục khoét của cải của nhân dân, nó làm vẩn đục chế độ tốt đẹp của chúng ta, ảnh hưởng xấu đến đạo đức và nhân phẩm của người cán bộ đảng viên.

Hôm ấy, chúng tôi được một bài học nhớ đời. Có anh cúi mặt xuống không dám nhìn lên Bác nữa.

(Theo V.N.C.)

"BÁC ĐAU, BÁC KHÔNG KHÓC, CHÚ LẠI KHÓC"

Trong kháng chiến chống Pháp, ở Việt Bắc, một lần đồng chí Kháng đi công tác với Bác. Để đảm bảo bí mật, có đoạn phải cắt rừng đi. Cây cối hai bên gai góc chằng chịt, Bác vừa đi vừa gỡ. Đồng chí Kháng cứ hối hận mãi là không hỏi trước Bác để dọn đường sẵn.

Ra khỏi khu rừng rậm, thấy chân Bác chảy máu, Bác đang lấy bông thấm, lấy thuốc bôi, đồng chí Kháng thương Bác khóc sụt sùi. Bác nói:

- Sơ sơ tí thôi...

Bác đứng lên định đi, nhưng đau lại ngồi xuống, chân bước khập khiễng. Đồng chí Kháng khóc òa lên. Bác cười nói:

- Bác đau, Bác không khóc, chú lại khóc. Nào ta lên đường!

BÁC HỒ VỚI CHIẾN SĨ NGƯỜI DÂN TỘC

Bác của chúng ta yêu quý mọi chiến sĩ. Đối với các chiến sĩ gái, chiến sĩ người dân tộc, Bác còn chăm sóc hơn vì đây là

những người làm cách mạng khó khăn hơn chiến sĩ trai, chiến sĩ người Kinh nhiều.

Anh hùng La Văn Cầu, dân tộc Tày mãi mãi không quên bữa cơm của Bác "đãi" với rau, thịt gà... những "sản phẩm" do chính Bác nuôi trồng. Bác hỏi thăm mẹ Cầu, gửi quà cho mẹ, dặn cán bộ tạo mọi điều kiện để Cầu về thăm mẹ, giúp đỡ gia đình. Nhiều chiến sĩ người dân tộc đã lấy họ Hồ cho mình như Hồ Vai, Hồ Can Lịch, Hồ Văn Bột...

Mùa thu năm 1964, chị Choáng Kring Thêm - chiến sĩ người dân tộc Cà Tu, tham gia đoàn đại biểu Mặt trận tộc Giải phóng miền Nam được ra miền Bắc, gặp Bác Hồ. Chị Thêm kể:

"Đoàn chúng tôi vừa bước xuống xe thì đã thấy Bác đứng chờ ngay ngoài sân. Bác ôm hôn thắm thiết các thành viên trong đoàn. Chúng tôi theo Bác đến dãy bàn tiếp khách kê ngay ngoài vườn đầy hoa và nắng. Thấy tôi mặc bộ quần áo dân tộc, Bác nói:

- Cháu đúng là con gái dân tộc Cà Tu giữ được tính chất của dân tộc mình.

Chị Ngân, chị Cao gặp Bác, mừng quá khóc lên. Bác dịu dàng bảo:

- Các cháu gái đừng khóc. Gặp Bác phải vui chứ. Hai cháu hãy kể cho Bác nghe bà con ta ở tiền tuyến đánh Mỹ như thế nào?

Tôi thưa:

- Thưa Bác, cháu thương, cháu nhớ Bác. Tất cả đồng bào dân tộc miền Nam đều thương nhớ Bác...

Sau đó tôi kể Bác nghe một số chuyện chiến đấu của mẹ Giớn, anh Bên, em Thơ...

Bác nói:

- Cuộc kháng chiến của đồng bào miền Nam ta là toàn dân, toàn diện. Trẻ, già, gái, trai, Kinh, Cà Tu, Cà Tang và đồng bào các dân tộc khác đều sản xuất giỏi, chiến đấu giỏi.

Tôi hiểu đó là Bác dành tình thương mênh mông của Người cho tất cả chúng ta".

BẾ VĂN ĐÀN TRÁNH ĐẠN

Năm 1956, tại nhà hát thành phố Hà Nội, đoàn chúng tôi biểu diễn, có Bác Hồ, Bác Tôn dự. Sau khi anh Trần Bảng đọc diễn văn khai mạc, chị Lệ Thi diễn trích đoạn tuồng *"Chị Ngộ"*, còn tôi độc tấu bài chòi *"Bế Văn Đàn"* - bài "tủ" của tôi biểu diễn trong những năm tháng kháng chiến chống Pháp. Gần kết bài có đoạn:

"Bốn bên bom đạn súng nổ vang

Nghĩ thân giá súng anh Đàn thương thay

Đạn trúng vào bụng, ngực, chân, tay

Nhưng Đàn giữ vững không lay chút nào..."

Đoạn này tôi diễn khá thuần thục, sinh động, kết thúc bài hát tôi cúi chào. Tiếng vỗ tay vang lên. Bỗng Bác vẫy gọi:

- Này chú Kiểm, chòi[1] khu Năm!

Tôi bước nhanh tới gần Bác, Bác âu yếm nói:

- Tại sao đoạn chiến đấu quyết liệt ấy mà Đàn lắc người nhiều thế?

Tôi tự tin trả lời:

- Thưa Bác, cháu tả anh Đàn tránh đạn giặc ạ!

Bác cười rất vui và nói:

- Đã tránh sao hy sinh? Tránh như vậy hóa ra tránh dở!

Bác nói giọng khẳng định:

- Lúc đó Bế Văn Đàn quyết tử. Đúng không?

- Thưa Bác, đúng ạ!

- Vì Đàn nguyện lấy thân mình làm giá súng để thu hút hỏa lực địch, mở đường cho đồng đội tiến công! Đúng không?

- Thưa Bác đúng ạ! - Tôi thấm thía, dạ lia lịa...

Bác nói tiếp:

- Vậy thì đừng tránh nữa nhé! "Đàn giữ vững không lay chút nào" kia mà!

Tôi trả lời:

- Thưa Bác, cháu hiểu ạ!

(Theo Nguyễn Kiểm)

---

[1] Bác nói "tiết kiệm", đúng ra là hai chữ "bài chòi" - một hình thức ca hát dân gian ở khu Năm.

CÁI THƯỚC SNK

Một lần Bác cho phép tôi được lên thăm nhà sàn của Bác. Tôi theo chân Bác hồi hộp bước lên cầu thang. Bước vào phòng riêng của Bác, tôi đưa mắt quan sát khắp gian phòng đơn sơ trống trải mà lòng trào dâng một niềm thương cảm. Tôi không ngờ Bác Hồ, vị Chủ tịch nước kính yêu và vĩ đại của dân tộc, lại ở trong một gian phòng nhỏ hẹp, tiện nghi quá giản đơn, của cải chẳng có gì!

Như hiểu được ý nghĩ của tôi, Bác nói giọng trầm buồn:

- Bác chẳng có gì cho cháu cả! Bác chỉ có cái thước mà lúc còn trẻ đi bôn ba qua các nước, Bác có nhặt được mảnh gỗ, Bác tự tay đẽo thành một cái thước kẻ để dùng, nay Bác cho cháu để làm kỷ niệm. Đây là thước "suy nghĩ kỹ".

Tôi cầm cái thước mà rơm rớm nước mắt vì không ngờ Bác lại sống giản dị đến thế. Tôi phát hiện trên cái thước có ghi ba chữ S - N - K (suy nghĩ kỹ). Một lần nữa tôi lại hiểu thêm cuộc đời và nhân cách vô cùng trong sáng của Bác. Đến uyên thâm và vĩ đại như Bác mà khi viết và nói gì cũng phải "suy nghĩ kỹ". Cho đến nay, tôi vẫn giữ cái thước của Bác Hồ như giữ một báu vật thiêng liêng nhất.

(Theo K.L.)

"ĐẾN KHI CÓ ĐIỀU KIỆN PHẢI LO"

Dịp tết năm 1967, sau khi bắn rơi hai máy bay Mỹ, đồng chí Mại được lên gặp Bác. Hôm ấy Mại còn được ngồi cạnh Bác.

Các chiến sĩ vây quanh Bác chuyện trò ấm cúng. Bác lần lượt hỏi chuyện từng người rất tỉ mỉ như muốn để nhớ hết, để không quên ai. Quay sang Mại, Bác hỏi:

- Chú Mại quê ở đâu?

Mại như sực tỉnh, không nghĩ rằng gần hai mươi người có mặt hôm ấy, mới giới thiệu "kể tên" mà Bác nhớ nhanh thế, đúng thế.

Mại thưa:

- Thưa Bác, cháu cùng quê với Bác ạ. Ngày chưa đi bộ đội, cháu đã đến thăm ngôi nhà Bác...

Bác nói vui:

- Ai cho chú đến thăm nhà Bác?

- Dạ, cháu nhớ Bác, cháu tự đến ạ.

Mại mạnh dạn hỏi:

- Thưa Bác, Bác có được khỏe không ạ?

Bác cười nói:

- Các chú cứ bắn rơi nhiều máy bay Mỹ là Bác khỏe…

Bác chia đôi đĩa kẹo rồi dặn:

- Các chú ăn phần này, còn phần này mang về cho các chú ở nhà…

Bác hỏi chuyện vợ con từng người. Biết là anh em, thuộc quân chủng "phòng không" cả. Bác nói:

- Bây giờ các chú tạm gác lại là đúng. Đến khi có điều kiện phải lo. Đây là trách nhiệm.

(Theo Thảo Trường)

"CHO ANH EM NGHỈ KHÔNG MỎI"

Sáng chủ nhật ngày 07 tháng 9 năm 1958, chúng tôi đang ăn cơm thì các đồng chí ngoài cổng chạy vào báo là Bác đến thăm. Chúng tôi bỏ cả bữa cơm chạy ra. Ra tới nơi thì Bác đã đến. Bác mặc ngoài chiếc áo len cũ và bộ quần áo màu gụ đã bạc, chân đi đôi dép cao su đen. Trông thấy Bác, chúng tôi sung sướng quá, reo ầm lên: Bác, Bác ạ! Bác cười và giơ tay ra hiệu cho chúng tôi trật tự. Tất cả chúng tôi đều im lặng, Bác hỏi:

- Các chú có tham gia lao động không? - Tiếng "có ạ!" vang lên.

Bác nói tiếp:

- Bác ra điều kiện với các chú là không được bao vây Bác, các chú có đồng ý không?

- Đồng ý ạ!

Chúng tôi dàn cả ra. Bác vào ngay nhà ngủ. Bác kiểm tra nội vụ và khen là tốt. Bác xuống nhà ăn. Nhìn thấy món ăn không có ớt, Bác hỏi: "Các chú không có ớt à?". Đồng chí thủ trưởng nói: "Thưa Bác, ớt chúng cháu trồng chưa có quả!". Bác quay sang hỏi mấy đồng chí đang ăn cơm: "Các cháu ăn có khỏe không?". "Thưa Bác, cháu ăn được bốn bát ạ!". Bác nói: "Như thế mới trung bình, cháu phải ăn khỏe nữa!"

- Lệnh đồng chí thủ trưởng tập hợp đơn vị. Chúng tôi về cả sân. Bác hỏi:

- Các chú nuôi được bao nhiêu lợn? Trồng được bao nhiêu rau?

Một đồng chí nói:

- Thưa Bác, chúng cháu nuôi được nhiều lắm ạ, lợn trăm con, còn rau bảo đảm một trăm phần trăm cho đơn vị ăn.

Bác bảo:

- Như vậy chưa đủ, các chú còn phải nuôi nhiều hơn nữa, tăng gia nhiều hơn nữa, không được tự mãn là "nhiều lắm". Xung quanh các chú còn đơn vị bạn. Các chú tăng gia được, nếu quý thì đem biếu, đem cho, nếu không thì đem bán. Các chú phải tiết kiệm. Lẽ ra đơn vị các chú chi tiêu một tháng 12 triệu thì làm thế nào chỉ tiêu một nửa hay hơn một chút. Ai cũng như thế, đơn vị nào cũng như thế thì chúng ta sẽ có thêm nhiều nhà máy. - Rồi Bác hỏi:

- Muốn tiến lên xã hội chủ nghĩa, các chú phải làm gì?

- Thưa Bác, phải lao động ạ!

- Các chú còn phải làm nhanh, nhiều, tốt, rẻ nữa. Thí dụ: Mỗi bộ quần áo các chú mặc may hết 5.000 đồng thì làm thế nào chỉ hết 2.500 đồng hay 3.000 đồng, chứ không làm nhanh hóa chậm, nhiều hóa ít, rẻ thành đắt, tốt thành xấu. Trường các chú là Trường Sĩ quan Hậu cần. Trước đây các chú cho hậu cần là không có tiền đồ, khó được huân chương, chỉ chiến đấu mới có huân chương, như thế là không đúng. Các chú có biết ngành Hậu cần có bao nhiêu anh hùng không?

- Thưa Bác, có ạ!

- Thế thì các chú không được quan niệm cấp dưỡng, lái xe... là không có tiền đồ.

Trước khi ra về, một lần nữa, Bác căn dặn chúng tôi phải đoàn kết, tiết kiệm, phải chịu khó.

Đồng chí thủ trưởng hô anh em đứng nghiêm chào Bác. Bác quay lại bảo:

- Cho anh em nghỉ, không mỏi.

(Theo tạp chí "Hậu cần" năm 1958)

ĐƯỢC BÁC CẢM ƠN, CHƯA ĐƯỢC BÁC KHEN

Vào một ngày mùa Xuân năm 1959, phân đội Hải quân được vinh dự đón Bác về thăm.

Bác tới đột ngột và thời gian ở bến cảng quá ngắn, nên đến khi con tàu đưa Bác đi thăm một số đảo, cả đơn vị mới chợt nhớ ra là chưa có gì tặng Bác làm kỷ niệm. Bàn bạc mãi, cuối cùng mọi người thống nhất biếu Bác một bông hoa đá mà chiến sĩ lấy được ở tận khu biển ngoài đảo Hòn Rồng. Hoa đá tượng trưng cho vẻ đẹp của biển và lòng yêu biển của chiến sĩ hải quân.

Anh em sửa sang một cách tỉ mỉ khiến bông hoa đã đẹp lại càng đẹp hơn. Khi tàu đưa Bác trở lại bến cảng, pháo thủ Nguyễn Văn Giải được vinh dự thay mặt đơn vị dâng tặng phẩm lên Bác. Nhận bông hoa đá, Bác hướng về phía hàng quân, cất giọng ấm áp, vui vẻ nói:

- Các chú có công kiếm hoa đá tặng Bác, Bác cảm ơn. Nhưng tiếc rằng đá đẹp mà không ăn được. Giá các chú biếu Bác vài quả bầu, quả bí do chính các chú trồng được để Bác mang về

nấu canh, rồi mời các đồng chí Trung ương cùng ăn, thì Bác càng vui hơn.

Bác mới nói nửa chừng đã có anh em khẽ bấm nhau. Thì ra, với tặng phẩm hoa đá, Bác chỉ cám ơn chứ không khen.

MUỐN ĂN PHẢI LAO ĐỘNG

Trưa hôm đó, hai chiến sĩ cảnh vệ hết phiên trực gác trở về, xuống nhà bếp xem anh nuôi cho ăn món gì. Nhìn vào nồi canh cua đồng, họ bảo nhau có chút ớt cay thì tuyệt hơn. Nghĩ vậy, đôi bạn rủ nhau ra vạt đất trồng ớt cạnh vọng gác tìm một quả. Hai chiến sĩ chưa kịp hái thì Bác trong nhà bước ra:

- Các chú làm gì ở đây?

Cả hai sững sờ, luống cuống:

- Dạ... dạ, thưa Bác, chúng cháu có khuyết điểm ạ, vào, vườn lấy... ớt ạ...

Bác ôn tồn:

- Trưa nay các chú có món ăn ngon gì đấy?

- Thưa Bác, nhà bếp cho ăn canh cua ạ. Canh cua có ớt ăn cùng thì mới ngon.

- Bác vào vườn, lom khom tìm những trái ớt chín mọng, hái rồi trao cho một chiến sĩ.

- Bác biếu hai chú đấy. Những quả ớt to chín, các chú lấy hạt, phơi khô để làm hạt giống nhé.

Không nói ra nhưng ý Bác là "muốn ăn phải lao động", điều giản dị ấy thấm vào lòng hai chiến sĩ.

MỘT LẦN ĐƯỢC GẶP BÁC

Tháng 7 năm 1955, tôi được về Hà Nội dự Đại hội Anh hùng Chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ hai. Tuy không nói ra với các bạn, nhưng tôi đoán lần này thế nào cũng được gặp Bác, nhất định Bác sẽ đến thăm Đại hội. Tôi nghĩ lúc ấy chắc sẽ vui lắm, và nếu được gặp Bác, mình sẽ phải thưa với Bác như thế nào...

Tối hôm trước Đại hội, một đồng chí trong ban tổ chức đến cho biết: "Sáng mai Bác Hồ sẽ đến thăm Đại hội". Nghe tin này tất cả chúng tôi phấn khởi và hồi hộp lắm. Đêm hôm đó, chúng tôi không sao ngủ được, ai cũng chỉ mong cho trời mau sáng. Hội trường được trang hoàng lộng lẫy. Phía trên tấm diềm nhung đỏ là khẩu hiệu lớn với hàng chữ vàng: "Đảng Lao động Việt Nam muôn năm", phía dưới khẩu hiệu là tấm ảnh Bác Hồ cỡ to lồng khung kính...

Ngồi giữa hội trường, trong những phút chờ đợi Bác đến, tôi cố ngắm Bác kỹ hơn trong tấm ảnh lớn, có ý muốn làm cho mắt mình quen dần, lát nữa gặp Bác khỏi cảm thấy bỡ ngỡ. Các đồng chí ngồi cạnh tôi, không ai bảo ai nhưng tất cả cùng nhìn lên ảnh Bác...

Hội trường đã có mặt đông đủ. Bác đến. Đi cùng với Bác có đồng chí Nguyễn Chí Thanh và các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Tất cả anh em đều dồn lên phía trước, ai cũng cố tìm chỗ đứng cho thật cao để được nhìn thấy Bác rõ hơn. Thấy vậy đồng chí Nguyễn Chí Thanh đứng lên nói:

- Các đồng chí! Hôm nay chúng ta rất vui sướng được Bác đến thăm, các đồng chí ngồi xuống để Bác nói chuyện…

Lúc ấy tất cả chúng tôi đều muốn chạy lên ôm chầm lấy Bác. Lòng tôi phấn khởi lâng lâng, chỉ ước gì mình được như một con chim mà bay về tận Tây Nguyên, để chia sẻ cùng đồng đội và đồng bào niềm vui sướng này. Không nén được niềm vui sướng, nhiều đồng chí đã hô to:

- Hồ Chủ tịch muôn năm!

- Bác Hồ muôn năm!

Cả hội trường bỗng chốc sôi nổi và náo nhiệt hẳn lên. Bác giơ tay vẫy vẫy cho mọi người im lặng, rồi Bác đi từng hàng ghế bắt tay và thăm hỏi từng người. Đến lúc này tôi mới được nhìn rõ Bác. Bác khỏe mạnh, da dẻ hồng hào và rất vui. Bác mặc bộ quần áo ka ki đã bạc màu, chân đi đôi dép cao su mòn gót. Tôi đang say sưa ngắm Bác, thì Bác lại gần và thân mật hỏi:

- Cháu tên là gì?

- Thưa Bác, cháu là Đặng Quang Cầm.

- Cháu công tác ở đâu?

- Thưa Bác, trước cháu phụ trách con đường giao thông liên lạc Hồ Chí Minh ở Tây Nguyên, cháu mới tập kết ra Bắc.

Bác âu yếm hỏi tôi:

- Sức khỏe cháu hiện nay như thế nào, có bị sốt rét không?

Đến lúc này tim tôi đập rất mạnh, tôi phải cố gắng lắm mới trả lời Bác được từng câu rành rọt. Được đứng gần Bác, lại được Bác thăm hỏi ân cần, lúc này tôi đã trở nên mạnh dạn; bàn tay tôi nằm gọn trong lòng tay của Bác, bàn tay ấm áp của vị Cha già dân tộc, và hơi ấm ấy đã truyền cho tôi nguồn sức

mạnh. Tôi cảm thấy mình như lớn lên và cứng cáp hơn nhiều. Tôi kính cẩn thưa với Bác:

- Thưa Bác, Bác có khỏe không ạ?

Bác nhìn tôi cười, nụ cười hiền hậu mà chẳng bao giờ tôi quên được, Bác nói nhỏ:

- Bác khỏe lắm!

Như sực nhớ đến lời dặn dò của anh em và đồng bào khi tôi đi tập kết, tôi thưa nhỏ với Bác:

- Thưa Bác, anh em bộ đội và đồng bào Tây Nguyên nhớ Bác lắm!...

Lúc này tôi bất giác nhớ đến tấm ảnh Bác trên những tờ giấy bạc ở Tây Nguyên. Hồi ấy trông Bác gầy, râu dài và đen, duy chỉ có đôi mắt lúc nào cũng hiền từ, nhân hậu. Bây giờ trông Bác hồng hào khỏe mạnh hơn nhiều, tuy mái tóc Bác có nhiều sợi bạc và vầng trán Người đã có nhiều nếp nhăn hơn.

Tôi ngước lên nhìn Bác, thấy trong đôi mắt Người thoáng gợn một nét buồn. Tôi hối hận về câu nói của mình. Bác kéo tôi sát vào Người và hỏi:

- Cháu học văn hóa lớp mấy rồi?

Nghe Bác hỏi, tôi bồi hồi nhớ lại cảnh nghèo khổ đi ở khi xưa, không được học hành... Tôi rưng rưng nước mắt nói thật với Bác:

- Thưa Bác, văn hóa cháu kém lắm, cháu mới biết đọc, chưa biết viết.

Bác nắm vai tôi, động viên:

- Bây giờ cháu phải đi học, cố gắng mà học. Học để sau này còn xây dựng binh chủng nữa chứ, bộ đội tiến lên chính quy hiện đại cần phải có văn hóa... và Bác quay sang nói với đồng chí Nguyễn Chí Thanh:

- Phải cho chú Cầm đi học, trước kia chưa học thì bây giờ phải học...

Đời tôi vinh dự được gặp Bác nhiều lần, cứ mỗi lần gặp Bác, tôi lại thấy mình trưởng thành hơn. Trong những lần gặp Bác, Bác đã dành cho tôi những tình cảm đầm ấm và những lời dạy bảo quý báu...

Anh hùng thông tin Đặng Quang Cầm

(Trích sách "Bộ đội thông tin đời đời nhớ Bác", năm 1970)

"VIỆC NÀY, CHÚ VĂN PHỤ TRÁCH"

Bác nhận định: "Bây giờ thời kỳ cách mạng hòa bình phát triển đã qua, nhưng thời kỳ toàn dân khởi nghĩa chưa tới. Nếu bây giờ chúng ta vẫn chỉ hoạt động bằng hình thức chính trị thì không đủ để đẩy mạnh phong trào đi tới. Nhưng phát động vũ trang khởi nghĩa ngay thì quân địch sẽ tập trung đối phó. Cuộc đấu tranh bây giờ phải từ hình thức chính trị tiến lên hình thức quân sự. Song, hiện nay chính trị còn trọng hơn quân sự. Phải tìm ra một hình thức thích hợp thì mới có thể đẩy phong trào tiến lên. Nếu phát động đấu tranh mà mỗi khi địch đến, nhân dân lại phải tản cư cả vào rừng núi, thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Phải làm sao, cứ hoạt động vũ trang mà dân ở đâu cứ ở đó, chỉ cần tăng cường canh gác đề phòng không để địch bắt, hại những người hoạt động...".

Rồi Bác đề ra một cách giải quyết: "Lực lượng vũ trang nay đã ít lại phân tán quá. Bây giờ nên tập hợp những cán bộ, chiến sĩ tốt nhất, những vũ khí tổ chức thành một đội vũ trang tập trung để hoạt động. Ta sẽ dùng hình thức vũ trang để gây ảnh hưởng cách mạng sâu rộng trong quần chúng. Tác chiến phải nhằm gây được ảnh hưởng tốt về chính trị, do đó mà mở rộng cơ sở phát triển lực lượng vũ trang. Chúng ta sẽ lập đội quân giải phóng...".

Ngay trong buổi họp đó, tôi được chỉ định đảm nhiệm công tác này.

Rồi Bác hỏi:

- Việc này chú Văn phụ trách, chú Văn có thể làm được không?

Tôi đáp:

- Có thể được.

Tôi trình bày cơ sở chính trị và vũ trang tại vùng giáp giới hai tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, từ Nguyên Bình đến Ngân Sơn, Chợ Rã, từ Tĩnh Túc, Phia U Ác đến Phia Bi Póc. Cơ sở quần chúng tại vùng này rất tốt, qua suốt thời gian khủng bố của địch vẫn vững vàng, cơ sở lực lượng vũ trang cũng tốt.

Trước khi quyết định, Bác hỏi:

- Có thể tìm được một căn cứ "tiến, khả dĩ công, thoái, khả dĩ thủ", mình còn yếu, địch mạnh, nhưng nhất định không để địch tiêu diệt, có thể như thế được không?

Tôi đáp:

- Có thể. Nhất định quân địch không thể tiêu diệt ta được.

Khi trả lời Bác như vậy, tôi đã nghĩ đến sức mạnh vô cùng to lớn của đồng bào, nghĩ đến lòng yêu nước tha thiết, có thể hy sinh tất cả vì Tổ quốc của những người dân đã được Đảng giác ngộ. Lòng yêu nước và tinh thần hy sinh đó, tôi càng thấy rõ hơn sau những ngày khủng bố đẫm máu của quân thù.

Đêm hôm ấy, chúng tôi nằm nghe Bác nói chuyện, rất khuya. Trên núi cao, cái rét của mùa đông đến sớm hơn. Trong căn lều lạnh giá, không đèn đóm, Bác và chúng tôi mỗi người gối đầu trên một khúc gỗ cứng. Bác phác ra những nét chính về đội Việt Nam Giải phóng quân, từ tổ chức đến phương châm hành động, và vấn đề lương thực, đạn dược. Bác hướng dẫn cho tôi làm một bản kế hoạch. Bác dặn đi dặn lại nhiều lần: "Phải dựa vào dân, dựa chắc vào dân thì kẻ địch không thế nào tiêu diệt được. Tổ chức của đội phải lấy chi bộ Đảng làm hạt nhân lãnh đạo". Chuyện trò hào hứng đến hai, ba giờ sáng.

Võ Nguyên Giáp

(Trích "Những chặng đường lịch sử", NXB Văn hóa, Hà Nội 1977)

TRUNG VỚI NƯỚC, HIẾU VỚI DÂN

Ngày 26 tháng 6 năm 1946, Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn khoá 1 tiến hành khai giảng trọng thể theo đúng nghi thức quân sự chính quy. Đoàn quân nhạc lễ phục mới tinh. Cán bộ, học viên quân phục chỉnh tề. Bác đến hiệu bộ từ rất sớm, cùng các đồng chí Hoàng Đạo Thúy, Hiệu trưởng và Trần Tử Bình, chính trị viên, đi thăm nhà bếp, nhà ăn, phòng học, phòng ngủ của học viên trước khi ra dự lễ.

Lá cờ đỏ sao vàng mới tinh được kéo lên trong tiếng nhạc *"Quốc ca"*. Bác từ lễ đài bước xuống, trao lá cờ thêu sáu chữ vàng *"Trung với Nước, Hiếu với Dân"* cho đồng chí học viên vừa được chiến trường Nam bộ cử ra học. Hơn ba trăm học viên bồng súng chào theo khẩu lệnh của Tổng trực ban Vương Thừa Vũ. Bác đứng nghiêm trước lá cờ, rồi trở về lễ đài đến trước micrô huấn thị cho cán bộ, học viên. Người nói: "*Trung với Nước, Hiếu với Dân*" là bổn phận thiêng liêng, một trách nhiệm nặng nề nhưng cũng là một vinh dự của người chiến sĩ trong đạo quân quốc gia của nước ta. *"Trung với Nước, Hiếu với Dân"* là đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết. Lợi ích cơ bản nhất và cấp thiết của nhân dân ta lúc này là độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc. Phải hết lòng, hết sức đấu tranh để thật sự đạt được lợi ích đó...".

Sau khi dặn dò về trách nhiệm của người cán bộ cách mạng. Người nói tiếp: "Làm cán bộ phải siêng năng. Trời sinh ra con người, ai cũng có ngũ quan. Nhưng người cán bộ có chỗ khác là biết tận dụng ngũ quan để làm việc cho cách mạng, cho nước, cho dân. Mắt phải siêng nhìn sát thực tế, quan sát kỹ lưỡng tình hình. Mũi phải siêng ngửi thấy những vấn đề mới mẻ. Tai phải siêng nghe ý kiến của anh em, bạn bè, đồng chí, cấp trên; còn phải nghe cả địch nữa để dễ bề đối phó. Tay phải siêng lao động. Chân phải đi sát bộ đội, đi sát quần chúng. Người ta có hai mắt, hai tai, hai chân nhưng chỉ có một mồm nên cần ít nói, nói những điều cần thiết và đã cần thiết thì nói đi nói lại trăm nghìn lần cũng vẫn phải siêng, càng có lợi cho cách mạng".

Những lời huấn thị và sáu chữ vàng *"Trung với Nước, Hiếu với Dân"* của Bác đối với lớp học viên khóa 1 năm ấy không

chỉ thấm sâu trong suốt cuộc đời của mỗi người mà còn trở thành bản chất tốt đẹp và truyền thống vẻ vang của cả Quân đội nhân dân Việt Nam.

BÁC HỒ VÀ ĐỘI DU KÍCH PÁC BÓ

Ngày thành lập đội du kích, chúng tôi - đội du kích đầu tiên của phong trào cách mạng Cao Bằng do Bác trực tiếp tổ chức và chỉ đạo diễn ra rất đơn giản. Không có hội trường, không có diễn văn, không có cờ hoa và cũng không có khách mời. Nơi làm lễ thành lập đồng thời cũng là thao trường ở trên đám ruộng to có tên gọi Pài Co Nhản[1] ở đằng sau lán. Lúa vừa gặt xong, gốc rạ còn cứng. Sự kiện lịch sử này xảy ra cách đây đã gần năm mươi năm, tôi còn nhớ vào khoảng tháng 11 năm 1941. Tôi được phân công đi đón Bác từ sớm, còn anh Lê Thiết Hùng[2] thì tập hợp cả đội đi đón Bác. Lúc Bác đến anh em đã đông đủ, đội ngũ chỉnh tề, Bác mặc bộ quần áo Nùng, đầu trần, khăn quàng cổ, đi giày vải địa phương. Theo sau Bác, có tôi và đồng chí Lộc bảo vệ. Đến nơi, tôi đứng vào hàng, đồng chí Lê Thiết Hùng dõng dạc hô:

- Toàn đội chú ý: Lập chính.

Lập chính tức là khẩu lệnh "nghiêm" ngày nay, là một từ Hán Việt chúng tôi vẫn dùng khi tập tự vệ. Chi đội ai nấy đứng nghiêm, chăm chú hướng theo Bác. Anh Hùng hai tay co lên ngang thắt lưng chạy đến cách Bác mấy bước thì dừng lại, dập gót chân, đứng nghiêm rồi giơ tay chào và báo cáo Bác:

---

[1] Tiếng Việt là "bại cây vải ăn".

[2] Sau này là Thiếu tướng.

- Báo cáo đồng chí! Toàn đội du kích đã tập hợp đủ, mời đồng chí huấn thị.

Tư thế và các động tác quân sự thành thạo của anh trông rất đẹp, chứng tỏ trình độ huấn luyện chính quy rất bài bản làm cho anh em thích thú. Bác nhìn đội du kích tỏ vẻ hài lòng, rồi bắt đầu nói, tôi nhớ sơ lược như sau:

- Hôm nay, đội du kích Việt Minh lần đầu tiên được thành lập, chúng ta cần phải nghiên cứu và làm tốt các nhiệm vụ đã đề ra, có cái làm trước, cái làm sau. Tổ chức đã phát sinh thì phải phát triển, muốn phát triển được tốt phải qua công tác thực tế mà phấn đấu và rèn luyện. Các đồng chí là những cán bộ trung thành, dũng cảm vì đoàn thể, vì dân, phải đoàn kết, chấp hành kỷ luật đội cho tốt, khiêm tốn học hỏi, giúp nhau thực sự về chính trị, quân sự cũng như trong sinh hoạt. Đối với nhân dân, đội phải như cá với nước: nghĩa là đội như đàn cá mà nhân dân là nước. Cá không có nước thì không sống được.

Nhật, Pháp là kẻ thù của dân tộc và cũng là kẻ thù - không đội trời chung của cách mạng. Chúng luôn luôn rình mò để diệt cách mạng, diệt chúng ta. Ta phải đề phòng và tích cực đối phó sao cho cách mạng và lực lượng vũ trang của mình được an toàn và ngày càng phát triển cho đến khi có thể diệt bọn chúng giành lại đất nước. Mặt khác, còn bao nhiêu vấn đề rộng lớn đang chờ các đồng chí. Phải cố gắng học trong sách, học trong công tác và trong chiến đấu. Qua một thời gian công tác, các đồng chí phải là những người giỏi về chỉ huy và lãnh đạo, giỏi về công tác. Chúng ta sẽ tổ chức và phát triển nhiều đội du kích khác, chẳng những ở Cao Bằng mà còn ở cả các tỉnh khác.

Chúc các đồng chí học tập, công tác thu được thắng lợi và xây dựng đội ngũ ngày càng vững mạnh.

Nói xong, Bác đưa cho chúng tôi một tập giấy ghi mười điều kỷ luật của đội và những nguyên tắc xây dựng và hoạt động của đội. Anh Lê Thiết Hùng thay mặt anh em hứa với Bác sẽ thực hiện tốt lời dạy của Người và học tập tốt trong đợt huấn luyện này.

Tiếp đó, anh hô to:

- Lập chính!

Mọi người đều đứng nghiêm quay mặt hướng vào Bác. Bác giơ tay vẫy và bảo: "Anh em nghỉ!". Tôi chạy ra khỏi hàng định đưa Bác trở lại thì Bác xua tay:

- Đồng chí ở lại tập cùng với anh em, mình cùng đồng chí Lộc khắc về, gần thôi.

Ngày thành lập đội du kích đầu tiên ở Pác Bó đơn giản như vậy nhưng lại rất trang nghiêm và xúc động. Anh chị em chúng tôi nhớ mãi kỷ niệm sâu sắc đó, Bác đã đích thân đến khai mạc lễ thành lập đội du kích đầu tiên này và ân cần chăm sóc, dạy dỗ chúng tôi từ những bước đi chập chững ban đầu. Bác đã đích thân duyệt kế hoạch tổ chức và kế hoạch huấn luyện, tự tay thảo ra mười điều kỷ luật và những nguyên tắc xây dựng và hoạt động của đội.

Ngay sáng hôm đó, sau khi Bác đi rồi, buổi huấn luyện đầu tiên bắt đầu thật là hào hứng. Anh Thiết Hùng đứng trước toàn đội hô to:

- Toàn đội chú ý! Lập chính!

Anh đưa mắt nhìn toàn đội một lượt, rồi nói:

- Hôm nay là ngày thành lập đội và cũng là ngày bắt đầu huấn luyện. Anh em đồng chí chúng ta đều từng học quân sự nên chương trình huấn luyện chỉ gọn trong một tuần. - Anh nói qua nội dung rồi tiếp:

- Chúng ta học để có sự đồng nhất về mặt kỹ thuật, nắm chắc yếu lĩnh rồi thuần thục dần, để có sự nhất trí về chiến thuật và linh hoạt trong vận dụng, nắm được các quy định về nội vụ, về công tác chính trị trong quân đội. Chúng ta phải cố gắng tập trung tư tưởng học tập cho tốt. Hôm nay mở đầu, chúng ta hãy ôn lại các động tác cơ bản cho thống nhất. Các khẩu lệnh thì ta dùng tiếng Việt thay cho từ Hán Việt đang dùng. Mỗi chúng ta vừa là học viên, vừa là giáo viên. Chúng tôi đã chuẩn bị một số từ để anh em lựa chọn, dự kiến thay khẩu lệnh "Lập chính" bằng từ "im" hay "đứng im", "nghiêm" hay "đứng nghiêm". Đề nghị các đồng chí góp ý.

- Định để anh em ôn tập mấy động tác cơ bản một buổi sáng cho xong, chúng tôi cũng không ngờ rằng vấn đề khẩu lệnh quân sự lại phức tạp đến thế. Buổi tập đầu tiên đã vấp ngay vấn đề hóc búa này. Chúng tôi đã phải tranh luận và tập hô thử nhiều để lựa chọn "im" hay "đứng im", "nghiêm" hay "đứng nghiêm". Chúng tôi nghĩ khẩu lệnh quân sự vừa oai, vừa dứt khoát mạnh mẽ. Chúng tôi thay nhau hô từng khẩu lệnh một và rồi đều nhất trí bỏ khẩu lệnh "im" vì hô lên thấy cụt lủn quá, sau đó bỏ cả khẩu lệnh "đứng im" vì âm trầm và không vang. Chỉ còn hai từ "nghiêm" và "đứng nghiêm" nhưng việc lựa chọn vẫn chưa ngã ngũ, đành tạm gác lại để chuyển sang chọn những khẩu lệnh khác. Chúng tôi nhanh

chóng thống nhất được việc thay đổi khẩu lệnh "hướng hữu, chuyển!" bằng "bên phải, quay!", "hướng tả, chuyển" bằng "bên trái, quay". Những khẩu lệnh bằng tiếng Việt mình sao thú vị thế! Khi anh em hô "bên phải, quay!", tôi thấy vừa oai, vừa dứt khoát, mạnh mẽ hơn khẩu lệnh từ Hán Việt "hướng hữu, chuyển!".

Buổi sáng hôm ấy, tiếng hô khẩu lệnh vang cả thung lũng. Chúng tôi tập hô khẩu lệnh rát cả cổ nhưng cũng chỉ thống nhất được một số khẩu lệnh còn vẫn chưa dứt khoát được nên chọn "nghiêm" hay là "đứng nghiêm". Đến trưa hôm ấy, lúc quay trở về nhà, chúng tôi tiếp tục bàn cãi rất hăng và vẫn còn có ý kiến khác nhau. Lúc bấy giờ, Bác ở lán hai, anh em ở lán một, Bác và anh em cùng ăn cơm ở lán một. Gần đến giờ ăn, Bác đến, nghe anh em trao đổi, Bác tham gia ý kiến:

- Từ đúng thì ta dùng, còn bây giờ chưa thấy oai, sau này nghe quen rồi sẽ thấy oai.

Cuối cùng, anh em chúng tôi nhất trí chọn từ "nghiêm". Quả nhiên, về sau dùng quen chúng tôi càng thấy thích thú với khẩu lệnh "nghiêm" đó.

- Những buổi sáng tiếp sau, chúng tôi vẫn tiếp tục ra bãi tập và thảo luận việc Việt hóa các khẩu lệnh từ Hán Việt, thay đổi nhau hô thử kết hợp làm động tác. Có khẩu lệnh chọn dùng được ngay nhưng cũng có khẩu lệnh phải bàn kéo dài. Đặc biệt đối với động tác vác súng thì không những phải bàn bạc về khẩu lệnh mà ngay cả động tác cũng có vấn đề phải tranh cãi. Chẳng hạn, khẩu lệnh hô "vác súng, vác!" hay "súng lên vai, vác" hay chỉ hô "vác súng!" là đủ. Cuối cùng, qua thực hành thấy có dự lệnh vẫn hơn vì khi tập nếu chỉ có

động lệnh không thôi, anh em vác súng lên vai thường chuệch choạc. Chúng tôi đã chọn khẩu lệnh "vác súng, vác!" có đủ dự lệnh và động lệnh.

Nhưng về động tác vác súng, cũng đẻ ra vấn đề vác thế nào? Lúc tập, chúng tôi cảm thấy vác theo kiểu Tây có vẻ oai hơn, kiểu khác không hay lắm. Làm đi làm lại động tác rút cuộc thấy rằng do cấu tạo riêng, khẩu súng Mút-cơ-tông hay Anh-đô-si-noa của Pháp có thể vác thẳng còn các loại súng khác thì phải vác nghiêng mới hợp.

Ngay cả vấn đề chào có súng và chào không súng, từ động tác đến khẩu lệnh cũng phải bàn cãi. Có đồng chí bảo chào có súng theo kiểu Tây là oai nhất. Khẩu lệnh chào có súng chỉ cần động lệnh thôi hay cũng cần dự lệnh. Tranh cãi và tập nhiều ở thao trường mà mới chỉ nhất trí cần có dự lệnh thì động tác chào mới đều, vẫn chưa thống nhất kiểu chào. Về nhà, lúc ăn cơm trưa xong, biết việc đó, Bác lại cho ý kiến và làm động tác mẫu trước. Người cầm lấy cây dựng ở vách, ướm đặt bên thắt lưng, bàn tay trái đỡ súng, mũi về phía trước, bàn tay phải nâng báng súng áp vào thắt lưng, đường thẳng của súng và người tạo thành một góc nhọn làm thành chữ V.

Nhìn động tác chào của Bác, một người trong chúng tôi reo lên:

- A! Chào theo kiểu chữ V! Chào theo kiểu Việt Minh!

Tất cả phá ra cười, Bác cũng mỉm cười. Thế là từ đó, chúng tôi thống nhất được kiểu chào có súng, còn kiểu chào tay không thì không phải là kiểu chào đưa bàn tay thẳng năm ngón khít lên vành mũ như ngày nay mà bàn tay phải nắm lại giơ lên ngang đầu theo kiểu chào trong Đảng. Có khác kiểu

chào của Đảng là chào tay trái. Sau đây có đồng chí nói rằng kiểu chào nắm tay phải là kiểu chào thời Mặt trận Bình dân.

Ngày nay, vấn đề khẩu lệnh và động tác cơ bản của quân đội ta đã được thống nhất và thành nền nếp nhưng cách đây gần năm mươi năm, trong bước khởi đầu, anh em du kích chúng tôi đã phải mò mẫm, khó khăn như vậy.

Thiếu tướng Lê Quảng Ba kể năm 1987

(Theo Hoàng Thế Dũng)

NHỮNG LỜI BÁC DẠY ĐẦU TIÊN

Mùa thu năm 1946, tôi và ba đồng chí[1] nữa được vinh dự theo Bác về nước trên chiếc tàu Đuymông Đuếvin. Tàu này là một chiếc tàu chiến đã cũ, chạy lừ đừ chậm chạp. Lúc bấy giờ, tình hình ở trong nước đang căng thẳng ai nấy đều sốt ruột mong về sớm, nhưng giờ đây nghĩ lại, đối với chúng tôi, đó là một dịp may hiếm có để được kéo dài những ngày chung sống với Bác. Trên chuyến xe lửa từ Pari đi Mácxây, Bác nói:

- Nước ta còn nghèo vì 80 năm bị đế quốc bóc lột, chiếm đóng. Đồng bào Nam bộ giờ đây còn đổ máu. Chúng ta còn gian khổ chiến đấu nhiều chứ chưa được sung sướng ngay đâu. Các chú về nước chính là để phục vụ Tổ quốc, phục vụ đồng bào...

Lên tàu rồi, một hôm Bác dặn:

---

[1] Bác sĩ Trần Hữu Tước, kỹ sư luyện kim Võ Quý Huân và kỹ sư mỏ luyện kim Võ Đình Huỳnh.

- Ở nhà không có gì đâu. Nước ta thiếu máy móc, nguyên liệu, thiếu cả thợ lành nghề, tiền của ta lại ít. Song nước ta giàu về rừng núi, sông biển, đồng bào ta giàu về quyết tâm, dũng cảm và sáng tạo. Các chú về phải chịu thương, chịu khó làm ăn, đưa những cái đã học ở nước ngoài về áp dụng thiết thực vào trong nước, giúp đỡ và hướng dẫn anh em trong nước cùng làm.

Tôi còn nhớ lúc đi tàu, thỉnh thoảng có những hôm tên chỉ huy tàu tổ chức tập trận giữa biển cả mênh mông, tiếng súng đại bác, súng máy các loại thi nhau gầm thét, khói mịt mù, nước biển tung toé ngoài khơi. Trong chúng tôi, thoạt tiên cũng có người hồi hộp, nhưng riêng Bác vẫn điềm nhiên, ung dung hút thuốc lá, đứng xem. Bác mỉm cười bảo chúng tôi:

- Đấy, người ta thử kiểm tra tinh thần của các chú. Các chú có sợ không?

Nhân đó, Bác chỉ cho chúng tôi thấy bọn đế quốc thường hay phô trương, khoe khoang về sức mạnh vật chất, còn nhân dân cách mạng tuy nghèo nhưng hàng triệu người đoàn kết thành một khối, có tinh thần dũng cảm và mưu trí, nhất định đánh bại được bọn chúng...

Tại Đại hội liên hoan anh hùng chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất, tôi được Bác khen… Vinh dự đó thuộc về anh em ngành quân giới trong đó, tôi, nhờ sự chỉ bảo, dìu dắt của Bác đã đóng góp một phần. Những lời dạy của Bác như bức cẩm nang quyết định mọi thắng lợi trong công tác của tôi.

(Thiếu tướng Trần Đại Nghĩa)

BÁC HỒ GIAO NHIỆM VỤ

Tháng 3 năm 1961, tôi được gọi lên sư đoàn học tập, rèn luyện để đi "công tác xa". Tôi biết sẽ được về miền Nam chiến đấu. Trước khi lên đường, ai cũng có tên mới. Người thì đổi họ, có người đổi cả chữ đệm, cả tên. Riêng tôi, tôi suy nghĩ và tự đặt cho mình một tên mới, mới hoàn toàn: Hồ Minh Giao. Tôi có ý nghĩ: nhiệm vụ của tôi là Bác giao, tôi kiên quyết dù trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng phải hoàn thành.

Qua 15 năm trên chiến trường miền Tây Nam Á cái tên Hồ Minh Giao tôi luôn củng cố cho mình ý chí cách mạng tiến công. Những ngày kháng chiến ác liệt và gian khổ ở đồng bằng sông Cửu Long, nhất là tết năm Mậu Thân 1968 đến 1975, cái tên Hồ Minh Giao đã sống trọn vẹn trong tôi cùng với mọi hy sinh thử thách...

Sau giải phóng, nhiều anh em đã lấy lại tên cũ của mình. Riêng tôi, tôi vẫn giữ cái tên này, giữ mãi mãi. Dù Bác đã đi xa, nhưng tôi thầm nghĩ Bác vẫn còn giao nhiệm vụ cho tôi. Vì vậy tôi vẫn cứ phải là Hồ Minh Giao.

(Theo Hồ Minh Giao)

MUỐN LÀM CÁCH MẠNG PHẢI CÓ DÂN, PHẢI CÓ LÍNH MẠNH KHỎE

Trước khi kết thúc mùa vận chuyển năm 1961 - 1962, đoàn trưởng đoàn 559 ra Hà Nội báo cáo với Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh về kết quả hoạt động của Đoàn và

nhận nhiệm vụ tiếp theo. Trong dịp này, đồng chí Võ Bẩm được lên báo cáo trực tiếp với Bác Hồ. Bác chăm chú lắng nghe tình hình mở đường, vận chuyển và kết quả các mặt hoạt động của Đoàn. Bác hỏi kỹ về đời sống nhân dân và của bộ đội trên tuyến đường Trường Sơn. Đồng chí Võ Bẩm báo cáo xong, Bác đăm chiêu một lát rồi hỏi:

- Chú đã nói hết sự thật chưa?

- Đồng chí Võ Bẩm lúng túng vì đã được dặn trước không nói hết sự gian khổ của dân, của bộ đội, sợ Bác buồn. Nhưng nhìn ánh mắt nhân hậu của Bác, đồng chí Võ Bẩm đã kể lại cảnh thiếu ăn, bị phù thũng vì thiếu muối của bộ đội và nhân dân các dân tộc ở vùng tuyến đường đi qua...

Nghe xong, Bác nói:

- Chú nói thật vậy là đúng. Vừa qua bộ đội Đoàn 559 được cơ quan Nhà nước, Bộ Tổng hỗ trợ nên làm được như vậy là tốt. Bác hoan nghênh và biểu dương các lực lượng trên tiền tuyến... Nhưng muốn làm cách mạng phải có dân, phải có lính mạnh khỏe. Các chú phải chăm lo đến đời sống bộ đội hơn nữa. Cần báo cáo với Bộ hết sức giúp đỡ dân muối, vải, thuốc trị bệnh trong lúc này...

Sau đó, Bác gửi đồng chí Võ Bẩm mang một số quà gồm vải hoa, thuốc... vào Trường Sơn tặng đồng bào các dân tộc địa phương.

(Theo Hà Sĩ Biên)

"CHÚ RA XEM BỘ ĐỘI CÓ BỊ ƯỚT KHÔNG?"

Chiều ngày 27 tháng 02 năm 1951, khi Đại đoàn 304 tập kết về vị trí đóng quân đầy đủ thì Bác Hồ và một cán bộ đi ngựa đến. Trời mưa rả rích, đường sá lầy lội.

Bộ đội chỉ đoán chừng là khách cấp trên của Đại đoàn đến thăm đơn vị trước khi đi chiến dịch Thượng Lào.

Tối, Bác xuống nhà bếp của Đại đoàn bộ. Thấy các đồng chí nuôi quân, tuy tiết trời lạnh mà mồ hôi, bên bếp lửa, Người lấy trong túi ra quả cam rồi nói:

- Anh nuôi vất vả nhiều, Bác thưởng các chú…

Các chiến sĩ nhận ra Bác, cầm quả cam chưa nói được gì, Bác đã bước ra xa.

Đêm ấy, Bác vẫn làm việc. Khuya lắm Bác mới ngả lưng nghỉ trên sàn nứa, trong cái lán dựng tạm, lợp lá cọ.

Sáng sớm, trời vẫn mưa. Chợt tỉnh giấc, nghe thấy tiếng mưa, Bác gọi đồng chí Chính ủy Đại đoàn:

- Chú Quang đâu! Ra xem bộ đội có ướt không đi!

(Theo Tư liệu Sư đoàn 304)

LẦN ĐẦU GẶP BÁC

Hôm đó, vào khoảng đầu tháng 4 năm 1946, sau chuyến đi từ Bến Tre ra Hà Nội, chúng tôi được gặp Bác ở Bắc Bộ phủ.

Chúng tôi vừa lên hết các bậc thềm thì có một cụ già thoăn thoắt từ phía trong đi ra làm tôi suýt reo lên. Đúng là Bác rồi! Giống hệt như trong ảnh vậy. Tôi đứng ngây người, dán mắt nhìn Bác. Bác niềm nở bắt tay từng người. Khi chưa gặp Bác, tôi nghĩ chắc Bác nghiêm nghị lắm. Nhưng khi đến gần thì bao nỗi lo âu đều tan hết. Và càng gần Bác, tôi càng xúc động về tình yêu thương chan hòa của vị Cha già đối với các con. Năm ấy, tóc Bác chưa bạc nhiều. Khi nhìn Bác nói chuyện, tôi thấy một cái răng cửa Bác không còn. Bác chỉ vào tôi:

- Ưu tiên cho phụ nữ nói trước. Cô nói cho Bác nghe tình hình nhân dân, bộ đội ta ở Nam bộ bây giờ thiếu thốn những gì? Các cô, các chú muốn yêu cầu, đề nghị gì?

Tôi đang luống cuống đứng lên. Là con gái miệt vườn mới 26 tuổi đầu, chưa bước đi đâu xa, nay trước yêu cầu của Bác, bao nhiêu điều chuẩn bị mong gặp Bác để nói, giờ chạy đâu mất ráo.

Bác cười hỏi tôi:

- Thiếu súng lắm phải không? Các cô, các chú muốn xin bao nhiêu khẩu mang về?

Thật là kỳ diệu - Bác đã nói đúng điều quan trọng nhất mà các đồng chí lãnh đạo ở Nam bộ đã dặn đi dặn lại mãi trước khi chúng tôi ra đi.

- Dạ thưa Bác, thiếu lắm.

Thế nào Trung ương và Chính phủ cũng có súng gửi vào Nam. Nhưng nước ta còn nghèo, các cô các chú về phải đánh Pháp cho giỏi, cướp lấy súng của nó thì cái vốn đó mới nhiều.

Sau đó, Bác cho chúng tôi ăn cơm. Trong bữa ăn Bác hỏi chuyện từng người. Bác bảo tôi:

- Cô ở lại học tập một thời gian rồi về tiếp tục kháng chiến với bà con. Người cách mạng phải học suốt đời... Người không học như đi đêm không có đèn, không có gậy dễ vấp, dễ té.

Ngày 19 tháng 5 năm đó, đoàn cán bộ miền Nam được đến mừng thọ Bác. Bác nói:

- Bác không có gì đãi các cô các chú cả, vì nhân dân ta ở miền Nam còn đang chịu bao nhiêu đau khổ... Các cô, các chú về báo cáo với đồng bào miền Nam rằng lòng già Hồ, lòng đồng bào miền Bắc lúc nào cũng ở bên cạnh đồng bào miền Nam ruột thịt... Cả nước ta một lòng đánh đuổi giặc Pháp, sẽ có ngày đoàn tụ Nam Bắc một nhà.

Nói rồi, Bác khóc. Chúng tôi cũng khóc luôn.

Nguyễn Thị Định

Phó Chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt Nam

(Theo sách "Không có con đường nào khác")

"ĐỂ BÁC QUẠT"

Năm ấy, Bác đến thăm trại điều dưỡng thương binh ở Hà Nội. Tin Bác đến nhanh chóng lan ra khắp trại. Anh chị em thương binh ai cũng muốn len vào gần Bác, quên cả nạng phải dùng để đi.

Đang lúc Bác thăm hỏi sức khỏe thương binh bỗng một đồng chí hỏng mắt nhờ một y tá dẫn đến xin đứng bên Bác. Đồng chí Ninh đi với Bác định bước lại đỡ đồng chí ấy, nhưng

Bác đã đi tới, giơ hai tay ra đón. Đồng chí thương binh ôm chầm lấy Bác nghẹn ngào "Bác ơi!". Bác lặng đi giây lát rồi mới tiếp tục câu chuyện thăm hỏi.

Bác đến từng giường anh chị em thương binh nặng hỏi thăm bệnh tật đã đỡ chưa, mỗi bữa ăn được bao nhiêu bát cơm.

Hôm ấy, trời nóng bức, Bác lấy cái quạt giấy vẫn dùng quạt cho các thương binh. Có người định làm thay, Bác nói:

- Để Bác quạt.

Hôm ấy, lúc ra về, Bác không vui.

Và có lẽ vì thế mà khi cơ quan định lắp máy điều hòa nhiệt độ nơi Bác ở, Bác bảo đem ra cho các đồng chí thương binh.

KHÔNG ĂN HẾT THÌ ĐEM VỀ NHÀ

Tôi còn nhớ rất rõ buổi tối hôm đó ở Phủ Chủ tịch. Trong lúc chúng tôi đang mải mê hóa trang thì thấy tiếng "Bác! Bác!" vang lên trong phòng và thấy một số chị em vội vã chạy ùa ra cửa. Tôi còn đang ngơ ngác thì một chị đứng bên tôi bảo: "Bác đến, Bác đến!". Tôi hiểu ra là Bác đến thăm chúng tôi. Mơ ước của tôi đã thành sự thật. Vì sự việc đó bất ngờ quá nên tôi luống cuống không biết nên chạy đến gần Bác hay đứng tại chỗ để nhìn Bác. Tôi cũng quên cả việc chào Bác mà cứ đứng ngây nhìn ngắm Bác, giữa lúc đó tôi nghe tiếng Bác gọi:

- Các cháu Tây Nguyên đến bắt tay Bác.

Nghe tiếng Bác gọi, tôi bồi hồi quá, vội vàng đến gần Bác để được bắt tay. Bắt tay chúng tôi xong, Bác thong thả đi ra ngoài. Lúc này, tôi càng xúc động, chảy cả nước mắt mà vẫn nhìn theo Bác. Tôi cảm thấy vẫn chưa được nhìn rõ Bác vì thời gian được nhìn Bác ít quá, mặc dầu tôi đã được đứng gần Bác và bắt tay Bác.

Một việc nữa làm tôi xúc động hơn và cũng chưa bao giờ nghĩ tới là sau khi chúng tôi biểu diễn xong một tiết mục, Bác thấy chúng tôi mặc áo cộc tay, liền thân mật bảo ngay:

- Các cháu mặc ngay áo bông vào không thì bị sưng phổi đấy!

Khi chúng tôi mới trình diễn được nửa chương trình thì Bác bảo chúng tôi nghỉ. Bác nói:

- Diễn như vậy là đủ, các cháu mới ra Bắc tập kết chưa quen chịu lạnh, nếu làm việc nữa thì sẽ bị ốm đấy.

Bác cho chúng tôi ăn kẹo bánh và dặn chúng tôi:

- Cháu nào ăn không hết thì đem về nhà - Lúc đó tôi và nhiều anh chị em trong đoàn rụt rè không ăn vì còn mải ngắm nhìn Bác. Thấy vậy, Bác bảo chúng tôi:

- Các cháu cứ ăn tự nhiên, ăn không hết đem về nhà cho các bạn, và nhớ phần cho cả đồng chí lái xe nữa.

(Nay Hơ Vin - Dân tộc Gia Rai)

AI ĂN THÌ NGƯỜI ẤY TRẢ TIỀN

Năm 1954, hòa bình lập lại trên nửa nước. Đồng bào các địa phương có sản vật gì quý đều gửi một ít lên biếu Bác để giới thiệu thành tích tăng gia với Người.

Trong một bữa cơm, Bác thấy có món cà Nghệ, quả nhỏ, cùi ròn, ngâm mắm. Bữa ấy Bác ăn rất ngon miệng. Hôm sau lại có món cà quê hương. Bác ăn hết vài ba quả. Thấy thế đồng chí anh nuôi lại dọn cà.

Bác hỏi:

- Cà muối mua hay ai cho thế?

- Thưa Bác, đồng bào Nghệ An đưa ra tặng Bác

- Có nhiều không?

- Dạ, một ô tô ạ.

Bác chậm rãi nói:

- Thế này nhé. Cà Nghệ An ăn rất ngon. Bác ăn mấy bữa là đủ rồi. Bây giờ ai muốn ăn nữa thì trả tiền cho đồng bào Nghệ An.

Đồng chí chiến sĩ anh nuôi lùi ra nói:

- Chết chưa! Đã bảo mà.

TIẾNG CHUÔNG ĐÊM GIAO THỪA

Tết Bính Tuất 1946, tết đầu tiên của nước nhà sau gần một trăm năm nô lệ. Mặc dầu tình hình chung cả nước đang có nhiều chuyện phức tạp nhưng không khí đón tết độc lập vẫn náo nức chưa từng thấy. Ở Nam bộ, giặc đã mở rộng chiến tranh ra Nha Trang. Ngoài Bắc, bọn Tàu Tưởng quấy nhiễu đủ trò làm chỗ dựa cho bọn Việt quốc, Viết cách phá rối.

Vậy mà tết đến, Bác vẫn đi thăm hỏi và chúc tết đồng bào. Đêm giao thừa, Bác gọi dây nói đến Bộ Tổng tham mưu mới

được thành lập. Khốn nỗi đúng lúc ấy, đồng chí trực máy lại bỏ đi đâu đó thành thử không có người đáp lời. Thế rồi cả đêm đó cũng không ai hay biết. Sáng sớm mồng một tết, Bác lại gọi điện xuống, lúc đó tôi mới biết, Bác nói:

- Giao thừa đón xuân, Bác định chúc tết các chú nhưng gọi mãi không ai cầm máy trả lời.

Là Tổng tham mưu trưởng[1] tôi bối rối hết chỗ nói, cảm thấy thật là có lỗi với Bác. Tôi đâu có biết tới ba mươi tết ấy, Bác đã đi chúc tết nhiều nơi, thăm các gia đình có công với cách mạng, công nhân ở các xóm lao động, về khuya hẳn là mệt lắm. Nhưng Bác vẫn không quên gọi điện chúc tết chúng tôi. Thế mà... bây giờ biết nói thế nào? Đầu dây bên kia Bác lại nói tiếp, chúc tết chúng tôi một cách thân thương rồi Bác phê bình:

- Là cơ quan tham mưu mà mất cảnh giác là không được. Cán bộ cơ quan tham mưu phải làm gương cho toàn quân về tinh thần cảnh giác và chấp hành nghiêm các chế độ quy định.

Tôi chỉ biết thưa:

- Thưa Bác, vâng ạ...

CHÚC ÔNG RỒI LẠI CHÚC BÀ

Cuối năm 1945, chị Thường được cấp trên giao nhiệm vụ nấu cơm phục vụ Bác tại một địa điểm bí mật. Tuy thỉnh thoảng mới qua lại cơ quan này, nhưng Bác rất quan tâm đến

[1] Đồng chí Hoàng Văn Thái.

cuộc sống và sự tiến bộ của từng người. Bấy giờ đồng chí Lý là cán bộ bảo vệ của Bác, biết chị Thường, ban đầu chỉ là quen nhau trong công tác, sau lại "để ý" tới chị. Đất nước mới được độc lập, thù trong giặc ngoài còn đầy rẫy, đồng chí Lý ngại không dám nói ra với bạn bè, chỉ tâm sự riêng với anh Cả[(1)]. Một hôm, đồng chí Nguyễn Lương Bằng hỏi chị Thường:

- Cô đã đính hôn với ai chưa?

Chị Thường thẹn đỏ mặt trả lời:

- Chưa ạ!

- Ở đây có người yêu thương cô, Bác đã biết, Bác có ý tác thành cho hai người, ý cô thế nào?

Chị Thường xin khất sẽ trả lời sau, tuy trong bụng rất vui.

Một tuần lễ trôi qua. Vào một buổi tối, Bác cho gọi chị Thường và đồng chí Lý. Bác hỏi thăm tỉ mỉ quê quán, gia đình chị Thường rồi hỏi về việc riêng tư. Chị Thường ấp a ấp úng thưa:

- Dạ, thưa Cụ. Con...

- Để Bác làm mối nhé!

Đầu tháng 01 năm 1946, Bác, đồng chí Nguyễn Lương Bằng và một số cán bộ khác tới dự đám cưới của hai anh chị Thường - Lý. Một bữa tiệc thân mật được dọn ra để chúc mừng hạnh phúc cô dâu, chú rể. Mọi người kính mời Bác làm chủ hôn. Bác bảo mọi người nâng cốc và đọc hai câu thơ:

"Chúc ông rồi lại chúc bà,

Con cháu đầy nhà cả gái lẫn trai".

---

(1) Đồng chí Nguyễn Lương Bằng.

Hai anh chị đứng lên cám ơn Bác, hứa với Bác vui duyên mới không quên nhiệm vụ.

(Theo Nguyễn Minh Sang)

CỐC RƯỢU BA BA

Năm 1950, ai đã từng sống trên Việt Bắc đều nhớ những ngày gian khổ, thiếu gạo, thiếu muối, nhưng tinh thần kháng chiến của cán bộ, chiến sĩ, đồng bào đều rất cao. Cũng như mọi người, Bác Hồ của chúng ta đồng cam cộng khổ với chiến sĩ.

Anh Định, người nấu ăn phục vụ Bác thấy Bác làm việc nhiều, gầy yếu, nghe nói rượu ba ba uống bổ bèn mua "trộm" một con, cắt tiết pha với một cốc rượu nhỏ để Bác dùng. Đến bữa ăn, thấy cốc rượu, Bác hỏi:

- Cốc gì đấy chú Định?

- Thưa Bác, có tí rượu ba ba ạ.

- Chú mua đấy à?

Anh Định nói dối:

- Dạ, cháu bắt được con ba ba, đồng bào nói rằng tiết con này, người già uống khỏe ra. Cháu làm thử một tý để Bác dùng.

Bác xua tay:

- Bác không uống đâu. Chú uống đi.

Anh Định đành mang xuống nhà. Lát sau, anh lại mang cốc rượu lên. Bác thấy anh, hỏi:

- Có việc gì thế chú Định?

- Thưa Bác, cốc rượu ba ba.

- Bác đã nói là Bác không uống quen mà!

Anh Định lại mang đi.

Bữa cơm chiều lại thấy cốc rượu trong mâm.

Không thấy anh Định, Bác cho gọi lên, nhìn anh, mỉm cười uống một nửa. Còn một nửa, Bác nói:

- Bác uống thế đủ rồi. Phần này của chú đấy...

TỪ CÁI HỌC ĐẾN CÁI ĂN

Cuối năm 1945, tôi được gọi đến Phủ Chủ tịch để lái xe riêng cho Bác. Những ngày đầu của Chính phủ, tôi cũng như tất cả nhân viên khác - đều làm việc cách mạng mà không lĩnh lương. Nhưng tôi lại thấy bao điều hạnh phúc khác trước kia, lái xe thuê cho chủ có tiền mà vẫn nhục…

Trên xe, Bác hay nói chuyện với mọi người, ví von vui vẻ lắm. Hầu như tối nào Bác cũng xuống sinh hoạt, nói chuyện với cán bộ kể cả "lưu dung" làm việc trong Bắc Bộ phủ. Mỗi khi có địa phương biếu quà, Bác đều chia cho anh em bảo vệ và phục vụ, tính cách như người cha trong gia đình, cùng lắm là nhận một phần rất nhỏ về mình. Có lẽ nỗi lo lắng hơn cả đối với anh em phục vụ Bác là trình độ hiểu biết, tiến bộ của họ. Thấy tôi văn hóa thấp, lại ít xem sách báo, những khi ít việc Bác gọi tôi lên, bảo ngồi cạnh phòng Bác làm việc rồi đưa sách báo cho đọc. Thỉnh thoảng Bác lại mở cửa sang kiểm tra.

Một lần, thấy Bác đang tiếp khách ở phòng bên xem chừng còn lâu, đang tuổi ăn, tuổi ngủ, tôi bèn mở tờ báo để trên bàn, dựa lưng vào ghế, định bụng "làm" một giấc. Bác có vào là tỉnh dậy ngay, vờ cầm lấy báo đọc. Ai ngờ tôi ngủ thẳng một giấc ngon lành, Bác vào cũng không biết, ra cũng không hay. Sau đó khi lên xe đi rồi, Bác mới nói với tôi:

- Mới đọc, chưa hiểu dễ buồn ngủ. Đọc, hiểu rồi sẽ ham. Ham đọc rồi sẽ không buồn ngủ.

Bác chỉ nhẹ nhàng có thế mà tôi cứ xót xa, thấm thía mãi...

- Trong đợt "Tuần lễ vàng", "Cứu đói", Bác và các lãnh đạo Chính phủ đều nhịn ăn vào chiều thứ bảy hàng tuần. Riêng các lái xe, Bác không cho nhịn. Bác nói:

- Cái con tì con vị của các chú thanh niên đến bữa phải cho nó ăn, không là nó réo sôi lên đấy. Đói không lái được đâu. Các chú phải ăn để bảo vệ sinh mệnh các cán bộ của đoàn thể trong lúc cán bộ vô cùng quý giá…

(Theo Nguyễn Tiết (tức Tía) - Nguyên đội trưởng đội xe Nhà máy Cơ khí Duyên Hải - Hải Phòng)

BÁC HÁT BÀI "ANH HÙNG XƯA"

Một buổi chiều, chụp ảnh. Trong ảnh rõ ràng hai thế hệ. Các cụ ngồi ngay ngắn. Đằng sau là các đồng chí Bộ trưởng, mỗi người một vẻ.

Chụp xong, Cụ Hồ nắm lấy cánh tay tôi:

- Tối hôm nay, cụ tổ chức lửa trại nhé!

- Mấy ông cụ già với mấy ông trẻ đầy lo nghĩ, lửa trại vui được khó quá.

- Cứ vui đấy!

Bỗng một ý nghĩ lóe trong óc tôi, tôi thưa:

- Cụ cho lệnh tổ chức, tôi xin làm. Nhưng thưa Cụ, ở lửa trại thì người giữ lửa có quyền to lắm ai cũng phải nghe đấy.

- Nhất định thế

Bọn chúng tôi vẫn có cái thói hay "chọc" Cụ một cách kính mến, không dám làm Cụ bí, vì Cụ có bí bao giờ đâu nhưng để xem Cụ đối phó thế nào, rồi ngồi cười cùng nhau, lý thú về cách trả lời của Cụ, Cụ cũng hiểu thế và mỉm cười.

Mọi người đã ngồi quanh đống lửa. Tôi châm lửa và tuyên bố:

- Thi hành quyền lực của trùm lửa trại, tôi xin đề nghị Cụ Chủ tịch hát mở đầu cuộc vui.

Mọi người nhìn cả về phía Cụ. Cụ nhẹ nhàng đứng dậy, vừa đi quanh vừa hát bài hướng đạo về Đinh Bộ Lĩnh:

"Anh hùng xưa, nhớ hồi là hồi niên thiếu.

Dấy bình lấy lau làm cờ.

Quên mình là mình giúp nước…"

Già, trẻ ai nấy con mắt long lanh, nhìn âu yếm Cụ Chủ tịch của mình, mà như thế là cuộc lửa trại vui lên.

(Theo Hoàng Đạo Thúy - Nguyên Cục trưởng Cục Thông tin liên lạc)

BÁCH NIÊN GIAI LÃO

Ngay từ phút đầu, Bác đã đem đến Đại hội những người viết báo lần thứ hai không khí sôi nổi và vui tươi. Có thể nói hội trường hôm ấy vang tiếng cười từ đầu buổi đến cuối buổi. Riêng tôi và một số bạn khác, chúng tôi cười đến chảy nước mắt. Hôm ấy Bác vui lạ. Bước lên bục nói chuyện, Bác để chồng báo xuống và giơ hai tay ra hiệu bảo chúng tôi ngồi xuống, rồi Bác nói rất dí dỏm:

- Mời toàn thể "an tọa"!

Bác nhấn mạnh chữ "an tọa", cho vui nhưng thực ra tôi hiểu là Bác có ý bảo rằng những người viết báo sính dùng từ như vậy. Chắc mọi người cũng hiểu thế, cho nên nghe Bác nói cả hội trường âm vang tiếng cười. Bác nói: "Mọi việc đồng chí Trường Chinh và anh Hoàng Tùng đã nói đầy đủ nên Bác chỉ nói về nghiệp vụ thôi". Chúng tôi chăm chú nghe Bác nói về kinh nghiệm của Bác hồi viết báo ở Pháp, chuyện Bác dày công luyện bài từ ngắn đến dài, rồi từ dài đến ngắn... Nhận xét về báo chí của ta, Bác khen là đã đạt được thành tích rất đáng kể. Bác vui vẻ nhận xét tỉ mỉ một số nhược điểm của các báo trong việc trình bày, trong văn phong, chạy tít, đưa ảnh... Mấy phút im lặng, Bác lấy ra một tập báo Bác mang theo đã đánh dấu sẵn. Chúng tôi hồi hộp chờ, lo lắng, không biết báo mình, bài mình có "được" nêu lên không? Bác cầm một tờ báo hàng tuần có in ảnh một nữ công nhân đang ngồi. Ảnh cỡ lớn, chiếm toàn bộ trang nhất. Bác giơ cao cho mọi người xem rồi hỏi:

- Cô này đang ngồi làm gì đây?

Chúng tôi cũng chịu. Chỉ biết đó là một cô công nhân khá xinh, để trang nhất cũng đẹp. Thế là Bác chỉ cho biết dùng một chiếc ảnh trên báo phải hết sức chú trọng nội dung, không được dễ dãi.

Quay sang một tờ báo bạn, Bác nói:

- Các chú là nhiều danh từ lắm! Thế "không phận" là gì?

- Thưa Bác, là... là vùng trời ạ!

- Thế gọi là "vùng trời" có phải ai cũng dễ hiểu hơn là dùng chữ "không phận" không?

- Thưa Bác, dạ đúng như vậy ạ.

Bác cười, ra hiệu cho ngồi xuống. Bác nói thêm:

- Các nhà báo phải có trách nhiệm, đừng để cho tiếng mẹ đẻ chúng ta mỗi ngày mai một đi. - Bác lấy dẫn chứng:

- Chúng ta có hai chữ "vẻ vang" rất hay, lại không dùng, chỉ thích chữ "vinh quang". Nhiều người làm thơ lại gọi là "quang vinh" cho nó hợp vần!

Bác lại lấy ra những tờ báo khác. Trên trang nhất tờ báo hàng ngày ấy có đưa tin về hai đoàn đại biểu trong phe xã hội chủ nghĩa cùng một ngày đến thăm nước ta. Bác chỉ vào đấy và phân tích:

- Như thế này là các chú bên trọng bên khinh. Hai đoàn đến cùng ngày tại sao lại đưa đoàn này lên trên, in chữ to, còn đoàn kia in chữ nhỏ, sắp ở dưới!

Thật là sáng mắt! Bác còn chỉ rõ những chỗ sai lầm làm lộ bí mật về tài nguyên quốc gia trong việc tuyên truyền trên báo. Đối với các báo chưa chú ý đầy đủ đến đối tượng của mình phục vụ cũng được Bác nhắc nhở nghiêm khắc. Đến phần "điểm báo" địa phương, Bác kể cho nghe một câu chuyện mà không ai nhịn cười được. Nhân ngày sinh nhật Bác, tờ báo ở địa phương nọ có đăng một số thư của đồng bào chúc mừng Bác. Có đồng bào muốn chúc Bác mạnh khỏe sống lâu, lại viết là "Chúc Bác bách niên giai lão". Tờ báo ấy đăng nguyên văn như vậy.

Bác cười và nhắc lại với mọi người:

Họ chúc Bác "bách niên giai lão" mà báo cũng đăng đấy!

Cái câu chúc mừng dành riêng cho cô dâu chú rể trong buổi thành hôn ấy bỗng lại dành chúc thọ Bác, làm mọi người càng cười dai dẳng. Thật tai hại cho cái bệnh sính chữ nghĩa.

(Theo Lê Ái Mỹ)

"CHÚ LÀM NHƯ THẾ LÀ KHÔNG ĐƯỢC"

Vào khoảng năm 1947, bác sĩ Chánh được giao nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho Bác Hồ. Lần đầu tiên đến gặp Bác, bác sĩ thấy Bác đang nằm trên võng ở cửa đình Hồng Thái. Thấy bác sĩ đến, Bác ngồi dậy hỏi:

- Chú đi đâu đấy?

- Thưa Bác, cháu là bác sĩ được phân công sang phục vụ Bác.

- Bác không ốm đâu. Chú xuống văn phòng, chỗ chú Phan Mỹ mà ở và chăm sóc sức khỏe cho các chú ở dưới đó...

Ngày kháng chiến ở với Bác, đồng chí Chánh thấy ít bị ốm đau. Lần Bác bị sốt rét, Bác mời bác sĩ Chánh lên thăm bệnh cho Bác. Khi thấy Bác bị sốt cao, bác sĩ tính xem nên dùng thuốc gì thì Bác đã bảo:

- Bác "ra lệnh" cho chú chữa hai hôm là phải hết sốt.

Bác sĩ Chánh lo quá. Bác sốt cao như thế chữa hai ngày thì khỏi hẳn làm sao được. Sau khi bác sĩ tiêm cho Bác, cơn sốt hạ dần... Bác cười nói:

- Chú xem, Bác "ra lệnh" chữa hai ngày phải khỏi thế mà đúng như thế đấy!

Một lần, nghe tin vợ bác sĩ đến công tác ở vùng gần đấy, Bác liền cử bác sĩ đi công tác đến vùng vợ bác sĩ đang làm việc, có ý cho hai vợ chồng gặp nhau. Vì thời gian gấp, xong công việc bác sĩ về ngay, không ghé vào thăm vợ.

Khi về tới cơ quan, bác sĩ Chánh gặp Bác, chưa kịp báo cáo công việc thì Bác đã hỏi ngay:

- Thím ấy có khỏe không?

Khi biết bác sĩ Chánh không gặp được vợ, Bác tỏ ý không vui, nói:

- Bác cử chú đi công tác là để cho cô chú gặp nhau. Đã tới đó mà không vào thăm và động viên thím ấy, chú làm như thế là không được!

BÁC DỰ TIỆC CHIÊU ĐÃI

Ngày 21 tháng 12 năm 1962, nhân dịp đoàn đại biểu quân sự Liên Xô do Đại tướng P. Batốp dẫn đầu sang thăm nước ta, Bộ Quốc phòng có mở tiệc chiêu đãi kỷ niệm Ngày thành lập quân đội tại 33 Phạm Ngũ Lão, Hà Nội.

Bấy giờ, mấy anh em chúng tôi công tác ở bộ phận đối ngoại của Bộ Quốc phòng đều có nhiệm vụ tại đấy.

Gần đến giờ khai mạc, một chiếc xe Pôbêđa chạy vào sân. Biết Bác đến, mấy chúng tôi chạy nhanh vào một phòng cửa nách, "phục kích", đợi Bác đi qua là bám theo Bác. Dự kiến đúng thời gian, chúng tôi mở cửa, ba, bốn chúng tôi tiến ra bị ngay đồng chí cảnh vệ đẩy vào. Bác thấy thế bảo:

- Đừng, đừng... để các cháu tự nhiên.

Thế là chúng tôi "vô kỷ luật" đi theo sau Bác, cho tới lúc đồng chí Bộ trưởng đến mới "giải tán".

Gặp Đại tướng P. Batốp, hai người ôm chầm lấy nhau. Đồng chí P. Batốp thưa với Bác bằng tiếng Nga:

- Thưa đồng chí Chủ tịch, đồng chí có nhớ đồng chí... nay là Phó Thủ tướng Hunggary ở Lữ đoàn quốc tế Tây Ban Nha. Đồng chí ấy nhờ tôi chuyển lời chúc sức khỏe Chủ tịch...

Bác cười, gật gật đầu và cùng đồng chí P. Batốp vào dự lễ... Buổi chiêu đãi hôm ấy đông khách lắm, có đủ các quan chức ngoại giao, nam nữ, cả phái đoàn quốc tế.

Sau khi đồng chí P. Batốp phát biểu ý kiến xong, Bộ trưởng nâng cốc chúc mừng khách. Bác cũng cầm cốc rượu, con dao con khẽ gõ vào thành cốc rồi nói đùa:

- Cuộc chiến đấu bắt đầu...

Mấy phút sau, Bác lui vào phòng bên, trong đó có các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đồng chí Hội trưởng Hội hữu nghị Việt - Xô và đồng chí P. Batốp. Các đồng chí mời Bác dùng các món ăn, hoa quả. Bác cầm một quả cam lên rồi đặt xuống... quay sang nói nhỏ gì đó với P. Batốp. Bác ra hiệu mọi người cứ ngồi rồi đứng dậy.

Chúng tôi cứ tưởng Bác sẽ trở vào. Chờ mãi... Biết ý, đồng chí P. Batốp nói với các đồng chí Việt Nam: "Ông già du kích rút lui rồi..."

SÔNG CÓ THỂ CẠN, NÚI CÓ THỂ MÒN

Sau ngày 06 tháng 3 năm 1946, tôi đang chiến đấu ở vùng ven thành phố Sài Gòn thì được giao nhiệm vụ về Mỹ Tho, Tân An quy tụ các đồng chí, tập hợp lực lượng để củng cố lại khu Tám, tổ chức tết phong trào kháng chiến ở miền Trung Nam bộ. Lúc này, Xứ ủy và Ủy ban kháng chiến Nam bộ và cả Bộ chỉ huy Khu Tám, đều mất liên lạc. Mỗi địa phương, mỗi cán bộ phải chủ động và linh hoạt, chiến đấu phát huy hết khả năng để hoàn thành nhiệm vụ.

Tháng 6 năm ấy, chúng tôi nhận được thư Bác Hồ gửi đồng bào Nam bộ trước khi đi Pháp đàm phán: "... Tôi xin hứa với đồng bào rằng Hồ Chí Minh không phải là người bán nước. Đồng bào Nam bộ đã hy sinh đấu tranh mấy tháng trường để giữ gìn non sông cho toàn nước Việt Nam. Cho nên đồng bào cả nước đều phải nhớ đến ơn đồng bào Nam bộ

Đồng bào Nam bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi?"

Cảm động biết bao những lời nói rút ra từ ruột gan, trí óc của người Cha già dân tộc suốt đời bôn ba vì dân, vì nước. Chúng tôi thấy vững tin ở thắng lợi.

Buổi họp công tác của chúng tôi lúc ấy thực sự biến thành một buổi lễ thiêng liêng hạ quyết tâm "hoàn toàn tin tưởng ở Bác Hồ. Đồng bào Nam bộ hoàn toàn tin tưởng ở Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chúng tôi nguyện đem hết sức lực và trí tuệ của mình xây dựng lực lượng cách mạng, chiến đấu dũng cảm để biểu thị lòng tin tưởng của chúng tôi và sự hậu thuẫn của đồng bào Nam bộ đối với Bác Hồ muôn vàn kính yêu".

Lời hứa ấy của chúng tôi, của đồng bào Nam bộ với Bác Hồ đã biến thành sức mạnh và lòng tin không gì lay chuyển nổi, đã động viên chúng tôi vượt gian khổ, hiểm nguy để hoàn thành nhiệm vụ.

Giờ đây, mọi người chúng ta, nếu có thành công hãy noi gương Bác Hồ mà khiêm tốn, nếu có sai lầm hãy soi gương Bác Hồ mà công nhận và sửa chữa, lòng có ám muội hãy thẹn khi nhìn ảnh Bác; chí có nao núng hãy nhớ về Bác mà quật cường…

Được như vậy, lo gì dân ta không giàu, nước ta không mạnh.

(Trung tướng Trần Văn Trà -
Trích sách "Bác Hồ trong lòng quân dân đồng bằng Cửu Long")

NHỚ MỘT LẦN BÁC ĐẾN THĂM

Mồng 1 tết năm 1960, tôi từ Trường Lục quân Sơn Tây lên nông trường Ba Vì để thăm các bạn miền Nam ở đấy.

Vừa đến nông trường thì có một đoàn xe chạy tới. Một đồng chí ở trong xe bước ra mở cửa xe. Tôi thấy một cụ già mặc áo ka ki màu vàng đã bạc, râu trắng, vừa đi vào doanh trại vừa vẫy tay...

Bỗng ai đó la toáng lên:

- Bác Hồ. Các đồng chí ơi! Bác Hồ!

Thế là chúng tôi chạy theo vây quanh lấy Bác. Ai cũng muốn đến gần Bác, sờ áo, nắm tay nên chật ních người là người. Đồng chí cảnh vệ phải nói:

- Các cậu đứng xê ra cho Bác thở với chứ!...

Bác cười, chúng tôi cũng cười. Bấy giờ mới có người nhớ ra là phải mời Bác vào nhà ban chỉ huy.

Ban chỉ huy đi vắng. Bác bảo chúng tôi đưa Bác lên hội trường. Hội trường ngổn ngang các "chiến tích" của đêm giao thừa hôm qua. Dưới đất, trên bàn đầy xác pháo, giấy gói kẹo, mẩu thuốc lá, xương gà... Thấy anh em bối rối dọn dẹp, Bác nói:

- Khách đến ai lại đi quét nhà.

Bác nhìn anh em rồi đột nhiên hỏi:

- Căng tin có bán dao bào không?

Đồng chí phụ trách căng tin ngỡ Bác mua làm gì đó nên sốt sắng thưa:

- Dạ thưa Bác, có bán ạ. Không ngờ, Bác mới chỉnh cho:

- Lính nông trường cũng phải đẹp chứ. Sao các chú không cạo râu. Cạo râu vừa đẹp mình, đẹp quân nhân, đẹp quân đội.

Anh em nhìn nhau, anh nào cũng râu tóc bờm xờm bẽn lẽn, ngượng quá, có anh cúi đầu xuống. Bác nói lảng sang chuyện khác.

Năm nay các chú làm heo hay gà ăn tết? Có gói bánh chưng không? Có nhớ miền Nam không? Có món gì miền Nam không?

Anh em tranh nhau đáp, nào là có bánh chưng, có dưa kiệu, chuối ngào...

Bác khen:

- Các chú giỏi đấy. Như vậy đón xuân phấn khởi chứ.

Một anh nào đó mạnh dạn "vòi vĩnh":

- Thưa Bác, nếu có văn công Tổng cục phục vụ vài màn thì vui nhất ạ!

Bác cười nói:

- Cái vui do chính các chú làm ra mới có ý nghĩa. Các chú vui hát cùng nhau, tự nhiên hơn. Mình diễn mình xem khoái hơn chứ…

Khoảng mười lăm phút sau Bác ra về. Chợt phía sau có một chị bế con chạy đuổi theo Bác, hớt hải nói:

- Bác, cháu chúc Bác sống lâu trăm tuổi.

Bác bế cháu trai lên hỏi chúng tôi:

- Bác đố các chú biết cháu bé này như thế nào không?

Chẳng ai trả lời được, Bác mỉm cười nói:

- Đây là cậu bé có cái đầu miền Nam nhưng cái đít là đít miền Bắc...

Anh em chúng tôi cười ầm lên. Bác trao em bé cho mẹ cháu. Khi xe đã chạy xa, chúng tôi vẫn còn thấy cánh tay Bác vẫy.

(Đại tá Phan Hồng Lạc kể)

"BAO GIỜ THÌ ĐỦ ÚY?"

Đầu năm 1960, tôi đến thăm gia đình đồng chí Nguyễn Lương Bằng ở phố Thuyền Quang, Hà Nội. Đã chiều tối tôi đang ở trong nhà chợt nghe ngoài hành lang các cháu reo lên "Bác Hồ". Hồi hộp và lúng túng, tôi vội đứng nép vào sau cánh cửa.

Bước chân vào nhà, Bác kéo cánh cửa ra và hỏi:

- Ai trốn trong này?

- Dạ thưa, cháu ạ.

Bác chỉ vào tôi nói:

- Trông cô này Bác gặp ở đâu mà quen lắm.

- Thưa Bác, ở Đại hội Phụ nữ trên Việt Bắc năm 1950 ạ.

Bác gật đầu rồi vào phòng khách…

Tôi định xin phép ra về, nhưng chị Bằng gọi tôi:

- Bác bảo cô ra, Bác hỏi chuyện.

Tôi bước ra:

- Cháu chào Bác ạ.

Bác bảo tôi ngồi xuống ghế cạnh Bác và hỏi:

- Cô công tác ở đâu?

Tôi chưa kịp trả lời vì còn cảm động quá, anh Cả đỡ lời cho:

- Cô ấy công tác ở Cục Quân y.

- Cấp gì rồi?

- Dạ, thiếu úy.

- Thế bao giờ cô "đủ úy"? - Bác hỏi tôi.

- Dạ thưa Bác, cháu xin phấn đấu... cố gắng ạ…

Anh Cả thưa với Bác là tôi quê ở Huế. Bác nói:

- Hồi còn nhỏ, Bác có ở Huế. Cô ở Huế có biết ca Huế không?

- Thưa Bác có, nhưng cháu ca không hay ạ.

Tôi đứng dậy vòng ra phía sau lưng Bác, cất giọng hò mái nhì mấy câu thơ: *"Rét Thái Nguyên rét về Yên Thế, gió qua rừng Đèo Khế gió sang…"*. Sau đó tôi ca bài *"Nước non ngàn dặm"* theo điệu Nam Bình.

Bác ngồi lặng im hồi lâu.

(Nguyễn Thị Thuần Hoa[1] kể)

---

[1] Cháu ngoại Tôn Thất Thuyết, thiếu tá quân đội đã nghỉ hưu, tham gia phong trào nữ sinh Huế từ trước Cách mạng Tháng Tám.

"THẾ MÀ CŨNG KHOE"

Lần ấy, trên đường đi thăm bà con nông dân xã Gia Thượng, Gia Lâm, xe Bác đi qua Trường Sĩ quan Hậu cần. Cán bộ, học viên, chiến sĩ ùa ra cổng mời Bác vào thăm. Có anh còn níu áo khoe: "Thưa Bác, trường cháu có nhiều thành tích tăng gia ạ!" Ý chừng nói thế khiến Bác "xiêu lòng" để việc đi thăm của Bác cũng xứng đáng.

Vào sân trường, Bác ra hiệu cho mọi người ngồi xuống rồi hỏi:

- Các cô, các chú có thi đua đạt được nhiều thành tích không?

Nhiều tiếng "có, có" ồn ào. Một cán bộ đứng dậy:

- Thưa Bác, chúng cháu tăng gia giỏi nhất toàn quân về chăn nuôi và trồng rau ạ.

Bác gật đầu, hỏi thăm:

- Ở vùng này có mấy đơn vị đóng quân?

- Dạ, có thông tin, cao xạ... sáu bảy đơn vị.

- Thế các đơn vị ấy tăng gia có giỏi như các chú không?

- Thưa Bác không ạ. Chúng cháu nhất đấy ạ...

Bác cười hóm hỉnh, rồi lắc đầu:

- Chỉ biết thi đua một mình, không giúp đỡ bạn. Thế mà cũng khoe!

Tất cả mọi người ngồi im re. Anh chàng khoe với Bác không tìm được nơi nào để "độn thổ".

NĂM MỚ RAU MUỐNG

Đầu năm 1946, tại Việt Nam học Xá (khu Trường Đại học Bách khoa ngày nay) có một lớp huấn luyện chiến đấu thành Hà Nội. Một lần, trên đường đi công tác ở mạn phía Nam về, Bác Hồ ghé thăm các chiến sĩ tự vệ sao vuông. Bác dự buổi tập của anh em, nói mấy lời động viên, khen ngợi và căn dặn anh em cần cố gắng học tập.

Lần khác, Bác lại ghé qua và "tặng" anh em năm bó rau muống Sơn Tây, đồng chí Huy Khôi, một trong những cán bộ của lớp huấn luyện, nhớ tới câu chuyện xưa: Cả họ ăn một quả đào, một đội quân uống cả một dòng suối rượu, liền bảo các anh chị nuôi quân tìm một nồi to luộc cả năm bó rau muống đó. Đến bữa, chia ra cho toàn lớp, mỗi cán bộ và học sinh được một cọng rau và một bát nước luộc.

Tuy ít ỏi nhưng mọi người đều vui vẻ chia nhau tấm lòng và "lộc" của Bác.

LÀM RƠI VÃI LÀ CÓ TỘI

Anh Phan Phúc[1] kể: Trong kháng chiến chống Pháp, tôi là đội viên của Đội Thiếu sinh quân văn nghệ ở Việt Bắc. Một hôm vào đầu tháng 5 năm 1950, chúng tôi được lệnh hành quân gấp. Đàn sáo, dụng cụ biểu diễn đều phải mang vác theo nên cuộc đi khá vất vả. Đến địa điểm quy định, Đội được phổ

[1] Nguyên Giám đốc nhạc Đài Tiếng nói Việt Nam.

biến là sẽ được vào biểu diễn phục vụ Bác Hồ, nhân dịp kỷ niệm lần thứ sáu mươi ngày sinh của Bác. Nghe tin vui quá đột ngột, mọi người như quên hết cả mệt nhọc. Bỗng, ngay sau đó một cụ già mặc quần áo nâu, khăn trắng vắt vai đứng trong lán từ bao giờ không ai rõ. Một bạn bỗng hét to: "Bác Hồ!" thế là chúng tôi ào vào vây quanh lấy Bác.

Hôm sau, ngày 19 tháng 5, chúng tôi vào chúc thọ Bác. Bác nói: *"Sáu mươi tuổi vẫn còn xuân chán. So với ông Bành vẫn thiếu niên"*. Cả hội trường vỗ tay.

Xem biểu diễn xong, Bác cho chúng tôi 300 đồng (tiền ngân hàng lúc ấy) để về làm quỹ chăn nuôi, tăng gia. Trong buổi ăn cơm cùng với Bác, Bác dặn chúng tôi: "Không được để rơi vãi. Làm rơi vãi là có tội".

VẼ ẢNH BÁC HỒ

Năm 1954, bộ đội trú quân ở gia đình anh có tặng bố anh bức tranh vẽ Bác Hồ trong ngôi sao vàng của lá cờ đỏ trên tay em bé miền Nam được bà mẹ bế. Bên cạnh hai mẹ con là các anh bộ đội ba lô khoác trên vai chuẩn bị lên đường tập kết. Phía dưới bức tranh có hai câu ca:

"Quân dân chung một Bác Hồ

Bắc Nam chung một cơ đồ Việt Nam…"

Sau đó, bọn ngụy quân, ngụy quyền đi lùng sục khắp thôn xóm, thiêu hủy những thứ của cách mạng để lại. Gia đình anh cuộn tròn bức tranh bỏ vào một cái chai giấu vào giữa bụi tre

vườn nhà. Thỉnh thoảng cả nhà lại lấy ra xem. Anh nhớ như in đường nét của bức tranh đến mức có thể vẽ lại mà không cần nhìn vào "bản gốc". Bức tranh ít lâu sau bị bom phá hủy cùng với cả bụi tre.

Khi đã là bộ đội Giải phóng, một lần anh về vận động phong trào ở một vùng giáp ranh. Hôm ấy, đồng bào đang làm lễ mừng thọ Bác, một tên mật vụ giả danh dân thường đứng lên nói:

- Thế hệ ông Hồ đã qua rồi. Thế hệ này là của quốc gia. Thử hỏi trong đám thanh niên mới lớn lên này, có ai còn chút xíu nào hình ảnh của cách mạng không?

Anh đứng bật dậy đáp:

- Có! Có nhiều.

Anh yêu cầu một viên phấn trắng rồi tiến đến cái bảng đen vẽ rất nhanh chân dung Bác Hồ, không quên ghi hai câu thơ mà anh đã thuộc làu dưới bức tranh anh bộ đội đã tặng cho gia đình năm trước...

Đồng bào hoan hô vang dậy.

Trong những năm bị bắt đày ra Côn Đảo, anh vẫn vẽ hình Bác lên mặt đất, mặt cát để anh em nhìn cho đỡ nhớ. Năm 1973, anh mới được trao trả tự do tại Bồng Son, Bình Định.

Không biết anh tên thật là gì? Hiện có còn sống ở đâu?

(Theo Thân Như Thơ)

"AI CHẲNG CÓ LẦN LỠ TAY"

Trong một chuyến đi thăm nước bạn lần ấy, Bác có mang theo một cây san hô lớn, màu hồng rất đẹp để tặng khách. Khi chuyển món quà quý lên máy bay, đồng chí Lâm làm gãy một "cành" lớn.

Đồng chí Lâm rụng rời chân tay, mặt tái mét, run như lên cơn sốt. Bác nhìn thấy. Đồng chí Lâm lắp bắp mãi không thưa được câu gì với Bác. Bác vỗ vai đồng chí Lâm nhẹ nhàng nói:

- Thôi để Bác dặn chuyển một cây khác vào chuyến máy bay sau. Chú đừng buồn. Ai chẳng có lần lỡ tay.

"SAO CHÚ KHÔNG KỂ TRẬN BẾN CÁT?"

Một buổi sáng tháng 3 năm 1967, tôi được đi cùng với đồng chí Phó Tư lệnh đặc công lên gặp Bác Hồ. Bác nói:

- Chú này (Bác chỉ vào đồng chí Phó Tư lệnh) Bác biết rồi. Còn đây là chú Tư Cường phải không?

Tôi thưa:

- Dạ, thưa Bác, cháu là Tư Cường ạ...

- Bộ đội đặc công đánh giặc giỏi lắm. Chú cũng đánh giặc giỏi lắm. Bây giờ chú kể Bác nghe...

Tôi mở túi lấy tài liệu ra. Bác xua tay:

- Thôi, thôi, Bác muốn nghe các chú kể chuyện chiến đấu, ăn ở của các chú thôi, còn báo cáo viết thì để lại...

Tôi lần lượt kể với Bác các trận đánh của các anh em khác trong Trung đoàn 426 mà tôi là trung đoàn trưởng. Trong lúc nghe, thỉnh thoảng Bác lại hỏi, tôi thêm. Kể xong tôi thưa:

- Thưa Bác, hết ạ.

Bác hỏi:

- Thế trận Bến Cát của chú có ý nghĩa lớn sao chú không kể?

- Dạ thưa Bác, cháu quên ạ...

Ít hôm sau, tối ngày 19 tháng 3 năm 1967, Bác cùng với đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp đến dự lễ tuyên bố chính thức thành lập Binh chủng Đặc công. Trông thấy tôi, Bác gật gật đầu...

(Thiếu tướng Tự Cường[1] kể)

"CHÚ NÀY LÁU CÁ"

Vui sướng nhất đời tôi là ngày 19 tháng 8 năm 1962, tôi được Thường vụ Đảng ủy Lữ đoàn Pháo binh 374 phân công tới Đền Hùng đón Bác về thăm đơn vị.

Rời Yên Bái, Bác đã về làm việc và nghỉ ở Phú Thọ ngày 18 tháng 8. Hai giờ sáng ngày 19, đồng chí Nguyễn Khai, Tư lệnh Mặt trận 5 Khu tả ngạn sông Hồng lệnh xuống báo tin: Tám giờ sáng Bác sẽ về thăm lữ đoàn, Lữ đoàn tôi đóng quân ở xã Thậm Thành, cách Đền Hùng ba cây số. Tôi có nhiệm vụ lên Đền Thượng đón Bác.

---

[1] Nguyên Tư lệnh Bộ đội đặc công.

Leo gần trăm bậc, tôi đã trông thấy Bác và phái đoàn ngồi quây quần trên chiếc chiếu hoa trước đền. Vừa lúng túng, vừa xúc động, tôi lễ phép chào Bác và luống cuống đặt mãi tay lên vành mũ.

Đồng chí Nguyễn Khai giới thiệu với Bác tôi là thủ trưởng lữ đoàn pháo binh. Thấy vẻ lo lắng, lúng túng của tôi, Bác bảo:

- Chú bỏ tay xuống, ngồi xuống đây với Bác!

Tôi chần chừ lo sợ thất lễ. Anh Khai kéo tay tôi ngồi bên cạnh Bác. Bác hỏi:

- Lữ đoàn là cái gì?

Tôi bí quá đành thưa:

- Thưa Bác, lữ đoàn là đơn vị nhỏ hơn sư đoàn và lớn hơn trung đoàn.

Bác cười đôn hậu:

- À, chú này láu cá!

Thế là cả Bác và phái đoàn cười ồ lên. Nhờ không khí vui vẻ, tôi trấn tĩnh lại. Bác lại bảo:

- Chú mời Bác và đoàn về thăm đơn vị, chú có mổ thịt gà thiết Bác không?

- Dạ, thưa Bác có ạ!

Bác lại cười, rồi hỏi tình hình mọi mặt của đơn vị và vui lòng thấy lữ đoàn huấn luyện khá nhất binh chủng, trồng cây, tăng gia sản xuất đều khá, Bác bỗng bảo tôi:

- Chú đến muộn, nhà ăn cả rồi. Bác không có quà cho tất cả, Bác cho chú gói mứt chuối Phú Thọ, chú ăn ngay đi.

Tôi lễ phép đón quà Bác cho đặt trên quyển sổ công tác, định bụng mang về đơn vị chia vui. Thấy thế, Bác giục tôi:

- Chú ăn ngay đi chứ để ở đấy là dễ bị thó mất đấy!

Bác cười trìu mến và mọi người cũng cười. Tôi lặng lẽ ngắm nhìn Bác không dám ăn, nhưng Bác lại bảo:

- Các chú để Bác nghỉ, nửa tiếng sau, Bác sẽ vào thăm đơn vị chú.

Mọi người đều ra sân. Ngoái lại qua cửa Đền, tôi thấy ứa nước mắt, Bác ra ngả lưng trên chiếc chiếu hoa cũ, đầu gối trên chiếc khăn mặt, một khăn mỏng đắp trên trán, giản dị trong bộ quần áo nâu bạc màu, đôi dép cao su dưới bậc thềm.

(Theo Nguyễn Sáng)

"CHÚ CÓ CHẶT CÂY KHÔNG?"

Họa sĩ Nguyễn Anh Viên là sinh viên Trường Mỹ thuật Đông Dương. Kháng chiến chống Pháp, anh xếp bút cầm súng bảo vệ Tổ quốc.

Năm 1993, tuy đã ngoài tám mươi họa sĩ vẫn tự coi mình là "anh Vệ Túm" năm nào. Kỷ niệm sâu sắc nhất của họa sĩ là năm 1968 được gặp Bác Hồ. Năm ấy, với 78 thứ gỗ - tượng trưng cho 78 tuổi hạc của Bác, họa sĩ đã ghép thành bức chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Cùng với các đồng chí Tỉnh ủy Thanh Hóa ra Hà Nội, họa sĩ được gặp Bác. Bác chỉ vào bức tranh hỏi:

- Bức tranh này, "người ta" bắt chú làm, hay chú tự làm?

Họa sĩ thưa:

- Thưa Bác, cháu tự làm ạ.

- Chú làm có lâu không?

- Dạ, cũng không lâu ạ.

Bác cầm bức tranh[1] lên xem rồi chợt hỏi:

- Tranh này phải dùng gỗ... Chú có chặt cây không?

Nguyễn Anh Viên thưa:

- Thưa Bác, cháu chỉ đi nhặt gỗ thừa ở các xưởng mộc thôi ạ.

Bác gật đầu.

"CÁC CHÁU CÓ ĐÓI KHÔNG?"

Sau chiến thắng Điện Biên, tôi cùng một số chiến sĩ thi đua của Mặt trận được cử về báo cáo thắng lợi với Bác Hồ. Vừa đến Cơ quan Tổng cục Chính trị, Bác đã gọi điện thoại cho tôi. Câu đầu tiên, Bác hỏi:

- Các chú ở mặt trận có đói không?

- Báo cáo Bác, không đói nhưng thiếu ạ.

Bác lại hỏi:

- Có khổ lắm không?

---

[1] Bức tranh hiện lưu trữ ở Bảo tàng Cách mạng.

Tôi ngập ngừng chưa biết nên trả lời Bác thế nào thì đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị đứng bên cạnh nhắc cứ báo cáo thật với Bác...

Tôi mạnh dạn thưa:

- Báo cáo Bác, khổ ạ.

Bác nói:

- Bác biết. Đối với nhiệm vụ của Trung ương, của Chính phủ giao cho, các chú đã động viên bộ đội, cùng với bộ đội chịu đựng gian khổ và đã có tinh thần hy sinh, dũng cảm chiến đấu nên mới giành được thắng lợi to...

Nghe Bác, tôi rưng rưng nước mắt.

(Thượng tướng Hoàng Cầm)

BÁC TRỒNG CÂY VÚ SỮA

Mùa đông năm 1962, tôi được điều động về Sư đoàn 351 dự lớp bồi dưỡng chính trị và nghiệp vụ, chuẩn bị cho một công tác mới. Mỗi lần tập chạy dài qua khỏi cổng Sư đoàn 351, ngang trước Phủ Chủ tịch, tôi thường thấy Bác Hồ tưới nước cho cây vú sữa của đồng bào miền Nam gửi tặng. Hình ảnh ấy, tấm lòng ấy của Bác với đồng bào chiến sĩ miền Nam làm tôi xúc động và viết ra mấy dòng "bích báo" như sau:

BÁC TRỒNG VÚ SỮA

Vú sữa Bác trồng

Tưới nước sông Hồng

Tưới hoài không chán

Bác nhớ miền Nam

Miền Nam mong đợi

Ngày Bác vô thăm

Bài báo ký tên Võ Văn Thành đăng trên tờ báo tường cơ quan Bộ Tư lệnh 351. Sau đó, không hiểu thế nào lại xuất hiện trên báo *Quân đội nhân dân*. Tôi rất phấn khởi, có đêm nằm mơ thấy Bác đọc "thơ" của mình.

Bỗng một hôm, cơ quan gọi tôi lên bảo: Bác đã đọc bài "thơ" của tôi và gửi quà mấy mét vải may quần, áo sơ mi và hai trăm đồng tiền công may.

Tôi quả không ngờ "câu chuyện" lại như thế, thật là hạnh phúc quá sức tưởng tượng của mình.

(Theo Võ Hoàng Tiếng)

"TÔI LÀ NGƯỜI DÂN, TÔI CŨNG CÓ QUYỀN PHÊ BÌNH BỘ ĐỘI CHỨ"

Vào khoảng đầu tháng 8 năm 1945, tiết hè thật là oi ả. Đơn vị chúng tôi sau mấy ngày hành quân vất vả được lệnh trú quân xây dựng lán trại trong một khu rừng khá đẹp ở gần thôn Tân Lập, Tân Trào (Tuyên Quang). Cán bộ và chiến sĩ trong đơn vị ai nấy đều cố sức chặt nứa, dựng nhà… chẳng bao lâu lán trại nhìn cũng khang trang, đẹp mắt. Chỉ phải cái, phần vì mệt mỏi, phần thì do thói quen luộm thuộm của nhà nông (chúng tôi hầu hết là nông dân), nên vào trong lán trại của chúng tôi thì thấy ngay cảnh bừa bộn nhiều khi đến khó

chịu. Trong nhà ở của anh em, giường chiếu tuy ngay ngắn, nhưng người thì "chổng ngược", người nằm xuôi (để hướng ra cửa sổ cho mát), dưới gầm giường thì chao ôi, đủ thứ đồ đạc bằng mây tre mà anh em làm trong lúc rỗi, đôi khi có cả những cái "bu gà" còn đang đan dở nữa...

Chuyện đó lúc đầu cũng có dăm ba ý kiến nhưng sau thì chẳng ai nhắc đến nữa, bởi vì từ cán bộ đến chiến sĩ ai cũng thầm nghĩ: "Thôi, dần dần sẽ ổn định!", "Rồi đâu khắc vào đó mà!"

Cho đến một hôm... Vào lúc giữa buổi sáng, chúng tôi thấy có mấy bác đồng bào đến thăm, Ban chỉ huy đơn vị được giới thiệu đây là đoàn đại biểu của nhân dân địa phương, nên sau khi trò chuyện theo yêu cầu của các đại biểu, chúng tôi dẫn họ đi thăm quan nhà ở, nhà ăn và xung quanh khu lán trại... Sau khi đi một vòng, quay về nhà của Ban chỉ huy đơn vị, một đại biểu dáng trông mảnh khảnh và là người già nhất trong đoàn có ý kiến phê bình cách sinh hoạt luộm thuộm, bừa bộn, thiếu nề nếp của đơn vị. Cái đó thì đúng quá rồi, nhưng dù sao là chỉ huy, thì vẫn tự ái, nên đáp:

- Phê bình chúng tôi, chuyện ấy đã có cấp trên của chúng tôi.

Ý tôi muốn ám chỉ "không phải việc của cụ!".

Cu già nhìn tôi rồi ôn tồn trả lời:

- Tôi là người dân, tôi cũng có quyền phê bình với bộ đội chứ? Bộ đội cách mạng là bộ đội của dân cơ mà!

Lúc này thì tôi thấy rõ ràng mình sai, nên đành xin lỗi cụ và các đại biểu, đồng thời hứa sẽ sửa chữa.

Ngay sau đó, tôi được biết, cụ già phê bình chúng tôi chính là Cụ Hồ Chí Minh và bài học đầu tiên mà Người dạy cho tôi cũng chính là điều đầu tiên mà bất cứ người chiến sĩ nào cũng ghi nhớ: Phải tôn trọng nhân dân.

(Theo Trần Minh)

"THẾ ĐÃ THÔI CHƯA?"

Đầu năm 1968, trước tết âm lịch, tôi ở miền Nam ra Hà Nội. Biết tin, Bác cho gọi tôi vào Phủ Chủ tịch, cho uống cà phê với Bác. Bác hỏi tình hình miền Nam, tình hình đơn vị. Bác hỏi những chuyện ốm đau, sốt rét của cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 9 trên đường vượt Trường Sơn vào Nam mấy năm trước. Bác ân cần dặn dò chúng tôi nhiều điều.

Trước khi tôi ra về, bác hỏi:

- Chú Cầm[1] có mấy cháu rồi?

Tôi ngập ngừng thưa:

- Dạ thưa Bác, năm ạ.

Bác cười:

- Thế đã thôi chưa?

- Dạ, thôi ạ.

Bác đổ đĩa kẹo vào tờ giấy san ra năm phần rồi đưa cho tôi.

- Chú mang quà của Bác về cho năm cháu...

---

[1] Hoàng Cầm, Sư trưởng Sư đoàn 9.

THẬT THÀ THÌ ĐƯỢC BÁC CHO

Cuối năm 1941, chúng tôi được dự học một lớp quân chính và được Bác đến giảng bài.

Một lần, đang học, có chị người dân tộc ở dưới núi mang đến lớp ít ngô luộc. Bác chia đều cho chúng tôi cùng ăn.

Lần khác, thấy chúng tôi hút thuốc, Bác cũng hút thuốc. Thuốc của Bác, ai biếu không rõ - là thứ thuốc "xực dán" thường gọi là thuốc lào Trung Quốc thái nhỏ, màu vàng hút rất thơm. Giờ nghỉ giải lao, Bác hỏi:

- Ở đây có mấy đồng chí nghiện hút? - Có người định giơ tay lại thôi, chỉ có mấy chúng tôi mạnh dạn giơ tay. Bác hiểu ý, đem cả gói chia đều tất cả cho cả lớp.

(Theo Thượng tướng Đàm Quang Trung)

KHÔNG NÊN CÓ ÍT MÀ HƯỞNG CẢ

Trung đoàn 141, Đại đoàn Chiến Thắng trong kháng chiến chống Pháp đã lập được nhiều thành tích, chiến công.

Đầu năm 1955, Bác Hồ đến thăm và chúc mừng xuân mới Trung đoàn tại Bắc Ninh. Đất nước vừa mới bước ra khỏi cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ. Bao nhiêu khó khăn, thiếu thốn chưa dễ ngày một ngày hai khắc phục được. Bộ đội vẫn còn thiếu áo quần, tiêu chuẩn sinh hoạt phí còn thấp. Tuy nhiên, một bộ phận quân nhân về đóng quân ở thị trấn, thành phố đã chớm bộc lộ tư tưởng hưởng thụ. Tinh thần đồng cam cộng khổ, tình nghĩa cán binh có những dấu hiệu không được như trước.

Sau khi thăm nơi ăn, chốn ở của Trung đoàn, nói chuyện với chiến sĩ cán bộ, Bác thân mật dặn dò:

- Ta còn nghèo nhưng cán bộ đừng ỷ lại cái nghèo mà lơ là chăm sóc bộ đội. Có ít mà cán bộ hưởng hết để chiến sĩ không có, như thế là không biết thương yêu chiến sĩ.

ĐỪNG VIẾT RA VĂN MẬT MÃ

Cuối năm 1951, nhà báo Quang Đạm có dịch một số sách từ tiếng Trung Quốc ra tiếng Việt. Bác Hồ có đọc, những chỗ nào khó hiểu Bác đề nghị dịch lại. Bác nói với nhà báo:

- Chú dịch như thế này là để cho những người như chú xem thôi. Phải dịch ra để cho quần chúng xem.

Có lần khi tranh luận với một người khác, nhà báo thường hay dùng câu lắt léo. Biết nhà báo Quang Đạm trước đó công tác ở phòng Mật mã Bộ Tổng tham mưu, Bác nói:

- Chú viết sao cho ra văn báo chí thì mọi người đọc đều hiểu được. Còn văn mật mã thì tất cả mọi người, trừ các chú mật mã, lại phải không hiểu thì mới được…

BÁC HỒ VỚI MỘT CHIẾN SĨ QUỐC TẾ

Tháng 02 năm 1948, chừng ít ngày sau tết Nguyên đán, tôi lại được gặp Bác Hồ. Lúc này tôi đã chuyển sang làm sĩ quan ở Cục Tuyên huấn quân đội, phụ trách tờ báo *Bạn chiến đấu*, xuất bản bằng tiếng Đức nhằm mục đích kêu gọi lính lê dương người Đức và người Áo chấm dứt cuộc đời làm lính

đánh thuê cho bọn thực dân Pháp. Hồi bấy giờ, không ít người Đức và người Áo đã mù quáng đi theo con đường phi nghĩa và bế tắc đó.

Cơ quan chúng tôi đóng ở gần Thái Nguyên, cách Hà Nội chừng 80 kilômét, giữa khu rừng sâu Việt Bắc. Từ lâu rồi Việt Bắc đã trở thành cái nôi của cách mạng Việt Nam. Ở đây ngay từ buổi đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp đã có nhiều cơ sở sản xuất, phục vụ trường học của chính quyền nhân dân. Tòa soạn và "nhà in" của chúng tôi cũng làm việc trong guồng máy chung căn cứ địa cách mạng ngày ấy. Ngoài việc ra tờ báo *Bạn chiến đấu*, chúng tôi còn in truyền đơn và tài liệu bằng tiếng Việt, tiếng Pháp, tiếng Ả Rập và tiếng Đức. Chúng tôi gọi báo *Bạn chiến đấu* là cơ quan đấu tranh của những người bạn của Việt Nam.

Một hôm, tòa báo nhận được bức thư đánh máy bằng tiếng Pháp, đề ngày 10 tháng 02 năm 1948, cuối thư là chữ ký của Hồ Chủ tịch bằng mực tím kèm theo dấu triện hình vuông của Chính phủ Việt Nam lúc bấy giờ.

Bốn chữ "Chúc mừng năm mới" được đánh máy bằng tiếng Đức, cỡ chữ lớn. Cũng có điều tình cờ đáng mừng là bức thư của vị lãnh tụ tối cao đã đến đúng vào dịp sinh nhật của tôi. Hiện nay, tôi vẫn giữ bức thư này rất cẩn thận. Nó là cái cớ để tôi được đến chỗ làm việc của Bác. "Phủ Chủ tịch" là một túp lều tre, nằm bên bờ một dải rừng già. Túp lều này không có cửa, chỉ có rèm che. Khi bước vào, vì quá xúc động, mà khổ người tôi lại to, tôi va phải một bên rèm. Đang giữa lúc lúng túng, Người đưa cho tôi một quả cam và bảo: "Đồng chí cầm

lấy!". Đây chẳng những là một cử chỉ thân mật của Người, mà còn để tôi tránh bỡ ngỡ. Ngay từ giây phút đầu, Người nói chuyện với tôi rất thoải mái, như người cha với đứa con ở xa về.

Bác pha nước, mời tôi uống và rút ra bao thuốc lá bảo tôi hút. Bác hút khá nhiều. Tôi lặng lẽ nhìn khắp gian phòng của Người. Bàn làm việc, mà cũng là bàn tiếp khách của Người, được ghép lại bằng mấy mảnh tre to. Trên bàn có một chiếc máy chữ nhỏ và cũ, ít giấy, cái ống tre đựng ít bút thường và bút chì. Ngay cả chiếc giường nằm của Người cũng làm bằng tre. Lúc tiếp tôi, Người mặc bộ quần áo nâu, trên cổ quàng chiếc khăn sợi đã cũ. Tôi hết sức xúc động, và cũng có phần lo ngại nữa bởi vì rét Việt Bắc này, Người cũng chỉ ăn mặc, sinh hoạt đơn giản như vậy thôi...

Trong bầu không khí đầm ấm. Người hỏi thăm tôi và công việc, sức khỏe và gia đình.

Đúng ba năm sau, tôi được đi dự Đại hội lần thứ hai của Đảng với tư cách là khách mời. Từ cơ quan, chúng tôi đã đi ngựa đến địa điểm của Đại hội. Địa điểm nằm cách Hà Nội chừng trăm kilômét theo đường chim bay. Khu vực Đại hội được bảo vệ cẩn mật, có cả một đơn vị pháo cảnh giới.

Trong những ngày Đại hội, tôi và những đồng chí nước ngoài được ăn cơm cùng mâm với Bác. Độ này, Bác đỡ gầy hơn. Theo phong tục Việt Nam, Người nâng các đĩa thức ăn, sẻ cho từng người một.

(Erwin Borschers - Công dân Đức, tên Việt là Chiến Sĩ)

BÁC KHÔNG ĐỒNG Ý

Ngày 28 tháng 4 năm 1946, sau khi dự lễ khánh thành đê Hưng Nhân (Thái Bình) xong, khi về Bác bảo không đi xe theo đường cũ tức là đường Nam Định - Phủ Lý - Hà Nội, mà đi qua đất Hưng Yên - Phố Nối - Hà Nội. Đoàn đi có ba xe. Tôi lái xe cho Bác đi đầu, cụ Huỳnh Thúc Kháng và các đồng chí cùng đi ngồi ở hai xe sau. Không hiểu ai đã tiết lộ đường về của Bác mà nhân dân ở các làng xã hai bên đường tổ chức mít tinh đón Bác với nghi lễ như đón vua vi hành qua địa phương mình. Làng nào cũng tổ chức rước kiệu bát cống (kiệu không có mui do mười sáu người khiêng bằng tám chiếc đòn) trên để ảnh Bác, có hoa, quả, dàn nhạc bát âm, có cắm cờ, lọng tán,… Bác rất không hài lòng về việc làm rùm beng tốn thì giờ, tiền bạc của nhân dân. Nhưng trước sự nhiệt tình ấy, Bác vẫn vui vẻ đáp lại. Bác bảo tôi hạ cửa kính xe và cho chạy chầm chậm. Người tươi cười vẫy tay qua cửa xe bên nọ, lại bên kia. Hình thức của nhân dân xưa cũ vậy nhưng nhiệt tình và cử chỉ của họ thì hoàn toàn khác. Từ các cụ đến trẻ con, không có trật tự nào cả, xô cả ra lòng đường chỉ mong chạm được vào tay Bác, lực lượng tự vệ không ngăn nổi, có lúc xe không đi được. Không hiểu do sáng kiến của ai, hai đồng chí tự vệ từ lúc nào đã nhảy lên ngồi hai bên tai xe, chĩa súng ra hai bên. Họ đề nghị Bác cho bắn chỉ thiên để dẹp đường, Bác không đồng ý. Cứ nhích dần, nhích dần giữa dòng người như vậy, chật vật lắm xe Bác mới về Hà Nội.

(Theo Nguyễn Tiết - chiến sĩ lái xe)

"CÁC CHÚ CÓ LẠNH KHÔNG?"

Mùa xuân năm 1969 - mùa xuân cuối cùng trong cuộc đời Bác Hồ, chúng tôi được vào thăm Bác tại vườn hoa Phủ Chủ tịch, trong căn nhà đơn sơ, giản dị. Cảm tưởng của tôi là không phải đến với một vị Chủ tịch, vị lãnh tụ vĩ đại mà đến với người cha thân yêu, với người anh cả trong gia đình lớn. Ngay từ phút đầu, chúng tôi ngồi quây quần bên Bác, trong không khí ấm áp, thân tình. Đồng chí Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng đến với chúng tôi.

Bác thăm hỏi từng người một và mời chúng tôi ăn hoa quả. Bác hỏi:

- Các chú thấy có lạnh không?

- Thưa Bác, không ạ.

Đối với chúng tôi, tháng Giêng ở Việt Nam quả là không lạnh. Bác nói:

- Không lạnh nhưng rất nguy hiểm.

Nói xong, Bác cởi chiếc khăn quàng trên cổ và quàng cho đồng chí Mác Đêphơrin, Chủ tịch Ủy ban Việt Nam hôm ấy đang húng hắng ho. Cử chỉ ấy làm chúng tôi ai nấy đều cảm động, bởi đó như tình cảm của người cha đối với những đứa con từ phương xa về.

Chúng tôi sung sướng báo cáo với Người về phong trào đoàn kết ủng hộ Việt Nam ở Cộng hòa Dân chủ Đức và trao tặng Bác những món quà của nhân dân nước chúng tôi gửi biếu Bác. Điều rất lạ là sau hơn bốn chục năm trời - kể từ năm

Bác qua hoạt động bên nước chúng tôi, Bác vẫn nói tiếng Đức một cách chính xác.

Suốt đời tôi, tôi sẽ trân trọng giữ trong lòng mình một kỷ niệm vô cùng quý báu, đó là bức chân dung mà chính Người đã ký tặng tôi trong lần gặp ấy. Và bên tai tôi lại văng vẳng những tiếng hô "Hồ, Hồ, Hồ Chí Minh" của thanh niên khắp năm châu trong những ngày đại hội liên hoan vừa qua ở Béclin. Nghĩ đến Bác Hồ, nghĩ đến Việt Nam, tôi càng thấy phải cống hiến nhiều hơn nữa cho Việt Nam và chính vì vậy mà tôi cảm thấy cuộc đời mình đang sống có ý nghĩa biết bao!

(Villxanbao - chiến sĩ chống phát xít Đức)

QUYỀN LAO ĐỘNG CỦA BÁC

Ở Việt Bắc trong kháng chiến chống Pháp, Bác có việc phải đi giữa một ngày mưa rất to. Anh em cảnh vệ lo tìm ngựa để Bác đi cho đỡ mệt. Bác nói:

- Chúng ta có bảy người. Ngựa chỉ có một con, Bác đi sao tiện. Bác cháu ta phải cùng nhau đi bộ chứ. Thôi, đem trả ngựa cho dân.

Anh em năn nỉ mãi, Bác mới đồng ý cho dẫn ngựa theo để mang đỡ đồ đạc..

Ở khu an toàn, mặc dầu xa địch, nhưng mỗi lần chuyển địa điểm, ngoài việc làm lán trại, Bác cháu còn phải đào hầm, hố. Bác thường giúp đỡ các chiến sĩ bảo vệ vẽ mẫu hầm, cách cầm xẻng, phá đất đá, nện "choòng"... Ngay trong mỗi nhà, mỗi lán Bác đều cho đào công sự đề phòng máy bay tập kích bất ngờ, cây rừng đổ xuống. Cứ mỗi ngày sau giờ làm việc,

Bác đào một ít, vài ba buổi là xong. Ai muốn đến giúp, Bác ngăn lại, không đồng ý và nói:

- Đây là quyền lao động của Bác.

(Theo Hồng Dương)

CHIẾN SĨ GIAO THÔNG NHẬN XÉT THƠ

Năm 1929, Bác Hồ ở Xiêm lấy tên Thầu Chín (có nghĩa là ông già tên Chín).

Trong một chuyến đi công tác tại vùng đông bắc nước này, Bác cùng đồng chí Tài nghỉ lại trên bờ sông Mê Kông. Trời đã về chiều, hai bác cháu cùng xuống sông tắm mát. Tắm xong, Bác hay ngồi trên bờ vẻ tư lự. Chừng như Bác có ý định làm một việc gì đó, to lớn hay cần thiết mà chưa có điều kiện thực hiện được.

Bác bảo đồng chí Tài lấy giấy bút ghi mấy vần thơ:

"Sông núi u sầu, cảnh tịch liêu,
Khen ai khéo vẽ bức tranh chiều,
Chim tìm tổ cũ lơ thơ liệng,
Dế nấp hang sâu ríu rít kêu...
Chóp núi lập lòe vầng ai lặn
Sườn non - lấp ló bóng trăng treo.
Trông về cố quốc lòng ngao ngán
Một đóa lan cù gió hắt hiu".

Đồng chí Tài đọc lại để Bác nghe, Bác hỏi:

- Chú "thấy" thế nào?

Đồng chí Tài, vốn là cựu pháo thủ, "thẳng nòng súng" chê:

- Bài này của ai làm mà bi hoài thế!

Bác chỉ im lặng…

HỮU CHÍ CÁNH THÀNH

Tháng 5 năm 1940, Nguyễn Ái Quốc đang ở Côn Minh, thủ phủ của tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Người quyết định cho rải truyền đơn dọc tuyến đường sắt Côn Minh đến Hồ Kiều, thị trấn cuối cùng ở biên giới Trung Quốc, đối diện với Lào Cai và giao cho đồng chí Vũ Anh (sau này có thời gian làm Cục trưởng Cục Quân nhu) phụ trách.

Trong thời gian ở Côn Minh, Người bắt liên lạc với các nhà cách mạng Việt Nam trong Ban Hải ngoại, lúc thì ở Hội Trung Đình, khi thì ở đại Quan Lâu trong công viên Thủy Hồ. Người thường lui tới quán cà phê của gia đình ông Tống Minh Phương tại số nhà 77 đường Kim Bích - Côn Minh. Người còn liên lạc với nhiều chiến sĩ cộng sản Trung Quốc như Lưu Ngang, Viên Siêu Tuấn, Lý Bội Quần.

Một hôm, quân Quốc dân đảng đến khám nhà 75 đường Kim Bích, Nguyễn Ái Quốc trà trộn với khách, xuống cầu thang thoát ra ngoài. Người chuyển đến Nhà xuất bản Sinh hoạt độc thư ở số 37, đường Hoa Sơn Nam cũng tại Côn Minh.

Trong nhà xuất bản này có đồng chí Phương Sĩ Tân ở cùng nhà với Nguyễn Ái Quốc, anh ở buồng ngoài, Người ở buồng trong. Chủ nhật, các thanh niên của Tây Nam liên đại (Trường đại học liên khu Tây Nam) và các chiến sĩ Hồng quân Trung Quốc đến nơi ở của Hồ Quang - tên mật của Nguyễn Ái Quốc - trao đổi tình hình thế giới, trong nước.

Tháng 9 năm 1940, Phương Sĩ Tân đi Diên An học tập. Hồ Quang bèn viết thư giới thiệu Phương Sĩ Tân với đồng chí thủ trưởng Viên Siêu Tuấn như sau:

"Kính gửi đồng chí Viên Siêu Tuấn.

Nay có ông Phương định đến bên ấy làm ăn, mong được giúp đỡ.

Hồ Quang"

Ngày 17 tháng 9, Phương Sĩ Tân rời Côn Minh đi Quý Dương để ngược Diên An. Hồ Quang viết vào sổ tay của Phương dòng chữ tiếng Trung Quốc và tiếng Anh: *Hữu chí cánh thành* (Có chí thì nên) và *Will is power.*

Ngày 20 tháng 9 năm 1982, đồng chí Viên Siêu Tuấn, trong khi trả lời Giáo sư Hoàng Trang, Viện Khoa học xã hội tỉnh Quảng Tây đã xác nhận có bức thư đó. Và "cụ" Phương Sĩ Tân đã cho khách xem cuốn sổ tay có bốn chữ "*Hữu chí cánh thành"* này.

Thiết nghĩ, "Có chí thì nên" - câu đó không dành cho riêng ai.

CÁI MÁY PHÁT ĐIỆN

Tại Hội nghị cán bộ Trung ương Đảng lần thứ 6, họp từ ngày 14 đến 18 tháng Giêng năm 1949 ở Việt Bắc, sau khi nêu những việc phải làm (đẩy tới quân sự; chấn chỉnh bộ máy chính quyền; làm ra nhiều, chi dùng ít, chỉnh đốn các đoàn thể quần chúng; chỉnh đốn nội bộ Đảng), Bác Hồ nói: *"Đảng ví như cái máy phát điện, các công việc trên ví như những ngọn đèn, máy mạnh thì đèn sáng"*[(1)].

Trở lại năm việc phải làm mà Bác đã nêu, ta có thể vận dụng vào công việc của ngành Giáo dục - Đào tạo. Và lời dạy của Bác có thể hiểu được như sau:

"Công tác (hay sự nghiệp?) giáo dục - đào tạo (nhân tài) của Đảng ví như cái máy phát điện; nhân tài, trí thức tinh hoa của Đảng, của dân tộc ví như những ngọn đèn (giáo dục - đào tạo mạnh thì đèn sáng, có nhiều nhân tài…).

Máy phát điện - tuy gọi thế - nhưng bản thân nó không phát ra điện. Phải "nạp" xăng dầu, nước, than, hoá chất… thì máy mới phát, mới cung cấp được điện.

Ngành Giáo dục - Đào tạo cũng được gọi là thế nhưng bản thân ngành đó không "giáo dục - đào tạo" được ai. Phải "nạp" cho ngành cũng hóa chất, than đen, nước trắng, dầu nhờn, nạp ít thì điện ít, điện ít thì đèn ắt như con đom đóm. Nạp nhiều mà máy để rò rỉ phát ra không đủ, không đúng công suất "danh định", đèn mờ, là lỗi tại máy.

Nói là "máy", là "đèn", nhưng thực chất lại là người, là thầy cô giáo, là học sinh.

---

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.184

Muốn có được những "ngọn đèn sáng" soi rõ trong nhà, ngoài ngõ thì cái máy phát điện phải mạnh.

Đại hội VII đã thành công, Luật Giáo dục đã ban hành, rất mong Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các đoàn thể nhân dân quan tâm cho cái "máy phát điện" này.

NHÂN CHI SƠ, TÍNH BẢN THIỆN

Tại lớp nghiên cứu chính trị khóa II, Trường Đại học Nhân dân Việt Nam, ngày 08 tháng 12 năm 1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói một câu chuyện rất đơn giản, câu chuyện về *Tam tự kinh*. Câu đầu tiên của *Tam tự kinh* là:

"Nhân chi sơ, tính bản thiện".

Người giải thích:

"Nhân" nghĩa là nhân dân. Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân.

"Thiện" nghĩa là tốt đẹp, vẻ vang. Trong xã hội không có gì tốt đẹp, vẻ vang bằng phục vụ cho lợi ích của nhân dân.

Trong xã hội cũng có "Thiện và Ác"...

Sau đó, Người cho rằng trong một nước, một người, trong một thế giới đều có Thiện và Ác. Chính phủ nào, người nào "lo phục vụ lợi ích của nhân dân là Thiện. Nếu chỉ lo cho lợi ích của riêng mình, không lo đến lợi ích chung của nước nhà, của dân tộc, thế là Ác". Người nhấn mạnh: "Chí công vô tư, cần kiệm liêm chính là Thiện; quan liệu, mệnh lệnh, tham ô là Ác…"

Bác mong rằng dù chúng ta có chịu ảnh hưởng của xã hội cũ, kẻ nhiều, người ít, không tránh khỏi cái Ác nhưng cố gắng học tập thì cái Ác ngày càng bớt, cái Thiện ngày càng tăng.

Trở lại câu đầu tiên của sách kinh ba chữ (*Tam tự kinh)* là "Người mới sinh, tính vốn thiện" (Nhân chi sơ, tính bản thiện). Sở dĩ trở nên ác là do tự mình không chịu học tập, rèn luyện, do bị ảnh hưởng xấu xa của xã hội, tiêm nhiễm của môi trường độc hại mà mình không "đề kháng" được.

Bản thân Bác đã nêu một tấm gương ngời sáng về Thiện và Bác hằng mong mỏi mọi người, tất cả con người trên quả đất này hãy cố gắng phát huy, giữ gìn cái Thiện vốn có của mình:

"Quan san muôn dặm một nhà.

Bốn phương vô sản đều là anh em".

Và đức Thiện nở rộ mãi mãi "như hoa mùa xuân".

Giữ được Thiện, phát huy điều Thiện dù từ việc nhỏ nhất phải là sự dạy dỗ của bố mẹ, cô thầy, của ông bà... đối với con, cháu, học trò... là sự chăm nom của toàn xã hội.

Thiện quả là khó nhưng chắc không phải điều không làm được.

Người người làm việc Thiện

Nhà nhà có việc Thiện

Ngành ngành giữ việc Thiện.

SUY NGHĨ VỀ HAI CHỮ "CÔNG BẰNG" CỦA BÁC

Bác Hồ đã từng căn dặn chúng ta: "Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng". Có thể nghĩ rằng đấy là một dự báo: một lời cảnh cáo, đồng thời cũng là nỗi ưu tư phiền muộn, lo lắng của Bác. Bác "sợ không công bằng". Một xã hội không công bằng đã dẫn đến sự thiếu ổn định về nhận thức: công luận, pháp luật và cuối cùng là chính trị.

Người cống hiến nhiều của cải cho xã hội chưa được xã hội xem trọng, đãi ngộ không xứng đáng; người phạm tội nhẹ là "thứ dân" bị xử nặng, còn kẻ ăn cắp, ăn cướp, phá hoại tài sản của nhân dân là "quan to" chỉ bị "cách chức" về hưu, người trung thực không được các cơ quan hành pháp bảo vệ, tất cả những sự bất công ấy như những mầm mống gây bất bình, mất ổn định xã hội.

Đảng và nhà nước ta từ rất sớm đã nhận ra "căn bệnh" của mọi nhà nước, của các vị "quan cách mạng" nên đã có nhiều biện pháp ngăn chặn, tạo ra một sự công bằng hoàn thiện dần trong điều kiện cụ thể của nước nhà.

Góp phần giữ trật tự an ninh cần phải vun trồng cây công bằng sao cho bóng tỏa rộng, lấy nhân nghĩa đối xử cho cả người bị tù tội, lấy tình thương mà cảm hóa người lầm lỗi, lấy pháp luật nghiêm minh mà ngăn ngừa, lấy lao động việc làm để con người trở về với giá trị sáng tạo của họ... Gia đình, nhà trường, công luận xã hội phải góp phần chủ yếu trong việc giữ được cái "tâm", cái "đức" của từng con người, không coi nhẹ ai, không bỏ sót ai, giữ được trăm người, ngàn người mà để lọt

một người, thì một người để lọt này có thể làm hại cho trăm người, cho ngàn người khác.

Lịch sử xã hội loài người, lịch sử nước ta phải chăng cũng gần đây thôi - đã có những thập kỷ "Nghiêu - Thuấn", đêm ngủ không cài cửa, giá trị công bằng - nhân nghĩa - đạo lý được đề cao, tội phạm bị coi là xa lạ?

Để có một trật tự an ninh cho xã hội, mọi thành viên trong xã hội ấy đừng đứng ngoài, đừng bàng quan, vì bàng quan cũng là một tội phạm, một tội ác ít ra cũng trong chiều sâu lương tâm của họ. Và điều đó chỉ đạt được khi xã hội được công bằng.

VIỆC CHI TIÊU CỦA BÁC HỒ

Các đồng chí ở gần Bác đều cho biết Bác rất tiết kiệm. Có đôi tất rách đã vá đi, vá lại mấy lần Bác cũng không dùng tất mới. Bác nói:

- Cái gì còn dùng được nên dùng. Bỏ đi không nên.

Khi tất rách chưa kịp vá, anh em đưa đôi mới để Bác dùng, Bác xoay chỗ rách vào bên trong rồi cười xí xóa:

- Đấy, có trông thấy sách nữa đâu.

Có quả chuối hơi nẫu, anh cán bộ chê không ăn, Bác lấy dao gọt phần nẫu đi, bóc ăn ngon lành, rồi nói:

- Ở chiến khu có được quả chuối này cũng quý.

Câu nói và việc làm của Bác làm đồng chí cán bộ "khiếp vía", hối hận mãi.

Dù cho đã làm đến Chủ tịch nước, suốt trong những năm ở Việt Bắc, ở Hà Nội, Bác chưa bao giờ có tiền (như anh em cán bộ, chiến sĩ, công tác quanh Bác thường nhận xét).

Thực tế lịch sử cho thấy rằng: Suốt cuộc đời hoạt động của Bác - ở nước ngoài, Bác gặp rất nhiều khó khăn về tài chính do những nguyên nhân khác nhau. Được đồng nào chủ yếu do lao động tự thân mà có, Bác đều dành cho công tác cách mạng. Bác chi tiêu rất dè sẻn, cân nhắc từng xu. Liên hoan mừng thành lập Đảng cũng chỉ có bát cơm, món xào, tô canh, đĩa cá. Chiêu đãi đồng chí Lý Bội Quần, người Trung Quốc đã mua chiếc máy chữ từ Hải Phòng về tặng Người (năm 1939), Bác cũng chỉ "khao một món canh và hai đĩa thức ăn, thêm hai lạng rượu, tổng cộng chưa hết một đồng bạc".

Tự thiết đãi mình "khi nghe tin Hồng quân bắt sống 33 vạn quân Hítle ở Xtalingrát năm 1943", tại nhà tù, trong túi chỉ còn vẻn vẹn một đồng bạc, Bác đã "nhờ người lính gác mua giùm cho ít kẹo và dầu chả quẩy". Sau khi phấn khởi hô mấy khẩu hiệu hoan nghênh thắng lợi của Liên Xô, Bác "ngồi một mình, chén tạc, chén thù rất đàng hoàng, vui vẻ"…

Năm 1957, Bác về thăm Nghệ Tĩnh, khi ăn cơm chung với đồng chí Nguyễn Sĩ Quế, Nguyễn Chí Thanh, Hoàng Văn Diệm, Bác đã để bớt ra ngoài mâm mấy món ăn, rồi nói: "Ăn hết lấy thêm, không ăn hết để người khác ăn, đừng để người ta ăn thừa của mình".

Có thể dẫn ra nhiều nữa những ví dụ về cách chi tiêu sử dụng tiền bạc, cơ sở vật chất của Bác, rất "mâu thuẫn thống nhất": chắt chiu, tằn tiện nhưng vẫn rộng rãi, không hoang phí mà cũng không keo kiệt, "ki bo".

Thế giới, loài người tự hào về Bác. Là người Việt Nam, đồng hương của Bác, chúng ta càng tự hào biết bao. Cách ứng xử của Bác với tiền tài, với cái ăn, cái mặc, với cơ sở vật chất nói chung đâu có phải là cao quá mà chúng ta không học tập được, đâu có phải là một tòa thành cấm, uy nghiêm, mà chúng ta không đặt chân lên được bậc thềm, dù là bậc thềm thứ nhất?

ĂN TRÊN, NGỒI TRỐC

Trốc" là tiếng Việt - Mường cổ có nghĩa là "trên", là "ngọn". Vùng Thạch Thành, Thiệu Yên (Thanh Hóa) ngày nay vẫn còn nói "trốc cún" (đầu gối), trốc cây (ngọn cây)…

"Ăn trên, ngồi trốc" bao hàm ý "ăn ở mâm trên, ngồi ở chiếu trên" cách xa quần chúng, quan liêu, quan cách, quan dạng.

Ngày 04 tháng 10 năm 1957, nhân dịp về thăm khu mỏ Quảng Ninh, Bác Hồ có nói: "Cán bộ Đảng, cán bộ chính quyền không phải làm quan cách mạng, ăn trên ngồi trốc. Cán bộ Đảng cũng như cán bộ chính quyền, ngay cả Bác là cán bộ cao nhất đều là đầy tớ của nhân dân, phải hết lòng phục vụ nhân dân, phải cần, kiệm, liêm, chính".

Bác đã rất nhiều lần nói: "Vào Đảng để làm đầy tớ nhân dân". Bác rất không bằng lòng khi biết tin một số cán bộ đã không làm được điều Bác dặn. Lần gặp đại biểu nhân dân Hải Phòng ngày 30 tháng 5 năm 1957, Bác nhấn mạnh rằng: "Tôi xin nói lại là, Chính phủ, từ Hồ Chí Minh cho đến các vị ủy ban đây, các bộ trưởng, đến các cán bộ thôn, xã gọi là chính quyền, gọi là Chính phủ, đều là đầy tớ nhân dân. Không phải như khi trước nói hoàng đế, bệ hạ, rồi có những quan này,

quan khác, cao cao tại thượng... Bây giờ chúng ta là dân chủ. Dân chủ là dân làm chủ thì chủ tịch, bộ trưởng, thứ trưởng; ủy viên này khác làm gì...? Làm đầy tớ. Làm đầy tớ cho nhân dân chứ không phải là làm quan cách mạng"…

Đọc lại những dòng này, chúng ta như hình dung ra Bác rất khổ tâm, có thể là đau xót có ý trách móc nhiều người không làm đầy tớ dân mà "ăn trên, ngồi trốc", dọa nạt dân, áp bức dân, tham ô, lấy cắp của nhân dân, của nhà nước...

Không phải đến năm 1957, Bác mới nói nhiều đến "các quan cách mạng", mà ngay từ năm 1945 khi nhân dân ta mới giành được chính quyền, Bác đã thấy trước con sâu, con mọt này, đã vạch mặt, chỉ tên chúng cho cán bộ ta thấy, biết để tránh.

Nhưng, cho đến ngày nay, bên cạnh những cán bộ thực sự là đầy tớ nhân dân, còn không ít người đã trở thành "ông chủ", "ông quan" (quan liêu, quan cách mạng, quan tham ô...), trở thành con sâu làm rầu nồi canh, trở thành những chướng ngại trên con đường đi tới của xã hội. Không hiểu họ có biết bốn chữ "ăn trên, ngồi trốc", có nhớ bốn chữ ấy của Bác không?

MỞ NGUỒN TO, RÚT HẸP LỖ CHẢY

Nền kinh tế của nước ta mấy năm qua đã có những sắc thái mới, nhiều tiến bộ. Bên cạnh những cái "được", không sao tránh khỏi những cái "mất". Một trong những cái mất đó là những "rò, rỉ" ở khâu quản lý, từ nhà nước đến cơ sở. Quốc hội họp vừa qua đã nhấn mạnh đến những sơ hở trong quản lý vĩ mô, vi mô này.

Một trưởng phòng chuyển sang làm giám đốc xí nghiệp xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ, nhờ vào "cái 137" mà làm ra, ăn nên to. Mới chưa đầy 3, 4 năm, anh ta đàng hoàng, công khai mua đất, xây một căn lầu "hết ý" ở cuối đường Nguyễn Thái Học như thách thức với mọi người. Chắc anh ta cùng "nằm" trong số những người làm ra, ăn nên do hàng trăm triệu đồng thất thoát bởi qui định kinh doanh ngoại thương chưa chặt chẽ…

Một cán bộ xây dựng, cứ theo luật của nhà nước qui định bên A, bên B xây cho nhà nước 4 thì anh ta được 1. Vài năm nay, gia đình anh ta "lên" như diều. Cô vợ bỏ việc làm, "chiêu" thuốc bổ một thang bằng người ta ăn cả một tháng, xe chồng Dream, xe vợ Honda, xe con Chali… Chẳng bõ bèn gì căn hộ 25 mét vuông "bao cấp", anh ta núp danh ông bố vợ xây "thẳng cánh" một tòa biệt thự "cho mà biết"… Chắc anh ta cũng "nằm" trong số "hàng ngàn tỷ đồng" rỉ, rò trong xây dựng cơ bản.

Một vụ phó ngoại giao "được phép" mang hàng đúng tiêu chuẩn, chưa đến tuổi đã về "hưu non" xây một nhà mấy tầng lầu, kiểu cổng "gô-tích", kiểu cột "Trung Hoa", kiểu mái "Nhật Bản". Tuy ông đã biết ý, tránh nơi phường phố, "rút" vào một xóm nhỏ "trong lòng Hà Nội", nhưng nhân dân lao động, cán bộ hưu trí "đầu đường bơm xe, cuối phố bán chè" đều ngửa mặt trông lên trầm trồ: "Cái tay này đi nước ngoài nhiều nên kiến trúc "phong phú", "đa dạng" quá! Chắc vị này cũng "nằm" trong các khe hở của các "sứ" ở hải ngoại.

Chính phủ và Quốc hội vừa có chỉ thị tăng cường chống những "khe", những "kẽ hở" trong các lĩnh vực quản lý kinh

tế, văn hóa, xã hội, kiên quyết chống "tham ô", chống thu nhập lậu không đóng thuế "các kiểu". Bác Hồ đã nói: "Mở nguồn cho to, rút hẹp lỗ chảy" chắc có nghĩa là mở rộng kinh tế, phát triển kinh doanh, đầu tư sản xuất lưu thông, phát huy mọi sáng kiến làm giàu cho Tổ quốc, nhưng đồng thời phải làm cho các "lỗ chảy" hẹp lại, bé lại, ít đi, càng bé, càng ít càng tốt.

Một khẩu hiệu chí lý, chí tình. Một phương châm rất thời sự.

SO SÁNH

Sách *"Sửa đổi lối làm việc"* ký tên X.Y.Z của Chủ tịch Hồ Chí Minh viết vào tháng 10 năm 1947 được Nhà xuất bản Sự thật xuất bản lần đầu tiên vào năm 1948, tái bản lần thứ 7 vào năm 1959. Từ năm 1959 đến nay, sách chưa có điều kiện tái bản nữa[1].

Chương V của sách có tiêu đề "Cách lãnh đạo". Tiết 3 của chương này được Bác đặt tên: "Học hỏi quần chúng nhưng không theo đuổi quần chúng". Trong bài, có đoạn Bác nhấn mạnh rằng: "Dân chúng đồng lòng việc gì cũng làm được", "Dân chúng không ủng hộ, việc gì làm cũng không nên". "Dân chúng sẽ không tin chúng ta nếu cán bộ không nhiệt thành, khiêm tốn, chịu khó học hỏi dân chúng; biết, họ không nói, nói, họ cũng không nói hết lời".

Đề cập đến đặc điểm rõ nhất trong tư tưởng của dân chúng là họ hay "so sánh", Bác viết rất cụ thể: "Họ so sánh bây giờ và họ so sánh thời kỳ đã qua. Họ so sánh từng việc và họ so sánh từng bộ phận. Do sự so sánh, họ thấy chỗ khác nhau,

---

[1] Năm 2009, sách đã được tái bản (BT).

họ thấy mối mâu thuẫn. Rồi lại do đó, họ kết luận, họ đề ra cách giải quyết".

44 năm qua[1], từ khi những ý kiến ấy xuất hiện đã như một bài học rất sâu sắc về đạo làm người cho mỗi cán bộ muốn tham gia công tác lãnh đạo.

Hiện nay trong dân chúng ta có bao nhiêu điều so sánh, công khai, chìm lặng, chân thật, giả dối, chính xác, sai lệch? Anh con ông bác họ xa của đồng chí Báo ở Sài Gòn so sánh ngày Sài Gòn chưa giải phóng với bây giờ: Dù có khó khăn gì nhưng độc lập thống nhất rồi, con trai tôi không phải đi lính bắn giết cha, chú, họ hàng nó; con gái tôi không làm đĩ "mẽo" thì tôi có nhắm mắt cũng yên lòng". Nông dân miền Bắc trả lời về sự so sánh bằng cách chỉ vào nhà mình tủ ly, tủ búpphê (đã thành mốt), đài thu tiếng hoặc thu hình, rồi cả honđa (tên chung cho mọi loại xe máy)... Tuy nhiên, bà con cũng cho biết: còn nhiều gia đình, nhiều địa phương chưa biết "trồng màu để ăn cho no, chưa có nghề phụ để làm giàu". Nhưng đâu đâu cũng thống nhất câu kết luận về so sánh "so với trước là một trời một vực rồi". Vậy "trước" là khi nào? Mấy lần trước? Câu trả lời là: Trước Cách mạng Tháng Tám, trước cải cách, trước chống Mỹ, trước đổi mới. Vậy đã là "bốn thời kỳ so sánh, bốn thời kỳ tiến bộ", bốn cấp độ so sánh rồi.

Dân chúng còn so sánh về cán bộ, về người lãnh đạo. Nào người này liêm khiết thì khổ, người kia tham nhũng thì sướng, nào ông này mắc khuyết điểm nhỏ thì tội to, ông kia tội "tày đình" lại xí xoá, nào cũng làm cách mạng mà người kiếm mảnh đất cắm dùi cũng khó, người mấy cơ ngơi.

---

[1] Bài này viết từ năm 1992.

Trong khi viết bài của mình, Bác Hồ cho biết: "Dân chúng so sánh đúng, giải quyết đúng là vì tai mắt họ nhiều, việc gì họ cũng nghe, cũng thấy. Vì sự so sánh kỹ càng đó mà cách giải quyết của dân chúng bao giờ cũng gọn gàng, hợp lý, công bình". "Dân chúng cũng do cách so sánh mà họ biết rất rõ ràng cán bộ...".

Bác còn căn dặn: "Dân chúng có nhiều tầng lớp khác nhau, trình độ khác nhau, ý kiến khác nhau", "cố nhiên không phải dân chúng nói gì, ta cũng cứ nhắm mắt theo".

Và Bác Hồ dạy cán bộ cũng phải biết so sánh. "So đi sánh lại sẽ lòi ra một ý kiến mà mọi người đều tán thành hoặc số đông người tán thành", "thành một ý kiến đầy đủ, ý kiến đó tức là cái kích thước nó tỏ rõ sự phát triển trình độ của dân chúng trong nơi đó, trong lúc đó. Theo ý kiến đó mà làm, nhất định thành công".

"So đi sánh lại, phân tích rõ ràng là cách làm việc có khoa học". Cuối cùng Bác Hồ căn dặn và mong muốn làm như thế mới tránh khỏi cái độc đoán, mới tránh khỏi sai lầm.

Cán bộ là "trung tâm của vấn đề, rường cột của tổ chức, "cán bộ quyết định tất cả". Cần phải "so sánh lại" để chọn đúng cán bộ cần cho Đảng, cho quân đội.

"Làm như thế, chính sách, cán bộ, nhân dân sẽ nhất trí, mà Đảng ta sẽ phát triển rất mau chóng và vững vàng".

Đó là những dòng chữ kết luận cuối cùng của Bác Hồ trong bài viết năm 1947 ấy.

"THIỆN", "TÂM" LÀ CÁI GỐC CỦA AN NINH

Đã đành luật pháp - phải là luật pháp nghiêm minh - là một trong những đảm bảo cho an ninh xã hội, an ninh chính trị, kinh tế, đạo đức… Nhưng cái gốc của sự an ninh là cái "thiện", cái "tâm" của con người trong cộng đồng.

Nhiều nhà tù, nhiều cảnh sát, quân đội, nhiều phạm nhân sao cho bằng nhiều trường học - trường ra trường, nhiều thầy giáo - thầy đủ điều kiện làm thầy, nhiều học sinh ngoan - học vấn sẽ tăng thêm điều thiện, giảm đi điều ác. Đâu chỉ có cái "uy", cái "quyền", cái "lực" mới thuyết phục được người ta! Cái căn bản là con người nhận ra được cái "ân", cái "nghĩa", cái "tình" để suốt đời giữ được cái đạo làm người. Chủ nghĩa xã hội lấy bạo lực chống lại kẻ thù nhưng đâu phải chỉ đơn thuần là bạo lực quân sự, có cả bạo lực chính trị và cao hơn hết là "bạo lực giác ngộ", chỉ đường chỉ cách cho con người đi theo, tự cải tạo, tìm lấy quyền sống tự do, ấm no, hạnh phúc.

Rất buồn là có nhiều đồng bào ta, con cháu ta vì dại dột, vì mê muội, vì lòng tham đã phạm tội, vào tù. Trại giam - dù chỉ một số ít - đã không phải là nơi để họ tìm thấy lại cái "tình", cái "nghĩa" của nhà nước, của xã hội để hối cải trở về với cái quyền là "con người sinh ra ai nấy đều thiện". Ra khỏi trại, lòng oán thù của họ lại tăng lên "oán cán bộ quản giáo, oán chính quyền, oán cuộc đời, oán xã hội". Và họ lại tiếp tục gieo mầm oán hận cho nhiều "đồ đệ" khác... Phải chi được như nhiều anh, chị em ra trại được tắm giặt trên một dòng sông trong sáng, trở về lao động, yêu thêm cuộc sống, yêu gia đình, xã hội, yêu con người, yêu lại chính bản thân mình.

Có một thời báo chí đã đăng tải rất nhiều các vụ án để răn đe, so với những bài giáo dục, cảm hoá, nhắc nhở con người giữ điều thiện, trở về với điều thiện. Trong cơ quan, đơn vị, ở thôn xóm, nhiều người có chức, có quyền "một, hai" lôi thôi là bắt bớ (có khi bắt người sai nguyên tắc), là "đánh đập", là vào tù, cào ủi nhà. Họ ít nghĩ đến cảm hóa, đến luật là đây, tôi là đấy, đáng đánh rồi xử phạt, nhưng vì lần đầu, vì ngu dại, vì mẹ đói, con nghèo mà tha thứ, mà nâng đỡ, có khi còn phải trợ cấp… Có "uy" mà vẫn có "ân", có "đức", có tấm lòng xót xa chung, đùm bọc lẫn nhau…

Mỗi gia đình, trường học, tập thể, nhà nước nên tăng thêm việc truyền bá điều thiện, đề cao việc nghĩa, tôn trọng tình thương.

Bác Hồ kính yêu của chúng ta từng khoan dung với biết bao con người đã một thời cầm súng giết hại nhân dân ta, trả lại vũ khí cho họ, vũ khí chính nghĩa, thiện chí và lòng nhân đạo của Việt Nam... Cái "tâm" lớn lao trời biển của Bác đã giúp họ trở lại làm người có ích cho Tổ quốc họ, cho loài người.

Di sản ấy của Bác phải chăng là cái nền, cái gốc cho sự bình an xã hội, yên vui của hành tinh?

TIẾNG ĐỂ NGÀN ĐỜI

Xã hội, đất nước ta hiện nay đang bị lũ "sâu mọt" tham nhũng đục khoét. Chúng ta đều biết kẻ tham nhũng không dại gì "đơn thương, độc mã". Họ "liên kết" vòng vèo, móc nối, che chắn gần xa, dự liệu gần xa, dự liệu "phòng thủ"

có "chiều sâu" khá cẩn thận để nếu vỡ lở thì thường rút dây động rừng, "bó đũa" liên kết tham nhũng khó mà bẻ được…

Dân làm gì có quyền, có chức để tham nhũng. Chỉ có một số "đầy tớ nhân dân" thoái hóa biến chất, đặc quyền đặc lợi mới có "điều kiện" để tham nhũng. Thử xem có bao nhiêu giám đốc, thủ trưởng không kéo bè, kéo cánh, không chiếm đất, chiếm nhà? Thủ trưởng, giám đốc đã thế thì "chiến hữu" đàn em ăn theo "nhào dô" tới số. Có trưởng phòng ở đơn vị nọ dám tổ chức đám cưới cho con ba ngày đêm liền, pháo nổ không dứt, cơm "khách sạn", xe đi không tiếc xăng, bia lon uống không hề đếm! Làm sao họ có nhiều tiền đến thế? Câu trả lời rất giản đơn - tiền do "quà", do "tặng phẩm", do "đền ơn".

Những kẻ tham nhũng đã phá hoại cơ sở vật chất của xã hội. Họ còn phá hoại luôn cả kiến trúc thượng tầng, phá đạo đức, lương tri, nhân cách. Và tội to nhất là họ đã xóa bớt đi, làm giảm đi, thậm chí cướp mất đi lòng tin của nhân dân vào chế độ, vào Đảng và nhà nước. Uy tín của Đảng, của nhà nước ta đâu phải một sớm một chiều mà xây dựng được? Uy tín đó được xây đắp trong nhiều năm của nhiều thế hệ đã hy sinh cả cuộc đời mình để vun đắp nên. Lịch sử nước ta từ năm 1945 đến nay chưa bao giờ "đội quân" tham nhũng lại nhiều như thế!

Trong thư gửi ông Vũ Trọng Khánh năm 1948, Bác Hồ viết: "Ai chẳng muốn cơm no, áo ấm. Nhưng sinh hoạt vật chất hết đời người đó là hết. Còn tiếng tăm xấu hay tốt, còn truyền đến ngàn đời về sau".

Chậm vẫn còn hơn không bao giờ sám hối. Đó là một bài thuốc tốt cho những kẻ tham nhũng.

ĐỂ "ĐỒNG HỒ SẠCH"

Đảng ta không phải trên trời rơi xuống, mà ở trong xã hội cũ thực dân phong kiến. Đảng cũng ở trong xã hội. Đảng là do nhiều người cách mạng hợp lại, cho nên dù với sự rèn luyện theo chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng có nhiều ưu điểm, nhưng cũng không tránh khỏi khuyết điểm. Truyền thống của Đảng ta tốt, nhưng cái xấu trong xã hội cũ đã ảnh hưởng đến từng cá nhân đảng viên. Khuyết điểm nhiều, ít, to, nhỏ khác nhau. Nguyên nhân là vì trình độ thấp, vì không thật thà nghiêm khắc tự phê bình".

"Đảng phải rất mạnh, rất trong sạch. Lấy đồng hồ làm ví dụ: bộ máy đồng hồ phải chạy đều, muốn chạy đều phải sạch sẽ.

Đảng muốn trong sạch, mạnh mẽ thì mỗi bộ phận, mỗi đảng viên phải trong sạch, mạnh mẽ".

Vậy ai là người lau đồng hồ cho đồng hồ sạch? Tự mỗi người.

Nếu ai đó không có kiến thức kỹ thuật về đồng hồ, không "dám" mạnh dạn hy sinh tháo đồng hồ ra lau, hãy nhờ người khác. Nếu sợ không dám nhờ thì quần chúng nhân dân, tập thể, công luận, nhà nước, pháp luật giúp họ lau chùi đồng hồ cho sạch để đồng hồ chạy cho đều, không xảy ra tình trạng ậm ạch, báo sai giờ, chết vặt. Năm mới xin chúc đồng hồ của các bạn sạch sẽ, góp phần để cái đồng hồ lớn chạy đều. Xin nói thêm, tất cả những câu trong ngoặc kép của bài này là do Chủ tịch Hồ Chí Minh dặn chúng ta từ năm 1955 đấy.

MÙA XUÂN CỤ HỒ

Trong cuộc đời 79 mùa xuân của Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, có 30 mùa xuân "tha hương", cộng thêm 2 mùa xuân vừa tha hương vừa nằm trong ngục Tưởng Giới Thạch. Trong 30 mùa xuân cách xa Tổ quốc ấy cũng có hai lần Bác đón xuân tại nhà tù Victoria ở Hồng Kông và 5 cái tết ở trên đất Liên Xô, chỉ có đọc sách mà không được hoạt động nhiều (từ năm 1934 đến 1938). Nếu tính từ tuổi 17 đã biết tự lập thì trừ đi những năm thơ ấu, những năm "ly hương" và tù ngục. Bác Hồ thân yêu thực sự chỉ "ăn" được 30 cái tết trong nước. Chưa được nửa cuộc đời - 17 mùa xuân lênh đênh biển cả, 4 xuân trong xà lim, 5 xuân ít được hoạt động... Những mùa xuân đắng cay ấy cũng không dồn đủ ngọt ngào cho những xuân còn lại của Người. Bác Hồ đã một lần nói với đồng chí Hoàng Đạo Thúy rằng: "Người ta ai cũng là người, ai cũng có vui, có buồn... Với anh em, đồng chí, đồng bào, tôi cố giữ cho mình được vui...".

Bác không nói tới vế sau, nhưng ai cũng hiểu. Với niềm tin tưởng và tinh thần lạc quan cách mạng, Người đã có những mùa xuân tươi đẹp nhất. Phải chăng đó là mùa xuân năm 1923 trên đất Pháp. Mùa xuân ấy, lần đầu tiên, sau bao nhiêu năm kiếm nghiệm cuộc sống, Nguyễn Ái Quốc viết: "Cho đến nay chủ nghĩa tư bản chỉ là những vách tường dày ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và thương yêu nhau". Mùa xuân năm 1924, Người đã đến Mátxcơva quê hương của một mùa xuân mới. Mùa xuân năm 1930 là một mùa xuân tươi đẹp, sung sướng nhất của Bác Hồ, vì "từ nay đã có Đảng

lãnh đạo, cách mạng sẽ thành công". Mùa xuân 1941, sau 30 năm cách xa Tổ quốc, sau khi mở lớp huấn luyện đào tạo cán bộ ở biên giới Việt - Trung, theo nội dung sách sau này được in dưới tên gọi *"Con đường giải phóng"*, con đường mới đi được chặng đầu trong khí trời trong lành của một buổi sớm xuân, trong hương thơm của hoa rừng biên cương, Người trở về Tổ quốc.

Những mùa xuân phấn khởi như vậy rất ít với Người vì rằng Người đã *"nghĩ mình trong bước gian truân, tai ương rèn luyện tinh thần thêm cao"*, như Nguyễn Trãi đã nói: "Vì trời giao ta làm việc lớn nên thử thách ta".

Mùa xuân của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một mùa xuân của nghĩa tình, chan chứa lòng yêu thương đồng cảm với nhau. Xuân năm 1959, trên đất Liên Xô, Bác nói với các cháu thiếu nhi: *"Tết bây giờ khác trước rồi. Mùa xuân của chúng ta không phải là ba tháng mà là dài hơn, gia đình, họ hàng của ta là cả gia đình quốc tế vô sản"*. Người mong muốn mùa xuân cho mọi người, xuân ở trong mọi ngày. Trong ngày xuân, gặp được đồng bào, đồng chí, bạn bè, Người lại thấy*"Xuân này xuân lại thêm xuân, nước non xa, anh em gần, vui thật là vui"*.

Trong thực tế của cuộc đời này, xuân đâu có về với mọi nhà! Khi Tết đến, xuân về, dù không có tiền bạc, bánh quà để tặng những người nghèo khổ, Bác vẫn đến với họ, sẻ chia một tấm lòng, một sắc xuân của trái tim Người. Cô công nhân vệ sinh bất ngờ "không bao giờ nghĩ là Bác đến". Hiền lành như một ông tiên, ông bụt, Bác xót xa mà nói: "Bác không đến thăm cháu, còn thăm ai?". Mùa xuân ấy đối với căn nhà rách nát nghèo nàn, trong một hẻm phố nhỏ của chị công nhân thật

là *"một mùa xuân cả thế gian, phải đâu lãng phí cỗ bàn mới xuân"* như lời Bác dạy.

Nếu như "Chủ nghĩa cộng sản là mùa xuân của nhân loại" còn quá cao trên đỉnh núi, mà ta chỉ chiêm ngưỡng được trong những ngày trời đẹp, hoặc còn quá xa như một viễn cảnh, thì những ngày này, thế giới này, quả đất này, có thể đã có một mùa xuân *"không gì ngăn cản được những người lao động trên thế giới hiểu nhau và thương yêu nhau"*. Đó là lời tuyên bố của Nguyễn Ái Quốc, xuân năm 1923. Đó là mong mỏi của Bác suốt cả cuộc đời mình mong muốn *"công nông thế giới đều là anh em"*, mong muốn "mùa xuân dài hơn", mùa xuân với áo ấm, cơm no, với tự do, hạnh phúc, với cái "tâm", cái "thiện" của mỗi con người.

HOA SEN

Cải cách ruộng đất là một cuộc cách mạng nông thôn, rung trời chuyển đất. Không những nó quan hệ trực tiếp với giai cấp nông dân và giai cấp địa chủ, mà còn ảnh hưởng lớn đến nhiều tầng lớp khác. Do đó mà có vấn đề *thành phần giai cấp* và *quan hệ gia đình*. Những đảng viên và cán bộ (trong Đảng và ngoài Đảng), hoặc bản thân là địa chủ, hoặc là con em địa chủ, đều suy nghĩ và lo lắng về vấn đề ấy.

Đối với giai cấp địa chủ, nông dân cũng không "vơ đũa cả nắm", mà có phân biệt: đối với những địa chủ thật thà tuân theo pháp luật thì giúp đỡ cải tạo. Đối với những địa chủ cường hào gian ác, đã có nhiều nợ máu, lại ngoan cố phá hoại thì mới trừng trị. Giáo dục cải tạo là chính.

Còn vấn đề thành phần và quan hệ - trước khi ra đời người ta không thể lựa chọn sinh ra ở giai cấp nào, ở gia đình nào. Thành phần giai cấp nhất định có ảnh hưởng đến tư tưởng của con người. Nhưng nó không phải là một ảnh hưởng quyết định, không khắc phục được. Khi đã đứng vào hàng ngũ cách mạng, đã được Đảng và nhân dân rèn luyện, người ta có thể đấu tranh và thoát ly ảnh hưởng của giai cấp xấu, thoát ly những quan hệ xấu.

Thành phần giai cấp và quan hệ gia đình (địa chủ) có ảnh hưởng thế nào, điều quyết định vẫn là do bản thân mỗi người đảng viên, mỗi người cán bộ. Nếu người đảng viên và người cán bộ có chí khí kiên cường, tư tưởng vững chắc, lập trường dứt khoát, quyết tâm phụng sự cách mạng, phục vụ nhân dân, thật thà thi hành những chính sách của Đảng và Chính phủ, thì nhất định đánh tan được ảnh hưởng ấy, và vẫn được Đảng, Chính phủ và nhân dân tin cậy.

Trước kia, Các Mác là con một nhà quý phái, Ăngghen là con một nhà tư bản. Nhưng hai ông đã hoàn toàn hiến dâng mình cho cách mạng và trở thành những người sáng lập chủ nghĩa cộng sản. Gần ta đây, ở tỉnh Quảng Đông, người đầu tiên tổ chức và lãnh đạo nông dân kịch liệt chống lại giai cấp địa chủ là đồng chí Bành Bái, con một nhà đại địa chủ, địa phong kiến. Ở nước ta cũng từng có những địa chủ và con cháu địa chủ, sau khi tham gia cách mạng, đã thật thà cải tạo, dứt khoát với giai cấp cũ và quan hệ cũ, đã trở thành những đảng viên tốt, những cán bộ tốt.

Một thí dụ: Gốc, rễ cây sen ở dưới đất bùn hôi hám. Nhưng vươn mình lên mặt nước trong trẻo, hấp thu ánh sáng mặt trời, thì hoa sen trở nên tươi đẹp thơm tho.

"Trong đầm gì đẹp bằng sen,

Lá xanh bông trắng, lại chen nhị vàng

Nhị vàng, bông trắng, lá xanh

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn."

Người ta cũng vậy, thành phần giai cấp và quan hệ gia đình không thể ảnh hưởng xấu đối với những người thật thà cách mạng.

Trong quá trình cách mạng do nhiều lý do, hoàn cảnh, một số thành viên trong nhân dân lo lắng, buồn phiền vì thành phần xuất thân của mình.

Một số cơ quan tổ chức, cán bộ cũng có những xử lý chưa hợp tình, hợp nghĩa.

Xin cả hai phía hãy nghe lời Bác dạy trong bài "HOA SEN" đăng trên báo *Nhân dân* số 757 ngày 30 tháng 3 năm 1956; viết sau lần Bác đi thăm một lớp học chính trị.

MỘT LỜI DẶN, MỘT BỨC THƯ NHỚ MÃI

Một cán bộ cách mạng lão thành, năm 1947 tham gia chính quyền, làm chủ tịch ủy ban hành chính kháng chiến một huyện ở Hà Bắc.

Đầu năm nay, nhân qua Hà Nội, anh ấy - gọi cho thân mật và trẻ vui tuổi già, chứ cũng đã ngoài sáu mươi tuổi rồi, có nhờ tôi tìm toàn văn "*Thư gửi các đồng chí Bắc bộ*" của Bác Hồ.

Anh nói:

- Trong kháng chiến, mình gần như thuộc lòng thư ấy. Thuộc nhất là "cái đoạn" địa phương chủ nghĩa, óc bè phái, óc quân phiệt quan liêu, óc hẹp hòi, ham chuộng hình thức và gì nữa nhỉ... làm việc bàn giấy (thực ra còn thiếu một chữ "lối" - lối bàn giấy), rồi vô kỷ luật (anh dằn giọng), rồi hủ hoá, ích kỷ (nguyên văn là ích kỷ, hủ hóa).

Tôi nghe anh "đọc" mà sợ! Cái ông này cũng khiếp thật. Tôi lại "thử sức" anh:

- Thuộc đầu đề cũng đã giỏi, nhưng chưa "ăn" gì. Anh có nhớ đoạn nào không?

Anh bạn tôi cười xòa:

- Ông ơi, thế là ông coi thường chúng tôi rồi! Tôi nói thuộc là thuộc. Và thuộc để làm. Tất nhiên có quên, có câu nhầm, nhưng ý "cơ bản" là không sai lầm, nếu không được trăm phần trăm là do cái tài hèn, cái sức mọn của mình thôi.

- Thì anh cứ đọc tôi nghe một "khúc" nào...

Anh đằng hắng rồi chỉ vào tôi như "lên lớp":

- Tôi đọc cái đoạn nào nó "thời sự" ở quê ta nhé: *"Khi phụ trách ở một vùng nào thì như ông vua con ở đấy, tha hồ hách dịch, hoạnh họe. Đối với cấp trên thì xem thường, đối với cấp dưới thì cậy quyền lấn át (thực ra Bác dùng "lấn áp"). Đối với quần chúng ra vẻ quan cách, làm cho quần chúng sợ hãi. Cái đầu óc "ông tướng, bà tướng" ấy đã gây ra bao ác cảm, bao chia rẽ, làm cho cấp dưới xa cấp trên (thực ra là "cấp trên xa cấp dưới"). Đảng xa nhân dân (đúng là "đoàn thể" xa...).*

Tôi bái phục:

- Xem ra ông còn hơn bọn này đấy...

Anh bạn tôi nói tiếp:

- Đấy "tao" (anh ấy bỗng xưng tao, sợ quá) còn nhớ cái "đoạn ác" này: *"Có những đồng chí còn giữ óc địa vị, cố tranh cho được ủy viên này, chủ tịch kia. Có những đồng chí lo ăn ngon, mặc đẹp, lo chiếm của công làm của tư, lợi dụng địa vị và công tác của mình mà buôn bán phát tài, lo việc riêng hơn việc công. Đạo đức cách mạng thế nào, dư luận chê bai thế nào cũng mặc…"*. Nữa không? - Anh hỏi tôi.

Tôi xua tay:

- Thôi, đủ đủ. - Rồi rút từ trên giá sách xuống đưa anh xem trang 293, 294 sách *"Hồ Chí Minh, toàn tập"*, tập 4, Nhà xuất bản Sự thật[1] in năm 1984 và bảo:

- Ông nên phôtô lại cho đầy đủ rồi đem về biếu anh em, để họ làm theo lời Bác.

Anh đứng dậy cầm cuốn sách, hất hàm:

- Ghê chưa?

Không rõ là anh nói anh nhớ lâu, hay là nói Bác từ cái năm ấy đã sớm chỉ ra những con sâu trong nồi canh để chúng ta vớt bỏ?

ĐẢNG LO VIỆC CHO CẢ NƯỚC

Ngày 09 tháng 12 năm 1961, Bác Hồ có cuộc gặp với cán bộ, đảng viên lão thành cách mạng hai tỉnh "đỏ" Nghệ An

[1]Hiện nay là Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật (BT).

và Hà Tĩnh. Đây là những đảng viên lâu năm, hoạt động cách mạng từ những năm 1929 - 1930, khi Đảng còn trong "bóng tối". Cách mạng thành công, do nhiều lý do, một số trong các bậc lão thành không có điều kiện nhận chức này, "quan nọ", không được "ưu tiên", con cháu ít được ưu đãi…

Bác nhẹ nhàng hỏi chuyện:

- Các đồng chí nói: Có những thành phần không tốt, khi trước nó phản cộng sản, nay nó được đề bạt; mình trung thành với cách mạng thì không được chú ý. Không đúng. Cố nhiên, một đôi lúc các ban tổ chức địa phương hay Trung ương không cẩn thận... đó là nhầm. Nhưng bất kỳ ai có khả năng, đủ tiêu chuẩn, cách mạng có nhu cầu là phải dùng. Ví dụ: Giữa hai đứa con của người trong Đảng và người ngoài Đảng. Con của đồng chí mình thì kém, dốt. Con của người ngoài Đảng thì thông minh, ngoan ngoãn hơn. Vậy thì ta nên đưa ai đi? Con của người ngoài Đảng hay trong Đảng?...

Bác dừng lại nhìn cả hội trường, hỏi mà Bác không vui dù chắc đã biết câu trả lời mà Bác vẫn hỏi. Các "lão thành đồng chí" nhìn lên Bác, trả lời:

- Dạ, con của người ngoài Đảng ạ.

Bác gật đầu nói:

- Đúng. *Vì Đảng ta là Đảng của giai cấp, đồng thời là của dân tộc, không thiên tư, thiên vị. Đảng lo việc cho cả nước, không lo riêng cho một đồng chí nào...*

NHỮNG BÀI HỌC NHỚ ĐỜI

Ông Nguyễn Thọ Chân, đoàn viên trung đoàn đại biểu đảng và Công đoàn Nam bộ, từ miền Nam ra Bắc, lên Việt Bắc, theo học Trường Nguyễn Ái Quốc Trung ương vào năm 1948. Sau này ông là Trưởng ban Thi đua của Chính phủ. Được nhiều lần gần Bác Hồ, ông kể:

"Năm 1950, có một cuộc tiệc trà chào mừng các đoàn đại biểu dự hội nghị cán bộ toàn quốc. Trong buổi liên hoan, ông cụ cứ đi ra đi vào như tìm ai. Có người hỏi: Bác tìm ai ạ? Ông cụ trả lời:

- Bác vừa thấy mấy cháu nhỏ loanh quanh đây. Định cho các cháu cùng liên hoan".

"Năm 1965, gia đình tôi được đi cùng với Bác đến Đông Triều. Trong bữa cơm, tôi cứ ăn còn Bác lại gắp thức ăn cho vợ tôi. Sau đó Bác bảo tôi: Khi ăn có phụ nữ mình phải tiếp thức ăn cho họ…"

"Lần khác một đồng chí Trung ương đề nghị đập Trường Anbe Xarô để xây Văn phòng Trung ương Đảng cho đẹp hơn. Bác im lặng không nói gì rồi hỏi".

- Thế các chú có biết xây Văn phòng Trung ương ở đâu là tốt đẹp nhất?

Không ai trả lời được. Bác chỉ vào ngực mình nói:

- Xây ở trong lòng nhân dân là tốt đẹp nhất".

Một lần khác, "cái ông" Nguyễn Văn Trân đề nghị dời thủ đô sang Vĩnh Yên. Bác cười và nói:

- Tổ tiên ông cha ta xây dựng kinh đô bên này sông Hồng là có chủ ý cả. Đồng bào miền Nam ta đang đấu tranh chống Mỹ, hướng về thủ đô Hà Nội yêu dấu. Nếu dời thủ đô thì đồng bào nghĩ thế nào?

Ngừng một lát Bác bảo:

- Các chú cứ sang đấy, còn Bác ở đây."

"CÁN BỘ ĐẤY!"

Năm 1950, Bác Hồ lên đường ra chiến dịch. Là Chủ tịch nước, tuy tuổi đã 60, nhưng Bác không muốn chỉ ở hậu phương chăm lo công việc. Bác thương chiến sĩ, thương dân công, muốn giúp đỡ bộ đội, cán bộ, để giành thắng lợi chắc chắn cho "chiến dịch quan trọng này" nên Bác ra mặt trận. Tự coi mình là một chiến sĩ, Bác từ chối không đi ngựa, Bác tự mang vác lấy đồ dùng, tài liệu, tìm lá ngụy trang, đào hố... coi đó là quyền được lao động của mình.

Dân công ra tiền tuyến, vai người nào cũng khiêng đạn nặng trĩu, gánh sọt lương thực oằn đòn gánh. Và ai cũng còn quấn quanh mình một ruột tượng gạo to.

Bộ đội thì vai vác súng, quàng thêm bao gạo, lưng còn đeo nào lựu đạn, nào túi đạn.

Một buổi sáng, đoàn "phụ tử binh" của Bác gặp một người. Anh ta đeo một xà cột nhỏ, bên sườn là một khẩu súng ngắn. Sau lưng là một chiếc ba lô, vừa nhỏ và vừa lép kẹp. Một mảnh vải dù phấp phới trên vai, tay vung vẩy một chiếc gậy nhỏ. Không thấy quấn bao giờ. Anh ta bước nhẹ tênh.

Bác dừng lại, nhìn theo người đó, vẻ mặt không vui. Bác nói:

- Cán bộ đấy!

Đồng chí đội trưởng cảnh vệ nhìn Bác vừa thương Bác, vừa xót xa cho cái ông cán bộ, không biết làm gương, Không làm được điều mà đến như Chủ tịch nước đang làm khi đã là một người lính ra mặt trận!

MUỐN LÀM NHÀ PHẢI TRỒNG CÂY

Cuối năm 1968, Tổng cục trưởng Lâm nghiệp được Bác mời lên báo cáo về tình hình trồng cây gây rừng. Sau khi thú thật với Bác là mấy năm nay, phần thì thiên tai, lũ lụt, phần thì địch phá hoại, phần lớn nữa là dân chặt cây, đốt rừng, phá rừng, gây cháy rừng nên rừng bị phá hoại nhiều trong khi dân vẫn cần nhiều gỗ để làm nhà, nhà nước cần giữ rừng để chống lụt, giữ nước đầu nguồn… Tổng cục trưởng nói:

- Cứ đà này ít lâu nữa là ta "hoàn thành kế hoạch triệt để phá rừng" Bác ạ!

Câu nói đùa mà thật nghiêm túc, tuy có vẻ bi quan.

Bác ngồi lặng yên, nói với anh cả Nguyễn Lương Bằng có thể sắp xếp để Bác đi thăm rừng.

Và tết năm 1969, Bác lại viết bài *"Tết trồng cây"*.

Một đồng chí ở Nghệ An cho biết vào cuối năm 1961 trong lần nói chuyện với toàn Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nghệ An. Bác đã mách cho biết trồng cây gây rừng là rất quan trọng. "Bây giờ dân chưa thấy đâu. Có khi các chú cũng chưa thấy".

Người phổ biến kinh nghiệm: "Trồng cây 5 năm là có thu hoạch. Thí dụ như: nhãn 5 năm có quả, dừa 7 năm, bưởi nếu chiết thì nhanh hơn. Cây thầu đâu[1] 3 năm có thể làm cột được. Lấy trung bình cây 7 năm, cây 5 năm, cây 2 năm, ta cho là cây 5 năm. Nếu trồng cây nào tốt cây ấy thì trong 5 năm lợi rất to: cây thì làm gỗ được, cây thì ăn quả được… Nông thôn của ta, nhà ở của đồng bào phần nhiều đang ọp ẹp, tối tăm chẳng ra sao, chẳng có hàng lối gì? Có phải thế không? Dân sinh là cái gì? Là cái ăn, cái mặc, cái ở. Ba cái đó đều quan trọng. Ăn, mình tăng gia được. Mặc, mình tăng gia sản xuất được. Chứ còn nhà ở thì sao? Muốn làm nhà ở phải có cái gì? Gỗ - muốn có gỗ thì phải trồng cây..."

Bác hỏi đồng chí Bí thư:

- Năm nay Nghệ An định trồng mấy triệu cây?

Bác nhấn mạnh chữ "định" ý nhắc Nghệ An là đã "quyết" chưa?

- Dạ, thưa Bác, kế hoạch là 19 triệu cây ạ.

Bác giao hẹn:

- Các chú cứ làm sao năm nay trồng được 15 triệu cây tốt. Trồng cây nào, sống cây ấy, chứ 19 triệu cây mà chết mất nửa thì vô ích.

39 đồng chí Tỉnh ủy viên, trong đó có 3 nữ (không được một phần mười, "ít quá" (như Bác đã nhận xét buổi đầu câu chuyện), đều hứa với Bác sẽ thực hiện đúng lời Bác dạy.

---

[1] Thầu đâu là gọi theo tiếng địa phương. Khu Bốn, các địa phương khác ở miền Bắc gọi là cây xoan.

"BÁC KHÔNG HỎI CHÚ, BÁC HỎI NHÂN DÂN"

Lần Bác về thăm xã Vĩnh Thành (Nghệ Tĩnh), Bác có nói chuyện với đồng bào, xã viên hợp tác xã và cán bộ trong xã. Bác khen hợp tác xã về mọi mặt đều có tiến bộ. Bác nhắc nhở bà con chú ý đẩy mạnh thủy lợi, làm nhiều phân, làm cho kịp thời vụ, giữ gìn vệ sinh sạch sẽ trong nhà ngoài ngõ, phải cải tiến nông cụ, chọn cây trồng cho lợi ích nhiều, tổ chức lao động cho hợp lý...

Bác khen các cô Nguyễn Thị Túy, Nguyễn Thị Nhụy, Nguyễn Thị Đường và các anh Phan Trọng Kinh, Nguyễn Tú, đã làm được nhiều công, nhiều phân, nhiều đất thủy lợi. Bác nói:

- Tuy có con dại[1] mà cô Đường vẫn phấn đấu trở thành lao động tiên tiến. Vậy thì chớ có thói cái gì cũng đổ tội cho các cháu bé… Dễ đổ[2] lắm. Vì chúng không cãi.

Rồi Bác hỏi:

- Thành tích của các cô, các chú trên có đúng sự thật không?

Đồng chí bí thư đứng cạnh Bác, nhanh miệng thưa:

- Dạ, đúng ạ.

Bác quay lại, giơ ngón tay:

- Bác không hỏi chú, Bác hỏi nhân dân kia.

Đồng bào đồng thanh trả lời để "cứu" bí thư:

---

[1] Ý Bác là con còn nhỏ.

[2] Ý Bác nói "đổ tội".

- Thưa Bác, đúng đấy ạ!

Câu chuyện nhỏ từ một ngày đầu tháng 12 năm 1961, mà đến nay số đông cán bộ vùng Nghệ Tĩnh vẫn truyền lại cho nhau. Họ nói: "Đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ. Đúng, sai - như Bác dạy, cứ là hỏi nhân dân".

CHỦ TỊCH NƯỚC XƯNG "CHÁU" VỚI DÂN

Một nhà nghiên cứu về Việt Nam là công dân Mỹ có lần tâm sự:

"Người Mỹ ít hiểu về dân tộc Việt Nam, về tinh thần yêu nước của người Việt Nam. Ngay một đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất thôi cũng đã thấy rõ tính chặt chẽ của cộng đồng gia tộc, làng nước Việt Nam. Tôi không thể nào giải thích cho người Mỹ hiểu rằng Hồ Chí Minh lại xưng "cháu" với cụ già công dân được".

Về việc "hiểu ít", "không hiểu" Việt Nam xin để nhà nghiên cứu người Mỹ bàn. Chỉ xin nói thêm rằng việc Bác Hồ xưng "cháu", xưng tôi, xưng Bác thân thương, khiêm tốn là nhiều hơn xưng "Chủ tịch nước". Bác xưng như vậy là thực lòng, thực tâm của Bác.

Khi chưa có chính quyền, cán bộ còn ẩn náu trong dân, nhờ dân nuôi nấng, giúp đỡ bát cơm, tấm áo, giúp đỡ việc giao thông, liên lạc… thì chưa có cán bộ nào "lên mặt làm quan cách mạng" như Bác viết trong thư "Gửi các đồng chí tỉnh nhà", ngày 17 tháng 9 năm 1945, mới 28 ngày sau khi

Đảng và nhân dân giành được chính quyền… Và đúng một tháng sau, ngày 17 tháng 10 năm 1945, bản Cứu quốc, số 69 đăng thư của Bác gửi "Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng". Trong thư, Người phê bình "thói kiêu ngạo" của cán bộ như sau:

"Tưởng mình ở trong cơ quan Chính phủ là thần thánh rồi. Coi khinh dân gian, cứ chỉ lúc nào cũng vác mặt quan cách mạng lên…"

Ngày 20 tháng 10 năm 1945, trong buổi sáng tiễn đưa 500 đội viên xung phong tuyên truyền lên đường tại Nhà hát Lớn thành phố Hà Nội, sau khi nhắc nhở anh em "phải biết mục đích tuyên truyền, biết chịu kham khổ, nhẫn nại…", Bác lại căn dặn: "Chớ lên mặt quan cách mạng, chớ vác mặt làm quan cách mạng cho dân ghét, dân khinh, dân không ủng hộ".

Sự kiện này gợi cho ta một suy nghĩ. Nếu nói là "chủ tịch" này, "ủy viên" kia lên mặt quan cách mạng là dễ hiểu. Nhưng đội viên tuyên truyền cũng "dám" lên mặt quan cách mạng thì xem ra cái bệnh vác mặt làm quan cách mạng rất hay lây... Vì sao có một số người là "quan", chưa là "quan", không là "quan" mà vẫn lên mặt quan cách mạng. Theo Bác Hồ, đó là vì họ cho mình "cao cao tại thượng, muốn ăn trên, ngồi trốc", không muốn làm đầy tớ dân mà lại muốn làm "phụ mẫu" dân… Đứng trước dân, nhất là người già, Bác "thưa cụ", như đã thưa với cụ Võ Liêm Sơn, Bùi Bằng Đoàn, Phan Kế Toại, cũng như với cụ Tôn, cụ Thúy… hơn tuổi Bác, như cụ Phụng Lục ở Sơn Tây, Bác xưng "cháu"… Với cán bộ ít tuổi Bác xưng mình, tôi, Bác, với các chú, các cô thân yêu và khi thương nhất Bác gọi "cháu"…

"ĐỪNG BUỘC MỌI NGƯỜI PHẢI LÀM THEO Ý MÌNH"

Thanh niên là tờ báo do Bác Hồ sáng lập, chủ biên, quản lý và tổ chức phát hành tại Quảng Châu trong những năm 1926 - 1927.

Thanh niên số 65[(1)] có đăng bài "Hy sinh" mà các nhà nghiên cứu sơ bộ kết luận là do Bác viết. Trong bài có đoạn: "Làm cách mạng phải hy sinh, hy sinh quyền lợi... hy sinh ý kiến. Đã làm việc công mà còn giữ tình riêng thì chưa biết hy sinh".

Nhiều cán bộ cấp cao đến anh em chiến sĩ cảnh vệ đều nhận thấy: "Bác chẳng hề ép buộc ai theo ý riêng của mình".

Phải chăng đó là tầm vóc tư duy cao cả của Bác? Là lòng nhân từ bao dung độ lượng? Là sự tôn trọng thật lòng "dân chủ" đối với người khác? Là sự dám hy sinh, biết hy sinh?

Một lần Bác đến thăm công trường Việt Trì. Ánh nắng đầu xuân bừng sáng sau một cơn mưa nhẹ, Bác bước khoan thai, đẹp là thế, anh cán bộ nhiếp ảnh chạy theo quay đi quay lại vẫn chưa "ghi" được kiểu nào. Anh ta chạy đến Bác, kéo áo Bác, xin phép Bác dừng chân để chụp ảnh. Nhiều người đi theo xì xào "sao làm thế", "gan to thật"…

Bác tươi cười, nhẹ nhàng nói:

- Việc Bác, Bác làm. Việc chú, chú làm. Sao chú lại bắt Bác làm theo ý chú? - Tuy nói vậy mà Bác vẫn thương, Bác dừng

---

(1) Số báo phát hành tháng 01 năm 1972, tài liệu lưu tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.

lại nghe một kỹ sư báo cáo. Anh cán bộ nhiếp ảnh chụp được cả ảnh, được cả một bài học nhớ đời.

"CHÚ TƯỞNG ĐẢNG VÀ CHÍNH PHỦ TA NHIỀU TIỀN LẮM À?"

Ông Nguyễn Thiện Ngũ, bí danh là Việt Thanh công tác ở Văn phòng Phủ Thủ tướng có kể một câu chuyện như sau:

- Sau năm 1954, nhiều đoàn đại biểu quốc tế đến thăm Việt Nam. Văn phòng Phủ Thủ tướng phải chuẩn bị nhà ở phòng nghỉ, tuyển dụng đầu bếp, nhân viên phục vụ bàn, canh gác, bảo vệ. Một lần Bác đến cơ quan giao tế ở nhà số 65 phố Quán Sứ để xem xét tình hình. Bác hỏi:

- Các chú mua hai cái gương to này ở đâu và hết bao nhiêu tiền?

- Dạ, thưa Bác, mua ở chợ Trời, giá cũng…

Bác nghiêm nét mặt nói:

- Tại sao không mua gương vừa đủ soi? Mà sắm cái giường to này là rất lãng phí, chỉ nên sắm giường cá nhân thôi.

Chúng tôi thưa với Bác rằng khách châu Âu quen nằm giường to, đệm mút... Bác nói:

- Là chú nghĩ như vậy. Ta mới kháng chiến thắng lợi, còn khó khăn, bạn hiểu không đòi hỏi như thế. Các chú xem giường cá nhân, làm đệm cỏ thôi.

Sau đó Bác hỏi kế hoạch chi tiêu đến đâu rồi. Tôi trình bày xong và nói thêm:

- Thưa Bác, so với bản dự trù thì mới chỉ tiêu ít thôi ạ.

Bác nhìn thẳng vào tôi rồi nói:

- Chú mới tiêu từng này thôi hả? Thế chú còn định tiêu bao nhiêu nữa? Chú tưởng Đảng và Chính phủ ta nhiều tiền lắm phải không?

Tôi sợ quá, không dám nói gì nữa.

(Theo lời kể của ông Việt Thanh)

HIỂU BIẾT VÀ LƯƠNG TÂM

Tiếng Đức "hiểu biết" là "wissen", cũng còn có nghĩa là học thức, tri thức. Thêm ba chữ đầu "ge" thành "gewissen" là lương tâm. Thêm ba chữ cuối "los" thành "gewissenlos" trở thành "không có lương tâm".

Trong lịch sử, trong xã hội, bên cạnh những con người vì thiếu hiểu biết mà có những hành động thiếu lương tâm, còn có không ít kẻ hiểu biết nhiều mà vẫn vô lương tâm. Hiểu biết mà không có đức độ, không có lương tâm sẽ thành ra tai họa.

Cặp từ "hiểu biết" và "lương tâm" liên quan đến câu chuyện của giáo sư bác sĩ người Đức, Prít Henđơ (Fritz Held) chuyên gia về điều trị ung thư đã sang giúp đỡ Việt Nam vào những năm 1956 - 1957.

Trong một lần đến thăm bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, giáo sư đã được nghe Bác Hồ nói nhiều về tinh thần trách nhiệm, về người tri thức cách mạng. Bác dặn:

- Hiểu biết càng nhiều lại càng phải nâng cao trách nhiệm. Càng hiểu biết càng phải có lương tâm.

Bác sĩ Henđơ nói với các bạn Việt Nam:

- Tôi thường nhủ mình phải sống và làm việc theo phương châm đó, theo lời dạy của Bác Hồ. Càng hiểu biết càng có lương tâm. Không bao giờ để "wissen, gewissen thành gewissenlos".

VỀ MẶT TINH THẦN ĐỌC KHỔNG TỬ, VỀ MẶT CÁCH MẠNG ĐỌC LÊNIN

Bài *"Khổng Tử"* của Bác Hồ in trong sách *"Hồ Chí Minh toàn tập"*, tập 2[(1)] là bài báo Bác viết đăng trên tờ *Thanh niên* số 80. Số 80 là số mà hiện nay chưa sưu tầm được nguyên gốc. Bài trong sách là bài dịch lại từ tài liệu của mật thám Pháp.

Nhân sự kiện ngày 15 tháng 02 năm 1927, Chính phủ Trung Hoa dân quốc xóa bỏ nghi lễ tưởng niệm Khổng Tử. Bài viết bày tỏ thái độ không đồng tình "Tại sao lại vứt bỏ Khổng Tử đi?".

Theo Bác: "Đạo đức của ông, học vấn của ông và kiến thức của ông làm những người cùng thời và hậu thế phải cảm phục. Ông nghiên cứu và học tập không mệt mỏi, ông không cảm thấy xấu hổ tí nào khi học hỏi người bề dưới, còn việc không được mọi người biết đến, đối với ông chẳng quan trọng gì". Nhận định về Khổng Tử, Bác viết: "Đạo đức của ông là hoàn hảo, nhưng nó không thể trùng hợp được với các trào lưu tư tưởng hiện đại, giống như một cái nắp tròn làm thế nào

---

[(1)] Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 2, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr 452 - 453.

để có thể đậy kín được cái hộp vuông"... "rõ ràng là người phát ngôn bênh vực những người bóc lột chống lại những người bị áp bức".

Tuy nhiên, Bác vẫn chắt lọc ra được những cái hay, cái tốt của Khổng Tử cho mình và giới thiệu với đồng bào ta.

Trong các bài viết, bài nói, Bác thường hay dẫn những câu trích dẫn từ các tác phẩm của Khổng Tử và môn đệ của ông. Những chuẩn mực đạo đức "cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư", "nhân, nghĩa, lễ, trí, tín", "tứ hải giai huynh đệ", v.v... mà Bác thường nêu cũng "lấy ra" từ các tác phẩm của Khổng Tử, của học trò ông giải thích, vận dụng theo ý mới của Bác trong điều kiện Việt Nam.

Sau này, khi được hỏi chính kiến của mình, Bác có nói:

"Học thuyết của Khổng Tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giê-su có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước ta... Khổng Tử, Giê-su, Mác, Tôn Dật Tiên chẳng những điểm chung đó sao... Nếu hôm nay họ còn sống, nếu họ họp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết"[(1)]…

Suy rộng câu này, một nhà chính trị nước ngoài cho biết: Hồ Chí Minh thật đúng là đại đoàn kết, đại hòa hợp, các

---

[(1)] Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, bản Trung Văn của Trưởng Niệm Thức (Hồ Chí Minh truyện), Nhà xuất bản Tam Liên, Thượng Hải, tháng 4/1949, tr. 91.

nước trên thế giới dù màu sắc, tín ngưỡng, chính trị thế nào cũng vẫn sống chung với nhau được, vẫn "hòa hợp" mà không bị "hòa tan".

Nhớ lại câu chuyện trao đổi vào năm 1965 giữa Bác và nhà báo I. Phabe (người Đức, đã để ra gần mười năm dịch *"Truyện Kiều"* của Nguyễn Du, thơ Nguyễn Trãi sang tiếng Đức), Bác nói:

Nguyễn Du là một nhà thơ cổ điển vĩ đại của chúng tôi, Nguyễn Trãi là một anh hùng dân tộc, một nghệ sĩ lớn của chúng tôi. Những người Cộng sản chúng ta phải rất quý trọng cổ điển. Có nhiều dòng suối tiến bộ chảy từ ngọn núi cổ điển đó. Càng thấm nhuần chủ trương chủ nghĩa Mác - Lênin, càng phải coi trọng những truyền thống tốt đẹp của cha ông.

Trở về câu chuyện Khổng Tử, một hội nghị quốc tế kỷ niệm Khổng Tử có nhận xét ít ra Khổng Tử có hai điều sau: "Coi thường lao động, coi khinh phụ nữ"... Như vậy là không ai chê ông về mặt đạo đức, tu dưỡng cá nhân. Học "cổ" là học cái hay của "cổ". Đề phòng những kẻ bày ra "cổ" để lừa bịp, kiếm chác, mê hoặc, mang theo nọc độc trong "cổ" tiêm vào dân chúng...

Kết luận bài báo trên tờ *Thanh niên* năm 1972, cho chúng ta đọc thêm được những dòng này: *"Còn những người Việt Nam chúng ta hãy tự hoàn thiện mình về mặt tinh thần bằng cách đọc các tác phẩm của Khổng Tử, và về mặt cách mạng thì cần đọc các tác phẩm của Lênin"*.

NHƯ THẾ LÀ BÁC DẠY CHÚNG TA

Sau khi anh hùng Đặng Đức Song được Trường Văn hóa Quân đội cử đi dự Liên hoan thanh niên và sinh viên thế giới về, trong trường đã có sự thay đổi mới.

Đó là theo lệnh của Chính ủy Lê Quang Hòa, trong tất cả các buổi nói chuyện, xem phim, xem văn công, các nữ quân nhân, nữ nhân viên đều được lên ngồi hàng ghế đầu.

"Sự kiện" này là "kết quả" câu chuyện của đồng chí Song. Đồng chí Song kể:

"Bấy giờ chúng tôi đang ở Đại sứ quán Việt Nam tại Bắc Kinh. Bác đi Liên Xô ghé qua thăm đoàn chúng tôi. Hết buổi nói chuyện, Bác chia quà cho các cháu bé. Có một anh trong sứ quán ngồi gần Bác, ăn mặc sang trọng, cứ đẩy đẩy hai con của mình - cháu gái thì má phấn môi son, nơ gắn trên mái tóc phi dê, cháu trai thì complê cà vạt, đến gần Bác.

Nhưng Bác lại gọi các chị, các cô công nhân ngồi ở xa đưa các cháu vào trước. Và Bác bảo cánh đàn ông, thanh niên lùi ra, "mở đường" để các chị và các cháu ấy vào. Các cháu này mặc quần áo vải màu xanh, được dịp chạy ào vào… Bác chia kẹo cho các cháu này trước rồi mới chia kẹo cho các cháu ngồi gần sau. Và chúng tôi là những người sau cùng nhận quà…"

Nghe kể xong, chính ủy kết luận:

- Như thế là Bác dạy chúng ta: phải ưu tiên phụ nữ và các cháu bé.

"LỖI ẤY TÔI XIN CHỊU"

Thông thường con cái chưa đến tuổi 18, nếu mắc sai lầm hoặc phạm tội, pháp luật buộc cha mẹ chịu trách nhiệm thay cho con. Việt Nam ta có câu "Con dại, cái mang. "Cái" là một từ Việt cổ, nghĩa là "mẹ".

Đối với người cán bộ cách mạng, có lúc phong trào lên xuống, đồng chí phạm sai sót, lỗi chính lại không phải ở quần chúng, ở người thừa hành. Mà có thể là do đường lối giữ không vững, phương pháp vận dụng máy móc, giáo điều, kế hoạch không tỉ mỉ nên dẫn đến không thành công, thất bại. "Đóng góp" và có khi "quyết định" sự thất bại đó là do cán bộ phụ trách.

Ông bà, cha mẹ, thầy cô giáo, cán bộ phụ trách lãnh đạo có nêu cao tinh thần trách nhiệm, tinh thần tự phê bình, lòng thương yêu, độ lượng mới đảm nhiệm việc rèn luyện, giáo dục con cái, công nhân, đồng bào, chiến sĩ. Mỗi khi công việc chưa đem lại kết quả như mong muốn, người phụ trách thấy mình thiếu sót, tự phê bình, dám nhận trách nhiệm về mình - người ấy mới rất đáng khâm phục.

Chúng ta thường thấy trong cơ quan, đơn vị đôi lúc ai đó có khuyết điểm thì cán bộ phụ trách cơ quan coi như mình "vô can", người thì "đao to búa lớn", kẻ thì "đắm đò giặt mẹt", nhân thể cho thêm một đòn "chí tử". Đó là những biểu hiện thiếu chân thành, không thương yêu người có lỗi, thiếu trách nhiệm chung.

Năm 1946, khi thành lập Chính phủ kháng chiến, Bác có nói:

"Về ông Phó Chủ tịch Nguyễn Hải Thần, ông Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Tường Tam và về ông Chủ tịch Quân ủy hội Vũ Hồng Khanh, không có mặt ở đây. Lúc nước nhà đang gặp khó khăn các ông ấy lại bỏ đi. Nay không có họ ở đây, chúng ta cũng cứ gánh vác được như thường. Nhưng nếu anh em biết nghĩ lại mà trở về thì chúng ta vẫn hoan nghênh. *Nếu trong Chính phủ có người khác lầm lỗi ấy tôi xin chịu, xin gánh vác và xin lỗi đồng bào...*"

Ta cũng biết Bác đã không chỉ một lần này tự phê bình và "xin lỗi đồng bào".

Có đồng chí bộ đội về hưu khẳng định:

- Muốn và dám nhận lỗi còn phải có lòng tự tin, tự trọng, có tinh thần dũng cảm nữa chứ!

Vâng, xin bạn đọc cứ bổ sung...

NHIỆM VỤ MỘT NGƯỜI LÍNH

Đọc những sách *"Hồ Chí Minh với lực lượng vũ trang"*, *"Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh"*... chúng ta được biết Bác Hồ, người Cha thân yêu, người sáng lập, lãnh đạo, rèn luyện quân đội ta, đưa quân đội ta "đã đi là đến, đã đánh là thắng".

Nhiều anh chị em trong chúng ta muốn tìm hiểu bài viết đầu tiên của Bác về người lính, về bộ đội cách mạng từ năm nào?

Cục Lưu trữ Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam hiện còn lưu giữ một số bài dịch đăng trên báo *Thanh niên* số đầu

tiên ra ngày 21 tháng 6 năm 1925[1]. Không có số báo này bằng tiếng Việt, hoặc là nếu có cũng phải dịch ra tiếng Pháp cho các quan mật thám, cảnh sát xem. Vì vậy mà bảo tàng lưu được bản tiếng Pháp.

Trong số bản dịch các bài của số báo đầu tiên này có bài "Nhiệm vụ một người lính". Nhiều nhà nghiên cứu, sau khi "tìm hiểu" văn phong, cách viết... đều nhận định rằng có thể đây là bài của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ở Quảng Châu bấy giờ Người có tên là đồng chí Lý, đồng chí Vương... Bài báo "Nhiệm vụ một người lính" này ký tên là "Một hạ sĩ". Cũng như hàng trăm, hàng ngàn bài báo khác, Bác viết báo là để tuyên truyền, giáo dục, để làm cách mạng nên phần lớn Bác không ký rõ tên - cũng còn có phần là phải giữ bí mật.

Bài báo có những câu:

"Người lính phải biết tất cả những việc mình làm. Nếu không, chỉ hành động như một người mù. Mỗi người lính phải tự mình vạch ra một con đường để theo đó mà hành động. Người lính vâng theo điều thiện, chống lại điều ác. Người lính phải bảo vệ lợi ích cho nhân dân, giữ gìn công lý, tiêu trừ bọn ác độc, chiến đấu chống lại kẻ thù bên ngoài, dẹp yên các cuộc nổi loạn bên trong, che chở cho nhân dân, cứu nước".

Cuối bài có khẩu hiệu: Việt Nam độc lập muôn năm!

Có người nhận xét là bài báo này viết cho đối tượng là các binh lính người Việt trong quân đội Pháp, trong chính quyền thực dân, phong kiến…

---

[1] Hồ sơ số 56.

Nhưng dù đã hơn bảy mươi năm, những anh lính Cụ Hồ, con cháu anh lính Cụ Hồ cũng có thể rút ra được điều gì đó để thực hành theo ý Bác.

"ANH EM ĐI QUA NGÕ MÀ KHÔNG MỜI"

Vào khoảng cuối năm 1963 đầu 1964, trong một cuộc họp Bộ Chính trị ở nhà số 4 phố Nguyễn Cảnh Chân (Hà Nội), Bác nói với Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Hoàng thân Xiannúc đã mời đồng chí Micaian - Chủ tịch Công đoàn Xô Viết tối cao Liên Xô thăm Campuchia. Chúng ta có nên mời đồng chí ấy ghé thăm Việt Nam không?

Thủ tướng đứng dậy giơ tay nói:

- Thưa Bác, không nên ạ. Hiện nay tình hình quan hệ không hay lắm. Mà chúng ta đang quá bận...

Nghe xong, cả hội nghị im lặng, chờ ý kiến Bác. Bác nhẹ nhàng thong thả nói:

- Thủ tướng đã không muốn Bác cũng không cố ép. Nhưng anh em đi qua ngõ mà không được một lời mời thì không tiện đâu.

Mấy chục năm sau, một đồng chí được "dự thính" buổi Hội nghị ấy kể lại:

- Sau này anh Tô (Phạm Văn Đồng) cứ hối hận mãi. Và hội nghị hôm ấy ra về không vui vẻ như mọi lần.

(Theo lời kể của Đ.X.K)

BÁC DẠY VỀ QUAN HỆ CHỦ - THỢ

Đầu năm 1947, trong sách "*Đời sống mới*" ở mục 15, trả lời câu hỏi "Trong một xưởng máy có thể làm đời sống mới không?", Chủ tịch Hồ Chí Minh, với bút danh là Tân Sinh, đã viết:

"Có lắm chứ! Trong một xưởng máy, một bên là chủ, một bên là thợ. Từ trước đến nay, chủ bao giờ cũng muốn lợi mà trả công ít. Thợ thì muốn làm việc ít mà được tiền công nhiều. Vì thế sinh xích mích, không lợi cả cho hai bên.

Nếu làm theo đời sống mới thì lợi cho cả chủ lẫn thợ. Chủ phải hiểu rằng: nếu công nhân đủ ăn, đủ mặc thì họ mới đủ sức, đủ sức thì làm được việc. Một con ngựa ăn no mới chạy nhanh. Một cái máy đủ dầu mỡ mới quay đều. Người ta cũng thế.

Nếu công nhân biết rằng: họ chẳng những làm lợi cho chủ, mà họ cũng có một phần lợi, thì họ sẽ hăng hái làm.

Vì vậy, chủ muốn được việc, thì đối với lương bổng, nhà ở, vệ sinh, và cách đối đãi công nhân cần phải rộng rãi, tử tế... Khi chủ đã cư xử như thế thì thợ phải cố gắng làm. Làm nhanh hơn, khéo hơn. Tiết kiệm thì giờ, tiết kiệm vật liệu. Vì lợi cho chủ tức là lợi cho mình một phần.

Chủ và thợ hợp tác chặt chẽ thì hai bên đều có lợi. Chủ và thợ đều phải nhớ rằng: tăng gia sản xuất chẳng những lợi cho riêng chủ và thợ, mà còn lợi chung cho nền kinh tế Tổ quốc".

Tại Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, hồ sơ mang ký hiệu 108/22, năm 1953, trong tập "*Chính trị thường thức*", Chủ tịch Hồ Chí Minh ký bút danh Đ.X, viết:

"23. Thành phần kinh tế nước ta.

1. Kinh tế địa chủ phong kiến

2. Kinh tế quốc doanh có tính chất xã hội chủ nghĩa... xí nghiệp là của chung.

3. Hợp tác xã tiêu thụ.

4. Kinh tế cá nhân của nông dân và thủ công nghiệp.

5. Kinh tế tư bản của tư nhân.

6. Kinh tế tư bản quốc gia hùn vốn với tư nhân kinh doanh do *Nhà nước lãnh đạo* (tác giả nhấn mạnh). Trong loại tư bản của tư nhân là chủ nghĩa tư bản, tư bản của nhà nước là chủ nghĩa xã hội...

24. Chính sách kinh tế của Đảng và Chính phủ.

1. Công tư đều lợi. Kinh tế quốc doanh là công. Nó là nền tảng và sức lãnh đạo của kinh tế dân chủ mới. Tư là những nhà tư bản dân tộc và kinh tế cá nhân của nông dân, thủ công nghệ, là lực lượng cần thiết cho cuộc xây dựng kinh tế nước nhà. Chính phủ phải giúp họ phát triển. Nhưng họ phải phục tùng sự lãnh đạo của kinh tế quốc gia, hợp với lợi ích của đa số nhân dân.

2. Chủ thợ đều lợi. Nhà tư bản thì không khỏi bóc lột. Nhưng Chính phủ ngăn cấm họ bóc lột công nhân quá tay,

Chính phủ phải bảo vệ quyền lợi của công nhân. Đồng thời vì lợi ích lâu dài, anh em thì cũng để cho chủ được số lợi hợp lý, không yêu cầu quá mức. Chủ và thợ đều tự giác tự động, trong sản xuất lợi cả đôi bên.

3. Công, nông giúp nhau...

4. Lưu thông trong ngoài, ta ra sức khai thác lâm thổ sản để bán cho các nước bạn và để mua những thứ ta cần. Các nước bạn mua những thứ ta đưa ra và bán cho ta những hàng hóa ta chưa chế tạo được. Đó là chính sách mậu dịch giúp đỡ lẫn nhau rất có lợi cho kinh tế nước ta.

Bốn chính sách ấy là mấu chốt để phát triển kinh tế nước ta".

Năm 1954, ngày 10 tháng 10, trong "*Lời kêu gọi nhân dân ngày Thủ đô giải phóng*" (báo Nhân dân, số 236, từ ngày 09 đến ngày 10 tháng 10 năm 1954), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết:

"Chúng ta phải thực hiện chính sách công và tư đều được chiếu cố, chủ và thợ đều có lợi".

Theo tài liệu *"Quan hệ Mỹ - Việt"* do Chính phủ Hoa Kỳ in năm 1971, trang C. 104, về việc Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có cuộc trao đổi với Bí thư thứ nhất Đại sứ quán Mỹ G.M Albott, tại Paris ngày 11 tháng 9 năm 1946. Báo cáo của viên quan chức này viết: "Ông Hồ Chí Minh nói sự giàu có của đất nước ông chưa được phát triển một cách rộng lớn. Đông Dương sẽ dành một lĩnh vực thuận lợi cho người Mỹ tham gia" (về kinh tế).

Chính sách kinh tế đối ngoại trên được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định với nhà báo S. Elie Maissie, phóng

viên hãng tin Mỹ International News Service trong cuộc phỏng vấn vào tháng 9 năm 1947, rằng: *"Việt Nam làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai".*

Chính sách này rất phù hợp với chính sách kinh tế đối nội mà ngay từ những ngày đầu dựng nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt nền móng.

LÀM NHIỀU TIÊU ÍT, LÀM CHÓNG TIÊU CHẬM

Những năm gần đây mở cửa kinh tế thị trường, giao khoán ruộng đồng, rừng, đồi, hồ... cho người lao động nên nhiều nhà giàu xuất hiện.

Lao động chân chính làm giàu cho nhà, cho nước là điều rất đáng hoan nghênh, nên khuyến khích. Nhưng cũng có nhiều "tay" đi buôn lậu, chợ đen, "cô ta, cô tây" lừa đảo, quả đi quả lại, "thiết kế", "xây dựng", "phất" lên rất nhanh.

Nhiều người trong số họ có tiền, nhiều tiền rồi ăn, tiêu như nước. Riêng về mặt "ăn", nhiều người nước ngoài vào Việt Nam phải "chết khiếp" về cách uống bia và nhậu lai rai của ta. Họ cho là "nhất" thế giới. Xài sang, xài đẹp, xài xịn cũng làm mất vía các ông tây ba lô...

Nhưng rồi ngồi ăn thì núi cũng lở, đồng tiền không lương thiện sẽ dẫn đến đổ vỡ tình nghĩa, lương tâm, đạo đức, hạnh phúc rồi gia đình, họ mạc.

Trong khi đó, có một bộ phận người lao động thực sự làm ra đồng tiền, đổ mồ hôi, máu vì lao lực, lao tâm, rất quý đồng tiền làm ra. Chắt chiu, tính toán chi tiêu, lo việc con ăn, con

học, lấy tri thức làm giàu, lấy đạo lý làm trọng. Rồi từ nghèo họ trở nên đủ, đủ trở nên giàu, giàu thì giàu thêm.

Có thể họ chưa biết rằng họ đã làm đúng như lời Bác dạy: *"Làm cho nhiều, tiêu thì ít, làm cho chóng, tiêu chậm, tức là đầy đủ"*. Bác nói: "Ở ta nó là mới, nhưng thực ra nó rất xưa, ở sách *"Đại học"…"*

Sách *"Đại học"* là một trong bốn sách (Tứ thư) kinh điển của Nho giáo, trong đó có câu: "Sinh tài hữu đại đạo: sinh chi giả chúng, thực chi giả quả, vi chi giả tật, dụng chỉ giả như, tắc tài hằng túc hỹ". Dịch nghĩa ra đại ý là muốn làm ra nhiều tiền phải có một phương sách cơ bản: Làm ra thì nhiều, tiêu thụ thì ít, làm thì mau chóng, dùng thì chầm chậm, như thế tiền của thường đầy đủ…"

Có bạn tra xét: Vậy Bác nói ở sách nào? Xin thưa: Trong chúng ta ai có ông bà, cha mẹ mà ngày 20 tháng 02 năm 1947 được gặp Bác ở Thanh Hóa chắc còn nhớ Bác dạy như thế đấy.

Làm được như Bác dạy "nhiều mà ít, chóng mà chậm" chắc chắn chúng ta sẽ giàu, giàu một cách vững vàng chân chính.

THANH NIÊN LÀM THEO LỜI BÁC

Trong khoảng ngày 05 đến 10 tháng 11 năm 1942 tại nhà giam Nam Ninh, Quảng Tây, Trung Quốc, Hồ Chí Minh đã viết 18 bài thơ trong đó có các bài *"Cảnh binh khiêng lợn cùng đi"*, *"Hoàng hôn"*, *"Nhớ bạn"*, *Ghẻ lở"*… Bài thơ cuối cùng trong nhà ngục này viết bằng chữ Hán theo lối tứ tuyệt - bốn câu,

mỗi câu bảy chữ. Bản dịch trong "*Hồ Chí Minh, toàn tập*", tập 3 dịch là:

"Gạo đem vào giã bao đau đớn
Gạo giã xong rồi trắng tựa bông
Sống ở trên đời, người cũng vậy.
Gian nan rèn luyện mới thành công."

Ngày 14 tháng 9 năm 1940, tại Côn Minh, Hồ Quang (một mật danh của Bác Hồ) đã viết tặng một thanh niên Trung Quốc là Phương Sĩ Tân một dòng chữ tiếng Hán và tiếng Anh là: "Hữu chí cánh thành" (Có chí thì nên).

10 năm sau, năm 1950, Bác Hồ đã tặng một đội thanh niên xung phong mấy câu thơ nhắn gửi:

"Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Có chí ắt làm nên…"

Thực ra Bác Hồ viết và dặn thanh niên nhiều lần, trong những lần viết báo, nói chuyện. Những bài thơ trên đây có thể là tiêu biểu hơn cả.

Bác Hồ qua thực tiễn của bản thân, nhất là trong độ tuổi thanh niên đã nhận biết đáp số cho việc lớn của mình là "rèn luyện ý chí".

Dưới thời Pháp thuộc, nếu thanh niên không có ý chí, không chịu rèn luyện thì sẽ là tay sai của kẻ áp bức dân tộc, cộng tác với chúng hoặc "đóng cửa trùm chăn", vô trách nhiệm,

mặc dầu Tổ quốc bị nô lệ. Muốn thành công, muốn được như hạt gạo "trắng tựa bông" phải rèn luyện ý chí, ngẩng đầu lên, không chịu nhục vong quốc nô, tham gia cứu nước, dù biết rằng con đường cách mạng là tù đày, khổ ải, có khi phải hy sinh cả tính mệnh.

Khi đất nước bị xâm lược, thiếu ý chí rèn luyện, tránh việc nặng, lẩn trốn chiến đấu, nhận một danh từ "B quay" (tức đào ngũ), sợ khó khăn, gian khổ thì làm thế nào tránh khỏi tòa án công luận xét xử là phường giá áo, túi cơm!

Ngày nay khi các bậc tiền bối cách mạng, ông cha đã chiến đấu hy sinh đưa giang sơn đất nước về một mối, dân tộc đã tự do, nước nhà đã độc lập, xâm lược không còn, chiến tranh đã tắt, vậy rèn luyện ý chí của thanh niên phải chăng không còn nữa? Phải chăng những lời dạy của Bác Hồ đã không còn phù hợp?

Không ai dám nói như vậy. Nhưng xem trong sinh hoạt, học tập, lao động của một bộ phận thanh niên thì có thể thấy là họ có sao lãng.

Thanh niên là rường cột của nước nhà, là người chủ tương lai của Tổ quốc. "Tương lai" chỉ là 10 hay 15 năm nữa thôi, khi mà lớp người Cách mạng Tháng Tám, kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ sẽ đi theo Bác Hồ, họ - những con người sinh ra sau chiến tranh từ 1975 sẽ "trấn ngự" non sông này.

Liệu họ có thể làm được hai việc lớn là - giữ nền độc lập của Tổ quốc và làm cho dân giàu, nước mạnh không? Chúng ta tin rằng họ sẽ làm được. Tin có cơ sở, tin vào truyền thống ông cha ta, tin vào sự giáo dục của gia đình họ, của xã hội ta. Nhưng tin không có nghĩa là "há miệng chờ sung" một cách

thụ động mà phải tích cực, chủ động rèn luyện để đạt được mục đích mà tổ tiên, cha ông, đời này, đời sau mong đợi.

Chúng ta vui mừng thấy thanh niên hiện nay năng động, nắm bắt nhanh những cái mới, có tri thức nhưng chúng ta không phải lo nghĩ tới một bộ phận thanh niên chưa theo kịp với yêu cầu của tương lai đất nước.

Có thể nêu lên vài trường hợp:

Một bộ phận thanh niên ở vùng sâu, vùng cao và ngay cả trong vùng đồng bằng do nhiều nguyên nhân nên thiếu điều kiện hoạt động đành bó tay, chịu trời, mặc số phận. Tất nhiên có việc "mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên" (người mưu việc làm nhưng trời lại quyết định sự thành công) nhưng vẫn có câu "Nhân định thắng thiên" (người thắng cả trời). Họ chờ đợi sự giúp đỡ, chờ đợi sự ban ơn, làm việc thiện thực chất là "bố thí" trong khi họ có đầy đủ chân tay, trí óc và quý báu nhất là bầu máu nóng thanh niên. Không bàn đến việc nhà nước, cơ quan, đoàn thể giúp đỡ, chi viện, bản thân họ phải nhận lấy sứ mệnh, nhận lấy câu dạy của Bác Hồ *"phải lấy sức ta giải phóng cho ta"*, *"phải tự lực tự cường"*, nghĩa là phải có ý chí vươn lên, mà vươn lên không phải dễ dàng như là dạo mát trong công viên - con đường vươn lên bao giờ cũng gai góc, không có rải hoa… Mặc dù "không có con đường nào đi đến thành công mà lại không có gian khổ" - nếu có một con đường êm ái, dễ dàng thì sự thành công, vinh quang đó có lẽ cũng không đáng giá gì. Như vậy họ cần có sự rèn luyện về ý chí.

Một bộ phận khác có điều kiện hơn, có bố mẹ "ăn nên làm ra", quyền cao chức trọng, trường gần nhà, sách đầy tủ nhưng lại vẫn thiếu rèn luyện ý chí. Họ không cưỡng được những

cuộc đua xe, những "phi vụ" xem phim xấu, để lại những bài vở chưa làm, bằng thì mua, thi thì quay cóp. Họ coi hưởng thụ là trên hết, tiền là "tối thượng", không cần trau dồi kiến thức, phó tiến sĩ thì "phun thuốc sâu", phó giáo sư thì "phá gia sản"... Khẩu hiệu của họ là "học từ từ, chơi lu bù, ăn tới số". Một số thanh niên chưa có công ăn việc làm thì "quậy". Số có việc làm rồi không nhiều lắm không "dám" chịu khó đi học thêm, học thêm văn hóa, học thêm ngoại ngữ, học thêm chuyên gia, mà tệ hại hơn là lao vào cờ bạc, hút sách. Số này thiếu rèn luyện ý chí. Không trụ vững được trước sự cám dỗ trong cuộc chiến đấu với chủ nghĩa thực dụng hàng ngày, thật ra là cuộc chiến đấu vì bản thân mình. Những người này - tuy không đông lắm nhưng cũng không phải chỉ đếm được trên đầu ngón tay làm sao có thể "đào núi văn hóa, lấp bể ngu dần" cho đất nước. Họ đâu có chịu được "bao đau đớn" nên chẳng bao giờ "hạt gạo trắng tựa bông" cho mình, cho người thân trong gia đình, bố mẹ con cái, cho Tổ quốc, cho đồng bào. Có tài năng mà không có ý chí thì thế nào việc làm cũng không kết quả. Có chí mà tài ít thì cái chí sẽ "đưa" cái tài lên. Chí là đầu não. Rèn luyện chí tức là rèn luyện sức mạnh của tâm hồn, của trí tuệ. Ý chí không ai cho mà phải tự mình giành lấy.

Hy vọng rằng những điều nói trên đây đều là sai sự thật, là không có, hoặc có rất ít. Được như vậy là hồng phúc cho đất nước ta. Được như vậy thực là không có gì cao quý, trọng đại hơn trên nén hương, mâm quả dâng lên Bác Hồ nhân dịp ngày sinh của Người và cho tất cả những năm kỷ niệm sau này, năm chẵn, năm lẻ của thế kỷ này, thế kỷ nối tiếp sau đối với thanh niên, con cháu của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

TRI TÚC - BIẾT ĐỦ, BIẾT DỪNG

Nhiều nhà nghiên cứu về Hồ Chí Minh đều cho rằng Bác Hồ đã đọc *"Kinh dịch"* - một cuốn sách cổ Trung Quốc bởi vì Bác cũng đã viết, đã nói nhiều điều liên quan đến *"Kinh dịch"*.

Trong *"Kinh dịch"* có quẻ "Thuần Càn". Quẻ này có đoạn giải thích: "Cương kiện đến cùng rồi, như con rồng bay lên cao quá, không xuống được nữa, nếu vẫn còn hành động thì sẽ có điều đáng tiếc, vì lẽ thịnh quá thì tất suy, đầy thì không giữ được lâu".

Lần sang Pháp năm 1946, đến thăm mộ Napolêông, Bác có viết trong tập "*Nhật ký hành trình của Hồ Chủ tịch bốn tháng sang Pháp*" (cuốn sách được viết từ năm 1946 mà mãi gần năm mươi năm sau mới xác định được là của Bác) một đoạn về ông này như sau:

"Napôlêông là một vị tướng có đại tài, đánh đâu thắng đó. Từ địa vị một người quân nhân thường, làm đến tổng thống. Từ tổng thống nhảy lên làm hoàng đế. Làm hoàng đế cũng chưa đủ, còn muốn làm chúa cả thế giới. Các nước hợp sức lại đánh. Kết quả ông Na bị thua. Thua một trận thì tan tành hết cả. Bị các nước bắt giam ở đảo Xanh Hêlen, cách mấy năm thì chết tại đảo... Nếu ông Na mà biết dè dặt, không tham muốn quá, thì chắc nước Pháp lúc đó không đến nỗi vì chiến tranh mà chết người, hại của... Nhưng ông Na đã làm con giời, lại muốn làm cả giời, kết quả bị thất bại"[(1)]…

[(1)] Xem trong tập *Hồ Chủ tịch ở Pháp năm 1946*, Nhà xuất bản Hà Nội, H, 1995.

Xưa nay đã có nhiều người vì không "tri túc" (chừng mực) mà thất bại. Thế mà người sau vẫn không biết nhớ những kinh nghiệm đời xưa.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp, một trong nhiều người được ở bên cạnh Bác lâu, đã viết trong sách *"Chiến đấu giữa vòng vây"*: "Ở Bác là sự chừng mực trong lời nói, việc làm. Không khi nào quá vui. Buồn lo ít để lộ trên nét mặt. Trong cái vẻ bình dị của Bác chứa đựng một sự tiềm ẩn sâu lắng".

Thật ra để biết "dè dặt", "chừng mực", biết đủ, biết dừng không phải dễ. Muốn biết dừng phải có yên tĩnh, yên tĩnh sau đó mới an tâm. An tâm sau đó mới có thể xác định. Xác định được nên mới có thể lo lắng công việc, lo lắng công việc mới có được kết quả. Khái niệm "biết dừng" này xuất phát từ sách *"Đại học"* của Nho giáo Trung Quốc. "Biết dừng" ở Bác còn thể hiện không bao giờ ngay một lúc làm những mục tiêu lớn quá. Theo Bác, mục tiêu một, kế hoạch mười, quyết tâm hai mươi". *"Làm được một kết quả cụ thể còn hơn trăm lần nói suông"*.

Trong lịch sử cách mạng Việt Nam cũng có lúc, nơi này, cán bộ nọ không biết "tri túc", nhưng muốn "ăn tươi nuốt sống" nên đã đi đến thất bại. Trong đời sống xã hội cũng có người lòng tham không đáy, tham ăn, tham tiền, tham danh vọng, tham quan chức nên "leo cao quá tất ngã đau!" mà không biết dừng lại, hạ cánh, rút lui đúng lúc, để vẹn tròn danh tiết...

Tuy biết dừng là khó. Nhưng không phải người ta không thể nhớ những kinh nghiệm thời xưa. Rõ ràng là có thể nhớ, có thể học, có thể rèn luyện để đạt tới biết dừng.

CÁN BỘ NGOẠI GIAO ĐƯỢC MỘT BÀI HỌC VỀ "NGOẠI GIAO NHÂN DÂN"

Năm 1965, sau chuyến sang thăm Việt Nam của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô Côxưghin, Liên Xô đã cử Thượng tướng Culicốp chỉ đạo việc vận chuyển vũ khí sang Việt Nam, bàn giao cho Bộ Quốc phòng ta. Công việc được hoàn thành một cách tốt đẹp. Trước khi về nước, Thượng tướng Culicốp đề đạt một nguyện vọng là "xin được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh".

Các cán bộ Cục Đối ngoại quân sự lẫn Bộ Ngoại giao băn khoăn và chưa nhất trí về đề nghị này của Thượng tướng Culicốp. Lý do: Theo nguyên tắc ngoại giao, cấp nào tiếp cấp đó. Đồng chí Culicốp không phải là Bộ trưởng, không có chức vụ gì trong Chính phủ Liên Xô, chỉ là Ủy viên Trung ương dự khuyết của đảng bạn. Dù sao cũng phải báo cáo lên Bác, và đề nghị Bác chưa nên gặp.

Bác gọi cán bộ ngoại giao đến nói:

- Các chú chỉ biết một mà không biết hai. Đồng chí Culicốp quý mến Bác nên xin gặp. Bác đã gặp một đoàn văn công, một đội bóng đá thì làm sao lại không gặp một đồng chí thượng tướng nước anh em, lại là người mang vũ khí cho ta. Các chú bố trí để Bác gặp đồng chí Culicốp.

Bác nói thêm:

- Các chú phải làm sao để mỗi người dân Liên Xô đến Việt Nam là gần thêm Việt Nam một chút.

(Theo Lê Minh Nghĩa, Văn phòng Quận ủy Trung ương)

"NẾU LÒNG DẠ KHÔNG TRONG SÁNG NỮA..."

Tháng 6 năm 1969, ba tháng trước khi Bác đi xa, Bác mời một số cán bộ phụ trách công tác giáo dục thanh niên, thiếu niên đến làm việc với Bác bàn về sách *"Người tốt việc tốt"*.

Trong buổi trao đổi ấy, Bác nói: "Từng giọt nước nhỏ thấm vào lòng đất, chảy về một hướng mới thành suối, thành sông... Một pho tượng hay một lâu đài phải có cái nền vững chắc mới đứng vững được".

Bác vẫn từng răn dạy chúng ta: *"Đạo đức là cái nền của mỗi cán bộ"*, Bác định nghĩa: *"Cán bộ là suốt đời làm đầy tớ trung thành của nhân dân. Mấy chữ a, b, c này không phải ai cũng thuộc đâu, phải học mãi, học suốt đời mới thuộc được"*. Ý Bác là khuyên cán bộ ta dù là cán bộ của Đảng, của Chính phủ, của đoàn thể, dù ở cấp nào cũng phải học mãi, học suốt đời ba chữ a, b, c ấy, tức là những chữ *"suốt đời là đầy tớ nhân dân"*.

Bác nhận xét: "Có một số người không nhớ lúc hàn vi lại để cho chủ nghĩa cá nhân nảy nở. Đã có xe rồi lại "phấn đấu" để có chiếc xe đẹp hơn, chiếm mất phần của người khác. Đã có nhà ở rồi, lại "phấn đấu" theo kiểu như thế nào để có nhà đẹp hơn. Làm như vậy là trái với đạo đức, cách mạng". Bác dặn lại chúng ta: "Từ nay về sau, nhân dân và Đảng ta phải giữ gìn và phát huy mãi mãi đạo đức trong sáng ấy".

Chúng ta đều biết, ngay từ tháng 9 năm 1945, ngay sau khi giành được chính quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã biết đến tệ tham nhũng, quan liêu sẽ sinh sôi nảy nở trong các cơ

quan dân chính, Đảng... Và Người đã rung chuông báo động từ ngày ấy.

Năm 1968, sau bao nhiêu năm nói chuyện, nhắc nhở, răn dạy, biểu dương, phê bình, Bác như dặn lại chúng ta rằng: *"Một dân tộc, một Đảng và mỗi con người ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay là ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân".*

Cán bộ, đảng viên chúng ta đang tiến hành phê bình, tự phê bình. Chúng ta hãy tự hỏi mình: "Lòng dạ ta có còn trong sáng nữa không?". Bác nói: *"Mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng".*

Phê bình và tự phê bình, theo như ý Bác là làm cho "phần xấu mất dần đi, cho phần tốt nảy nở như hoa mùa xuân".

Chúng ta không ai muốn để "vườn đạo đức" của mình đầy cỏ dại, cũng không muốn vườn hoa của bạn không có hoa nảy nở. Vì chúng ta là "người cách mạng" của Bác Hồ, vì lòng dạ chúng ta vẫn "trong sáng" mãi!

CÂU TRẢ LỜI VÀO NĂM 1949

Sau chiến thắng Thu Đông Việt Bắc năm 1947, tình hình quốc tế trong hai năm 1948 - 1949 chuyển biến có lợi cho các lực lượng đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc và có ảnh hưởng nhất định đến cuộc kháng chiến của Việt Nam.

Để tiếp tục cuộc đấu tranh xâm lược, thực dân Pháp đã chuyển chiến lược từ "đánh nhanh, thắng nhanh" sang "đánh kéo dài", "dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh".

Ngày 15 tháng 01 năm 1948, Trung ương Đảng ta họp mở rộng, nhận định "khả năng kháng chiến của ta dần tăng và sẽ tăng thêm". Quân dân ta đã giành thắng lợi trong các cuộc chống càn quét lớn của địch vào Đồng Tháp Mười (Nam bộ) vào các chiến khu ở Trung bộ, chống trả kịch liệt khi Pháp tấn công vào vùng tự do Sơn Tây, Hòa Bình (Bắc bộ).

Ở Trung Quốc từ tháng 9 năm 1948, quân đội của Đảng Cộng sản lần lượt phát động tiến công trên khắp chiến trường Đông - Bắc. Đến tháng 01 năm 1949, Hồng quân đã kết thúc 3 chiến dịch lớn (Liêu Thẩm, Hoài Hải, Bình Tân) tiêu diệt 2 triệu 31 vạn quân Quốc dân đảng, giải phóng toàn bộ miền Đông - Bắc Trung Quốc. Thất bại to lớn và quá nặng nề đó làm Tưởng Giới Thạch nản chí, tuyên bố rút lui về quê nhà ở Triết Giang

Tình hình ở Trung Quốc khiến Pháp lo sợ. Giữa năm 1949, kế hoạch mới mang tên Rờ Ve - tên của Tổng tham mưu trưởng Pháp - ra đời. Điểm mấu chốt của kế hoạch này là "sống chết phải giữ cho được Bắc bộ, ngăn chặn ảnh hưởng của phong trào cách mạng Trung Quốc lan xuống Việt Nam và Lào - Miên, Đông Nam Á".

Về phía ta, tháng 4 năm 1949, Hồ Chủ tịch đã ra Sắc lệnh thành lập bộ đội địa phương. Tháng 8, Đại đoàn 308 (quân tiên phong) ra đời. Chúng ta đã chủ động mở cửa chiến dịch Lê Lai (Quảng Bình), chiến dịch Hồ Chí Minh ở Tây Nguyên...

Trước đó, ta đã mở các chiến dịch Nghĩa Lộ, Yên Bình, chiến dịch đường số 3 uy hiếp địch, phát động du kích chiến tranh trong vùng đông bắc, tại các tỉnh biên giới Việt - Trung.

Tháng 3 năm 1949, Đảng Cộng sản Trung Quốc họp hội nghị Trung ương 4, khóa 7 quyết định thành lập chính phủ liên hiệp dân chủ, vượt Trường Giang giải phóng Hoa Nam, chiếm thành phố trước, nông thôn sau, thành lập các dã chiến quân 1, 2, 3, 4...

Các nhà am hiểu tình hình quốc tế và Trung Quốc đã coi những quyết định này là "bản án tử hình" cho Quốc dân đảng. Tám giờ tối 20 tháng 4 năm 1949, đại quân của Đảng Cộng sản vượt Trường Giang, lần lượt chiếm Nam Kinh (23 tháng 4) giải phóng Thượng Hải (27 tháng 5) sau đó chiếm Trùng Khánh, Thành Đô, Vân Nam... Ngày 01 tháng 10 năm 1949, tại Quảng trường Thiên An Môn, Bắc Kinh, Mao Trạch Đông tuyên bố thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Biết chắc chắn tình hình của lực lượng hòa bình dân chủ thế giới, sự lớn mạnh của Liên Xô, các nước Đông Âu và thắng lợi của Đảng Cộng sản Trung Quốc sẽ có ảnh hưởng đến Việt Nam nên nhiều nước muốn tìm hiểu thái độ lập trường của Chính phủ ta. Thông qua các nhà báo, họ đã xin được phỏng vấn người đứng đầu nhà nước ta là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nếu như trong năm 1947 chỉ có bảy lần, năm 1945 có ba lần, các phóng viên nước ngoài phỏng vấn Hồ Chủ tịch thì năm 1949 đã có tới gần mười lăm lần chính thức các phóng viên hãng *Roito*, các báo Pháp, Anh, Thái Lan... đều đặt nhiều câu hỏi, yêu cầu Hồ Chủ tịch trả lời. Bài trả lời các báo đầu tiên năm 1949 sau phiên họp đầu năm của Hội đồng Chính phủ ngày 02 tháng

01 năm 1949 (27 tháng Chạp năm Mậu Tý, sắp bước sang năm Kỷ Sửu) được đăng trên báo *Cứu quốc* số 1164, ngày 11 tháng 02 năm 1949. Trong 6 câu hỏi và trả lời này, ở câu 3, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: Nhân dân Trung Hoa là một phần nhân dân toàn thế giới. Dân chủ[1] Trung Hoa thắng lợi ắt có ảnh hưởng đến toàn thế giới mà Việt Nam là một bộ phận". Về câu hỏi thứ 5: "Có tin đồn hiệp ước giữa Mao - Hồ", Hồ Chủ tịch trả lời: "Thực dân Pháp chẳng những phao tin, mà lại đăng hẳn hoi lên báo một bản hiệp ước bí mật giữa Mao Trạch Đông và Hồ Chí Minh. Điều sau cùng của bản hiệp ước ấy là người Trung Quốc và người Việt Nam có thể lấy nhau làm vợ chồng được. Việc này tỏ rằng: bọn thực dân rất hoang mang... nói láo...". Báo *Cứu quốc* không nêu rõ trả lời báo nào, nên có người nghĩ rằng đây cũng là một đòn ngoại giao của Việt Nam, "thực mà hư, hư mà thực", để động viên nhân dân ta, vừa giáo dục tự lực cánh sinh là chính, vừa coi trọng sự ủng hộ quốc tế, vừa "cảnh báo" cho Pháp biết…

Thính tai, thính mũi nhất là hãng *Roitơ* của Anh. Từ Paris, hãng này đã điện qua Bộ Ngoại giao xin phỏng vấn Hồ Chủ tịch. Bức điện ghi ngày 02 tháng 02 năm 1949. Sau 4 câu hỏi không quan trọng, hãng *Roitơ* đề cập đến câu thứ 5: "Nếu ông Mao Trạch Đông sẽ đứng đầu Chính phủ Trung Hoa thì thái độ của Chính phủ Cụ thế nào?". Câu trả lời như sau: "Vì điều kiện địa lý, lịch sử, kinh tế… đã mấy ngàn năm, dân tộc Việt Nam và dân tộc Trung Hoa như là bà con thân thích. Chính phủ Trung Hoa nào được nhân dân Trung Hoa ủng hộ thì Chính phủ Việt Nam sẽ thừa nhận Chính phủ ấy".

---

[1] Xin chú ý Bác dùng "dân chủ" chứ không dùng cộng sản.

Cũng trong tháng 2, báo *Nước Pháp buổi chiều* hỏi: "Chủ tịch liên lạc với ông Mao Trạch Đông như thế nào?".

Hồ Chủ tịch trả lời: "Tôi chưa có liên lạc gì với ông Mao".

Tiếp sau đó, tháng 3, Hồ Chủ tịch trả lời 3 nhà báo Mỹ Harôn Ixắc, Oantơ Brít, Stanlây Harítxơn, rồi phóng viên tờ *Dân quốc nhật báo*, báo *Tribune* tháng 4; báo *Franc Tireur* tháng 6, báo *Praxa Thipatay* (Thái Lan); báo Mỹ *New York Herald Tribune*, tháng 10... Phóng viên của báo Mỹ này là A. Stelle đã hỏi tới hai mươi mốt câu. Hai mươi mốt câu hỏi này có thể coi như một sự thăm dò toàn diện về đường lối, chính sách ngoại giao của Việt Nam, khả năng giúp đỡ của người nước ngoài với Việt Nam, kể cả của Liên Hợp quốc v.v...

Sau khi trả lời đầy đủ hai mươi mốt câu, Chủ tịch Hồ Chí Minh "hỏi nhân dân Mỹ một câu... và mong ông cho tôi biết những câu trả lời của nhân dân Mỹ: "*Nếu Pháp hoặc một ai khác xâm phạm nước Mỹ, giết người, đốt phá thành phố và làng mạc Mỹ, với mục đích là bắt Mỹ làm nô lệ, thì nhân dân Mỹ sẽ đối phó như thế nào?*". Cho đến nay, câu trả lời vẫn chưa có.

Không những các nước Âu - Mỹ quan tâm lo lắng đến tình hình Việt Nam, mà các bạn châu Á cũng rất muốn biết lập trường của Việt Nam trước diễn biến của thời cuộc.

Ngày 02 tháng 9 năm 1949, nhân kỷ niệm Quốc khánh Việt Nam, ông Naiut Thorn Pholkul, phóng viên báo Thái Lan *Praxa Thipatay* đã xin phỏng vấn Hồ Chủ tịch tám câu.

Trả lời câu hỏi 4: "Sau khi hoàn thành thắng lợi, Chính phủ có chủ trương sẽ chia tư hữu tài sản không", Hồ Chủ tịch nói rằng: *Hiến pháp nước chúng tôi "tôn trọng sở hữu tài sản"*.

Về mối quan hệ Việt - Thái, Hồ Chủ tịch khẳng định: "Bao giờ Việt Nam cũng cần thân thiện với nước Thái và nước Thái thân thiện với Việt Nam, vì chúng ta là bà con láng giềng. Khi nhà báo Thái Lan hỏi: "Việt Nam sẽ hợp tác với Mỹ hay Liên Xô, có thể trung lập được không?". Hồ Chủ tịch trả lời: *"Việt Nam sẽ hợp tác với mọi nước vui lòng hợp tác và thật thà, bình đẳng với Việt Nam. Một nước rất có thể trung lập giữa hai cường quốc, thí dụ nước Thuỵ Sĩ"*. Thực ra về vấn đề này, Hồ Chủ tịch đã trả lời ông Oantơ Brit và bài trả lời đã đăng trên báo *Cứu quốc* số 1198, ngày 23 tháng 3 năm 1949 như sau:

"Hỏi: Một khi độc lập đã thành công, về mặt quốc tế, thì sẽ đưa Việt Nam đứng với Nga... hay là với dân chủ phương Tây, hay là theo chính sách độc lập của mình?

Trả lời: Một khi đã độc lập, Việt Nam sẽ đứng với tất cả các nước bè bạn!".

Chừng như đã quá rõ lập trường Việt Nam nên bước sang tháng 11 năm 1949 và cho đến hết năm 1949, sang cả năm 1950, 1951, 1952, không còn nhà báo nước ngoài nào xin phỏng vấn Bác nữa.

KHÔNG CÓ VINH HẠNH NÀO TO BẰNG

Bảo tàng cách mạng Việt Nam có một bản sách, bìa ngoài in hai chữ đậm nét *"Đảng ta"*. Trên trang này còn có dòng chữ ở góc trái "Tủ sách tuyên huấn, loại xây dựng Đảng số 032", "Kỷ niệm 20 năm thành lập Đảng, "Tặng các đồng chí chi bộ" (chắc là lời của tác giả). Phía dưới là: 1950. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Đông". Bìa 4 (trang cuối cùng cho biết:

"In tại nhà in Tân Việt, xong ngày 20/12/1949, 2000 cuốn". Người viết sách là T.T.L làm ta nghĩ tới đó là chữ viết tắt của Trần Thắng Lợi, một bút danh của Bác Hồ. Ý kiến này càng được khẳng định vì trang 4 có dòng chữ "trong 7, 8 đại biểu, ngoài đồng chí Nguyễn Ái Quốc và tôi, nay chỉ còn đồng chí Hồ Tùng Mậu và đồng chí Trịnh Đình Cửu".

Bác Hồ của chúng ta ít dùng chữ "lớn" mà hay dùng chữ "to" - "cuộc cách mạng to", "đánh đổ hai đế quốc to". Sách này cũng có nhiều chữ "to", do đó chắc chắn bản viết này là của Hồ Chủ tịch.

Trong cuốn sách, Bác viết:

"Chúng ta có nhiều thành công, nhưng chúng ta cũng còn nhiều khuyết điểm... Mỗi đồng chí chúng ta cần phải mạnh dạn và thành thật kiểm điểm mình, kiểm điểm đồng chí mình:

- Đã hết bệnh chủ quan, hẹp hòi chưa?

- Đã bỏ hết tự ý, tiểu khí chưa?

- Đã luôn luôn cố gắng học tập, luôn luôn cầu tiến bộ chưa?

- Đã thật cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư?

Bác kết luận:

"Không có vinh hạnh nào to bằng cái vinh hạnh được làm đảng viên của Đảng Cộng sản. Vì vậy, bất kỳ ở hoàn cảnh nào, làm công việc gì, chúng ta cũng phải kiên quyết làm cho xứng đáng với vinh hạnh ấy!".

ĐẢNG VIÊN LÀ NHỮNG AI?

Sau khi nhân dân giành được chính quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc "*Tuyên ngôn độc lập*", nước cộng hòa non trẻ Việt Nam đứng trước muôn vàn khó khăn. Thời gian từ năm 1945 đến 1946 được các nhà nghiên cứu khoa học coi như "ngàn cân treo sợi tóc". Sợi tóc thường chắc là đứt ngay, nhưng "sợi tóc" Việt Nam vẫn có thể chịu đựng được trọng lượng ấy và thắng cả trọng lượng ấy gồm cả Ấn, Anh, Pháp, Tàu Tưởng.

Mấy chục vạn quân Tưởng kéo vào Việt Nam đã cướp của, giết người, yêu sách vàng, bạc, gạo, tiền, gái điếm. Chúng đã được lệnh "cầm Hồ, diệt cộng" (Bắt Cụ Hồ, diệt cộng sản). Chúng dung túng cho bọn Việt quốc (Việt Nam quốc dân đảng) của Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam, bọn việt cách (Việt Nam cách mệnh đồng minh) của bè lũ Nguyễn Hải Thần gây rối loạn, mưu đảo chính...

Ngày 11 tháng 11 năm 1945, Bác Hồ và Thường vụ Trung ương tuyên bố tự giải tán Đảng Cộng sản Đông Dương. Thế là chúng hết đi một "mục tiêu". Đảng tự giải tán nhưng đảng viên còn. Đảng viên không bao giờ mất đi danh hiệu ấy, ngoại trừ tự mình đánh rơi. Và một "hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác"[1] ra đời...

Được tin Đảng tự giải tán, một cán bộ cấp cao chạy đến chất vấn Bác:

- Tại sao Bác lại giải tán Đảng chúng tôi?

---

[1] Theo tài liệu của Hội Nhà báo Việt Nam, Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác do Tạ Quang Đệ (Quang Đạm) - nhà báo, học giả được Đảng giao đứng tên phụ trách (BT).

Bác ngừng tay viết, đứng lên giơ hai nắm tay trước đồng chí cán bộ.

- Đây là Đảng, đây là Tổ quốc. Chú muốn bên nào? Chú có thấy đồng bào lập bàn thờ Tổ quốc, có cờ đỏ sao vàng và bốn chữ. Chữ gì? "Tổ quốc trên hết!".

Không đợi cán bộ trả lời, Bác ngồi xuống tiếp tục làm việc.

Đồng chí cán bộ chắp tay:

- Cháu hiểu, cháu xin lỗi Bác!

Ngày 21 tháng 01 năm 1946, trên báo *Cứu quốc* có đăng bài "Trả lời các nhà báo nước ngoài" ký tên Hồ Chí Minh, không ghi chức vụ Chủ tịch nước.

Sau khi tuyên bố rằng "tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý", "phải gánh chức Chủ tịch là đồng bào ủy thác", *"chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành"*, Bác còn viết thêm một đoạn nữa:

Đoạn viết này, trong nhiều năm do nhiều lý do về lưu giữ, bảo quản, sưu tập… ít người được biết đến. Hơn năm mươi năm sau, *Tạp chí Xưa và nay* mới công bố lại. Vào năm 1995, trong tập 4 sách *"Hồ Chí Minh, Toàn tập"*, trang 161 - 162 đã in lại toàn văn "trả lời" này.

Đoạn cuối này như sau:

Trong một nước dân chủ thì mọi người đều có tự do tin tưởng, tự do tổ chức. (Điều đó theo ý Bác có thể là ai cũng có quyền hoặc không theo, không tin tưởng tôn giáo này chủ

nghĩa nọ, ai cũng được quyền tổ chức ra một hội... nào đó, ví dụ dân ta có quyền thành lập Đảng Cộng sản). Nhưng vì hoàn cảnh và trách nhiệm, tôi phải đứng ra ngoài mọi đảng phái. (Câu này Bác nhấn mạnh in nghiêng trong văn bản). Nay tôi chỉ có một tin tưởng và *Dân tộc độc lập. Nếu cần có đảng phái thì sẽ là Đảng dân tộc Việt Nam"* (Có thể hiểu là "đảng" hay "mặt trận" của cả dân tộc Việt Nam, một tổ chức của toàn thể dân tộc?).

Có Đảng phải có mục tiêu, có đảng viên. "Đảng dân tộc Việt Nam" mà Bác nêu ở trên *"sẽ chỉ có một mục đích là làm cho dân tộc ta hoàn toàn độc lập, đảng viên của Đảng đó sẽ là tất cả quốc dân Việt Nam, trừ những kẻ phản quốc mà những kẻ tham ô ra ngoài".*

Về mặt đối ngoại: sau khi Đảng Cộng sản Đông Dương tự giải tán - chắc rằng bấy giờ Đảng ta cũng chưa có nhiều đảng viên - mà nay Cụ Hồ lại dự định thành lập một đảng của "tất cả quốc dân Việt Nam" thì chắc sẽ còn mạnh hơn, đông hơn trước. Nhưng "bàn tay có ngón ngắn, ngón dài", quốc dân Việt Nam cũng có người tốt, người chưa tốt. Do đó những người "phản quốc", "tham ô" sẽ đứng ra ngoài đảng này - tức là đảng của quốc dân Việt Nam, của dân tộc Việt Nam, họ không xứng đáng, không được đứng trong hàng ngũ của Đảng dân tộc Việt Nam, của Tổ quốc Việt Nam…

Trong nội bộ Đảng ta, bài nói của Bác còn là một lời dạy về "đại đoàn kết, đại hòa hợp". Bác đã báo trước cho chúng ta rằng không thể coi nhẹ những kẻ tham ô, tuy rằng "kẻ" ấy "đứng" sau kẻ phản quốc.

Xin nhắc lại: đây là lời dạy của Bác từ tháng 01 năm 1946!

"BÁC LÀ NGƯỜI SỐ 3"

Bác là ông tổ của ngành Giao thông liên lạc, Bưu điện cách mạng Việt Nam. Theo Đại tướng Võ Nguyên Giáp, từ những năm 40 thế kỷ trước, Bác đã chỉ ra:

"... Việc liên lạc là việc quan trọng bậc nhất, (quan trọng) hàng đầu trong công tác cách mạng, vì nó quyết định sự thống nhất chỉ huy, sự phân phối lực lượng, do đó bảo đảm (được) thắng lợi."

Vì vậy người chỉ huy, lãnh đạo phải có được liên lạc, có được thông tin sớm nhất, chính xác nhất để xử lý tình huống. Trong kháng chiến chống Pháp, các phương tiện thông tin của quân đội ta tuy cũng có vô tuyến, hữu tuyến... nhưng còn hạn chế về số lượng, chất lượng.

Trong kháng chiến chống Mỹ, nhờ sự giúp đỡ của Liên Xô, ta được trang bị "Máy tải ba" (ba là sóng, tiếng Trung Quốc). Máy này có thể trên một đôi dây điện thoại cho phép 20 người nói chuyện cùng một lúc.

Cục Tác chiến, Cục Tình báo thống nhất với Bộ Tư lệnh Thông tin liên lạc lập một danh sách "A - Ưu tiên đặc biệt" và máy điện thoại của Bác là số 1 - ưu tiên trước hết. Biết chuyện, Bác nói:

- Số 1 dành cho tổng tư lệnh. Số 2 dành cho tổng tham mưu trưởng. Bác là người số 3.

(Theo đồng chí Lê Cư - Chính ủy thông tin)

BÁC DẠY MỘT NGƯỜI LÀM TƯỚNG

Bộ đội khu Ba trong kháng chiến chống Pháp thường kể chuyện, phàn nàn nhưng vẫn thích thú về một Trung đoàn trưởng hay quát mắng, có khi "ục" cả lính. Tuy vậy, anh em vẫn quý mến cán bộ này vì lòng dũng cảm, ngay thẳng, "xong việc là thôi" chẳng để bụng lâu.

Đó là "chú Nghĩa, đảng viên, mọi điều tôi đã dặn kỹ, xin tiên sinh an tâm". Đây là lời đồng chí Vũ Anh giới thiệu người giao thông kiêm bảo vệ đồng chí Vương, tức Bác Hồ - tại Côn Minh năm 1940.

Chú Nghĩa đã được đi theo Bác trong nhiều lần công tác, nhất là đã hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ Bác từ Côn Minh về nước an toàn cuối năm 1940.

Chú Nghĩa tâm sự với đồng chí Vũ Anh:

- Em được biết phục vụ Bác là một vinh dự lớn. Nhưng anh biết em rồi, em chỉ thích trực diện đánh nhau với địch, còn bảo vệ Bác, anh giao cho người khác...

Đồng chí Vũ Anh thưa lại với Bác. Ban đầu Bác chưa đồng ý. Sau, nhờ có đồng chí Hoàng Hữu Nam nói thêm vào, Bác mới cho gọi chú Nghĩa:

- Chú đòi được ra chiến đấu, Bác cũng không ngăn. Nhưng Bác chỉ phân vân hai điều: một là tính chú nóng quá. Bây giờ chú là lính, cách mạng phát triển, quân đội phát triển, sau này chú cố gắng, sẽ là quan, là tướng. Tướng mà tính nóng là hỏng việc; hai là, tính chú liều quá. Có Bác bên cạnh mà chú còn dám bắt gà, bắt ngựa của dân, sau này ra hùng cứ một

phương chú sẽ còn làm nhiều điều sai trái, ai ngăn được chú? Hoặc như việc chú tự ý tiêm ký ninh vào ven cho Bác cũng là liều. Bác chưa thấy ai tiêm ký ninh vào ven như chú cả. Nhưng thôi, Bác còn sống là may rồi. Lần này ra chiến đấu, chú nhớ phải phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm.

Chừng như chưa chắc chắn, trước khi để chú Nghĩa ra về, Bác hỏi gặng:

- Chú có hứa với Bác là sẽ khắc phục khuyết điểm để mau chóng tiến bộ không?

- Thưa Bác, cháu xin hứa.

Bác bắt tay chú Nghĩa.

Ít lâu sau, Pháp bị Nhật đảo chính. Có hai vợ chồng chánh mật thám Bắc Kạn và năm tên Pháp chạy sang Trung Quốc. Không may gặp đơn vị của chú Nghĩa. Chú Nghĩa giải quyết xong bọn mật thám, cho phép anh em lính khố đỏ ai muốn về, được về. Chú Nghĩa thu được sáu súng ngắn, sáu đồng hồ, mấy vạn đồng Đông Dương.

Chú Nghĩa kéo quân về báo cáo với đồng chí Vũ Anh ngỡ mình sẽ được khen; nhưng nghe xong, mặt đồng chí Vũ Anh tái mét đi.

- Lẽ nào chú không biết một tý gì về chính sách đoàn kết của Mặt trận Việt Minh trong giai đoạn hiện nay? Việc này tôi báo cáo với Bác ra sao?

Vô cùng ân hận, lại nhớ đến lời Bác dặn, lời hứa của mình, chú Nghĩa bàn cách với đồng chí Vũ Anh, lấy cớ phong trào đang phát triển nên đã cử chú Nghĩa lên đường ngay, tránh một cuộc "gặp mặt" chắc chắn chẳng nhẹ nhàng gì với Bác,

điều mà Bác đã lường trước, điều mà chú Nghĩa vừa mới hứa xong!

Việc "tày đình" như vậy làm sao giấu được Bác. Nhưng rồi Bác cũng thông cảm cho "chú Nghĩa" đã biết ân hận, đã thấy được khuyết điểm của mình.

Như đã nói ở trên trong kháng chiến chống Pháp, "chú Nghĩa" đã là trung đoàn trưởng mà vẫn còn đôi chút nóng tính, quát mắng chiến sĩ.

Hơn hai mươi năm, khi giao chức vụ Tư lệnh Phòng không cho "chú Nghĩa", Bác dạy:

- Chức chú càng cao thì chú càng phải thương yêu chiến sĩ nhiều hơn.

"Chú Nghĩa" của chúng ta chính là Thượng tướng Phùng Thế Tài hôm nay.

(Theo sách "Bác Hồ, những kỷ niệm không quên").

GIAN KHỔ PHẢI LUYỆN RÈN, SUNG SƯỚNG KHÔNG CẦN AI DẠY

Bà Đặng Quỳnh Anh, năm 1911, bấy giờ chưa đầy hai mươi tuổi, đã theo các anh "Hội kín" vượt Trường Sơn, sang Xiêm, nuôi chí nguyện theo cha chú Đặng Thúc Hứa, Đặng Nguyên Cẩn... làm cách mạng. Tại Xiêm, với tên gọi là mụ Nho, bà Nho, Đặng Quỳnh Anh chăm lo cày cấy, lao động. Lập gia đình với Võ Tùng - sau này là đại biểu đại hội thống nhất Đảng - bà vượt mọi khó khăn, nuôi chồng, nuôi con, lấy nhà làm nơi đi lại, ăn ở cho các chiến sĩ về nước, từ trong nước ra.

Năm 1928 - 1929, ông Thầu Chín (Bác Hồ) đã ở nhà bà Anh một thời gian. Khi cùng ông Võ Tùng đi công tác, bà Anh đang có mang, Thầu Chín rất suy nghĩ. Bà hiểu tấm lòng của Thầu Chín, nên đã động viên chồng, nói để Thầu Chín yên tâm đi công tác cách mạng.

Năm 1936, với tên mà cảnh sát Xiêm lập hồ sơ là Đặng Thị Nho quê Nghệ Tĩnh, chồng là Võ Tùng quê Đức Phổ, Quảng Ngãi, đã bị bắt giam đưa về Đông Dương, bà Quỳnh Anh bị giam giữ tại nhà lao Khôn Kèn cùng với hai con nhỏ.

Ra tù, sau khi nước Việt Nam được độc lập, xa chồng bà trở lại Xiêm hăng hái hoạt động trong phong trào Việt kiều rồi lại bị tù đày, đánh đập. Năm 1949, bà Quỳnh Anh được về nước. Năm 1954, bà gặp lại hai đứa con mà năm 1939 được ông Nguyễn Văn Luyện quê Anh Sơn, Nghệ An đưa từ Xiêm về nuôi dạy. Bấy giờ cô gái lớn là Dung mới 13 tuổi, cậu con trai là Đông mới 11 tuổi. Bác Hồ lại giao cho bà việc chăm sóc các cháu nhi đồng miền Nam.

Vào một ngày cuối năm 1979, một số cán bộ Bảo tàng Quân đội đến thăm bà tại nhà riêng ở khu tập thể Tương Mai.

Bà vừa qua một cơn đau nặng. Các đồng chí lãnh đạo Đảng và nhà nước đã cử bác sĩ đến chăm sóc - mặc dù chị Dung, con gái bà là bác sĩ mua cho bà thuốc bổ, sâm nhung nhưng bà không dùng.

Bà kể cho cán bộ nghe những mẩu chuyện về Bác Hồ mà bà biết được khi Bác ở Xiêm, nhưng không chịu kể về mình.

Khi người nhà bưng bát cháo lên để bà dùng, bà tự tay đón lấy. Tay phải bà run run, cầm cái thìa con đã buộc chặt

vào hai ngón cái và trỏ. Khi bàn tay trái đưa bát cháo gần miệng, có lúc bát cháo lại "đi" quá sang phải, sang trái, bà cố ghìm lại để xúc cháo.

Chị Dung vẫn ngồi yên, cầm cái quạt giấy quạt cho. Anh em gắt lên:

- Sao chị không bón cho bà?

Chị Dung cười và bà cũng cười. Chị nói:

- Mẹ tôi không cho. Mẹ bảo để mẹ tự làm lấy. Còn tại sao, các anh hỏi mẹ ấy!

Bà đặt bát cháo xuống, kể:

- Các cháu ạ, hồi ở Xiêm, Bác Hồ sống như mọi người dân, lao động bắt cá, kiếm củi, làm công, ăn đói mặc rét. Bác có lần nói *với bà rằng: "O ơi! Sung sướng không ai dạy mà vẫn biết, còn muốn chịu đựng được gian khổ để làm cách mạng thì phải rèn luyện. Không ai nắm được tay từ sáng đến tối. Phòng khi khó khăn, còn vượt được, còn tham gia cách mạng được*". Bà nhờ câu nói ấy của Bác mà sống đến ngày nay... Bà còn cử động được tay, bà tự làm lấy theo lời Bác Hồ dạy mà thôi!

Rồi bà lại tươi cười run run bưng bát cháo lên.

Bốn cán bộ bảo tàng ngồi mắt đỏ hoe, có anh trào nước mắt.

SAO MẤT LÒNG DÂN

Hơn hai chục năm trở lại đây, người dân kêu ca nhiều về cán bộ. Tin yêu chế độ, tin và đi theo Đảng, ủng hộ Chính phủ, dân đã biết "lọc" ra những con sâu từ bé đến lớn đã làm ô danh Đảng, Chính phủ.

Thật ra không phải dân đều nhận thấy tất cả các chính sách đề ra từ Trung ương đến xã đều nhất định đúng ở mọi nơi, mọi lúc, với mọi đối tượng. Nhưng dân cho rằng, trên bước đường đổi mới, trong điều kiện thực tiễn tuyển chọn cán bộ, kinh nghiệm quản lý của nhà nước, âm mưu và hành động phá hoại của kẻ xấu bên trong, quân thù bên ngoài thì đó là những thử thách khách quan khó lòng mà khắc phục được nhanh chóng, dễ dàng. Và như vậy là dân vẫn tin Đảng, tin Chính phủ.

Vậy sao lại mất lòng dân? Và câu ngược lại: Sao cho được lòng dân?

Dưới đây là một ý kiến tham khảo:

"Ta nhận thấy xung quanh các ủy ban nhân dân, một vài nơi tiếng phàn nàn oán thán nhiều hơn tiếng khen. Dân chúng tín nhiệm cán bộ ở Chính phủ Trung ương nhiều hơn các ủy ban địa phương.

Những ủy ban đó không những không được dân yêu, còn bị dân khinh, dân ghét là khác nữa.

Thứ nhất, dân ghét các ông chủ tịch, các ông ủy viên vì cái tật ngông nghênh cậy thế cậy quyền... Khi nắm được chút quyền trong tay vẫn hay lạm dụng... vác ô tô đưa bà tỉnh trưởng đi chơi mát… "

Bài viết này "mách" cho các ông chủ tịch, ông ủy viên một cách để dân yêu:

"Muốn cho dân yêu, muốn được lòng dân, việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm... Việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh, phải có một thái độ mềm dẻo, khôn khéo, biết nhân nhượng, biết trọng nhân

cách người ta... Muốn được lòng dân, trước hết phải yêu dân, phải đặt quyền lợi của dân trên hết thảy, phải có một tinh thần chí công vô tư".

Đọc những dòng trên, mỗi lão thành cách mạng "xăng xái" bảo.

- Phôtô cho tôi một tờ để tặng "bà" trung sĩ công an hộ khẩu. Về hưu, ra đăng ký, có giấy giới thiệu "Bộ tổng", cấp bậc, chức vụ rõ ràng, tuổi tác đàng hoàng thế mà "bà" ấy gọi cụt lủn: Lê Văn Nguyễn, chỉ đáng tuổi con cháu mình mà xách mé, láo lếu...

Tôi vội can:

- Thôi, thôi "cụ" ơi. Cụ nên nhìn rộng ra, lớn hơn như ở Thái Bình đã được Đảng và Chính phủ xử lý đấy.

"Lão thành" vẫn chưa chịu:

- Bài đăng ở báo nào đấy? Nhà báo nào mà "to gan" đấy chứ!

- Dạ, thưa bẩm ở báo *Cứu quốc* mãi tận năm 1945, ngày 12 tháng 10, ký tên là Chiến Thắng.

ĐỀ ÁN CẢI CÁCH GIÁO DỤC NĂM 1945

Năm 1945, vừa mới giành được chính quyền, Hồ Chí Minh đã ra sắc lệnh thành lập Ủy ban cải cách giáo dục. Chủ tịch nước đã mời các vị Nguyễn Văn Huyên (sau này là Bộ trưởng Bộ Giáo dục), Ngụy Như Kon Tum (Giáo sư, Hiệu trưởng Trường đại học), Hồ Hữu Tường, Vũ Đình Hòe... vào "chân" ủy viên.

Trong một phiên họp ủy ban, cụ Chủ tịch dặn:

- Các bậc học nên thành một hệ thống chung. Nhà nước ta là nhà nước của dân, phải lo sao để toàn dân, trước hết là người lao động nghèo được quyền học hành. Phải cấp học bổng cho học sinh nghèo. Từ cấp trung học nên hướng cho học sinh học theo chuyên nghiệp hoặc phổ thông (nay ta gọi là cơ bản), sớm đi vào các cấp chuyên ban…

Dù đã được "mách nước" như vậy nhưng ngành Giáo dục vẫn lúng túng, chưa tìm được lối đi. Hơn chục năm sau, qua báo chí, sau khi trực tiếp nghe báo cáo, đi thăm và kiểm tra một số trường, Bác mời Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyên đến gặp.

Bộ trưởng kể:

- Bữa ấy tôi được ông Cụ "phết" cho một roi điếng người. Cụ bảo: Dạy học như các chú thì chỉ tạo ra những cái hòm sách, những cái bồ sách mà thôi!

(Theo Vũ Đình Hòe)

BÁC DẠY CHÚNG TA NÓI VÀ VIẾT

Hồ Chí Minh cho rằng *"muốn làm bạn phải hiểu nhau"*. Nếu *"không hiểu nhau không thành bạn"*.

Tất cả công việc "làm bạn" là để cùng nhau đi theo lý tưởng và làm cho ai nấy đều đồng tâm hiệp lực. Muốn làm được việc này người cách mạng phải viết được, nói được, để "giáo dục, giải thích, cổ động, phê bình". Tục ngữ có câu: "Học ăn, học nói, học gói, học mở". Nói cũng phải học, mà phải chịu khó học mới được.

Nói và viết đối với người cách mạng là một phương tiện, công cụ, một trang bị không thể nào thiếu được - có thể gọi là đầu tiên, trước hết tự mình "sắm" lấy. Còn có thể coi là vũ khí. Đã là vũ khí thì phải biết sử dụng, không thể nhầm bắn lung tung, đâm chém loạn xạ.

Bác dặn: *"Điều gì biết thì nói, không biết thì nói không, không nên nói ẩu"*. Trước khi nói phải nghĩ cho chín, phải sắp đặt cẩn thận. Phải nhớ câu tục ngữ: "Chó ba quanh mới nằm, người ba năm mới nói". Theo Bác, nói "nôm na" để người ta dễ hiểu, hiểu để người ta làm được, không nên miệng hô "đại chúng hóa" mà trong lúc thực hiện thì "tiểu chúng hóa".

Không ít người nói ba hoa thiên địa, nói không đúng nơi, đúng chỗ. Bác khuyên: "Người ta đang bãi công thì phải nói bãi công nên làm thế nào? Nhưng lại nói chủ nghĩa Mác là gì, thặng dư giá trị là gì? Như vậy là không thiết thực. May mà không bị ném đá".

Họ còn đem "tân dân chủ" ra nói chuyện với nhi đồng, đó là một "cách nói vu vơ"! Ý Bác là nói phải thiết thực. Nhưng có cán bộ đã đưa "thặng dư giá trị" nhồi sọ cho thanh niên, phụ nữ nông thôn, đưa "biện chứng pháp" nhồi sọ công nhân đang học quốc ngữ". Bác đã dùng hai lần "nhồi sọ" để lên án những ai nói "trên trời dưới đất" đó.

Đối với Bác, ngôn ngữ là thứ của cải vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc. Bác dặn "chúng ta phải giữ gìn nó, quý trọng nó, làm cho nó phát triển ngày càng rộng khắp". Trong dân gian ta có câu "lời nói không mất tiền mua", "một lời nói, một đọi máu", "biết thì thưa thốt, không biết thì dựa

cột mà nghe"... Lời văn, tiếng nói của Bác mộc mạc, giản dị như củ khoai, hạt lúa. Đồng chí Trường Chinh nhận xét: "Hồ Chủ tịch nói tiếng nói của dân tộc, của nhân dân Việt Nam. Nhiều từ ngữ của dân gian được Bác đưa vào ngôn ngữ của mình rất tự nhiên, hợp lý, sáng tạo không có gì là gò ép, mách qué, quê mùa.

Những khi cần thiết, Bác đã nói những từ, câu trích dẫn bác học, khiến cho các nhà nghiên cứu phải sưu tầm tra xét khó nhọc mới tìm ra được xuất xứ…

Làm thơ Đường thâm thúy nhưng Bác lại không thích lạm dụng chữ Hán, Bác gợi ý "các chú gọi người ốm là "bệnh nhân", thế làm "bệnh nhân" thì hơn người ốm à?" Bác cười và bảo một đồng chí ngành Đường sắt thôi không phải báo cáo với Bác khi dùng các danh từ "điều độ viên, cung ứng viên, liệt xa viên"...

Bác chủ trương viết ngắn, đủ nội dung, Người cho rằng "viết dài mà rỗng thì không tốt. Viết ngắn mà rỗng cũng không hay. Chúng ta phải chống tất cả những thứ rỗng tuếch". Nhưng trước hết phải chống thói đã rỗng, lại dài. Nếu viết mà không chuẩn bị, lan man, thiếu khoa học được Bác đặt tên là "Trường giang đại hải" (sông dài biển lớn), "lằng nhằng như rau muống kéo dây" làm cho người đọc như "chắt chắt vào rừng xanh".

Một đảng viên cộng sản lão thành Đức ca ngợi rằng "Nguyễn Ái Quốc đã dát những khối kim loại khổng lồ của chủ nghĩa Mác - Lênin thành những vận dụng hằng ngày cho quần chúng xứ sở mình". Nhà báo Bócsét "phát hiện nét điển hình ở Hồ Chí Minh

là chỉ với một vài từ hoặc một vài hình ảnh, Người có thể trình bày được những vấn đề rất phức tạp. Hình ảnh đoàn quân tinh nhuệ nhất của đội quân viễn chinh Pháp bị nhốt vào đáy mũ của Người sẽ là cuộc chiến đấu lịch sử Điện Biên Phủ khi lên đến đỉnh cao".

Rất nhiều nhà chính trị, khoa học cho rằng cách viết, cách nói "nôm na", "bình dị", "dân dã", "dân tộc của Bác vẫn mang đậm nét bác học, sáng tạo. Bác còn làm giàu thêm cho ngôn ngữ Việt Nam với bao nhiêu từ mới, từ rút ngắn như "vùng trời, giặc đói, giặc dốt", Kennơđi thành Ken, Napôlêông thành ông Na…

Một nhà báo, nhà sử học Pháp còn phát hiện "Hồ Chí Minh đã gạch tất cả những công thức tiêu cực để thay bằng những công thức tích cực cùng nghĩa. Người không đồng ý câu của tôi viết trong đề cương là "Không có chủ nghĩa xã hội thì các dân tộc không thể đi đến giải phóng hoàn toàn", mà đề nghị sửa lại là "Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới có thể bảo đảm cho các dân tộc được giải phóng hoàn toàn...".

Mọi người chúng ta, nhất là cán bộ đều viết, nói theo tư duy, phương pháp, phong cách riêng biệt, mang sắc thái của chính bản thân, khó mà lẫn lộn được, "văn chính là người". Văn không phải chỉ là văn chương. Học viết, học nói còn là phẩm giá của con người!

Trong những điều mong ước của Bác với mỗi cán bộ chúng ta, có điều Bác mong "học viết, học nói" sao cho đúng phẩm giá của mình.

MỘT BÀI THƠ THẤT LẠC BẢN GỐC

Vào năm 1943 - 1944, đồng chí Đinh Chương, người Cao Bằng được ở gần Bác một thời gian.

Trong một lần ngồi cạnh Bác, Bác đã đọc cho ghi một bài thơ bằng chữ Hán. Đồng chí Đinh Chương đánh mất bản ghi bài thơ đó nhưng còn nhớ đại ý như sau:

"Làm thơ cách mạng trước hết phải cách mạng tấm lòng,

Cải tạo xã hội trước hết phải cải tạo bản thân mình,

Tự phê bình cho thành nền nếp thường xuyên

Trước hết, phải sửa mình, tu dưỡng bản thân

Sau mới biết dạy bảo cấp dưới

Sau, mới biết làm gương cho quần chúng nghe theo...

Sau những năm 1974 - 1975, theo lời các đồng chí bạn lão thành cách mạng với đồng chí Đinh Chương, đồng chí Chương vẫn đọc cho bạn bè, con cháu nghe bài "răn" này của Bác.

Muốn "cách mạng tấm lòng mình", đảng viên, cán bộ cần nên:

"Cứ đêm đêm, ta lại xét kết nạp ta vào Đảng

Thời gian nâng đòi hỏi mãi cao thêm

Đến trọn đời, từng giờ là cộng sản

Những nỗi đau ta, cũng sáng búa liềm"[(1)]

[(1)]Trích bài thơ "Tâm sự Đảng viên" của Việt Phương, 1963.

TÁM CHỮ "THẦN KỲ"

Năm 1995, theo chỉ thị của Tổng Bí thư Đỗ Mười, Viện Mác - Lênin - Hồ Chí Minh được cử một đoàn cán bộ đi sưu tầm, tiếp cận tất cả những tư liệu, bài viết của Hồ Chủ tịch có được và được phép nghiên cứu tại các Viện, Cục lưu trữ, Bảo tàng trong cả nước.

Cán bộ A trong đoàn khi đọc tài liệu của Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, phát hiện một mảnh giấy tiết kiệm nhỏ, trong hồ sơ lưu trữ "phông" Hồ Chí Minh. Anh được bảo tàng phôtô cho một bản để nghiên cứu.

Cán bộ A đem bản này đi hỏi mấy "thầy đồ" trẻ.

Đây là chữ nho viết tắt, có thể đọc, đoán được nhưng chắc nhất là đi hỏi các "cụ đồ" - Và người ta mách anh đến nhà báo lão thành Quang Đạm.

Việc mách này là có cơ sở. Quang Đạm xuất thân từ một gia đình nho học, mẹ là Sầm Phố nữ sĩ. Có thời gian cậu bé Đạm đã học với Phan Bội Châu. Tuy là "Tây học", nhưng em ruột Tạ Quang Bửu - Tạ Quang Đệ (tên thật Quang Đạm) có một vốn chữ Hán - nhất là Hán cổ khá phong phú.

Cán bộ A trình bày sự việc. Nhà báo đọc xong, nói:

- Có đúng là bản gốc không?

- Đúng ạ!

- Vậy em mang lại Bảo tàng Cách mạng xin cho anh phông chữ "Hiện vật gốc Bảo tàng Cách mạng Việt Nam". Anh sẽ nói sau!

Việc xin dòng chữ không gặp khó khăn gì.

Đem trình bản mới, nhà báo nói với cán bộ A:

- Đây là tám chữ Hán, Bác Hồ viết theo lối thảo mà "Thảo tắt", người không quen đọc lối chữ này của Bác cũng hơi khó luận ra. Nhưng tám chữ này thì không khó đọc lên. Đây, hàng trên là *"Tập hợp nhân tài"*.

A reo lên:

- Em đọc được chữ "nhân"!

Nhà báo nói tiếp:

- Hàng dưới là *"Bất phân đảng phái"*. Em biết đấy, ngày 14 tháng 11 năm 1945, Bác có viết bài *"Nhân tài và kiến quốc"*, ký tên Hồ Chí Minh, bài báo mà anh vẫn nhớ mãi, không quên... Bác nói đại ý "rất cần nhân tài tuy còn ít nhưng khéo dùng thì mới có thêm nhiều nhân tài"[(1)]. Năm ấy ta mới giành được độc lập, mới thành lập được Chính phủ. Cần bao nhiêu cán bộ, viên chức cho vừa! Bác chủ trương trừ những người "quá đáng", còn giữ lại các công chức cũ. Bác không cho phép "lấy tội cũ làm án mới". Em biết là trong Chính phủ, cán bộ có bao nhiêu người không phải là Việt Minh, là Cộng sản? Tân Việt có Đặng Thai Mai, Đào Duy Anh; Đồng minh hội có Trường Trung Phụng, Bồ Xuân Luật; Quốc dân đảng có Nguyễn Tường Tam, Chu Bá Phượng, quan lại cũ có "phó vương" khâm sai đại thần Phan Kế Toại, Thượng thư Bộ hình Bùi Bằng Đoàn... Chính nhờ tám chữ đó mà Đảng ta, Chính phủ tập hợp được

(1) Câu đầy đủ là "Nhân tài nước ta dù chưa có nhiều lắm nhưng nếu chúng ta khéo lựa chọn, khéo phân phối, khéo dùng thì nhân tài ngày càng phát triển, càng thêm nhiều". Báo *Cứu quốc* số 9, Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, tr. 99.

nhân tài để kiến quốc, để kháng chiến, đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân trong nước, Việt kiều ở nước ngoài, nhân dân yêu chuộng hòa bình, dân chủ, chính nghĩa trên thế giới. "Đó là tám chữ thần kỳ".

Phấn khởi quá, cán bộ A về viết một bài báo, giới thiệu tám chữ thần kỳ, nhưng có thể tài viết kém, hoặc vì lý do nào đó nên mấy báo liền không chịu đăng.

Bước sang năm 1996 rồi 1998, 1999 vai trò của Mặt trận được nhận định mới thêm, cán bộ A có dịp giới thiệu tám chữ này cho một số nghiên cứu sinh "làm" thạc sĩ, tiến sĩ. Các "thầy" hướng dẫn, phản biện đều rất hoan nghênh.

Đầu năm 1999, trong khi trao đổi với một vị trong Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tuy đã "thất thập cổ lai hy", cán bộ A đưa vị này tám chữ "thần kỳ" của Bác Hồ.

Cầm tờ giấy nhỏ trong tay, có chữ Việt dịch ra và ký tên người dịch là Quang Đạm, vị ủy viên thành thật nói:

Năm 1945 - 1946, tôi công tác xa nên không được đọc bài "*Nhân tài và Kiến* quốc". Tám chữ này lẽ ra không nên để "chết" lâu, quá lâu trong bảo tàng. Phải để "*nó*" sống, sống mãi. Giá như tôi biết được sớm chính là ý của Bác, chữ của Bác cách đây 20 năm, 10 năm, 5 năm thôi... Nhưng muộn vẫn còn hơn không biết.

"ĐẠI TƯỚNG VÀ CHO HẾT CƠM ĐI"

Một lần Đại tướng Võ Nguyên Giáp và ông Hoàng Đạo Thúy cùng được Bác mời đến ăn cơm. Bữa cơm đạm bạc có rau muống luộc, bát canh, bát tương, đĩa cá kho.

Đại tướng quan võ nhưng "con" nhà văn, Hoàng Đạo Thuý cũng "quan văn kiêm quan võ" lại là thầy giáo. Ăn gần hết bữa, còn ít rau muống luộc. Hai vị khách chắc đã ngang bụng hoặc có ý lịch sự không nên ăn hết, nên buông đũa. Bác nhìn vào bát cơm của Đại tướng, nói:

- Chú Văn và cho hết cơm đi!

Rồi Bác dịch bát tương lại gần đĩa rau muống luộc ăn nốt thức ăn còn lại.

(Theo Hoàng Đạo Thuý, Cục trưởng Cục Thông tin liên lạc)

CÒN DÂN CÒN NƯỚC

Năm 1945, sau khi nhân dân ta giành được độc lập theo kế hoạch giải giáp quân đội Nhật đầu hàng, quân đội Tưởng lốc nhốc vào nước ta, đứng chân ở nhiều tỉnh lỵ, từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc.

Bác Hồ và Chính phủ đã chỉ thị phải hợp tác thành thật với họ, tránh khiêu khích để sinh ra lộn xộn, xung đột.

Tuy chỉ thị đã ban hành, nhưng Bác "sợ" vẫn chưa chắc chắn, nên Bác đã triệu tập một số chủ tịch tỉnh, thị xã Phú Thọ, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Bắc Giang, Sơn Tây, Lạng Sơn, cả Hà Nội và Bắc Bộ phủ.

Các đại biểu được dịp báo cáo với Bác những hành vi ngang ngược, cướp của, tống tiền, dung túng cho bọn Việt cách, Việt quốc làm bậy, âm mưu lật đổ chính quyền, chiếm đóng một số nơi.

Bác nói:

- Họ nhân danh Đồng minh vào nước ta tước vũ khí quân đội Nhật. Nếu ta để xảy ra chuyện gì đó, họ sẽ lấy cớ làm khó dễ cho ta...

Đại biểu Vĩnh Yên thưa:

- Thưa Bác, ta thì muốn hữu nghị hợp tác nhưng họ lại muốn cướp đất của ta...

Bác giơ tay:

- Bác hiểu. Ta hữu nghị vì họ có 500 triệu dân, mà ta mới có 20 triệu, họ có 4 triệu quân lính mà ta mới đang xây dựng quân đội. Hữu nghị là hữu nghị như thế...

Không thấy ai phát biểu nữa, Bác nói:

- Các chú có thấy dân ta theo họ, hợp tác với họ không? Nếu dân ta không đứng về phía họ, thì ta dù có tạm thời không giữ được một ít nơi, nhưng vẫn không mất nước. Vì còn Dân thì còn Nước. Dân là gốc của Nước. Các chú phải làm sao để Dân tin tưởng vào Chính phủ, nghe lời Chính phủ, tuân theo chỉ thị của Trung ương. Chú nào làm sai phải chịu kỷ luật... Chú nào có ý kiến gì không? - Bác dừng nói, chờ. Không thấy ai có ý kiến nữa, Bác tuyên bố giải tán hội nghị.

"CHÚ GIỮ TRẬT TỰ MÀ LÀM MẤT TRẬT TỰ"

Lần Bác đi thăm nhà máy Dệt Nam Định, cán bộ lãnh đạo của Bộ Công nghiệp, của tỉnh ủy, của nhà máy đi với Bác vào thăm các phân xưởng. Các chiến sĩ bảo vệ đi sau cùng giữ một khoảng cách nhất định với Bác. Khi Bác dừng lại hỏi điều gì,

cán bộ nào có trách nhiệm, biết, thưa lại với Bác. Đoàn "đi" rất trật tự.

Vào một xưởng máy nhỏ, Bác và cả đoàn "tháp tùng" dừng lại hồi lâu, hỏi thăm công việc của một chị công nhân. Bỗng có một thanh niên, từ phía trong đi ra, cố chen vào đoàn, đến sát Bác. Cán bộ đi theo chỉ đưa mắt nhìn nhau không ai kịp giữ anh lại.

Bác hỏi anh thanh niên, chỉ vào cái băng đỏ trên cánh tay anh:

- Cái gì đây?

Quá bất ngờ anh chàng chưa hiểu "ngô, khoai" thế nào, buột miệng đáp:

- Dạ, là cái băng đỏ của Thanh niên cờ đỏ giữ trật tự ạ!

Bác khẽ "à ra thế" rồi nói tiếp:

- Chú giữ trật tự mà làm mất trật tự.

PHIÊN HỌP CUỐI CÙNG NĂM 1954

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, thi hành Hiệp định Giơnevơ về việc lập lại hòa bình ở Đông Dương, quân đội viễn chinh Pháp đã phải rút khỏi mảnh đất gần trăm năm chúng đô hộ.

Tháng 10 năm 1954, nhân dân Hà Nội tưng bừng phấn khởi đón đoàn quân chiến thắng trở về. Trong số những anh bộ đội Cụ Hồ ngày 10 tháng 10 năm ấy có cán bộ, chiến sĩ đại đoàn quân Tiên Phong. Đại biểu đại đoàn đầu tiên này của quân đội ta đã được Bác dặn: "Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước". Thắng

lợi rồi, nhưng Tổ quốc mới được giải phóng một nửa, quân thù còn đó, miền Nam vẫn nằm trong sự kiểm soát của đối phương, sự nghiệp "cứu nước giữ nước" còn dài...

Sau đó, Trung ương Đảng và Chính phủ đã về Hà Nội. Thể theo nguyện vọng của nhân dân Thủ đô và cả nước, Chính phủ quyết định tổ chức một buổi lễ công khai đón mừng Hồ Chủ tịch, Trung ương Đảng và Chính phủ trở về Thủ đô nhân ngày tết năm mới mùng 01 tháng 01 năm 1955.

Để chuẩn bị cho ngày lễ lớn, trọng thể này, Trung ương, Chính phủ đã có nhiều cuộc họp. Các cơ quan an ninh văn hóa, nông nghiệp, thương nghiệp, y tế... của Trung ương, Hà Nội đã khẩn trương tiến hành mọi công tác bảo đảm cho ngày vui mừng đó.

Vào một ngày cuối tháng 12 năm 1954, Chính phủ họp phiên họp cuối cùng trong năm, để xem xét lại toàn bộ công tác tổ chức cho ngày lễ mùng 01 tháng 01 năm 1955.

Tất cả những phiên họp trước đó, Bác đều có dự nhưng chưa lần nào phát biểu ý kiến. Vào những phút cuối phiên họp. Bác mới đề nghị được "tham gia".

Theo nhớ lại của một số thành viên trong cuộc họp ấy, Bác nói đại ý:

- Bác hoan nghênh và cảm ơn cán bộ, chiến sĩ, đồng bào, các cô, các chú, các các cơ quan đã vất vả, chuẩn bị đón Trung ương, Chính phủ về Hà Nội. Bác nghĩ ta không nên chiếu "cinema" vì thành phố mới giải phóng, chiếu ngoài trời có nhiều điều phức tạp. Nên phát cho mỗi đại biểu ở xa về, nhất

là đồng bào dân tộc, một biển nhỏ ghi tên họ, đại biểu tỉnh nào, ăn ở tại khách sạn nào để khi lạc đường công an có thể đưa về. Mỗi ngã ba, ngã tư nên có một lều Hội Chữ thập đỏ có bác sĩ, thuốc chăm sóc người yếu mệt. Đầu đường, cuối phố nên có các thùng nước đun sôi để nguội, có vài cái ca nhôm, buộc quai ca vào thùng nước để đồng bào uống. Về vệ sinh phải có các xe lưu động để nhân dân không "đi" bậy bạ...

Bác dừng lời.

Một cán bộ cấp cao được tham dự buổi họp ấy cho biết: Sau khi chủ tọa phiên họp hỏi: "Ai có ý kiến gì nữa không?" Tất cả đều im lặng... Thế đấy! Bác không răn dạy ai, nhưng Bác lo cho dân những điều mà có lúc nhiều cán bộ còn quên. Bài học ấy mới sâu sắc làm sao.

CHỦ TỊCH NƯỚC VIẾT BÀI CHO CẤP DƯỚI

Nhiều cán bộ, đi đâu, dự đâu lúc nào cũng nhờ văn phòng, thư ký, trợ lý hoặc là viết sẵn bài phát biểu hoặc là chấp bút, gạch đầu dòng. Ông Thanh Quảng có lần kể chuyện:

- Năm 1954 trước khi khai mạc hội nghị quân sự ở Trung Giã bàn các vấn đề cụ thể về việc Pháp rút quân, anh Văn (Võ Nguyên Giáp) và tôi chuẩn bị một bài diễn văn để anh Dũng (Văn Tiến Dũng) đọc. Bấy giờ, Bộ Tổng tư lệnh đã xuôi đến Đại Từ - Thái Nguyên. Hai chúng tôi đang ngồi viết thì Bác đến. Bác hỏi:

- Khuya rồi, sao các chú chưa đi ngủ?

Chúng tôi thưa là viết diễn văn chưa xong. Bác bảo:

- Các chú đi ngủ đi. Để Bác viết cho. - Rồi Bác vơ tất cả giấy tờ đi.

Năm giờ sáng hôm sau, giữa lúc tôi đang "kéo cưa" bỗng nghe tiếng gõ cửa. Bác đưa cho tôi hai bản "diễn văn" một bằng tiếng Việt, một bằng tiếng Pháp. Bác còn hỏi:

- Được không?

Tôi vội vàng lấy xe mô tô, phóng như bay về Trung Giã.

(Theo Thanh Quảng, Nguyên Phó Văn phòng Quận ủy Trung ương)

TIẾT KIỆM LÀ MỘT ĐẠO ĐỨC LỚN

Mấy năm gần đây, Chính phủ đã chỉ thị cho các cơ quan dù mới thành lập cũng không được xây hội trường. Thật là chí lý. Vì nhiều vụ, hội, phường ra đời, tách ra, muốn có bộ mặt "ngang hàng với thế giới", không chịu tận dụng cơ sở cũ, nên đua nhau dựng hội trường, phòng họp mới. Họ không chịu phải "nhờ", "thuê", dùng cái cũ! Phải luôn "đổi mới" mà!

Mới nghe cũng có điều phải. Nhưng thực chất của "cái vấn đề" này là ở chỗ không nói ra được, tế nhị lắm!

Xin dẫn ra một ví dụ.

Tin Bộ nọ sắp xây một hội trường chính quy, "tầm cỡ", rất bí mật, còn "nằm" trên giấy đã đến tai nhiều người. Thế là xe "300, 500 trâu" ùn ùn kéo đến, xếp hàng, phô trương trước cổng Bộ. Một nhà xây dựng oai tín nhất môbiphôn ấn ấn, kêu gọi "dành" cho mình việc đấu thầu. Phía đối tác, đối trọng, đối phương nghe tin đã phải mang đến mấy chục "tờ" xin

ông anh bỏ qua, việc tép nhép, ông anh sờ vào làm gì, để cho tụi em…

Giá trị thay một cú đàm thoại! Chả thế mà máy môbi đắt quá trời.

"Chạy, đi nhanh, về nhanh"… may làm sao vì "đặc biệt", vì "cần thiết" chủ trương xây hội trường được thông qua! Thế là cuộc đua xe quốc tế qua "sa mạc Paris - Đaka" cũng không gay cấn bằng... Các cháu con nhà giàu đi môtô phân khối lớn, "lạng, lách" trên đường phố bị công an thổi còi, phạt tiền, giữ xe, mặc dù các cậu ấm chẳng thèm coi cái việc ấy ra gì. Nhưng trên "đường đời", các bác, các chú "lạng, lách" chẳng thấy ai phạt (ấy, có khi còn hoan nghênh). Họ đua nhau đút lót, mặc dù họ cũng đã cùng với "chiến hữu" ăn bẫm. Tiền của nhà nước do đó vơi đi trên công trình, để đầy vào túi áo các "vị". Do đó, cho nên, hội trường mới xây xong, ngồi thử đã đổ rầm, hú vía! Cầu chưa bắc đủ qua sông cầu đã ngủ gật, bắc qua rồi mới hai, ba tuổi thơ đã gãy xương sống.

Câu chuyện nghe như mới đây sao? Không phải. Đã xảy ra từ năm 1960 nghĩa là cách đây gần nửa thế kỷ rồi.

Số là, đầu năm 1960, nghe tin một cơ quan nhà nước xây dựng một phòng họp mới, tốn phí quá nhiều tiền (trong khi bộ đội cần súng đạn, dân còn thiếu áo, thiếu cơm, trẻ em chưa có sách vở...) vì nhiều khoản tiền chìm nổi, bên nọ, bên kia, Bác Hồ tỏ ý không hài lòng, Bác đã mời cán bộ phụ trách đến nhắc nhở, phê bình. Sau đó, Bác công khai viết một bài báo có nhan đề *"Chung quanh một phòng họp mới"*, gửi báo *Nhân dân* số ra ngày 25 tháng 02 năm 1960, Bác viết:

"Cần nhắc nhở những người có trách nhiệm phải rất thận trọng trong tính toán thiết kế, thi công, để sản phẩm có chi phí hợp lý và tiết kiệm nhất". Bác dặn: "*Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiết kiệm là một chính sách lớn, một đạo đức lớn. Kẻ thù của nó là tham ô, lãng phí, bệnh phô trương hình thức và lối làm ăn thiếu trách nhiệm*".

Bác kêu gọi: "Vì lợi ích của chủ nghĩa xã hội, chúng ta hãy ra sức đánh bại những kẻ thù nguy hiểm ấy".

Xin đề nghị, in chữ to trên giấy lớn, dán lên bức tường của các vị văn phòng, thủ trưởng, mọi "nhà" thi công, thiết kế, xây dựng, đấu thầu những lời dạy trên của Bác.

"HÃY TẨY CHAY VỀ MẶT ĐẠO ĐỨC"

Ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh có nhiều khu nhà cao tầng cũ, mới được mang tên là khu tập thể, chung cư, cư xá. Trong khu dân cư này có rất nhiều quan, quan to là đằng khác, nhưng cư dân không gọi là "khu quan" hay "quan khu".

Thế mà ở thị xã Hưng Yên (chắc gì chỉ có ở thị xã này) có một dãy phố không mang tên ông trưởng phố - ví dụ phố Ông Cù - mà lại có tên rất lịch sử "phố Trần Dư" (nhại tên Trần Khánh Dư chăng?), nói lái ra là phố "trừ dân" (vì toàn quan). Nhân dân thẳng ruột ngựa chẳng "lái lối" gì, nói toạc ra là "toàn quan" thôi. Có kẻ "ác độc" (hay đã nắm được "vấn đề"?) lại đặt một tên khác: phố Ka Xê, âm là thế mà chữ "K.C". Phố "kháng chiến", phố "cát-xét", phố anh bộ đội đi K đi C chăng? Tùy khách vãng lai. Nhà báo - "tình báo" thăm dò, hỏi han thì mấy bà hàng nước mất chỗ ngồi trong phố đó, nói

cũng không đến nỗi bé lắm: "Kháng chiến gì, "kẻ cắp" đấy?". Nghe mà giật mình!

Chưa biết thực hư, đúng sai thế nào, cứ là tránh xa đi, không vãng lai đến đó, để cho nó an toàn...

Lại nghĩ, hay là dân "phẫn nộ" vấn đề tham ô lãng phí, ăn lãng phí, chơi lãng phí, đầu tư lãng phí, xây dựng lãng phí, tổng kết lãng phí, "công trình khoa học" lãng phí?

Bèn tâm sự với một nhà L.C - tức là Liêm Chính, một ông C.K - tức là Cần Kiệm để trình bày "thắc mắc".

Ông Cần Kiệm mở một cuốn sách, chỉ vào một trang báo: *Báo Nhân dân* số 2155 ra ngày 11 tháng 02 năm 1960 khiếp! Nguồn chính xác quá! Có bài của Bác Hồ như sau:

Phải gây được một không khí công chúng công phẫn và tẩy chay về mặt đạo đức đối với những kẻ "khôn ngoan nhất đời".

Bác còn dẫn ý kiến một nhà lãnh đạo nước ngoài (tôi nghĩ bụng: ông Lênin chăng?) rằng "những kẻ khôn ngoan nhất đời" ấy là những con lợn sục vào vườn rau của nhà nước và ngoạm lấy ngoạm để một cách trơ trẽn.

Tôi giật mình, cảm ơn đồng chí Cần Kiệm đã cho một bài học quý, cảnh giác. May quá, mình chưa "phải", chưa được vào vườn rau của nhà nước, nói văn nghệ như ông nhà nhạc là "chùm khế ngọt"... để "sục và ngoạm".

LẬP TRƯỜNG VỮNG CHẮC VÀ CỐ CHẤP

Lập" tiếng Hán có nhiều nghĩa. Là "đứng thẳng" như "lập nghiêm", là "đặt" như "thành lập", là "tức thì" như "lập

tức"... Lập trường là cái vị trí, cái chỗ, thái độ, địa vị mình đứng thẳng, không nghiêng ngả, "sừng sững mà đứng giữa trời, ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng dời".

Trong hai khái niệm "lập trường vững chắc" và "tư tưởng cố chấp", hai điều đó khác nhau. Xin hãy nghe Hồ Chủ tịch giải thích:

Thế nào là "lập trường vững chắc?"

Tức là đứng hẳn về lập trường giai cấp công nhân. Không có chút tự tư tự lợi làm mờ tối tư tưởng và hiểu biết của mình. Lý luận phải chăng đều do công tác thực tế thử thách? Việc đúng là đúng, chứ không phải cứ tự mình cho là đúng... Người khác đúng thì mình thật thà hoan nghênh và sẵn sàng học tập. Người khác sai thì mình chịu khó lắng nghe, bền lòng giải thích."

Theo Bác, người "tưởng chỉ có ý kiến mình là đúng", ý kiến của người khác là "sai", khi bàn bạc việc gì dù sai hay đúng, cũng cứ khư khư giữ lấy ý kiến của mình, tưởng như thế là "lập trường chắc chắn", "có tính nguyên tắc"... Bác kết luận: "thế là cố chấp". Ai có tư tưởng cố chấp, chắc chắn là người chủ quan. Chỉ nghe, chỉ hiểu một chút, hoặc chỉ có chút kinh nghiệm, rồi cứ lắp nguyên văn vào tất cả mọi việc một cách máy móc, kết quả là đầu óc cứng đờ không biết biến hóa, trái ngược với thái độ của giai cấp công nhân, trái hẳn với khoa học cách mạng".

Bài viết này của Bác, ký C.B đăng trên báo *Nhân dân*, ngày 15 tháng 02 năm 1954. Ngày nay, còn không ít người chủ quan

nghe, hiểu, biết một chút, biệt lập, cách ly với khoa học cách mạng, không chịu tìm hiểu thông tin, không biết đổi mới, vẫn "cứng đờ", "bảo thủ", không biết "biến hóa" mà vẫn tự đề cao mình "vững chắc lập trường... cũ"!

Thực ra, như lời Bác dạy: Thế là cố chấp. Cố chấp là không có vững "lập trường" đâu!

HAI CHỮ "ĐỒNG BÀO"

Về "lịch sử" hai chữ đồng bào, có nhà nghiên cứu cho rằng đã xuất hiện trong Nguyễn Tất Thành từ năm 1918 trong khi cùng đấu tranh chống thuế với nhân dân miền Trung. Hai chữ ấy đã "đi theo" Tất Thành, Văn Ba, Nguyễn Ái Quốc, Thầu Chín, Hồ Chí Minh... Đó là "đồng bào trong nước, đồng bào người Việt ở Pháp, đồng bào Hoa kiều...".

Năm 1930, tháng 3, theo cụ Tài Ngôn, ở nhà số 5 phố Hòa Mã, Hà Nội kể lại với con cháu rằng, sau khi đi Trung Quốc, Thầu Chín trở về Xiêm. Đến một công trường dạy tiếng Việt cho con em Việt kiều, cụ Tài Ngôn giới thiệu với Thầu Chín một câu đối:

"Cha ông đâu, sông núi ở đâu? Đất lạ tháng ngày trơ mặt bạc. Anh em hỡi, đồng bào ta hỡi! Thù chung non nước tạc lòng son".

Cụ Tài Ngôn kể: "Mình "hạ" câu "tháng ngày trơ mặt bạc" là tỏ ý chê bai những người giàu có, là Việt Kiều, mà khi quyên góp cho Tổ quốc cũng chẳng đóng góp được bao nhiêu. Còn chữ "lòng son" là ngầm ý nói về những người cách mạng, người cộng sản".

Ngừng một lát, cụ Tài nói:

- Cái ông Thầu Chín này tinh lắm. Ông ấy bảo tôi: Chắc anh lại đả kích ông X. chứ gì. Người ta chưa giác ngộ một phần cũng do ta chứ. Đã là đồng bào, đã mất nước thì ai cũng thẹn mặt cả. Nên đổi là "Đất lạ tháng ngày thẹn mặt cả". Nên đổi là "Đất lạ tháng ngày thẹn mặt". Câu sau cũng nên đổi là "Thù chung non nước ghi lòng". Đã là người Việt Nam, cũng là con Lạc cháu Hồng, là đồng bào, cùng chung máu mủ, ai cũng có thù chung mất nước chứ riêng gì người cách mạng lòng son, dạ sắt.

Kể xong, cụ Tài Ngôn cười to:

- Cái ông Thầu Chín ấy mà! Khiếp lắm...

DỐT THÌ DẠI, DẠI THÌ HÈN

Hồ Chủ tịch có lần nói: "quan tham vì dân dại". Chữ "dại" ở đây hiểu theo nghĩa của nhiều địa phương còn là bé nhỏ "ít hiểu biết" như "mẹ già, con dại" chứ không chỉ là "dại khờ". Tại sao ít hiểu biết, lại dại? Theo Bác: "dốt thì dại".

Không có kiến thức thì làm sao khôn được. Làm việc gì cũng không được, ai cũng có thể sai khiến, lừa gạt. Người "dại" bị đàn áp, bị "đè đầu bóp cổ", bị khinh rẻ. Bản thân người dại thì sợ hãi, không dám nói, không dám cãi, ai bảo gì cũng nghe, không dám làm một việc gì ra việc. Như vậy, tất nhiên phải "hèn" rồi. Vì vậy, Bác nói thêm: "dại thì hèn".

Dân trong xóm, ngoài làng không muốn để ai lừa bịp, khoác lác, trù úm thì phải biết luật pháp, quán triệt chủ trương,

đường lối của Chính phủ, nắm vững chỉ thị thông tư về đất đai, về điện nước, về thuế má để ngăn chặn các "quan tham", để không ai "úm", "bịp" được mình.

Dân trong một nước muốn giàu mạnh, công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải không thể dại, không thể hèn. Dân tộc ta chẳng kém ai - có khi lại còn hơn - về trí thông minh, thông minh trong lao động, giữ nước, dựng nước, ngoại giao… Đất nước Vua Hùng này cũng đã sản sinh ra bao nhiêu vĩ nhân, danh nhân, thánh văn, thánh võ. Nhưng tất cả các lâu đài đẹp đẽ ấy không phải tự dưng mà có. Đấy là mồ hôi, công sức, là xương máu làm nên. Và điểm xuất phát là ở chỗ phải học. Học thầy, học bạn, học trong gia đình, học ngoài xã hội, học tấm gương xưa, mẫu mực ngày nay, học lý luận, học thực hành, học thực tiễn, học cả người chống đối ta, kẻ thù ta, học Đông, Tây, Nam, Bắc. Ngu dốt mới có bờ còn sự học thì không có bến, có chăng chỉ là bến tạm, bờ chờ... Muốn vậy phải "cần" siêng năng, chịu khó, phải có ý chí... Trước hết, cái học phải đem lại "hạnh phúc" cho mỗi người. Hạnh phúc của sự hiểu biết, khám phá. Hạnh phúc là vì *"một bụng chữ, một hũ vàng"*.

Thiên niên kỷ mới là thiên niên kỷ của trí tuệ, công nghệ, hòa hợp. Con tàu đi đến giàu mạnh không dành cho những ai dốt nát, dại hèn. Lười biếng, ngu đần sẽ bị đoàn tàu bỏ rơi, bỏ lại trên nghèo đói. Đừng oán trách trời, phật và chúa.

Những chủ nhân trong tương lai - các bạn thanh thiếu niên. Các bạn có cam chịu dốt, dại, hèn chăng?

"CÁC CHÚ BẢO VỆ NÓI DỐI"

Đầu năm 1969, Bác "đột kích" đi kiểm tra kế hoạch trồng cây của các tỉnh Vĩnh Phúc, Sơn Tây... Cùng đi với Bác có cả một đồng chí tỉnh ủy Nghệ An.

Bí thư tỉnh ủy Sơn Tây Bạch Thanh Phong, trinh sát thăm dò cán bộ Văn phòng Phủ Chủ tịch:

- Này các cậu, hôm nay Bác đi đâu?

Không ai trả lời. Xe đi được một đoạn, Tổng cục trưởng Lâm nghiệp Nguyễn Văn Tạo mới cho biết.

- Hôm nay Bác đi xem Sơn Tây trồng cây gây rừng thế nào?

Ông Bí thư hoảng vía:

- Chết rồi! Sơn Tây có trồng gì đâu.

Gần tới thị xã Sơn Tây, Bác cho dừng xe, nói:

- Trồng cây, Nghệ An bét nhất, Sơn Tây bét nhì.

Khi cả đoàn nghỉ ăn trưa trên đồi, có một tốp các cháu thiếu nhi kéo đến xem chỉ chỉ trỏ trỏ: Bác Hồ! Chúng mày ơi - rồi chạy ào tới. Mấy đồng chí bảo vệ giơ tay ngăn lại:

- Đoàn chuyên gia đấy. Các cháu về đi.

Nhưng Bác đã đứng dậy vừa đi vừa gọi các cháu:

- Các chú bảo vệ nói dối các cháu đấy. Các cháu có đi học không?

- Thưa Bác, có ạ.

- Các cháu có chăm học không?

- Thưa Bác, có ạ.

Rồi Bác lấy kẹo chia cho các cháu và dặn.

- Các cháu phải chăm học, vâng lời bố mẹ, thầy cô giáo nhé...

- Vâng ạ, vâng ạ.

Đám trẻ nhảy chân sáo ào ào chạy đi. Bác nhìn đồng chí bảo vệ, bây giờ đã "tảng lờ" đi chỗ khác.

(Theo Nguyễn Văn Tạo)

"TÔI VẪN LÀ NGƯỜI VIỆT NAM"

Trong lần đến chúc thầy Hiệu trưởng Trường Lục quân Trần Quốc Tuấn khóa V của chúng tôi lên đại thọ 80 tuổi, anh Hoàng Điền (tác giả sách *"Những ngày sống gần Bác"*) không kể về mình mà lại nói nhiều về Bác. Anh cho biết:

- Năm bọn này đang học ở Quế Lâm có vào thăm Bác ở Cục Chính trị đệ tứ chiến khu. Có lẽ thấy ai đó trong số học sinh quân này làm ra vẻ "Trung Quốc" quá nên Bác kể chuyện rằng: Thời gian ở Mátxcơva, Bác ở chung phòng với một đồng chí Ấn Độ. Năm ấy, mùa đông Nga ghê gớm quá, đến sớm và kéo dài mãi. Đồng chí Ấn Độ này theo tôn giáo của mình không ăn thịt, không ăn bơ và sữa bò, nên ốm yếu luôn, ho luôn. Lo lắng đến sức khỏe của đồng chí Ấn Độ, Bác mới nói với đồng chí ấy rằng ở đây lạnh lắm, cơ thể phải có chất mỡ mới chống lại được giá lạnh, mới có đủ sức khỏe để hoạt động lâu dài cho cách mạng. Đồng chí Ấn Độ lắc đầu nói:

"Tôi theo Ấn Độ giáo, luật của Ấn Độ giáo không được đụng đến các thực phẩm thịt bò". Bác lại nói "Nhưng mà đồng chí đã là người cộng sản". Đồng chí Ấn Độ trả lời dứt khoát: "Là người cộng sản nhưng tôi vẫn là người Ấn Độ. Vì vậy tôi phải giữ mình làm gương để khỏi thẹn với lương tâm. Trở về nước, gặp gỡ bạn bè, nhân dân, đồng chí Ấn Độ, tôi không nói dối họ trong công tác tuyên truyền để họ cùng làm cách mạng với tôi".

Anh Hoàng Điền kể xong, lại hỏi chúng tôi:

- Các cậu có biết ta có câu "Nói Sơn Tây chết cây Hà Nội" không? Phải hiểu rằng đầu đề của câu chuyện Ấn Độ này là "Tôi vẫn là người Việt Nam" - và anh lại gặng hỏi lần nữa như năm nào ở Trường Lục quân Lại Lò, Hà Cháy, Thanh Chương, Nghệ An - Hiểu chưa các đồng chí?

CÓ "BA KHÔNG" LÀM GÌ CŨNG ĐƯỢC

Năm 1945, cuối tháng 5, Bác chỉ thị cho các đồng chí Lê Thiết Hùng, Hoàng Minh Thảo và một số đồng chí nữa, đi Nam tiến. Đồng chí Hoàng đến lán Nà Lừa chào Bác và xin Bác cho ý kiến về hướng hoạt động, băn khoăn trước công việc mới và khó khăn. Bác ân cần nói với đồng chí cán bộ trẻ rằng:

- Chú đi kỳ này là hoạt động chính trị, hoạt động tuyên truyền giải phóng quân, chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa. Mọi kế hoạch đã có liên tỉnh ủy chỉ đạo cụ thể. Bác chỉ nhắc chú cần phải ghi nhớ ba điều không -*"không tham tiền, không tham sắc, không tham địa vị"* thì làm việc gì cũng được.

Nói xong Bác đổ một ít mật ong vào bát cháo ngô đưa cho đồng chí Hoàng:

- Chú đi công tác một mình, mong chú cố gắng. Hẹn gặp chú ngày cách mạng thắng lợi. Hôm nay, Bác có bát cháo tiễn chú lên đường, đừng quên "ba không" Bác dặn.

CÂU CHÚC NĂM MỚI CỦA BÁC HỒ

Báo *Việt Nam độc lập* do Bác Hồ sáng lập, viết nhiều bài, ký nhiều bút danh, hoặc không ký tên có khi còn kiêm nhà in, nhà phát hành. Số đầu ra ngày 01 tháng 8 năm 1941, số cuối cùng còn được in ở Cao Bằng tháng 01 năm 1946. Trừ thời gian Bác đi công tác ở nước ngoài, bị giam giữ ở Quảng Tây và có thể ngay cả khi đi vắng, Bác vẫn có để lại bài cho báo đăng dần. Có thể nói tờ *Việt Nam độc lập* in đậm dấu ấn cách viết, cách tuyên truyền, kêu gọi đoàn kết, cách hướng dẫn làm công tác cách mạng từ khai hội, mít tinh, chào cờ... đến canh gác, biểu tình, giữ bí mật mà Bác để lại cho chúng ta. Cũng trên tờ báo này ta thấy rõ những chủ trương, quan điểm của Bác Hồ. Và cũng trên trang báo, nhiều công việc đầu tiên của một nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã xuất hiện, ví dụ như thơ chúc tết của Bác. Bài thơ chúc tết "lão thành", "cội nguồn" của các bài thơ xuân sau này của Bác, đăng vào số 114 *Việt Nam độc lập*, tết năm 1943 (Quý Mùi).

Bài thơ của Bác chúc xuân mới như sau:

"Tháng ngày thấm thoát chóng như thoi,

Năm cũ qua rồi chúc năm mới,

Chúc phe xâm lược sẽ diệt vong!

Chúc phe dân chủ sẽ thắng lợi!

Chúc đồng bào ta đoàn kết mau!

Chúc Việt Minh ta càng tiến tới!

Chúc toàn quốc ta trong năm này

Cờ đỏ ngôi sao bay phấp phới!

Năm nay là năm rất vẻ vang

Cách mệnh thành công khắp thế giới."

Trên số báo này còn có hai câu thơ, như hai câu đối.

"Năm mới quyết làm cho nước mới

Non sông Hồng Lạc gấm thêm hoa"

Câu này chắc hẳn cũng là của Bác. Nếu đúng như vậy ta có thể thấy ý rõ ràng của Bác muốn năm mới đến phải làm sao cho nước mới thêm (đừng như cũ, quá cũ kỹ... Mà "mới" theo Bác là "cách mạng", là đổi cái xấu ra cái tốt, đổi cái cũ không hợp thời, hợp thế, hợp quy luật sang cái mới.

Đổi mới để làm gì? Đâu phải để "vinh thân, phì gia", để đục khoét, để hưởng lạc cho cá nhân, để hưởng thụ. Mà theo Bác "quyết làm cho nước mới" là để cho mọi con Lạc, cháu Hồng có cơm ăn, rồi ăn ngon, có áo mặc, rồi áo mặc đẹp hơn, có chữ, nhiều chữ mới hơn, có ánh sáng văn minh nhiều đường mới, cầu mới, điện mới, trường học mới, bệnh viện mới.

Bao nhiêu năm nay, đã trên nửa thế kỷ, câu thơ - câu đối tết ấy của Bác Hồ tiên tri, nhắc nhở ta, căn dặn ta, yêu cầu ta, mong mỏi ta, hàng năm mỗi độ đón xuân về phải nghĩ được rằng:

"Năm mới quyết làm cho nước mới

Non sông Hồng Lạc gấm thêm hoa"

Có lẽ các cơ quan văn hóa, các nhà in lịch tết, các nhà xuất bản nên có một bộ câu đối tết này của Bác Hồ mà hai câu thơ - câu đối trên đây mỗi năm khi tết đến cũng nên dán tại mọi nhà, nhất là tại nhà những người có trách nhiệm với nước, với non sông Hồng Lạc.

BÁC VIẾT VỀ PHỤ NỮ TRÊN TỜ BÁO "VIỆT NAM ĐỘC LẬP"

Việt Nam độc lập là tờ báo do Bác Hồ sáng lập, in và phát hành tại Cao Bằng, sau đó tại khu giải phóng và các địa phương khác. Trên các trang báo *Việt Nam độc lập*, có rất nhiều bài viết về phụ nữ, nói lên tình cảnh khốn khổ của chị em các dân tộc dưới ách của Pháp - Nhật, tuyên truyền cổ vũ chị em vào hội Việt Minh, tham gia tự vệ, du kích, đi xung phong...

Số thứ 4 (104) ra ngày 01 tháng 9 năm 1941 đăng trong mục *Vườn văn* bài đầu tiên về phụ nữ như sau:

"Việt Nam phụ nữ đời đời

Nhiều người vì nước vì nòi hy sinh

Ngàn thu rạng tiếng Bà Trưng

Ra tay cứu quốc, cứu dân đến cùng

Bà Triệu Ẩu thật anh hùng

Cưỡi voi đánh giặc vẫy vùng bốn phương

Mấy năm cách mệnh khẩn trương

Chị em phụ nữ thường thường tham gia

Mấy phen tranh đấu xông pha

Lòng vàng gan sắt nào đà kém ai

Kìa như chị Nguyễn Minh Khai

Bị làm án tử đến hai ba lần

Bây giờ cơ hội đã gần

Đánh Tây, đánh Nhật cứu dân nước nhà

Chị em cả trẻ cả già

Cùng nhau đoàn kết đặng mà đấu tranh

Đua nhau vào hội Việt Minh

Trước giúp nước, sau giúp mình mới nên

Làm cho thiên hạ biết tên

Làm cho rõ mặt cháu Tiên con Rồng."

Tác giả bài thơ ký tên Kim Oanh, một bút danh chắc chắn là của Bác Hồ.

Kèm theo bài văn vần này là một minh họa vẽ hai phụ nữ sóng bước cầm lá cờ có ngôi sao năm cánh, "Phụ nữ cứu quốc hội".

Nhân dịp tết, số 118 (số ra ngày 11 tháng 02 năm 1943), báo đăng bài thơ của chị X.L, phụ nữ cứu quốc làng A, gửi các chiến sĩ "vì Tổ quốc mà ăn ngô nằm núi, biết làm gì mà tỏ lòng thương ái", nên tặng "một cặp bánh chưng, hai đôi giày vải, biếu anh em ăn Tết gọi là".

Bài *"Thơ chị Xuân Đào gửi cho chồng đi lính"* đăng trên số 121 (ngày 03 tháng 3 năm 1947) cũng cho phép chúng ta suy nghĩ rằng đây cũng là lời của Bác Hồ "mượn danh chị Xuân Đào". Tiếp sau đó có những bài *"Vợ bỏ đi phu"*, *"Nhà anh tôi"*, *"Chồng nhắn vợ"*, *"Vợ nhắn chồng"*, *"Văn điếu mẹ vợ"*... cũng nhằm mục đích giải thích rõ việc làm của chị em phụ nữ trong hội Việt Minh và trách nhiệm giáo dục vận động chị em ở các thành phần xã hội khác.

Ngoài những bài chính, báo *Việt Nam độc lập* còn đưa những tin "chị X, bà Đ ủng hộ 1 con gà, 8 ống gạo nếp, 1 đôi giầy vải... Phụ nữ làng C tổng B ủng hộ tám hào…" hoặc biểu dương bà cụ TR.L ở tổng B xã Y tuy gần đến 60 tuổi mà vẫn rất hăng hái, tuyên truyền cổ động cho đoàn thể. Thật là "tuổi già phơ phất mái sương, mà lòng yêu nước chẳng nhường cho ai".

Trên số 200 ra ngày 25 tháng 12 năm 1944, báo *Việt Nam độc lập* báo tin "Đón xem sách mới". Cán bộ phụ nữ nào chưa xem cuốn *"Ta-ny-a, một nữ anh hùng Liên Xô"*, cán bộ vũ trang nào chưa xem cuốn *"Cuộc chiến đấu oanh tạc của một du kích người Cáp-ca-dơ"* thì mau mau hỏi ban Khu một bản để chép lại mà xem.

Theo dõi từ khi Bác Hồ ra báo *Le Paria* (*Người cùng khổ*) ở Paris (Pháp) đến báo *Thanh niên* năm 1925 - 1926 (Quảng Châu), báo *Thân ái* năm 1928 (Xiêm) đến *Việt Nam độc lập*, người đọc nhận ra ngay công việc có tầm chiến lược của công tác vận động phụ nữ, một cuộc vận động mà Bác đã gọi là "một cuộc cách mạng rất to", "không có phụ nữ tham gia cách mạng, cách mạng không thể thành công". Và cũng trên các tờ báo ấy, ta thấy lối viết riêng của Bác về đề tài phụ nữ. Kêu

gọi tinh thần tự hào dân tộc, noi gương Bà Trưng, Bà Triệu, tự mình giải phóng, chẳng chịu thua kém phụ nữ nước ngoài, vào hội Việt Minh, cứu nước, cứu nhà...

Những bài báo mà báo *Việt Nam độc lập* viết về phụ nữ (trong đó có khả năng nhiều bài do Bác viết) là một tài liệu rất quý cho phụ nữ ta, cho các nhà nghiên cứu, biên soạn lịch sử.

TỐT VÀ XẤU

Con người là sản phẩm của thiên nhiên, của vũ trụ, của đất, trời mấy triệu năm nay vẫn chưa hoàn thiện, cả hình thể và tâm hồn.

"Bàn tay có ngón ngắn, ngón dài" - đó là câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Câu nói đó không phải là một thang thuốc "cải tử hoàn sinh" cho ai đó đã đứng trước vành móng ngựa còn ngoan cố, lừa dối, xin xỏ quan tòa và dư luận. Câu đó ý chính cho ta biết, cho ta phải có một thái độ, một ứng xử như thế nào với tốt và xấu.

Sinh thời, Bác đã có lần nói: "*Một đoàn thể mạnh thì cái tốt càng phát triển, cái dở ngày càng bớt đi. Một điều tốt phải đưa ra cho tất cả mọi người, cùng học. Một điều xấu phải đưa cho tất cả mọi người cùng biết để tránh".*

Mác-xim Goóc-ki, văn hào nước Nga chủ trương: "Giữa xấu và tốt, tôi thiên nhiều về cái tốt. Nhưng nếu chỉ khen tốt mãi mà không nêu được cái xấu ra thì chẳng khác gì cho (người có cái tốt) uống thuốc độc".

Cái tốt không phải ngày một ngày hai là có được. Điều xấu cũng chẳng thể sớm chiều có thể bỏ. Bác cũng dạy rằng:

"Xóa điều xấu, làm điều tốt không thể gấp gáp được. Vì nếu có nấu cơm cũng phải mất 15 phút mới chín, huống chi là sửa chữa cả một nước đã gần tám mươi năm nô lệ, người tốt có, người xấu có, mỗi đám ruộng có lúa lại có cỏ, muốn nhổ cỏ thì vài ba giờ mới xong". Đó là câu mà Bác nói với đồng bào Thanh Hóa ngày 20 tháng 02 năm 1947.

Bác nói: "Có người làm quan cách mạng chợ đỏ, chợ đen, khinh dân, mưu vinh thân, phì gia… Chính phủ Cộng hòa dân chủ là gì, là đầy tớ chung của dân. Làm việc ngày nay không phải để thăng quan phát tài…"

Bác cho rằng: "Cái gì cũ mà xấu thì phải bỏ… Cái gì cũ mà tốt thì phải phát triển thêm".

Nếu giống mạ tốt, cày bừa kỹ, chăm sóc thường xuyên, để không có ốc bươu vàng, không có nhiều cỏ thì đỡ công làm cỏ.

Nếu giống lúa xấu, lười biếng chẳng bảo ban nhau, có mọc ra rồi vẫn còn giấu giếm để cỏ lấn hết ruộng, công sức làm sạch cho ruộng, làm cây lúa tốt tươi lên hẳn là phải trả giá không thể rẻ được.

Hơn năm mươi năm qua, ý kiến của Bác về tốt - xấu với cán bộ, đảng viên, cơ quan, đoàn thể đến nay vẫn đầy đủ tính thời sự cấp bách.

"NHÂN DÂN ĂN THẾ NÀO, BÁC CŨNG ĂN NHƯ THẾ!"

Những ai đã trải qua kháng chiến chống Mỹ ở Hà Nội, đều biết "cơm độn". Độn mỳ sợi là sang nhất. Độn ngô cám,

độn mỳ bột, độn bo bo - cái "anh" này quá lắm, giã, ngâm, luộc trước rồi nhưng vẫn khó tiêu.

Biết nhân dân, cán bộ bắt đầu phải ăn độn, Bác bảo:

- Các chú thổi cơm độn cho Bác. Nhân dân, cán bộ ta ăn độn bao nhiêu phần trăm, độn cho Bác từng ấy, giống như cán bộ với dân.

Năm ấy Bác đã 75 tuổi rồi, anh em nhìn thấy Bác ăn độn mà xót quá, nước mắt cứ chực chảy. Mấy ngày sau, mới thưa với Bác là có quy định cụ già trên bảy mươi tuổi không phải ăn độn, xin Bác đừng ăn độn nữa.

Bác lại nói:

- Không! Bác cũng nhiều tuổi, nhưng Bác còn khỏe. Thế thì Bác theo cán bộ. Cán bộ thế nào thì Bác thế ấy. Cứ thổi tiếp đi cho Bác ăn.

Anh em xay ngô cho thật nhỏ, độn "gọi là". Nhưng Bác biết, bảo:

- Năm mươi phần trăm kia mà.

Lại nghĩ cách lấy bột mỳ làm bánh. Bác chỉ ăn một bát cơm còn lại ăn một cái bánh mỳ, không bao giờ ăn toàn cơm. Đi công tác cũng nắm cơm độn hoặc mang toàn bánh mỳ theo. Chỉ có bát canh nóng là cho vào phích mà thôi.

TẾT NĂM KỶ SỬU 1949 ẤY

Ngày 18 tháng 01 năm 1949, tức là ngày 20 tháng chạp năm Mậu Tý, Hồ Chủ tịch dự lễ bế mạc và nói chuyện với thành viên Hội nghị cán bộ Đảng lần thứ 6. Tại hội nghị

này, các đại biểu đã nghe và thảo luận báo cáo của đồng chí Trường Chinh - Tổng Bí thư Đảng và các báo cáo chuyên đề về quân sự, chính quyền, mặt trận, công tác Đảng. Hội nghị đã thông qua nhiều nghị quyết về các mặt công tác, trong đó công việc chuẩn bị cho Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 2, dự kiến sẽ họp vào 2 năm sau, đầu năm 1951. Tin tức chiến thắng ở Hòa Bình, khu Bảy, Vĩnh Long, Bến Tre, cuộc tiến công như chẻ tre của Giải phóng quân Trung Quốc làm cho các đại biểu vừa vui mừng, tin tưởng, vừa thấy thêm trách nhiệm nặng nề với dân với nước.

Trong buổi nói chuyện hôm ấy, Bác hoan nghênh "Hội nghị có đủ đại biểu Trung, Nam, Bắc về dự, đó là điểm tốt". Bác đề cập tới nhiều vấn đề nhưng đa số đại biểu có mặt hôm ấy, cho đến mấy chục năm sau vẫn ghi nhớ nhất hai điểm:

Bác nói: *"Đảng ví như cái máy phát điện, các công việc như những ngọn đèn, máy mạnh thì đèn sáng".* Từ đó đại biểu suy ra: "Đèn yếu, mờ là do máy (Đảng) không đủ mạnh. Công việc có khi không hoàn thành như đèn tắt vì máy không phát nữa! Do đó, phải củng cố máy phát điện, tức là củng cố Đảng".

Ý kiến thứ hai mà các đại biểu rất "sợ" khi nghe Bác nói: "*Trước mặt quần chúng không phải ta cứ viết lên trán hai chữ "cộng sản" mà ta được yêu mến… Muốn làm cách mạng phải cải cách tính nết mình trước tiên. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách đạo đức".*

Một số cán bộ làm kinh tế rất thấm thía câu Bác dạy: *"Làm ra nhiều, chi dùng ít. Không cần thì không chi dùng. Đó là tất cả chính sách kinh tế, tài chính của ta".*

Mấy ngày sau, đến thăm anh em ở Văn phòng Phủ Chủ tịch đúng lúc "quân ta" đang bàn "ăn tết".

Ngày 27 tết, vào thứ ba ngày 25 tháng 01 năm 1949, Hội đồng Chính phủ họp phiên cuối cùng trong năm con chuột, bắt đầu từ lúc một giờ chiều. Hồ Chủ tịch báo cáo tình hình thế giới và các biến chuyến lớn trong năm 1948. Tối, có lễ truy điệu đức cha Hồ Ngọc Cẩn - Cố vấn Chính phủ. Hôm sau, tiếp tục họp. Các Bộ trưởng lần lượt báo cáo công việc trong năm và đề ra những điểm lớn hoạt động trong năm tới. Tối hôm ấy có bữa tiệc nhỏ chào mừng các đại biểu Nam bộ, đồng thời cũng là bữa "ăn tết" của Hội đồng Chính phủ. Bác Hồ tham dự tiệc và lửa trại, nhiều trò vui lắm. Bác và các trại viên cười "chảy nước mắt". Chính trong đêm lửa trại này, bác sĩ Trần Duy Hưng "bày ra cái trò" công kênh Bác Hồ, giả như Bác đi máy bay ù… ù…

Giao thừa, 30 tết vào ngày 28 tháng 01, Bác đến thăm và chúc tết cán bộ, nhân viên Văn phòng Phủ Chủ tịch.

Đêm ấy, Bác ngủ tại lán của Văn phòng.

Sáng mồng một, Bác chúc tết anh em, nói chuyện tình hình trong nước và thế giới.

Chiều Bác trở về "nhà", đón các đồng chí Lê Văn Hiến, Trần Duy Hưng... đến chúc tết, đãi các vị khách một bữa cơm "thập cẩm". Tối đến, đốt lửa trại, anh em lại diễn kịch, hát các bài hát vui, bài hát kháng chiến.

Nhân dịp đón xuân mới, Bác "khai bút" viết thơ chúc tết:

"Kháng chiến lại thêm một năm mới,

Thi đua ái quốc thêm tiến tới

Động viên lực lượng và tinh thần
Kháng chiến càng thêm mau thắng lợi".
"Người người thi đua
Ngành ngành thi đua
Ngày ngày thi đua
Ta nhất định thắng
Địch nhất định thua".

Trong không khí đón tết vui vẻ ở chiến khu, Hồ Chủ tịch không quên đồng bào cả nước, nhất là đồng bào trong vùng bị tạm chiếm. Người gửi thư chúc tết và cảm thông sâu sắc trước cảnh các giới đồng bào "phải riêng chịu sự lạnh lùng, nhục nhã, cơ cực, tủi buồn dưới gót sắt lũ quỷ thực dân tàn bạo". Với các cháu nhi đồng cả nước, Bác Hồ khen các cháu "vừa qua có nhiều tiến bộ, nhiều cháu đã lập chiến công được thưởng huân chương, hàng ngàn cháu hăng hái giúp việc cho bộ đội và cơ quan... sốt sắng tham gia thi đua ái quốc, xứng đáng là dòng dõi Phù Đổng Thiên Vương, Trần Quốc Toản, xứng đáng là nhi đồng nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa. Bác thông cảm với các cháu "Tết này, có lẽ các cháu không có bánh chưng con, áo mới và pháo. Nhưng các cháu vẫn vui. Vui vì các cháu tiết kiệm bánh chưng con, áo đẹp để giúp các chiến sĩ".

Mồng 2 tết có tin quân Pháp đưa 10 máy bay Đacôta nhảy dù xuống Bắc Ninh, Bác được báo trong khi đồng chí cấp dưỡng mời Bác và Bộ trưởng Bộ Tài chính Lê Văn Hiến "nếm" thử phở do đồng chí sáng tác "có được" không?

Những ngày cuối năm ấy, Bác đã hoàn thành bài viết "*Đảng ta*" để "tặng các đồng chí cán bộ" (Bài này đã được đăng trên tập san *Sinh hoạt nội bộ* số 13 ra đầu năm 1949, Ban Chấp hành tỉnh bộ Hà Đông in thành sách vào năm 1950).

Trong bài, với tên ký là Trần Thắng Lợi, Hồ Chủ tịch viết: "Cuối năm 1920, đồng chí Nguyễn Ái Quốc trở lại Tàu, cùng với đại biểu các nhóm khai hội ở Hương Cảng... Sau cuộc bàn sôi nổi, và sau lời giải thích rõ ràng của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, mọi người đều tán thành thống nhất cả ba nhóm thành một đảng.

Thế là Đảng ta chân chính thành lập,

Đó là ngày lịch sử mồng 6 tháng 01 năm 1930"[1]

Phần cuối bài viết, Bác căn dặn: "Không có vinh dự nào to bằng cái vinh hạnh được làm đảng viên của Đảng Cộng sản. Vì vậy, bất kỳ ở hoàn cảnh nào, làm công việc gì chúng ta cũng phải kiên quyết làm cho xứng đáng với vinh hạnh đó…", "phải mạnh dạn và thành thật kiểm điểm mình, kiểm điểm đồng chí mình... cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư nữa".

Mồng 4 tết là thứ ba, ngày 01 tháng 02 năm 1949, Văn phòng báo cáo với Bác đề nghị Bác ký các sắc lệnh bổ nhiệm một số cán bộ cho Bộ Quốc phòng và Sắc lệnh số 02/SL thành lập Trường Cao đẳng kỹ thuật chuyên môn cho các ngành Công chính, Hỏa xa, Bưu điện, Khoáng chất, Kiến trúc, Địa chính...

Bác đặt tay trái lên trán một lát, rồi cầm bút ký...

---

[1] Nay, theo Nghị quyết của Đảng, đã lấy ngày 03/02/1930 làm ngày thành lập Đảng.

"ĐAU KHỔ LÀ MỘT TRƯỜNG HỌC CỦA SỰ TRƯỞNG THÀNH, ĐAU KHỔ CŨNG LÀ SỰ GIẢI PHÓNG"

Tháng 6 năm 1946, với tư cách là thượng khách của Chính phủ Pháp, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa Hồ Chí Minh đã đến Paris.

Nhiều câu hỏi được đặt ra trong dư luận thế giới và nhất là các nhà báo: Hồ Chí Minh là ai? Họ "bám" theo vị khách quý, phỏng vấn, chụp ảnh, tò mò, dự đoán, ca ngợi, chống đối...

Nhiều cuộc gặp gỡ với các nhà báo từ cực hữu đến cực tả đã được Hồ Chủ tịch dành thời gian tổ chức.

Ngày 02 tháng 6, Bác đến Calcutta gặp gỡ các nhà báo Ấn Độ và Anh. Sau đó, Bác còn đến thăm một tòa soạn báo. Trong thời gian ở Paris, Hồ Chủ tịch đã nhiều lần chủ động "họp báo" và sẵn sàng trả lời các nhà báo đến phỏng vấn.

Ngày 12 tháng 7 vào khoảng sáu giờ chiều, Hồ Chủ tịch đã "họp báo" lần thứ hai. Sau khi tuyên bố 6 điều về "Việt Nam đòi quyền độc lập, tán thành Liên bang Pháp quốc nhưng không chịu phụ thuộc Liên bang; Nam bộ là của Việt Nam...", Người đã vui vẻ, dí dỏm giải đáp mọi thắc mắc, mọi vấn đề của phóng viên báo đặt ra.

Một phóng viên báo đề nghị Chủ tịch Hồ Chí Minh cho biết ý nghĩa "cuộc gặp gỡ các sinh viên cách mạng Mađagatxca hôm 05 tháng 7 với nhóm Phe Hát và 3 người nữa".

Hồ Chủ tịch nói, đại ý:

- Từ hôm đến Paris, tôi đã gặp rất nhiều nhà báo từ tả đến hữu, gặp nhiều người có thiện chí và người chưa điều kiện hiểu chúng tôi nhưng lại không thấy ông đề cập tới mà lại quan tâm đến cuộc gặp này. Đây cũng là một cuộc gặp gỡ như mọi cuộc gặp gỡ khác.

Gần hai mươi lăm năm sau, sách *"Cuộc khởi nghĩa năm 1947"* của Jacques Trouche và Francois Maspéro in tại Paris năm 1970, đã nhắc lại sự kiện này. Sách viết: Tháng 7 năm 1946 tại Paris, Hồ Chí Minh đã nói với Giắc Rabemanangara rằng: *"Đau khổ là một trường học của sự trưởng thành. Tự do là điều quý giá nhất đối với một dân tộc. Việc khôi phục tự do cho một dân tộc là một việc khó khăn và muốn đạt tới kết quả đó cần phải biết trải qua một con đường kiên nhẫn và thử thách dài".*

Sự đau khổ! Cần biết mang lại cho nó cái giá trị chân chính của nó: Kêu gào là vô ích. Một dân tộc biết đau khổ trong im lặng là một dân tộc vĩ đại và dân tộc đó đáng kính bởi vì chính sự đau khổ cũng là sự giải phóng".

Lời nói của chiến sĩ cách mạng Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh - người mà những nhà yêu nước Mađagatxca đã từng quen biết, hợp tác đấu tranh, đến với họ giữa lúc nhân dân Mađagatxca tiến hành cuộc đấu tranh kéo dài mãi đến năm 1975.

Trình bày ý kiến này của mình với các bạn chiến đấu Mađagatxca, là Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh giới thiệu chính bản thân mình, kinh nghiệm bản thân và đau khổ của bản thân.

Những điều chúng ta biết được về sự đau khổ của Bác Hồ là hạn chế so với sự thật. Bác chưa cho chúng ta biết nhiều và

chúng ta cũng chỉ mới tìm hiểu được những nỗi đau khổ lớn - đau khổ lớn nhất của Bác là nước mất, là làm dân nô lệ... Đối với người hiểu biết, trí thức, nỗi đau khổ ấy lại tăng lên gấp bội phần. Những đau khổ khác là đói, rách, bệnh tật, tù đày, rét lạnh trong các nhà tù và cả giữa các thủ đô London, Pa-ri... Cũng có thêm nỗi buồn đau khi có các bạn đồng chí chưa hiểu mình, chưa đồng tình với một cái "đúng" trong một thời điểm "sai". Trong những đau khổ ấy, đau khổ về bản thân, của một người con trong gia đình lại bắt đầu từ kinh đô Huế - kinh đô của một người dân mất nước.

Năm 1901, 8 năm sau khi ông ngoại qua đời, cậu bé Nguyễn Sinh Cung 11 tuổi đã phải chịu tang mẹ. Bố và anh đi vắng, Cung đã chia sẻ mọi điều thiếu thốn với mẹ và em mới sinh. Đám tang mẹ vắng lạnh phải tránh những con đường cấm của kinh thành, tiếp đến là những ngày bế em xin sữa, xin cháo, xin ăn rồi lại mất em... Tất cả những cơ cực, đau khổ đó đã đè nặng trên đôi vai gầy yếu của cậu bé Cung. Những tưởng là Nguyễn Sinh Cung bị suy sụp tinh thần sau cái chết tiếp theo của bà ngoại, người đã dành cho anh tình yêu thương sâu sắc sau khi mẹ mất, nhưng Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành đã trụ được.

Đau khổ đó là trường học cho sự trưởng thành của Nguyễn Tất Thành. 7 năm sau (năm 1908) đau khổ đó đã góp cho "sự giải phóng" của anh: Nguyễn Tất Thành tham gia cuộc biểu tình chống thuế của nông dân Thừa Thiên.

Từ đau khổ rộng lớn là mất nước của một người dân đến đau khổ của bản thân, một người con trong gia đình, trải qua "trường học trưởng thành", qua đau khổ, Nguyễn Tất Thành

đã tự giải phóng mình để đi đến vận động, giác ngộ, lãnh đạo những người cùng đau khổ giải phóng đất nước, giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

"LÀM ÔNG GIÀ NGỒI CÂU CÁ TRÊN TẢNG ĐÁ LÀ VUI RỒI"

Khoảng tháng 4, tháng 5 năm 1946, trước khi đi Pháp, có hôm Bác đến ngôi nhà Liễu Trang (Nhà cây liễu) - nơi ở của gia đình ông Đặng Thai Mai, họp với các đồng chí Trung ương, tiếp khách, hoặc chỉ là nghỉ ngơi sau những ngày làm việc căng thẳng.

Khi đến Liễu Trang, bao giờ Bác cũng đi xuống bếp, bắt tay người làm cơm trước rồi mới lên phòng làm việc. Nhiều hôm đã một, hai giờ sáng mà đèn ở phòng Bác vẫn chưa tắt. Một lần ông Đặng Thai Mai cùng Bác đi xe ô tô qua phố Hàng Đẫy, bấy giờ còn nhiều ao, hồ nước. Trên bờ hồ các cháu thiếu nhi chạy nhảy. Các bà thì giặt giũ. Có cả các cụ già ngồi câu cá. Bác chỉ vào cảnh ấy, nói:

- Thật lòng, tôi chỉ mong sao sắp xếp việc nước được ổn thỏa rồi nghỉ, về câu cá như cụ già kia ngồi trên tảng đá là rất vui rồi.

(Theo Đặng Thai Mai)

TINH THẦN YÊU NƯỚC VÀ TINH THẦN QUỐC TẾ

Lịch sử nhiều nước trên thế giới không phải không gặp khúc quanh "yêu nước" thì mang tiếng "quốc gia", có tinh thần "quốc tế" lại được "khen" là "giai cấp chủ nghĩa".

Có người lại cho rằng hai khái niệm này nếu chưa phải là xung khắc như thủy với hỏa thì cũng như Đông với Tây. Nói thế cũng đúng. Nhưng về một mặt nào đó "đông" có trong "tây", "tây" nằm trong "đông", thậm chí đông tây vẫn bắt tay nhau chặt chẽ, như đông tây y kết hợp chữa bệnh cứu sống con người! Nước, có lúc lại tăng sức mạnh của lửa lên chưa biết chừng!

Trong cuốn *"Thường thức chính trị"* ký bút danh Đ.X, Hồ Chủ tịch viết vào năm 1953, Nhà xuất bản Sự thật in năm 1954, có đoạn như sau:

"Tinh thần yêu nước là kiên quyết giữ gìn quyền độc lập tự do và đất đai toàn vẹn của nước mình".

Thật là rõ ràng và những ai làm không đúng, làm trái lại những điều cơ bản trên đều là chưa hoặc không có tinh thần yêu nước theo chính kiến của Bác.

Về tinh thần quốc tế, Bác dạy "là đoàn kết với các nước bạn và nhân dân các nước khác để gìn giữ hòa bình thế giới, chống chính sách xâm lược và chính sách chiến tranh của đế quốc".

Kết hợp giữa tinh thần yêu nước và tinh thần quốc tế, Bác viết: *"Để gìn giữ quyền tự do, độc lập của Tổ quốc chúng ta phải kiên quyết kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn".*

"Đánh đuổi đế quốc Pháp - Mỹ không những là lợi ích riêng cho đất nước mà cũng là làm yếu thế lực để quốc góp phần vào gìn giữ hòa bình thế giới.

Mà gìn giữ hòa bình thế giới cũng là giữ gìn lợi ích của nước ta. Vì lợi ích của nhân dân lao động khắp thế giới là nhất

trí… Đó là lập trường quốc tế cách mạng. Tinh thần yêu nước và tinh thần quốc tế khăng khít với nhau".

Từ những lời dạy của Bác, ta có thể hiểu là "càng yêu nước bao nhiêu càng có tinh thần quốc tế". Tinh thần quốc tế cách mạng chân chính là phải kết hợp khăng khít với tinh thần yêu nước".

Những ai từng vỗ ngực là "tinh thần quốc tế cao" nhưng lại đi trái quyền lợi của Tổ quốc mình, "không kiên quyết giữ gìn quyền độc lập, tự do và đất đai toàn vẹn của nước mình" (lời Bác) thì làm sao có thể coi là có tinh thần yêu nước cách mạng được.

BÁC DẠY TRẺ

Anh Việt Phương có kể câu chuyện về một cháu bé con một đồng chí cán bộ Trung ương. Đồng chí ấy đưa con vào cơ quan, rồi vì công tác, buổi trưa chưa về kịp. Bác "mời" cháu đi ăn cơm với Bác (xin nhớ trong ngôn ngữ của Bác, không có chữ "*cho*", mà chỉ có "*tặng*", "*biếu*", "*mời*", "*chia*"…). Hôm ấy có cả bác Tô (Phạm Văn Đồng) cùng dùng bữa với hai bác cháu.

Ngồi vào mâm cơm, "công tử" sợ lắm, không biết "mở đầu" trận "chiến đấu" từ đâu đây? Có một bát canh thì chưa dám lấy. Còn đĩa thịt gà lại để gần phía bác Tô. Bác biết ý, gắp bỏ vào bát của cháu miếng thịt gà, suất của Bác. Sau đó, Bác Hồ gắp thêm thức ăn, chan canh… "Tiêu diệt" được hai bát, chú bé đặt bát nói "cháu ăn xong rồi ạ". Và ù té chạy, Bác gọi cháu quay lại:

- Này cháu, chưa xong đâu. Cháu vào đây. Thế này nhé. Hôm nay, bác Tô và Bác Hồ mời cháu ăn cơm. Cháu ăn xong, cháu phải cảm ơn rồi mới đi chứ. Không cảm ơn đã đi là không được đâu.

Cháu bé vòng tay, cúi đầu:

- Cháu cảm ơn Bác Hồ, cháu cảm ơn bác Tô ạ… ạ…

Xong, lại co cẳng chạy. Ra đến cửa, Bác Hồ lại gọi:

- Chưa, chưa xong đâu, cháu lại đây. Cháu còn nhỏ, bây giờ về nhà cũng chơi thôi. Cháu ăn và rửa bát của cháu cho sạch, đặt lên bàn. Chứ không được để cô chú hầu cháu đâu.

Cháu nhỏ mang bát đi rửa, rửa đi rửa lại, thật sạch sẽ rồi mang vào trả.

- Mời cháu ngồi xuống ăn "tráng miệng" với Bác, bác Tô có việc về rồi.

Bác Hồ cắt quả táo làm hai phần. Phần trên nhỏ phần dưới to. Như một cái nồi đồng có cái vung.

- Bây giờ hai bác cháu mình chia nhau. Mời cháu cái "vung" nhỏ, Bác ăn cái "nồi" to. Cháu có biết tại sao không? Bác thì lao động, buổi sáng làm việc, buổi chiều làm việc. Lao động như vậy là Bác phải ăn nhiều, nên ăn cái "nồi" to. Cháu thì chưa lao động, cháu ăn cái "vung" nhỏ thôi. Cháu nhớ khi về gia đình ăn cơm với bố mẹ, cháu phải biết chia phần to. Bố mẹ đi lao động cả ngày, bố mẹ phải ăn phần to. Cháu chia cho bố mẹ phần to, cháu ăn phần nhỏ thôi. Cháu đừng giành ăn phần to của bố mẹ nhé...

Một cựu chiến binh nghe chuyện xong, nói:

- Bác dạy cán bộ đấy! Còn cái anh làm ít ăn nhiều, ăn vụng, ăn trộm thì còn lâu, còn "tết", đất nước mới khá lên được...

"CHÚ LÀM CHỦ TỊCH, ĐỂ BÁC LÀM THỨ TRƯỞNG"

Tổng khởi nghĩa tháng Tám thành công ở Hà Nội, rồi Huế, Sài Gòn... Nhiều cán bộ từ vùng rừng núi "hạ sơn" vào thành phố, nhận nhà cửa được phân, được giao nhiệm vụ này nọ. Tư tưởng hưởng lạc cầu an ở một số đảng viên đã xuất hiện. Có người "bạo phổi" "đến thưa với Hồ Chủ tịch là bao năm bóng tối, gian khổ, nay cách mạng thành công nên cho cán bộ "thở" một chút. Với thái độ thông cảm, bao dung, Bác nhẹ nhàng giải thích, đại ý:

- Cách mạng chưa thành công hoàn toàn chú ạ. Mới chỉ là thắng lợi một bước quan trọng thôi, để chuyển sang giai đoạn mới cao hơn, phức tạp hơn. Giành được chính quyền đã quan trọng nhưng bảo vệ được chính quyền còn khó khăn hơn, xây dựng đất nước phồn vinh càng quan trọng, khó khăn gấp bội. Ta cần cố gắng hy sinh nhiều hơn.

Khi thành lập Chính phủ, với mục đích "tập hợp nhân tài", "đại đoàn kết", "Tổ quốc trên hết", Đảng và Bác Hồ đã chủ trương mời một số nhân sĩ, trí thức tham gia công việc nước. Đồng chí Vũ trước đây đã công tác lâu năm với Bác Hồ, ở bên cạnh Bác, được phân công giữ nhiệm vụ thứ trưởng một Bộ.

Thấy mình là dân "cách mạng gốc", bao năm hoạt động, so với mấy anh "tạch tạch xè" (câu nói chỉ tiểu tư sản), trí thức, quan lại cũ thì hẳn là ở trên rồi. Sau lại đi làm phó!

Được cái tốt là thẳng thắn, đồng chí Vũ đến ngay Bác "thuyết phục", "trình bày" một hồi lâu với Chủ tịch nước. Chủ tịch nước ngồi yên lặng, tôn trọng ý kiến người đối thoại, trầm ngâm. Tưởng "bở" đồng chí Vũ lại quá đà nói dài thêm nên có chỗ sơ hở. Biết ý, đồng chí Vũ dừng lời. Bác lại hỏi:

- Chú còn gì nữa không?

- Thưa còn, nay chỉ xin nói thế thôi ạ.

Chủ tịch nước thong thả trả lời:

- "Thế thôi" mà đã quá dài. Bác chỉ nói ngắn: Chú giỏi lắm, công trạng nhiều quá mà chỉ làm thứ trưởng. Vậy, Bác đổi chỗ cho chú. *Chú lên làm Chủ tịch để Bác làm thứ trưởng cho...*

Anh cán bộ họ Vũ vừa mới hăng hái bỗng im lặng. Lát sau đứng dậy anh nói:

- Thưa Bác, cháu về.

Bác nói với theo:

- Chú về…

MUA DANH, TRẢ GIÁ

Trong nhân dân ta thường bàn luận về những xe ô tô "xịn", "500 trâu". Đó là những "tự động xa" đẹp, chạy nhanh đến 180 kilômét - 200 kilômét/giờ, nóng thì có hơi lạnh, lạnh

thì có khí ấm, giảm âm, không mùi xăng, đệm ngồi êm ái, phanh "ngon" đi trong xe mà êm như lướt trên mây!

Thời mở cửa, loại xe này lững thững tiến vào nước ta, làm cho bao kẻ quan trọng, người sĩ hão mơ màng, mong ước…

Có một ông "tướng" nọ, mới thăng chức, cả nhà, cả họ, trừ dân làng - mừng lắm. Thấy người ta "khéo" mượn "đất" trên báo đăng bài (ai đó viết hộ) ký tên mình, cấp, chức mới, lại người khác "tốt nhờ" đài truyền hình đưa lên màn hình nhỏ (vì chẳng có chuyện gì nữa) ca ngợi mối tình già mấy chục năm suýt vài lần tan vỡ... bèn học theo nhưng làm theo mấy cách của mình cho nó "độc... đáo"!

Có một đơn vị đóng gần quê nhà, ông quyết định về "kiểm tra". Quần áo là thẳng nếp, giày đen nhoáng bóng cho cháu nhỏ thêm 500 là 2.500 đồng để đánh "cho kỹ", sẵn sàng rồi mà vẫn "án binh bất động". Anh lái xe láu lỉnh - cán bộ "chỉ đạo" (là đưa đường mà!) biết chủ trương đang chờ… Biết đích xác là "cụ" trên đã về, anh ta mới đề nghị:

- Ta mượn cái xe đen mà đi thủ trưởng ạ, an toàn mà "lịch sự"!

Được "sếp" đồng ý, cơ quan lo chạy vạy, mượn xe.

Thế là trên xe có "thủ trưởng ông, bà thủ trưởng", và " bộ sậu" bon bon xe ta lên đường!

Xe để lại đằng sau những con lộ bằng phẳng, đi vào những khúc cua tay áo, đá sỏi lạo xạo, gập ghềnh, lên dốc, lượn vòng...

Có thể anh cán bộ "chỉ đạo" chỉ quen ở thành phố, ít "ba cùng" với dân, nên lái xe về nông thôn là lúng túng. Có thể tuy là có bằng lái "đại xa" nhưng cũng ít khi lái được xe "500 trâu" nên chưa giàu có kinh nghiệm. Và cũng không loại trừ, mắt anh ít để tâm phía trước mà lại hay ngoảnh sang bên "tản cư" đến các cô thôn nữ... nên cái "việc ấy" tất nhiên sẽ xảy ra. Vào một đường hẹp, lại chạy với tốc độ hơi nhanh, bỗng một xe "công nông" phì phạch ở đâu dẫn xác lao ra. Thế là "500 con trâu: đầu hàng luôn, lăn xuống ruộng, xin nhường! May mà người không ai xây xát. Chỉ thương "con trâu" bị mù mắt, cụp tai, bẹp đầu. Phải chạy bộ gần kilômét mới gọi điện được về nhà, đem xe tải đến để kéo xe và chở người đi. Vay mượn "danh" thì phải trả "giá", đó là lẽ công bằng.

Thủ trưởng này xem ra ít đọc sách, kể cả sách viết về Bác Hồ. Nếu có tâm, có đức mà đọc sẽ biết được nhiều chuyện đi xe của Bác. Nào là khi thấy Bác vẫn đi cái xe "Pôbiêđa" (Thắng Lợi) của Liên Xô, cũ kỹ, có người "muốn ăn gắp bỏ cho người" xin Bác đổi xe "để đi cho nhanh". Bác nói "chú nào thích đi nhanh thì cứ dùng xe nhanh. Bác không có nhu cầu đi nhanh". Khi đi công tác trên Vĩnh Phúc, quá giờ, trời gần tối, lại có người điều trực thăng lên để đưa Bác về Hà Nội. Bác nghe tin, nói "chú nào đưa máy bay lên thẳng lên thì về thẳng với máy bay. Bác có xe, Bác đi xe…". Vợ chồng anh chị Tống Minh Phương là một tư sản ở Côn Minh, trước Tổng khởi nghĩa đã giúp Việt Minh mấy chục vạn bạc Tàu, đã được đón Bác về nhiều lần trong những năm 1939, 1943. Chị kể: Bác ăn mặc như một công nhân nghèo, rửa cốc, lau đĩa, giúp chúng tôi mở hiệu cà phê. Ngày nghỉ, mời Bác đi xem xinê (chiếu phim),

định thuê xe ngựa, Bác nói: "Đi bộ thôi, có hơn cây số, để dành tiền cứu quốc"... Trong *"Thư riêng"* gửi ông Vũ Trọng Khánh, Giám đốc Tư pháp Liên khu 10, tháng 5 năm 1948, Bác viết: *"Ai chẳng muốn no cơm, áo ấm. Nhưng sinh hoạt, vật chất, hết đời người đó là hết. Còn tiếng tăm xấu hay tốt sẽ truyền đến ngàn đời về sau".*

Vì không đọc sách Bác Hồ, nên sếp ấy phải mất gần chục triệu đền bù sửa xe (hay là lấy của công bao... cấp cho?) Cái xe "500 trâu" có thể xây được một trường tiểu học bốn lớp cho các cháu vùng cao, vùng xa, căn cứ cách mạng cũ, có thể trả lương cho 250 cô giáo trong một tháng đấy! Cái xe ấy, ông sếp đã để lại tiếng xấu chưa "được ngàn đời", một đời này cũng là khá đủ!

THỰC TÚC BINH CƯỜNG, ĂN NO, ĐÁNH THẮNG

Để chuẩn bị cho hội thảo tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh, bộ phận thư ký chúng tôi được một vị tướng "to đùng" gọi đến.

Trong quá trình câu chuyện, vị tướng chủ tịch hội thảo hỏi:

- Các cậu có biết câu "thực túc binh cường" không?

- Có chứ ạ, nghĩa là "quân mà ăn đủ thì mạnh".

- Gì nữa?

- Là phải rất coi trọng công tác hậu cần, hậu phương, một trong ba yếu tố bảo đảm thắng lợi!

- Một ý của Stalin. Gì nữa?

- Là, là... à, Bác Hồ đã dẫn câu "dân lấy ăn làm trời", quân đội ta là quân đội nhân dân cũng lấy ăn làm trời, làm trước hết, là "dĩ thực vi tiên, là phi nông bất ổn,…!

Vị tướng cười, cười rồi hỏi:

- 48, 49, "cậu" ở Việt Bắc ăn gì?

- Dạ, toàn sắn, có khi củ nâu, đầu bảng là rau tàu bay, ít khi có cơm lắm. Anh cũng thế thôi!

- Này, theo khoa học "đủ" cho một bữa ăn là thế nào?

- Phải có prôtit, lipid, gluxid... phải ít ra bấy nhiêu calo từ đạm, bột, mỡ.

- Ăn đủ rồi, lính mạnh rồi, đánh liệu có thắng không?

Cuộc "vấn đáp" đến đây đủ làm chúng tôi hiểu.

Trong điều kiện chiến tranh, khó khăn, "ăn đủ", biết thế nào là đủ. "Binh cường" cũng chưa nói đến hiệu quả mục tiêu, nhiệm vụ cuối cùng của đơn vị "ăn đủ".

Ăn sắn, ăn rau, tất nhiên là không đủ calo, đạm, đường, mỡ, nhưng trong kháng chiến gian khổ "ăn no" là quý lắm rồi, mơ ước lắm rồi. Ăn no rồi, thì đánh phải thắng. Thắng đó là yêu cầu của đơn vị, mong mỏi của nhân dân, trách nhiệm của Tổ quốc giao phó. Nói "ăn no đánh thắng" mới dân gian làm sao! Mà đâu có phải là không "bác học".

Vị tướng già nghe chúng tôi "hội thảo" giờ lâu rồi chậm rãi nói:

- Không phải chỉ là vấn đề ngôn ngữ, trong sáng tiếng Việt. Đó là một phương pháp luận của Bác, lấy cái hay của người ta "biến" nó vào tình hình thực tiễn của mình...

Một anh trong chúng tôi, nhanh miệng:

- Để không giáo điều... phải không ạ?

CÀNG KHÁ LÊN CÀNG PHẢI CHÚ Ý CHỐNG THAM Ô, MÓC NGOẶC

Cất công đi tìm quá trình xuất hiện, phát triển của danh từ - động từ "móc ngoặc" cũng không phải là chuyện dễ dàng, Ngày, tháng khai sinh ra nó thì khó sưu tầm, nhưng có thể xác định năm, những năm 60 trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nơi ra đời là "Thủ đô Hà Nội".

Còn định nghĩa? *"Từ điển tiếng Việt"* dẫn ra nhiều từ "móc". Đồ dùng có mỏ quặp, cây cùng họ với dừa, lấy từ bên trong ra. Còn lại, ta có thể có một định nghĩa tạm thời: "Móc ngoặc" là thông đồng với nhau lấy (một vật gì đó) từ bên trong (nhà, nhà nước, cơ quan...) ra ngoài. Ví dụ ông giám đốc móc ngoặc với tư thương đem hàng hóa, sắt, xi măng của công bán rẻ, hạ chất lượng, giấy hóa đơn ghi giá rẻ, tiền bỏ túi giá cao. Ví dụ nữa: ngài thủ trưởng móc ngoặc lấy đất của đơn vị, của cơ quan chia khéo cho ai đó hàng trăm mét vuông để được nhập lại vài chục "cây", "que", "tờ xanh, tờ đỏ". Lại ví dụ: Anh móc ngoặc với chị, anh cho em tôi lên lương, lên cấp tôi sẽ cho cháu vào nhận việc, đỗ bằng nọ, bằng kia. Còn vô số ví dụ... Kết quả là hai đứa móc ngoặc đều là đứa tham ô. Đối tượng móc ngoặc là của cải nhà nước, tức là mồ hôi

xương máu của nhân dân. Kết quả của móc ngoặc là "nước" càng ngày càng mất của, "nhà" (riêng của bọn tham ô) mỗi năm mỗi lên tầng. Móc ngoặc bí mật lắm chăng. Không hẳn là như vậy. Có thể anh biết, tôi biết, cơ quan hình sự biết, tòa án biết... Cái động từ "biết" này không có bổ túc ngữ hành động.

Danh từ móc ngoặc, tràn lan, phổ biến, lên cao, tỏa rộng.

Chuyện kể rằng:

"Có một lần, một ông thợ cắt tóc được mời vào giúp Bác. Bác hỏi ông thợ cắt tóc đủ mọi thứ chuyện trên trời dưới đất, nào tem phiếu, nào xếp hàng mua bia. Rồi Bác hỏi:

- Này chú, Bác nghe người ta hay nói "móc ngoặc". Vậy móc ngoặc là thế nào? Chú biết kể cho bác nghe với.

Ông thợ cắt tóc, có thể biết, biết không hết nhưng ngại, không muốn, không nên trả lời, nên nói một câu rất "trung lập":

- Cháu cũng nghe họ nói thế thôi ạ...

Nhưng mà khi hỏi, Bác đã có sẵn câu trả lời. Bác nói:

- Thế này chú ạ. Hồi kháng chiến chống Pháp, kể cả khi còn ở trên chiến khu Cao - Bắc - Lạng cũng đã có tham ô, móc ngoặc rồi đấy. Nhưng hồi ấy ít hơn bây giờ. Một trong những lý do là lúc bấy giờ người ta còn nghèo, ít tiền, ít của hơn. Bây giờ ta có nhiều hơn, lại có bạn giúp đỡ. Vì thế mà sinh ra tham ô, móc ngoặc nhiều hơn. Cho nên từ nay về sau, càng khá lên, càng nhiều lên càng phải chú ý chống tham ô móc ngoặc".

Đâu phải Chủ tịch nước nói riêng với ông thợ cắt tóc! Đâu phải Bác chỉ nói trong những tháng ấy, năm ấy!

BÁC NÓI CHUYỆN VỀ BẢN TỔNG CƯƠNG VÀ ĐIỀU LỆ CỦA ĐẢNG

Bảo tàng Cách mạng Việt Nam vừa sưu tầm được một tài liệu có nhan đề: *"Bác nói chuyện"*, đánh máy chữ, in hoa, kèm theo dòng chữ viết tay *"Về Bản Tổng cương và Điều lệ của Đảng"*.

Tài liệu gồm 8 trang đánh máy, được "đánh" trên một máy chữ tiếng nước ngoài nên không có các dấu tiếng Việt. Một số dòng chữ, nhất là đoạn cuối trang 8 đã bị nhòe, mờ, rất khó đọc.

Bản này có những "phần" như sau:

1. Lời nói đầu "trước khi giải thích 12 điểm trong bản Tổng cương của Đảng và Điều lệ của Đảng".

2. Tổng cương về Đảng.

3. Phương châm của Đảng.

4. Kỷ luật của Đảng.

5. Phê bình và tự phê bình.

6. Liên hệ quần chúng với Đảng.

7. Tính nghiêm trang và tính mềm dẻo.

8. Điều kiện và cách thức vào Đảng.

9. Nhiệm vụ và quyền lợi đảng viên.

10. Nhiệm vụ của chi bộ.

11. Nguyên tắc tổ chức.

12. Cách lãnh đạo phải thiết thực.

13. Kết luận.

Trên đầu trang 1 có các con dấu ghi "Hồ sơ Trung ương số 6, số bản 20"; "kho lưu trữ số 111, phông số 01".

Đọc hết tư liệu, ta thấy được rõ đây là một trong những bài Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện về việc đổi tên Đảng Cộng sản thành Đảng Lao động vào thời điểm lịch sử của năm 1951[1]. Đối tượng của bài nói chuyện có lẽ là những cán bộ cao cấp, đại biểu dự Đại hội Đảng được nhận biết qua lời nói của Bác "Khi về địa phương giải thích vấn đề đổi tên Đảng cần phải nói cho giản dị...".

Toàn văn bài nói chuyện (chắc là được ghi âm loại ghi tốc ký rồi viết lại) có một số điểm đáng chú ý sau:

1. Về tính chất của Đảng, Bác nói:*"Đảng là đội tiền phong của giai cấp lao động, là tổ chức cao nhất của giai cấp lao động (cao nhất vì lao động còn có nhiều tổ chức khác mà Đảng thì lãnh đạo các tổ chức ấy). Mục đích của Đảng là đánh Pháp, giải phóng dân tộc, thực hiện dân chủ mới, rồi tùy theo tình hình kinh tế, sự sắp đặt của Đảng sẽ giác ngộ giáo dục, tổ chức quần chúng mà đi tới xã hội chủ nghĩa".*

2. Về phương châm của Đảng, Bác nêu ý kiến: *"Học chủ nghĩa Mác - Lê là phải thống nhất chủ nghĩa Mác - Lê với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Nói đến chủ nghĩa Mác - Lê với thực tiễn*

[1] Nội dung bài này rất giống "Báo cáo chính trị tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ 2 của Đảng", Hồ Chí Minh toàn tập, tập 6, tr. 153.

cách mạng ở Việt Nam là nói đến chủ trương, chính sách của Đảng. Ví dụ: Đại đoàn kết, Chủ nghĩa Mác - Lê không đợi người ta ở đâu cũng làm Cộng sản, cũng làm Xô Viết"[(1)].

3. Về phê bình và tự phê bình, Bác dặn: *"Đảng là đầy tớ của dân, cần phải hoan nghênh sự phê bình của dân. Phê bình càng rộng, chính sách càng đúng, uy tín càng cao. Đừng tự phê bình rồi mất uy tín. Quần chúng tin lắm, quần chúng biết phân biệt thật, giả".*

4. Về nguyên tắc tổ chức, Bác nói: *"Tập trung nền tảng dân chủ là các đảng viên có quyền thảo luận chính xác của Đảng rồi tập trung ý kiến lên Trung ương. Tập trung mà không dân chủ thì đi đến độc tài, dân chủ mà không tập trung thì dân chủ quá trớn".*

5. Về tư cách đảng viên, Bác khẳng định: *"Vào Đảng không phải để làm quan, sai khiến quần chúng mà phải làm đầy tớ cho quần chúng và phải làm cho ra trò, nếu không quần chúng sẽ (chữ bị mờ, không đọc được). Đảng viên đều phải có gan hy sinh hết cho quyền lợi của quần chúng. Gan dạ mà không có kinh nghiệm thì dễ làm ẩu..."*

Đảng ta đang tiến hành tái bản các văn kiện Đảng. Bài "*Bác nói chuyện"* này chưa có trong *"Hồ Chí Minh, toàn tập"* bộ mới. Nên chăng tổ chức tiếp cận, giải mã những chữ mờ, mất, hoàn chỉnh bài nói để công bố thêm một tư liệu về Đảng, về Chủ tịch Hồ Chí Minh?

---

(1) Năm 1925, tại Quảng Châu, Lý Thụy (Nguyễn Ái Quốc) đã nói với Lê Thiết Hùng "có cái đúng ở nước bạn, nhưng về ta thì lại không hợp". Lê Thiết Hùng, "Mãi mãi nhớ ơn Người", (Đầu Nguồn), VH, 1975.

"BỤNG CHỮ, HŨ VÀNG..."

Sau khi thi đỗ phổ thông trung học, một anh bạn cùng làng bảo tôi:

- Học mà làm gì! Cậu thông minh, sáng kiến, nhanh nhẹn lại có ông bà "bô" cỡ bự, nhảy ra mà tự lập công danh mới. Có tiền mua tiên cũng được...

Bùi tai, tôi rẽ ngang "chạy" một chức tổ phó. Rồi tiền vào, danh giá nên chả mấy năm, tôi đã như cái diều rít gió trên trời. Nhậu nhẹt lai rai với anh bạn cũ, tôi cám ơn anh đã chỉ giúp con đường đi. Hứng chí anh còn nói:

- Tướng cậu, tai to thế này, còn lên cao nữa...

Một hôm ông bác tôi công tác ở một viện, đến nhà vợ chồng tôi, hỏi thăm việc học hành.

- Thưa bác, cháu đỗ lớp 12, vợ cháu lớp 7...

Bác sửng sốt:

- Cái gì? Cái gì?

Nghe tôi phân trần, chẳng nể nang gì thằng cháu cũng là trưởng phòng, sắp lên phó giám đốc, ông chửi tôi một cách rất "văn hóa", tàn tệ:

- Mày có biết câu "nhân bất thông cổ kim, ngưu mã nhi cấm cử" mà ông bà, cha mẹ cái nhà này đều học không?

- Dạ, cháu không?

- Câu ấy nghĩa là "người không biết việc xưa, chẳng giỏi việc nay, là... là ngựa mặc quần áo xiếc". Cái bằng "lùi sĩ" còn chẳng ăn ai, huống chi cái lớp 12, vất ra ngoài bụi tre kia.

- Bác cực đoan quá. Cháu không bằng lòng…

- Vâng! Anh chỉ ưa ngọt thôi. "Thương cho roi, cho vọt. Ghét cho ngọt, cho bùi". Nó nịnh anh là nó thương anh chắc?

Ông bác bỏ ra về.

Năm sau cơ quan tôi tổ chức thi công nhân, viên chức. Tốt nghiệp lớp 10, 12 cao nhất, đụng trần là trưởng phòng. Muốn làm hơn nữa phải có bằng cử nhân.

Thế là tôi "chết". Tôi đâm bổ vào các trung tâm "hỏa tốc", "cấp tốc" nhưng mất tiền mà chữ nghĩa chẳng vào cho.

Năm ngoái, có một anh chàng tốt nghiệp đại học, giỏi ngoại ngữ được bổ nhiệm về làm Phó phòng cho tôi. Thế là đã rõ... Tôi tự giác xin nghỉ không lương mấy năm để đi học, để làm lại cuộc đời.

Muộn cũng còn hơn không. "Một bụng chữ là một hũ vàng mà". Bác tôi bảo: "Cụ Hồ dạy đấy".

Và tôi, lần này lại đến thăm ông bác đã "cho roi cho vọt".

VỀ BÀI "MỘT THÁI ĐỘ"

Báo *Cờ Giải phóng* số 28, ra ngày 25 tháng 10 năm 1945 có đăng bài *"Một thái độ"* ký bút danh là Điền[1] Tử (người làm ruộng, nhà nông, nông dân?).

Hơn năm mươi năm sau, tạp chí *Xưa và Nay* của Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam đăng lại bài này. Qua xem xét vị thế tác

[1] Bản gốc chữ mờ, có người nói là Điều (lắm điều, điều nọ...) chứ chưa chắc là Điền.

giả lời văn, bố cục, các nhà nghiên cứu khoa học, gần như nhất trí cho rằng đây là bài của Hồ Chủ tịch viết.

Chúng ta sẽ gặp lại những ý kiến đầy tâm huyết, chắt lọc từ tấm lòng vì nước vì dân của Bác, trí tuệ tiên tri của Người và cả nỗi niềm lo lắng rất có cơ sở thực tế đã và đang, sẽ đến với các "ủy ban".

"MỘT THÁI ĐỘ"

Nhân gặp một anh Chủ tịch Ủy ban nhân dân làng, tôi có hỏi cảm tưởng của anh về bức thư của Cụ Hồ gửi cho các ủy ban nhân dân mới đây. Anh lắc đầu, rầu rầu đáp:

- Tôi hối hận, hối hận lắm lắm!

Tôi yêu cầu anh nói rõ vì sao. Anh nhìn tôi, nét mặt trở nên đau đớn:

- Nước ta đã khổ lắm rồi. 80 năm bị giặc Pháp đô hộ, chúng hành hạ đồng bào, chúng đục khoét nước ta, chúng làm cho ta tắc thở, kiệt quệ, sống dở chết dở, nhục hơn chó, lợn. Ngày nay ta đã giành được độc lập, nhưng chúng còn để lại cho ta bao nhiêu tai ương. Nạn lụt vừa rồi, nghĩ đến cái đói sắp tới, tôi lo lắm.

Nói tới đây, anh nghẹn ngào:

- Chúng ta đã khổ lắm rồi. Chúng ta làm cách mạng để làm gì? Để cứu dân, để đem lại hạnh phúc cho dân. Vâng, đúng như lời Hồ Chủ tịch, *nếu nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa gì.*

Dân bầu Ủy ban để gánh vác việc chung cho dân, dìu dắt dân lên con đường tươi sáng. Thế mà mình lại lợi dụng địa vị làm càn, rồi mưu lợi riêng, báo thù riêng, ức hiếp dân, thì hỏi mình có hơn gì bọn phát xít?

Cụ Hồ trách là phải. Mà thực ra, Cụ có trách đâu, lời Cụ ôn tồn lắm. Chỉ vì mình có lỗi nên tưởng Cụ có vẻ trách móc. Đọc thư Cụ, tôi không oán tí nào, tôi sung sướng nữa. Vẻ mặt chân thành và quả quyết, anh tự thú:

- Tôi thú thực rằng tôi đã phạm nhiều lỗi nói trong thư: Tôi cũng ra vẻ ta đây, tôi cũng có đôi chút xa xỉ, tôi cũng có cái bệnh kéo bè, kéo cánh.

Nhưng dù thư Cụ chỉ là những lời phê bình nhẹ nhàng những lời khuyên nhủ đúng hơn - chúng ta cũng phải coi như một mệnh lệnh. Cụ vì dân, vì nước. Cụ muốn cho dân sung sướng, cho nước phú cường mà nói, chúng ta cũng phải vì dân, vì nước mà sửa lỗi đi, để xứng đáng là một người công bộc của dân. Hơn nữa, những người phạm lỗi nặng cũng đừng nên ngần ngại, nên can đảm từ chức đi để cho người khác lên thay. Như thế mới thực là yêu nước.

Giọng trách móc, anh tiếp:

- Các anh là những nhà ngôn luận, sao các anh không gây ngay một phong trào tự chỉ trích từ ủy ban trên cho chí ủy ban dưới? Phải tự chỉ trích, luôn luôn tự chỉ trích, thì mới tránh được những lầm lỗi, những lạm dụng, những thói xấu. Nếu cần thì phải cải tổ ngay những ủy ban thối nát, bất lực đi.

Còn để cho dân khổ ngày nào là có tội.

Riêng tôi, tôi đã cho dán bức thư của Hồ Chủ tịch ở giữa đình, tôi triệu tập dân chúng ra đình, đọc to cho mọi người cùng nghe. Tôi tự phê bình trước mặt mọi người. Cần gì? Mình xấu thì tự nhận xấu, còn hơn để cả làng hỏng.

Tôi nghĩ rằng thế vẫn chưa đủ. Tôi phải từ chức nữa. Sau này mình cải quá đi, dân lại bầu lên, thì mình lại ra làm việc, phải không anh?

Cụ Hồ dạy rất phải. Đọc thư Cụ, tôi đã rơm rớm nước mắt vì ăn năn. Tôi không oán Cụ tý nào, và càng yêu kính Cụ thêm.

Câu chuyện đến đây, chúng tôi từ giã nhau vì có việc. Tôi xét ra không hơn gì là ghi ra đây lời chân thành, chứa đầy những ý kiến mới mẻ của anh chủ tịch hăng hái ấy, một tiếng chuông trong trẻo hưởng ứng lời Hồ Chủ tịch.

BIỆT LẬP VÀ HÒA NHẬP

Sau hơn mười năm từ giã Tổ quốc ra đi, làm thủy thủ, làm thợ, làm nghề mà các ông bà quý phái cho là không danh giá gì, anh Nguyễn Tất Thành đã thu hoạch được một "hũ vàng" tri thức mà đương thời, vào độ tuổi của anh, ít ai có được trên nhiều vấn đề, nhất là về tình hình của các dân tộc thuộc địa.

Con tàu và biển cả đã nối liền các dân tộc anh em và tôi cũng nối liền sự suy tưởng của anh trong vấn đề hòa hợp và tiếp xúc.

Ngày 20 tháng 5 năm 1924, bấy giờ anh đã là Nguyễn Ái Quốc, anh có viết một lá thư gửi Petrốp - Tổng Thư ký Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản. Trong thư, anh trình bày

những suy nghĩ từ lâu của mình về *"sự suy yếu của các dân tộc phương Đông"*, theo anh, *"nguyên nhân của sự suy yếu đó là sự biệt lập"*.

Quan niệm của Nguyễn Ái Quốc - cách đây đã gần bảy mươi năm về sự giàu mạnh của mỗi dân tộc - nhất là thuộc khu vực phương Đông - là không thể tự giam mình trong "đơn độc", hoặc không nên để "người ta" bỏ rơi, biệt lập mình.

Quan niệm này là một chân lý khoa học. Cũng như cây cỏ, động vật cấp thấp, động vật cấp cao - là con người - rất cần sự giao lưu, thông tin để sống, tồn tại và phát triển. Một cá nhân con người đã cần sự hòa nhập; một xã hội, một dân tộc lại có nhu cầu ấy cấp thiết đến nhường nào!

Suốt trong mấy chục năm tiến hành công tác tổ chức cách mạng, Nguyễn Ái Quốc bao giờ cũng chăm lo đến việc thu thập thông tin, tình hình chính trị, xã hội, kinh tế của đất nước Việt Nam và các dân tộc có liên quan đến sứ mệnh của mình.

Cách mạng Tháng Tám thành công, tuy Việt Nam bị bưng bít đường ra, lối vào, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn tìm cách đưa đất nước thoát khỏi sự "đơn độc", dựa vào các nước láng giềng, bè bạn - dù thể chế chính trị có khác với Việt Nam - để hòa nhập với trào lưu thế giới.

Chung sống hòa bình trong điều kiện chiến tranh lạnh đã là một tiến bộ, một điều đáng quý lắm.

Nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh, con người nhân văn của thế kỷ XX - còn mong muốn xa hơn. Người ước vọng các dân tộc, dù ở dưới chế độ chính trị, tôn giáo, chính kiến nào, cũng

có thể cùng nhau đi tới một tương lai tốt đẹp, xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, giải phóng được mỗi con người, từng dân tộc - theo ý nghĩa thực sự của từ "giải phóng" đó. Gần bảy mươi năm nay, Người đã đề ra ba điều kiện, có thể gọi là ba nguyên tắc, hay ba yêu cầu, nội dung hoặc mong mỏi tránh cho đất nước bị cô lập, đơn độc, làm cho đất nước hòa nhập với bạn bè.

Theo Hồ Chí Minh, các dân tộc cần:

- Có những quan hệ và tiếp xúc với nhau. Cần thông báo cho nhau biết những việc xảy ra ở các nước láng giềng gần gũi…

- Tin cậy lẫn nhau.

- Phối hợp hành động và cổ vũ lẫn nhau...

Các nhà chính trị, kinh tế, ngoại giao... sẽ tìm thấy trong những yêu cầu trên biết bao việc phải làm. Các cơ quan báo chí, thông tấn, truyền hình, văn hóa, nghệ thuật - nếu kế thừa được tư tưởng này của Hồ Chí Minh cũng sẽ nhận ra biết bao công việc, nếu chưa làm thì cần phải làm ngay để cho "những bức tường gì đó" không thể ngăn cản nổi những cái bắt tay bè bạn của các dân tộc, chí ít, cũng không để "bóng ma sắc tộc" gây ra đau khổ cho các bà mẹ, các em nhỏ ngây thơ, ngăn chặn những mưu toan làm sống lại những tội ác còn ghê tởm hơn bọn phát xít, diệt hủy trong con tim vốn hiền lành chí thiện của mỗi con người.

Có những sách kinh tôn giáo đã xuất hiện, tồn tại hàng ngàn năm nay và vẫn mang đến cho tín đồ một điều gì đó khiến họ bằng lòng chấp nhận.

Có những viên ngọc tư tưởng Hồ Chí Minh nhiều năm vẫn nằm trên mảnh đất thân yêu của chúng ta mà vì một lý do nào đó, ta chưa tìm thấy, nay đã soi ánh sáng huyền diệu cho thời đại này. Ở thời điểm hôm nay mà ta vẫn tưởng rằng Chủ tịch Hồ Chí Minh mới nói với chúng ta ngày hôm qua.

Xông ra ngoài trời nắng, chắc sẽ không như ở trong buồng the mà sẽ có giông bão, sẽ gặp chông gai. Tai phải thính, biết chọn lọc, óc phải tỉnh, để suy ngẫm, để có một cơ thể khỏe mạnh, một tâm hồn trong sáng, một cái gốc truyền thống vững vàng.

Trong thế giới hôm nay, ba điều mong ước trên Chủ tịch Hồ Chí Minh có thể đem lại lợi ích cho nhiều người.

NĂM NGỰA BÍNH NGỌ 1966, BÁC NÓI: "NGỰA PHẢI PHI NƯỚC ĐẠI"

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đại đội 2 Công binh của Quân khu Ba đã lập được nhiều thành tích xuất sắc. Là đơn vị tiên tiến trong phong trào thi đua "Ba nhất", cán bộ chiến sĩ trong đại đội đã phát huy cao độ lòng yêu nước, căm thù giặc sát hại đồng bào, "Vì miền Nam ruột thịt", nên đã chịu khó, chịu khổ nghiên cứu học tập tìm cách bắc cầu qua sông cho nhanh chóng, an toàn, thuận lợi trong mọi tình huống.

Lần cùng phục vụ với các đơn vị bạn trong đội hình của Tiểu đoàn 27 công binh, Đại đội 2 đã "nối đường" cho tên lửa qua sông chiếm lĩnh trận địa. Trận ấy, "rồng lửa đã bắn rơi ba "con ma" của Mỹ! Bản thân đại đội cũng đã phối hợp với dân quân địa phương bắn rơi một tên giặc trời. Nhân dân xung

quanh Phà Ghép vẫn còn nhớ mãi cái ngày tưng bừng thắng lợi năm ấy!

Tết năm 1966, Tư lệnh Quân khu Hoàng Sâm và Chính ủy Nguyễn Quyết được cấp trên cho biết "ngày 21 tháng 01 năm 1966, tức là ngày mồng 1 tết, Hồ Chủ tịch sẽ đến chúc tết Đại đội 2, Tiểu đoàn 27 công binh Quân khu Ba".

Đúng ngày giờ, Tư lệnh với Chính ủy đến địa điểm quy định đón Bác, mời Bác vào đơn vị. Trông thấy Bác vừa qua cổng doanh trại, cán bộ và chiến sỹ đã hô vang "Hồ Chủ tịch muôn năm!", "Hồ Chủ tịch muôn năm!".

Nhận báo cáo của tiểu đoàn trưởng xong, Bác hỏi:

- Tiểu đoàn chú có ai ốm không? Anh em mỗi đêm ngủ được mấy giờ, mỗi bữa ăn được mấy bát?

- Dạ, thưa Bác, Tiểu đoàn hôm nay có một đồng chí ốm. Mỗi đêm anh em ngủ từ 6 đến 7 tiếng, cơm bữa nào ăn cũng hết tiêu chuẩn ạ.

Bác quay sang phía Chính ủy.

- Tiêu chuẩn gạo của công binh mỗi ngày mấy lạng?

- Dạ tám lạng một ngày.

Dường như đã yên lòng, Bác vui vẻ hỏi:

- Thế bây giờ các chú muốn Bác nói gì nào?

Một cán bộ chính trị nhanh nhảu thưa:

- Thưa Bác, Bác động viên chúng cháu ạ!

Bác cười chỉ Tư lệnh và Chính ủy:

- Động viên đã có Chính ủy. Chỉ huy có Tư lệnh đây. Văn nghệ thì có nhà thơ Tố Hữu đây đi với Bác. Bác mà nói thế thì mất phần các chú này mất. Thôi, Bác đến thăm các chú, để Bác tự đặt chương trình lấy.

Bác giơ tay ra hiệu vẫy Tiểu đoàn trưởng. Sau đó Bác đi thăm nhà bếp, nhà ăn, nhà ngủ, hầm hố phòng tránh bom đạn của đơn vị. Một số cán bộ và chiến sỹ "rồng rắn" đi theo Bác.

Thương yêu nhìn bộ đội vây quanh mình, Bác nói:

- Đầu năm, Bác đến chúc tết các chú. Năm vừa qua, đơn vị đã đạt được một số thành tích. Nhưng không được thỏa mãn, chủ quan. Phải đoàn kết, khiêm tốn, học hỏi hơn nữa. Phải yêu quí, gìn giữ vũ khí, xe máy, không được để hư hỏng, mất mát, lãng phí, tham ô. Bác còn chương trình chúc tết dài. Năm nay là năm ngựa. Ngựa phải phi nước đại. Chúng ta phải phi nước đại phóng nhanh như thiên lý mã của Triều Tiên, lập nhiều chiến công to lớn hơn nữa.

Bác ngăn không cho đông người ra tiễn, rồi lên xe ra về.

CỦA CHO LÀ CỦA CÒN

Năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói với Chính phủ Pháp và nhân dân Pháp rằng: "Ở nước chúng tôi, có câu *"Ký sở bất dục, vật thi ư nhân"* nghĩa là, điều gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác". Trong Nho giáo câu này có một vế thứ hai *"Điều gì mình muốn làm cho mình thì làm cho người khác"*. Mình muốn giàu sang, nhà cao, cửa rộng... cũng nên nghĩ đến những người đồng chí, đồng bào còn quá nghèo khổ.

Sách *"Bảo kính cảnh giới"* (gương soi để răn), có câu "*của cho là của còn*". Đối trọng với câu này là "*của cướp là của mất*". Đảng viên, anh hùng lao động, giáo sư, bác sỹ Trần Hữu Tước, người đã từ bỏ vinh hoa phú quý ở thủ đô Paris (Pháp) hoa lệ để đi theo Bác Hồ về nước, về với Tổ quốc, với nhân dân, với Đảng, dặn cô con gái lớn *"hạnh phúc là ở chỗ nhường và cho"*.

Trong thư gửi ông Vũ Trọng Khánh, Giám đốc Tư pháp Liên khu Mười tháng 5 năm 1948, ký tên Hồ Chí Minh, Chủ tịch Chính phủ, Bác viết: *"Ai chẳng muốn cơm no áo ấm. Nhưng sinh hoạt vật chất hết đời người đó là hết. Còn tiếng tăm xấu hay tốt, sẽ truyền đến ngàn đời về sau"*.

Dân tộc ta đã có câu răn, lời nguyền:

"Trăm năm bia đá thì mòn

Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ".

Đảng ta nhiều lần đã nghiêm khắc lên án những người chỉ biết vơ vét, lại còn để vợ con tham nhũng. Những người ấy miệng nói *"liêm, chính", "không quan tâm (!) nhiều đến vật chất"* nhưng tội lỗi đã mang, nhân cách đã mất, chẳng cần chờ đến khi chết mà tiếng xấu hiện nay đã dành cho rồi.

ĐẦU NGUỒN LÀ VIỆC CHỐNG QUAN LIÊU, THAM Ô, THAM NHŨNG

Đảng và Nhà nước đang kiên trì chống quan liêu, tham nhũng, tham ô trong cơ quan lãnh đạo, hành chính, chuyên môn, làm trong sạch thêm đội ngũ cán bộ, Đảng viên.

Không phải bây giờ, cũng không phải năm 1969, 1954, 1950... tệ nạn này mới bị lên án.

Hiện tượng quan liêu, tham ô, tham nhũng sinh ra trên khu giải phóng vào những năm 1944, 1945 khi Việt Minh thành lập các ủy ban nhân dân. Báo *Việt Nam độc lập* số 219 ra ngày 10 tháng 6 năm 1945 có bài *"Một cái tệ phải bỏ"* cho biết có một vài nơi, một đôi người phụ trách, hoặc ở trong ban Việt Minh, hoặc ở trong ủy ban nhân dân, hoặc ở trong đội vũ trang vì kém giác ngộ, kém tư cách, kém kỷ luật đã hóa ra những phần tử nguy hại cho đời sống của nhân dân. Số người bất lương này được một chút quyền trong tay là muốn làm quân phiệt, coi nhân dân chẳng ra gì, muốn hành hung ai là cứ việc hành hung, muốn phạt ai là tự tiện phạt cho nên nhân dân những nơi ấy rất oán thán và nói rằng "dưới chế độ đế quốc cũng không đến thế".

Tiếp đó, báo *Việt Nam độc lập* số 220 ra ngày 20 tháng 6 năm 1945 lại có bài *"Chống cái tệ quan cách mạng"*. Sau khi nêu một số hành vi "mượn tiếng đoàn thể bắt nạt dân chúng, áp bức dân chúng, có khi bóc lột dân chúng", tác giả cho rằng "khó khăn trong sự tranh đấu này là các ông "quan cách mạng" địa phương hết sức che đậy tội lỗi của mình và hăm dọa mọi người có thể tố giác". Tác giả kết luận: "Chúng ta phải dùng hết cách để chống lại chúng cho thắng lợi".

Theo một số cán bộ lão thành, nhà nghiên cứu Hồ Chí Minh học, tác giả bài báo trên *không thể là ai khác ngoài Bác Hồ.*

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU NHÀ NƯỚC TỰ PHÊ BÌNH

Sách *"Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch"* do Nhà xuất bản Sự thật Hà Nội xuất bản năm 1956, trang 51, 52 có bài "*Tự phê bình*" của Hồ Chí Minh viết vào cuối năm 1945.

Mở đầu, Bác viết: "Vì yêu mến tôi và tin tưởng tôi mà đồng bào giao vận mệnh nước nhà cho tôi gánh vác. Phận sự tôi như người cầm lái phải chèo chống thế nào để đưa chiếc thuyền Tổ quốc vượt khỏi những cơn sóng gió mà an toàn đi đến bờ bến hạnh phúc của nhân dân". Sau khi nêu bật lên "nhờ sự đoàn kết của toàn dân" mà chúng ta giành được quyền độc lập, đạt được một số thành tích nhưng còn nhiều khó khăn và khuyết điểm, Hồ Chủ tịch viết: *"Những khuyết điểm là lỗi tại chúng tôi. Người đời không phải thần thánh, không ai tránh khỏi khuyết điểm"*. Và Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu *"đồng bào ra sức giúp tôi và Chính phủ sửa chữa những khuyết điểm đó"*.

Hơn 70 năm đã qua! Bài viết đầu tiên về tự phê bình của Chủ tịch nước nên được coi là một ngày hành động, một ngày kỷ niệm đối với toàn dân ta.

LÀM GƯƠNG DỄ MÀ KHÓ VẬY!

Có không ít người cho rằng muốn làm được gương phải hiểu hết mọi việc, phải có học vấn cao... Điều đó không hoàn toàn đúng. Bác Hồ, trong sách *"Thuốc đắng dã tật"* in lần thứ hai năm 1952, có viết: "Xưa nay, những bậc tài giỏi như cụ Khổng Tử, cụ Lênin cũng không biết hết mọi việc. Cụ Khổng Tử và cụ Lênin hơn mọi người không phải là vì hai cụ biết hết

mọi việc, làm được mọi điều, *mà vì hai cụ không tự kiêu, tự ái, luôn luôn học hỏi".*

Trong việc "luôn luôn học hỏi" của Khổng Tử và Lênin có việc học, làm gương; làm gương cho học trò, cho đồng chí, đồng đội, cho người đời sau học. Sách *"Minh tâm bửu giám"* là một cuốn sách "vỡ lòng", khai tâm cho những ai học chữ Hán trong đó có cậu Nguyễn Sinh Cung (Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này) được coi như "một tấm gương quý báu để soi sáng lòng người". Sách đã được nhà bác học Trương Vĩnh Ký (1837 - 1898) dịch ra tiếng Việt. Sách dẫn ra nhiều lời răn dạy của các bậc hiền nho không phải chỉ cần cho lớp thiếu niên mà cho tất cả mọi người. Trong chương nói về "sửa mình", Khổng Tử căn dặn "mình có quyền, có thế, có chức, có phận, mà mình giữ lễ, giữ phép thì ai mà lại dám chẳng kiêng, chẳng sợ".

Làm gương là làm sao "trên quang minh chính đại thì dưới mới không loạn", là làm sao mình thuyết phục được người bằng lời lẽ, chinh phục họ được bằng hành vi, cử chỉ, đạo đức của mình để cuối cùng thu phục được họ không phải bằng cường quyền, mà bằng nhân, nghĩa. Muốn làm được gương, qua thực tiễn xã hội đông tây có lẽ phải có 3 điều "dám":

Một là "dám không để có". Khiêm tốn, nhường nhịn, khoan dung, lo trước thiên hạ, hưởng sau thiên hạ… thì ban đầu "không", nhưng sau tất "có", cái "có" vững bền của một tấm gương sáng.

Hai là "dám thiếu để đủ". Thấy người ta quá chuyên lo việc nhỏ là sự ăn uống thì mình không nên noi gương đó vì sẽ bỏ mất cái lớn đi. Thấy người ta có xe hơi, nhà lầu, đừng lo mình

quá kém, biết lượng sức mình, làm ăn đứng đắn, xã hội phát triển từ chỗ "thiếu" sẽ dần tiến lên cái "đủ".

Ba là "dám hy sinh để được". Bố mẹ chỉ biết ăn, chơi cho đã đời, bỏ mặc con là người không biết hy sinh. Con cái chẳng quan tâm, săn sóc bố mẹ già "đời cua, cua máy, đời cáy, cáy đào" làm sao có thể làm gương được cho chính những đứa trẻ mình sinh ra. Ông cán bộ chỉ lo vét cho đầy túi, lập ra công trình nọ, đề tài kia để "ăn đậm", "chia đẹp" cho mình, làm sao dân có thể noi gương! Nếu biết hy sinh, biết dừng lại mọi sự ham muốn, "biết mình vì mọi người" sẽ được mọi người vì mình".

Một xã hội, một đất nước có văn hóa, có người hiền như đất nước ta, đã xuất hiện nhiều tấm gương sáng mà một tấm gương lớn chúng ta phấn đấu noi theo, là tấm gương của Bác Hồ.

ĐỌC LẠI BÀI "HY SINH"

Sau khi đến Quảng Châu (11/11/1925) bắt liên lạc với Bôrôđin và Chu Ân Lai, đầu năm 1925, Nguyễn Ái Quốc mở lớp huấn luyện chính trị, thành lập Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội, ra báo *Thanh niên*, số đầu tiên ghi ngày 21 tháng 6 năm 1925. Bài "*Hy sinh*" trên số 65 in ở trang thứ nhất, chiếm hết diện tích cả trang. Sau khi phân tích "người ta vì hoàn cảnh, kinh nghiệm không ai giống ai, cho nên tính chất ý kiến mỗi người một khác", tác giả nhấn mạnh "làm cách mệnh mà chưa biết rõ hai chữ "hy sinh" thì dễ vì giành nhau cãi nhau mà thành ra.... hỏng việc". Trong các loại "hy sinh", người viết cho rằng làm cách mệnh phải biết cách mệnh

là việc chung, nên phải lấy lòng chí công vô tư mà theo dõi công việc, lại phải biết cách mệnh tốt nhất là hy sinh, hy sinh gia đình, hy sinh tính mạng, hy sinh quyền lợi, *hy sinh ý kiến*". Bài báo kết luận: "Thế thì mới gọi là hy sinh, thế thì mới gọi là chân chính cách mệnh".

Người ta thường nghĩ làm cách mệnh là phải hy sinh những việc to lớn, ít ai cho rằng "*hy sinh ý kiến*" lại là không dễ dàng, không phải việc nhỏ. Thực tiễn cách mạng đã chứng tỏ nếu không biết hy sinh ý kiến, cứ khăng một mực, cực đoan cho rằng ta đúng, rất dễ sinh bè phái, phân biệt, không phải là không có khả năng làm hỏng việc lớn, làm tan vỡ đội ngũ. Bản thân Nguyễn Ái Quốc trước năm 1925 đã từng có một số ý kiến "*đúng trong một thời điểm sai*" mà các đồng chí quốc tế chưa có điều kiện hiểu mình, thống nhất với những quan điểm của mình. Lịch sử phong trào cách mạng Việt Nam và thế giới đã chứng minh ý kiến của Nguyễn Ái Quốc là đúng. Nhưng ở thời điểm sai ấy, Nguyễn Ái Quốc đã biết "hy sinh ý kiến", để lại, lùi lại, không tranh cãi nữa, và cũng để những ý kiến thực tiễn công nhận, nên đã có một cách ứng xử mềm dẻo thích hợp.

Trong bối cảnh của những năm 1929 - 1930, các nhà yêu nước cách mạng Việt Nam, tuy có mục đích chung là cứu nước, nhưng ý kiến lại rất khác nhau. Việc giải thích, huấn luyện, tuyên truyền, động viên, thuyết phục họ để "tạm gác ra bên ý kiến cá nhân của mình - dù sai, đúng, tức là "hy sinh ý kiến" để cùng thống nhất vào một ý kiến chung - dù chưa được hoàn hảo - là công việc quyết định, khởi đầu, cơ sở sống còn cho phong trào... Để đạt được mục đích ấy, phải có sự dung hòa, đóng góp trách nhiệm của cả hai bên.

Và trong năm 1926, 1927, Nguyễn Ái Quốc, bằng các bài giảng trong lớp huấn luyện, bằng sách báo và nhất là bằng sự gương mẫu, đạo đức của mình đã thuyết phục được đại đa số cùng chung một ý nghĩ, một quan niệm, đi chung một con đường, sát cánh bên nhau trên cùng một con thuyền cách mệnh, vì "cách mệnh tốt nhất là hy sinh".

Bài học mà tác giả *"Hy sinh"* để lại cho chúng ta, chắc không phải chỉ dành cho những người yêu nước, cách mệnh những năm 1929 - 1930, mà còn cho cả hôm nay...

"THẦY ĐỌC", MÁY ĐỌC...

Một cán bộ Viện nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh kể rằng. Hầu hết những bài nói chuyện, bài viết của Bác Hồ là do tự tay Người soạn thảo. Có bài Bác nêu ý rồi gửi cho ai đó, cơ quan có trách nhiệm chấp bút. Có lẽ là Bác định "gián tiếp" giáo dục đối tượng về vấn đề ấy chăng? Một số bài ấy - dù chỉ là điện chúc mừng, thăm hỏi theo phép ngoại giao, đến một bài chính luận đều được Bác xem lại, sửa chữa - có bài sửa gần hết!

Có lần, một trường chính trị mời Bác đến khai trường, nói chuyện. Tất nhiên "*người ta*" đã chuẩn bị sẵn bài viết, sẵn sàng đưa in trên báo. Có lẽ nội dung bài viết có điểm nào đó chưa thống nhất được với Bác, hoặc là vì hôm ấy quá eo hẹp thời gian nên Bác không đọc, hay là vì với tinh thần luôn luôn chủ động của Bác, nên lần ấy - Bác giơ tập giấy lên, hạ xuống rồi chỉ ứng khẩu nói. Điều "nguy nhất" là sau đó, các nhà nghiên cứu tìm hiểu, điều tra, phân tích nội dung, văn phong, tiếng nói của Bác thấy có lẽ nhà báo chưa kịp đưa Bác soát lại…

Trong một lần hay nhiều lần? - cán bộ đến làm việc với Bác, chuẩn bị rất nhiều tư liệu, tài liệu, cặp dày, cặp mỏng, Bác không cho đọc, lấy cớ dài quá, thời gian ít, đọc hết mất thì giờ, không còn bao nhiêu thời giờ để bàn bạc... Có lẽ Bác đã biết "phong cách" của một số "thủ trưởng" đi họp mang theo thư ký "lí nhí" theo sau, báo cáo được cơ quan chuẩn bị sẵn, đến nơi họp hành rút ra (có khi còn nhầm) đọc như máy.

Đối với loại cán bộ ký sinh như "hoa phong lan tai trâu", Bác có hai chữ rất tế nhị: *"Thầy đọc - máy đọc"*.

BỘ QUẦN ÁO LỤA

Trồng dâu, nuôi tằm, dệt lụa vốn là một nghề có từ cổ xưa, một nghề truyền thống của nhiều dân tộc phương Đông. Sản phẩm lụa với tính chất mềm mỏng, bền đẹp đã làm mê lòng các "lệnh bà" phương Tây, làm cho "con đường tơ lụa" phát triển trở thành huyền thoại.

Dân ta có câu: "Người đẹp vì lụa, lúa tốt vì phân". Từ "một nong tằm ra năm nong kén, một nong kén là chín nén tơ", các cô nàng mặc yếm mỡ gà, yếm đỏ, váy lụa đen nhẹ tênh tênh quện vào gót sen thì làm gì mà chẳng đẹp! Mà cũng chẳng cứ gì con gái, đàn ông mà mặc lụa thì như muốn nói ta đây giàu có, sang trọng, thanh lịch, nhàn nhã... Thường, các cụ già đều ước mong có một tấm áo lụa (Gần đây có phong trào may áo lụa tặng Bà mẹ anh hùng).

Có lẽ vì vậy mà nhân dân ta trong kháng chiến chống Pháp nghĩ thương Bác Hồ trên Việt Bắc gió lạnh thấu xương, cắt da, cắt thịt nên gom góp tiền may áo lụa tặng Bác. Bảo tàng

Thông tin hiện vẫn trưng bày một chiếc áo lụa do phụ nữ Hà Đông tặng Bác, Bác đã tặng cho chiến sĩ quân bưu Lê Bá Hồi[1]. Chiến sĩ quân bưu này chỉ khoác một lần duy nhất khi nhận được tặng phẩm. Sau đó, cất đi và cuối cùng trao gửi Bảo tàng. Ở đâu đó trong miền Nam, một số nhà truyền thống vẫn thấy có trưng bày "áo lụa Bác Hồ tặng phụ lão, anh hùng…". Các đồng chí cán bộ, bảo vệ y tế sống cạnh Bác những năm kháng chiến trường kỳ gian khổ có thấy bao giờ Bác mặc quần áo lụa. "Gia tài của Bác vẻn vẹn có hai bộ nông dân, một khăn mặt "kiêm nhiệm vụ" che bộ râu giữ bí mật, đôi quần áo lót, tất dùng mấy năm, găng tay không có. Lúc hành quân tranh thủ giặt "bộ tủ" lồng vào cây sào, vừa che nắng, vừa phơi khô, đến nơi họp Đảng, Chính phủ, đoàn thể... đã có ngay quần áo sạch!

Nhìn vào quần áo của Bác mặc, anh em chiến sĩ, cán bộ cho đến bộ trưởng cũng ý tứ giữ mình, noi gương tiết kiệm, gương mẫu, hi sinh của Bác. Có lần, một cán bộ ngồi họp cứ chui chúi đôi chân dưới gầm bàn. Biết ý - chẳng giấu được Bác điều gì - Bác thương, Bác nói:

- Giầy chú hỏng, sắm đôi giày mới đi họp, vừa ấm chân, vừa lịch sự, có gì mà phải ngại.

Có cán bộ đi đâu đó mặc sang trọng, nhưng khi đến Bác đều khoác lên vai những "thứ" vừa phải.

Thế mà có một lần, một đồng chí cán bộ đến gặp Bác lại diện một bộ quần áo lụa rất đẹp. Đồng chí này đã công tác với Bác từ những năm 1940, hoạt động cách mạng ở căn cứ địa.

---

[1] Trong kháng chiến chống Mỹ là Trung đoàn trưởng Trung đoàn quân bưu 130, đại tá, đã mất.

Cách mạng thành công, Bác giao cho đồng chí ấy ở lại Cao Bằng lo việc sản xuất vũ khí. Tình hình cuối năm 1945, đầu năm 1946 rất khó khăn, Bác cho gọi đồng chí này về Hà Nội báo cáo.

Khi thấy "giám đốc binh công xưởng" mặc một bộ đồ lụa mỡ gà, Bác hỏi:

- Sao chú lại mặc quần áo đẹp thế?

Đồng chí này "khéo xoay xở" trả lời:

- Dạ, thưa Bác, đây là đồng bào cho.

Tưởng nói tránh đi là xong chuyện, nào ngờ Bác lại nói tiếp:

- Đồng bào có cho cũng không nên mặc (Bác thừa hiểu là đồng bào Cao Bằng làm gì có nhiều quần áo lụa tặng cán bộ). Ta mới giành được chính quyền, đồng bào còn thiếu thốn, khổ sở. Cán bộ Việt Minh mà ăn mặc đẹp là không nên.

Anh cán bộ Việt Minh xin lỗi Bác. Từ đấy về sau - suốt cả thời kỳ chống Pháp không ai thấy ông giám đốc diện quần áo lụa nữa!

Thế đấy! Không phải Bác không muốn chúng ta mặc ấm, mặc đẹp, ăn đủ, ăn ngon, Bác khuyên chúng ta đoàn kết giúp đỡ nhau làm giàu, ai giàu rồi giúp người chưa giàu, giàu rồi giàu nữa. Nhưng Bác mong muốn có công bằng, bình đẳng nào đó, một sự yêu thương, thông cảm, đùm bọc, một đạo lý "nhân nghĩa" làm người đừng để giàu nghèo cách xa quá. Khi dân còn rét, cán bộ không nên sắm mặc nhiều áo quá. Lo cho dân trước, nghĩ về mình sau. Đó là đạo đức của người cán bộ, người cộng sản Việt Nam, đảng viên của Đảng mà Bác Hồ đã thành lập, rèn luyện.

ĐỊNH NGHĨA "KHIÊM TỐN"

Từ điển Tiếng Việt của Nhà xuất bản Khoa học Xã hội in năm 1977, trang 425 viết về "khiêm tốn" như sau: *"Biết đánh giá cái hay của mình một cách vừa phải và dè dặt"*. Đó là một định nghĩa bác học, khoa học.

Bác Hồ là một người khiêm tốn, rất khiêm tốn: Giữ những chức vụ cao nhất của nhà nước Việt Nam, một trong những lãnh tụ xuất sắc của phong trào dân tộc, cách mạng thế giới, trước sau Người vẫn là Cụ Hồ, là Bác Hồ rất gần gũi với mọi người dù là màu da, tiếng nói khác nhau. Đồng chí Song Tùng, Đại sứ Việt Nam nhiều năm ở nước ngoài có kể một câu chuyện về đạo đức khiêm tốn ấy của Bác như sau:

Sáng ngày 23 tháng 7 năm 1957, trong bữa cơm thân mật, Chủ tịch nước Ba Lan Davátski có hỏi Bác: "Thưa Chủ tịch, đồng chí là một người nổi tiếng về khiêm tốn. Vậy theo đồng chí, khiêm tốn phải thế nào?" Bác trả lời rằng: "*Khiêm tốn là nền tảng đạo đức của cả dân tộc Việt Nam. Đối với bản thân thì bao giờ cũng nhìn ra điều kém cỏi của mình. Đối với đồng chí và bạn bè thì ai cũng là thầy học của mình, tìm cho được điều mình phải học tập. Đối với kẻ thù cần biết cái mạnh của địch, cái yếu của ta*".

Định nghĩa "khiêm tốn" này của Bác thật là bao trùm, có một "cái gì đó" rất dân tộc Việt Nam trong suốt cả chiều dài lịch sử giữ nước, dựng nước, rất dân gian mà còn "siêu" khoa học, thấu lí đạt tình.

Nếu như có tái bản *Từ điển Tiếng Việt* có lẽ nên bổ sung định nghĩa này để bạn đọc được tham khảo.

"CHƯA THẬT ĐÚNG BẢN CHẤT CỦA NGÀNH HẬU CẦN"

Qua cầu Long Biên, không đi thẳng lên Bắc Ninh mà rẽ tay trái dọc theo sông Nhĩ, sau này người Pháp đặt tên là sông Hồng, ta sẽ thấy phía phải, "nằm" trong đê là Học viện Hậu cần - trước kia là Trường Sĩ quan Hậu cần. Chính nơi đào tạo sĩ quan Hậu cần này đã được Bác Hồ nhẹ nhàng phê bình rằng "chưa thật đúng bản chất của ngành Hậu cần". Nhờ ngậm viên thuốc cay đắng ấy mà sau đó, toàn ngành Hậu cần, Trường Sĩ quan Hậu cần đã vươn lên, đã "giã tật".

Chuyện kể rằng, vào mùa xuân năm 1960, nhân "chuyến đi thăm ruộng" (lời Bác) ở Gia Lâm, Gia Thượng, một số cán bộ, học viên Trường Sĩ quan Hậu cần thấy một ông già quần xắn, đang lội ruộng. Phát hiện ra Bác, "quân ta" hô to "Hồ Chủ tịch muôn năm" rồi chạy ra cổng. Bác hỏi:

- Các cháu ở đơn vị nào đấy?

- Dạ, thưa Bác, Trường Sĩ quan Hậu cần ạ.

Rồi chẳng có ý thức ngoại giao, chẳng được ủy nhiệm gì, cánh lính ta mau miệng:

- Mời Bác vào thăm trường chúng cháu ạ!

- Được rồi, Bác sẽ vào!

Tin đột ngột đến Ban Giám hiệu trường, nhưng là ngày chủ nhật, gian khổ bao nhiêu năm, hòa bình mới lập lại trên nửa đất nước, sau khi có chế độ quân hàm sĩ quan, cán bộ chỉ huy từ chiều thứ bảy đã "bơm xe, nghe thời tiết, quyết ra về"

với gia đình rồi. Trực ban tíu tít, chỉ thị liên tiếp, nào vệ sinh, lo chuồng trại, nhà ăn, nhà bếp...

Lát sau, Bác đến.

Được báo cáo là chỉ huy "đi vắng", Bác cười thông cảm.

- Chủ nhật các chú ấy về thăm các thím, các cháu là đúng. Bác cháu ta nói chuyện với nhau thôi. Nào, trường các cháu dạy những môn gì?

Một cán bộ hăng hái thưa:

- Dạ, học chiến lược, chiến thuật, triết học, chủ nghĩa Mác - Lênin, công tác chính trị, bảo vệ phòng gian, kinh tế...

Bác lắc đầu:

- Chà! Dạy nhiều lí luận thế. Mới nghe qua đã "sợ" rồi. Nhưng là Trường Hậu cần thì phải học nhiều cách quản lý, sản xuất, gia tăng, cấp phát gạo, tiền, thực phẩm, thuốc men, súng đạn đến tay bộ đội. Trường các cháu có dạy thế không? Bao nhiêu giờ?

Cán bộ kia im lặng. Một cán bộ khác "đỡ đòn":

- Báo cáo Bác, chương trình huấn luyện của trường chủ yếu là nghiệp vụ của ngành Hậu cần.

Bác quay sang hỏi một học viên:

- Cháu tên gì, học môn nào?

- Dạ, cháu là Nguyễn On, học khoa cấp dưỡng.

Bác tươi hẳn lên:

- A! Môn này cần lắm đấy! Kháng chiến dẻo dai, thắng lợi là nhờ dân ủng hộ, đặc biệt là nhờ anh nuôi luôn có cơm ngon, canh ngọt. Thế cấp dưỡng có sản xuất, tăng gia không?

- Dạ có.

- Thế là tốt. Dẫn Bác đi thăm nào.

Bác đi qua mấy vườn rau "cải thiện" trồng ớt, húng, răm… gần bếp. Đến chuồng nuôi lợn, Bác thấy có đến hơn ba chục con. Anh em "hí hửng" chờ Bác "động viên".

Thấy đàn lợn cắn nhau ghê quá, Bác hỏi:

- Các cháu có biết tại sao lợn rách tai, sứt mõm không?

Không ai biết câu trả lời.

Bác cười rồi nói nhỏ:

- Có một số mới ở đâu về. Lạ đàn mà!

Mấy anh bộ đội "lấy vải thưa che mắt thánh" tái mặt. Bác thông cảm nên không hỏi gì thêm.

Thăm tiếp một số nơi xong, gặp học viên có mặt ở trường chủ nhật hôm ấy, Bác nói:

- Bác đến thăm các cháu, thời gian ngắn, trường các cháu xây dựng được quy củ, ngăn nắp, thật đáng khen. Nhưng việc tăng gia, sản xuất chưa tốt. Đất bỏ hoang còn nhiều, chăn nuôi còn kém. Như vậy là lãng phí, chưa thật đúng bản chất của ngành Hậu cần. Các cháu có đồng ý không? Rõ cả chứ!

- Thưa Bác, rõ rồi ạ!

Rõ thì phải sửa chữa, phải có kế hoạch, có chỉ tiêu. Đừng có bốc đồng, đầu voi đuôi chuột. Thôi Bác về.

Thứ hai, Ban Giám hiệu về trường ngớ ra. Lập tức họp lập kế hoạch sửa chữa khuyết điểm, tích cực thực hiện lời Bác dạy.

Ít lâu sau, những luống rau cải, su hào xanh tốt mọc lên trong trường, đàn lợn mẹ, lợn con "đoàn kết" không cắn nhau nữa.

BÀN DANH DỰ DÀNH CHO AI?

Thời bao cấp có một số thủ trưởng lên xe, xuống xe, đến cơ quan, đơn vị, địa phương làm việc xong được mời "cơm rau" (mà thịt cá tú ụ). Thủ trưởng ngồi vào bàn quên mất anh lái xe! Nhà chủ cũng chỉ biết thủ trưởng. Cơm xong, thủ trưởng ra về, lại lên xe. Ý chừng để "dạy" cho thủ trưởng một bài học, anh lái xe - có người gọi đùa là cán bộ "chỉ đạo" (biết đường, đưa đường mà) chạy tới một quãng vắng nhất, dừng xe, gõ gõ...

- Xe hỏng rồi, thủ trưởng ạ. Thủ trưởng cứ ở đây, tôi chạy ù lên trên xem có chỗ sửa không?

Dứt lời, đi ngay.

Xế chiều, nắng xuyên khoai, xe trần ra giữa đường nắng như lửa đốt - cả trong bụng thủ trưởng. Chờ mãi, chờ mãi, hơn hai tiếng sau, chiến sỹ lái xe mới về.

- Cậu làm gì mà lâu thế?

- Báo cáo, tôi đi mãi mới có hiệu sửa xe, đổi được cái bugi xong, đói quá phải ăn tạm mấy cái bánh đa. Tôi có mang về mấy cái đây.

- Khát khô họng, ăn cái của nợ ấy làm gì... Thôi nhanh lên, về đi.

Đến nhà, thủ trưởng phàn nàn về câu chuyện hỏng xe dọc đường.

Phu nhân ngồi nghe rồi bảo rằng:

- Em có được nghe kể một câu chuyện, có lần nào đó, Bác Hồ ra nước ngoài, bạn bè quý Bác lắm, dọn tiệc đãi Bác, ăn ở ngoài vườn cho mát mẻ. Còn các chú bảo vệ được mời cùng với lái xe, nhân viên y tế đi theo dự tiệc ở trong nhà. Nhưng khi đến nơi, Bác lại chủ động vào trong nhà ngồi ngay xuống ghế.

Chủ nhà có ý nhắc mời Bác ra vườn, Bác nói là "Chúng ta ngồi đây thôi, để bàn ăn danh dự đó mời các chú bảo vệ, lái xe. Anh em có ăn no, ăn trước ta mới bảo vệ ta được".

Anh là anh sơ ý rồi! Cứ cho là "nó" xỏ anh hay sự thật thì cũng nên rút kinh nghiệm.

Hôm ấy "đi một ngày đàng", thủ trưởng "học được hai sàng khôn".

DÂN MÀ KHÔN QUAN KHÔNG THỂ THAM NHŨNG

Ngay sau khi nhân dân ta giành được chính quyền, Bác Hồ đã vận động "diệt giặc dốt". Bao nhiêu lớp "bình dân" đã được mở, vợ dạy chồng, con dạy cha, trẻ dạy già. Ban ngày, trên gốc cây, bên bờ ruộng, trên thao trường, ngay cổng vào ra xưởng thợ, nhà máy đều có các bảng chữ i, t,... Đêm đêm, bên ngọn đèn Hoa Kỳ hay đèn làm bằng hộp thuốc đánh răng Pháp có tên "Gíp", các bà, các cụ phụ lão, em nhỏ cứ sát xuống vở đọc bài.

"i, t có móc cả hai

i ngắn có chấm, tờ dài có ngang"

Tiếp đó là bài "ca khúc".

"o, ơ hai chữ khác nhau,

Vì ơ lại có cái râu bên mình!"

Mọi người nghĩ: "Thực dân Pháp bắt ta ngu đần để dễ cai trị, nay độc lập rồi phải học để biết cái chữ Cụ Hồ". Nhớ đến những câu ca dao, tục ngữ của dân ta như "Khôn cho người ta rái[1], dại cho người ta thương, dở dở, ương ương chỉ tổ người ta ghét" hoặc "biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe", "nói với người ngu không lại[2], nói với người dại khôn cùng", ai ai cũng ra sức học tập. Họ không biết một câu mà Lênin nói trước đó mấy chục năm, đại ý *"ngu dốt cộng nhiệt tình thành phá hoại"*.

Phong trào tự học, học tập, học lẫn nhau, học cả kẻ thù đã giúp Chính phủ có thêm bao nhiêu cán bộ, bổ sung vào các ngành ngày càng phát triển.

Bên cạnh điểm tốt ấy, vẫn còn một số cán bộ ít chịu học, sợ ngượng với bà con, con cháu, giấu dốt. Anh dân quân xoay ngược tờ giấy giới thiệu, đọc không ra, "bắt" oan cán bộ, có vị suýt chết. Ông chủ tịch đi họp mang theo một dây thừng nhỏ - gọi là dây chuỗi - để xâu qua đồng tiền có lỗ ô vuông, nghe phổ biến về phải làm gì thì thắt một cục, để nhớ! "Cách mạng là ngày hội của quần chúng", quần chúng làm chủ đất nước đang đi lên. Không nên quá lo ngại về những hiện tượng này.

---

[1] Rái - tiếng địa phương có nghĩa là "sợ".

[2] Có nghĩa "không ăn thua gì, vô ích".

Có điều là không nên "thắt nút" mãi, Bác nhắc nhở:

- Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu hèn.

Nhân nói đến một số cán bộ thoái hóa, biến chất, tham ô, tham nhũng, Bác vẫn nói: "Quan tham vì dân dại".

Xét kỹ ra câu ấy ta hiểu rằng nếu dân "khôn", "dân biết, dân bàn, dân kiểm tra", dân có học, biết pháp luật, biết chủ trương đường lối dân chủ của Đảng, của Nhà nước, thì các quan sẽ gặp khó khăn, không "tham" nổi. Nói cho cùng, dân trí cao đâu phải chỉ để đối phó với "quan lại" mà để đạt tới một dân tộc trí thức là một dân tộc giàu mạnh". Hùng mạnh để tự bảo vệ kinh tế, văn hóa, đạo đức, đạo lý dân tộc chứ không "đe dọa" ai, xâm lược ai. "Giàu vì gạo, bạo (tức là mạnh) vì tiền"! Muốn đất nước, dân tộc ta giàu mạnh, cách cơ bản duy nhất là phải học!

NGÀY XƯA...

Có một cán bộ ngoài tám mươi tuổi nói chuyện với thanh niên, bà con thôn xóm thường mở đầu bằng hai chữ "ngày xưa". Bọn trẻ tặng cụ danh hiệu "ông già khốt ta bít" (theo tên gọi một phim Liên Xô trước đây) hoặc cụ "hâm tỷ độ".

Tuy nhiên một số lớn câu chuyện cụ kể cho con cháu trong nhà rất đúng, rất hay là đằng khác. Ví dụ như một câu chuyện sau:

Con trai cụ cũng đã hơn năm mươi "cái lá vàng rơi" làm đến chức cũng coi là cao lắm. Thỉnh thoảng cụ nghe anh ta nói điện thoại báo ngày, giờ sẽ đến, sẽ xuống địa phương, yêu cầu chuẩn bị điều này, việc nọ, nhắc nhở "khâu" đón tiếp các nhà báo, truyền hình "cho tế nhị".

Hai, ba ngày sau, ông "quý tử" mang một băng video về, chiếu lên tivi nhà, thấy quang cảnh đón rước, nhậu nhẹt, linh đình, ầm ĩ. Cụ chỉ im lặng ngồi xem.

Nhân một buổi vắng nhà, chỉ có hai bố con, cụ gọi anh con trai đến bàn đôi ba việc gia đình. Sau đó cụ nói:

- Ngày xưa ấy mà (đúng là cụ ngày xưa), bố ở Việt Bắc rồi hòa bình về Hà Nội được đón tiếp nhiều lần Bác Hồ trong doanh trại, trên hội trường, lúc thì ở sân vận động, khi thì ở bãi cỏ bên núi... ít thấy khẩu hiệu, cờ xí lắm. Có lần Trung ương Hội Phụ nữ đón Bác, làm cổng chào hoa ồn ào. Bác không đi qua cổng đó, quay ra sau vào nhà khá lâu mà các bà, các chị ở phía trước cứ chờ mãi. Sau mới biết là Bác đã đến. Có chị phàn nàn:

- Chúng cháu đón Bác ở cổng lâu quá.

Bác cười nhỏ nhẹ:

- Cảm ơn các cô đã đón Bác. Nhưng Bác có phải vua đâu mà bày vẽ ra thế!

Ông con biết ngay ý của bố "ngày xưa" cãi:

- Bây giờ nó khác - anh ta tế nhị bỏ vế câu "ngày xưa khác" - bố ạ.

Cụ "ngày xưa" thủng thẳng nói:

- Có cái khác, có cái không thể khác, không gì khác, không nên khác, không được khác. Bác dạy: "Cán bộ là đầy tớ nhân dân. Xuống địa phương để làm việc cũng là phục vụ nhân dân, nên lấy nội dung làm chính, chẳng hay hớm gì cờ hoa, khẩu hiệu, dù che, ô mở, vừa tốn kém, vừa xa dân. Ấy là tôi nói thế thôi chứ anh làm thế nào thì làm sao tôi cản được.

Vị cán bộ con phàn nàn:

- Bố quá đáng, khắt khe quá! Cứ cũ mãi. Đổi mới rồi. Cám ơn bố.

VIỆC GÌ KHÓ NHẤT TRONG MỖI CUỘC ĐỜI?

Bước sang thế kỷ mới, một nhóm cán bộ "lão" và "thành" cách mạng gặp gỡ nhau, vui chuyện thế sự, cuộc đời. Trong họ có người huân chương đỏ ngực (may mắn không xanh cỏ), vị này từng bôn ba năm châu bốn biển, ngoại giao "tung hoành", cụ khác lâu năm giữ trọng trách đứng đầu tỉnh nọ, bộ kia... không ít người đã bóc lịch trong các nhà tù, nhà đá các kiểu.

Một câu hỏi như đùa, như thật, như bản tổng kết cuộc đời, cuộc cách mạng: *Việc khó khăn nhất trong đời, trong mỗi cuộc đời là gì?*

- Không khuất phục trước uy vũ ư? Uy vũ bất năng khuất phục mà! Hầu hết đều lắc đầu. Họ nhìn xuống các vết sẹo trên tay, chân, những hàm răng long, má hóp, chân khập khiễng nhớ lại những thời khắc khác nhau trong "bóng tối" đã chiến thắng kẻ thù?

Vậy là "bần tiện bất năng di?" Cũng chưa phải. Thật ra "cam phận nghèo" cũng khó, mà giữ mãi nghèo cũng dở, không phải cái đáng mà ngợi ca. Phải không?

- Có lý đấy. Thế chắc hẳn là "phú quý bất năng dâm?"

- Thật ra vượt qua cửa ải này không phải dễ. Bao anh chẳng đã "sập bẫy", đã phải chịu "vòng kim cô" của đồng tiền "tiến lên" nhận còng số 8...

Một cụ trầm ngâm nói:

- Tôi có đọc ở đâu đó rằng từ năm 1925, trên báo *Thanh niên*, Bác Hồ bấy giờ gọi là Lý Thụy, đồng chí Vương có viết đại ý: "Người cách mạng có thể hi sinh tài sản, gia đình, tính mạng nhưng không dám hi sinh ý kiến". Có thể đó là cái khó nhất chăng?

Gõ gõ cái gậy ba toong xuống nền nhà đá hoa, một vị thủng thẳng:

- *Ham nhất của cái anh cán bộ là quyền lực*. Vì ham muốn ấy, nó (Sợ quá! Sao lại gọi thế?) có thể làm tất cả - "a tú pri" (câu tiếng Pháp là à tout prix: bất cứ giá nào). Do đó theo mình, tay nào vượt qua được quyền lực là giải quyết được cái khó nhất. Hồi "phản tĩnh" ở Trung Quốc chẳng đã học "qua ngũ quan trảm lục tướng"[1] là gì? Gái đẹp, công danh, giàu sang, sống chết... gì nữa nhỉ.

Bỏ cặp kính trắng xuống bàn, một thành viên "hội thảo" tổng luận:

- Tất cả đều có một mẫu số chung. Đó là, theo Bác "đấu tranh với bản thân là khó nhất". Đấu tranh từ lúc trẻ không ăn vụng, không nói dối, không ăn cắp... cho đến lúc già không "ôm" mãi "trưởng" này "phó nọ" mà phải có gan "rút lui" biết dừng, biết hạ cánh ở thời điểm chí thiện.

- Hay hay, hay lắm! Mọi người reo lên. Một cụ đứng bật dậy chẳng nói năng gì, ra về.

- Nói là nói lý luận, lý thuyết cho vui, chứ có ám chỉ ông ấy đâu!

---

[1] Câu dựa vào tích Quan Công bỏ Tào Tháo về với Lưu Bị, qua 5 cửa đi, chém 6 tướng của Tào.

Cực đoan quá. Phải nên "chín bỏ làm mười".

Và "hội thảo" đã "thành công rực rỡ", "đề tài" được "nghiệm thu" xuất sắc.

KỶ NIỆM CỦA ANH LÍNH BIỂN

Thời thanh niên Bác đã nhiều lần làm thủy thủ, quen sóng biển, cập bến bờ nhiều nước Á, Mỹ, Âu. Biết vậy, nên binh lính thủy ta rất tự hào.

Một sỹ quan hải quân cho biết:

- Mỗi lần Bác đến thăm anh em chiến sỹ quân chủng này là mỗi lần Bác để lại bao nhiêu bài học.

Đầu xuân năm 1959, Bác đi tàu tuần tiễu thăm các đảo Cát Bà, Hòn Rồng, Tuần Châu... Bác hỏi các chiến sỹ hải quân:

- Đi biển trong điều kiện không có máy móc hiện đại làm sao biết sắp có giông bão?

Thấy anh em im lặng, có thể biết mà e dè, Bác nói:

- Phải biết dựa vào bà con chài lưới. Còn khi thấy mặt biển màu tím sẫm, nước có mùi tanh, cá heo nổi lên là sắp có bão.

Đến bữa ăn, anh nuôi trên tàu đưa thịt gà bày ra bàn. Bác nhắc đồng chí bảo vệ "đóng góp". Anh bảo vệ mở một nồi cá kho. Bác cười rồi giơ tay:

- Mời các cháu ăn cá. Ra biển lại được mời các cháu món này.

Anh em hiểu ý Bác nhắc nhở là phải câu cá ngay ở biển mà "cải thiện".

Lúc Bác chia tay, một chiến sỹ hải quân bê một cành san hô thật to, trắng, rất đẹp lấy được từ ngoài khơi ra biếu Bác.

Nhận cành san hô, Bác nói:

- Các chú biếu, Bác xin nhận. Nhưng san hô không ăn được. Lần sau Bác đến, nếu có tăng gia, có rau quả cho Bác, Bác mới nhận đấy.

Có thể là Bác cũng không khuyến khích bắt san hô?

MUỐN ĐI XA, CHÂN PHẢI ĐẶT TỪ TRONG NHÀ

Trong xã hội, nhân dân thường gặp một số cán bộ, "đăng đàn diễn thuyết", thao thao bất tuyệt về chống tham ô, tham nhũng. Cũng phải thông cảm thôi. "Trót" có chức ấy không lẽ không nói.

Nhưng đó là việc với nước. Còn với nhà, thì họ gặp rất nhiều khó khăn. Cậu con trai đích tôn, thừa kế, nối tiếp dòng giống, lấy tiền của bố mẹ tiêu như rác. Đua xe, bị mất xe này, bày trò kiếm xe khác. Phu nhân của cán bộ cũng dựa vào "ghế" của chồng tác oai, tác quái. Ngày, đêm, nhất là khi nhà vợ có "việc", nước có "lễ", cửa trước, cửa sau, người vào ra nhộn nhịp, công khai kín, hở... đều có "phong bì" tất!

Bị "quản lý" tại nhà, cậu quý tử lại kiếm các trò vui khác, nghe theo bạn bè "hút thử xem sao"! Bố mẹ lo "làm ăn" sao mà "quản" được..."

Gương đã mờ, ai soi vào được!

Bác Hồ đã dạy: "Thiếu gương mẫu thì không ai theo, muốn đi xa phải bắt đầu từ bước chân gần nhất".

Ý Bác thế nào đã quá rõ.

MỘT CÂU CHUYỆN RẤT BỔ ÍCH CHO CÁC NHÀ BIÊN TẬP BÁO, SÁCH...

Nhà báo, nhà văn nước ta, dưới thời thuộc Pháp viết, in "cái gì" đó chống lại chính quyền, cổ động lòng yêu nước, có dấu hiệu kích động, tuyên truyền cộng sản, đều bị một cơ quan gọi là Ty kiểm duyệt cắt, bỏ, có khi hàng chục trang.

Tổng khởi nghĩa tháng Tám thành công, nhà văn Nguyễn Công Hoan được phân công vào đúng cái việc của Ty kiểm duyệt. Trong cơ quan mới có chàng nhân viên chế độ cũ, đã từng cắt bỏ văn chương của bao nhiêu người, trong đó có ông Hoan. Vì vậy, nhà văn có ý không "đằm thắm" lắm. Đôi lúc còn nói cạnh.

- Xưa kia, dân này vẫn xóa bài của ta.

Việc đến tai Bác. Một lần Bác mời nhà văn đến gặp. Sau đây là cuộc trao đổi:

- Ngày trước chú có viết báo phải không?

- Vâng ạ.

- Có bị "kiểm duyệt bỏ" bao giờ không?

- Thưa cụ, nhiều lắm ạ.

- Thế chú có ưa kiểm duyệt không?

- Thưa, không ạ.

- Phải nói là ghét mới đúng. Thế bây giờ làm kiểm duyệt, chú "xóa bỏ" của người ta thì chú thử đoán xem người ta có yêu chú không?

Đến đây thì nhà văn "tắc tị". Bác cười nhẹ nhàng nói:

- Kiểm duyệt và báo chí phải thân với nhau. Người ta đã đặt hết tâm trí mới viết ra được bài báo, cũng như đẻ một đứa con. Nay, mình thấy cái mặt hay cái tay của đứa bé có vết chàm, có mụn ghẻ thì nên bảo người mẹ chữa cho cháu và mách cách chữa như thế nào. Nếu mình lại chặt cái mụn, cái tay ấy đi thì đứa bé còn ra hình thù gì nữa. Đời nào bố mẹ cháu bé đồng tình với mình. Vậy khi ấy chú có biết người ta oán ai không?

Đến đây thì nhà văn trả lời được:

- Dạ, thưa cụ, họ oán chính quyền ta ạ.

- Đúng, chú nói đúng. Họ không oán chú đâu. Họ oán chính quyền. Chính quyền là của nhân dân. *Cơ quan ngôn luận, báo chí cũng là của nhân dân.* Chính quyền phải giúp báo chí, ngôn luận tiến bộ.

Bác giơ tờ báo *Quốc gia* cho nhà văn xem, trên đó chằng chịt những nét gạch chì xanh đỏ, kể cả quảng cáo. Bác cho biết gạch xanh là lỗi về chính trị, gạch đỏ là lỗi về chữ nghĩa văn chương...

Nhà văn báo cáo:

- Thưa cụ, "cái" tờ này bài viết kém, in ấn cũng kém, cháu ngại nhất là đọc "nó".

Chủ tịch nước ôn tồn:

- Báo người ta kém, mình càng phải đọc giúp họ chứ.

Mấy hôm sau Hồ Chủ tịch họp báo. Người hỏi:

- Báo *Quốc gia* đâu?

- Dạ, thưa có.

Bác cầm tách cà phê, chia đôi cho nhà báo đại diện quốc gia một nửa, nói:

- Thưởng cho chú để cố gắng.

Nhà văn Nguyễn Công Hoan có mặt ở đấy, đứng như trời trồng.

"LỘC BẤT TẬN HƯỞNG"

Đó là câu tục ngữ, câu răn dạy, khuyên bảo con người, nghĩa là "có lộc không nên hưởng hết một mình" mà nên chia sẻ cho người khác.

Tháng 8 năm 1945, trên đường từ chiến khu về Hà Nội, dừng chân ở một căn nhà làng Gạ, ngoại thành Hà Nội, khi gia đình dọn cơm, Bác đã sẻ phần thịt gà ngon, mềm vào bát cụ chủ nhà.

Trong những tháng năm kháng chiến chống Pháp, trên Việt Bắc, ăn cơm cùng với các chiến sỹ bảo vệ, anh nuôi bao giờ Bác cũng chia đều thức ăn cho cả mâm. Chị Minh Phương giúp việc chăm sóc sức khỏe Bác bày ra cái mẹo ninh gà nhừ, ít nước đặc để riêng cho Bác, Bác biết ý rất vui "thế là khôn ăn cái, dại ăn nước". Rồi Bác cũng lấy thìa san cho đủ người trong bữa ăn.

Một lần, Văn phòng Chủ tịch nước nhận được một miếng cao mật ong của các vị lãnh đạo Đảng Trung Quốc tặng. Anh em mời "Bác dùng cho khỏe".

Bác gọi đồng chí cấp dưỡng lên, nói:

- Chú đem miếng cao này xuống bếp, bỏ vào nồi, đong đủ 24 bát nước, có ít gạo tẻ, gạo nếp càng tốt, đun lên, chia đều cho 24 người của Văn phòng.

Bác cũng chỉ là một trong 24 suất ấy. Đồng chí cấp dưỡng tần ngần chưa chịu đi. Bác cười nói:

- Làm đi chứ. "Lộc bất tận hưởng" mà chú!

Viết xong bài này, một vị "người cao tuổi" cũng là "cao niên cách mạng" bảo tác giả:

- Nói xa xôi, cao siêu quá. Không chắc người ta hiểu hết ý của người viết.

- Xin mời góp thêm.

Và đây là đoạn góp thêm:

"Hiện nay trong xã hội ta có một số người mồm nói "lộc bất tận hưởng" nhưng làm thì hưởng tất. Các tiêu chuẩn đất, nhà, diện tích - hưởng đủ - có khi còn hai, ba suất. Đi họp hành ở nước ngoài - đi hết, chẳng nhường cho ai, năm nào cũng đi, nước nào cũng tới. Chỉ tiêu tuyển thêm người vào cơ quan "ôm" hết cho con cháu, "bạn... tiền, đô la chục tờ". Tuy vậy, họ cũng có "chia" đấy! Tham quan nghiệp vụ chuyên môn ngành lịch sử, báo chí, xã hội, truyền thông, họ chia cho "cô em tài vụ xinh xẻo" một vé đi cùng! Có vị còn "chia" chính sách ngay cho con trai, vợ chính thức - cả không chính thức "tháp tùng" đi theo! Chia đấy mà nhận đấy. Nói cho cùng là họ "*măng giê tú*"[(1)], húp cạn bát canh.

[(1)] Tiếng Pháp "manger tout" tức ăn hết.

Tác giả sợ người cao tuổi tăng huyết áp nên xua xua tay:

- Thôi, xin cụ... thời thế mà. Nói như một cụ khác: Thời nào, nước nào mà không tham nhũng. Xin cụ bỏ qua đi cho. Chín bỏ làm mười, cụ ạ.

Nhưng cụ không thua, gằn giọng:

- Tận hưởng thế nên sắp chết còn đòi cho được chôn ở khu này, nghĩa trang kia. Cho nên, sau khi vào "hội nhà văn" (dân nói là Văn Điển), người ta mới bôi tro lên mả, kẻ không tốt, xấu bụng mới chơi chữ "đẹp" trên bia miệng đời.

Hoảng quá, người đối thoại chắp tay:

- "Con" xin cụ ạ. Xin cụ bảo trọng!

TRÁT PHẤN LÊN BỘ MẶT GẦY GÒ

Sinh thời Bác rất ghét cái việc "đúc tượng Bác", xây dựng nhà lưu niệm Hồ Chí Minh... Bác cũng để lại di chúc dặn nên làm thế này, không nên làm thế kia.

Bác khiêm tốn, Bác sợ dân khổ, nhà nước tốn tiền. Bác cũng muốn nêu một tấm gương cho ai đó "tấp tểnh" muốn bia đá, tượng đồng? Thật sự đúng bản chất của Bác là như vậy.

Tháng 3 năm 1960, ông Phó trưởng Ty Văn hóa tỉnh Nghệ An nhân chuyến ra Hà Nội công tác được Bác mời vào gặp.

Qua loa vài câu chuyện, Bác đi "thẳng" vào vấn đề.

- Nghe nói các chú đang xây dựng to lắm ở quê Bác phải không? Ai cho tiền làm? Làm hết bao nhiêu? Ai ký cấp tiền? Làm nhà nghỉ xong chưa? Còn định làm gì nữa?

Bị "tấn công" liên tiếp, cả Phó Ty lẫn Thứ trưởng Liêm ngồi "chịu trận", không ai dám trả lời Bác đầy đủ, chỉ báo cáo là "trên" cho hơn ba ngàn, tiêu hết ba ngàn rồi.

- Số còn lại đem trả ngay chính phủ. Thiếu đồng nào là các chú phải bỏ tiền túi ra mà đền.

Bác nói tiếp:

- Gạch, ngói, vôi, đá đã mua rồi đem xây trường học, bệnh viện, nhà hộ sinh. Muốn cho quê Bác tươi đẹp là phải đoàn kết, lo sản xuất tốt, dân no đủ, đường sá sạch sẽ, trồng cây lấy gỗ làm nhà, có bóng mát cho dân… Nếu các cháu nhỏ ốm yếu, không được học hành, dân nghèo đói thì có đổ vàng lên nhà Bác cũng chỉ là trát phấn lên bộ mặt gầy gò mà thôi. Các chú nhớ chứ!

THIỂU SỐ PHẢI PHỤC TÙNG

Trong một cuốn sách của mình, Đại tướng Võ Nguyên Giáp có viết *"Bác Hồ là một lữ hành cô đơn"*. "Cô đơn" không chỉ vì Bác một thân một mình 10 năm lao động trên biển cả, trong lò bánh mì, quét tuyết, bán báo chưa có được một mái ấm, vì công tác cách mạng. "Cô đơn" còn ở chỗ như một nhà khoa học Mỹ nói: "Hồ Chí Minh đúng trong một thời điểm sai". Người ta ngủ hết mà mình tỉnh, thức thì sao không đơn chiếc!

Từ năm 1924, sau bao nhiêu suy ngẫm, thông qua thực tiễn, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc kết luận là "không thể cứu nước mà rập khuôn theo chủ nghĩa Mác, ví dụ trong đấu tranh giai cấp như các nước tư bản phương Tây - cái nôi của chủ nghĩa ấy. Nguyễn Ái Quốc chủ trương "*Bổ sung chủ*

nghĩa dân tộc vào chủ nghĩa Mác", nghĩa là cụ thể như ở Việt Nam - phải giải phóng dân tộc trước đã - mà muốn giải phóng dân tộc ở Việt Nam là phải đoàn kết các tầng lớp nhân dân, đoàn kết giai cấp, nếu có đấu tranh cũng phải từng bước, theo từng cách, không như ở châu Âu lật đổ tư sản.

Những ý kiến động trời ấy đã động đến Quốc tế Cộng sản, trái với đường lối, chủ trương, tư tưởng của Ban lãnh đạo Quốc tế Cộng sản, của đa số. Kể ra cũng phải thôi. Mác - Ăngghen rồi đến cả Lênin chưa có được nhiều thông tin về Việt Nam, thiếu thực tiễn phương Đông. Điều đó chấp nhận được. Ngay cả ở các đồng chí Việt Nam là bạn chiến đấu, là học trò của Nguyễn Ái Quốc - do nhiều nguyên nhân cũng không đồng ý với Nguyễn Ái Quốc. Làm sao mà không thiểu số, số ít, ít quá, chỉ có một mình tức là cô đơn. Họp hành, dân chủ, có giơ tay, có bỏ phiếu kín, ý kiến của Bác đôi khi chỉ được vài ba người ủng hộ. Lại vẫn thiểu số, cô đơn!

Điều đáng nói là ở "đạo đức cô đơn" của Người, Bác luôn giữ đúng kỷ luật "thiểu số phục tùng đa số". Trong khi chờ đợi Quốc tế Cộng sản, Trung ương Đảng ta, bạn bè, đồng chí, đồng bào hiểu được ý của mình, Bác kiên nhẫn, không "đối kháng", không "trêu chọc" để người ta có cớ làm điều không lành với mình, ứng xử khéo léo, vẫn đàng hoàng, "tư cách", chứ không quỵ lụy...

Trong cuộc đời công tác của mỗi đảng viên, cán bộ chúng ta cũng có thể có ai đó "thiểu số, cô đơn", "đa số phải phục tùng thiểu số" để giữ mình, để đoàn kết, mặc dù việc ấy không dễ dàng.

Thầy giáo già Hoàng Đạo Thúy vào những tháng năm cuối cùng của đời mình, trước lúc ra đi theo Bác có tâm sự:

- Vì phục tùng kỷ luật, tổ chức mà thiểu số, mà cô đơn. Thương ông Cụ quá!

PHƯƠNG PHÁP HỒ CHÍ MINH

Ta thường được huấn luyện rằng "vấn đề đầu tiên là đường lối". Rất đúng. Như hai cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, như các anh hùng "Bình Tây đại nguyên soái", như Phan Đình Phùng, tuy có thừa lòng yêu nước nhưng thiếu "thiên thời, địa lợi, nhân hòa" kết tinh vào đường lối nên chưa thành công. Sau đó là gì? "Cán bộ quyết định tất cả"! Đây là câu của Stalin. Rất chính xác. Ngay cả các loại hình tôn giáo cũng phải cần đến một thầy rao giảng, mục sư, linh mục, thầy chùa, đại đức, hòa thượng…

Theo Bác Hồ còn phải bổ sung một yếu tố nữa mới thành công: *Đó là phương pháp.*

Cũng là đánh giặc, đường lối đúng, chủ trương sát hợp, cán bộ quyết tâm, nhưng phương pháp sai, có khi không thắng, hòa, lỗ vốn. Điện Biên Phủ là một bằng chứng. Nếu mà nghe ai đó cứ "tốc chiến, tốc thắng" thì chậm, lâu mới có trận đánh "chấn động địa cầu".

Ai cũng biết "đoàn kết là sức mạnh". Ai, nắm chắc – lời dạy của Bác "đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công" nhưng cách làm - tức là phương pháp đoàn kết thế nào để thành công đâu phải chuyện dễ.

Hô hào "đoàn kết" mà anh "tự phê bình", "tự chỉ trích" không làm. Còn góp ý xây dựng với đồng chí thì anh đỏ mắt, tức tối, đập bàn khua ghế! Anh chẳng nhường ai, chẳng "hi sinh" ý kiến gì. Toàn dùng những "đòn nặng ký"!

Bác Hồ không như thế. Bác phê bình nhẹ nhàng, dùng từ ngữ "êm ái" mà sâu sắc, người được "phê" vui vẻ chấp nhận, thấy có lỗi, sửa chữa. Sai sót của cơ quan, Chính phủ, cán bộ, Bác xin nhận lỗi với đồng bào. Bác đoàn kết với mọi người đảng viên, chiến sỹ, bảo vệ, bộ trưởng, linh mục, sư tăng, đồng bào dân tộc ít người, bạn bè nhân dân thế giới, động viên toàn thể dân tộc "con Rồng, cháu Tiên" vào công việc nước, lấy "Tổ quốc trên hết", không bỏ sót ai, sang hèn, giàu nghèo, nhiều chữ, ít chữ, quan lại cũ, thông ký xưa… trong giữ nước, dựng nước.

Việc khác như học tập nước bạn, Bác cũng có phương pháp riêng. Người ta lập chính quyền "Xô Viết công nhân và binh lính", sau đó mới thành lập chính quyền dân chủ nhân dân, lập nước "dân chủ cộng hòa". Sau này báo chí có nói tới "chính quyền vô sản chuyên chính" theo cách của một nước khác. Có người hỏi tại sao không "theo" Liên Xô? Bác trả lời:

- Không theo Liên Xô không phải là mình không mác xít. Theo Liên Xô chưa hẳn đã là mác xít. Học tập chủ nghĩa Mác - Lênin là để xây dựng vào điều kiện, hoàn cảnh của Việt Nam. Ví dụ "đại đoàn kết".

Có đường lối, có cán bộ mà không có phương pháp đúng việc sẽ không thành. Cán bộ ta không ít người chưa coi trọng phương pháp, nên lấy lời dạy của Bác làm lòng.

BÁC NÓI VỀ CỜ TỔ QUỐC TA

Có người kể rằng lần nào đó trả lời câu hỏi về cờ Tổ quốc Việt Nam mang ý nghĩa gì, Bác có nói:

- Màu vàng là màu dân tộc da vàng, màu đỏ là màu chiến đấu, máu đỏ, da vàng.

Tư liệu này còn phải kiểm tra lại. Nhưng chắc chắn là Bác đã giải thích vì sao lại định ra ngôi sao 5 cánh mà không phải 6, 7 cánh?

- 5 cánh sao tượng trưng cho "sỹ, nông, công, thương, binh (trí thức, nông dân, công nhân, thương gia, binh lính).

Biết câu này nhiều nhà kinh doanh vui mừng nói:

- Thế là từ lâu, Bác đã coi trọng chúng ta.

Nói thế cũng đúng, để tự động viên. Bác chủ trương "đại đoàn kết, đại hòa hợp" làm sao lại coi nhẹ thương gia được.

Chuyện còn kể rằng khi ở Pháp năm 1946, là thượng khách của Chính phủ Pháp, đi cùng với phái đoàn Phạm Văn Đồng, trong lần tới nghỉ tại nhà ông bà Ô Brắc, ở Pari, Bác đã nói:

- Màu đỏ trên lá cờ chúng tôi là màu hoa đào miền Bắc, màu vàng là màu hoa mai ở miền Nam. Ông bà thấy đấy, Nam bộ là đất của Việt Nam. Bắc Nam là một, không ai, không có sức mạnh nào chia cắt được!

Câu sau chắc chắn là người ta viết thêm cho rõ, chứ chắc chắn Bác chỉ nói câu đầu. Và ông bà Ô Brắc cũng như nhân dân Pháp, vốn rất thông minh, hiểu ngay ý của Chủ tịch định nói gì.

BÁC "PHẢI NHƯỜNG BỘ ĐA SỐ" HAY LÀ VÌ "ĐA SỐ CHÚNG TA KHÔNG THẤY HẾT MỨC ĐỘ NGHÊM TRỌNG CỦA VẤN ĐỀ"[1]

Bước vào năm 1969, Bác như đã biết rõ số mệnh của mình, thời vận của đất nước. Ngày 26 tháng 01 năm ấy, tức là vào ngày chủ nhật mồng 9 tháng Chạp năm Mậu Thân, sau khi đi kiểm tra sức khỏe, Bác giao cho Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng chuẩn bị thành văn một bài báo theo gợi ý nội dung của Bác để kịp đăng vào ngày thành lập Đảng 03 tháng 02, nghĩa là sau đó 7 ngày. Bài viết có tựa đề "*Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*". Bác dành cả buổi sáng đọc bài viết, sửa chữa và đặt lại đầu đề bài là "*Quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng*". Bác cho đánh máy gửi mỗi đồng chí trong Bộ Chính trị để "góp ý kiến". Xét về một mặt nào đấy việc góp ý kiến này có thể coi như là Bác gián tiếp giáo dục, răn dạy, động viên người được góp ý. Khi các bản "góp ý kiến" đã đủ, Bác lấy bản của đồng chí Trường Chinh góp ý làm trung tâm, bổ sung các ý kiến của các đồng chí trong Bộ Chính trị khác, hoàn chỉnh bản mới gửi đi đánh máy lại.

Chiều ngày 30 tháng 01, tức ngày 13 tháng Chạp, Bác mời đồng chí Tố Hữu hai giờ sang làm việc[2]. Đồng chí Tố Hữu cầm một bản đọc. Bác dò theo văn bản, soát lại lần cuối.

Đọc xong, nhà thơ Tố Hữu nói:

- Thưa Bác, so với bản chúng tôi gửi sang Bác sửa lại gần hết.

---

[1] Kỷ niệm bài báo cuối cùng của Bác, kỷ niệm thành lập Đảng.

[2] "*Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử*", tập 10, tr. 293.

Bác cười nhẹ nhàng:

- Bác có sửa, nhưng các ý chính trong bài viết có sửa đâu!

Đồng chí Tố Hữu trình bày thêm một ý kiến:

- Thưa Bác, xin phép Bác đổi lại đầu đề bài viết, đưa vế "*Nâng cao đạo đức*" lên trước, để vế "*quét sạch chủ nghĩa cá nhân*" xuống sau. Cán bộ Đảng ta nói chung là tốt, chỉ có một số thoái hóa, biến chất. Bác đặt đầu đề như cũ thì *"mạnh"* quá.

Bác quay sang đồng chí Vũ Kỳ:

- Ý chú thế nào?

Đồng chí Vũ Kỳ thưa Bác là đồng ý với ý kiến của đồng chí Tố Hữu.

Bác ngồi yên một lát, rồi nói:

- Bác hỏi các chú điều này: Các chú tiết kiệm mua được một bộ bàn ghế, giường tủ mới. Trước khi khiêng vào phòng, các chú có đưa đồ cũ ra, có quét sạch sẽ không hay là cứ để rác rưởi, bẩn thỉu thế kê đồ mới vào? Các chú nói có lý nhưng không hợp lý.

Hai vị cán bộ lúng túng, chưa tìm ra được câu trả lời (thực ra cũng khó trả lời, mà Bác cũng không chờ có câu trả lời).

Bác nói tiếp:

- Vì các chú đa số nên Bác phải nhượng bộ. Đổi được đầu đề bài viết, nhưng trong bài dứt khoát phải để nguyên ý của Bác là "*quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng*".

Bước sang ngày rằm tháng Chạp, bài viết đến báo *Nhân dân*. Ngày 03 tháng 02 năm 1969 - trước tiết Lập xuân một ngày,

bài viết ký tên T.L của Bác đã đăng trên trang nhất báo *Nhân dân*, số 5409.

Sau khi biểu dương "những đảng viên trung kiên, gương mẫu làm nên những thành tích vẻ vang trải qua 39 năm đấu tranh oanh liệt", Bác nghiêm khắc phê bình một số đảng viên thoái hóa biến chất. Bác viết: *"Họ mang nặng chủ nghĩa cá nhân, việc gì cũng nghĩ đến lợi ích của mình trước hết. Họ không lo "mình vì mọi người"* mà chỉ muốn *"mọi người vì mình"*. Bác dặn: *"Phải kiên quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng, bồi dưỡng tư tưởng tập thể, tinh thần đoàn kết, gần gũi quần chúng, thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Phải cố gắng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ hiểu biết để làm tốt mọi nhiệm vụ"*.

Đến năm 1966 ấy, lại giáp tết, chắc có không ít cán bộ, đảng viên không đọc, không đọc hết "tinh ý" và hiểu được tại sao nội dung trên đề tựa bài báo lại khác những ý trong bài.

Nhiều năm sau ngày toàn thắng 30 tháng 4 năm 1975, dần dần chúng ta mới có những thông tin về bài viết ấy của Bác, bài viết chỉ còn 7 ngày nữa là Bác đi xa, bài viết được coi như một di chúc cùng với bản *"Di chúc"* của Bác hoàn thành lần cuối[1], một di chúc tập thể, tập trung vào vấn đề cốt tử, trước hết, cơ bản: Vấn đề con người, nhất là con người ấy là đảng viên, cán bộ.

Một nhà nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh nêu ý kiến: Hai mệnh đề của bài báo Bác viết đăng ngày 03 tháng 02 năm 1969 cũng giống như câu Bác dặn lại: *"Muốn xây dựng chủ*

[1] Bác viết di chúc lần đầu vào ngày 15/5/1965, bản cuối cùng hoàn thành vào ngày 19/5/1969.

nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa". Phải chăng vì đa số chúng ta không thấy hết mức nghiêm trọng của vấn đề "*quét sạch chủ nghĩa cá nhân"*, nên Bác phải nhượng bộ đa số? Phải chăng vì không dám "*mạnh*" nên việc chống tham ô, tham nhũng, chống chủ nghĩa cá nhân còn yếu? Không nên nói quá nhiều, kêu gọi nhiều, nghị quyết nhiều mà kết quả thực tế còn quá ít! Nếu chúng ta nhận thức sâu sắc vấn đề phải "*quét sạch rác rưởi, bẩn thỉu trước khi mang bàn ghế, giường tủ mới vào nhà"*, có lẽ tình hình không đến như ngày nay, kể cả ngày mai!

Một cán bộ có chức cao lại đề nghị: Nếu đúng như vậy (sao lại không đúng) thì nên đổi lại trong "*Hồ Chí Minh, toàn tập"* rằng "đầu đề chính thức của Bác đặt cho bài viết là *"Quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng"*? Chừng nào chưa "quét sạch" thì không thể "nâng cao" được. Không quét sạch được có khi còn bị hạ thấp, bị mất đi.

DẠY MÀ KHÔNG CÓ LỜI

Chúng ta được Bác răn dạy bằng lời nói, bài viết. Chúng ta còn được Bác răn dạy bằng tấm gương của Bác, bằng những răn dạy không có lời, bằng chính nhân cách của Bác.

Bằng cả cuộc đời hy sinh vì dân vì nước, Bác dạy chúng ta *"suốt đời là đầy tớ của nhân dân"*, phải coi *"có Tổ quốc mới có ta. Nước là rất trọng, ta là rất khinh"* như câu khẩu hiệu Bác đề trên tờ báo *Việt Nam độc lập* số 103 (ngày 21 tháng 8 năm 1941).

Kính trọng dân, là Chủ tịch nước, Bác xưng cháu với cụ Phụng Lục. Trong bữa ăn, có người già, em nhỏ, chiến sĩ, bao giờ Bác cũng xẻ phần món ăn ngon cho khách nhiều hơn

mình. Dạy cho những người hoang phí, cậy tiền có của, có khi là của công, lòng chúng ta đau thắt khi thấy Bác ngồi khâu đôi tất rách, phe phẩy cái quạt cọ, đi xe cũ "ai thích đi nhanh, đi xe đẹp thì đi"....

Dạy cho các vị tướng phải thương yêu chiến sĩ canh giữ bầu trời trên nóc nhà Quốc hội giữa những trưa hè nắng cháy, Bác đã bỏ tiền riêng, nhờ người mua nước cho anh em uống...

Mong ước "thế giới một nhà", Bác tặng con gái tướng Sa Lăng quả táo to nhất trong tiệc chiêu đãi, gửi thư an ủi chị Morisơn, coi tất cả những người bị áp bức trên thế giới đều là bạn bè, là "đồng bào"…

Ai là những người cộng sản trong số biết bao nhiêu đảng viên thực sự nghe lời Bác dạy? Bao nhiêu cán bộ đã làm trái lời Bác. Hám danh, tham lợi, họ bán rẻ đạo đức cách mạng, lương tâm để tham ô, lãng phí, buôn lậu, treo một tấm gương xấu đen, xú uế giữa cuộc đời của họ, chấm một vết nhơ vào lịch sử của Nhà nước, của Đảng.

Ba mươi năm sau, khi Bác ra đi, Bộ Chính trị phát động phong trào tự phê bình và phê bình trong cán bộ đảng viên. Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã chỉ thị: "Chuẩn bị tự phê bình và phê bình là một thử thách lớn về sự nghiêm túc, lòng trung thực, tinh thần dũng cảm, tinh thần trách nhiệm trước Đảng và nhân dân của các đồng chí chủ trì".

Là con cháu Bác Hồ kính yêu, yêu thương Bác, với tấm gương của Bác, qua những lời dạy của Bác, chúng ta tin chắc rằng chúng ta sẽ dũng cảm, để mãi mãi có được tấm lòng trong sáng, xứng đáng danh hiệu "người cộng sản".

CHIẾN SĨ DÂN QUÂN TRUNG QUỐC TẬN TỤY VỚI BÁC HỒ

Pác Bó thuộc huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam, nơi ở đường biên giới có dựng mốc 108. Gần đấy là thôn Mạnh Ma, thuộc huyện Tĩnh Tây, khu tự trị Choang, Quảng Tây.

Từ những năm 1930, một chiến sĩ cách mạng Việt Nam như Lê Quảng Ba, Trần Hùng Sơn đã đi lại, hoạt động tại vùng này. Các đồng chí Việt Nam đã bắt liên lạc được với một đội du kích Lao Nông liên khu Vân Nam - Quý Châu - Quảng Tây như Hà Thượng Cương, Sổm Nhật Tân, mở ra nhiều tuyến giao thông qua lại giữa hai bên, lập các trạm liên lạc bí mật tại các xã Cát Thốn, An Đức, Long Lâm, Khôi Hưng, Cà Dương, Ba Mông. Tại xóm Lang Lâm, xã Long Lâm có nhà ông Từ Vĩ Tam là nơi tạm trú của các cán bộ cách mạng Việt Nam.

Lần Cụ Ké (Hồ Chí Minh) sang Ba Mông để gặp các gia đình ở đây kết nghĩa anh em, Trương Đình Duy ở xóm Long Lâm nhiều tuổi nhất được tôn làm anh cả. Hồ Chí Minh kém mấy tháng được là anh hai, Lâm Bích Phong ở phố Vinh Lao là anh ba, Trần Hồng Sơn kém tuổi nhất xếp thứ mười.

Ngày 25 tháng 8 năm 1942, Hồ Chí Minh có chuyến công tác, vượt biên giới đến nhà Từ Vĩ Tam ở Ba Mông. Hôm ấy đã là ngày 13 tháng 7 âm lịch. Bác Hồ nán lại ăn tết Trung Nguyên với gia đình Từ Vĩ Tam. Hôm sau Bác xin phép ra đi. Gia đình Từ Vĩ Tam cử anh trai Dương Thuần Cương là Dương Đào, một thanh niên nông dân, người dân tộc Choang, chưa đầy hai mươi tuổi, dân quân của cơ sở cách mạng, làm nhiệm vụ dẫn đường.

Mờ sáng ngày 27 tháng 8, đồng chí Lê Quảng Ba lại nhà Từ Vĩ Tam, Hồ Chí Minh cùng Dương Đào ra đi. Đến xã Túc Vinh thuộc huyện Thiên Bảo thì bị quân lính Quốc dân đảng bắt giữ, mặc dầu Hồ Chí Minh có giấy giới thiệu của Phân hội Việt Nam thuộc Hiệp hội quốc tế chống xâm lược và chứng minh thư của Hội tân văn ký giả Trung Quốc, quân Quốc dân đảng vẫn bắt trói cả Hồ Chí Minh và Dương Đào giải về huyện Đức Bảo, rồi lại dong về Tĩnh Tây. Ngày 29 tháng 8, trên đường đến Tĩnh Tây, Dương Đào gặp chị của Từ Vĩ Tam đi chợ Đô An, báo qua tình hình. Chị của Từ Vĩ Tam bỏ không đi chợ nữa, quay về báo cho Từ Vĩ Tam biết. Lúc này Lê Quảng Ba vẫn còn ở Ba Mông. Mọi người bàn nhau kẻ thì về Việt Nam báo tin, người thì nghe ngóng tình hình tìm cách cứu Hồ Chí Minh. Hôm sau, Vương Tích Cơ đến huyện lỵ Tĩnh Tây, nhờ một người quen tìm đến nơi Hồ Chí Minh và Dương Đào bị giam, may mắn gặp được quân canh vốn là bạn cũ nên đã đóng vai người mang cơm vào cho Dương Đào và Hồ Chí Minh. Vương Tích Cơ báo để Hồ Chí Minh yên tâm là Lê Quảng Ba đã biết tin, đang lo tìm mọi cách. Hồ Chí Minh bèn viết một bức thư nhờ Vương Tích Cơ mang về cho Lê Quảng Ba. Trong thời gian Hồ Chí Minh bị tạm giam ở Vĩnh Tây 25 ngày (từ 29 tháng 8 đến 24 tháng 9), ngày nào Vương Tích Cơ cũng mang cơm vào nhà giam để Hồ Chí Minh dùng bữa. Dương Đào đã giúp đỡ Hồ Chí Minh trong các việc sinh hoạt hàng ngày. Chiếc liễn đựa cơm mà Vương Tích Cơ dùng nay đang được trưng bày tại Bảo tàng quân sự Bắc Kinh. Tiếp sau đó Hồ Chí Minh bị giải đi Liễu Châu, Quế Lâm... trải qua 18 nhà tù của 13 huyện… Tháng 4 năm 1943, tại Liễu Châu, anh thanh niên Dương Đào vì quá lao lực, không chịu nổi cảnh đói rét, tù đày nên đã bị bệnh lao rồi mất. Hồ Chí Minh

rất thương tiếc người chiến sĩ quốc tế mà Người coi như ruột thịt này. Người đã làm một bài thơ nhan đề "*Dương Đào bệnh trọng*" như sau:

"Sóng dậy đất bằng hỏi có sao
Đẩy anh vào ngục, anh Dương Đào?
Cháy thành lây vạ, buồn khôn xiết
Nay lại thương anh, mắc bệnh lao"[1].

Tổng khởi nghĩa tháng 8 năm 1945 thắng lợi, tiếp đến kháng chiến chống Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh chưa có dịp mời gia đình các bạn kết nghĩa ở Ba Mông đến Việt Nam được. Mãi cho tới tháng 8 năm 1963, thay mặt Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Minh đã mời Trương Kỳ Siêu, Lâm Đại Phàm và Dương Thuần Cương là em trai Dương Đào, tất cả tám người sang thăm Hà Nội, dự kỷ niệm Quốc khánh Việt Nam.

Trong tiệc chiêu đãi của Chính phủ nhân ngày 02 tháng 9 năm đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm hỏi, cám ơn các đại biểu Tĩnh Tây, tìm hiểu tình hình gia đình Dương Đào và các anh em kết nghĩa khác. Khi biết tin Từ Ứng Tiêu là con trai Từ Vĩ Tam, người đã tiến cử Dương Đào hộ tống mình năm xưa, kết duyên cùng cô Đàm Ngọc Tước cũng ở xóm Ba Mông, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhờ đồng chí Phan Tài, cán bộ lãnh sự quán Việt Nam tại Nam Ninh, thủ phủ tỉnh Quảng Tây tặng hai anh chị Tiêu - Tước bức trướng nhỏ thêu chữ "*Vĩnh viễn bất phân ly* (mãi mãi không xa nhau).

Sinh thời, mỗi năm cứ đến tết, Chủ tịch Hồ Chí Minh đều gửi thư chúc mừng và quà Việt Nam đến gia đình Dương Đào và các bạn bè ở Ba Mông.

[1] Bản dịch chữ Hán của Hoàng Trung Thông (BT).

MỖI NGÀY MỘT BÀI HỌC

Cuối năm 1943 đầu 1944, đồng chí Hoàng Điền là học sinh lớp quân sự ở Liễu Châu nghe tin có một người tù Việt Nam đang sống trong Cục Chính trị đệ tứ chiến khu. Hoàng Điền hăng hái dò tìm và đến tận nơi để thăm hỏi người tù tên là Hồ Chí Minh ấy. Đến một cái hang gần núi, có một tên lính Quốc dân đảng gác, Hoàng Điền hỏi và xin phép gặp "anh" Hồ Chí Minh. Thấy Hoàng Điền mặc quân phục, tên lính gác đồng ý dẫn "anh" Hồ Chí Minh ra.

Trước mắt Hoàng Điền là một cụ già gầy gò nhưng dáng đi nhanh nhẹn, quắc thước.

- Thưa Cụ, Cụ có phải là Hồ Chí Minh không?

Bác Hồ gật đầu rồi hỏi thăm tình hình học sinh quân ở Liễu Châu, hoạt động của các tổ chức yêu nước cách mạng ở địa phương… Sau khi Bác được tự do, Hoàng Điền được Bác thỉnh thoảng gọi cùng đi công tác. Thấy Bác có một cuốn sổ ghi lằng nhằng những chữ rất lạ kỳ, Hoàng Điền hỏi Bác là chữ gì. Bác cho biết đó là "tốc ký", viết theo lối tắt ghi nhanh dễ nhớ. Đang lúc trẻ trai, hăng hái - năm ấy mới 23 - 24 tuổi, Hoàng Điền xin Bác dạy cho. Bác dặn:

- Chú tìm một cái bút tre dài độ hai chục xentimét. Lúc nào có điều kiện là phải viết. Viết cho tới khi nào cái bút mòn đi một nửa thì được....

Hoàng Điền vâng dạ. Nhưng, nào anh có tìm bút tre, có viết gì đâu. Sau hai lần kiểm tra Bác biết là Hoàng Điền "nói mà không làm". Lần thứ ba, Bác nghiêm mặt nói:

- Chú định học để chơi có phải không? Không học thì thôi. Đã học phải học cho có kết quả.

Đó là bài học thứ nhất mà Hoàng Điền tiếp nhận được: Phải rèn luyện, phải kiên trì, phải có ý chí.

Lần khác, Hoàng Điền đi cùng với Bác tới một nơi họp. Bác dặn anh đứng tại chỗ này và khoác giữ chiếc xắc cốt để Bác đi tay không vào địa điểm. Hoàng Điền chạy tới, mở xắc cốt của Bác ra cho Minh Quang xem, tự hào mình được "ông Cụ" tin cậy giao giữ tài liệu. Minh Quang xem cặp thấy trong đó có một bản đồ. Mấy hôm sau, Minh Quang gặp Hoàng Điền thấy bạn ủ rũ, buồn rầu quá đỗi. Hỏi thăm, Hoàng Điền nói:

- Hôm trước bị "ông Cụ" phê bình. Cụ kể ra hai tội: một là bỏ địa điểm đã quy định ra nơi khác để Cụ phải trông trước, trông sau, tìm mãi mới thấy. Hai là mở trộm xắc cốt, xem trộm tài liệu. Cụ nói theo đúng quân luật là phải xử bắn. Khiếp quá. Nhưng "ông Cụ" tha cho lần đầu.

Đó là bài học cay đắng thứ hai mà Hoàng Điền học được: Việc ai người ấy biết, tuyệt đối không được "táy máy".

Không biết là Bác có định "kỷ niệm" các lỗi này của Hoàng Điền không, mà sau đó Bác đã tặng Hoàng Điền một tấm bản đồ Đông Dương vào một ngày tháng 3 năm 1945.

Giữ mãi tấm bản đồ kỷ niệm về những ngày được sống bên Bác, nguyên đại tá hiệu trưởng phân hiệu Lục quân Trung bộ Hoàng Điền[1] muốn chia sẻ vinh dự với các thế hệ mai sau nên ngày 23 tháng 10 năm 1987 đã "cúng" tấm bản đồ này vào Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh. Ngày nay, có ai đến Bảo tàng Hồ

[1] Hiện ở số nhà 8 Nguyễn Quyền, Hà Nội.

Chí Minh yêu cầu được xem tấm bản đồ này, sẽ thấy có một ghi chú như sau:

"Bản đồ đã cũ, rách các mép gập, ngoài ra còn có nhiều vết mực xanh, vết mực xanh này là do ông Minh Quang vặn bút máy sơ ý để mực dây vào".

Ông Minh Quang, sau này là cán bộ tham mưu của Quân khu 4, rồi của Bộ Tổng tham mưu chính là cái ông mà Hoàng Điền đã mở xắc cốt của Bác, khoe tài liệu. Hoàng Điền không biết rằng Bác đoán trước anh sẽ tò mò tọc mạch nên đã đánh dấu xắc cốt. Khi nhận lại xắc cốt, thấy mất dấu Bác biết ngay và luận tội anh chiến sĩ bảo vệ.

"THỦY TỔ" CỦA HAI CÂU ĐỐI TẾT THỜI ĐỘC LẬP

Tết năm 1946, năm đầu tiên nhân dân ta giành được độc lập dân tộc sau gần trăm năm bị cai trị, sống cuộc đời nô lệ, tăm tối.

Đón tết độc lập đầu tiên, các chiến sĩ cảnh vệ, cán bộ giúp việc Bác bàn nhau "xin" Bác một câu đối, theo lối cổ truyền dân tộc ta như kiểu "Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ. Nêu cao, tràng pháo, bánh chưng xanh" (thơ của Tú Xương).

Bác cười đồng ý và "cho" ngay hai câu:

"Rượu Hòa Bình, hoa Bình Đẳng, mừng xuân Độc Lập,

Bánh Tự Do, giò Bác Ái, ăn tết Dân Quyền."

"Câu đối này, bây giờ, sau này lúc nào treo cũng thời sự", đó là ý kiến của một cán bộ được gần Bác năm xưa.

BỐN LẦN "BẤT KỲ" TRONG THƯ CỦA BÁC GỬI TIỂU ĐOÀN 223

Bảo tàng Cách mạng Việt Nam có lưu giữ một bức thư của Bác, đánh máy chữ gửi Tiểu đoàn 223. Bức thư này, ai đó đã ghi thêm "tức là 29" ở đầu trang. Cuối trang lại ghi d29, e88, f308.[1]

Thư có tiêu đề "Chủ tịch Chính phủ Việt Nam - Văn phòng" bên trái, và "Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Độc lập, Tự do, Hạnh phúc" bên phải. Cuối hai dòng này là "Hà Nội… ngày… tháng… năm 194…". Có thể đây là những giấy thư sẵn của Văn phòng đưa từ Hà Nội lên chiến khu. Trong thư, các chữ "ph" được thay bằng "f", "gi" thay bằng "z", các dấu hỏi (?) được đánh sang dấu ngã, "đ" viết "d"…

Toàn văn bức thư như sau:

"Gởi Tiểu đoàn 223.

Tôi nhận được thơ các chú báo cáo thắng trận ngày 08/01/1948 và các chiến lợi phẩm các chú biếu tôi. Cảm ơn.

Các chú cần phải nghiên cứu những ưu *điểm* và khuyết *điểm* trong trận đó, và nhờ trận bại hoặc thắng các nơi khác, *dễ* rút kinh nghiệm, *dễ* học tập thêm.

Bất kỳ bao *zờ*, bất kỳ ở đâu, ta cần *fải* chuẩn bị sẵn sàng dề *fòng* cẩn thận. Bất kỳ bao *zờ*, bất kỳ ở đâu, ta *fải* liên lạc mật thiết với *zân*, *fải* làm cho *zân* mến, *zân fục, zân* yêu.

Như thế mới (mất mấy chữ) thắng lợi. Tôi mong toàn thể tướng sĩ Đoàn 223 cố gắng *dễ zật zãi thường dầu* trong cuộc luyện quân đội, lập chiến công.

[1] Nghĩa là Tiểu đoàn 29, Trung đoàn 88, Sư đoàn 308.

Các chú có *zám* hứa với *zà* Hồ như thế không.

Zà Hồ chờ báo cáo thắng trận của các chú *dễ* khen ngợi thêm các chú.

Chào thân ái và quyết thắng.

Tháng 12/1948.

Hồ Chí Minh ký và đóng dấu

Chủ tịch Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa."

Ta có thể nhận thấy trang thư mấy điều:

1. Bác xưng "tôi".

2. Bác nhắc phải nghiên cứu ưu điểm và khuyết điểm.

3. Bác bốn lần nhắc hai chữ *"bất kỳ"*.

Có lẽ là tiểu đoàn này có điều gì làm Bác không vui lòng chăng?

"CHÚ MẶC CŨNG NHƯ TÔI MẶC"

Trong kháng chiến chống Pháp, nhân dân ta từ các cụ phụ lão, phụ nữ, thiếu niên nhi đồng, các tăng ni, phật tử, đồng bào theo các tôn giáo thường gửi khăn mặt, áo len, áo trấn thủ tặng Bác. Đồng bào biết rõ, tuy là Chủ tịch nước nhưng nước còn nghèo, Bác lại sống giản dị, tiết kiệm nên chắc không muốn may mặc gì. Đồng bào sợ Bác lạnh, không chống đỡ được cái rét Việt Bắc, núi đá, sương mù...

Bác nhận được áo tặng, bao giờ cũng có thư cảm ơn, nhờ các chiến sĩ giao thông, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban nhân dân chuyển tới. Quà áo thì nhiều, nhưng nào Bác có mặc. Nay

Bác tặng ông Đặng Phục Thông, mai Bác lại nhờ người đến tặng bác sĩ Trần Hữu Tước. Đọc báo biết tin chiến sĩ liên lạc có thành tích cao, Bác chuyển tới đơn vị bộ quần áo tặng đồng chí ấy. Gặp ai không có khăn quàng, Bác cởi chiếc khăn đang quàng quấn vào cổ khách... Bác thường nói:

- Cụ mặc, chú mặc cũng như tôi mặc. Chú ấm cũng như tôi ấm.

Mùa đông năm 1948 ở Việt Bắc có lẽ là mùa đông rét nhất trong những năm kháng chiến chống Pháp. Quân dân ta tuy đã đánh tan cuộc tấn công thu đông năm 1947 của giặc Pháp nhưng cũng chưa có điều kiện để trang bị nhiều quần áo, vũ khí cho bộ đội. Năm ấy ở vùng Thái Nguyên - Tuyên Quang đến chín, mười giờ sáng mà sương mù vẫn chưa tan, mặt trời vẫn chưa rạng để sưởi ấm con người. Rét, lạnh, sương giá nên dễ bị ho. Đi phục kích địch mà không giữ được ấm cổ, ho lên vài tiếng có khác gì "lạy ông tôi ở bụi này". Không đi đánh địch, nhưng ở an toàn khu gác đêm mà bị ho thì cũng không có lợi. Anh em đã xin, đã mua và đã trồng gừng để ngậm, cố giữ ấm ngực, để không phải ho.

Có một chiến sĩ cảnh vệ trẻ, đến phiên gác tại Văn phòng Phủ Chủ tịch. Đêm đã khuya vẫn thấy ngọn đèn trong phòng Bác Hồ sáng. Anh biết là Bác đang còn 1àm việc. Và anh tự bảo là phải giữ cho đừng ho. "Ho lên, là gay lắm", như lời tiểu đội trưởng dặn. Anh xoa tay vào cổ, ngậm miệng, bịt tay chắn mũi để không cho hơi lạnh vào người. Nhưng rồi anh vẫn ho, ho nhiều...

Nghe tiếng ho, Bác đi ra, đến bên anh, nhìn anh quần áo mỏng manh, Bác nói nhẹ:

- Cháu mặc thế thảo nào chẳng lạnh.

Bác quay vào nhà lấy ra cái áo trấn thủ, đưa cho anh chiến sĩ:

- Cháu mặc vào cho đỡ rét.

Bác muốn anh chiến sĩ trẻ "cơm chưa no, lo chưa tới" này đỡ khó khăn vất vả. Anh chiến sĩ lại thương Bác nhiều tuổi, trăm công nghìn việc, nên không dám nhận.

Như hiểu ý anh, Bác giục:

- Chú cứ giữ lấy mà mặc, Bác đã có áo khoác rồi. Mặc như thế này làm sao mà chẳng ho. Thôi, mặc vào cháu.

Và tự tay Bác lồng cái áo trấn thủ vào vai anh lính trẻ Cụ Hồ.

TA KHÔNG ĂN THÌ ĐỒNG BÀO ĂN

Sau khi nhân dân ta tổng khởi nghĩa, giành được chính quyền, Hồ Chủ tịch đã ra lời kêu gọi "chống giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm". Người hô hào đồng bào ra sức tăng gia sản xuất không để một tấc đất hoang hóa. Tuân theo lời dạy của Hồ Chủ tịch, nhân dân ta đã tận dụng triệt để diện tích, trồng khoai trên các ụ chiến đấu, vỡ đất khai hoang trồng sắn, một số vườn hoa ở công sở đã trở thành những luống rau xanh.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Bác lên Việt Bắc, nay thì bản này, mai đến làng khác nhưng Bác vẫn duy trì công việc tăng gia sản xuất, phát động thi đua trồng rau, đặt giải thưởng cho "chiến sĩ tăng gia", định tiêu chuẩn trọng lượng rau mỗi người phải nộp cho nhà bếp.

Cuối năm 1949, vườn su hào, bắp cải của các chiến sĩ cảnh vệ đang phát triển. Anh em thỉnh thoảng lại sang chăm các luống rau của Bác "tìm hiểu" cách chăm bón của Bác để áp dụng và ngấm ngầm thi đua với Bác.

Đang trông chờ một vụ bội thu thì có lệnh di chuyển cơ quan. Các chiến sĩ cảnh vệ kháo nhau: "Không biết cái ông nào đạo diễn oái ăm thế...". Anh em bảo đành "gặt lúa non" vậy, định bụng trước hôm đi sẽ "nhổ hết" giải quyết "chiến trường". Có anh còn nêu sáng kiến bí mật đột kích vào vườn của Bác "tận thu" ớt non, già, xanh, đỏ... và cả rau thơm. Và muốn làm được việc này, trước hết phải đi "trinh sát".

Một buổi chiều, có anh lân la, giả vờ tạt qua vườn của Bác. Anh thấy Bác đang xới đất, đặt hạt trồng bầu, bí, mướp. Mừng quá, anh trinh sát về báo tin "không di chuyển" nữa đâu!

- Ai bảo thế?

- Đấy, "sang" mà xem Bác đang trồng mới rau.

Tiểu đội trưởng nghi nghi, ngờ ngờ, đích thân tới kiểm tra nguồn tin.

- Thưa Bác, cơ quan không chuyển nữa ạ?

- Chuyển chứ, sao lại không?

- Vì cháu thấy Bác đang trong bầu… nên nghĩ rằng cứ ở đây.

Bác đứng lên, cười tủm tỉm rồi nói:

- Các cháu sao lại nghĩ ngắn vậy. Ta cứ trồng, rau lên xanh, ta không ăn thì đồng bào ăn, lo gì. Mà con đường này các chú còn qua lại. Ra tết không có rau, đến mà xin đồng bào. Mà này, chớ có mà cắt su hào non đấy!

Tiểu đội trưởng lè lưỡi:

- Cái gì ông Cụ này cũng biết trước.

LỌ KẸO CỦA BÁC HỒ

Năm 1950, Tiểu đoàn 11 và Tiểu đoàn 26 của Sư đoàn 308 Quân tiên phong được sáp nhập với Tiểu đoàn 428 để thành lập Trung đoàn 141 thuộc Sư đoàn 312.

Cuối tháng 12 năm đó, Trung đoàn được lệnh tiêu diệt đồn Ba Huyện. Năm 1951, Trung đoàn nổ súng tấn công và đã hoàn thành nhiệm vụ.

Ngày 22 tháng 02 năm 1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư khen cán bộ và chiến sĩ tham gia chiến dịch Trần Hưng Đạo "lần đầu tiên ở đồng bằng đã chiến thắng các binh đoàn lưu động tinh nhuệ nhất của giặc". Riêng Tiểu đoàn 11, Tiểu đoàn đã tiêu diệt địch ở Phủ Thông và vinh dự mang tên Tiểu đoàn Phủ Thông được Bác Hồ thưởng một lọ kẹo. Bộ Tư lệnh đại đoàn cho biết "đây là kẹo của Hội Phụ nữ Trung Quốc nhờ La Quý Ba - Đại sứ Trung Quốc tại Việt Nam chuyển tới biếu Bác".

Nhận được lọ kẹo, Ban Chỉ huy tiểu đoàn bị đặt trong một tình huống "gay cấn" - kẹo ít, người nhiều, làm sao để ai cũng được nhận món quà của Bác, có ý kiến "để anh em dân chủ bàn bạc xem sao".

Trong buổi họp tổng kết chiến đấu, Ban Chỉ huy tiểu đoàn cũng nêu vấn đề "giải quyết" lọ kẹo. Có một ý kiến "nên học tập cách làm như bài "*Bình Ngô đại cáo*" đã viết là hòa rượu khao quân"[1]. Mọi người đều nhất trí hoan hô vỗ tay.

Hôm sau, tiểu đoàn tổ chức đêm lửa trại, trên ngọn lửa hồng là một nồi nước to. Sau khi chuyền tay nhau xem lọ kẹo

[1] Câu đầy đủ là "Chung dân bốn cõi một nhà, dựng cần trúc ngọn cờ phấp phới; Tướng sĩ một lòng phụ tử, hòa nước sông chén rượu ngọt ngào."

của Bác, rồi Ban Chỉ huy tiểu đoàn bớt ra một số dành tặng các đồng chí thương binh, đồng chí Tiểu đoàn trưởng đổ lọ kẹo vào nồi giữa tiếng hoan hô vang dậy của cả tiểu đoàn.

Đêm ấy, Tiểu đoàn Phủ Thông không biết rằng trước đó mấy hôm, tại Văn phòng Phủ Chủ tịch cũng đã diễn một cảnh tương tự.

Số là, Mao Chủ tịch có gửi tặng Bác Hồ một miếng cao mật ong đặc sánh. Bác không chịu dùng riêng cho mình mặc dù anh em đã khẩn nài để Bác tẩm bổ. Bác yêu cầu đồng chí cấp dưỡng nấu một nồi cháo nếp, đổ 24 bát nước, đun sôi nhừ gạo rồi thả miếng cao vào. Sau đó, múc ra đủ 24 bát cho 24 anh em nhân viên, cảnh vệ, cán bộ Văn phòng Phủ Chủ tịch mà Bác cũng là một thành viên.

ĐƯỢC BÁC LÀM MỐI

Bác không có gia đình riêng, nhưng có một gia đình lớn là đồng bào trong nước. Một gia đình lớn hơn nữa là nhân dân lao động, các bạn bè quốc tế trong bốn biển, năm châu. Bác lại hay "làm mối" chắp sợi tơ hồng cho nhiều đôi cán bộ, chiến sĩ.

Năm 1950, sau khi gặp đồng chí Lê Giới, Bác cho mời Cục trưởng Cục Vận tải là cấp trên của đồng chí đến. Bác nói:

- Chú Giới, đại đội trưởng xe cần cù, chịu khó cũng đã lớn tuổi, chú là lãnh đạo chú phải lo hạnh phúc gia đình cho chú ấy chứ.

Cục trưởng Trần Cư thưa:

- Dạ, cháu cũng có ý định giới thiệu cô Quách Thị Vinh cho đồng chí Giới nhưng còn ngại.

- Ngại gì...

- Thưa Bác, cô Vinh là học sinh, đỗ "đíp lôm"[1] rồi mà đồng chí Giới thì văn hóa lớp ba.

- Đó không phải là điều đáng "ngại". Nếu cô Vinh thực sự thương yêu chú Giới, chú Giới cũng thực sự yêu thương cô Vinh thì cô Vinh sẽ dạy văn hóa cho chồng, chú Giới sẽ dạy cho vợ về kỹ thuật.

Ít lâu sau, đám cưới của cô tiểu thư tư sản với anh công nhân được tổ chức.

Ít lâu sau nữa, đồng chí Lê Giới đã có trình độ kỹ sư…

ĐỜI SỐNG CỦA DÂN QUAN TRỌNG HƠN

Năm 1951, hai nhà quay phim chiến sĩ miền Nam Nguyễn Thế Đoàn, Lê Minh Hiền được tham gia đoàn cán bộ miền Nam ra Việt Bắc.

Đoàn đã được Bác Hồ tiếp thân mật và tổ chức đón tiếp long trọng tại Văn phòng Chủ tịch nước. Riêng mấy anh em điện ảnh miền Nam còn được Bác mời dự cuộc liên hoan lửa trại đầm ấm. Anh em đề nghị Bác cho phép "quay" một số cảnh làm việc, sinh hoạt của Bác. Bác đồng ý. Với chiếc máy quay phim "cổ lỗ sĩ" và số mét phim ít ỏi, Lê Minh Hiền đã ghi được một số hình ảnh rất quý giá - cho đến ngày nay là vô giá - về Bác Hồ.

---

[1] Danh từ tiếng Pháp chỉ người có trình độ đệ tứ niên - trung học dưới thời thuộc Pháp.

Đồng chí Hiền và đồng chí Đoàn vẫn còn áy náy là Bác mặc quần áo giản dị quá, sợ mang về miền Nam chiếu lên, đồng bào có thể hoặc là quá xúc động, hoặc là chê trách người quay phim. Đồng chí Đoàn bàn với đồng chí Hiền đề nghị Bác mặc bộ ka ki đại cán, kiểu Tôn Trung Sơn, bộ độc nhất của Bác để quay "cho đẹp".

Tưởng Bác đồng ý, nào ngờ Bác nói:

- Bác như thế đấy, có thế nào các chú cứ thế mà quay.

"Thua keo này, lại bày keo khác. Lâu lâu hai anh em lại "xin" Bác mặc đại cán "cho". Thấy các nghệ sĩ năn nỉ mãi, Bác cũng đành mặc "cho" đôi ba lần, những khi cần thiết... Tổ làm phim còn quay được một số cảnh Bác đánh máy chữ, trồng rau xanh, đi công tác, lội suối, cưỡi ngựa. Anh em còn định xin quay một số cảnh nữa về đời sống của Bác.

Bác nói:

- Thôi! Đời sống của Bác lúc này không quan trọng bằng đời sống của nhân dân.

MẤY LỜI GIỚI THIỆU CUỐN "TỈNH ỦY BÍ MẬT" CỦA HỒ CHÍ MINH

Nhiều người trong chúng ta đều biết, vào năm 1951, Bác Hồ có dịch cuốn *"Tỉnh ủy bí mật"* từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt. Nói là "dịch" nhưng thật ra, Bác đã "sáng tạo", đã dùng một phong cách viết gần gũi công nông, nhằm đối tượng chính là chiến sĩ, người dân thường để "toàn dân, gái, trai, già, trẻ, sĩ, nông, công, thương, ai cũng có thể tham gia (du kích)".

Bác viết:

"Mấy lời giới thiệu,

Lần này là lần đầu tiên mà tôi viết bài tựa cho quyển sách, vì quyển sách này ra đúng dịp. Nó ra trong lúc chúng ta đang cố đẩy mạnh phong trào du kích. Kinh nghiệm du kích ở Liên Xô, ở Trung Quốc và nước ta chứng tỏ rằng du kích là một lực lượng cực kỳ to lớn trong chiến tranh giải phóng dân tộc. Sức du kích thật mạnh thì chiến tranh giải phóng nhất định thắng lợi.

Tổ chức chặt chẽ và rộng khắp, trong vùng địch và xung quanh vùng địch, làng nào, huyện nào, tỉnh nào cũng có du kích thì nó trở thành một tấm lưới sắt, một thứ "thiên la, địa võng" mà địch không tài gì thoát ra được.

Địch đi đến đâu cũng bị chặn đánh. Địch làm cái gì cũng bị phá hoại. Du kích làm cho địch có mắt cũng như mù, có tai cũng như điếc, có chân tay cũng như què. Một bộ phận địch thì bị du kích tỉa dần, tỉa mòn. Bộ phận địch còn sống sót, thì ăn không ngon, ở không yên, nghe gió thổi chim kêu cũng hoảng sợ, rồi cũng bị du kích tiêu diệt nốt. Du kích tổ chức khéo, thì toàn dân gái trai già trẻ, sĩ nông công thương, ai cũng có thể tham gia. Người thì lo đánh giặc, người thì lo tiếp tế, tình báo, liên lạc, tuyên truyền. Mọi người đều có dịp phụng sự Tổ quốc.

Muốn đạt được mục đích ấy, cần có mấy điều[1]:

- Đoàn thể và chính phủ phải tăng cường *lãnh đạo* phong trào du kích.

---

[1] Trong bản gốc có thêm một chữ "chính" viết bằng bút mực.

- *Tư tưởng* của cán bộ và nhân dân phải thấu suốt: Tin tưởng sâu sắc vào chính sách của đoàn thể và chính phủ. Tin tưởng sâu sắc vào lực lượng của nhân dân, vào thắng lợi cuối cùng của dân tộc.

- *Cán bộ* phải đi thật sát với dân, phải làm cho dân tin, dân phục, dân yêu.

- *Nhân dân* phải nồng nàn yêu nước và sẵn sàng hy sinh cho Tổ quốc, cho hạnh phúc tương lai của giống nòi.

Ta có sẵn nền tảng nhân dân, chỉ cần củng cố thêm. Ta sẵn có cán bộ, chỉ cần đào tạo thêm. Ta sẵn có phong trào du kích, chỉ cần ra sức phát triển thêm.

Kinh nghiệm du kích ở Liên Xô sẽ giúp thêm chúng ta và chúng ta nhất định thành công trong việc đẩy mạnh phong trào du kích.

02/9/1951

H.C.M"

Kèm theo "Lời giới thiệu" này, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam còn một thư nhỏ của Bác như sau:

"Tố Hữu

Các chú cùng *vài anh em công nông*, xem và sửa chữa quyển này, rồi cho in.

Thế nào, báo cáo cho B[1] biết.

Quyển 2 sẽ tiếp tục dịch.

Quyển 3 đang viết thư hỏi.

Thân ái".

[1] B viết tắt chữ "Bác".

"QUÀ MÌNH CÓ VẬY!"

Cuối tháng 02 năm 1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh kiểm tra kho để tiền ở trong một hang núi Nà Khoang gần Bô Ca, huyện Ngân Bình, tỉnh Cao Bằng. Khi đơn vị tự vệ vũ trang cùng một số nhân viên Ngân hàng Nhà nước Việt Nam canh giữ.

Nhìn thấy dãy kè đá gọn ghẽ, sạch sẽ, Bác khen:

- Các chú nhờ ai mà xếp đá kè gọn thế!

Anh em báo cáo:

- Thưa Bác, đó là nhờ công nhân ở mỏ Tĩnh Túc ạ.

Bác biết ở Cao Bằng có một số người dân tộc người Hoa nhẹ dạ đi theo Pháp đã giao nộp vũ khí cho chính quyền. Người hỏi:

- Số anh em người Hoa, người dân tộc có mặt ở đây không?

Được biết là anh em có mặt, Bác đến thăm sức khỏe và hỏi:

- Các chú đã trồng được rau xanh chưa? Có học chữ không? Có giúp dân bản học chữ không?

Anh em thưa với Bác là không có dầu để đốt đèn học ban đêm. Bác góp ý:

- Nói với các chú bên đoàn xe quân sự có dầu thải dừng đổ đi mà cho đồng bào thắp đèn, vì ta chưa có khả năng mua dầu hỏa...

Khi vào hang, hai chiến sĩ cảnh vệ mang một chậu và một ống bương nước suối để Bác rửa tay chân. Đồng chí cảnh vệ

định đổ cả ống bương nước vào chậu, nhưng Bác ngăn lại. Bác tự tay đổ lấy khoảng một phần ba nước trong ống bương. Sau khi rửa tay, Bác bê chậu nước đến một gốc cây nhỏ trước cửa hàng, từ từ dội nước từ bàn chân xuống gót chân, không một giọt nào ra ngoài, "tưới" cho cây.

Nói chuyện với anh em, Người căn dặn:

- Phải giữ gìn đoàn kết dân tộc với đồng bào Mán đỏ, đoàn kết Việt - Hoa.

Người lấy từ trong túi ra hai gói thuốc lá:

- Quà của mình có vậy, các chú chia nhau mà hút.

HÒ HÉT MÀ KHÔNG LÀM

Cuối năm 1952, đoàn cán bộ, chiến sĩ miền Nam ra Việt Bắc, được gặp Bác Hồ.

Bác ân cần hỏi thăm sức khỏe từng đồng chí, đi đường có ai ốm đau gì không, có đủ áo ấm chưa, đã được cấp phát những gì...

Thay mặt cho hơn năm mươi anh em, một đồng chí báo cáo:

- Thưa Bác, từ khi đến đất khu Bốn rồi lên Việt Bắc đến nay, chưa được cấp phát gì cả ạ.

Bác quay sang đồng chí Võ Nguyên Giáp nói:

- Chú Văn phải lo việc này cho các chú ấy. Chú Văn phải chiêu đãi các chú nhân dịp ta vừa chiến thắng Nghĩa Lộ…

Sau đó, Bác mời cả đoàn đi ăn cơm. Bác nhìn hết đồng chí này đến đồng chí kia, gắp thức ăn cho từng người quên cả ăn.

Tan tiệc, Bác tặng mỗi đại biểu một cái kẹo, một điếu thuốc lá "Đại Tiên Môn" của Trung Quốc, quà của cố vấn nước bạn tặng Bác, Bác nói:

- Kẹo và thuốc lá của các cố vấn Trung Quốc biếu Bác, Bác biếu lại các chú.

Đếm người, thấy thiếu một đồng chí, Bác hỏi.

- Ai không có mặt?

Anh em thưa:

- Thưa Bác, có đồng chí Hoàng mệt, không đến được ạ.

Bác bèn chia phần kẹo, thuốc lá cho đồng chí Hoàng.

- Bác gửi quà cho chú Hoàng.

- Bác còn dặn thêm phải giữ ấm ngực, năng tập thể dục, ít ngủ trưa...

Một buổi sáng, như thường lệ, Bác vẫn dậy sớm, tập thể dục…

Bác đến từng lán của các đại biểu chính trị, quân sự, miền Trung, miền Nam giục xuống sân. Đến một lán khuất Bác nghe hô "một hai, một hai..." nhưng không nghe tiếng chân giậm. Đến nơi, thì chẳng thấy một ai cả.

Người trèo lên sàn, lật chăn, kéo chân "chư vị đại biểu" trách nhẹ:

- Này, các chú nằm trên giường tập thể dục bằng mồm à...

"NHÂN DỊP NĂM MỚI, BÁC CHÚC CÁC CHÚ THẤT NGHIỆP"

Ngày 03 tháng 8 năm 1966, Bác Hồ viết thư *"Thân ái gửi chiến sĩ và cán bộ Đội phòng cháy, chữa cháy Công an Hà Nội"*. Sau khi khen ngợi "các đồng chí đã bình tĩnh, tích cực, dũng cảm luôn luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ...", Bác dặn thêm bốn điều là "nâng cao cảnh giác, thường xuyên sẵn sàng, không ngừng học tập rèn luyện, hướng dẫn bồi dưỡng cho lực lượng dân phòng...".

Bốn chữ "Phòng cháy, chữa cháy" là do Bác sửa lại các chữ "Phòng hỏa, cứu hỏa" trong dự thảo Pháp lệnh mà Bộ Công an trình Bác duyệt trước khi thông qua Quốc hội.

Bác nói đại ý:

- "Hỏa" là chữ Hán, ta có chữ "cháy" sao không dùng. Đã là đám cháy thì phải dập tắt nó đi, chứ việc gì mà lại cứu nó...

Bác thường nhắc nhở "phòng bệnh hơn chữa bệnh", vừa phòng cháy để khỏi cháy, vừa phải luôn luôn sẵn sàng để chữa cháy khi xảy ra cháy.

Ngày 01 tháng 01 năm 1955, trong ngày lễ mừng Trung ương Đảng và Chính phủ trở về Thủ đô sau 8 năm kháng chiến, Đội cứu hỏa của Hà Nội giao nhiệm vụ cho tiểu đội đồng chí Lục Văn Giỏi sẵn sàng bảo vệ lễ đài, đề phòng bất trắc.

Cuộc mít tinh kết thúc an toàn, thắng lợi. Từ trên lễ đài, Bác đi xuống đến gặp tiểu đội cứu hỏa nói:

- Nhân dịp năm mới, Bác chúc các chú thất nghiệp. Nếu các chú có việc làm luôn thì nhà dân cháy hết.

CHIA SẺ NGỌT BÙI

Đầu năm Ất Mùi 1955, Hồ Chủ tịch đến thăm Trung đoàn 141, Sư đoàn 312 được mang danh hiệu Sư đoàn Chiến Thắng bấy giờ đang đóng quân tại Bắc Ninh.

Người đi thăm nhà ăn, nhà bếp, nơi ở của cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị. Hòa bình trên nửa nước chưa được một năm, nhân dân và Chính phủ cũng chưa có điều kiện để cải thiện đời sống cho bộ đội. Quân và dân cũng vừa mới bước chân từ trên rừng xuống đồng bằng, xuống biển, cũng vừa mới đồng cam cộng khổ hôm nào. Chắc là Chủ tịch nước đã thấy trong "xây dựng chính quy, hiện đại" là khẩu hiệu của đơn vị, có cái gì đó "chưa ổn" nên Người nhắc nhở.

- Ta còn nghèo, nhưng cán bộ đừng ỷ vào cái nghèo mà lơ là việc chăm sóc bộ đội. *Có ít mà cán bộ hưởng cả đến chiến sĩ không có thì như thế là không biết thương yêu chiến sĩ…*

Ít ai biết là sáng 30 tết năm đó, năm hòa bình đầu tiên Bác Hồ đã mời toàn đội cảnh vệ, những chiến sĩ bảo vệ Bác trên Việt Bắc đến ăn cơm tết với Chủ tịch nước.

Có anh em đến đúng giờ, nhưng nhiều người lại muốn đến sớm để được gặp Bác lâu hơn mặc dù nghĩ rằng chưa đến giờ chắc Bác cũng chưa có mặt.

Tới nơi, chủ nhà là Bác đã chờ khách từ rất sớm. Bác niềm nở, vui mừng bắt tay từng chiến sĩ hỏi:

- Các chú đi đủ cả chứ! Sao ít thế?

Đồng chí phụ trách thưa:

- Thưa Bác, có mấy đồng chí ở xa, được tin không về kịp ạ.

Bác nói:

- Bác sẽ đón tiếp các chú ấy sau.

Khi mọi người ngồi vào bàn, Bác đứng lên:

- Tết năm nay, Bác mời các chú đến ăn tết với Bác cũng như mọi năm trên Việt Bắc thôi…

Bác tự tay bưng đĩa thức ăn ngon nhất đi vòng quanh bàn, sẻ vào bát từng người. Bữa cơm tết có đủ các món ăn dân tộc cổ truyền. Bác giục các chiến sĩ lúc thì gắp giò, lấy miến, khi thì xắn bánh chưng...

Bác nhìn vào các chiến sĩ vừa ăn vừa nói chuyện vui vẻ… Có anh hồi tưởng:

- Thưa Bác, Bác có nhớ năm nào, đêm 30 Bác vác một bị cam sang chia cho các cháu không ạ?

- Năm 1949 đấy.

Rồi Bác nói:

- Hôm nay là ngày tết Nguyên đán. Bác cháu ta cùng vui tết và cùng nhau nhớ lại những ngày gian khổ trên núi rừng Việt Bắc...

"Những ngày gian khổ" trên Việt Bắc là những năm kháng chiến chống Pháp, là những tháng, năm chỉ có cơm gạo hẩm, muối tranh... Bác cháu có ngày tránh địch không một hạt cơm vào bụng, Bác đã ít ăn, công việc nhiều người đen sạm đi, anh em nhìn Bác mà rưng rưng nước mắt. Thế mà, có cái gì ngon cũng nhường, cũng chia, mình chỉ giữ phần ít, nhiều nhất là cũng bằng mọi người.

PHẢI CÓ TINH THẦN DÂN TỘC VỮNG CHẮC VÀ TINH THẦN QUỐC TẾ ĐÚNG ĐẮN

Ngày 29 tháng 5 năm 1955, báo *Nhân dân* đưa tin bảy giờ tối hôm qua, Trường Đại học Nhân dân Việt Nam đã làm lễ khai giảng một cách trọng thể. Đến dự có Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng, ông Tôn Quang Phiệt, Hoàng Minh Giám, Nguyễn Khánh Toàn, Nguyễn Lương Bằng, Vương Thừa Vũ, Trần Duy Hưng…

Hồ Chủ tịch đến. Những tiếng hoan hô, những tràng vỗ tay vang lên…

Người khuyên nhủ các sinh viên noi gương sáng của các thanh niên anh hùng như La Văn Cầu, Nguyễn Thị Chiên, các thanh niên chiến sĩ như Lê Văn Phát, Nguyễn Trọng Thủy....

Mấy chục năm sau, toàn văn bài nói của Người tối hôm ấy được đưa vào bộ "*Hồ Chí Minh, toàn tập*". Chúng tôi xin trích một đoạn Bác nói với các thanh niên - chiến sĩ - sinh viên:

Trước hết phải yêu Tổ quốc, yêu nhân dân. Phải có tinh thần dân tộc vững chắc, và tinh thần quốc tế đúng đắn. Nhiệm vụ của thanh niên không phải là hỏi nước nhà đã làm cho mình những gì? Mà phải tự hỏi mình đã làm gì cho nước nhà. Mình đã vì lợi ích nước nhà mà hy sinh phấn đấu chừng nào. Thanh niên cần phải chống tâm lý tự tư tự lợi, chỉ lo lợi ích riêng và sinh hoạt riêng của mình. Chống tâm lý ham sung sướng và tránh khó nhọc. Trong xã hội cũ có nhiều nọc độc nó làm hại thanh niên. Nhất là văn hóa độc ác của Mỹ, nó dùng mọi cách như sách báo, phim ảnh, v.v... để làm cho thanh niên hư hỏng, trụy lạc. Thậm chí một số thanh niên hóa ra lưu manh, trộm cắp, cờ bạc".

Khi đọc đến những lời dạy trên, một nhà giáo dục phát biểu:

- Cứ như là Cụ Hồ nói ngày hôm nay.

XA XỈ THÌ NHIỀU BỆNH, CẦN KIỆM THÌ SỐNG LÂU

Nhân dân ta, ai ai cũng thuộc câu "Nhân sinh thất thập cổ lai hy" (Người thọ bảy mươi xưa nay hiếm) của Đỗ Phủ mà Bác viết trong "*Di chúc*". Nhưng chắc cũng ít người được biết là trước đó gần mười lăm năm, Bác đã viết bài "*Nhân sinh thất thập cổ lai hy*" ký bút danh C.B đăng trên báo *Nhân dân* số 367, ngày 04 tháng 3 năm 1955.

Một cán bộ ở gần Bác kể rằng bài báo đó của Bác là do "hai yếu tố" hợp thành.

Thứ nhất là, khi Bác đọc báo biết được ở Liên Xô có nhiều người sống lâu trên trăm tuổi. Các cụ này nêu bí quyết là ăn uống điều độ, làm việc chăm chỉ và sống ở nơi môi trường trong sạch, không khí tốt lành.

Hai là, sau khi đến thăm và dự liên hoan với một đơn vị, thấy nhiều món, nhiều cá, thịt, giò cắt dày để "cắn ngập răng", Bác có ý không vừa lòng. Đành là ăn mừng tổng kết, nhưng đâu cứ phải là có "chén" mặn. Sau bữa liên hoan ấy, cán bộ quân y đơn vị phát gần hết thuốc chống ỉa chảy cả quý chỉ trong mấy ngày...

Bài báo của Bác kết luận:

"Xa xỉ thì nhiều bệnh
Cần kiệm thì sống lâu".

Một cụ già biết hai câu này của Bác Hồ, nói với con:

- Câu ấy là Bác dạy các con đấy. Nói khác ra là: cần kiệm thì sống lâu, xa xỉ thì chóng chết. "Sống" có nhiều ý lắm.

ĐẠO ĐỨC NGƯỜI ĂN CƠM

Một chiến sĩ bảo vệ Bác - sau này đã được phong quân hàm cấp tướng - có lần nói rằng:

- Bác thường dạy quân dân ta "cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư". Bác dạy phải làm gương trước. Bác dạy phải nêu cao đạo đức cách mạng. Có cán bộ nghĩ rằng "đạo đức cách mạng" là để áp dụng trong công tác thôi. Bản thân tôi, được gần Bác thấy ngay trong khi ăn cơm, Bác cũng đã dạy cho chúng tôi thế nào là "đạo đức".

Thứ nhất, Bác không bao giờ đòi hỏi là Chủ tịch nước phải được thứ này, thứ kia. Kháng chiến gian khổ đã đành. Bác sống như một người bình thường, khi hòa bình lập lại, có điều kiện Bác cũng không muốn coi mình là "vua" có gì ngon, lạ là "cống, tiến".

Thứ hai, món ăn của Bác rất giản dị toàn các món dân tộc, tương cà, cá kho... thường là chỉ ba món trong đó có bát canh, khá hơn là bốn, năm món thôi.

Thứ ba, Bác thường bảo chúng tôi ăn món gì cho hết món ấy, không "đụng đũa" vào các món khác. Gắp thức ăn cũng phải cho có ý. Cắt miếng bơ cũng phải cho vuông vức.

Nhớ lần đi khu Bốn, đồng chí Bí thư và Chủ tịch Quảng Bình ăn cơm với Bác, trong mâm có một bát mắm Nghệ hơi nhiều. Bác dùng bữa xong trước, ngồi bên mâm cơm. Hai cán bộ tỉnh ăn tiếp rồi buông đũa. Bác nhìn bát mắm nói:

- Hai chú sẻ bát mắm ra, cho cơm thêm vào ăn cho hết.

Hai "quan đầu tỉnh" đành phải ăn tiếp vừa no, vừa mặn... Chiều hôm đó, hai đồng chí đưa Bác đi thăm bờ biển, trời nắng, ăn mặn nên khát nước quá. Lần khác, một cán bộ ngoại giao cao cấp người Hà Tĩnh được ăn cơm với Bác, đã gắp mấy cọng rau muống cuối cùng vào bát tương ăn hết. Tưởng là đã "hoàn thành nhiệm vụ" nào ngờ Bác lại nói:

- Tương Nghệ đồng bào cho Bác, ngon lắm. Cháu cho thêm ít cơm vào bát "quẹt" cho hết!...

Thứ tư, có món gì ngon không bao giờ Bác ăn một mình. Bác sẻ cho người này, người kia rồi sau cùng mới đến phần mình, thường là phần ít nhất. Ăn xong thu xếp bát đũa gọn gàng, để đỡ vất vả cho người phục vụ.

Thứ năm, tôi có cảm giác là đôi lúc, khi ăn cơm có những giây phút Bác cầm đôi đũa, nâng bát cơm, Bác như tư lự nghĩ về cái gì đó. Tưởng như Bác nghĩ đến đồng bào, cụ già, em bé đói rách ở đâu đâu. Tưởng như Bác nhớ lại những ngày lao động ở xứ người kiếm từng mẩu bánh để ăn, để sống, để làm cách mạng... Hay là Bác lại nghĩ đến những lần bị tù đày không có cái gì ăn. Thật khó hiểu mà càng khó hiểu tôi lại càng thương Bác quá, thương quá. Bây giờ vào những bữa tiệc cao lương, mỹ vị, rượu bia thức ăn bày la liệt, quái lạ tôi lại nhớ đến Bác rồi... có ăn cũng chẳng thấy ngon bằng khi xưa ngồi vào mâm cơm đạm bạc với Bác.

NHỚ ƠN ĐỒNG BÀO VIỆT BẮC

Tháng 12 năm 1994, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng tổ chức kỷ niệm 50 năm thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân trên đất Cao Bằng. Ban Tổ chức

đã mời quan khách đến thăm suối Lê-nin, hang Pác Bó, mộ Kim Đồng, thăm hỏi tặng quà các gia đình ngày trước có công lớn nuôi cán bộ cách mạng, nuôi Cụ Ké (Chủ tịch Hồ Chí Minh). Khách đến thăm gia đình có công với cách mạng không khỏi băn khoăn vì đồng bào còn nghèo đói quá. Có nhà, cơ ngơi, tài sản không đáng giá mấy trăm ngàn. Đồng chí Bí thư xã cho biết "mỗi năm Pác Bó còn đói từ ba đến bốn tháng".

Một cán bộ cao cấp quân đội đã từng được đồng bào Việt Bắc nhường khoai sẻ sắn kể rằng: Tháng 02 năm 1956, số cán bộ kháng chiến đã có những dấu hiệu "hòa bình chủ nghĩa", ăn trắng mặc trơn, quên dần đi nước uống từ nguồn nào, quả ăn từ cây ở đâu, không nhớ ai mà ta có được cái tết no đủ này. Tình hình ấy không lọt qua được đôi mắt của Bác. Bác thông cảm với anh em cán bộ trẻ sau gian khổ, khó khăn cũng muốn "xả hơi" một chút. Bác không muốn anh em mất vui. Nhưng Bác thấy cần phải nhắc nhở thân ái phê bình. Bác liền viết bài *"Mừng xuân mới, nhớ xuân cũ"*. Trong bài, tác giả "biểu dương" nhiều cán bộ, chiến sĩ ta mừng xuân mới trong hòa bình ấm no, nhưng cũng không quên những cái tết trong kháng chiến gian nan ngày trước. Người viết: "Với những người cách mạng từ 30 xuân trở lên, nhớ xuân cũ có nhiều màu, nhiều vẻ: có người mừng xuân trong trại giam, nhà tù, có người mừng xuân ở góc rừng, hang đá, còn những người hoạt động ở nước ngoài thì trông về cố quốc đón xuân...

Vì nghĩa cũ tình xưa, mừng xuân trong hòa bình, nhiều cán bộ, chiến sĩ càng thấm thía nhớ đến đồng bào Việt Bắc".

Bài ấy đăng trên báo *Nhân dân* hai ngày liền là 14 tháng 02 năm 1956 số 712, ngày 15 tháng 02 năm 1956 số 713. Ý của Bác "Không nên nói quá ba lần, quá tam ba bận".

Được biết, một số cán bộ cũng không đọc được (hay không đọc - không được đọc) bài báo đó, ít lâu sau mới biết thấy như mình có lỗi. Có cán bộ đọc xong bài báo, cử người lên Việt Bắc, chúc tết, tặng quà đồng bào Việt Bắc. Trở về, cán bộ đó có ý thưa Bác là "cháu mới từ Việt Bắc về", Bác biết, nhưng làm thinh. Anh cán bộ hiểu rằng thấm thía nhớ đến đồng bào Việt Bắc là lương tâm, là đạo lý, là đạo đức của người cách mạng Việt Nam, là điều cần làm, phải làm… Có gì lớn lao, thành tích quan trọng mà còn mong được Bác khen.

BÁC CHÁU ĐỀU GIỮ Ý

Đầu năm 1959, một đoàn cán bộ và chiến sĩ sắp rời miền Bắc đi "mở đường" vào miền Nam.

Bác đến thăm 22 anh em đó, xem từng chiếc ba lô, nhấc lên ước chừng nặng bao nhiêu kilôgam, nhắc nhở anh em mọi điều cần thiết, kiểm tra từng que diêm, tờ giấy, đồng hồ.

Thấy đồng chí Lê Ngọc Bạch không có đồng hồ, Bác hỏi:

- Cháu không có đồng hồ à?

Đồng chí Bạch biết tính Bác, không dám phiền Bác nên trả lời:

- Dạ, cháu về trễ, nên đi luôn. Anh em trong đoàn nhiều đồng hồ lắm rồi ạ.

Bác gật đầu, không nói gì. Tối hôm ấy, có tiệc chiêu đãi tiễn chân anh em lên đường. Một đồng chí cán bộ ở Văn phòng Chủ tịch phủ đến, hỏi:

- Đồng chí Bạch có đây không?

Đồng chí Bạch đáp: "Có".

Đồng chí cán bộ đưa cho đồng chí Bạch một chiếc đồng hồ:

- Đây là chiếc đồng hồ của Bác. Bác tặng đồng chí…

Đồng chí Bạch giữ ý không dám phiền Bác, Bác thương đồng chí Bạch, nhưng lại giữ ý không thể tặng ngay chiếc đồng hồ.

Giờ đây nếu có đồng chí nào muốn xem chiếc đồng hồ này, xin mời tới nhà Bảo tàng thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.

VẤN ĐỀ LÀ PHƯƠNG PHÁP

Ông Thu Lâm - cán bộ của Trường Phổ thông Lao động và Trường Bổ túc văn hóa công nông kể rằng: Năm 1951, Trường Phổ thông Lao động khai giảng rồi sau đó sáp nhập với Trường Bổ túc văn hóa công nông. Nhiều cán bộ, chiến sĩ quân đội như Anh hùng La Văn Cầu, Nguyễn Thị Chiên, chiến sĩ tình nguyện quân trên chiến trường Lào như Phạm Đức Dương, nguyên Viện trưởng Viện Đông Nam Á cùng một số cán bộ dân chính, con em cán bộ được dự học. Trường đã bồi dưỡng kiến thức cho trên dưới 3.500 học sinh để thi vào các lớp đại học, cao đẳng. Học viên nhà trường nhiều người sau đó đã trở thành cán bộ cao cấp của Đảng, nhà nước, quân đội, trong đó có Thủ tướng Phan Văn Khải.

Bác đã đến thăm trường ba lần, vào cuối năm 1956, năm 1957 và năm 1959.

Năm 1957 vào lúc học sinh, công nhân viên, giáo viên, cán bộ nhà trường lên tới 4.000 người, giữa mùa hè, bỗng thiếu nước sinh hoạt trầm trọng. Các vòi dẫn nước về không chảy nước. Nhà trường phải thuê xe chở nước về phân phối định

lượng cho mỗi người. Vì không đủ nước cho nên tình hình học tập trở nên chuệch choạc, kết quả học tập sút kém, tinh thần cán bộ, học viên trở nên căng thẳng. Ban Giám hiệu nhà trường cũng đành bó tay, không có cách nào giải quyết tích cực hơn.

Việc ấy đến tai Bác.

Một buổi sáng sớm thứ sáu, không nhớ cụ thể vào tháng nào, nhưng hẳn là giữa mùa hè năm 1957, cán bộ cơ quan bảo vệ Bác đến báo cho trường biết chiều nay Hồ Chủ tịch đến. Thế là từ Ban Giám hiệu, cán bộ giáo viên, học viên bỏ cả nghỉ trưa, làm tổng vệ sinh, quét dọn nhà ăn, nhà bếp, trong trường, ngoài ngõ... (Hôm ấy, sau khi ở trường về, Bác hỏi một đồng chí bảo vệ: "Chú nào để lộ bí mật cho nhà trường biết Bác đến nên "nó" mới vệ sinh nhà bếp, nhà ăn, nhà xí sạch sẽ thế").

Hai giờ chiều hôm ấy, Bác đến. Sau khi thăm nơi ăn, nơi ngủ, bếp núc, bể chứa, vòi nước, Bác lên thẳng hội trường. Bác không nói chuyện thời sự, tình hình gì mà hỏi ngay:

- Ở đây, cô chú nào nhiều tuổi và hoạt động lâu năm nhất?

Một lát sau, có một học viên người miền Nam, tóc đã hoa râm đứng lên:

- Thưa Bác, cháu hoạt động từ năm 1930.

Bác hỏi vặn lại:

- Thế chú hoạt động có lâu năm hơn Bác không?

Đồng chí "năm ba mươi" đứng như trời trồng không trả lời được. Bác ra hiệu cho ngồi xuống. Quay sang Hiệu trưởng. Bác hỏi:

- Nhà trường có bao nhiêu học viên?

Đồng chí Nguyễn Đình Thâu là Hiệu trưởng thưa:

- Thưa Bác, có 3.600 ạ.

Hiệu phó Lê Sơn khẳng định:

- Dạ thưa Bác, có 3.550 học viên ạ.

Đồng chí quản trị nắm quân số chấm cơm lại nói:

- Thưa Bác, đúng quân số ăn cơm là 3.512 người.

Bác nghiêm nét mặt nói:

- Có một con số mà mấy chú "đá nhau". Thật là "vua liêu", chứ chẳng phải quan liêu nữa.

Bác quay về phía học viên hỏi:

- Các cô các chú mỗi người có thể đào "cho Bác" một khối đất được không?

Cả hội trường, nhất là học viên bộ đội đều thưa to: "Dạ, được ạ". Nhưng cũng chưa hiểu đào đất để làm gì?

Ra hiệu cho mọi người giữ trật tự, Bác nói tiếp:

- Cứ cho là Trường có 3.500 người. Mỗi người một mét đất đào như vậy cả trường đào được 3.500 mét đất. Đào một cái giếng để có nước cần bao nhiêu mét đất?

Bác đặt câu hỏi, nhưng cả Ban Giám hiệu, toàn thể nhà trường biết là Bác răn dạy về cái khoản nước rồi, ai nấy đều im lặng, như đã nhận thấy lỗi.

Bác nói:

- Tại sao không tự bảo nhau đào giếng lấy nước mà dùng, lại cứ ngồi kêu ca Hiệu trưởng, kêu ca Đảng ủy, kêu ca Nhà nước?

Đồng chí Hiệu trưởng đứng dậy thưa với Bác sẽ thực hiện lời Bác dặn.

"Mấy mươi năm đã qua, mà tôi vẫn nhớ mãi buổi hôm ấy chỉ một lần Bác đến thăm mà được học hai bài học sâu sắc:

Một là, đã làm người dân, người cán bộ, đảng viên phải lấy tinh thần phục vụ vì dân, vì nước không nên "lên mặt".

Hai là, trong công việc, giải quyết khó khăn, mâu thuẫn thì phương pháp rất quan trọng, có khi là quyết định. Có cách làm tốt, đúng mới thực hiện được chủ trương đường lối, giải quyết được vấn đề".

Trên đây là ý kiến của đồng chí "năm ba mươi".

"LÒNG TÔI TÊ TÁI VÌ ĐIỀU ÂN HẬN NĂM XƯA"

Vào một ngày tết, ít ai chú ý đến ba bố con ông cháu một cụ già như trăm ngàn ông cụ khác đi sắm tết trong chợ Đồng Xuân. Cụ già này đội mũ cát trắng, đeo kính trắng, gọng nhỏ bằng kim loại, mắt kính tròn - loại kính "cổ hủ" mà các cụ già ngày xưa hay dùng. Chiếc quần gụ đã phai màu của cụ bị cái áo mưa vải bạt sờn vai che mất quá nửa. Rét thế mà ông cụ chỉ có đôi tất, dép cao su và một cái khăn quàng cổ.

Hai "bố con" vào chợ, theo sau là "cu cháu" tay xách làn mây, trong làn có mấy củ hành, dăm củ cà rốt, ít rau thơm.

Ông cụ hình như chưa muốn mua sắm gì. Cụ chỉ hỏi giá cam bao nhiêu một cân, vải bao nhiêu một mét, bao nhiêu tiền một ký bắp cải, thịt lợn, cái bánh chưng giá bao nhiêu?

Cuối cùng, thấy cụ rẽ vào chợ hàng hoa. Bao nhiêu là đào, là quất, là dơn, là cúc, nhưng cụ không mua. Đến cô hàng bán

hoa huệ, cụ dừng chân, hỏi giá một bó huệ tươi mà cụ đã chọn được, cầm trong tay. Cô bán hàng nói:

- Năm hào cụ ạ.

Ông cụ chưa trả lời thì "người con" nhanh miệng trả:

- Hai hào thôi!

Không chờ người bán hàng có đồng ý hay không, "người con" đã kéo áo ông cụ đi.

Ông cụ đi khỏi chợ hoa còn quay đầu lại.

Ông cụ đó là Bác Hồ, "người con" là sĩ quan cảnh vệ của Bác, về sau đã trở thành một cán bộ cấp tướng, Thiếu tướng Phan Văn Xoàn.

Năm 1987, khi kể lại chuyện này, đồng chí Phan Văn Xoàn nói:

- Lúc không mua được hoa, Bác đứng dậy rồi nói nhỏ đủ cho tôi nghe: "Trả giá như chú thì đi chợ cả ngày Bác cháu ta cũng chẳng mua được gì". Thấy Bác không vui, tôi cũng buồn, nhưng không hiểu tại sao? Mãi sau này biết ra thì đã muộn. Bác rất thích hoa huệ, thế mà tôi lại vô tâm quá. Đến bây giờ mỗi khi vào thăm nhà Bác nhìn những bông huệ cắm trong lọ trên bàn làm việc của Bác, lòng tôi lại tê tái vì điều ân hận năm xưa.

BÁC KHÔNG QUYẾT ĐỊNH

Tháng 6 năm 1960 là tháng Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp nhiều đoàn khách quốc tế: Đoàn Đại biểu Đảng bộ và chính quyền tỉnh Vân Nam, Đoàn Đại biểu hữu nghị Inđônêxia, Đoàn Đại biểu Chính phủ Anbani... Chương trình đón tiếp các đoàn này của Chính phủ ta có "tiết mục" văn nghệ.

Một buổi tối, Bác đến nhà hát Nhân dân (nay là Cung văn hóa Hữu nghị Việt - Xô) dự buổi biểu diễn của Đoàn văn công Tổng cục Chính trị. Đây là một đoàn văn công lớn, có vai trò xứng đáng trong đời sống tinh thần của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trong những năm đó.

Người đi thẳng vào phía sau sân khấu, nơi các diễn viên chiến sĩ gái, trai, đang hóa trang chuẩn bị biểu diễn.

Người vui vẻ hỏi:

- Hôm nay, diễn "tủ" gì đấy?

Nói xong, Người làm động tác múa nón, đưa hai tay lượn qua, lượn lại:

- Lại "tủ" này phải không?

Anh chị em cười đáp:

- Dạ, đúng vậy.

Người hỏi tiếp:

- Hôm nay có bao nhiêu đoàn diễn?

- Dạ chỉ có ca vũ Tổng cục Chính trị thôi ạ.

Bác hỏi gặng:

"Ca vũ" là gì?

Một cán bộ, ra vẻ "nho học" thưa:

- Dạ, "ca" là hát, "vũ" là múa ạ.

Thế sao không gọi là Đoàn ca múa Tổng cục Chính trị?

Một thời gian sau, đọc báo, nghe đài Bác được biết là Đoàn văn công ca vũ Tổng cục Chính trị đã đổi tên là Đoàn ca múa Tổng cục Chính trị.

Bác nói với các cán bộ xung quanh:

- Bác chỉ gợi ý chứ không quyết định. Dùng chữ Hán cũng tùy chữ mà theo. Chữ "độc lập" đổi ra "một mình" à? Dân ta thường nói là ca hát. Vậy gọi là ca múa cũng được.

Ngày 25 tháng 6 năm đó, khi tiếp tục chủ tọa Hội đồng Chính phủ chuẩn bị các văn bản luật để trình Quốc hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở các cán bộ "viết" luật phải viết sao cho dân dễ hiểu và cố dùng những từ của ta, tránh dùng nhiều từ Hán.

KHÔNG QUÊN MỘT AI ĐÃ GIÚP

Gần tết Nguyên đán Ất Tỵ năm 1965, Bác Hồ gọi một đồng chí chiến sĩ cảnh vệ lên gặp Người. Người chỉ vào trong chậu nước có hai con cá mè, mỗi con đến chừng 2 kilôgam, loại cá mà Bác nuôi, rồi nói:

- Chú đem hai con cá này đến tặng chú Trần Vĩnh Xương, Giám đốc Nhà máy Cơ khí Bộ Nội thương giúp Bác".

Đồng chí chiến sĩ cảnh vệ hiểu ra ngay, hỏi lại Bác.

- Thưa Bác, có phải cái ông đã thiết kế cái giường của Bác?

Bác gật đầu ra hiệu cho đồng chí cảnh vệ ra đi.

Đồng chí Trần Vĩnh Xương là người đã theo lời yêu cầu của Bác "sáng tác" ra một kiểu giường đơn sơ rộng mét hai, không chạm trổ gì, bốn chân hơi choãi ra, trên lát một tấm gỗ mộc, khi cần có thể cất chiếu nằm cho mát.

Bác thường nằm trên chiếc giường này đọc sách, báo, ngắm cây cỏ đất trời...

Ít lâu sau, nhân một buổi tâm sự, anh chiến sĩ bảo vệ nói với Bác:

- Thưa Bác, ông giám đốc ấy là làm theo chức trách phân công, chứ có phải Bác nhờ riêng đâu mà Bác lại cho cá với mè.

Bác ngẩng đầu lên, hơi ngạc nhiên, đồng chí chiến sĩ hiểu ra, nói vội:

- Cháu xin lỗi Bác.

BÔNG CÚC VÀ ĐIỀU ÂN HẬN CỦA CHIẾN SĨ ĐIỆN ẢNH

Trong hai năm 1967, 1968, bộ đội thông tin có phong trào "chiến sĩ vẽ chiến sĩ, chiến sĩ thông tin vẽ, vẽ chiến sĩ thông tin". Các "họa sĩ" mặc áo lính đã đi vào chiến trường Quảng Bình - Vĩnh Linh, các đơn vị thông tin, hải quân, không quân ghi chép, dựng tranh.

Tháng 10 năm 1968, Hội Mỹ thuật Việt Nam tổ chức lần đầu tiên phòng tranh chiến sĩ tại Hà Nội. Đồng chí Trường Chinh đã đến thăm.

Phong trào vẽ trong bộ đội từ bộ đội thông tin được nhân lên nhanh chóng. Vào dịp kỷ niệm 24 năm ngày thành lập đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, 22 tháng 12 năm 1958, Tổng cục Chính trị tổ chức một triển lãm tranh bộ đội tại câu lạc bộ Thống Nhất, Hà Nội. Báo chí đã đưa tin, bài về phòng tranh này.

Chiều ngày 25 tháng 12 năm ấy, Bác đã đến thăm phòng tranh bộ đội.

Ngày 26, Việt Nam thông tấn xã đưa tin như sau:

"Ngày 25 tháng 12, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến xem phòng tranh bộ đội nhân dịp kỷ niệm 19, 20, 22 tháng 12.

Người đã xem 300 bức tranh chọn lọc từ 1.500 bức mà các chiến trường, các đơn vị gửi về. Sau đó, Người nói chuyện với những người có mặt ở phòng tranh, khen ngợi bộ đội đã cố gắng đẩy mạnh hoạt động văn hóa trong điều kiện chiến tranh gian khổ quyết liệt như vậy là rất tốt và chỉ ra rằng cần làm cho nhiều người tham gia sinh hoạt văn hóa, văn nghệ hơn nữa, có nhiều tranh vẽ tốt, bài hát, bài thơ hay góp phần động viên bộ đội và nhân dân anh dũng chiến đấu, tích cực công tác, đánh thắng giặc Mỹ. Như vậy, bộ đội ta là đội quân chiến đấu giỏi, công tác tích cực, có văn hóa và đời sống tinh thần lành mạnh vui tươi".

Bản tin không nói rõ những ai "có mặt trong phòng tranh". Thực ra, ngoài cán bộ của Tổng cục Chính trị, Tuyên huấn, điện ảnh quân đội còn có hai nữ chiến sĩ thông tin Dương Thị Mỹ Bình và Nguyễn Thị Sang, cũng là hai chiến sĩ vẽ, tác giả có tranh trưng bày trong phòng triển lãm.

Khi Bác bước vào phòng, Bình và Sang theo Bác ngay. Sang và Bình giới thiệu với Bác tranh của chiến sĩ hải quân, thông tin, pháo binh, tranh của mình…

Bác xem xong, Ban Tổ chức mời Bác nghỉ uống nước. Bác ngồi xuống ghế hỏi:

- Hai cháu gái này ở đơn vị nào?

- Thưa Bác, chúng cháu ở quân bưu ạ.

- Thế thì hát cho Bác nghe một bài.

Dương Thị Mỹ Bình hát bài *"Quân bưu lên đường"* theo một làn điệu dân ca Bắc Ninh, quê hương quan họ của cô.

Bác khen hay, ngắt một bông cúc trong lọ hoa trên bàn tặng Bình.

Suốt cả thời gian đó, mấy cán bộ quay phim của Cục Tuyên huấn cứ loay hoay mãi không ghi được cảnh nào.

Sau này, một chủ nhiệm phim quân đội hối hận:

- Hôm ấy, ma xui quỷ bắt thế nào mà bọn này chỉ mang có một máy. Đến nơi, bấm không chạy. Chữa chạy mãi, khi máy tốt thì Bác đã ra về.

Vì thế mà ngày nay chúng ta không được hạnh phúc xem đoạn phim ghi hôm Bác đến thăm phòng tranh bộ đội năm 1968, gần năm trước khi Người đi xa. Nhưng cũng còn may mắn làm sao, một cán bộ nhiếp ảnh đã ghi được mấy bức ảnh Bác đứng xem tranh với chị Nguyễn Thị Sang, Dương Thị Mỹ Bình. Những tấm ảnh này hiện đang trưng bày tại Bảo tàng Bộ đội thông tin.

XIN TÁM, ĐƯỢC MƯỜI SÁU

Trong năm 1968, sau khi bị tấn công và thiệt hại nặng dịp tết Mậu Thân, đế quốc Mỹ ra sức phá hoại, ném bom, bắn phá các tuyến đường giao thông ở miền Bắc, nhất là các đoạn đường trọng yếu đi vào chiến trường phía Nam. Các chiến sĩ cầu đường, lái xe vận tải đã ngày đêm đối mặt với máy bay, bom nổ chậm, các loại mìn, biệt kích, thám báo, quyết tâm giữ vững mạch máu giao thông miền Nam.

Trong năm 1968, tính đến tháng 8, Hồ Chủ tịch đã sáu lần thưởng huy hiệu của Người cho gần năm mươi chiến sĩ lái xe vận tải, xe húc, tàu cuốc, xà lan, công nhân giao thông vận tải, thanh niên xung phong ở Hải Phòng, Sơn La, Hà Nội, Nghệ An, Quảng Bình...

Nhân dịp ngành Hậu cần quân đội tổ chức Hội nghị lái xe giỏi và thợ sửa chữa xe giỏi toàn quân, Đảng ủy và Thủ trưởng Cục Quản lý xe máy đã được phép gặp Bác, báo cáo thành tích và đề đạt nguyện vọng được mời Bác đến dự.

Đồng chí Vũ Văn Đôn thưa:

- Thưa Bác, cán bộ và chiến sĩ đề nghị Bác tặng cho mấy chữ.

Bác "dân chủ":

- Chú nói trước đi.

- Dạ, xin tám chữ "Gan vàng dạ ngọc, vượt đường Trường Sơn".

Bác mỉm cười, như đã thông cảm với cán bộ, chiến sĩ rồi nói:

- Các chú để Bác tự tặng mười sáu chữ.

Bác lấy tờ giấy viết:

"Yêu xe như con

Quý xăng như máu

Vượt mọi khó khăn

Hoàn thành nhiệm vụ."

Rồi hỏi đồng chí Đôn:

- Có được không?

Trong một thoáng suy nghĩ, đồng chí Đôn nhận ra những câu mà báo chí ca ngợi "Gan vàng dạ ngọc, vượt đường Trường Sơn" đâu phải là chung cho tất cả các chiến sĩ giao thông vận tải, cho một con đường, cho một đơn vị. Và chắc là Bác đã biết

"thành tích" không tiết kiệm xăng dầu, "phá phách" xe cộ... nên Bác mới răn dạy bộ đội như thế.

Cuối cùng đồng chí Đôn nói:

- Dạ, thưa Bác, chúng cháu xin hứa với Bác thực hiện lời Bác dạy.

Đến ngày 05 tháng 8 năm đó, lá cờ đỏ thắm thêu mười sáu chữ vàng của Bác trao tặng được treo trong hội trường.

"ÔNG LÝ ĐẠI ĐOÀN KẾT"

Thôn Bính Hạ thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh là một thôn chưa giàu lắm, mặc dù trong thôn đã gần trăm phần trăm "ngói hóa".

Thôn có đền thờ Tam Ngọ Đại vương, tương truyền cùng vợ đã đến thăm, mở trường dạy học tuyển mộ nghĩa binh theo Hai Bà Trưng đánh quân xâm lược. Sau hai ông bà lui về Bính Hạ. Khi nghe tin Vua Bà tuẫn tiết trên sông Hát, vợ chồng Tam Ngọ Đại vương cũng "hóa" theo. Nay, trên cánh đồng Đọ - nghĩa là đọ sức giữa quân ta và quân địch, là nơi chiến trường xưa - vẫn còn hai ngôi mộ của vợ chồng Đại vương. Vợ chồng Đại vương được thờ cả trong đền và đình làng. Đại vương là thần hoàng của làng Bính Hạ.

Sau những năm tháng chiến tranh, lụt lội, bị địch đốt phá, đình làng Bính Hạ không còn nữa. Nơi đình làng chính là địa điểm xưa vợ chồng Tam Ngọ Đại vương mở trường dạy học cho dân trại. Nhân dân trong thôn muốn xây lại đình. Làm đơn xin tiền cấp trên chắc là không được. Xin "viện trợ" quốc tế hẳn là chẳng ai cho, chẳng ai đầu tư cho cái "phi sản xuất" này. Loay hoay mãi.

Trong lần họp toàn thôn, có một anh lính Cụ Hồ đi bộ đội lâu năm, nay về làng sản xuất, đứng lên nói:

- Tôi nghĩ, ta có một cách xây được đình, chẳng phải xin ai. Nếu nhân dân nhất trí, tôi xin hiến kế.

Mọi người giục:

- Nói đi! Nói đi!

Anh bộ đội thưa:

- Thưa toàn thể nhân dân, Bác Hồ đã dạy "đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công". Nếu chúng ta trên làng, dưới xóm thống nhất một lòng, chung sức, chung lòng, chung tiền, nhất định chúng ta sẽ xây dựng được đình. Còn nếu mất đoàn kết, ông nói gà, bà nói vịt, ông chẳng bà chuộc thì dù có bạc tỉ cũng chẳng xây xong.

- Đồng ý, đồng ý! Thôi khóa tới bầu luôn anh ấy là trưởng thôn.

Thế là anh Lệ, đảng viên được bầu làm trưởng thôn. Anh vận động bà con trong làng, người đi công tác, làm ăn xa cũng đóng góp, tiền của ghi sổ sách, nộp ngân hàng "tịnh không được ai sờ mó tới". Dần dần được trên 250 triệu, Bính Hạ mời một phường thợ ở Tam Sơn sang. Cán bộ thôn vẽ kiểu đình theo như mẫu đình cũ, kể ra cột lim khoát trường là bao nhiêu, tiền sảnh, hậu cung thế nào… Cả đôi bên đều nhất trí và khởi công

Vào đầu năm 1999, ngôi đình đã cơ bản hoàn thành, chỉ còn một vài công đoạn phụ.

Anh Lệ nói với chúng tôi:

- Cuối cùng phát sinh thêm gần trăm triệu nữa. May mà đúng thời cơ năm ấy, chứ bây giờ thì 600, 700 triệu cũng khó...

Tôi ngắm ngôi đình làng quay mặt ra hướng đông uy nghi, khang trang, đẹp đẽ, các mái đao vươn lên, đậm đà tính dân tộc, những chiếc cột lim đường kính dễ đến 50 - 60 xăngtimét, đen nhánh đứng trên các bệ đá xanh. Trong đình, hậu cũng đã có hai ngai mới thờ vợ chồng Đại vương…

Ông "từ" đình chỉ vào đôi hạc gỗ, sơn son thếp vàng giới thiệu:

- Đây là quà tặng của một cháu đi làm ăn ở xa cung tiến. Tên tuổi của cháu cũng đã được khắc vào tấm bia công đức xây đình, chỗ kia kìa.

Tôi nói với anh Lệ:

- Thôn trưởng xưa còn gọi là lý trưởng đấy. Âm Lý còn là họ của Lý Thụy, là Bác Hồ đấy. Có kẻ bảo cộng sản đốt đình, phá đền, anh là cộng sản anh lại xây đình, xây theo cách của Bác Hồ là "đại đoàn kết".

Quay sang mấy cán bộ thôn, tôi đề nghị:

- Từ nay xin gọi anh Lệ là ông "Lý đại đoàn kết".

Anh Lệ đấm vào lưng tôi - đấm nhẹ mà cũng thấy đau cái xương già.

- Ối! Cái ông tiến sĩ này, ông quá đáng lắm. Thế ông không cho cộng sản có quyền nhận dân tộc à?

Tôi đứng im lặng chịu trận mà thôi.

"CẦU TRỜI CHO CỤ CHỦ TỊCH MẠNH KHỎE SỐNG LÂU?"

Cuối năm 1945, tình hình chiến sự ở Nam bộ diễn biến phức tạp. Bác cử đồng chí Lê Văn Hiến, Bộ trưởng Lao động làm đặc phái viên của Chủ tịch Chính phủ vào Nam. Trước khi đi, ngoài việc dặn dò công việc chung, Bác dặn riêng đồng chí Lê Văn Hiến tìm gặp hai bà hoàng quả phụ của vua Thành Thái[1] và vua Duy Tân[2], chuyển lời chúc năm mới, thăm hỏi sức khỏe. Nhân danh Chính phủ nước Việt Nam mới, Bác đề nghị cấp cho mỗi bà một khoản tiền 500 đồng Đông Dương hàng tháng[3].

Hai bà Thành Thái và Duy Tân lúc đó ở chùa, suốt ngày đèn nhang thờ cúng vua và tụng kinh, niệm Phật. Gặp đại diện Chính phủ, hai bà hết sức bối rối và cảm động, ứa nước mắt, nói:

- Khi Hoàng đế bị đi đày, không ai có lấy một lời hỏi thăm tôi. Họ sợ tôi như sợ con bệnh hủi, sợ liên lụy. Mấy chục năm nay tôi sống thui thủi trông vào sự may rủi của số phận. Cách mạng mới lên tôi càng thấy lo không biết có điều gì sẽ xảy ra

---

[1] Vua Thành Thái (Nguyễn Bửu Lâm), ở ngôi được 18 năm.

[2] Vua Duy Tân (Nguyễn Vĩnh San 1900 - 1945) bị Pháp đày đi đảo Rê Uy-ni-ông tháng 11 năm 1916, sau chết do tai nạn máy bay ở châu Phi tháng 12 năm 1945.

[3] Số tiền trợ cấp hàng tháng 500 đồng Đông Dương vào thời điểm đó là một số tiền có giá trị. Xin đơn cử ví dụ để bạn đọc so sánh. Theo Nghị định của Liên Bộ trưởng Quốc gia Giáo dục và Bộ Canh nông ngày 26 tháng 12 năm 1946 cử Giáo sư Trường Canh nông đại học viên khóa 8, mục trả thù lao quy định: giờ lý thuyết 10 đồng/giờ, giờ thực hành 5 đồng/giờ. Theo Nghị định của Bộ trưởng Tài chính, ngày 21 tháng 01 năm 1946, trợ cấp cho Đông Phương Bác cổ Học viện một khoản tiền 500 đồng để mua sách cho Học viện trong cả năm 1946.

với chúng tôi nữa. Tôi không thể ngờ rằng lại được ông Bộ trưởng thay mặt Chủ tịch Chính phủ đến thăm hỏi, an ủi và còn trợ cấp cho chúng tôi.

Bà Thành Thái nhờ Bộ trưởng đặc phái viên dâng lên Cụ Hồ Chí Minh bản tụng kinh hàng ngày, cuối bản kinh có câu "Kính chúc hoàng triều vạn vạn tuế". Bà nói từ nay trở đi bà sẽ bỏ câu này và thay vào đó bằng câu "Kính chúc Hồ Chủ tịch vạn vạn tuế".

Bà Duy Tân vô cùng xúc động, cầm lấy tay đồng chí Lê Văn Hiến khóc mãi:

- Tôi xúc động quá, không biết nói thế nào để cảm ơn tấm lòng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với tôi. Từ khi anh Duy Tân ra đi, chúng tôi trở thành người lạc lõng, bị ghẻ lạnh, không ai hỏi han thăm nom đến chúng tôi. Tôi không thể tưởng tượng được có ngày hôm nay. Cầu trời cho cụ Chủ tịch mạnh khỏe, sống lâu mang hạnh phúc cho toàn dân.

(Theo đồng chí Lê Văn Hiến)

CON NGƯỜI ĐÃ BIẾT THẾ NÀO LÀ ĐÓI KHỔ

Trong khi gia đình đang sống túng thiếu tại Huế thì ông Sắc (thân phụ Bác Hồ) được lệnh nhà vua ra Thanh Hóa chấm thi hương năm Canh Tý.

Ông Sắc đi mang theo cậu Khiêm, con cả, để bớt gánh nặng cho hai mẹ con cậu Cung (tên Bác Hồ khi còn nhỏ).

Bố đi vắng, mẹ con không còn nhận được lương nữa nên cậu Cung càng phải giúp đỡ mẹ nhiều hơn để mẹ dệt vải kiếm thêm tiền. Ngày ngày, cậu cầm cái "vịm" (bát to) tìm đến chỗ

bán thức ăn cho lính, mua cháo về để cùng ăn với mẹ. Năm ấy, vì sinh con, vốn đã ốm yếu, nay lại đói ăn, thiếu thuốc nên gần đến tết thì bà Loan (mẹ Bác Hồ) qua đời. Không còn ai chăm sóc nữa, cậu Cung ngày hai buổi bồng em đi bú chực (do đó mà em có tên là Xin).

Những năm hai mươi thế kỷ XX ở Pháp, Bác thường lui tới nhà các đồng chí cộng sản, đôi lúc được mời lưu lại dự bữa ăn tối.

Một lần, khi ngồi vào bàn ăn với mẹ nữ đồng chí G. Vécmét (vợ đồng chí M. Tôrê), sau này là Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Pháp, Bác Hồ đã nhặt những mẩu vụn bánh mì rơi trên bàn, để cẩn thận vào một tờ giấy dành cho chim.

Đồng chí G. Véc-mét kể lại:

- Sau khi đồng chí Nguyễn Ái Quốc ra về, mẹ tôi, bây giờ đã 92 tuổi nhận xét: "Con ạ, phải là một người biết thế nào là đói khổ mới biết quý từng vụn bánh".

MỘT LẦN NHỚ MÃI

Đầu năm 1967, Bác về Thái Bình, ô tô Bác đến bến Triều Dương thì phải sang phà. Mấy đồng chí ở Tỉnh ủy đến đón, một cán bộ định giới thiệu với Bác, Bác nói:

- Thôi thôi, đi về cho sớm.

Ca nô mắc cạn loay hoay mãi vẫn chưa cập được bến. Trời chiều, không thể để Bác chờ lâu nên đành phải đưa thuyền nan ra đón Bác vào bờ. Bác trèo lên đê, hỏi cô Định - Thường vụ Tỉnh ủy:

- Có còn lối nào đi lý thú hơn nữa không?

Cô Định thành thật thưa:

- Bác phải đi xe, chứ về chúng cháu còn xa lắm.

Anh cán bộ đi theo Bác cười:

- Bác phê bình khéo đấy! - Rồi nói khẽ: "tưởng bở".

Về xã Tân Hóa, cán bộ địa phương mời Bác ngồi ghế giữa ưu tiên. Bàn kê thì chật, Bác lựa mãi mới đứng lên được.

Bác mở đầu như một vế đố:

- Ghế ưu tiên nên người không nhúc nhích.

Anh chị em chỉ biết cười trừ.

Đến bữa cơm, Bác giở cơm nắm ra ăn. Cô Định cứ năn nỉ mãi, mời Bác dùng cơm nóng. Bác bảo:

- Bác ăn cơm này đã quen rồi...

Trong bữa ăn có bát dưa. Cô Định cứ gắp mãi dưa. Bác hỏi:

- Dưa có ngon không?

Cô Định nói một mạch:

- Ngon lắm ạ. Tỉnh chúng cháu năm nay trồng dưa thừa ăn còn đem bán cho các tỉnh bạn.

Bác tủm tỉm cười:

- Dưa này không phải là dưa Thái Bình đâu. Dưa này Bác đem từ Hà Nội về đấy...

Sau này, cô Định nói: "Chỉ một lần ấy thôi mà tôi nhớ đời. Học được bao nhiêu điều".

(Theo lời kể của chị Định)

"ĂN CHAY CŨNG TỐT, NHƯNG ĂN THỊT THÍCH HƠN"

Một trí thức theo đạo Phật được Bác Hồ dìu dắt đi theo cách mạng và nhờ thế mà thấy được khả năng của y học cổ truyền bác sĩ Nguyễn Hữu Thuyết, nguyên Trưởng Y tế Thái Nguyên trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và là Hội trưởng Hội Phật giáo Việt Nam năm 1945.

Năm 1945, bác sĩ Thuyết được hòa thượng Đại Nguyên đến báo là "ông Cụ" đến thăm Hội Phật giáo tại chùa Bà Đá, trụ sở của Hội lúc bấy giờ.

Bác mặc bộ ka ki vàng, tay cầm chiếc mũ cát cũ, vừa đi vừa lấy chiếc mũ vẫy vẫy đáp lại câu "A di đà phật" của tăng ni. Bác hỏi thăm tình hình sức khỏe phật tử rồi lên Tam Bảo nói chuyện. Bác kể chuyện năm vị sư ở Ngũ Đài Sơn bên Trung Quốc xuống núi đánh Nhật, chuyện ma vương, chúng sinh. Bác nói ma vương là thực dân Pháp, chúng sinh là dân ta. Muốn cứu chúng sinh thoát trầm luân bể khổ phải đánh đổ ma vương.

Bác ra về, bác sĩ Thuyết nói:

- Chắc "ông Cụ" nghiên cứu cả kinh La Hiên cho nên mới hiểu đạo Phật uyên thâm đến thế.

Ít hôm sau, Hội Phật giáo làm cơm chay mời Bác dự. Trước bữa tiệc, bác sĩ Thuyết đọc một bài diễn văn dài nói về ích lợi của ăn chay theo khoa học, chứ không phải mê tín. Bác cười nói:

- Ăn chay cũng tốt, nhưng ăn thịt thích hơn. Sau này cần làm sao cho nhân dân ta được ăn nhiều thịt và ăn được nhiều mới tốt.

Khi Pháp trở mặt, rồi chiếm Khu Một, Hà Nội, bác sĩ Thuyết đã săn sóc, chạy chữa, phẫu thuật cho nhiều chiến sĩ.

Hôm được lệnh rút ra ngoài cùng một số người khác, bác sĩ Thuyết đã bò dưới gầm cầu Long Biên, sang Tứ Tổng, đến nơi an toàn. Thấy bác sĩ Thuyết, các đồng chí Nguyễn Văn Trân, Trần Duy Hưng nói đùa: "con Cụ Hồ" đã ra... Vì hay "đề cao", ca ngợi Bác nên anh em đặt cho bác sĩ Thuyết cái tên ấy.

Bác sĩ Thuyết nhớ mãi câu này và rất vinh dự, sung sướng, vì được là "con Cụ Hồ" trong khi mình là "con của Phật".

"VỪA ĐẸP VỪA ĐỠ CHÓI MẮT ĐỒNG BÀO"

Năm 1956, Bác Hồ đón một vị tổng thống tại khu vườn trong Phủ Chủ tịch.

Một số công nhân nhà máy điện Hà Nội được (như lời Bác dặn) "mời vào mắc đèn điện trên các cành cây giúp Bác".

Anh em làm việc suốt ngày dùng dây dẫn điện, lắp đèn nhiều loại màu sắc trên ngọn, trên cành, trong các lùm cây.

Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, Bác ra vườn thăm anh em. Bác nói:

- Các chú công nhân bật đèn lên cho Bác xem đi.

Sau khi đóng cầu dao, những bóng đèn điện bỗng vụt hiện ra, lung linh như trong một hội hoa đăng. Đồng chí tổ trưởng công nhân điện mời Bác đi xem và kiểm tra.

Bác chú ý từng ngọn đèn, từng đoạn dây dẫn đã an toàn chưa, gật gật đầu tỏ ý hài lòng.

Đến một đèn pha chiếu sáng đặt dưới một gốc cây, Bác dừng lại nói:

- Ngọn đèn này phải để khuất trong lùm cây, vừa đẹp vừa đỡ chói mắt đồng bào đi qua đường.

Bác nhanh nhẹn bước tới ngọn đèn. Đồng chí tổ trưởng Dương Văn Hậu lo Bác vấp ngã vì đôi guốc mộc dưới chân. Bác đi trên đường rải sỏi, chạy vội đến:

- Bác để chúng cháu làm.

Nhưng Bác đã cúi xuống, rất "nghề nghiệp", hai bàn tay bưng lấy thân ngọn đèn pha giấu vào trong một lùm cây đinh hương.

Ngọn đèn pha mới được đặt đẹp hẳn lên, người ngoài nhìn vào không bị chói mắt, mà chỉ thấy những tia sáng chiếu qua các kẽ lá lên một màu xanh dịu.

Lần sau, anh em nhà máy điện Hà Nội lại được đến Phủ Chủ tịch mắc đèn dây để Bác tiếp khách.

Rút kinh nghiệm lần trước, lần này anh em làm khác hẳn lối treo đèn cũ như thể để thưa với Bác "phải luôn luôn đổi mới, không ngừng phát huy sáng kiến" như lời Bác dạy.

Anh em đặt một dây đèn màu từ dưới gốc cây dừa nước lên ngọn rồi tỏa ra các cành, mỗi cành một đèn màu khác nhau. Ở các thân cây, có quả đèn màu trắng, cành cây đèn màu xanh, gần quả, một chùm đèn nhỏ màu đỏ. Chếch hai bên đặt hai đèn pha giấu trong lùm cây hắt nghiêng lên.

Như lần trước, vừa chập tối, Bác đã đến trước khách, thăm anh em công nhân điện và kiểm tra. Bác khen:

- Lần này các chú mắc đẹp đấy. Chắc khách quý của chúng ta cũng sẽ khen...

Bác lấy thuốc lá chia cho anh em công nhân điện mỗi người một điếu (sau này được biết thuốc lá thơm Cu Ba do Thủ tướng Phiđen Cátxtơrô tặng Bác). Bác chia gần hết hộp thuốc. Một công nhân trẻ, thấy Bác vui, hộp thuốc đã hết, muốn có một kỷ niệm về Bác, mạnh dạn thưa với Bác xin cái hộp, Bác cười và nói:

- Các chú đã có phần rồi. Cái hộp này dành cho các cô để các cô đựng kim chỉ chứ!

(Theo đồng chí Dương Văn Hậu)

BÁC TẶNG KHĂN QUÀNG

Đầu năm 1964, đồng chí Xuphanuvông và đồng chí Kaysỏn Phomvihẳn sang Hà Nội thăm Bác. Hai đồng chí và Bác gặp nhau, tình cảm Lào - Việt vô cùng thắm thiết. Đồng chí Xuphanuvông ôm chặt Bác, hai tay Hoàng thân vỗ nhẹ vào lưng Bác một hồi lâu.

Gió mùa đông bắc mới về, lùa hơi lạnh vào phòng khách. Thấy Bác húng hắng ho, đồng chí Kaysỏn nói:

- Bác không được khỏe…

Bác nói lảng sang chuyện khác:

- Ở Lào không rét như ở Việt Nam. Các đồng chí có lạnh lắm không? Sao hai đồng chí lại không quàng khăn cổ?

- Thưa, hôm sang Hà Nội, trời còn ấm...

Bác đứng dậy mở tủ lấy hai khăn quàng mới rồi nói:

- Đồng chí Xuphanuvông và tôi là người già, nhiều tuổi, mỗi người một khăn quàng mới.

Bác tháo chiếc khăn quàng đang quàng đưa đồng chí Kaysỏn:

- Bác trao khăn này để đồng chí Kaysỏn quàng.

Trên đường về đồng chí Xuphanvông nói:

- Chà, Bác với tôi mỗi người một khăn mới. Mới như nhau.

Đồng chí Kaysỏn thì gật đầu:

- Còn tôi, tôi "kế thừa" chiếc khăn quàng của Bác…

BỮA CƠM GIA ĐÌNH

Khoảng cuối năm 1951, trong một lần đến thăm và nói chuyện với học viên của lớp chính trị của quân đội ở Việt Bắc, Bác bảo anh Phương - chồng tôi là cán bộ phụ trách lớp:

- Chiều nay, chú cho Bác ăn cơm, vì nói chuyện xong, tối Bác còn phải đi họp với một chi bộ ở Định Hóa.

Bấy giờ tôi làm văn thư ở Hiệu bộ, nên anh Phương cử người nhắn tôi chuẩn bị.

Công việc xong xuôi, Bác về đến cơ quan thì cơm nước cũng đã sẵn sàng. Sinh hoạt ở rừng còn thiếu thốn, kham khổ. Anh em muốn "bồi dưỡng" Bác để Bác khỏe, nhưng lại ngại. Nhưng rồi cũng quyết định thịt một con gà "tăng gia", kiếm ít măng rừng làm cơm mời Bác.

Bác ngồi vào bàn ăn, bảo anh Văn, hai vợ chồng tôi và đồng chí cảnh vệ cùng ăn. Tôi cứ một mực từ chối:

- Thưa Bác, cháu ăn rồi. Mời Bác và các anh, các chú xơi cơm đi...

Mãi sau, Bác mới đồng ý và bắt đầu dùng cơm. Vào bữa, Bác nói:

- Cô cho Bác xin quả ớt.

Tôi vội thưa:

- Thưa Bác, trong bát măng có ớt rồi đấy ạ.

Nhưng khi ăn, Bác tìm mãi không thấy ớt.

Tôi ngại quá bèn nói thật:

- Thưa Bác, chúng cháu sợ Bác ăn ớt hại sức khỏe nên không dám cho vào măng nấu ạ.

Bác quay sang anh Phương:

- Chắc chú lệnh cho cô văn thư chứ gì. Thế là chú quan liêu rồi...

Anh Văn tủm tỉm cười, Bác nói thêm:

- Ớt là vitamin "Ơ" của Bác đấy.

Bữa cơm của Chủ tịch nước giản dị, vui vẻ, thân mật như bữa cơm trong một gia đình ấm cúng.

Cơm nước xong, Bác hỏi tôi:

- Cô Thư được mấy cháu, tên là gì?

Anh Phương đỡ lời tôi:

- Thưa Bác, được ba cháu gái đặt tên là Thu Thủy, Thu Thảo, Thu Vân.

Bác cười hiền từ, nói:

- Bác có hỏi chú đâu! Sao tên đặt văn chương thế! Gọi là Thu Ngô, Thu Khoai, Thu Sắn có hay không?

Mọi người cùng cười vui vì biết Bác liên hệ với phong trào tăng gia sản xuất trồng thêm màu ngô, khoai, sắn... sản xuất nhiều lương thực đóng thuế nông nghiệp nuôi bộ đội đánh giặc mà Chính phủ mới phát động.

Bác lại bảo:

- Bác nói vui thế thôi. Những cái tên Việt Nam ấy rất đẹp.

Chưa kịp nghỉ ngơi, Bác đã chuẩn bị lên đường. Bác đeo ba lô đi trước hai đồng chí cảnh vệ, anh Văn tiếp bước sau Bác. Mới đông mà sương chiều Việt Bắc đã xuống rất nhanh tụ thành những đám mây lụa mỏng trắng bìa rừng:

Chúng tôi nhìn theo Bác ung dung, khoan thai như đi dạo cảnh thiên nhiên hùng vĩ, ngỡ ngàng như vừa được qua một giấc mơ đẹp trong một bữa cơm gia đình.

(Theo lời chị Thu Hương)

"LỊCH SỬ" BA BỘ QUẦN ÁO CỦA BÁC

Chủ tịch Hồ Chí Minh có hai bộ quần áo được anh em giúp việc Bác đặt tên là bộ "kháng chiến", bộ "ka-ki vàng".

Bộ "kháng chiến" được may từ khi Bác lên Việt Bắc và Bác đã mặc trong suốt những năm kháng chiến chống Pháp.

Ngoài hai bộ trên, Bác còn bộ quân phục màu xanh, một bộ lụa Hà Đông màu gụ. Mùa rét, Bác mặc bên trong một áo len, khoác ngoài một cái "ba-đờ-xuy" chiến lợi phẩm, dài quá đầu gối, quà của một đơn vị tặng Bác. Trong chiến dịch Biên giới năm 1950, khi đến thăm thương binh, thấy một chiến sĩ bị mất máu nhiều, Bác đã cởi chiếc "ba-đờ-xuy" này đắp lên người đồng chí đó.

Trên chiếc áo quân phục có một miếng mạng ở vai áo phải, "kỷ niệm" một đầu nhọn chiếc đinh đòn gánh của một cụ già dân công phục vụ chiến dịch Biên giới, qua suối, trượt chân ngã làm toạc vai áo Bác. Thường khi đưa áo đi giặt, Bác nhắc:

- Giặt xong các chú xem áo có chỗ nào sờn thì sửa lại cho Bác đừng đem nhờ các cô ở cơ quan. Các cô ấy còn bận nhiều việc để dành thì giờ cho các cô chăm sóc dạy dỗ các cháu nhỏ...

(Theo đồng chí Trường)

NHẢY MỘT NHẢY

Trong xã hội phong kiến thuở trước, nam và nữ cầm tay nhau, bắt tay nhau, khoác tay nhau… là điều tối kỵ. Nhất là đối với nam nữ thanh niên con nhà "thi lễ" và "khuê các" cũng như đối với cả những người nhiều tuổi có ý thức giữ gìn phong hóa cổ truyền, vi phạm điều cấm kỵ đó thường không thể không bị miệng tiếng thế gian chê bai.

Cách mạng Tháng Tám bùng nổ, hơn một năm sau, tiếng súng toàn quốc kháng chiến chống Pháp vang lên. Từng đoàn, từng đoàn cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức, thanh niên, trung niên và không ít người già rời thủ đô và các thành thị về nông thôn, lên miền núi công tác trên mọi lĩnh vực hoạt động. Đời sống thật gian khổ, kham khổ và cũng khắc khổ. Món ăn văn hóa thường chỉ có bài đơn ca, đồng ca, những chuyện tiếu lâm, những thiên độc tấu... động viên chính trị.

Thắng lợi chiến dịch mùa thu năm 1950 mở thông những đường qua lại giữa Việt Nam và Trung Quốc. Nhiều đoàn cán bộ, học sinh... từ miền Bắc sang Bắc Kinh và Hoa Nam công tác, trao đổi kinh nghiệm, tham quan và học tập. Trong những hành lý văn hóa đem về có món "nhảy múa" mà đầu

trò là điệu "ương ca". Món sinh hoạt văn hóa mới này nhanh chóng được một số anh em công tác tại cơ quan Văn phòng Trung ương Đảng yêu thích. Bác Hồ vui vẻ khuyến khích bằng sự trực tiếp tham gia của mình, nhất là sau mấy giờ lao động buổi chiều, kết hợp nghệ thuật với thể dục.

Những người từ Trung Quốc về thỉnh thoảng gọi nhau bằng tiếng "quan hỏa": "Theo ý theo" (khiêu nhất khiêu). Bác dịch nôm na vui đùa từng chữ một là: "Nhảy một nhảy".

Một hôm, trong một cuộc họp của Mặt trận Liên Việt có đủ các giới công, nông, thanh, phụ, già, trẻ, gái, trai, đến giờ nghỉ, đồng chí điều khiển hội nghị cũng đề nghị mọi người nhảy múa cho vui. Ra sân, các giới thanh niên, trung niên, từng tốp, vừa vỗ tay vừa diễn ương ca. Một số đồng chí đảng viên những năm ba mươi và một số vị nhân sĩ, thân sĩ đứng nhìn, biểu thị nhiệt tình ủng hộ và cổ vũ bằng những ánh mắt nụ cười. Trong số này có bà Thục Viên, một nhà giáo dạy học đã nhiều năm ở Hà Nội và là đại biểu Quốc hội khoá đầu tiên, được nhân dân Thủ đô tin cậy, quý mến.

Bỗng đâu, Bác Hồ từ trong phòng họp bước ra, đi thẳng tới chỗ các vị cao niên, vui vẻ mời: "Chúng ta cùng nhảy một nhảy chứ?". Rồi Bác khoác tay bà Thục Viên. Bất ngờ, bị động và cũng hào hứng, bà Thục Viên ngoắc chặt khuỷu tay Bác. Bác bước dồn dập và quay tròn. Bà hối hả theo và quay theo. Giữa sân, các tốp nhảy trẻ trung đều nhìn về phía Bác. Tiếng vỗ tay đánh nhịp và tiếng "sol la sol" chuyển thành lạc điệu và lộn xộn. Ngoài hàng rào, sau một bụi tre, mấy cô gái người Tày đứng nhìn say sưa và có phần ngơ ngác. Chỉ một chốc, bà Thục Viên luống cuống "bắn" cả một chiếc dép vào chân Bác Hồ... Cũng vừa lúc đó có chuông vào họp lại.

Mấy tuần sau, tôi theo anh Trường Chinh đến dự một buổi họp thi đua ái quốc tổ chức tại Văn Lãng, dưới chân Đèo Khế. Họp đến gần nửa buổi, cuộc thảo luận trở thành tranh cãi rất gay go. Đồng chí điều khiển hội nghị lúng túng. Bác Tôn Đức Thắng, ngồi ở giữa hàng ghế đầu, bỗng đứng phắt lên, nói to:

- Thôi, nhảy một nhảy đã nào.

Mọi người vỗ tay ran rồi ùa ra sân. Chỉ trong chốc lát đã có cảnh tượng nhộn nhịp sol la sol.

Đồng chí Trường Chinh, đang vừa nghe vừa xem lại bản đánh máy bài nói chuyện của mình, quay lại cười với tôi:

- Hay nhỉ! Vui nhỉ!

- Thưa anh, cũng là một bước nhảy "bài phong" giản dị.

- Đúng, Bác Hồ cổ vũ cho đời sống mới, văn hóa mới, giản dị và hiệu quả như thế đấy.

(Theo Quang Đạm)

TẤM LÒNG BÁC HỒ VỚI THƯƠNG BINH, LIỆT SĨ

Ngày 10 tháng 3 năm 1945, báo *Cứu quốc* đăng thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đồng bào Nam bộ. Trong thư có đoạn, Người viết: *"Tôi kính cẩn cúi chào vong linh các anh chị em đã bỏ thân vì nước và đồng bào đã hy sinh trong cuộc đấu tranh cho nước nhà. Sự hy sinh đó không phải là uổng"*.

Tiếp sau đó, trong *"Thư gửi đồng bào Việt Nam"*, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại viết: *"Tôi nghiêng mình trước anh hồn những chiến sĩ và đồng bào Việt Nam đã vì Tổ quốc mà hy sinh anh dũng"*.

Hơn nửa tháng sau, khi đi Pháp về, ngày 07 tháng 11 năm 1945, Người đã đến dự lễ "*Mùa đông binh sĩ*" do Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam tổ chức tại nhà hát thành phố Hà Nội, vận động đồng bào ở hậu phương đóng góp tiền của để may áo trấn thủ cho chiến sĩ, thương binh, bệnh binh.

Cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp đã thu hút nhiều thanh niên nam nữ tham gia quân đội. Một số chiến sĩ đã hy sinh anh dũng, một số nữa là thương binh, bệnh binh, đời sống gặp khó khăn, mặc dầu anh chị em tình nguyện chịu đựng không kêu ca, phàn nàn.

Trước tình hình ấy, tháng 6 năm 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị Chính phủ chọn một ngày nào đó trong năm làm *"Ngày thương binh*" để đồng bào ta có dịp tỏ lòng hiếu nghĩa, yêu mến thương binh. Có lẽ là trừ những ngày kỷ niệm quốc tế - *"Ngày thương binh"* là ngày kỷ niệm trong nước đầu tiên được tổ chức.

Hưởng ứng và đáp lại tấm lòng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một hội nghị trù bị đã khai mạc tại xã Phú Minh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên gồm có một số đại biểu ở Trung ương, khu và tỉnh. Hội nghị nhất trí lấy ngày 27 tháng 7 hàng năm làm *"Ngày thương binh, liệt sĩ"* và tổ chức ngay lần đầu trong năm 1947.

Báo *Vệ quốc quân*, số 11, ra ngày 27 tháng 7 năm 1947 đã đăng thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Thường trực Ban Tổ chức ngày thương binh toàn quốc. Đầu thư, Người viết: "Đang khi Tổ quốc lâm nguy, giang sơn, sự nghiệp, mồ mả, đền chùa, nhà thờ của tổ tiên ta bị uy hiếp. Cha mẹ, anh em, vợ con, ao vườn, làng mạc ta bị nguy ngập. Ai là người xung phong trước hết để chống cự quân thù? Đó là những chiến sĩ mà nay một số đã thành ra thương binh".

Chủ tịch Hồ Chí Minh giải thích: "Thương binh là người đã hy sinh gia đình, hy sinh xương máu để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ đồng bào. *Vì lợi ích của Tổ quốc, của đồng bào mà các đồng chí đã chịu ốm yếu, què quặt. Vì vậy, Tổ quốc và đồng bào phải biết ơn, phải giúp đỡ những người con anh dũng ấy".*

Cuối thư, Người vận động đồng bào nhường cơm, sẻ áo giúp đỡ thương binh. Bản thân Người đã xung phong góp một chiếc áo lụa, một tháng lương và nhịn ăn một bữa của Người và tất cả các nhân viên Phủ Chủ tịch, tổng cộng là một ngàn một trăm hai mươi bảy đồng (1.127 đồng) để tặng thương binh.

Năm sau, ngày 27 tháng 7 năm 1948, trong một lá thư dài đầy tình thương yêu, Bác nói: "Nạn ngoại xâm như trận lụt to, đe dọa tràn ngập cả non sông Tổ quốc, đe dọa cuốn trôi cả tính mệnh, tài sản, chìm đắm cả bố mẹ, vợ con, dân ta. Trong cơn nguy hiểm ấy, số đông thanh niên yêu quý của nước ta quyết đem xương máu của họ đắp thành một bức tường đồng, một con đê vững để ngăn cản nạn ngoại xâm tràn ngập Tổ quốc, làm hại đồng bào".

Người xót xa viết: "Họ quyết liều chết chống địch, để Tổ quốc và đồng bào sống. Ngày nay, bố mẹ họ mất một người con yêu quý. Vợ trẻ trở thành bà góa. Con dại trở nên mồ côi. Trên bàn thờ gia đình thêm một linh bài tử sĩ. Tay chân tàn phế của thương binh sẽ không mọc lại được. Và những tử sĩ sẽ không thể tái sinh".

Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào "trước đã giúp đỡ, sau này sẽ sẵn sàng giúp đỡ mãi...".

Năm 1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi tặng anh, chị em thương binh một số khăn mặt, quần áo và một tháng lương

là 1.000 đồng. Năm 1950, Người lại gửi một tháng lương tặng thương binh và gia đình liệt sĩ. Năm 1951, ngoài việc tặng chị em thương binh mấy bộ quần áo, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị "chính quyền, đồng bào và các đoàn thể nhân dân trong mỗi xã trích một phần ruộng công, vận động đồng bào cày cấy, lấy hoa lợi đón thương binh về xã. Anh em thương binh tùy sức mà làm công việc nhẹ, làm như vậy giúp lâu dài chứ không phải là giúp trong một thời gian".

Phong trào đón thương binh về làng do Chủ tịch Hồ Chí Minh vận động đã được chính quyền, đoàn thể và đồng bào cả nước nhiệt liệt hưởng ứng, đặc biệt là mấy xã ở Thanh Hóa và Phú Thọ. Ngày 27 tháng 7 năm 1952, trong thư gửi Bộ trưởng Thương binh - Cựu binh, Người đề nghị coi việc giúp đỡ thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ là một nghĩa vụ chứ không nên coi đó là một việc làm phúc. Người cũng căn dặn anh chị em thương binh "tránh tâm lý công thần, chớ bi quan chán nản, hòa mình với nhân dân và luôn luôn cố gắng".

Năm 1954, sau khi Thủ đô Hà Nội được giải phóng, ngày 31 tháng 12, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng các đồng chí Trường Chinh, Tôn Đức Thắng, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp đã đến đặt vòng hoa trước đài liệt sĩ - đài mới được dựng trên khoảng đất rộng trong vườn hoa, cạnh quảng trường Ba Đình, trước Phủ Chủ tịch.

Đứng trước đài liệt sĩ, hương trầm nghi ngút, Bác bùi ngùi tưởng nhớ các liệt sĩ, không cầm được dòng nước mắt. Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã thay mặt Bác đọc điếu từ.

Bác viết: "Hỡi các liệt sĩ, trong lúc cả nước vui mừng thì mọi người đều thương tiếc các liệt sĩ đã hy sinh vì Tổ quốc, vì dân tộc. Máu nóng của các liệt sĩ đã nhuộm lá quốc kỳ. Tiếng thơm của các liệt sĩ sẽ muôn đời truyền với sử xanh.

Một nén hương thanh

Vài lời an ủi

Anh linh của các liệt sĩ bất diệt

Tổ quốc Việt Nam vĩ đại muôn năm...”

Sau ngày hòa bình lập lại trên miền Bắc, trong một lần đi thăm thương binh hỏng mắt, Bác đã khuyên anh chị em “tàn mà không phế”. Bác đã dành nhiều phần thưởng cho các thương binh lao động, học tập giỏi. Hàng năm trong những lời chúc mừng năm mới, kêu gọi đồng bào nhân dân, những ngày kỷ niệm kháng chiến, Bác Hồ vẫn gửi lời chúc thân ái đến các thương binh, bệnh binh, gia đình quân nhân, gia đình liệt sĩ.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết khoảng hai mươi lăm thư gửi anh chị em thương binh, liệt sĩ và Người đã gương mẫu, thực tế đóng góp tặng phẩm, tiền lương để giúp đỡ thương binh, gia đình liệt sĩ.

“CHÚ CÒN TRẺ, CHÚ VÀO HẦM TRÚ ẨN TRƯỚC ĐI”

Một ngày tháng 7 năm 1967, ở Hà Nội, đồng chí Mai Văn Bộ được Bác Hồ gọi đến mời cơm tiễn chân trước khi đồng chí lên đường sang Paris nhận nhiệm vụ Tổng đại diện Chính phủ ta.

Trong bữa cơm, Bác kể chuyện về khu Luychxămbua, Môngpácnát, nơi Bác có nhiều kỷ niệm. Bác nói Bác rất yêu Paris, Paris đã dạy cho Người nhiều điều...

Bỗng tiếng còi báo động rú lên. Một chiến sĩ bảo vệ yêu cầu Bác và các đồng chí khác xuống hầm. Ít phút sau đã nghe tiếng đạn nổ.

- Thưa Bác, tác chiến báo cáo chúng nó đánh cầu Long Biên. Mời Bác vào hầm trú ngay cho.

Bác quay lại đồng chí Bộ, nói:

- Bác già rồi, chẳng bom đế quốc nào ném đâu. Chú còn trẻ, chú cần vào hầm trú ẩn trước.

Rồi Bác đẩy đồng chí Bộ đi trước, sau đó đến đồng chí Phạm Văn Đồng, đồng chí cảnh vệ.

Bác là người vào hầm trú ẩn sau cùng.

"BÁC CÓ PHẢI LÀ VUA ĐÂU?"

Có một số người ở ngôi cao, chức cả, sống trong sự trọng vọng của mọi người, thường xuyên được hưởng sự ưu đãi đặc biệt, lâu dần cũng quen đi mà không hề biết rằng mình đã nhiễm phải thói đặc quyền, đặc lợi.

Suốt đời tâm niệm là người công bộc của nhân dân, lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ, Bác Hồ của chúng ta luôn luôn hòa mình vào cuộc sống chung của đồng bào, đồng chí, không nhận bất cứ một sự ưu tiên nào người khác dành cho mình.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, nhiều nhân sĩ, trí thức cao tuổi theo Bác lên Việt Bắc, đi kháng chiến, đèo cao, suối sâu, đường bùn lầy, nhiều vị phải nằm cáng. Anh em phục vụ lo Bác mệt cũng đề nghị Bác lên cáng. Bác gạt đi:

- Bác còn khỏe, còn đi được, các chú có nhiệm vụ đưa Bác đi như thế này là tốt rồi.

Năm 1950, Bác Hồ đi chiến dịch Biên giới. Chuyến đi dài ngày, gian khổ. Anh em cảnh vệ kiếm được con ngựa, mời Bác lên. Bác cười:

- Chúng ta có bảy người, ngựa chỉ có một con, Bác cưỡi sao tiện?

Anh em khẩn khoản:

- Chúng cháu còn trẻ, Bác đã cao tuổi, đường xa, việc nhiều...

Không nỡ từ chối, Bác trả lời:

- Thôi được, các chú cứ mang ngựa theo để nó đỡ hộ ba lô, gạo nước, và thức ăn. Trên đường đi, ai mệt thì cưỡi. Bác mệt, Bác cũng sẽ cưỡi.

Cuối năm 1961, Bác về thăm xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, một xã có phong trào trồng cây tốt. Tại một ngọn đồi thấp, Bác đứng nói chuyện với nhân dân trong xã. Trời gần trưa, tuy đã sang đông mà nắng còn gay gắt. Nhìn Bác đứng giữa nắng trưa, ai cũng băn khoăn. Đồng chí Chủ tịch huyện cho tìm mượn chiếc ô, định giương lên che nắng cho Bác, thì Bác quay lại hỏi:

- Thế chú có đủ ô che cho tất cả đồng bào không? Thôi cất đi, Bác có phải là vua đâu?

Một lần, trong bữa ăn, đồng chí phục vụ dọn lên cho Bác một đĩa cá Anh Vũ, loại cá sông quý hiếm, thường chỉ có ở khúc sông Bạch Hạc - Việt Trì. Nhìn đĩa cá biết ngay là của hiếm, Bác khen và bảo:

- Cá ngon quá, thế mà chú Tô (tức đồng chí Phạm Văn Đồng) lại đi vắng. Thôi, các chú để đến chiều đồng chí Tô về cùng thưởng thức.

Miếng ngon không bao giờ Bác chịu ăn một mình. Chia sẻ ngọt bùi là thế, tưởng chuyện cũng sẽ qua đi. Nhưng đến bữa sau, trong mâm cơm lại có món cá hôm trước. Nhìn đĩa cá, Bác hiểu ngay và tỏ ra không bằng lòng:

- Bác có phải là vua đâu mà phải cung với tiến!

Rồi Người kiên quyết bắt mang đi không ăn nữa. Như Bác từng nói, ở đời ai chẳng thích ăn ngon mặc đẹp, nhưng nếu miếng ngon đó lại đánh đổi bằng sự mệt nhọc, phiền hà của người khác thì Bác đâu có chấp nhận. Những anh em công tác trong Phủ Chủ tịch hàng ngày vẫn thường đi lại bằng xe đạp, thỉnh thoảng có gặp Bác đi bộ. Nhìn thấy Bác, mọi người đều xuống dắt xe, chờ Bác đi rồi mới lên xe đi tiếp. Thấy vậy, Bác thường khoát tay ra hiệu bảo anh em cứ đi tiếp, không cần xuống xe. Nhưng ai có thể cho phép mình ngồi trên xe khi Bác đi bộ. Một lần, Bác gọi đồng chí vừa xuống dắt xe lại gần và bảo:

- Các chú có công việc của mình nên cứ tiếp tục đạp xe mà đi. Bác đâu phải là cái đền có biển "hạ mã" ở trước để ai đi qua cũng phải xuống xe, xuống ngựa?

Lão Tử có nói: "Trời đất sở dĩ có thể dài và lâu vì không sống cho mình nên mới được trường sinh. Thánh nhân đặt thân mình ở sau mà lại lên trước, đặt thân mình ở ngoài mà lại còn". Bác Hồ sống quên mình, không nghĩ đến mình mà lại trở thành sống mãi - Lời Lão Tử thật sâu sắc lắm thay!

PHẢI BẢO VỆ TỪNG CÀNH CÂY

Hôm ấy, tôi có nhiệm vụ mắc đường dây điện thoại qua vườn Phủ Chủ tịch. Tôi đang trèo lên một cây ở ngay cạnh đường thì nghe có tiếng chân người bước. Tôi nhìn về phía đó thì thấy Bác đi tới. Tôi loay hoay định tụt xuống thì Bác đã giơ tay ra hiệu cho tôi dừng lại. Bác hỏi:

- Cẩn thận kẻo ngã. Chú trèo cây làm gì?

- Thưa Bác, cháu mắc dây điện thoại ạ!

Trong lúc ấy, tay tôi vít chặt cây làm gãy một cành cây nhỏ. Tôi giật mình nhìn Bác, lo lắng. Bác không nói gì chỉ chú ý xem từng động tác của tôi ra dây, mắc dây vào các cành cây. Sau đó, Bác chỉ một cành cây to ở ngay cạnh chỗ tôi, nói.

- Sao chú không mắc dây vào cành kia...

Nói xong Bác đi vào nhà làm việc. Tôi nhìn theo Bác cho đến khi Bác vào hẳn trong nhà. Nhìn cành cây vừa gãy, nhìn vào đường dây đang mắc, tôi cảm thấy thấm thía lời dạy của Bác.

Về sau, cứ mỗi lần mắc dây qua những hàng cây tôi đều thận trọng nâng niu từng cành con, chồi nhỏ.

(Theo lời kể của đồng chí Hiền)

CÂY SÁO TRÚC

Năm 1962, nghệ sĩ Đinh Thìn được vinh dự vào thăm Bác và thổi sáo để Bác nghe. Đinh Thìn thổi xong, Bác khen hay, rồi Bác mượn cây sáo để thổi thử. Sáo không kêu. Nén xúc động Đinh Thìn hướng dẫn Bác cách bấm sáo. Tiếng sáo thổi vang lên khiến các đồng chí Trung ương đang dự họp có mặt tại gian phòng ngạc nhiên. Bác nói vui:

- Không thầy đố mày làm nên.

Rồi Bác hỏi Đinh Thìn:

- Sáo này, chú làm lấy hay mua?

Đinh Thìn đáp:

- Thưa Bác, cháu làm lấy ạ!

Bác khen:

- Tự lực cánh sinh như thế là tốt.

Chỉ một nhận xét giản đơn, nhưng những người có mặt trong phòng hôm ấy đều cảm nhận được một lời căn dặn tế nhị mà sâu xa.

(Theo Trần Thị Lợi)

VIỆC GÌ LÀM ĐƯỢC HÃY TỰ LÀM LẤY

Tháng 8 năm 1952, Bộ Quốc phòng mở hội nghị tổng kết chiến tranh du kích tại căn cứ địa Việt Bắc.

Một buổi sáng như thường lệ, một chiến sĩ phục vụ hội nghị xách mấy ống tre đầy nước từ dưới suối lên cho chúng tôi dùng. Tôi và anh Hoàng đón lấy một ống tre. Bỗng một ông già mặc quần đùi, áo may ô, khăn mặt nhuộm màu lá cây quàng cổ, đi lại gần hai chúng tôi. Anh Hoàng ghé sát vào tai tôi nói nhỏ:

- Bác, Bác Hồ đấy!

Chúng tôi chưa kịp chào Bác thì Bác đã hỏi:

- Nước xách lên cho các chú đánh răng rửa mặt phải không?

Không đợi chúng tôi trả lời, Bác nói:

- Không được thế! Hai chú tuổi còn thanh niên, buổi sáng chạy xuống suối rửa mặt tha hồ thoải mái, mà còn tập thể dục, như thế có hơn không?

Cả hai chúng tôi đứng lặng người. Bác nói tiếp:

- Việc gì có thể làm được hãy tự làm lấy, đừng bắt chiến sĩ vất vả vì mình, mà các chú thì không bị phụ thuộc.

Bác đi rồi, chúng tôi còn đứng nhìn theo và vô cùng thấm thía lời nhắc nhở của Bác.

(Theo lời kể của Như An)

"CHÚ NGÃ CÓ ĐAU KHÔNG?"

Vào đầu năm 1954, tiết trời đã sang xuân, nhưng ở Việt Bắc vẫn còn rét. Gió bấc thổi mạnh, mưa phùn lâm thâm gây nên cái lạnh buốt, Bác vẫn làm việc rất khuya, Bác khoác chiếc áo bông đã cũ, miệng ngậm điếu thuốc lá thỉnh thoảng lại hồng lên, tiếng máy chữ lách tách, lách tách đều đều...

Trời lạnh, nhưng đứng gác bên Bác, tôi thấy lòng mình như được sưởi ấm lên. Tôi nhẹ nhàng bước chân đi vòng quanh lán. Một lần vừa đi, vừa nghĩ, tôi bị thụt chân xuống một cái hố tránh máy bay. Tôi đang tìm cách để lên khỏi hố, chợt nghe có tiếng bước chân đi về phía mình. Có tiếng hỏi:

- Chú nào ngã đấy?

Chưa kịp nhận ra ai, thì tôi đã thấy hai tay Bác luồn vào hai nách, chòm râu của Bác chạm vào má tôi. Tôi cố trấn tĩnh lại để nói một lời thì giật mình khi thấy Bác không khoác áo bông, Bác đi tất, một chân có guốc, một chân không, nước mắt tôi trào ra. Vừa kéo, Bác vừa hỏi:

- Chú ngã có đau không?

Bác sờ khắp người tôi, nắn chân, nắn tay tôi. Rồi Bác nói:

- Chú ngã thế đau lắm. Chú cứ ngồi xuống đây bóp chân cho đỡ đau. Ngồi xuống! Ngồi xuống!

Tôi bàng hoàng cả người, không tin ở tai mình nữa. Có thật Bác nói như vậy không? Bác ơi! Bác thương chúng cháu quá!

Tôi trả lời Bác:

- Thưa Bác, cháu không việc gì ạ. - Rồi tôi cố gắng bước đi để Bác yên lòng.

Bác cười hiền hậu và căn dặn:

- Bất cứ làm việc gì chú cũng phải cẩn thận. - Rồi Bác quay vào.

Tôi đứng nhìn theo Bác cho đến lúc lại nghe tiếng máy chữ của Bác kêu lên lách cách, đều đều trên nhà sàn giữa Việt Bắc.

(Theo lời kể của Ngô Văn Núi)

"ÔNG KIẾN" NHÀ SÀN CỦA BÁC

Năm 1958, kiến trúc sư Nguyễn Văn Ninh được Văn phòng Phủ Chủ tịch mời lên gặp Bác.

Hôm ấy, Bác mặc bộ quần áo bà ba, chân đi đôi guốc mộc. Sau khi mời đồng chí Ninh ngồi, Bác nói ý kiến của mình về ngôi nhà mà Trung ương đã quyết định xây để Bác ở. Bác dặn nhà mới sẽ làm theo kiểu nhà sàn Việt Bắc, loại gỗ gì, tầng dưới thế nào, chỗ làm việc của Bác ra sao, cặn kẽ, cụ thể. Khi nói đến hành lang quanh sàn, Bác bê chiếc ghế mây ra để ngang, giơ tay làm cỡ, nói:

- Hành lang chú làm rộng cho Bác như thế này, để khi Bác ngồi đọc sách, có ai qua lại đều thuận lợi. Ý kiến của chú thế nào? Có được không?

Đồng chí Ninh thưa với Bác là "được" và xin phép ra về. Bác dặn thêm là phải hết sức tiết kiệm.

Sau đợt đi công tác ngắn ngày về, ngôi nhà đã xong. Bác đến xem nhưng không ai nghe thấy Bác nói gì. Hôm sau, Bác bỏ tiền riêng của mình nhờ Văn phòng tổ chức một buổi liên hoan ngọt. Bác mời đồng chí Ninh và một số công nhân làm nhà cho Bác tới dự ngay gian dưới ngôi nhà sàn mới dựng xong. Đây là bữa tiệc đầu tiên "khánh thành công trình" nhà sàn của Chủ tịch nước. Bác giục mọi người ăn kẹo, uống nước. Bác tặng mỗi người một huy hiệu hình Bác. Đến lượt đồng chí Ninh, Bác nói:

- Các chú làm như thế là nhanh, tốt, nhưng còn một khuyết điểm. Chú có biết khuyết điểm gì không?

Đồng chí Ninh thưa với Bác:

- Thưa Bác, so với lời Bác dặn thì có tốn kém hơn đôi chút ạ.

Bác gật đầu:

- Chú nói đúng. Nước ta chưa giàu, dân ta còn chưa đủ nhà ở. Bác ở thế là tốt lắm rồi...

Sau bữa tiệc, Bác mời anh em ra chụp ảnh chung với Bác. Nhìn quanh thấy đồng chí Ninh, Bác vẫy:

- Còn "ông kiến" nữa, đến đây!

Tất cả cười ồ lên, vui vẻ, phấn khởi trong niềm hạnh phúc riêng của mình.

Đồng chí Ninh kể lại:

- Ban đầu tôi cho rằng mình là "kiến trúc sư" nên Bác gọi là "ông kiến" cho gọn, cho vui. Mãi về sau có người nói rằng gọi "ông kiến" là tiết kiệm được hai chữ "trúc sư". Vì kiến là hay leo, leo thang. Tôi đã "leo thang" trong việc xây nhà sàn cho Bác, không tiết kiệm, nên Bác gọi thế!

(Theo lời kể của đồng chí Ninh)

"BÁC PHỤC VỤ DÂN CHỨ KHÔNG PHẢI DÂN PHỤC VỤ BÁC"

Suốt cuộc đời mình, dù đã đi bốn phương trời, qua nhiều nước tiếp nhận và gạn lọc tinh hoa nghệ thuật của nhiều dân tộc, nhưng Bác vẫn trân trọng nghệ thuật cổ truyền Việt Nam, trong đó có câu hát phường vải và hò ví dặm của quê hương Nghệ An.

Các đoàn, các đội văn nghệ ở Trung ương và các địa phương vẫn thường được Bác mời vào Phủ Chủ tịch biểu diễn. Cũng là để Bác xem và cho ý kiến, nhưng như anh em trong cơ quan thường nói: "Chủ yếu là Bác cho chúng tôi xem thôi".

Lần về thăm Nghệ An, sau khi đội văn nghệ tỉnh nhà biểu diễn, Bác bước lên sân khấu, giơ cao một chiếc lẵng mây, nói:

- Các cháu diễn tốt, Bác thưởng kẹo. Kẹo trong lẵng mây này.

Khi đoàn trình diễn vở "*Cô gái sông Lam*", trước giờ mở màn, Bác vào phòng hóa trang. Với anh Nghĩa quê Nghi Lộc, Bác nhại tiếng "Nghi Lộc hả, con "méo" phải không?". Anh Ngoạn trưởng đoàn trả lời Bác quê mình là Thừa Thiên, Bác nói: "Rứa là không phải Nghệ An nhà choa rồi"…

Lần khác nữa, Bác lại nhận lời mời đoàn ca múa Nghệ An vào Phủ Chủ tịch biểu diễn. Nhưng sau đó biết tin đoàn đang tiếp tục chương trình phục vụ đồng bào Hà Nội tại Văn Miếu, Bác bảo đồng chí giúp việc điện sang Bộ Văn hóa hoãn lại. Bác nói:

- Để đồng bào thưởng thức trước, Bác xem sau. Bác phục vụ dân chứ không phải dân phục vụ Bác.

(Theo Minh Huệ)

YÊU AI YÊU BẰNG CẢ TẤM LÒNG

Lần Bác sang thăm nước Cộng hòa Dân chủ Đức, các đồng chí ở Bộ Y tế nước bạn mời Bác đi thăm một số bệnh viện, Trường Đại học Y khoa và các sở nghiên cứu khoa học ở Béclin.

Đến một phòng học, các bác sĩ giới thiệu với Hồ Chủ tịch mô hình một người thủy tinh trong suốt có đầy đủ các bộ phận cơ thể và có thể lấy ra đặt vào phục vụ cho việc nghiên cứu bài giải phẫu.

Khi cầm que chỉ vào trái tim, đồng chí bác sĩ nước bạn nói vui:

- Trái tim này còn chứa đựng bao nhiêu tình yêu…

Bác cười nói với đồng chí người Đức:

- Ở nước chúng tôi, người ta không nói yêu nhau bằng trái tim đâu. Đố đồng chí biết đấy!

Bác sĩ xin chịu.

Cầm cây que chỉ, Bác khoanh một vòng tròn vào bụng người mẫu thủy tinh, rồi nói:

- Chúng tôi yêu ai yêu bằng cả tấm lòng này này.

Mọi người cười rộ lên...

(Theo đồng chí Song Tùng)

"HỎI CHÚ VIỆT ẤY!"

Trong kháng chiến chống Pháp, để sẵn sàng đề phòng sự bất trắc, tuy đã ở trong A.T.K nhưng cán bộ của Phủ Chủ tịch và Văn phòng Trung ương Đảng vẫn luôn luôn phải "quân sự hóa", có thời gian phần lớn cán bộ đều phải ngủ đêm tập trung, đôi lúc còn bị "báo động thử", điểm danh, mang ba lô tập hành quân.

Một lần, đồng chí Việt có vợ lên thăm. Cơ quan cho phép đồng chí ra "chiêu đãi sở" trao đổi công việc gia đình với chị Việt. Được vài hôm thì có lệnh tập trung. Đêm hôm ấy có báo động thật. Điểm danh không thấy đồng chí Việt đâu. Anh em lo quá, báo cáo lên Bác, Bác nói:

- Ta cứ hành quân thôi. Yên tâm.

Sau đó mới biết rằng đêm ấy đồng chí Việt xuống làng, ăn "chiêu đãi sở". Anh em cũng "thông cảm" bỏ qua cho, nhưng cũng không quên nhắc nhở đồng chí Việt.

Ít lâu sau, trong một lần sinh hoạt học tập về quân sự có người đề nghị Bác giảng dạy thêm về lối đánh du kích của Nga, của Trung Quốc, của ta.

Bác kể các mẩu chuyện nhỏ của các đội quân ngầm Hồng quân Liên Xô, của Bát Lộ quân... trong các vùng bị địch tạm thời chiếm đóng. Khi thời gian học đã gần hết, Bác nói:

- Về cách đánh du kích của ta, Bác sẽ nói sau. Ai muốn tìm hiểu trước thì hỏi chú Việt ấy...

Đồng chí Việt nói lại với chúng tôi:

- Ông cụ phê bình tế nhị, thân tình mà vẫn nghiêm khắc, nhẹ nhàng nhưng mình xấu hổ quá. Từ đó về sau "cạch" không dám vi phạm nội quy nữa...

"NHÀ MÁY CÓ KHỈ"

Sách *"Chủ tịch Hồ Chí Minh với Thủ đô Hà Nội"* do Sở Văn hóa - Thông tin Hà Nội in vào dịp tháng 5 năm 1985, trang 22 có viết:

"Ngày 19 tháng 5 năm 1955, Hồ Chủ tịch thăm Nhà máy xe lửa Gia Lâm. Người căn dặn muốn thi đua có kết quả thì mọi người phải biết đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ nhau…"

Một công nhân trẻ của nhà máy sau này còn được nghe kể lại một mẩu chuyện nhỏ trong dịp Bác đến thăm lần ấy.

Năm 1955, Hà Nội mới giải phóng được một năm, nhà máy bấy giờ còn có tên là *"Nhà máy cơ khí Gia Lâm"*. Cái biển treo trước cổng nhà máy kẻ chữ to, đẹp nhưng không đánh dấu sắc chữ "i", không có mũ chữ "â", chữ "ơ" không có râu...

Bác vào nhà máy, gặp anh chị em công nhân, bỗng Bác hỏi:

- Nhà máy các cô, các chú có khỉ à?

Mọi người ngơ ngác nhìn nhau, không hiểu câu chuyện thế nào mà lại sinh ra "khỉ" thế này. Giám đốc ra hiệu hỏi thư ký công đoàn, thư ký công đoàn hỏi bí thư thanh niên. Không ai trả lời được. Bác lại giục:

- Thế nào, biển đề "có khỉ" mà.

- Dạ, thưa có đâu ạ!

Bác cười:

- Có đấy! Biển Nhà máy Cơ khí Gia Lâm của các cô, các chú viết bằng tiếng mẹ đẻ mà không đánh dấu. Vì vậy mà Bác đọc nhầm là "Nhà máy có khỉ" mà khỉ lại "già lắm"...

Mọi người ngẩn ra được một bài học đích đáng nhé.

"HỠI AI BƯNG BÁT CƠM ĐẦY"

Tôi còn nhớ như in vào một buổi sáng hè (tháng 6 năm 1960), sau khi dự Đại hội đoàn kết chống hạn Ứng Hòa - Mỹ Đức xong, Bác ra cánh đồng thôn Thái Bình, xã Vạn Thắng (Ứng Hòa) thăm nông dân chống hạn.

Những năm ấy vì hệ thống mương máng, thủy lợi chưa có là bao nên bà con nông dân quá vất vả, nắng quá thì hạn, mưa nhiều thì úng. Đời sống của hàng triệu nông dân chỉ trông chờ ở đồng ruộng, thật bấp bênh.

Hôm ấy, Bác mặc quần áo gụ, đội mũ lá cọ, chân đi dép cao su, quần xắn trên đầu gối, khăn mặt vắt vai, tay chống gậy đi ra cánh đồng thăm bà con nông dân đang tát nước.

Mới mười giờ mà trời đã nắng như đổ lửa, chúng tôi - những cán bộ đi theo cũng thấm mệt, mồ hôi vã như tắm tràn xuống mắt giàn giụa, tràn vào miệng mặn chát. Bác rất nhanh, mặc dù đường sống trâu, Bác vẫn thoăn thoắt đặt chân trên các gồ đất cách nhau 30 - 40 phân một cách nhẹ nhàng như những lão nông thực thụ. Đến đầu một con mương, đồng chí Chủ tịch tỉnh Hà Đông thấy bờ mương hẹp, khó đi, vội chạy lên trước Bác để mời Bác đi theo đường chính. Bác xua tay và rẽ vào bờ mương để đến chân ruộng bà con đang lao động giữa cánh đồng bị hạn. Tất nhiên chúng tôi phải đi sau và cố

hết sức mới kịp. Đến một chỗ bờ mương bị xẻ ra chừng 1,5 mét để tát nước gần đấy, đồng chí Chủ tịch tỉnh lại chạy lên định để dắt Bác, chưa kịp thì Bác đã nhảy phắt qua hố rẽ sang bên kia. Những người theo sau, người thì nhảy qua được, người phải đi men xuống ruộng để qua.

Thấy Bác đến, lại còn mặc như lão nông, bà con vui mừng bỏ cả gàu đổ xô lại vây quanh Bác rất đông. Có cháu thiếu niên 14 - 15 tuổi lên đến bên Bác, đưa tay vuốt râu Bác. Bác thân mật thăm hỏi mọi người, bắt tay bà con, rồi nói bằng giọng miền Bắc pha xứ Nghệ ấm áp:

- Thuở nhỏ đã nhiều năm tôi sống với bà con làng xóm làm nông nghiệp, tôi hiểu nỗi cơ cực của bà con khi trời hạn hán. Bây giờ chúng ta đã có chính quyền, bà con đã làm chủ ruộng đồng, gặp lúc thiên tai, phải cùng nhau đoàn kết chống hạn, cứu lúa. - Mọi người "vâng ạ?" thật rõ và to.

Sau đó Bác lên đạp guồng cùng với một bác nông ngoài năm mươi tuổi. Thấy đạp guồng đỡ vất vả được nhiều nước, Bác căn dặn chính quyền thôn xã tích cực huy động bà con biết nghề mộc xẻ gỗ để đóng guồng. Bà con hỏi Bác đủ thứ chuyện, Bác đều trả lời thân mật, dễ hiểu. Trước khi chia tay với bà con nông dân, Bác đã đọc hai câu thơ:

"Ai ơi bưng bát cơm đầy,

Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần."

Mọi người xúc động đứng mãi nơi Bác vẫy chào tạm biệt.

DÂN CHỦ MÀ THÀNH "QUAN CHỦ"

Ngay từ khi chưa giành được chính quyền, Bác Hồ đã dự báo trước căn bệnh "quan liêu" sẽ xuất hiện, sẽ làm xói mòn "cơ thể" một số cán bộ, một số cơ chế tổ chức, dẫn đến tai hại cho cả một xã hội.

Hôm đầu tiên về Hà Nội, tháng 8 năm 1945, Bác đã nhắc khéo một vài "quý vị" rằng "đã ra vẻ người thành phố, ra vẻ cán bộ rồi đấy". Trong kháng chiến chống Pháp trong sách "Sửa đổi lối làm việc", mỗi khi có hội nghị, gặp gỡ cán bộ cấp cao ở Trung ương, cấp cuối cùng ở thôn xã, bao giờ Bác cũng nhắc *cán bộ* là *đầy tớ* của nhân dân. Bác nghiêm khắc phê bình lối làm việc "quan liêu mệnh lệnh, xa rời dân chúng", lên mặt quan cách mạng, "khắc hai chữ cộng sản lên trán" ra vẻ ta đây...

Hòa bình lập lại trên miền Bắc được vài năm, ở Hà Nội xuất hiện chế độ tem phiếu. Những bà nội trợ trong thời gian ấy cứ bù đầu lên vì những phiếu, những số A, B, C, 1, 2, 3...có những ông chồng giáo sư, bác sĩ,… cứ nghe vợ trình bày "giá trị, tác dụng" của các ô giấy nhỏ ấy cũng lắc đầu lảng tránh "Tôi xin chịu… không hiểu nổi, không nhớ nổi"...

Có phiếu bìa đỏ mua ở cửa hàng cung cấp cho cán bộ "cao", bìa xanh cho cán bộ "vừa", bìa trắng cho nhân dân. Lại có bìa mua ở cửa hàng đặc biệt. Lại có bìa dành cho cán bộ mua ở cửa hàng quốc tế mặc dù có cán bộ "cả đời" cũng không bước chân vào xem trong đó có gì - có thể vì không thích, vì không đủ tiền; trong khi đó có một loại "con buôn" lại vào, ra "thì thọt" kiếm chác được!

Tháng 5 năm 1969, trong lần làm việc với một nhà khoa học, những vấn đề tem phiếu cho các cấp quan *cán bộ* ấy đã được Bác lắng nghe. Bác yêu cầu cho dẫn chứng cụ thể các thể thức bán hàng, phục vụ quá phiền phức tại Hà Nội.

Bác không vui quay lại hỏi Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Nội thương. Bác lại hỏi Bí thư Thành ủy Hà Nội. Biết chắc tình hình đã có, đã có khá lâu, Bác lắc đầu:

- Dân chủ mà thành ra quan chủ. Hà Nội mà còn nhiều quan như vậy sao!

Tất cả từ Thủ tướng đến nhà khoa học ngồi im nghẹn ngào, xúc động không trả lời được Bác.

(Theo Giáo sư Hoàng Tụy)

CHIẾC ÁO ẤM

Một đêm mùa đông năm 1951, gió bấc tràn về mang theo những hạt mưa lâm thâm làm cho khí trời càng thêm lạnh giá. Thung lũng bản Ty co mình lại trong giấc ngủ, trừ một ngôi nhà sàn nhỏ còn phát ra ánh sáng. Ở đây, Bác vẫn thức, vẫn làm việc khuya như bao đêm bình thường khác.

Bỗng cánh cửa của nhà sàn hé mở, bóng Bác hiện ra, Bác bước xuống cầu thang, đi thẳng về phía gốc cây, chỗ tôi đang đứng gác.

- Chú làm nhiệm vụ ở đây có phải không?

- Thưa Bác, vâng ạ.

- Chú không có áo mưa?

Tôi ngập ngừng rồi mạnh dạn đáp:

- Dạ thưa Bác, cháu không có ạ!

Bác nhìn tôi từ đầu đến chân ái ngại:

- Các đêm, có áo mưa, không ướt, đỡ lạnh hơn.

Sau đó, Bác từ từ đi vào nhà, dáng suy nghĩ.

Một tuần sau, anh Bảy cùng mấy người nữa đem đến cho chúng tôi mười hai chiếc áo dạ dài chiến lợi phẩm. Anh nói:

- Bác bảo phải cố gắng tìm áo mưa cho anh em. Hôm nay có mấy chiếc áo này, chúng tôi mang lại cho các đồng chí.

Được một chiếc áo như thế này là rất quý, nhưng đối với chúng tôi còn quý giá và hạnh phúc hơn khi Bác trực tiếp chăm lo, săn sóc với cả tấm lòng yêu thương của một người cha.

Sáng hôm sau, tôi mặc chiếc áo mới nhận được đến gác nơi Bác làm việc. Thấy tôi, Bác cười và khen:

- Hôm nay chú có áo rồi.

- Dạ thưa Bác, đây là áo anh Bảy đem đến cho tiểu đội chúng cháu mỗi người một chiếc ạ.

Nghe tôi thưa lại, Bác rất vui. Bác ân cần dặn dò thêm:

- Trời lạnh, chú cần giữ gìn sức khỏe và cố gắng làm tốt công tác.

Dặn dò xong, Bác trở lại ngôi nhà sàn để làm việc, chúng tôi xiết bao xúc động. Bác lo dành áo ấm cho chúng tôi trong lúc Bác chỉ mặc chiếc áo bông mỏng đã cũ. Đáng ra chúng tôi phải chăm lo cho bác nhiều hơn, còn Bác, Bác lo nghĩ đến chúng tôi nhiều quá.

Từ đấy, chúng tôi trân trọng giữ gìn chiếc áo Bác cho như giữ lấy hơi ấm của Bác. Hơi ấm ấy đã truyền thêm cho chúng tôi sức mạnh trong mỗi chặng đường công tác.

(Theo đồng chí Tiện)

"THẾ CÓ NƯỚC MẮM ỚT KHÔNG?"

Đầu năm 1967, nhân dịp tết Bính Ngọ, Bác Hồ đến thăm trận địa trung đội súng máy cạnh bờ đê Mai Lĩnh. Từ xa, các chiến sĩ đã nhận ra ngay cụ già từ trong chiếc xe sau bước xuống là Bác Hồ vô cùng kính yêu của họ. Không nén được vui mừng, cả trung đội cùng reo lên: Bác Hồ!

Mặc dù trời mưa, đường trơn, Bác vẫn nhanh nhẹn đi vào trận địa. Chỉ trong giây lát, cả trung đội đi vòng quanh Bác. Chân đi dép lốp, đầu đội mũ vải, Bác cứ đứng dưới mưa phùn nói chuyện với anh em. Giọng Bác ấm áp, hiền từ như một người ông nói với đàn cháu nhỏ. Bác hỏi:

- Các chú khỏe chứ? Có đủ ấm không? Các chú ăn tết có những gì?

Anh em đồng thanh đáp:

- Thưa Bác, nhiều lắm ạ.

Một đồng chí cán bộ thay mặt đơn vị báo cáo:

- Dạ thưa Bác, chúng cháu khỏe, đủ ấm, tết chúng cháu có bánh chưng, có thịt, có giò, có cả thịt gà nữa…

Bác lại hỏi:

- Thế có nước mắm ớt không?

Câu hỏi của Bác làm cả trung đội cười ầm lên thích thú và cảm động. Nghe những câu hỏi của Bác, nhìn cặp mắt hiền từ của Bác càng thấy tấm lòng yêu thương của Bác đối với bộ đội như người mẹ hiền.

(Theo hồi ký Trung tướng Nguyễn Xuân Mậu)

BỮA CƠM Ở BẢN

Bác và đồng chí Phù Sấn thoát khỏi bốt gác Đôn Chương thì đi thẳng đến trạm Nà Mạ. Mới đặt khăn gói. chưa kịp nghỉ ngơi thì được tin: có tên tổng đoàn lên khám mạng một vụ giết người cướp của ở Kèo Già. Để đảm bảo an toàn, các đồng chí đưa Bác lánh vào một cái hang sau làng Nà Mạ, chờ đến tối sẽ đưa Bác vào làng ăn cơm. Trước khi vào hang tránh, Bác dặn làm thịt con gà mà tỉnh ủy Cao Bằng cho mang theo khi Bác cải trang đi đường.

Chiều hôm ấy, chủ nhà không thịt gà như Bác đã dặn mà thịt con vịt béo của nhà mình để làm cơm mời khách. Chủ nhà lọc riêng thịt nạc với gan cho ra một đĩa và đặt sang mâm Bác.

Ngồi vào ăn, Bác nhìn mâm cơm và hỏi:

- Ai làm bữa cơm này?

- Thưa Bác, chủ nhà ạ!

Chỉ vào đĩa thịt nạc, Bác bảo:

- Sao lại làm như vậy?

- Thưa Bác, đó là phong tục địa phương đối với khách ạ.

Bắc lắc đầu nói:

- Không được, phong gì thì phong, tục gì thì tục, chú sẻ đĩa thịt này sang mâm kia để gia đình cùng ăn.

Mọi người làm theo lời Bác.

(Theo Như Thu)

"VẠN TRÙ HỌC"

Dù đã đi bốn phương trời, tiếp xúc với nhiều ngôn ngữ sau bao nhiêu năm xa cách Tổ quốc, Bác vẫn không bao giờ quên những âm nói riêng của "xứ Nghệ" nhớ thương, xúc động khi ở đất Thái, quê người, bỗng nghe bà Quỳnh Anh một đêm hè "ru con" bằng lối ru của những người mẹ hiền, quê mẹ...

Ngành ngôn ngữ nước ta chắc sẽ không bao giờ quên, nhờ có Bác mà có thêm được những danh từ rất Việt Nam không kém trang trọng, "bác học" mà vẫn "dân gian". Một đoàn "ca vũ" Tổng cục Chính trị, một hội "Hồng thập tự", một lớp "phi công", các "cung ứng hỏa xa viên"… đều đã được Bác đổi tên cho thành đoàn ca múa, hội chữ thập đỏ, chiến sĩ lái, đội phòng cháy, chữa cháy, nhân viên phục vụ, rồi cho cả "vùng trời, vùng biển"...

Nhà toán học Hoàng Tụy có chuyện kể rằng:

"Khoảng tháng 5 năm 1969, chỉ vài tháng trước lúc đi xa, một lần Bác thấy nhân dân thủ đô phải "rồng rắn" xếp hàng dài trước các cửa hàng, nhất là ở các quán bia. Bác băn khoăn và trao đổi việc này với Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Ngày 30 tháng 7 cùng năm, nhà toán học được mời đến gặp Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ yêu cầu áp dụng khoa học trong việc phân phối hàng hóa, góp phần giải quyết tình

trạng "xếp đuôi dài" trước các cửa hiệu. Nhà toán học đã phát biểu về khả năng áp dụng vận trù học trong ngành thương nghiệp để giải tỏa "rồng rắn". Bác nêu lên việc người mua bia, bán bia và nói:

- Chú thử cố gắng áp dụng lý thuyết "vận trù học" của chú để cải tiến việc này.

Biết là Bác phê bình khéo "vận trù học", vì nhà khoa học đã đoán biết thế nào Chủ tịch nước cũng nhắc nhở về nhóm chữ này, nên đồng chí Hoàng Tụy thưa:

- Thưa Bác, chúng cháu chưa tìm ra được chữ khác....

Bác nói:

- Nên tìm chữ gì dễ hiểu hơn, chữ "vận trù học" thì Chủ tịch nước cũng không hiểu nổi!

Ngừng một lát, Bác lại hỏi:

- Thế chú có biết nguồn gốc chữ "vận trù học" ở đâu mà ra không?

Nhà toán học, mẹ đẻ ra đứa con yêu danh từ "vận trù học", xấu hổ quá, báo cáo thật:

- Thưa Bác, không ạ...

Bác nói:

- Đó là câu của Trương Lương "vận trù ư duy ác chi trung, quyết thắng ư thiên lý chi ngoại"[1]. Vận trù cũng là tham mưu. Bộ đội ta có nhiều người không học tính toán được nhiều mà làm "vận trù" cũng khá, là nhờ cái này (Bác chỉ vào ngực, phía quả tim...).

---

[1] Có nghĩa là "bàn tính kỹ trong màn trướng, thắng lợi to ngoài vạn dặm".

Nghe thế, nhưng nhà toán học cho đến nay vẫn còn "nợ" chưa tìm được ba chữ gì thay cho "vận trù học".

"CHÚ ĐỂ BÁC THUYẾT MINH CHO"

Khi còn hoạt động ở chiến khu Việt Bắc, Bác thường xem phim với các đồng chí phục vụ trong cơ quan. Đó là những giờ phút Bác cháu thoải mái sau hàng tuần, hàng tháng làm việc trong hoàn cảnh thiếu thốn, căng thẳng.

Một lần, máy chiếu phim đã chạy đều đều, trên màn ảnh diễn ra những cảnh nối tiếp nhau, tiếng đối thoại của các nhân vật sôi nổi... nhưng người xem không ai hiểu gì cả, vì đó là phim nước ngoài mà không có thuyết minh.

Như biết rõ yêu cầu của mọi người, Bác hỏi đồng chí phụ trách chiếu phim:

- Sao chú không thuyết minh cho mọi người nghe?

Đồng chí phụ trách thưa với Bác là phim mới nhập về không có bản thuyết minh kèm. Nhưng vì thực hiện lịch chiếu phim do cơ quan qui định nên cứ tiến hành chiếu.

Với nụ cười đôn hậu, Bác nói:

- Chú để Bác thuyết minh cho.

Bác cầm micrô, tóm tắt đoạn phim vừa chiếu và trực tiếp thuyết minh hết bộ phim. Mọi người càng thêm mến phục Bác.

Hòa bình lập lại, cơ quan của Bác chuyển về Hà Nội. Lịch chiếu phim trong cơ quan vẫn được duy trì.

Thường vào tối thứ bảy, tại phòng lớn ngôi nhà Phủ Chủ tịch có chương trình chiếu phim.

Tối ấy, nghe có phim hay, người xem khá đông.

Đúng giờ, Bác tới, Người ra hiệu cho mọi người ngừng vỗ tay rồi nhanh nhẹn ngồi vào ghế. Một số cháu nhỏ tíu tít ngồi quanh Bác.

Buổi chiếu phim "*Hoàng tử cóc*" bắt đầu. Mọi người trật tự theo dõi phim. Song lần này, đồng chí thuyết minh chưa xem trước, nên nhiều đoạn lời thuyết minh và hình ảnh không ăn nhập với nhau. Người xem khó theo dõi. Có người xì xào, phàn nàn... Nhiều người quay lại chỗ đặt máy chiếu có ý chờ đợi.

Hiểu rõ hoàn cảnh, Bác bảo đồng chí thuyết minh:

- Chú thuyết minh như vậy làm mất cả cái hay của bộ phim. Chú để Bác thuyết minh cho.

Nói rồi, Bác cầm micrô chăm chú theo dõi hình ảnh, lắng nghe đối thoại và thuyết minh trực tiếp bộ phim Pháp này. Mọi người chăm chú theo dõi. Có lúc Bác giải thích thêm. Lời thuyết minh rõ ràng, ngắn gọn. Giọng Bác ấm áp gợi cảm...

Phim kết thúc. Như thường lệ, mọi người hướng về Bác chờ đợi một lời, một ý của Bác. Bác hỏi mọi người:

- Phim có hay không?

- Dạ, hay lắm ạ!

Mọi người như đồng thanh trả lời. Bác hỏi lại:

- Hay vì sao?

Và không đợi câu trả lời, Bác giải thích luôn:

- Hay vì nội dung tốt. Câu chuyện răn mọi người muốn có lứa đôi hạnh phúc, thì đừng quá lệ thuộc vào hình thức bên ngoài; cần phải có cái đẹp bên trong, cái đẹp bản chất, về

phẩm giá con người. Các tài tử đóng khéo, màu sắc đẹp, tình tiết hấp dẫn…

Người xem hôm ấy hiểu thêm về nội dung phim, về Bác: Làm việc gì Bác cũng muốn đem lại điều bổ ích cho mọi người, phục vụ mọi người.

"CỦA BỤT ĂN MỘT ĐỀN MƯỜI"

Vào một ngày đẹp trời đầu tháng 2 năm ấy, Bác Hồ đến thăm một đơn vị pháo cao xạ. Bác đội chiếc mũ cát, mặc áo khoác rộng, cổ quàng chiếc khăn bông, chân đi dép lốp.

Đồng chí Trần Thọ Vệ, quyền đại đội trưởng báo cáo với Bác tình hình của đơn vị. Bác tươi cười căn dặn mọi người phải đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân, yên tâm công tác, ra sức học tập và bắn rơi nhiều máy bay địch. Sau đó, Bác cầm tút thuốc lá thơm đưa cho đồng chí Bùi Văn Số, quyền chính trị viên đại đội và bảo:

- Đại đội chú có bao nhiêu người? Bác tặng các chú mỗi người hai điếu kể cả các chú đi vắng.

Cử chỉ thân mật và lời nói chân tình của Bác đã làm cho chúng tôi mạnh dạn hẳn lên. Rồi Bác lấy mấy túi bánh đưa cho cán bộ đại đội chia cho mọi người. Anh em nhận quà xong, Bác mới nói:

- Các chú đã nghe câu "*Của bụt ăn một đền mười*" chưa? Các chú nhận quà của Bác thì phải hứa với Bác bắn rơi nhiều máy bay địch, các chú có quyết tâm không?

Khắp hàng quân vang lên những tiếng hô rắn rỏi, phấn khởi: Quyết tâm! Quyết tâm!

Sau ngày Bác đến thăm, Đại đội 612 chúng tôi bừng lên một khí thế thi đua tự giác và sôi nổi chưa từng có. Chỉ sau một tháng, đại đội chúng tôi đã bắn rơi máy bay Mỹ.

(Theo Mai Đông Hải)

"KHÔNG CỨ PHẢI ĐẢNG VIÊN"

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trong thành phần Chính phủ lâm thời do Cụ Hồ làm Chủ tịch, có nhiều trí thức trẻ đã được mời tham gia, Ông Nguyễn Văn Huyên - Tiến sĩ Văn khoa - Cử nhân luật học được giao giữ chức Tổng Giám đốc Đại học vụ (và sau là Bộ trưởng Bộ Giáo dục) khi ấy mới 37 tuổi.

Ngay thời gian đầu tiên, được Chính phủ giao trọng trách công tác văn hóa giáo dục "diệt giặc dốt" (là một trong ba thứ giặc lúc bấy giờ), ông Huyên không khỏi lo ngại, bởi vì chín mươi phần trăm dân ta không biết chữ, vả lại điều kiện trường, lớp, thầy, cô thiếu thốn vô cùng. Nhưng vốn là người xốc vác, hơn nữa ông lại còn trẻ, hăng hái, cho nên mọi khó khăn đều được giải quyết ổn thỏa. Phong trào "Bình dân học vụ" mà ông phụ trách đã đạt được những kết quả mà cho đến nay mỗi khi nhắc đến ai cũng phải thán phục. Cụ Hồ rất hài lòng về vị Bộ trưởng bởi vì ngoài những thành tích, ông Huyên còn là người do Cụ Hồ giới thiệu vào trong thành phần chính phủ.

Thế mà có một lần, ông Huyên xin từ chức Bộ trưởng với lý do: Ông không phải là đảng viên (đúng hơn là ông không tham gia đảng phái nào). Cụ Hồ không bằng lòng khi nghe tin ấy. Cụ đã gặp và động viên ông Huyên, Cụ nói: "Không cốt là đảng viên cộng sản hay không đảng, mà cốt là làm việc tốt hay

kém, có hiệu quả hay không hiệu quả mới quan trọng". Nghe lời Cụ, ông Huyên lại tiếp tục làm việc, chức Bộ trưởng Giáo dục ông giữ mãi cho đến những năm cuối đời.

Năm 1960, Chi bộ Văn phòng Bộ Giáo dục nhất trí kết nạp ông Nguyễn Văn Huyên vào Đảng. Đề nghị đã được Đảng ủy cơ quan Bộ Giáo dục và Đảng ủy dân chính Văn phòng Trung ương đồng ý. Nhưng khi thông qua Ban Bí thư thì Cụ Hồ góp ý kiến rằng: "Để chú Huyên ngoài Đảng có lợi hơn là ở trong Đảng". Biết vậy, ông Huyên rất xúc động, bởi vì ông nghĩ Cụ Hồ rất hiểu ông và những người trí thức như ông, dù không đứng trong Đảng nhưng các ông đã suốt đời làm việc vì lợi dân ích nước.

(Theo lời kể của Nữ Hạnh con gái Bộ trưởng Nguyễn Văn Huyên)

MỘT LẦN ĐƯỢC GẶP BÁC HỒ

Bữa cơm đêm hôm ấy, chúng tôi cùng ăn chung. Bác Hồ bảo không nên dùng nghi lễ, hãy để tất cả các đĩa thức ăn trên bàn không cần phải đưa từng đĩa một. Bác nói: "Cái gì tôi thích thì tôi lấy, cái gì anh thích thì anh lấy, như ở nhà mình thôi".

Bác Tukimin có nhiệm vụ xem xét, phục vụ lúc ăn uống cũng được Người kéo vào và bảo ngồi cùng ăn.

Ăn xong, đột nhiên Bác Hồ yêu cầu tôi đưa Người đi dạo phố mà không cần bảo vệ. Tôi được bỏ quân phục và tất cả phù hiệu.

Tất nhiên là tôi ngạc nhiên và tự hỏi: Tại sao Người lại tin cậy chúng tôi, những người mà Người chưa hề biết đến như thế?

Tôi nghĩ: Chắc vì Người rất tin tưởng ở bản thân mình. Nhưng tôi cũng cảm thấy rất sung sướng khi được Bác Hồ tin cậy. Đúng là khi được nhận trách nhiệm và được tin cậy thì ai cũng rất sung sướng.

Chúng tôi đưa Bác Hồ đi xem những cái tốt đẹp của thành phố Giacácta, và chúng tôi cũng không thấy thẹn khi đưa Người đi xem những cái chưa tốt, vì tôi nghĩ phải chăng Người là một nhà cách mạng, một chiến sĩ, tất biết rõ việc xây dựng phải khó khăn biết bao nhiêu, tất biết rõ nhân dân và yêu cầu của nhân dân.

Lúc nhìn sông đào Gilirung, tôi xấu hổ khi thấy nhân dân tắm và giặt quần áo ở đây. Trong thâm tâm, tôi chỉ muốn cho vị khách quý xem những cái tốt đẹp.

Hình như Người đoán được điều tôi đang suy nghĩ, và Người liền nói: "Thay đổi tình hình và xây dựng quả không thực hiện được trong thời gian ngắn, không thể thay đổi tình hình trong một đêm như làm ảo thuật. Cần phải có tính nhẫn nại cách mạng. Miễn là chúng ta không quên rằng cách mạng không chỉ giành độc lập chính trị mà còn phải nhằm mục đích và phải thu kết quả cho đời sống nhân dân. Nhân dân phải được ăn nhiều hơn, mặc đẹp hơn, sống hạnh phúc. *Nếu không, thì cách mạng không có ích gì".*

Đêm hôm ấy, một đêm đầy sao, tôi nói chuyện với vị lão thành ấy về chiến tranh du kích, về sự dã man của quân thù, quyết tâm và sự hy sinh của nhân dân, hoài bão và lý tưởng chung của chúng tôi.

Đêm hôm ấy, ranh giới hay hàng rào ngăn cách đều bị xóa hết đối với tôi. Tôi không còn cảm thấy Người là Chủ tịch

Hồ Chí Minh, một người Việt Nam nữa, mà chỉ như một chiến sĩ giản dị có thể xem như một người cha, một người chỉ huy và một người bạn.

Quả là những lý tưởng có thể đạt tới một xã hội công bằng, và phồn vinh có thể thắt chặt lòng người này với người khác. Chủng tộc hay dân tộc không quan trọng, điều quan trọng là những lý tưởng. Bây giờ, tôi mới hiểu tại sao trong những ngày sau đó, Bung Cácnô và Bác Hồ lại quan hệ với nhau chặt chẽ, thoải mái và thân thiết đến thế.

Đêm chia tay ở Mê Đăng, tôi và bạn tôi được gọi lại, Người nói: "Tôi cảm ơn tất cả các bạn, vì nhờ tất cả các bạn mà cuộc đi thăm của tôi thành công. Tôi thật sự cảm thấy như ở giữa anh em trong nhà, mong rằng cuộc đấu tranh của các bạn thành công. Để làm kỷ niệm, tôi tặng các bạn những vật này: một tấm hình và huy hiệu chiến sĩ Điện Biên Phủ, không phải mọi người đều được phát huy hiệu, mà chỉ những người thực sự tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ mới có".

Tôi đáp lại với Người rằng bảo vệ và phục vụ Người đối với chúng tôi là một vinh dự, tôi đã học được nhiều điều. Tôi đã học được rằng người ta phải làm, phải nghĩ và phải sống như thế nào để xứng đáng là người lãnh đạo. Những điều tôi thu thập được là rất quý báu.

Tôi là vệ sĩ của Bác Hồ, nhưng ngược lại chắc rằng Bác là người che chở tôi, nếu như có xảy ra chuyện gì.

(Theo Trung tá Xuhácgiờ)

HAI LOẠI BÚT, HAI THỜI KỲ

Trong kháng chiến chống Pháp, tại một cuộc họp Hội đồng Chính phủ, một cán bộ cấp cao thấy Bác có một hộp bút đặt trên bàn, tò mò hỏi:

- Thưa Bác, Bác có nhiều bút quá.

Bác gật đầu, nói:

- Bác viết báo. Tòa soạn trả tiền nhuận bút, một thân một mình, chẳng tiêu gì nên Bác mua bút này.

Người quay lại các vị trong Hội đồng:

- Hôm nay tôi xin tặng các cụ, các chú mỗi người một cây bút *"Anh hùng"*.

Tháng 9 năm 1963, nhân dịp Quốc khánh, cũng trong một phiên họp Hội đồng Chính phủ, Bác lại mang đến một hộp bút.

Người nói:

- Hôm nay tôi xin tặng các vị, các chú mỗi người một cây bút để làm việc.

Bác đưa tận tay từng Bộ trưởng, từng Ủy viên. Mọi người nhìn lên nắp bút thấy hàng chữ Bác cho thuê khắc *"Bút chống quan liêu"- 02/9/1963.*

Không biết cho đến nay có còn ai giữ được cây bút "chống quan liêu" mà Bác đã tặng?

"GĂNG NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC BỂ..."

Để chuẩn bị cho cuộc đàm phán chính thức giữa Chính phủ ta và Chính phủ Pháp ở Paris, Hội nghị trù bị Đà Lạt được tổ chức vào tháng 4 năm 1946 nhằm bàn những vấn đề mấu chốt sẽ đề cập trong cuộc gặp gỡ tương lai.

Tuy hội nghị trù bị, nhưng vì nội dung đàm phán rất quan trọng ảnh hưởng đến vận mệnh quốc gia, dân tộc, cho nên Chính phủ, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức quan tâm lo lắng.

Người đã trực tiếp xem xét tỉ mỉ vấn đề sẽ đưa ra bàn bạc, đồng thời dặn luật sư Nguyễn Mạnh Tường nghiên cứu đề án hội nghị trước hai tháng và đệ trình dự kiến từng giải pháp trước Chính phủ.

Phái đoàn đi dự hội nghị Đà Lạt do ông Võ Nguyên Giáp dẫn đầu và luật sư Nguyễn Mạnh Tường - cố vấn pháp luật, Tiến sĩ Nguyễn Văn Huyên - cố vấn văn hóa, giáo sư Hoàng Xuân Hãn, ông Nguyễn Tường Tam (bấy giờ là Bộ trưởng Ngoại giao) và Vũ Hồng Khanh - đại diện quốc dân đảng (nhưng đến phút cuối thì ông Khanh không tham gia...).

Trước khi đi Đà Lạt, phái đoàn họp ở Bắc Bộ phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gặp gỡ trao đổi với từng thành viên trong đoàn. Người dặn: Hội nghị lần này nhiệm vụ sẽ rất nặng nề, khó khăn, thậm chí sẽ rất căng thẳng vì sự ngoan cố, thiếu thiện chí của phía Pháp. "*Găng nhưng không được bể. Đoàn kết và đoàn kết, đó là quan điểm của Chính phủ ta. Chúng ta sẵn sàng nhân nhượng để có một giải pháp chung. Song, độc lập quốc gia và tự do dân tộc thì không được vi phạm*" [(1)].

[(1)] Lời kể của chị Nữ Hạnh - Tạp chí *Khoa học, Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp*, số tháng 8/1990. tr. 2.

Đúng như Cụ Hồ dự tính, Hội nghị Việt - Pháp (Đà Lạt) diễn ra rất căng thẳng (nhất là trong các ngày 22, 23 tháng 4 và ngày 02 tháng 5 năm 1946) nhưng do được chuẩn bị trước về tinh thần, phái đoàn ta rất bình tĩnh, không thay đổi quan điểm trước sự khiêu khích của Pháp. Cuối cùng, tuy hội nghị không đạt được mọi thỏa thuận như mong muốn, nhưng kết quả của cuộc đàm phán phần nào tạo cơ sở cho Hội nghị Phôngtennơblô thuận lợi.

Gần đây, khi nhắc đến Cụ Hồ và phương pháp ngoại giao "*Hòa để tiến*" của Cụ Hồ, học giả người Pháp Ôlivie Thôndơ đã nhận xét: "Đối với một số người, Cụ là một kẻ thù quen biết lâu năm nhưng đáng kính phục, là địch thủ được kính trọng nhất trong cuộc chiến tranh thuộc địa Pháp".

(Theo tài liệu Viện Hồ Chí Minh)

BÓ HOA TẶNG BẠN

Đầu năm 1954, Bóc Sét, nhà báo Ôxtrâylia nổi tiếng quốc tế đến Việt Nam. Cuộc gặp gỡ giữa nhà báo với Chủ tịch Hồ Chí Minh diễn ra trên Việt Bắc khi Người, gậy cầm tay, áo vắt vai, từ trong rừng bước ra, tay mảnh dẻ dang rộng, đón chào khách.

Bóc Sét kể:

"Tôi không thể nào quên được buổi gặp gỡ đầu tiên đó với vẻ ấm áp, thông minh trong đôi mắt nâu thẫm của Người, đúng một tuần kể từ khi tôi rời Khai Thành nghỉ vài ngày ở thủ đô Trung Quốc... Đầu tiên, Cụ Hồ Chí Minh hỏi thăm sức khỏe của tôi, không phải để xã giao lịch sự mà thực sự là xem tôi có bị kiệt sức sau nhiều năm ở Triều Tiên và sau chuyến đi dài ngày từ Bắc Kinh đến không?".

Bóc Sét còn nhiều dịp đến Việt Nam và có lần gia đình lưu lại nhiều năm ở Hà Nội để đi vào vùng giải phóng miền Nam, đến cả Củ Chi, giáp Sài Gòn. Trong nhiều kỷ niệm về Việt Nam, về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bóc Sét khó quên nhất là lần gặp Bác ở Mátxcơva năm 1957.

Năm ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm chính thức Liên Xô. Mátxcơva đã thay mặt cả Liên bang đón chào khách quý với hai mươi mốt phát đại bác, quốc ca hai nước, diễu hành đội danh dự, giới thiệu các vị chủ nhà, đoàn ngoại giao, đoàn báo chí, các em thiếu nhi, lưu học sinh Việt Nam ở Liên Xô… Bỗng Bác trông thấy vợ chồng Bóc Sét đứng ở hàng thứ ba trong khối báo chí, Người rời hàng danh dự của những người đang đứng đón chào mình, bước đến chỗ Bóc Sét, đặt bó hoa lớn mà Người đã nhận khi bước xuống máy bay vào tay chị Vécxa. Các đồng chí Việt Nam khác trong đoàn cũng đặt tiếp những bó hoa vào tay vợ chồng nhà báo. Tất cả các nhân viên ngoại giao, lễ tân và an ninh đều ngạc nhiên. Có người không hiểu người được tặng hoa là thế nào với Chủ tịch?

Câu chuyện trên lại gần giống một chuyện khác:

Đó là lần Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm chính thức Trung Quốc. Lần ấy khi máy bay hạ cánh, trời bỗng nổi cơn dông và bắt đầu mưa. Bước xuống chân cầu thang máy bay, trông thấy bà Tống Khánh Linh (phu nhân Tôn Trung Sơn), Người tiến lại phía bà, lấy chiếc mũ trên đầu mình đội cho bà và nói:

- Phu nhân đội để khỏi ướt đầu. Năm 1933, ở Thượng Hải, tiền hết, bắt liên lạc không được, nếu không được phu nhân giúp đỡ thật là khó khăn...

Sau đó, Người mới đi đến chỗ các nhà lãnh đạo Đảng và Chính phủ Trung Quốc đang đợi Người.

"CỜ CỦA TA PHẢI BẰNG CỜ CÁC NƯỚC"

Đồng chí An Quân kể lại:"Vào khoảng ngày 23, 24 tháng 8 năm 1945, tôi được lệnh đón đoàn cán bộ cấp trên về địa phương. Thôn tôi ở bên bờ sông Hồng. Cờ đỏ sao vàng bay trên thôn xóm hai bên sông. Dưới sông, thuyền xuôi ngược, cờ bay trên đỉnh cột buồm, tạo nên không khí quật khởi lạ thường.

Chiếc thuyền đưa đoàn cán bộ tới. Chúng tôi nhận ra trong đó có Cụ Hồ. Trông Cụ gầy yếu xanh xao, tay cầm chiếc gậy song nhỏ, vai đeo túi dết màu chàm. Sau vài phút chào hỏi, chúng tôi mời Cụ và đoàn cán bộ về trụ sở tự vệ thôn. Tới cổng thôn, ông Cụ dừng lại xem các khẩu hiệu cách mạng kẻ trên tường. Chợt nhìn thấy hàng dây cờ căng trước cổng thôn, Cụ hỏi:

- Sao các chú làm cờ của ta nhỏ hơn cờ các nước đồng minh?

Một đồng chí thưa:

- Dạ, giấy đỏ và vàng nhân dân mua làm cờ nhiều quá nên thiếu ạ. Vì muốn cho đủ nên chúng cháu phải cắt nhỏ đi một chút ạ.

Cụ khẽ lắc đầu và bảo:

- Không nên, các chú phải hiểu là cách mạng đã thành công, nước ta đã giành được độc lập và đi ngang hàng với các

nước, vì vậy cờ của ta phải bằng cờ các nước. Có thế mới tỏ rõ chí tự cương, tự trọng của mình.

Sau đó, một đồng chí chúng tôi đã trèo lên lấy cờ xuống để sửa lại."

QUÀ TẶNG CỦA BÁC

Một buổi sáng mùa thu năm 1950, Bác Hồ đi công tác, vừa qua vọng gác A.T.K thì gặp một cô bé. Cô vừa đi vừa ngắm nhìn cây cối, chim chóc. Thoáng thấy một cụ già mặc áo ka ki vàng, khăn quàng vai, cô sững sờ giây phút rồi hét lên:

- Bác! Bác Hồ!

Bác đi gần lại, hỏi:

- Cháu đi đâu mà sớm thế?

Cô bé nhanh nhảu thưa:

- Thưa Bác, cháu bên chú Tô (bí danh của đồng chí Phạm Văn Đồng) sang đưa công văn ạ.

Bác lại hỏi:

- Cháu đi từ mấy giờ sáng mà đã đến đây sớm thế?

- Thưa Bác, tan sương là cháu đi ngay ạ.

Bác động viên:

- Giỏi lắm. Thế đi liên lạc có vui không?

- Dạ, vui lắm.

- Thế bên ấy có ăn cơm độn không?

- Dạ có ạ, nhưng các anh thấy cháu là con gái nên dành cho ăn cơm.

Bác dặn:

- Trưa nay ở đây ăn cơm rồi hãy về.

Trưa hôm ấy, bữa cơm gạo đỏ, tôm rim, canh rau muống đựng trong ống bương nhưng cô bé ăn rất ngon lành. Chúng tôi bảo cô:

- Rau muống Bác trồng đấy.

Ít hôm sau, cô liên lạc được chuyển sang Văn phòng của Phủ Chủ tịch. Chúng tôi gọi cô là Hiền, vì thật sự cô hiền từ quá, mặc dù tên của cô là Đức - Hiền Đức. Có năm, cơ quan chọn một số thanh niên đi sang Trung Quốc học. Cô Hiền cũng có trong danh sách, nhưng có ý không muốn đi. Một hôm, Bác cho gọi Hiền. Bác hỏi:

- Cháu có muốn công tác tốt không?

- Có ạ.

- Có muốn phục vụ nhân dân được nhiều không?

- Có ạ.

- Thế thì phải đi học. Học tập để hiểu biết thêm, hiểu biết nhiều. Có hiểu biết nhiều mới phục vụ nhân dân được nhiều, được tốt.

Bác đưa cho Hiền hộp thuốc lá của Bác:

- Bác tặng cháu cái hộp này để đựng kim chỉ. Ngoài giờ học phải học thêu thùa, vá may. Con gái là phải biết làm các việc đó.

Bẵng đi mấy năm, ngày 12 tháng 6 năm 1956, Bác đến thăm lớp đào tạo hướng dẫn viên trại hè tại Trường Chu Văn An, Hà Nội. Trong câu chuyện, Bác nói đại ý:

"Trong giáo dục không những phải có tri thức mà phải có đạo đức, tham ô hủ hóa thì hại dân hại nước. Có đức mà không có tài cũng như ông bụt trong chùa, không giúp ai được gì.

Nói xong chuyện, Bác bước xuống bục đến gần một cô giáo hỏi:

- Cháu Đức phải không?

Cô giáo, cô Hiền Đức liên lạc ngày nào òa lên khóc. Nhìn thấy em nhỏ trên tay Đức, Bác hỏi:

- Cháu được đầy năm chưa?

Cô giáo Đức trấn tĩnh lại, thưa:

- Dạ, được ba tháng ạ.

Bác khen:

- Cháu bụ lắm. Chú ấy công tác ở đâu?

- Dạ, nhà cháu ở bộ đội ạ... Thưa Bác, nghe lời Bác cháu đi học sư phạm rồi về nước dạy học. Cái hộp Bác cho, cháu vẫn giữ ạ…

Bác hỏi:

- Thế bây giờ cô giáo thêu thùa, khâu vá đã giỏi chưa?

- Thưa Bác, cũng tàm tạm ạ.

- Đã là cô giáo thì phải dạy cho học trò biết nữa. Vừa dạy học vừa nuôi con được như thế này là giỏi. Nhưng phải cố gắng thêm.

- Dạ, cháu xin hứa.

Mấy ngày sau, đồng chí nhiếp ảnh trình Bác xem mấy tấm ảnh, trong đó có bức ảnh Bác đang vuốt má con cô Hiền Đức. Bác bảo một đồng chí trong văn phòng:

- Chú tìm nhà cháu Đức đưa tấm ảnh này tặng cô giáo.

Không rõ năm nay cô giáo Hiền Đức ở đâu? Có còn giữ được tấm ảnh quý ấy không? Và hai mẹ con đã đi một quãng đường hứa với Bác thế nào?[1]

(Theo đồng chí Trung và một số đồng chí khác)

"KHÔNG AI ĐƯỢC VÀO ĐÂY"

Sách *"Hồ Chí Minh - biên niên tiểu sử"*, tập 10, do Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh biên soạn, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia ấn hành năm 1996, trang 334, có đoạn:

"Ngày 27 tháng 4 năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh nghe hai đồng chí Lê Đức Anh và Chu Huy Mân báo cáo công việc, sau đó Người mời hai đồng chí ở lại ăn cơm với Người".

Sáng hôm ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi bỏ phiếu bầu Hội đồng nhân dân cấp huyện, xã. Người bỏ phiếu tại hòm phiếu số 6, đơn vị 1, tiểu khu 1, khu phố Ba Đình, Hà Nội đặt tại Nhà thuyền Hồ Tây.

Khi Bác Hồ đến, trong Nhà thuyền đã có nhiều cử tri đang bỏ phiếu. Tổ bầu cử thấy Bác đến, ra hiệu để đồng bào

---

[1] Bà Hiền Đức, những năm gần đây đã tích cực chống tham ô, lãng phí được nhân dân Hà Nội khen ngợi.

tạm dừng và tạo "điều kiện" để Bác bỏ phiếu trước. Biết ý, Bác nói "sòng phẳng":

- Ai đến trước, viết trước, Bác đến sau, Bác chờ.

Bác chờ cho đến hàng mình, mới nhận phiếu và vào "buồng" phiếu. Nhà báo Ma Cường chợt nghĩ thật là "hạnh phúc một đời của người làm báo", "cơ hội ngàn năm có một" và vội giơ máy lên bấm, rất nhanh, Chủ tịch Hồ Chí Minh lấy tay che phiếu lại, nói với Ma Cường:

- Không ai được vào đây. Đây là phòng viết phiếu kín của cử tri. Phải bảo đảm tự do và bí mật cho công dân.

Nhà báo buông máy, nhưng vẫn thấy hạnh phúc.

Theo lời kể của các đồng chí ở gần Bác, trước khi đi bầu cử Bác không cho ai "gợi ý" cả, Bác nói:

- Ấy, đừng có "lãnh đạo" Bác nhé. Bác không biết Đảng ủy hướng dẫn danh sách để ai, xóa ai đâu nhé. Đưa lý lịch của những người ứng cử đây để Bác xem. Có chú nào dự buổi ứng cử viên trình bày ý kiến với cử tri, nói lại để Bác cân nhắc, Bác tự bầu.

CÁI ĐUÔI TÔN NGỘ KHÔNG

Một cán bộ cấp cao dự lớp chỉnh Đảng Trung ương khóa 1, năm 1952 tại Việt Bắc, nói với chúng tôi:

- Bây giờ xem Tây Du Ký hay, đẹp thật đấy nhưng mình vẫn nhớ mãi câu chuyện "ngoài" Tây Du Ký hay nhất mà mình được Bác Hồ dạy.

Năm ấy, Bác đến lớp. Bác nói: "Các cô, các chú (bao giờ Bác cũng gọi các cô trước, đồng bào, chiến sĩ trước) học đã

căng thẳng, nên Bác đề nghị tối nay nghỉ học để Bác cháu ta nói chuyện vui".

Cả lớp vỗ tay hoan hô, không khí lớp học sôi nổi hẳn lên. Bác hỏi: "Trong các chú ở đây, ai đã đọc Tây Du Ký?"

Nhiều cánh tay giơ lên. Bác nhìn thấy ông Tôn Quang Phiệt là nhà hoạt động cách mạng, người đã tham gia sáng lập đảng Tân Việt, bấy giờ là Tổng Thư ký Ủy ban Thường trực Quốc hội, Bác mời ông Phiệt, đồng hương Nghệ An lên kể chuyện, nhưng yêu cầu chỉ được nói trong 15 phút. Ông Phiệt mới "đi" được vài đoạn đã hết giờ, đành thú thực "kể vắn tắt khó lắm" và ông Phiệt "trêu" lại Bác: "Xin mời Bác."

Bác cười "thông cảm" rồi kể: "Từ khi loài người có đầu óc tư hữu thì sinh ra nhiều thói hư, tật xấu. Đường Tăng là một vị chân tu, bản chất tốt, có lòng nhân hậu, có tính khoan dung. Ông ta muốn chống áp bức, nhưng không có đường lối cách mạng dẫn đường. Tin vào sức mạnh cảm hóa của đạo Phật, nên ông tình nguyện đi lấy kinh Phật để truyền bá. Sau 14 năm trời, thầy trò Đường Tăng vượt 18 vạn 8 ngàn dặm đường[1] chịu đựng 81 tai ương để lấy được 55 bộ kinh gồm 5.048 quyển. Đó là pho truyện dài, đấu tranh giữa thiện và ác, chính nghĩa và phi nghĩ. Còn có thể tìm thấy ở Tây Du Ký nhiều vấn đề bổ ích nữa.

Đường Tăng là một người có lập trường kiên định, có bản lĩnh, tạo được cái "bất biến" để đối phó với cái "vạn biến".

Còn Tôn Ngộ Không vì không tu thành đạo được nên vẫn còn cái đuôi. Khi Tôn Ngộ Không biến thành cái đình thì cái

[1] Trong tập bút ký "Tình nghĩa anh em Việt - Ấn - Miến", ký tên L.T năm 1958, Bác viết Đường Tăng cả đi và về mất 17 năm từ năm 627 đến 644.

đuôi ở sau phải hóa phép làm cái cột cờ. Bọn ma vương thấy lạ, tại sao có cột cờ ở phía sau đình, phát hiện ra cái đuôi của Tề Thiên Đại Thánh nên không bị mắc lừa không vào đình nữa, nên mưu của họ Tôn bị thất bại…"

Nghe đến đây chúng tôi "sợ" quá. Quả là được nghe một bản "tổng thuật" giá trị về Tây Du Ký. Biết chắc là Bác còn có cái gì đó nữa nên chờ...

Bác nói tiếp:

"Người cách mạng chúng ta nếu không tu dưỡng thì cũng có phen có cái đuôi ấy, dù nhỏ sẽ có ngày gây hậu quả khôn lường"...

Cả lớp ngồi im...

Mấy năm gần đây, đọc sách báo biết thêm Bác đã nói: "*Cách mạng là đổi cái cũ ra cái mới, đổi cái xấu xa ra cái tốt*", tôi nghĩ đến một số nhỏ cán bộ chẳng đổi mới, chẳng đổi tốt, vẫn cứ như cũ, có khi còn xấu hơn cũ nên bụng bảo dạ rằng: Thế là cái đuôi Tôn Hành Giả "lòi" ra rồi, như Bác Hồ đã báo trước.

BỨC ẢNH MUỘN MÀNG

Năm 1960, tháng 7, ngày 17, Chủ tịch Hồ Chí Minh rời Hà Nội đi nghỉ tại Sầm Sơn.

Chín giờ sáng Bác tới Sầm Sơn, Người lên thẳng miếu Cô Tiên, nghe Trưởng đồn công an thị trấn Sầm Sơn báo cáo tình hình và nghỉ trưa tại đó. Một giờ chiều, Người làm việc với cán bộ lãnh đạo tỉnh, nhằm giúp đỡ Thanh Hoá nhanh chóng khắc phục tình trạng đói nghèo. Từ hôm ấy, Bác nghỉ tại miếu Cô Tiên.

Sáng ngày 18, Người ra bãi biển ngắm cảnh, nói chuyện với ngư dân xóm Vĩnh Sơn, xã Quảng Ninh, huyện Quảng Xương (nay thuộc phường Trường Sơn, thị xã Sầm Sơn).

Sau đó, Bác tới thăm gia đình một đồng bào làm nghề đánh cá, chụp ảnh chung với cháu bé trong gia đình, thăm nhà nghỉ của Tổng Công đoàn, nói chuyện với nhân viên phục vụ ở đây. Bác đi thăm trại nuôi dưỡng thương binh, trại an dưỡng cụ già nghèo miền Nam, trèo núi thăm một đơn vị bảo vệ bờ biển. Tối, Bác xem phim với đồng bào, bộ đội, rồi lại về miếu Cô Tiên nghỉ.

Sáng 19, Bác ở thị xã Thanh Hóa, và hôm sau về Hà Nội. Trong chuyến đi này, các nhà nhiếp ảnh có chụp được nhiều ảnh về Bác. Có ảnh Bác kéo lưới bắt cá với dân, ngồi trò chuyện với cụ già đánh cá, Người mặc quần đùi, cởi trần, đầu không nón, mũ. Khi bức ảnh được in ra, có người rất thích, khen đẹp, có cán bộ tuy cũng đồng ý là được nhưng không cho công bố "vì để giữ bí mật". Hay là thật lòng anh cán bộ nghĩ để ảnh Bác "dân dã" như vậy có điều gì khiếm khuyết chăng?

Chính vì vậy, cho đến ba mươi năm sau, tấm ảnh *"Bác Hồ trên bãi biển Sầm Sơn"* mới được xuất hiện trên báo.

"QUYỀN LỰC" CỦA HỒ CHỦ TỊCH

Giócgiơ Valuy (1899 - 1970) là Tướng Pháp, tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp, ở Đông Dương từ tháng 6 năm 1946 đến tháng 02 năm 1948. Sau khi thất bại ở chiến dịch Thu Đông - Việt Bắc, trở về Pháp, Valuy tiếp tục cuộc đời binh nghiệp. Năm 1958, G. Valuy lại ra chỉ huy đội khối Bắc Đại Tây Dương ở Tây Âu cho đến năm 1960.

Trong cuộc kháng chiến của Việt Nam, Valuy là kẻ thù của nhân dân ta. Valuy có mặt tại Việt Nam trong một thời điểm gay cấn nhất, chiếm đóng Hải Phòng, khiêu khích ở Hà Nội, nổ súng đánh chiếm các công sở Việt Nam trong ngày 19 tháng 12 năm 1946, tấn công lên Việt Bắc.

Valuy đã thua - cũng như nước Pháp đã thua trong cuộc chiến tranh do Pháp tự gây ra. Nhưng trước khi mất. Valuy đã kịp có dịp trả lời phỏng vấn của phóng viên tạp chí *Hành tinh - Hành động* (Planète-Action) ở Paris. Bài trả lời của Valuy được đăng trên tạp chí này vào tháng 3 năm 1970.

"Phải nói rằng Bác Hồ cực kỳ nhã nhặn, vô cùng lịch thiệp và thoạt nhìn đã thấy Người rất hấp dẫn. Tôi còn nhớ có lần từ ngoại ô về, Người có một quả táo to lắm. Người để dành làm quà cho con gái tôi mà Người coi như cháu mình. Người là Bác Hồ của mọi người. Còn chúng tôi, khi gọi Người là Bác Hồ thì mọi việc đều trở nên hết sức đơn giản. Người tỏ ra có quyền lực lãnh đạo đối với mọi người, quyền lực đó là lòng nhân đạo, chí công vô tư, tuổi tác, trí thông minh, trình độ học vấn, nói chung là bằng tất cả vốn văn hóa cách mạng đã tiếp thu được ở Pháp, ở Nga và có thể ở nhiều nơi khác. Đó là một nhân vật trung tâm điều hành công việc, hoàn toàn xả thân vì nhiệm vụ, không một chút lợi ích riêng tư. Trong ánh mắt những người xung quanh, những người đối thoại, Hồ Chí Minh là một người vô cùng đức độ".

CÁI GHẾ BĂNG NHỎ

Năm 1960, Trung tá Phạm Ngọc Hưng là Tham mưu phó Sư đoàn 338. Trung đoàn 2 của sư đoàn này đóng quân ở một vùng đất khô cằn thuộc tỉnh Sơn Tây, đồng cỏ nhiều, đất bạc màu, cây rất ít. Mùa hè ở đây nóng như đổ lửa.

Một hôm, Bác Hồ đến thăm Trung đoàn 2. Từ đường quốc lộ vào nơi đóng quân, Bác thấy một số đồng bào đứng dưới gốc cây tránh nắng, mà chiếc nón trên tay vẫn quạt đều. Sau khi đi thăm và nói chuyện với chiến sĩ, cán bộ, Bác hỏi Trung đoàn trưởng:

- Các chú có thể làm một cái ghế băng đặt dưới gốc cây gần đơn vị để đồng bào ngồi nghỉ nắng được không?

- Thưa Bác, được ạ.

Trung đoàn trưởng đáp lời Bác. Ít lâu sau, Tỉnh ủy cho biết Bác sẽ đến thăm Tỉnh ủy và Trung đoàn. Vì việc quân bận rộn, Trung đoàn trưởng nhãng quên việc cho làm một chiếc ghế, bây giờ mới nhớ ra lời hứa với Bác. Lập tức, trung đoàn cho đơn vị khẩn trương đóng ghế. Sáng hôm sau, Bác đến. Nhìn thấy cái ghế băng, Bác hỏi:

- Các chú làm xong ghế từ bao giờ?

Trung đoàn trưởng đành nhận lỗi với Bác. Bác nói:

- Như thế là các chú thật thà!

Trung tá Phạm Ngọc Hưng nay đã là Trung tướng, và câu chuyện cái ghế băng năm ấy là một kỷ niệm của Trung đoàn 2 và của đời anh.

TRƯỜNG HỌC CỦA BÁC

Có lần, nhân câu chuyện kể với các bạn trẻ trong khu Phủ Chủ tịch, Bác nói:

"Các cô, các chú bây giờ đi học có trường, có bàn ghế, có thầy cô, bạn bè, sách vở, giấy bút, có giờ giấc đàng hoàng. Tối đến có đèn điện, thế mà học một năm không lên được một lớp là

không đúng. Ngày xưa, lúc Bác ở tuổi các cô, các chú thì tất cả bàn ghế, thầy, bạn, sách vở, giấy bút chỉ có trong bàn tay này thôi".

Bác giơ bàn tay trái lên nói tiếp:

"Hồi ấy Bác làm bồi tàu, làm người quét tuyết ở Anh, rồi đi làm phụ bếp. Làm việc từ sáng đến tối, suốt ngày không được cầm đến tờ báo mà xem. Đến đêm mới hết việc, mới được đọc sách, đọc báo. Ban ngày muốn học chỉ có một cách là viết chữ lên mảng da tay này. Cứ mỗi buổi sáng viết mấy chữ rồi đi cọ sàn tàu, cọ thùng, đánh nồi, rửa bát, thái thịt, băm rau, vừa làm vừa nhìn vào da bàn tay mà học. Hết ngày, người thì mồ hôi đầm đìa, chữ cũng mờ đi, cuối buổi đi tắm mới xoá được chữ ấy đi. Coi như đã thuộc. Sáng mai lại ghi chữ mới".

Sách *"Hồ Chí Minh, đồng chí của chúng ta"* gồm nhiều hồi ký của các bạn Pháp viết, Nhà xuất bản Xã hội Paris in năm 1970 có trích một đoạn Bác trả lời phóng viên (báo *Nhân Đạo* của Đảng Cộng sản Pháp) như sau:

"Tôi không có hạnh phúc được theo học ở trường đại học. Nhưng cuộc sống đã cho tôi cơ hội học lịch sử, khoa học xã hội và ngay cả khoa học quân sự. Phải yêu cái gì? Phải ghét cái gì? Cũng như tôi, tất cả người Việt Nam cần phải yêu độc lập, lao động, Tổ quốc" (tr. 203).

"Tất nhiên không phải riêng tôi mà toàn thế giới đều kính trọng những nhà báo chân chính. Tôi cũng có thời gian học làm báo, cũng có thời gian tôi bỏ ngòi bút, cầm súng để chống lại kẻ thù, chống lại chủ nghĩa thực dân. Khi tôi còn ở Pháp, khi còn biết ít tiếng Pháp tôi đã là tổng biên tập, biên tập và phát hành cả một tờ báo" (tr. 202).

Bác thường nói với cán bộ:

"Học thêm được một thứ tiếng nước ngoài coi như có thêm một chìa khóa để mở thêm một kho tàng tri thức. Việc học là việc suốt đời".

ĐIỀU BÁC HỒ YÊU NHẤT, GHÉT NHẤT

Trong kháng chiến chống Pháp, một nhóm người Pháp tiến bộ, cùng với một số hàng binh đã đứng về phía Việt Nam, chiến đấu dưới lá cờ giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh. Họ thành lập một tờ báo lấy tên là *Bạn chiến đấu*, bằng tiếng Pháp xuất bản tại chiến khu Việt Bắc, phát hành bí mật trong quân đội Pháp.

Phóng viên báo *Bạn chiến đấu* đã có cuộc phỏng vấn Hồ Chủ tịch. Báo *Cứu quốc* số 938, ngày 25 tháng 5 năm 1948 - Chi nhánh số 6 in tại Liên khu X, đã đăng lại bài trả lời của Bác.

- Hỏi: *Thưa Chủ tịch, Chủ tịch ghét gì nhất?*

- Trả lời: *Điều ác.*

- Hỏi: *Thưa Chủ tịch, Chủ tịch yêu gì nhất?*

- Trả lời: *Điều thiện.*

- Hỏi: *Chủ tịch cầu mong gì nhất?*

- Trả lời: *Nền độc lập của nước tôi và của tất cả các nước trên hoàn cầu.*

- Hỏi: *Thưa Chủ tịch, Chủ tịch sợ cái gì nhất?*

- Trả lời: *Chẳng sợ cái gì cả. Một người yêu nước không sợ gì hết và nhất thiết không được sợ gì.*

NĂM ẤY BÁC KHÔNG ĐI THĂM RỪNG CÚC PHƯƠNG

Các chiến sĩ và cán bộ Cục Hàng không đã đưa Bác đi công tác trên chiếc máy bay của nhân dân Liên Xô tặng mang biển số Mi-4 VN 50D. Trong các chuyến đi gần và ít người, các đồng chí đã đề nghị Bác dùng trực thăng, như trong các chuyến đưa Bác đến Lạng Sơn, Tân Trào, Quảng Ninh... Một lần Bác đi công tác Vĩnh Phúc. Theo chương trình thì chiều là Bác đi ô tô về Hà Nội. Nhưng lần ấy, tối mịt Bác mới ra về được. Anh em trong đoàn vừa lo đường sá xa, vừa sợ Bác mệt, nên anh em xin điều một máy bay trực thăng để đưa Bác về. Trực thăng đỗ ở sân bóng đá Vĩnh Yên.

Tỉnh ủy thưa với Bác và đề nghị Bác lên "trực thăng" về Hà Nội.

Bác cảm ơn, rồi nói:

- Bác có ô tô. Bác đi ô tô thôi, Bác về Hà Nội bằng ô tô. Chú nào đã điều máy bay lên thẳng thì chú ấy ra ngồi máy bay mà về...

Đầu năm 1969, sau khi nghe Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp báo cáo tình hình rừng cây bị phá hoại, phần thì bom đạn, phần thì dân đốt phá, đẵn làm gỗ, lấy củi và "cứ đà này, vài năm nữa ta sẽ hoàn thành kế hoạch... tiêu diệt rừng"[(1)].

Nhân đó, Tổng cục trưởng mời Bác vào thăm rừng Cúc Phương. Tuy sức không còn khỏe, nhưng Bác vui vẻ nhận lời và nói:

[(1)] Sau khi nghe Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp báo cáo, Bác đã viết bài "Tết trồng cây" in trên các báo năm 1969 (BT).

- Phải đi thăm hang người Việt cổ…

Bác đề nghị đồng chí Nguyễn Lương Bằng thu xếp cho chuyến đi.

Anh em đề nghị Bác không đi ô tô nữa mà đi bằng "trực thăng".

Trước hết, Bác uốn nắn:

- Tại sao chú không gọi là "lên thẳng" mà cứ là "trực thăng?" "Trực thăng" hơn gì "lên thẳng"?

Sau đó Bác nói:

"Bác đi ô tô. Các chú cứ cho rằng hễ là Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước đi đâu muốn "đi" gì cũng được à? Không phải thế đâu! Để Bác khỏe lên, Bác đi ô tô đến thăm Cúc Phương. Đi máy bay lên thẳng thì thôi, chờ dịp khác. Máy bay lên thẳng để dành khi nào có đồng bào bị tai nạn, bị đau nặng ở vùng rừng núi hẻo lánh khó chạy chữa thì đưa đồng bào nhanh chóng vào bệnh viện. Hay khi mưa bão, lụt lội cần hộ đê, cứu dân, thì dùng".

Lần ấy chỉ vì không chịu "đi" máy bay lên thẳng mà Bác không đến được Cúc Phương, mãi mãi anh chị em công nhân, cán bộ trông nom rừng Cúc Phương không được đón Bác để Bác thực hiện một điều mong ước nhỏ.

Ngày nay, trong rừng Cúc Phương vẫn còn có cái thang của công nhân, cán bộ làm để Bác leo lên thăm hang người Việt cổ. Cái thang ấy không được in dấu chân Bác, và ngày ngày nhìn vào thang, anh chị em càng thương nhớ Bác, Họ đặt tên cho cái thang ấy là "Cái thang thương nhớ".

"TÔI BỊ TẤN CÔNG BẰNG TÌNH THƯƠNG YÊU"

Từ ngày 04 đến 17 tháng 02 năm 1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rời Hà Nội để đi thăm Ấn Độ và Miến Điện. Trong cuộc míttinh của đông đảo nhân dân Ấn Độ chào mừng Hồ Chủ tịch tại Niu Đêli, Thủ tướng Ấn Độ Giaoahaclan Nêru đã nói:

"Chúng tôi đã có dịp hoan nghênh với lòng kính trọng và yêu quý nhiều vị thượng khách từ các nơi đến. Nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị thượng khách mà chúng tôi hoan nghênh hôm nay thật là đặc biệt. Đặc biệt không phải vì chính trị hoặc vì lẽ gì khác mà vì không vị thượng khách nào giản dị như vị thượng khách này và hễ gặp mặt là người ta phải mến yêu... Ba năm rưỡi trước đây, tôi đã gặp vị thượng khách này ở Hà Nội. Và tôi cảm thấy ngay là tôi bị tấn công bằng tình yêu thương, thật khó mà chống lại một cuộc tấn công như thế".

"ĂN NO RỒI HÃY ĐẾN LÀM VIỆC"

Anh em, bạn bè, họ hàng lâu ngày gặp nhau, cùng uống một chén rượu, ăn với nhau một bữa cơm cũng là thường tình. Cái chính là ở tấm lòng trung thực, tình nghĩa, kính trọng, yêu thương nhau chứ không nên "khách một, khứa mười", tranh thủ chi tiêu "tiền chùa" xả láng. Khách không nên vì cương vị "gợi ý" khéo để chủ nhà "nghênh tiếp"…

Anh em ở gần Bác cho biết, dù trong kháng chiến ở Việt Bắc, hay khi đã về Hà Nội, kể cả trong những năm chống Mỹ, cứu nước, hễ đi công tác xa, gần, là nhất định Bác "bắt" mang cơm đi theo. Khi là cơm nắm, độn cả ngô, mì. Khi là bánh mì với thức ăn nguội. Chỉ có canh là cho vào phích để đến bữa, Bác dùng cho nóng.

Nhớ lần về thăm tỉnh Thái Bình, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân cố mời Bác ở lại ăn cơm. Bác nói: "Đi thăm tỉnh lụt còn ăn uống nỗi gì". Nói xong, Bác lại thương cán bộ vì đã có cơm sẵn, Bác gọi đồng chí cảnh vệ đưa cơm nắm, thức ăn mặn của Bác đến và bảo:

- Mời đồng chí Bí thư và Chủ tịch đến ăn cơm với Bác. Còn chú và bác sĩ sang mâm kia ăn cơm với cán bộ tỉnh.

Thường là đi công tác, đến bữa, Bác cho dừng xe, chọn nơi vắng, mát, sạch, Bác, cháu mang cơm ra ăn. Làm việc xong, Bác chọn giờ ra về để kịp ăn cơm "ở nhà". Nếu không, lại có cơm nấu bữa thứ hai mang theo. Chỉ khi nào công tác ở đâu lâu Bác mới chịu "ăn" cơm ở địa phương. Bao giờ Bác cũng dặn "chủ nhà":

- Đoàn Bác đi chỉ có từng này người. Nếu được, chỉ ăn từng này, từng này...

Dù không nghe lời Bác, chủ nhà dọn "cỗ" ra, Bác cũng có cách riêng của Bác. Bác nói với anh em:

- Bác cháu ta chỉ ăn hết món này, món này thôi. Còn các món kia để nguyên.

Nhà chủ thiết tha mời Bác dùng thử món "cây nhà lá vườn", Bác cũng chỉ gắp vào bát mấy anh em và mình một miếng rồi lại xếp ngay ngắn đĩa thức ăn ấy, kiên quyết để ra ngoài mâm, người ngoài nhìn thấy đĩa thức ăn vẫn nguyên vẹn. Bác nói với cán bộ:

- Người ta dọn ra một bữa sáng, Bác cháu mình có khi cũng chẳng ăn đâu hoặc ăn chẳng hết. Nhưng đi rồi để lại cái tiếng: Đấy, Bác Hồ đến thăm cũng làm cơm thế này thế nọ, cũng điều động người này, người nọ từ giao tế sang, mất thời

gian. Thế là, tự mình, Bác lại bao che cho cái chuyện xôi, thịt... *Cứ ăn no rồi đến làm việc.*

MỘT MÌNH BÁC CÓ 4 "CHÁNH VĂN PHÒNG"

Được đọc các tư liệu, tài liệu của Bác Hồ tại Văn phòng Trung ương Đảng, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Cách mạng, điều dễ nhận ra đối với người tiếp cận là Bác tự tay viết, tự tay đánh máy, gửi, nhận công văn, một mình làm hết, không có ai làm "thư ký", thực ra cũng chẳng ai làm nổi thư ký của Bác, cũng chẳng ai chuẩn bị được đề cương bài nói, diễn văn giúp Bác. Những năm 1960, Bác có ủy nhiệm đồng chí này, đồng chí kia giúp Bác xem, đọc một số tài liệu thư từ. Các việc quan trọng khác, Bác vẫn tự làm. Người nào, bộ nào có đưa điện, thư viết sẵn, thế nào cũng được Bác sửa lại.

Những năm kháng chiến chống Pháp, trong khoảng từ năm 1946 đến hết năm 1947, Bác Hồ không có "trụ sở", không có "nhà riêng". Bác đi nơi này đến cơ quan nọ, "hành quân" liên tục. Khi dừng ở đâu, chặt vài cây bương, cây luồng, cây vầu, quây nứa, lợp lá làm một căn nhà nhỏ hai gian, một gian để Bác nghỉ, một gian làm nơi nghỉ của anh em cùng đi.

Sau chiến dịch Thu Đông năm 1947, Bác mới cho làm một cái nhà sàn để đỡ bị hơi ẩm núi rừng. Cái nhà sàn này cũng không phải là nhà "cố định". Bác chỉ ở độ năm, sáu tháng lại di chuyển, để giữ bí mật và tiện công tác.

Bác yêu cầu làm nhà sàn cao bao nhiêu, rộng bao nhiêu, bàn làm việc của Bác đặt ở đâu, rất cụ thể. Nhà tuy nhỏ - anh em thường gọi là "chuồng chim câu" (nhưng chỉ có một mình Bác ở) thuận tiện để Bác làm việc.

Bác còn yêu cầu là từ bàn làm việc của Bác, Bác có thể với tay đến bốn cái cột để ở gần bên. Vì thế các nhà "kiến trúc" mà Bác gọi tắt theo kiểu Việt Nam cho tiện là ông "kiến", (như kiểu Bác gọi Napolêông là ông "Na") phải tìm cách đưa bốn cột nhà vào giữa, không kể các cột khác. Không ai hiểu ý Bác ra sao cả.

Trong khi làm việc, Bác vẫn thường xuyên kiểm tra "tiến độ". Làm xong, Bác lên xem lần cuối, đồng ý. Bấy giờ Bác mới đi chặt bốn ống bương to, rất sẵn ở trong rừng, buộc vào bốn cột. Sau đó, Bác viết tên bốn đồng chí phụ trách Đảng, Chính phủ, Quân đội, Mặt trận - theo hồi ký của một đồng chí phụ trách đó là tên các đồng chí Thận (tức đồng chí Trường Chinh), Tô (đồng chí Phạm Văn Đồng), Văn (đồng chí Võ Nguyên Giáp) và Việt (đồng chí Hoàng Quốc Việt). Công văn đến chia ra bốn ngành theo bốn ống bương. Ngồi vào bàn làm việc, Bác lấy công văn trong bốn ống bương ra, xem xét giải quyết, viết thư trả lời. Cuối giờ, Bác lại bỏ các thư từ, công văn gửi theo bốn ngành với bốn tên các đồng chí vào các ống bương quy định.

Anh em gần Bác quen gọi đùa bốn ống bương ấy là "tứ trụ". Có người nói bốn ống bương đó là bốn ông "Chánh Văn phòng" của Bác.

CĂN BUỒNG NGƯỜI THỢ ĐIỆN

Cuối năm 1954, từ Việt Bắc về Hà Nội, Bác Hồ ở tại nhà thương Đồn Thủy - nay là Viện Quân y 108, Hà Nội, Ngày 19 tháng 12 năm đó, Bác mới đến ở khu nhà nhỏ trong Phủ Chủ tịch.

Trước đó vài ngày, Bác đã đến Phủ Chủ tịch. Lướt qua các nhà cao, Bác đi thẳng đến khu nhà thấp, tối nhất, chỉ vào căn buồng nhỏ và nói:

- Bác ở đây.

Đây là căn buồng của người thợ điện, rộng chừng 12 mét vuông, bên cạnh có ba buồng nhỏ. Hôm Bác đến dọn nhà, căn phòng của người thợ điện ấy còn đặt một bộ phận máy nổ, sàn đầy vết dầu mỡ. Anh em khuân máy đi, quét tước dọn dẹp, vừa làm vừa băn khoăn.

Bác chỉ ở trong bốn phòng. Phòng của Bác kê cái gì cũng một - một giường, một bàn, một ghế, một tủ nhỏ đựng quần áo. Đến bữa, Bác sang buồng bên dùng cơm. Phòng làm việc của Chủ tịch nước nguyên là của người thợ điện. Bác ở đấy không đủ ánh sáng. Mùa đông tám giờ sáng còn phải để đèn, chiều ba giờ đã phải bật đèn. Cái phòng này, người thợ điện cũng chỉ nghỉ và ngủ, chứ không ở. Mùa hè về, nắng chiếu xuống sân xi măng mặt đường hắt lại văn phòng của Bác, nên rất nóng. Các đồng chí cán bộ cấp trung, cấp cao được "phân phối" những ngôi nhà, hoặc mượn biệt thự, vào làm việc với Bác, Bác không cho đến phòng này nhiều. Anh em thương Bác quá, đã nhiều lần "xin" Bác chuyển đến một nơi khác, nhưng Bác không nghe.

Như muốn để trả lời anh em, buổi tối mùa hè Bác thường cùng anh em đến thăm những khu phố cổ Hà Nội, những ngôi nhà như cái hộp trên những con đường hẹp, bàn cờ của thủ đô. Bác chỉ vào số đông đồng bào đem chõng, rải chiếu ra nằm trên hè, rồi nói:

- Đồng bào còn cực khổ như thế này, Bác "được" ở trong buồng người thợ điện ấy cũng phong lưu lắm. So với ngày ở lán trên rừng, ở hang, ở nhà sàn, so với đồng bào, Bác cũng đã sướng hơn rồi... Thôi Bác cứ ở đấy không đi đâu hết.

- Bác "ở đấy" 4 năm, cho đến ngày 17 tháng 5 năm 1958, nhân dịp Bác đi thăm một số nước bạn, anh em ở nhà bàn nhau "làm trộm" (tất nhiên được sự đồng ý của cấp trên, nhưng không để Bác biết, làm kiểu "việc xong rồi") một cái nhà sàn (như ta thấy hiện nay). Được các đồng chí Trung ương báo cáo lại, một thời gian sau Bác cũng đồng ý chuyển ra nhà sàn.

Năm 1967, giặc Mỹ đưa máy bay ném bom ác liệt ở miền Bắc, có lần anh em đề nghị Bác đến ở nhà khách to (nhà của toàn quyền Pháp trước đây), bây giờ là nhà tiếp khách của Chính phủ, Bác không đồng ý. Năn nỉ mãi, Bác nói:

- Bác không ở vì ở đấy có mùi hôi thế nào ấy.

Anh em tưởng thật định rủ nhau làm tổng vệ sinh tầng trên, tầng dưới, tầng hầm thật sạch sẽ để "xin" Bác ra.

Bác lại nói:

- Bác nói hôi là hôi mùi toàn quyền Pháp ngày xưa thôi...

Và Bác vẫn cứ ở nhà sàn, trừ những lần phải tiếp khách. Một lần, đi cùng đoàn đại biểu nước ngoài, Bác chỉ vào ngôi nhà tiếp khách của Chính phủ nói: "Tôi có ý khi đánh giặc xong, nếu chưa xây kịp cung thiếu nhi thì tạm dùng cái nhà to này dành cho các cháu"…

BÁC THƯƠNG CHIẾN SĨ

Lần thăm Hồng Quảng, Bác có nghỉ lại một đêm. Tỉnh ủy, ủy ban, công an tỉnh họp bàn "phương án" bảo vệ "A1". Điều đó rất đúng và phải làm, không những vì lòng kính yêu vô hạn với Bác, mà còn là chức trách, nhiệm vụ của tỉnh. Bác biết điều đó, Bác hỏi đồng chí công an:

- Ở gần đây có đơn vị bộ đội nào đóng quân trên đồi không?

Được Tỉnh ủy báo cáo là có, Bác đề nghị để Bác lên đấy ngủ qua đêm.

Biết chẳng trái được ý Bác, tỉnh phải bí mật, hợp đồng bảo vệ với đơn vị bộ đội. Sáng sớm, Bác dậy tập thể dục, thấy dưới đồi có người đi đi lại lại. Vào giờ làm việc, Bác nói:

- Bác ở trên đó vừa bí mật, đỡ bảo vệ, lại gió mát. Bác nằm giường gỗ quen rồi, thoải mái rồi. Nằm giường đệm khách sạn của các chú nóng, Bác không quen. Thế mà các chú còn "bắt" anh em vòng trong, vòng ngoài...

"NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC PHỤC VỤ AI?"

Một ngày năm 1962, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm công nhân, cán bộ Nhà máy Dệt Nam Định. Mọi người trong các phân xưởng đều đang làm việc. Chủ tịch đi qua một phòng thấy có ba người ngồi. Bác hỏi:

- Các cô, chú làm gì đấy?

Anh Đoàn Duy Bảo đứng lên thưa:

- Dạ, thưa Bác, đây là bàn tiết kiệm của ngân hàng đặt tại nhà máy.

Bác cầm một quyển sổ lên, hỏi:

- Nhà máy có bao nhiêu người gửi tiền tiết kiệm?

Anh Bảo thưa:

- Dạ, có tám mươi phần trăm người gửi ạ.

Bác gặng:

- Thế còn hai mươi phần trăm nữa thì sao?

Anh Bảo báo cáo:

- Dạ, do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Thấy cán bộ ngân hàng trả lời chưa đúng vào câu hỏi có lẽ khó, Bác tìm hiểu sang vấn đề khác.

- Mỗi lần được gửi bao nhiêu?

- Dạ, gửi từ một đồng trở lên ạ.

Bác nói:

- Thế Bác có một hào, có gửi được không?

Tất cả, từ Giám đốc nhà máy, Bí thư, cán bộ ngân hàng, quỹ tiết kiệm đều không trả lời được...

Vài thập kỷ sau, kỷ niệm "45 năm mùa sen nở" của ngành Ngân hàng, anh Bảo bây giờ đã thành ông cụ Bảo mới nói với cán bộ ngân hàng trẻ rằng:

"Mãi về sau tôi mới hiểu ra rằng Ngân hàng Nhà nước ta là ngân hàng của dân, do dân, vì dân, nên trước hết là phải giúp đỡ dân, giúp đỡ người nghèo, lo cho người nghèo có vốn

để sống, để làm kinh tế, để có tiền gửi ngân hàng, để nuôi ngân hàng và phải tạo mọi điều kiện có thể để thu hút được nhiều tiền tiết kiệm, chẳng hạn, sẵn sàng nhận gửi, dù là một lần nhận gửi với số tiền rất ít...

Một câu hỏi mà hơn một phần tư thế kỷ tự tôi mới tìm ra được ý nghĩa của câu trả lời".

"THI ĐUA VỀ LÒNG YÊU NƯỚC THÌ TA THẮNG"

Những bức ảnh Bác Hồ chúng ta biết được đến ngày nay, thường là không thấy Bác mặc complê, thắt ca vát. Nhớ lại khoảng tháng 10 năm 1945, khi đi thăm tỉnh Thái Bình, Bác gặp một đội viên bảo vệ chân đi giày ghệt, thắt lưng to bản (bấy giờ gọi là xanh-tuya-rông...) và thắt cả cavát nữa. Bác dừng lại nói:

- Chú mà cũng phải thắt cái này à?

Trong Bắc Bộ phủ, thấy có một số cán bộ từ chiến khu mới về đã "xúng xính", Bác nhẹ nhàng:

- Trông các chú ra dáng người thành phố rồi.

Bác bao giờ cũng mong đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, được học hành. Rồi Bác còn mong các cháu có áo đẹp, cụ già có khăn lụa... Bác không bao giờ lấy ý của mình áp đặt người khác, không bắt ai cứ phải theo mình.

Lần sang thăm một nước bạn, có cán bộ ngoại giao xin phép Bác ra phố. Bác bắt cán bộ đó mặc quần áo, thắt cavát nghiêm chỉnh rồi mới cho phép đi. Bác nói:

- Đời sống khá hơn thì ăn mặc cũng được khá lên. Nhưng phải tùy cảnh, tùy thời.

"Thời" và "cảnh" năm 1945 là đa số đồng bào ta vừa qua 80 năm bị áp bức nô lệ, qua cơn đói Ất Dậu, vừa bị lụt bão, miếng cơm, củ khoai chưa đủ ăn, áo không đủ mặc. Thế mà các cán bộ - là những đầy tớ nhân dân, như lời Bác dạy, lại mặc những bộ quần áo sang trọng, đắt tiền, thì thật "khó coi".

Khi đi thăm bà con nông dân, Bác đi dép, tới ruộng, Bác bỏ dép xắn quần lội ruộng, tát nước với bà con. Trong khi đó, có anh cán bộ đi giày bóng loáng, chỉ có thể dừng trên bờ hỏi thăm.

Báo *Nhân Dân* ngày 18 tháng 5 năm 1994 có đăng một bài, nội dung tóm tắt như sau: Chuyện rằng vào khoảng cuối tháng 4 năm 1946, do tình hình thực dân Pháp không chịu từ bỏ ý đồ trở lại xâm lược Việt Nam, để tạo điều kiện, thời gian chuẩn bị kháng chiến, Bác và phái đoàn Chính phủ ta sang Pháp điều đình với Chính phủ Pháp. Trước ngày ra đi, vẫn thấy Bác làm việc theo đúng thời gian biểu qui định, chẳng thấy Bác "sắm sửa" gì. Trong khi đó, một số cán bộ trong phái đoàn lo tìm hiểu "mốt" Paris, lo may mặc những bộ comple, sơ mi, cavát, đóng giày mới, và có người còn chuẩn bị cả khoản nước hoa. Việc làm ấy của cán bộ cũng bình thường. Nhưng có điều là các vị đi hơi xa, hay có thể hơi "ồn ào", có vẻ như một cuộc thi đua mua sắm. Chuyện đó đến tai Bác. Thương yêu, bình đẳng, nhưng không thể không nhắc nhở, Bác nói:

- Các chú muốn thi đua với Tổng thống, Thủ tướng nước ngoài về ăn mặc thì thua họ thôi, Bác cháu ta thi đua với họ về lòng yêu nước, thương dân thì ta mới thắng.

"MÊNH MÔNG QUÁ"

Bác Hồ của chúng ta là Chủ tịch nước, nhưng trong đời sống hàng ngày Bác không coi nhẹ, coi thường các việc nhỏ. Bác yêu thương đồng bào cả nước, kiều bào ở nước ngoài, các dân tộc anh em bị áp bức. Một em bé da đen bị đói, một người con gái ở nước Pháp bị án tử hình đều làm Bác xúc động.

Bác không bằng lòng thấy nhiều cán bộ "ra vẻ hăng hái", "kiên trung", thấy bạn bè, đồng đội, đồng bào có lầm lỗi, chưa phân tích đầy đủ nguyên nhân, khách quan, chủ quan, mức độ đã "vơ đũa cả nắm", "đánh một đòn chết tươi". Thường là, nếu cán bộ, đồng bào có điều gì không phải, Bác lại nhận lỗi ấy về mình "mong được lượng thứ".

Đầu năm 1960, trong một cuộc họp cán bộ, có đồng chí "lên án" gay gắt "bệnh lười biếng", "công thần", đòi phải "xử lý"... Bàn cãi hồi lâu, sắp hết giờ họp, Bác "xin được phát biểu". Bác nói đại ý:

- Bể cũng là nước, giọt nước cũng là nước. Trong Đảng hàng ngày là giọt nước hay là bể. Nếu nói lười biếng, công thần cũng là tư tưởng tư sản thì mênh mông quá!

BÁN "TRU" MUA CHÓ, BÁN "LÓ" MUA MÈO

Ngày mồng 1 tết năm Ất Tỵ 1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến Hồng Gai chúc mừng xuân mới và nói chuyện với công nhân, chiến sĩ, cán bộ trong tỉnh.

Bác khuyên bà con đoàn kết, cần, kiệm, liêm chính để xây dựng đất nước, cùng đồng bào miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Ngay sau buổi gặp mặt mừng xuân, từ chối không ở lại "ăn tết" với Tỉnh ủy, Bác về Hà Nội. Trên đường

đi, Bác cho dừng xe thăm rừng cây trồng hai bên sườn núi. Bác có ý định vào sâu trong rừng để xem xét, nhưng cán bộ địa phương cho biết không có đường đi và cũng không có người để bảo vệ rừng. Bác hỏi Bộ trưởng Lâm nghiệp:

- Chú có biết quê "choa" có câu "bán tru mua chó, bán ló mua mèo" không?[1]

Bộ trưởng Lâm nghiệp chưa kịp trả lời, Bác giải thích:

- Có đàn trâu, có khi phải bán đi một con để mua một con chó canh giữ nếu không kẻ trộm bắt hết cả đàn. Có vựa lúa có khi phải bán bớt lúa để mua mèo nếu không chuột sẽ ăn hết lúa.

Bộ trưởng và cán bộ địa phương nói với Bác:

- Chúng cháu hiểu rồi ạ!

Bác giao hẹn:

- Hiểu rồi thì phải làm đấy!

BÁC HỒ "XIN ĐỒNG BÀO VÀ CÁN BỘ CHO BIẾT"

Trong kho tàng lưu trữ của Bảo tàng Cách mạng Việt Nam có một bài báo viết trên một tờ giấy "tiết kiệm" (là những tờ giấy Bác Hồ tận dụng các giấy tờ mà anh em đã "bỏ đi"). Bài báo đánh số 153111, kèm theo mấy chữ *"đăng 21 tháng 1"*. Chưa rõ vào năm nào, nhưng chắc chắn là trong kháng chiến chống Pháp và theo dự đoán có thể đăng ở Báo *Cứu quốc* hoặc Báo *Nhân dân*.

---

[1] Ở vùng Thanh-Nghệ-Tĩnh, đồng bào thường hay gọi con trâu là "con tru", Sông Lương Giang ở Thanh Hóa chảy qua huyện Thọ Xuân, Thiệu Hóa... vì nước chảy chậm như bước trâu đi nên gọi là sông Tru, khác với sông Mã nước chảy nhanh như ngựa phi. Còn "ló" là lúa. Đây là tiếng Việt Mường cổ xưa nay còn lại trong ngôn ngữ nhân dân.

Bài báo như sau:

"*Các đồng bào điền chủ gương mẫu.*

Tục ngữ có câu: "Có nước thì có đất".

Nước đây là nước nòi, nước nhà, chứ không phải là nước sông, nước giếng.

Nhiều đồng bào điền chủ đã hiểu như vậy và hăng hái hiến đất ruộng cho kháng chiến.

Đây là vài ví dụ:

Ở Bắc: Ông bà Nguyễn Đình Thiện hiến hơn 2.000 mẫu. Ông bà Đỗ Thúc Phách 600 mẫu...

Ở Trung: Tôi không biết rõ, xin đồng bào và cán bộ cho biết.

Ở Nam: 300 đồng bào điền chủ đã hiến 24.500 mẫu, trong đó miền Tây nhiều hơn. Theo báo cáo số ruộng cộng tất cả đã đến 40.000 mẫu. Một điều đáng quý nữa là các điền chủ Hoa kiều cũng hiến ruộng để tỏ lòng ủng hộ kháng chiến...

Phong trào hiến ruộng ở Nam bộ do ông Huỳnh Thiện Lộc (cựu Bộ trưởng Canh nông, nay đã mất) xung phong trước nhất. Đó cũng là một đặc điểm trong cuộc kháng chiến của Việt Nam. Nó chứng tỏ rõ rệt sự toàn dân đoàn kết. Mà đoàn kết thì nhất định thắng lợi".

Chỉ một bài viết ngắn như vậy chúng ta vẫn tiếp thu được tư tưởng lớn của Bác về đoàn kết toàn dân, về động viên tài lực của dân... Và cũng ở đây có một nét phong cách làm việc của Bác để ta suy nghĩ và học tập, đó là:

- Việc gì Bác biết chính xác, Bác mới viết.

- Việc gì Bác biết gián tiếp, Bác viết "theo báo cáo".

- Việc gì Bác không biết rõ, Bác "xin đồng bào và cán bộ cho biết". Bác "xin đồng bào" trước, "xin cán bộ" sau, vì Bác ngại "cán bộ" vì một lý do nào đó báo cáo chưa đúng, còn đồng bào, nhân dân chắc chắn là sẽ thưa với Bác chính xác nhất mọi điều.

NGƯỜI PHÁP, NGƯỜI MỸ

Tuần báo *Đây Paris* ra ngày 18 tháng 6 năm 1946 đăng một trong những bài viết sớm nhất, tương đối đầy đủ nhất về phong cách của Bác Hồ. Xin hãy đọc:

"Chủ tịch nước Việt Nam là một người giản dị quá đỗi. Quanh năm ông chỉ mặc bộ ka ki xoàng xĩnh và khi những người công tác quanh ông để ý, nói rằng với địa vị ông ngày nay, nhiều khi cần phải mặc cho trang trọng, thì ông mỉm cười trả lời:

- Chúng ta tưởng rằng chúng ta được quý trọng vì có áo đẹp mặc, trong khi bao nhiêu đồng bào mình trần đang rét run trong thành phố và các vùng quê?

Sự ăn ở giản dị đến cực độ, như một nhà ẩn sĩ, đó là một đức tính rõ rệt nhất ở Chủ tịch Hồ Chí Minh. Một tuần lễ nhường nhịn ăn một bữa, không phải là để hành hạ mình cho khổ sở mà để nêu một tấm gương dè xẻn gạo cho đồng bào nhằm làm giảm bớt nạn đói trong nước. Hết thảy mọi người xung quanh đều bắt chước hành động đó của ông. Trong những ngày bình thường, ông dùng cơm ở Bắc Bộ phủ, ngồi với hết thảy mọi người. Người ta thấy quây quần xung quanh bàn ăn là các bộ trưởng, những thư ký và cả những cậu thiếu niên phục vụ bàn giấy. Nhờ có đức tính giản dị của ông mà khi ngồi ăn với mọi người, ông không làm ai phải giữ kẽ nhiều

quá, mà trái lại, không khí chung lộ ra, lúc nào cũng thân mật vui vẻ, ấm cúng, như trong gia đình.

Tính giản dị và thân mật của ông còn biểu lộ rõ trong những bài diễn văn. Không bao giờ ông tỏ vẻ thông thái, vốn hiểu biết rất rộng của ông. Ông thông thạo bảy thứ tiếng khác nhau và nói được rất nhiều tiếng thổ âm, mà thường chỉ dùng những chữ nôm na, khiến cho một người dù quê mùa chất phác nghe cũng hiểu được ngay. Ngày ông viết xã luận cho báo *Cứu quốc*, trước khi đem bài cho nhà in, bao giờ ông cũng đọc cho một số người không biết chữ, ông già, bà già cùng nghe. Nếu ông thấy thính giả tỏ vẻ không hiểu những ý tưởng trong bài viết, lập tức ông viết lại bài khác. Tất cả đức tính Hồ Chí Minh bao gồm trong một cử chỉ bé nhỏ đó.

Chủ tịch Hồ Chí Minh rất ghét lối nói khoa trương, văn vẻ. Mỗi bài diễn văn của ông là một bài học nhỏ kết luận bằng một ý kiến đạo đức. Bởi những ý tưởng hết sức giản đơn ấy mà bài diễn văn của ông có một tiếng vang lớn trong giới trí thức và dân chúng".

25 năm sau bài viết trên, năm 1971 - sau khi Bác Hồ mất, một người Mỹ - nhà báo, nhà văn Đavít Halberstam trong cuốn sách "*Ho*" của mình, do Nhà xuất bản Randon House ở New York ấn hành đã viết: "*Hồ Chí Minh là một trong những nhân vật kỳ lạ của thời đại - hơi giống Găngđi, hơi giống Lênin, hoàn toàn Việt Nam.* Có lẽ hơn bất kỳ một người nào khác của thế kỷ này, đối với dân tộc của ông, và đối với cả thế giới ông là hiện thân của một cuộc cách mạng. Thế nhưng đối với hầu hết nông dân Việt Nam, ông là biểu tượng của cuộc sống, hy vọng, đấu tranh, hy sinh và thắng lợi của họ. Ông là một người Việt Nam lịch sự, khiêm tốn, nói năng hòa nhã, không màng

địa vị, luôn luôn mặc quần áo đơn giản nhất - cách ăn mặc của ông không khác mấy người nông dân nghèo nhất - một phong cách mà phương Tây đã giễu ông trong nhiều năm, cười ông thiếu nghi thức quyền lực, không có đồng phục, không theo thời trang. Cho đến một ngày họ mới tỉnh ngộ và nhận thấy cái tính giản dị ấy, và sùng bái sự giản dị ấy, thấy cái khả năng hòa mình vào nhân dân là cơ sở cho sự thành công của ông. Tính giản dị của ông Hồ là một sức mạnh. Địa vị càng cao sang, ông càng giản dị và trong sạch. Hình như ông luôn luôn giữ được những giá trị vĩnh cửu của người Việt Nam: kính già, yêu trẻ, ghét tiền của. Ông Hồ không cố tìm kiếm cho mình trang sức quyền lực vì ông tự tin ở mình và ở mối quan hệ của ông với nhân dân, với lịch sử đến nỗi không cần những pho tượng, những cái cầu, những pho sách, những tấm ảnh để chứng tỏ điều đó cho thiên hạ biết. Việc ông từ chối sự sùng bái cá nhân là đặc biệt đáng chú ý trong cái xã hội kém phát triển..."

BÁC KHÔNG PHẢI LÀ "NGÀI CHỦ TỊCH"

Ngày 24 tháng 8 năm 1961, Girard - Phóng viên báo *Nhân đạo* (L' Humanite) cơ quan của Đảng Cộng sản Pháp thường trú tại Việt Nam có gửi một bức thư lên Hồ Chủ tịch bằng tiếng Pháp.

Thư viết: "Kính thưa ngài Chủ tịch Hồ Chí Minh,

Thưa ngài Chủ tịch,

Nhân dịp nhân dân Việt Nam chuẩn bị kỷ niệm 16 năm tuyên bố độc lập của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, tôi xin

đề nghị ngài Chủ tịch cho phép tôi được tiến hành một cuộc phỏng vấn..."[1]

Tiếng "Ngài" trong nguyên văn là "Monsieur".

Thư đến Văn phòng Trung ương Đảng ngày 26 tháng 8 năm 1961, số công văn đến là 7424.

Nhận được thư, Bác Hồ xóa chữ "*ngài*" mà viết thay bằng chữ "*đồng chí*" (camarade).

Bác không phải là "ngài Chủ tịch", Bác không chỉ là đồng chí với G. Girard, với các đồng chí Pháp mà cả với tất cả những người lao động trên thế giới.

BA CHIỀU TRÁCH NHIỆM

Báo *Cứu quốc* số 69, ngày 17 tháng 10 năm 1945 có đăng "*Thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng*". Mới 45 ngày sau khi nước Việt Nam được thành lập, với tư cách và trách nhiệm của người đứng đầu nhà nước, Bác đã rất sáng suốt chỉ ra những cỏ dại đầu tiên trong vườn hoa của chính quyền mới giành được. Hơn 70 năm đã qua, nhưng tính chất thời sự của những lời dạy ấy vẫn đầy sức sống, như Bác mới nói với cán bộ chúng ta ngay sáng hôm nay vậy.

Bác viết:

"Tôi vẫn biết trong các bạn có nhiều người làm theo đúng chương trình của Chính phủ và rất được lòng dân. Song, cũng có nhiều người phạm những lầm lỗi rất nặng nề. Những lầm lỗi chính là:

---

[1] Thủy Trường lược dịch.

1- Trái phép… vì tư thù, tư oán mà bắt bớ và tịch thu làm dân oán thán.

2- Cậy thế - cậy thế mình trong ban này, ban nọ rồi ngang tàng phóng túng, muốn sao được vậy, coi khinh dư luận, không nghĩ đến dân. Quên rằng dân bầu mình ra để làm việc cho dân chứ không phải để cậy thế với dân.

3- Hủ hóa - ăn muốn cho ngon, mặc muốn cho đẹp, càng ngày càng xa xỉ, càng ngày càng lãng phí, thử hỏi tiền bạc ấy ở đâu ra?

Thậm chí lấy của công dùng vào việc tư, quên cả thanh liêm, đạo đức. Ông ủy viên đi xe hơi, rồi bà ủy viên, cho đến các cô, các cậu ủy viên cũng dùng xe hơi của công. Thử hỏi những hao phí đó ai phải chịu?

4- Tư túng kéo bè, kéo cánh, bà con bạn hữu mình không tài năng gì cũng kéo vào chức này chức nọ. Người có tài, có đức, không vừa lòng mình thì đẩy ra ngoài. Quên rằng việc là việc công, chứ không phải việc riêng gì dòng họ của ai.

5- Chia rẽ - bênh vực lớp này, chống lại lớp khác, không biết làm cho các tầng lớp nhân nhượng lẫn nhau, hòa thuận với nhau....

6- Kiêu ngạo - tưởng mình ở trong cơ quan Chính phủ là thần thánh rồi. Coi khinh dân gian, cứ chỉ lúc nào cũng ra mặt "quan cách mạng" lên. Không biết rằng thái độ kiêu ngạo đó sẽ làm mất lòng tin cậy của dân, sẽ hại đến uy tín của Chính phủ.

Bác cho rằng: "Những kẻ tham ô, lãng phí và quan liêu phá hoại tinh thần, phí phạm sức lực, tiêu hao của cải của Chính phủ và nhân dân, tội lỗi ấy cũng nặng như là tội lỗi

Việt gian, mật thám". Mặt khác, Bác ân cần nhắc dạy chúng ta rằng: "Trước mặt quần chúng không phải ta cứ viết lên trán chữ "cộng sản" mà ta được họ yêu mến…"

Đối với những cán bộ mắc sai lầm, trong sách "*Sửa đổi lối làm việc*", Bác nêu "một không sợ" và "hai sợ".

- Không sợ có sai lầm, khuyết điểm.

- Sợ thứ nhất: không chịu cố gắng sửa chữa sai lầm và khuyết điểm....

- Sợ thứ hai: những người lãnh đạo không biết tìm cách đúng để giúp cán bộ sửa chữa sai lầm và khuyết điểm. Trừ những người cố ý phá hoại, ngoài ra không ai cố ý sai lầm. Sai lầm là vì không hiểu, không biết. Vì vậy đối với cán bộ bị sai lầm, ta quyết không nên nhìn nhận rằng họ muốn như thế... Sự sửa đổi khuyết điểm một phần cố nhiên là trách nhiệm của cán bộ đó. Nhưng một phần cũng là trách nhiệm của người lãnh đạo.

Sửa chữa sai lầm, cố nhiên dùng cách giải thích, thuyết phục, cảm hóa. Song không phải tuyệt nhiên không dùng xử phạt. Lầm lỗi, có việc to, việc nhỏ. Nếu nhất loạt không xử phạt thì sẽ mất cả kỷ luật, thì sẽ mở đường cho bọn cố ý phá hoại. Vì vậy hoàn toàn không dùng xử phạt là không đúng...

Trong công tác xét xử, Bác nhắc nhở: "Không vì công mà quên lỗi - không vì lỗi mà quên công, thuyết phục giáo dục là hàng đầu, nhưng phải có kỷ luật rất nghiêm... phải phân tích rõ ràng cái cớ sai lầm, phải xét kỹ lưỡng việc nặng hay nhẹ, phải dùng xử phạt cho đúng". "Người đời ai cũng có khuyết điểm. Có làm việc thì có sai lầm". "Đảng ta không phải trên trời sa xuống. Nó ở trong xã hội mà ra. Vì vậy, tuy nói chung,

thì đảng viên phần nhiều là những phần tử tốt, nhưng vẫn có một số chưa bỏ hết những thói xấu tự tư, tự lợi, kiêu ngạo, xa hoa... Những thói xấu đó, họ mang từ xã hội vào Đảng. Cũng như những người hàng ngày lội bùn, mà trên mình họ có hơi bùn, có vết bùn. Như thế thì có gì là kỳ quái?".

"Cũng như một nhà có rể khờ, dầu dại không thể cấm họ gặp gỡ bà con. Đảng ta dù muốn giấu những người và những việc không tốt kia, cũng không thể giấu. Quần chúng luôn luôn liên lạc với Đảng ta... Họ chẳng những trông thấy những người tốt, việc tốt mà họ cũng trông thấy những người xấu, việc xấu trong Đảng. Họ sẽ ngơ ngác mà hỏi Đảng này là Đảng tốt, đảng viên đều là người tốt, vì sao lại có những người vu vơ, những việc mờ tối như thế nhỉ?".

Hơn 70 năm đã qua, ngày nay, đọc lại những lời dạy bảo chí tình, chí nghĩa, chí ân ấy của Bác mà chúng ta giật mình, thấy nhức nhối trong tim.

Với trách nhiệm của người lãnh đạo, Bác đã chỉ ra cho cán bộ, đảng viên biết những sai lầm, khuyết điểm.

"TIM SÔI, ĐẦU LẠNH, BÀN TAY SẠCH"

Bảy chữ trên là của Phêđêrích Đogiécdanhxki, ông tổ ngành An ninh Liên Xô, yêu cầu các chiến sĩ công an, an ninh khi nước Nga non trẻ mới ra đời sau Cách mạng Tháng Mười 1917.

"Nhập" vào Việt Nam, bảy chữ ấy đã "Việt Nam hoá" sống chung cùng với văn hoá nước ta. Nhà báo Nguyễn Ái Quốc - ông tổ nền báo chí cách mạng Việt Nam nói: "Văn hoá là một mặt trận, cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ để phò chính, trừ

tà, để tìm ra chân lý, mà chân lý là cái gì lợi cho Tổ quốc, Cái gì trái với lợi ích Tổ quốc, tức là không phải chân lý..."

Vậy "tim sôi" phải thế nào? Cần có nhiệt tình, yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu cái nghề mà mình đã chọn làm thầy, làm bạn suốt đời dù gian khổ, cực nhọc, đắng cay, dù đứng đằng sau, dù có khi "sinh ư vi nghệ, tử ư vi nghệ".

"Đầu lạnh" là phải bình tĩnh, sáng suốt, lấy thực tiễn làm cơ sở, suy ra lý luận rồi đối chiếu với thực tiễn. Không hấp tấp, vội vàng để người ta có thể lừa đảo, để kẻ có "tài" đổi trắng thay đen, để phát hiện ra con rắn trong miệng họ, để nhìn thấy bộ dao găm trong giọng lưỡi Nam mô a di đà phật.

"Bàn tay sạch" là không xòe năm ngón ra nhận những đồng tiền, quà cáp nhơ bẩn của kẻ tham nhũng, lũ tội phạm định nhờ vào ngòi bút vũ khí của nhà báo để thoát tù, khỏi tội, để giữ được cái danh của họ đã bán đi với giá vài đồng xu! Bàn tay sạch cầm bút không vì anh, vì ả mà một cho lên mười, ém nhẹm những cái xấu, thổi phồng lên những cái thấp hèn... Cho dù có đói, có rách, không vila, không trang trại, ô tô... nhà báo vẫn thơm danh, được nhân dân tin cậy, vẫn giữ được lề, giữ được truyền thống báo chí của các bậc báo chí tiền nhân mà Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là tiêu biểu.

Khó đến thế ư? Vâng, đúng là khó thật. Dù có thi tuyển người làm báo rồi vẫn có ai đó không phải "đuổi" vẫn phải ra, có lúc còn vào tù! Người ta ca tụng nhà báo là "kĩ sư tâm hồn", là "Bao Công đạo lý". Trước sự dũng cảm dám đấu tranh với sai phạm, thói hư tật xấu của quan chức, của xã hội, nhiều người bảo nhau: Tôi xin hai lạy, lạy Cụ Hồ và lạy nhà báo. Thật ra nói cho cùng lạy Cụ Hồ là đủ. Vì nhà báo cũng lạy Cụ.

"Lạy" tôn trọng đạo đức, tự cách nhà báo Cụ Hồ. "Lạy" tôn trọng một phong cách là cụ thể, thực tiễn, chính xác, công tâm, phò chính trừ tà, phục tùng chân lý. Thế đấy, cho nên:

"Đã mang cái nghiệp vào thân

Cũng đừng trách hỏi trời gần hay xa

Thiện căn ở tại lòng ta

Bảy chữ trên ấy hơn hẳn ba chữ tài!

HỒ CHÍ MINH VỚI ĐƯỜNG LỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

Kế thừa truyền thống đoàn kết để giữ nước, chống ngoại xâm của tổ tiên, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã đề xướng lập một mặt trận thật rộng rãi chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa trước mắt và cho công cuộc giữ nước, dựng nước lâu dài bao gồm tất cả già trẻ trai gái, đồng bào các dân tộc, tôn giáo, các giới văn sĩ, phú hào, kể cả những người đi lính cho Tây, làm việc cho Tây nay đồng lòng cứu nước Việt Nam. Theo Hồ Chí Minh, "hễ là người Việt Nam ai cũng có lòng yêu nước, mỗi người yêu nước theo cách của mình".

Hồ Chí Minh, sau khi trở về Cao Bằng, đã gửi nhiều thư kêu gọi đoàn kết, thư gửi riêng đến các phụ lão, đến các hương lý, đến các binh lính đang ở trong hàng ngũ chính quyền cai trị… Hiểu rõ đạo lý của Việt Nam là lấy nhân cách mà thuyết phục, mà làm gương, Hồ Chí Minh đã "ba cùng" với đồng bào địa phương, đã thực sự bằng cả trái tim, tấm lòng chân thành đoàn kết với cán bộ, hội viên trong Mặt trận, với đồng bào các dân tộc thiểu số... Không cần biết Cụ Ké là ai, tài giỏi thế nào,

nhưng họ theo cách ăn ở của Cụ, đi theo con đường Cụ đang đi, đang dẫn dắt họ đến với Cách mạng Tháng Tám, giành chính quyền về tay nhân dân.

Một mặt đoàn kết vững chắc trong nước, Hồ Chí Minh còn mở rộng mối đoàn kết với người nước ngoài có tấm lòng với cách mạng Việt Nam, với các cơ sở bạn bè, đồng minh, với phong trào công nhân cộng sản quốc tế đảm bảo thêm vững chắc cho thắng lợi của cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

Nếu không có Chính cương Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930, nếu không kiên trì đường lối, phương pháp, nghệ thuật; nếu không có một nhân cách cao cả... Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh và Đảng ta, Mặt trận Việt Minh trong Cách mạng tháng Tám không thể nào tập hợp được các nhà tư sản dân tộc như Trịnh Văn Bô, Đỗ Đình Thiện... đã ủng hộ hàng ngàn lạng vàng cho quỹ Độc lập. Những địa chủ như Cát Thành Long đã nuôi hàng tháng nhiều đơn vị bộ đội. Những con cháu vua chúa dòng dõi hoàng tộc như Vĩnh Mẫn, Bảo Sằng, Bảo Tôn, Tôn Thất Hoàng... theo Cụ Hồ khởi nghĩa đánh giặc. Những quan lại triều đình từ thượng thư đến tổng đốc, án sát như khâm sai đại thần Phan Kế Toại, thượng thư Bùi Bằng Đoàn, Phạm Phú Tiết, tổng đốc Vi Văn Định, tri phủ Tạ Quang Đệ... Kể cả con cháu những quan lại không may bị "nạn" vẫn một lòng với Cụ Hồ, với Đảng, với Tổ quốc như giáo sư Phạm Khuê, nhạc sĩ Phạm Tuyên…

Nếu không có đường lối đại đoàn kết của một dân tộc đã có bề dày văn hoá hàng nghìn năm thì không thể thuyết phục được hàng nghìn sĩ quan, binh lính Nhật đóng quân trên đất Việt, án binh bất động, đang chờ nhưng vẫn có thể nổ súng (trong Cách mạng Tháng Tám) trước khi quân đồng minh đến

giải giáp. Không có Cụ Hồ với đường lối đoàn kết dân tộc chúng ta làm sao có được Chu Văn Tấn, Lê Quảng Ba (người dân tộc), và cả Vũ Đình Tụng, Hồ Thành Biên (Công giáo)…

Không có đại đoàn kết dân tộc làm sao có những trí thức lớn như Nguyễn Văn Huyên, Tạ Quang Bửu, Đào Duy Anh, Trần Duy Hưng, Hoàng Đạo Thuý... ở trong nước lại có thể hợp tác ngay trong Cách mạng Tháng Tám với Cộng sản trong khi họ chưa và không phải là đảng viên mà lại được giữ trọng trách trong chính phủ…

Nếu không có một đường lối chính sách đại đoàn kết của Đảng làm sao có Võ Quý Huân - Việt kiều từ Pháp về, Trần Hữu Tước, Lương Định Của từ quốc đảo Nhật đến rừng Việt Bắc.

Với chủ trương đoàn kết, đại đoàn kết, chính phủ ta đã có được sự giúp đỡ, ủng hộ của Thái Lan, đặc biệt của Thủ tướng Pridi, của Myanmar, Ấn Độ đã mở ra một lối thông với quốc tế sau Cách mạng Tháng Tám.

Đứng về một mặt nào đó, về lý luận, về triết học có thể coi tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết, đại đoàn kết là một phát hiện lịch sử, thời đại, đã đem lại cuộc sống tự do, hạnh phúc cho hàng triệu con người thể hiện rõ nhất trong Cách mạng Tháng Tám ở nước Việt Nam.

Với "*Báo cáo về Bắc kỳ, Trung kỳ, Nam kỳ*", Nguyễn Ái Quốc đã góp vào học thuyết Mác - Lênin một lý luận mới về dân tộc, về lòng yêu nước của các dân tộc phương Đông, của Việt Nam, về tình hình xã hội, động lực, đối tượng cách mạng phản đế trước, phản phong sau - mở đầu một kỷ nguyên mới cho Quốc tế Cộng sản, thực chất là cho phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới...

Có thể ở đâu đó, ai đó chưa nhận thức được đầy đủ tầm vóc vĩ đại, lịch sử của "báo cáo" ấy nhưng đường lối, chính sách, nghệ thuật về đoàn kết, đại đoàn kết dân tộc xuất phát từ báo cáo này sáng ngời trong những ngày tháng 8 năm 1945 sẽ mãi mãi tồn tại như một mốc son lớn trong lịch sử Việt Nam và cả trong lịch sử thế giới.

Và không phải dân tộc nào, nếu không có một lịch sử văn hoá lâu đời, lại có thể có một Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh với một "phép màu" là đoàn kết, đại đoàn kết dân tộc và đã được thực tiễn hùng hồn chứng nhận, chứng minh trong những ngày chói lọi của mùa thu Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

MỘT MẪU SỐ CHUNG

Ông cha ta có câu dạy con cháu:

"Vua Ngô ba mươi sáu tàn vàng
Chết xuống âm phủ chẳng mang được gì."

Vua Ngô là Ngô Vương thời Tam Quốc Trung Hoa nhưng cũng có ý chỉ chung các thiên tử, con trời, vua Trung Quốc.

Câu dặn lại khẳng định vật chất, tiền bạc, dinh thự, ô dù tàn, lọng vàng... cũng không phải là giá trị nhất. Giá trị nhất là đạo lý, văn hoá, tinh thần, sức sống, sức đổi mới cách mạng tiến lên, bỏ xấu cũ, lấy tốt mới.

Tuy nhiên, tìm được, phát hiện ra cái mới rồi vận động quần chúng làm theo là một chuyện lấp biển dời non, lấy đá vá trời. Khó khăn quá để người ta chấp nhận cái mới, không thể chấp nhận ngay mà có khi còn bị phá, không phải không

có cái mới chưa thực hiện được mà "tác giả" đã bị hại, vào tù, đi đày...

Nhưng xã hội đã rất công bằng khi nhân dân, cộng đồng qua nhiều thử thách sàng lọc đã chấp nhận lưu giữ cho thế hệ hiện nay, mai sau những giá trị vĩnh cửu, bất diệt.

Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là một trong những con người mà lịch sử Việt Nam và thế giới ghi nhận những giá trị vĩnh cửu của Người để lại cho nhân dân Việt Nam và quốc tế, cho thời đại hôm nay và mai sau.

Biết bao nhiêu bài báo, sách truyện, công trình khoa học đã viết về Hồ Chí Minh, cho những người nông dân da đen châu Phi, da trắng châu Âu, da vàng châu Á, cho những nhà khoa học, mục sư, tướng lĩnh... đọc.

Để dễ nhớ, để quy tụ về một vài chữ, nhiều nhà chính trị khoa học có xu hướng đồng tình với mười hai chữ:

"Một mẫu số chung

Một dĩ bất biến

Một kim chỉ nam"

Mẫu số chung là gồm sáu chữ: "Đại đoàn kết, đại hòa hợp". Thế giới đông tây nam bắc xưa nay vì không đoàn kết, nhường nhịn, không hòa hợp được những ý kiến riêng, ý thức hệ, tôn giáo, dân tộc, giai cấp nên đã để xảy ra bạo loạn, chiến tranh, núi xương, sông máu. Bài thuốc chữa cho căn bệnh vạn năm bất trị này chỉ có thể là bài thuốc chung cho toàn thế giới - bài "mẫu số chung". Anh là tử số Thiên chúa giáo, tôi là tử số Phật giáo, chị là người da đỏ, ông là người da đen... nhưng chúng ta đều là con người chung một mái nhà là trái

đất, chung một nguyện vọng ước mơ hòa bình, hạnh phúc, khí hậu trong lành. Những cái chung đây là mẫu số chung của các tử số khác nhau.

Con người là vốn quý nhất, là đối tượng của mọi sáng tạo khoa học, lao động, của cải. Con người sinh ra phải có quyền: tự do, hạnh phúc, sống trong một đất nước độc lập, không bị một sức mạnh nào đè nén, làm mất đi tự do, hạnh phúc của họ. Danh dự, độc lập, tự do, hạnh phúc là điều phải giữ lấy, bảo vệ lấy, để trở nên bất biến, không thể chối từ, sao nhãng, không thể chấp nhận sự trái ngược.

Sống trong bất cứ cộng đồng nào, lục địa, đại dương nào, con người cũng cần có một cái gì đó để tâm niệm, tâm đắc, không được nhiều, được tất cả cũng mong được ít, đủ theo khả năng của mình, chưa có điều kiện có hôm nay, mong sao ngày mai sẽ có.

Như một người đi giữa biển lớn của thế giới, "đại dương quan điểm chủ nghĩa, chính kiến, họ cần có một la bàn, một kim chỉ nam... dù đã có máy móc tinh vi, hiện đại xuất hiện.

Cổ kim đông tây, bắc nam trên quả đất này cũng có nhiều kim chỉ nam chỉ ra con người biết lao động để tồn tại, phát triển, tìm đến điều lành, điều thiện. Nhưng cũng có kim chỉ nam nhất thời, cục bộ đưa một bộ phận con người đi đến tham lam, đố kị, dẫn đến bao điều bất thiện, bất nhân, bất nghĩa, tàn ác.

Dần dần những con người ở châu Âu, châu Mỹ lại tìm thấy ở châu Á, phương Đông có một nơi trú ẩn cho linh hồn mình dù chẳng bị thương tổn gì.

Trong sự yên tĩnh, bằng an ấy họ nhận ra một tư tưởng Hồ Chí Minh rất dung dị, gần gũi, có thể chấp nhận, có thể noi

theo trong tư duy, hành động, ứng xử với bản thân, gia đình, bè bạn, công việc, trong thế giới muôn màu, đa sắc, nhiều góc cạnh, và họ coi tư tưởng Hồ Chí Minh giúp họ nhìn ra con đường bấy lâu họ tìm kiếm, như ánh lửa của trái tim Đan Cô trong một huyền thoại dân gian Nga đã rứt ra khỏi lồng ngực mình để soi sáng cho những ai cần đi trong ánh sáng.

Không nên, không thể ép buộc lấy tàu bè, máy bay của các hãng vận tải bắn ra những ý kiến, quan điểm, lý luận, tư tưởng dù là tốt lành. Tự mỗi con người sẽ đi tìm, tìm thấy và ở lại. Được nhiều người đến với tư tưởng Hồ Chí Minh trong đó có đại đoàn kết, đại hòa hợp, độc lập tự do hạnh phúc là điều đáng mừng với nhân loại.

NHÂN TÀI THỜI CỤ HỒ

Nhiều nhà viết sử, khi nghiên cứu giai đoạn 1945 - 1954 của Việt Nam đều ngạc nhiên về những nhân tài rất trẻ tuổi trong Chính phủ của Cụ Hồ. Họ đặt câu hỏi: Làm sao mà những trí thức Việt Nam đa số do người Pháp, văn hóa Pháp, nước Pháp đào tạo lại trở về phụng sự dân tộc Việt Nam nhanh đến thế, đông đến thế và "đẹp" đến thế.

Có nhiều lý do. Vì họ là người Việt Nam, họ là những người yêu nước, là trí thức họ hiểu hết nỗi đau của dân tộc. Mà lòng yêu nước là một sức mạnh, một động lực truyền thống của Việt Nam, Mác trước chưa biết đến, Mỹ sau này không hiểu hết. Còn có thể là họ kính phục Cụ Hồ. Từ kính phục họ bị Cụ thu phục, thuyết phục rằng:

Không phải phục vụ cho cá nhân ai, mà phục vụ Tổ quốc là trên hết. Như vậy mệnh đề đối xứng là nghệ thuật phát

hiện, sử dụng nhân tài của Cụ Hồ. Ở nước ta có câu: Giàu (tiền bạc, tri thức) ở hang sâu cũng có người tìm đến. Nghèo (bạc tiền, hiểu biết) ngồi ngay giữa chợ cũng chẳng có ai vời.

Truyện "*Tam quốc*" có tích "Tam cố thảo lư", ba lần Lưu Bị đến nhà tranh kính cẩn mời "con rồng nằm ngủ" Khổng Minh ra giúp sức. Hơn thế kỷ trước, người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ cũng không chỉ một lần đến La Sơn phu tử mong được thầy Nguyễn Thiếp góp ý kiến, chỉ vẽ…

Hai ví dụ ấy cho một kết luận đầu tiên: Ai, chế độ nào, muốn có được nhân tài - là nguyên khí quốc gia, là lực lượng tiềm lực, chiến lược của Tổ quốc, là động lực phát triển xã hội trước hết phải có tấm lòng với nhân tài, phải thực sự yêu quý trọng vọng, đãi họ như khách quý, phải tin cậy họ (dùng thì phải tin, tin đến cùng, không tin không dùng). Còn gì nữa? Phải tạo điều kiện vật chất, tinh thần cho họ phát huy tài năng. Phải có tầm nhìn xa, trăm năm trồng nhân tài; không bao giờ, vĩnh viễn không có cái loại nhân tài "mì ăn liền". Cần tạo một môi trường cho "nguyên khí" phát triển rộng rãi, dân chủ, lâu dài, không bó hẹp trong con ông cháu cha, kẻ nội người ngoại. Công bằng trong phát hiện, tiến cử, đề cử.

Nói quen miệng "cán bộ quyết định tất cả". Cứ cho rằng trong cán bộ có nhân tài. Nhưng để có một cán bộ, nhân tài là một việc quan trọng hàng đầu để giữ nước, phát triển đất nước. Thiếu vắng nhân tài có thể là vận nước (khách quan) nhưng cũng có thể là do chủ quan của người cầm lái con thuyền đi tìm, giao việc cho nhân tài chăng?

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH NÓI VỀ TRÁCH NHIỆM CAO QUÝ CỦA NHÀ BÁO

Ở nước ta trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, các nhà yêu nước hoạt động chính trị đều rất quan tâm đến việc sử dụng báo chí, coi đó là một lực lượng quan trọng. Có thể nói hầu hết các địa phương, trong nhà lao, nhà tù, trường học… đều có báo chí của đảng, của cách mạng dưới nhiều hình thức. Các lãnh tụ Đảng ta, tiêu biểu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đều là những nhà báo với ngòi bút chiến đấu đã tuyên truyền, giác ngộ đồng bào, tập hợp mọi lực lượng yêu nước, tổ chức các đồng bào dân tộc đấu tranh, vượt qua mọi khó khăn gian khổ để giành thắng lợi cuối cùng.

Lịch sử báo chí cách mạng Việt Nam đã chỉ ra một bài học, một nguyên lý: Không thể làm cách mạng mà không có báo chí cách mạng và người cách mạng, đảng viên cộng sản đầu tiên Nguyễn Ái Quốc cũng là nhà báo cộng sản Việt Nam đầu tiên đã sáng lập ra những tờ báo cách mạng đầu tiên của nước ta như: *Le Paria, Thanh niên, Đồng thanh, Thân ái, Việt Nam độc lập...*

Nguyễn Ái Quốc quan niệm rằng "là người Việt Nam ai cũng có lòng yêu nước". Nhà báo người Việt Nam đã có lòng yêu nước nhưng lại phải làm sao cho lòng yêu nước đến với dân, thấm vào dân để dân hiểu rõ vì sao đói nghèo nô lệ, phải làm gì để đòi lại tự do độc lập, xoá nhục mất nước.

Tóm tắt lại nhiệm vụ này, nhà báo Nguyễn Ái Quốc đã dùng gọn trong mấy chữ: *Báo phải làm cho ta mở mắt, mở tai* (Báo *Việt Nam độc lập* số đầu tiên). Có thể coi đây là tuyên ngôn về mục đích, nhiệm vụ, chức năng, trách nhiệm của báo

chí cách mạng. Trước đó 18 năm, năm 1923 trong thư gửi đồng bào vận động giúp tài chính để ra báo *Hồn Nam Việt*, Nguyễn Ái Quốc cũng viết rằng: *Báo này mong mỏi người mình mở mày mở mặt.* Trong kháng chiến chống Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh dặn các cơ quan báo chí tuyên truyền: *Các nhà báo phải làm cho dân hiểu, dân nhớ, dân làm.* Vì nâng thuyền lên cũng là dân, dìm thuyền xuống cũng là dân, trên bầu trời này không sức mạnh nào bằng sức mạnh nhân dân. Muốn vậy, các cơ quan báo chí, truyền thông đại chúng, nhà báo phải nói đúng sự thật bảo vệ sự thật, để cho dân hiểu bản chất vấn đề từ đó có thể hành động đúng đắn. Bác Hồ từng nói: Quan tham vì dân dại, dại ở đây có nghĩa là kém hiểu biết. Bác cũng nói: Một dân tộc ngu dốt là một dân tộc yếu hèn. Dân đã không biết, không hiểu pháp luật thì hoặc là sợ hãi, bị các "quan cách mạng" lừa bịp, đe dọa. Không hiểu được bổn phận của mình đối với dân, với nước, họ có thể vi phạm luật pháp... Sở dĩ có những hiện tượng ấy là do trách nhiệm của nhiều cơ quan, chính phủ, đoàn thể. Nhưng Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh lại tin cậy giao trách nhiệm vinh dự nặng nề vào tay các nhà báo.

Bác tin các nhà báo. Là một nhà báo, Bác hiểu tâm tư, nguyện vọng của họ. Nhà báo - như Bác Hồ - là tấm gương soi về đạo đức cách mạng, về tri thức, về đổi xấu ra tốt, đổi cũ ra mới. Có gương mẫu, có hiểu biết, có tâm, có đức, nhà báo mới không xấu hổ về những con chữ mình viết ra, về những lời mình nói lên. Nhà báo là cầu nối giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước. Nhà báo còn là đại diện cho công lý dù không phải tòa án, viện kiểm sát...

Hơn tám mươi năm qua, nếu kể từ tờ *Thanh niên*, gần một thế kỉ qua, nếu kể từ tờ *Le Paria*, báo chí cách mạng và nhà báo cách mạng đã hết lòng, tích cực mở mắt mở tai để cùng đồng

bào đấu tranh giành độc lập tự do. Ngày nay nhiệm vụ mở mắt mở tai còn to lớn hơn nhiều, rộng rãi hơn nhiều đòi hỏi các nhà báo phải vươn lên mạnh mẽ, xứng đáng với lòng tín nhiệm của nhân dân, xứng đáng là con cháu của nhà báo vĩ đại Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

CHIẾC ÁO MÙA ĐÔNG BINH SĨ NĂM ẤY

Suốt cuộc đời mình, Bác Hồ của chúng ta chỉ tâm niệm làm sao cho dân tộc ta, đồng bào ta được tự do, có cơm ăn áo mặc, được học hành. Trong số những người được Bác quan tâm đặc biệt là các chiến sĩ đang xông pha trước đường tên mũi đạn, lấy sự sống của mình làm con đê vững chắc ngăn bước chân bọn xâm lược. Là người yêu thơ Đường, Bác từng đọc cho anh cảnh vệ nghe bài thơ:

"Chàng ở chân trời, thiếp ở Ngô

Chàng đi nhớ thiếp, thiếp mong chờ

Mỗi lần thư đến bao hàng lệ

Rét đến bên chàng, áo đến chưa?"

Mùa đông 1946, biết trước cuộc chiến tranh, dù ta đã cố kìm chân nhưng chắc sẽ phải xảy ra, bộ đội sẽ rời khỏi thành phố, về nông thôn, lên rừng núi. Nhà nước mới thành lập công quỹ không có là bao. Số tiền thu được trong Tuần lễ vàng chủ yếu dùng để mua, đổi lấy vũ khí. Còn trang phục cho chiến sĩ, chính phủ chưa lo được nhiều.

Bác chủ trương tổ chức Ủy ban vận động Mùa đông binh sĩ để tiếp nhận sự đóng góp của nhân dân về vật liệu, tiền bạc nhằm may áo trấn thủ (chữ Hán có nghĩa là đóng quân nơi

xa). Áo này có dáng như áo may ô, không có tay, có hai lớp vải, bên trong lót bông. Tấm áo này qua thực tế sử dụng tuy không bằng các loại áo ấm cao cấp khác nhưng đã giúp chiến sĩ ta giữ ấm ngực, bớt bị ho. Chiến sĩ biết áo này là công sức, tiền của của nhân dân, ông bà, cha mẹ họ nên càng thấy ấm lòng hơn để chiến đấu.

Tuần lễ Mùa đông binh sĩ được tổ chức trong cả nước, Ủy ban vận động ở Hà Nội đã mời Chủ tịch Hồ Chí Minh và một số thành viên trong chính phủ tới dự ngày phát động vào tối 17 tháng 10 năm 1946. Trời cuối thu, chớm đông nhưng cũng đã rét. Bác mặc một áo len và tay cầm một gói bọc giấy báo. Người nói: Nước ta được giải phóng nhờ có xương máu của các chiến sĩ đã hy sinh nơi tiền tuyến. Ở hậu phương chúng ta có gia đình ấm áp. Ở tiền tuyến binh sĩ phải chịu rét mướt. Bây giờ tôi có hai áo rét. Một chiếc tôi mặc đã mấy năm nay, một chiếc Ủy ban vừa may biếu tôi. Cả hai chiếc tôi tặng các binh sĩ ngoài mặt trận. Nói rồi Người cởi chiếc áo len đang mặc và cái bọc áo len mới gửi Ban Tổ chức.

Ban Tổ chức nhân hành động cảm động này đã tiến hành bán đấu giá chiếc áo len của Chủ tịch Hồ Chí Minh để lấy tiền may được nhiều áo trấn thủ. Ông Trương Văn Thìn và vợ là bà Dung, giáo viên Trường nữ sinh Trưng Vương, Hà Nội mua được với giá 3.500 đồng tiền Đông Dương, tương đương 100 cây vàng (theo thời giá lúc đó). Vì không đủ tiền mặt, gia đình bà Dung phải bán thêm một số đồ nữ trang để nhận tấm áo ấy của Bác Hồ.

Không có điều kiện đi tản cư, gia đình ông Thìn ở lại nội thành nhưng tấm lòng luôn hướng về Cụ Hồ. Năm 1954, bọn phản động dụ dỗ ông vào Nam, vì "chúa đã đi Nam" nhưng

ông Thìn không đi, ở lại thủ đô với chiếc áo của Bác. Năm 1969, sau khi Bác đã đi gặp các cụ Mác, cụ Lênin, gia đình ông Thìn đã trao tặng Bảo tàng Cách mạng Việt Nam chiếc áo mùa đông binh sĩ của Bác Hồ mà gia đình đã gìn giữ, nâng niu, quý hơn bạc vàng. Đây là chiếc áo len đã mang hơi ấm của Người.

Mùa đông binh sĩ năm ấy trong cả nước cùng với các tổ chức khác ở địa phương như Hội binh sĩ bị nạn, Hội binh sĩ bị thương, đã giúp cho chiến sĩ ta có thêm nhiều áo ấm để công tác và chiến đấu. Và cũng có thể coi các hình thức tổ chức ấy là tiền thân cho ngày thương binh, liệt sĩ năm sau đó.

NGUYÊN TẮC LẮM CÓ KHI HỎNG VIỆC

Sinh thời, Bác Hồ tự đặt cho mình một nguyên tắc: thiểu số phải phục tùng đa số, mặc dù Bác vẫn khuyên răn cán bộ phải tôn trọng ý kiến của người khác, biết hy sinh ý kiến của mình. Trong một số vấn đề không quyết liệt lắm, không thể thuyết phục được đa số, dù biết đa số chưa đúng, Bác vẫn phục tùng.

Đa số lớn nhất của Bác là dân, toàn thể nhân dân, lòng dân. Đa số ấy mà không bỏ phiếu tán thành, mọi việc, rất hỏng, kém kết quả. Nguyên tắc đa số có thể tìm thấy ở hai cách: đa số đại diện và đa số trực diện. Đa số trực diện từng người dân biểu lộ thái độ là đa số nhất, tuyệt đối nhất, tin chắc nhất. Còn đa số đại diện, có thời gian, có công việc do nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan, ý đồ mà có thể là không đa số.

Trong không ít trường hợp, ở đa số đại diện phổ biến như hội đồng nhân dân, Ban Chấp hành đoàn thể này nọ, không

phải không có hiện tượng ậm ừ, thông qua kiểu bị ép buộc, áp đặt. Tuy nhiên, trong trường đặc biệt vẫn không cần theo đa số, dù chỉ một ý kiến mà đúng vẫn thiểu số tuyệt đối thắng đa số, như trường hợp Bác quyết định giải tán Đảng vào tháng 11 năm 1945.

Bác còn dặn cán bộ, công chức: Nguyên tắc lắm có khi hỏng việc. Làm việc phải theo kỉ cương, nguyên tắc. Nhưng cũng có không ít người lấy nguyên tắc ra để hù dọa, lấp liếm, che đậy cái sai phạm, vô trách nhiệm với sự việc. Bác còn dạy chúng ta: Người cộng sản ăn ở phải có lý, có tình. Lấy cớ "lý" (nguyên tắc quá mà bỏ qua "tình" (lòng dân, ý dân) e rằng dù có làm được việc thì "bia miệng dân" vẫn còn.

BÀI VIẾT CỦA BÁC HỒ VỀ CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ

Báo *Cứu quốc* liên khu Năm ra ngày 03 tháng 5 năm 1952, đăng lại bài *"Tòa án nhân dân Liên khu Việt Bắc xử hai vụ tham ô, nhũng lạm*". Bài viết khoảng 300 từ, ngắn gọn, rõ ràng, lời ý kiên quyết, thuyết phục. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng đây là bài viết của Bác Hồ. Nội dung bài báo ấy như sau:

"Ngày 25 tháng 02 năm 1952, Tòa án nhân dân liên khu Việt Bắc xử hai vụ tham ô, nhũng lạm:

1. Vụ 3 nhân viên kho thóc đã biển thủ thóc kho của Chính phủ. Tòa kết án người 15 năm khổ sai, người 10 năm khổ sai, người 3 năm tù.

2. Vụ nhân viên kho bạc can tội biển thủ tiền công quỹ. Tòa kết án mỗi phạm nhân 10 năm khổ sai và tịch thu một nửa tài sản.

Trong khi xét án, nhân dân đã tham gia ý kiến rất sôi nổi. Một nông dân nói: Hai vụ án này rất nghiêm minh. Trong lúc toàn dân

đang ra sức sản xuất và tiết kiệm, nếu còn những kẻ gian tham thì nhất định những kẻ đó cũng sẽ bị tù tội một cách thích đáng.

Tham ô cũng như lãng phí, quan liêu là ba bệnh do xã hội nô lệ cũ để lại, ngày nay còn rớt lại làm cản trở sự tiến bộ sự trưởng thành của chính quyền dân chủ nhân dân. Do sự tiến bộ của phong trào thi đua cải tạo tư tưởng, trau đôi đạo đức cần, kiệm, liêm, chính trong mấy năm qua, năm nay ta mới đề cao được ý thức chống tham ô, lãng phí triệt để. Hồ Chủ tịch đã chỉ rõ cho toàn dân đó là những tội lớn đối với Tổ quốc, với đồng bào.

Nhân việc xử án trên đây, đồng bào ta hãy đề cao tinh thần cảnh giác, quyết trừ tiệt bệnh quan liêu, tham ô, lãng phí để đem lại kết quả tốt đẹp cho việc thực hiện kế hoạch sản xuất và tiết kiệm trong năm nay, để kháng chiến giành thêm nhiều thắng lợi mới."

Hơn nửa thế kỉ đã qua nhưng đến nay bài viết này vẫn còn đầy đủ giá trị:

1. Tham ô, tham nhũng, quan liêu ở nước ta đã được cảnh báo, ngăn ngừa, xử lý nặng từ khá lâu, nhưng do nhiều nguyên nhân cho đến nay vẫn còn là quốc nạn.

2. Chúng ta thường coi trọng chống tham ô, tham nhũng mà coi nhẹ chống quan liêu - căn bệnh xa rời dân, nói dối dân, đe nẹt dân, thiếu dân chủ là một trong những nguyên nhân gây ra tham ô, tham nhũng.

3. Tham ô, lãng phí là những tội lớn đối với tổ quốc. Đã tội lớn thì không thể che giấu, nâng đỡ, chạy tội, xử nhẹ...

4. Chống tham ô, lãng phí, quan liêu cần phải có sự tham gia giám sát của nhân dân, nhân dân tích cực phát hiện, tố cáo mọi hành vi của những cán bộ vi phạm thì mới tiệt trừ được căn bệnh trên.

CHỈ ĐÚNG BỆNH, UỐNG ĐÚNG THUỐC

Không phải bây giờ, 10 năm đầu thế kỷ XX, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh mới viết, nói khuyên răn, dạy bảo chúng ta về đạo đức của người cách mạng, đảng viên của một đảng chân chính cách mạng.

Sớm nhất, bằng văn bản, sau những ngày giờ huấn luyện tại lớp học Quảng Châu 1925 - 1926, cuốn "*Đường kách mệnh*" đã công bố tư cách người cách mệnh. Tiếp đó trên tờ *Việt Nam độc lập* xuất bản trong khu giải phóng, trên những số cuối năm 1944 đầu 1945, thời gian gần kề thời cơ tổng khởi nghĩa, Bác đã viết một loạt bài "*Chống bệnh quan liêu cách mạng*", "*Bỏ cái lối làm tiền ấy đi*"... báo động nguy cơ đang còn trong trứng nước của một chính quyền phôi thai, về căn bệnh cá nhân chủ nghĩa.

Cũng không phải Chỉ thị của Bộ Chính trị tháng 12 năm 2006 mới đề ra cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", với hàng loạt tài liệu, sách giáo khoa, với một đội ngũ báo cáo viên đông đảo.

Thực ra cuộc đời hoạt động của Bác, những cử chỉ, hành động, ứng xử với bản thân, bạn bè, đồng chí là một bài học rất cụ thể mà mọi người đều có thể học, không cần ai lên lớp, để ích cho mình, cho nhà, cho nước.

Trong nhiều nguyên nhân để chưa có một kết quả thiết thực, đột phá, lan tỏa, có thể là xã hội, đoàn thể còn né tránh, e ngại, kiêng kỵ chăng?

Hoặc là tiến hành có kết quả, chưa có kết quả nhưng không cam đảm tổng kết, nói thẳng ra là thế này thế nọ mà chỉ sửa sai theo kiểu sửa mà không nói ra cái sai.

Chủ nghĩa cá nhân anh em ruột với chủ nghĩa thực dụng, bè phái với chủ nghĩa cơ hội, theo đuôi… có một thời gian nào đó không bị bắt tận tay day tận mặt. Đồng ý với phương châm "xây là chính", vừa xây vừa chống, nhưng vì thiểu số, Bác cũng không thể nhấn mạnh trong một tình hình cụ thể đặt vấn đề "quét sạch chủ nghĩa cá nhân" trước việc "nâng cao đạo đức cách mạng".

Không ít người ghế cao, nói dài, dự hết cấp này khoá nọ nhưng cũng để "tráng men", hợp thức hoá còn thực hành như lời Bác dạy "học đi đôi với hành", "thực hành ra lý luận", "lý luận hướng dẫn thực hành" thì lại thấp, ngắn. Nhìn vào cái quạt cọ, đôi tất rách mà Bác vá lại, đôi dép "râu" Bình Trị Thiên, cái giường Bác nằm... đó cũng là bài học, còn có thể là bài học quý, lớn, hiệu quả hơn nhiều nếu chỉ ở giảng đường mà thầy đọc trò ghi...

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng: Chủ nghĩa cá nhân là một kẻ địch hung ác, là một thứ rất gian giảo, xảo quyệt, nó khéo dỗ dành người ta đi xuống dốc, chủ nghĩa cá nhân là kẻ địch thứ ba... Bác Hồ khuyên chúng ta chống lại chủ nghĩa cá nhân nhưng không giày xéo lên lợi ích cá nhân. Bác viết: "Mỗi người đều có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của bản thân và gia đình mình. Nếu những lợi ích cá nhân đó không trái với lợi ích tập thể thì không phải là xấu". Người dạy: Mọi người đều phải thấm nhuần sâu sắc tư tưởng mình vì mọi người, chớ nên ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau, phải có tinh thần lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ. Đạo đức con người, đạo đức làm người theo Bác là yêu nước thương dân, thương nhân loại đau khổ.

Anh là thương gia, chủ trại, giám đốc xưởng may. Anh lao động chân chính, làm ra hàng núi của cải tốt, rẻ, quan tâm đến công nhân, làm giàu cho thợ, cho mình, đóng thuế đầy đủ, giúp đỡ các gia đình nghèo khó, khuyến khích học hành... thì dù anh là siêu tỷ phú cũng không ai bảo anh chủ nghĩa cá nhân.

Thế nhưng làm thầy giáo chỉ chăm chăm bày trò dạy thêm lấy tiền, chữa điểm, cho hàng loạt em ngồi nhầm lớp; làm thầy thuốc thì ăn phần trăm với kẻ bán thuốc cắt cổ người bệnh... thì chắc anh là tên đao phủ. Làm cán bộ ngoảnh đi ngoảnh lại mấy năm đã mấy nhà, vài biệt thự… chắc anh là cướp ngày thôi. Bác Hồ gọi họ là những "kẻ ăn cắp đàng hoàng".

Trở lại vấn đề "khám bệnh", chỉ có xác định đúng căn bệnh mới bốc được thuốc đúng bệnh. Thuốc có đắng thì bệnh mới khỏi. Có khi người bệnh phải hy sinh một phần cơ thể mình, nếu đã bị hoại tử, để cứu lấy toàn thân.

Không chỉ thẳng, chỉ thật ra căn bệnh, sẽ dẫn đến bốc thuốc sai, con bệnh không những không khỏi mà (nói dại) có khi còn tử vong!

MƯỜI HAI ĐIỀU ĐÓ CHỚ QUÊN ĐIỀU NÀO

Bác Hồ đã nhiều lần nêu lên vấn đề tư cách người cách mạng. Sớm nhất bằng văn bản là những trang đầu trong "*Đường kách mệnh*", năm 1926 - 1927, cho tất cả những người tham gia cách mạng Việt Nam.

Năm 1947, trong tác phẩm "*Sửa đổi lối làm việc*", Chương III, mục A, Bác đã nêu lên mười hai điều tư cách, không phải với một người, một ngành, mà cho một đảng chân chính cách mạng.

Điều đầu tiên cũng là tư cách trên hết của một đảng chân chính cách mạng là phải "làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân

tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng", chứ không phải một tổ chức để làm quan phát tài.

Điều thứ hai, "Cán bộ của Đảng phải hiểu biết lý luận cách mạng và lý luận cùng thực hành phải luôn luôn đi đôi với nhau". Cách mạng theo Bác là đổi cũ ra mới, đổi xấu ra tốt. Cái cũ mà tốt thì nên giữ và phát huy, cái mới mà xấu không nên bắt chước. Lý luận cách mạng ở đây là lý luận cách mạng của Việt Nam, của riêng đảng cách mạng Việt Nam. Đảng cách mạng chân chính không thể sao chép, rập khuôn theo một thứ lý luận, chủ nghĩa nào một cách nguyên xi. Không hiểu biết lý luận cách mạng ấy sẽ bị người ta bịp bợm, lừa đảo, và tất nhiên sẽ bị thua, thất bại. Đây là một tư cách báo động cho đảng nào cứ ăn mòn quá khứ, tư duy cũ kỹ, bảo thủ, giáo điều.

Điều 3, 7, 12, Bác đề cập tới nội dung: "Đặt ra chỉ thị luôn luôn phải dựa vào điều kiện thiết thực, và kinh nghiệm cách mạng ở các nước, ở trong nước và ở địa phương", phải khéo dùng những cách thức thi hành cho hoạt bát là Bác nhằm ý chủ trương 1 biện pháp 100, chứ không nên nay tăng cường mai nâng cao... mà không có cách làm cụ thể, chu toàn, hiệu quả thì chỉ thị dễ qua cầu gió bay.

Bác thường dặn cán bộ rằng: Mục đích của Đảng không gì khác là phục vụ quần chúng, cán bộ là đầy tớ của nhân dân. Mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng được giải thích trong các điều 4, 5, 6 rằng: Phải luôn luôn do nơi quần chúng mà kiểm soát những khẩu hiệu và chỉ thị, mọi công tác của đảng luôn luôn phải đứng về quần chúng... Đây là một răn dạy luôn thời sự đối với một đảng chân chính cách mạng. Thực tiễn của nhiều phong trào cách mạng, nhiều đảng là khi thành công, giành được quyền lực thì cán bộ, đảng viên đã không ít người

coi khinh quần chúng, hống hách, đe nẹt những người trước đó khi phong trào cách mạng còn khó khăn đã cưu mang, đùm bọc họ.

Điều 9, 10, là vấn đề tổ chức, cán bộ. Theo Bác đảng phải lựa chọn những người rất trung thành và hăng hái, đồng thời phải luôn tẩy bỏ những phần tử hủ hoá ra ngoài.

Đề phòng căn bệnh hủ hoá này, Bác đã nói rõ trong Điều 8 và 11. Trong Điều 8, Bác nói rất rõ rằng: Đảng không giấu những khuyết điểm của mình, không sợ phê bình. Điều 11, Bác lại nhắc: Đảng phải giữ kỷ luật thật nghiêm, từ trên xuống dưới.

Hai điều cuối cùng nằm trong những điều kiện sống còn của đảng chân chính cách mạng. Nếu được ví đảng như một cơ thể sống thì khuyết điểm của đảng, của đảng viên, của cán bộ có thể coi như bệnh tật.

Bác đã từng khuyên răn đảng viên ta rằng: Chớ có dán hai chữ cộng sản lên trán. Nhân dân trông vào đảng viên, cán bộ là trông vào hành động phục vụ nhân dân, thái độ ý thức làm đầy tớ nhân dân... chứ đâu trông vào cái mã bên ngoài, hay lời nói như mật ngọt rót vào tai để mị dân, che đậy, trốn tránh...

Bác đã hạ bút viết hai câu lục bát cuối bài *"Tư cách của đảng chân chính cách mạng"* như sau:

"Muốn cho đảng được vững bền

Mười hai điều đó chớ quên điều nào."

AI CŨNG CẦN SOI LẠI MÌNH

Trên trái đất này hẳn là nhà nào ít ra cũng có một cái gương. Xa xưa người ta soi gương vào mặt nước lặng. Ngày nay dù khoa học tiên tiến có cách làm cho con người soi theo cách hiện đại thì gương nhỏ trong túi áo vẫn không thể thiếu.

Đã nói đến gương là dùng để soi. Soi xem mình có vết bẩn trên má hay không. Soi xem quần áo, quân phục đã chỉnh tề hay chưa. Đó là những tấm gương vật chất. Còn tấm gương tinh thần, cũng giống như tấm gương vật chất, ở thời đại nào cũng cần có những tấm gương tinh thần lớn để noi theo cũng giống như chòm sao Bắc Đẩu luôn chỉ hướng bắc cho mọi người đi.

Nước ta là một nước văn hiến, nhân dân ta trọng đạo lý làm người đã sinh ra những tấm gương sáng chói, những con người kiệt xuất, soi rõ đường cho mọi người đi theo, truyền cho họ tinh thần yêu nước, ý chí chiến đấu...

Nổi bật trong những con người ấy là Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, một tấm gương, một Bắc Đẩu như thế. Đã là người dân đất Việt, con Lạc cháu Hồng thì dù ở đâu trên trái đất này cũng đều có vinh dự có tấm gương Bác Hồ để mà noi theo, cố gắng soi mình vào tấm gương đó, để trở thành một người Việt có văn hoá, có đạo lý. Kể cả những người do hoàn cảnh nào đó có thể bị tiêm nhiễm tật xấu. Nhưng tật xấu ấy có thể sửa được nếu họ biết sám hối, nghiêm khắc với bản thân mình.

Đâu có phải chỉ là cán bộ cao cấp, nhà khoa học, đảng viên... mới cần, mới nên, mới phải học tập tấm gương đạo đức Bác Hồ. Các cụ dù đã ở vào cái tuổi xưa nay hiếm thì cũng có thể lấy lời Bác, tấm gương Bác mà nhắc nhở con cháu học

hành; chị bán hàng, anh công nhân... tất cả đều có thể soi mình vào tấm gương đạo đức của Bác và tìm thấy trong nhân cách của Bác những điều quý báu để phấn đấu, học tập.

Đừng nghĩ Bác là người trời, là ông thánh - thánh cộng sản như có người nước ngoài đã tôn vinh Bác mà khó học tập được Bác, Bác là ông, là cha, là đồng chí, đã và vẫn ở bên cạnh chúng ta trong mỗi lúc bưng bát cơm, vun luống đất, sản xuất bên cỗ máy... Ai cũng học được. Ai cũng nên học, tự giác học. Tuy nhiên học rồi phải hành, phải làm theo gương Bác, chứ nếu chỉ học mà không hành động cụ thể thì việc học kia cũng coi như không có.

Tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh chính là kim chỉ nam đỏ xuyên suốt hành động của chúng ta, cuộc đời ta và con cháu ta. Cũng chính vì thế mà có thể nói cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" do Đảng phát động là rất cần thiết đối với tất cả chúng ta.

HỌC VÀ LÀM THEO BÁC HỒ

Trong một lần thi kể chuyện về Bác Hồ, một cháu bé giới thiệu: Đôi tất rách gót của Bác, do Bác tự vá lại để đi... khiến cả hội trường cảm động. Một cụ cựu chiến binh quen biết gia đình cháu này đã hỏi: Sao bố cháu không kể thay cháu chuyện này?

Ban đầu ít người hiểu được ý tứ sâu xa của câu hỏi. Sau đó mới biết rằng bố mẹ cháu bé kia là cán bộ cơ quan nhà nước ăn tiêu hoang phí quá cái đồng lương họ nhận của nhà nước. Họ lấy tiền đâu ra? Chỉ có buôn lậu, nhận hối lộ, lại quả mà thôi.

Không phải Bác Hồ, chủ nghĩa xã hội mà ta mong ước buộc người dân phải nghèo khổ, dốt nát. Nhưng ăn trông nồi ngồi trông hướng, nếu nồi cơm ít mà mình ăn nhiều là không phải đạo với người ngồi chung mâm.

Thế mới biết theo một số người học dễ làm khó. Có vẻ như ai đó học, đọc nhiều thì làm dễ, làm được nhiều hơn chăng?

Trong thực tế cuộc sống, chị công nhân, anh bộ đội, chú công an... đâu đã được học lớp đào tạo chính trị, bổ túc nhưng trong hành động cụ thể, phục vụ nhân dân lại có nhiều thành tích, tiết kiệm, làm được dù còn ít một số điều mà Bác dạy.

Câu hỏi của cụ cựu chiến binh hình như còn có ý: Khi ông bà, cha mẹ chỉ nói mà không làm, chắc chắn công việc sẽ như ném đá ao bèo, nước chảy bèo trôi.

Nhiều giáo sư, báo cáo viên, đứng trên diễn đàn, trên bục giảng bài cho cán bộ nhiều cấp, nhiều lãnh đạo khi giao ban, lúc tổng kết hô hào toàn những lời vàng ý ngọc về học và làm theo Bác Hồ. Nhưng nhân dân là ngọn đèn bé "tỷ oát" đã thấu rõ ông ta, nhà ông ta. Nhân dân chỉ kết tội họ bằng hai chữ nhẹ nhàng: Thế đấy! Nhẹ nhàng mà đau xót, xấu hổ, bất lực, kèm theo cả khinh bỉ, sợ hãi.

Hãy nghe Bác trả lời đồng chí Trường Chinh, khi đồng chí báo cáo với Bác là Đảng đã đề nghị Bác nhận chức Chủ tịch nước: "Mình mà làm Chủ tịch nước à?".

Không phải chỉ là một lời khiêm tốn mà còn là một tấm lòng vì nước vì dân, trong hoàn cảnh khó khăn của Tổ quốc của một con người không hám danh tham quyền, chỉ xin nhận là người "vâng mệnh phụng sự quốc dân" mà thôi, để khi "quốc dân cho thôi sẽ xin về với chim hạc, hoa lá vui thú tuổi già".

Giăng Giắc Rútxô - Nhà tư tưởng ánh sáng Pháp (1712 - 1778) cho rằng "Việc học tập đích thực của chúng ta là học tập về thân phận con người."

Bác sinh ra là dân nô lệ, vì yêu nước, nặng lòng yêu nước thương dân, với cả những người bị áp bức đau khổ dù khác màu da, tiếng nói, thân phận. Bác đã chấp nhận hy sinh, tính mệnh, quyền lợi, tư tưởng, hy sinh cả ý kiến vì hòa bình thế giới, vì tự do và no ấm của mọi người, vì những người bị bóc lột thuộc mọi nòi giống mà Bác đã chấp nhận "thân phận" mình vào cuộc đổi cũ ra mới đổi xấu ra tốt, làm cách mạng.

Liệu chúng ta có thể mỗi tối trước khi đi ngủ xem ta có được bao nhiêu "Hồ Chí Minh" trong ngày. Và trước giờ đến công sở, lao động, học tập sẽ thực hiện bao nhiêu điều mới và tốt. Như thế là chúng ta cố gắng làm theo Bác, làm theo Bác được.

Hãy khắc sâu trong đầu óc, tâm can rằng: Nhân dân không bao giờ chịu để ai đó rót mật vào tai. Và - lời Bác: "Một việc làm cụ thể (ví dụ noi gương Bác tiết kiệm, yêu nước thương dân) còn giá trị hơn hàng trăm bài tuyên truyền".

MỤC LỤC

Lời Nhà xuất bản 3

1. Làm việc nước nặng nề, khó khăn nên phải hết sức cẩn thận 5
2. Bác là người lao động 6
3. "Các chú là quân đội của cách mạng" 7
4. Bát chè sẻ đôi 7
5. Bác thăm chiến sĩ đảo vạn hoa 8
6. Hai chiếc áo rét của Bác Hồ 10
7. Đĩa cơm rang trứng 11
8. Ngày tết "nội vụ" cũng phải gọn gàng 13
9. Chiếc huy hiệu thứ 16 14
10. Tấm lòng của Bác 15
11. Không có việc gì khó 16
12. Câu chuyện về một con đường 17
13. Phải đánh được bài "kết đoàn" 18
14. Từ đôi dép đến chiếc ô tô 19
15. Phải quan tâm đến mọi người hơn 23
16. Bác Hồ làm công tác dân vận ở Tân Trào (tháng 5 năm 1945) 24

17. Chữ "quan liêu" viết như thế nào? 26
18. Những "chiến sĩ Việt Nam mới" của Bác Hồ 28
19. Tấm lòng người cha 29
20. Chiếc đồng hồ của Bác Hồ 31
21. Mười hạt bưởi của Bác 32
22. Gặp Bác trong khu rừng già 33
23. Ứng biến nhanh giặc nào cũng thắng 36
24. Một kỷ niệm về Bác 37
25. Bữa cơm kháng chiến 38
26. Bỏ một mâm, lấy một đĩa 40
27. Tấm ảnh chụp chung 41
28. Bát cháo chia ba 42
29. Hỏa tốc, thủy tốc 44
30. Bác Hồ dặn chúng ta 45
31. Dù tá hay tướng đều phải lo phục vụ nhân dân 46
32. "Tất cả những việc con làm đều do cụ Hồ dạy" 48
33. "Để Bác giới thiệu cho" 50
34. Quà Bác tặng miền Nam 51
35. "Bác nhớ các cháu" 52
36. Nhớ lời Bác dạy 53
37. Câu hát ví dặm 55
38. "Đón vua hay đón Bác" 57

39. "Chủ tịch nước cũng không có đặc quyền" 59
40. Bác không thích "cưỡi ngựa xem hoa" 61
41. "Thế thì chúng ta đã gặp nhau rồi" 63
42. "Các chú có đồng ý không?" 64
43. Bác Hồ "ăn tết" với chiến sĩ 66
44. Câu chuyện về cái kẹo 70
45. Bữa cơm của Bác 71
46. Chiến sĩ con một Việt kiều được Bác Hồ đặt tên 72
47. Vinh dự của nhà thơ, nhà báo 73
48. Đôi chân Bác 75
49. Đồng chí Trung tâm sự với Bác 77
50. Nước nóng, nước nguội 78
51. "Chú là Hiểu mà lính của chú ít hiểu" 79
52. "Có ăn bớt phần cơm của con không" 82
53. "Bác đau, Bác không khóc, chú lại khóc" 83
54. Bác Hồ với chiến sĩ người dân tộc 83
55. Bế Văn Đàn tránh đạn 85
56. Cái thước SNK 87
57. "Đến khi có điều kiện phải lo" 87
58. "Cho anh em nghỉ không mỏi" 89
59. Được Bác cảm ơn, chưa được Bác khen 91
60. Muốn ăn phải lao động 92

61. Một lần được gặp Bác 93
62. "Việc này, chú Văn phụ trách" 96
63. Trung với nước, hiếu với dân 98
64. Bác Hồ và đội du kích Pác Bó 100
65. Những lời Bác dạy đầu tiên 106
66. Bác Hồ giao nhiệm vụ 108
67. Muốn làm cách mạng phải có dân, phải có lính mạnh khỏe 108
68. "Chú ra xem bộ đội có bị ướt không?" 110
69. Lần đầu gặp Bác 110
70. "Để bác quạt" 112
71. Không ăn hết thì đem về nhà 113
72. Ai ăn thì người ấy trả tiền 114
73. Tiếng chuông đêm giao thừa 115
74. Chúc ông rồi lại chúc bà 116
75. Cốc rượu ba ba 118
76. Từ cái học đến cái ăn 119
77. Bác hát bài "Anh hùng xưa" 120
78. Bách niên giai lão 122
79. "Chú làm như thế là không được" 124
80. Bác dự tiệc chiêu đãi 126
81. Sông có thể cạn, núi có thể mòn 127

82. Nhớ một lần Bác đến thăm 129
83. "Bao giờ thì đủ úy?" 131
84. "Thế mà cũng khoe" 133
85. Năm mớ rau muống 134
86. Làm rơi vãi là có tội 134
87. Vẽ ảnh Bác Hồ..... 135
88. "Ai chẳng có lần lỡ tay" 137
89. "Sao chú không kể trận Bến Cát?" 137
90. "Chú này láu cá" 138
91. "Chú có chặt cây không?" 140
92. "Các cháu có đói không?" 141
93. Bác trồng cây vú sữa 142
94. "Tôi là người dân, tôi cũng có quyền phê bình bộ đội chứ" 143
95. "Thế đã thôi chưa?" 145
96. Thật thà thì được Bác cho..... 146
97. Không nên có ít mà hưởng cả..... 146
98. Đừng viết ra văn mật mã 147
99. Bác Hồ với một chiến sĩ quốc tế..... 147
100. Bác không đồng ý..... 150
101. "Các chú có lạnh không?" 151
102. Quyền lao động của Bác..... 152

103. Chiến sĩ giao thông nhận xét thơ 153
104. Hữu chí cánh thành 154
105. Cái máy phát điện 156
106. Nhân chi sơ, tính bản thiện 157
107. Suy nghĩ về hai chữ "công bằng" của Bác 159
108. Việc chi tiêu của Bác Hồ 160
109. Ăn trên, ngồi trốc 162
110. Mở nguồn to, rút hẹp lỗ chảy 163
111. So sánh 165
112. "Thiện", "Tâm" là cái gốc của an ninh 168
113. Tiếng để ngàn đời 169
114. Để "đồng hồ sạch" 171
115. Mùa xuân cụ Hồ 172
116. Hoa sen 174
117. Một lời dặn, một bức thư nhớ mãi 176
118. Đảng lo việc cho cả nước 178
119. Những bài học nhớ đời 180
120. "Cán bộ đấy!" 181
121. Muốn làm nhà phải trồng cây 182
122. "Bác không hỏi chú, Bác hỏi nhân dân" 184
123. Chủ tịch nước xưng "cháu" với dân 185
124. "Đừng buộc mọi người phải làm theo ý mình" 187

125. "Chú tưởng Đảng và Chính phủ ta nhiều tiền lắm à?" 188
126. Hiểu biết và lương tâm 189
127. Về mặt tinh thần đọc Khổng Tử, về mặt cách mạng đọc Lênin 190
128. Như thế là Bác dạy chúng ta 193
129. "Lỗi ấy tôi xin chịu" 194
130. Nhiệm vụ một người lính 195
131. "Anh em đi qua ngõ mà không mời" 197
132. Bác dạy về quan hệ chủ - thợ 198
133. Làm nhiều tiêu ít, làm chóng tiêu chậm 201
134. Thanh niên làm theo lời Bác 202
135. Tri túc - biết đủ, biết dừng 207
136. Cán bộ ngoại giao được một bài học về "ngoại giao nhân dân" 209
137. "Nếu lòng dạ không trong sáng nữa..." 210
138. Câu trả lời vào năm 1949 211
139. Không có vinh hạnh nào to bằng 216
140. Đảng viên là những ai? 218
141. "Bác là người số 3" 221
142. Bác dạy một người làm tướng 222
143. Gian khổ phải luyện rèn, sung sướng không cần ai dạy 224

144. Sao mất lòng dân 226
145. Đề án cải cách giáo dục năm 1945 228
146. Bác dạy chúng ta nói và viết 229
147. Một bài thơ thất lạc bản gốc 233
148. Tám chữ "thần kỳ" 234
149. "Đại tướng và cho hết cơm đi" 236
150. Còn dân còn nước 237
151. "Chú giữ trật tự mà làm mất trật tự" 238
152. Phiên họp cuối cùng năm 1954 239
153. Chủ tịch nước viết bài cho cấp dưới 241
154. Tiết kiệm là một đạo đức lớn 242
155. "Hãy tẩy chay về mặt đạo đức" 244
156. Lập trường vững chắc và cố chấp 245
157. Hai chữ "đồng bào" 247
158. Dốt thì dại, dại thì hèn 248
159. "Các chú bảo vệ nói dối" 250
160. "Tôi vẫn là người Việt Nam" 251
161. Có "ba không" làm gì cũng được 252
162. Câu chúc năm mới của Bác Hồ 253
163. Bác viết về phụ nữ trên tờ báo "Việt Nam độc lập" .. 255
164. Tốt và xấu 258
165. "Nhân dân ăn thế nào, Bác cũng ăn như thế!" 259

166. Tết năm Kỷ Sửu 1949 ấy 260
167. "Đau khổ là một trường học của sự trưởng thành, đau khổ cũng là sự giải phóng" 265
168. "Làm ông già ngồi câu cá trên tảng đá là vui rồi" 268
169. Tinh thần yêu nước và tinh thần quốc tế 268
170. Bác dạy trẻ 270
171. "Chú làm Chủ tịch, để Bác làm Thứ trưởng" 272
172. Mua danh, trả giá 273
173. Thực túc binh cường, ăn no, đánh thắng 276
174. Càng khá lên càng phải chú ý chống tham ô, móc ngoặc 278
175. Bác nói chuyện về Bản tổng cương và Điều lệ của Đảng 280
176. "Bụng chữ, hũ vàng..." 283
177. Về bài "Một thái độ" 284
178. Biệt lập và hòa nhập 287
179. Năm ngựa Bính Ngọ 1966, Bác nói: "Ngựa phải phi nước đại" 290
180. Của cho là của còn 292
181. Đầu nguồn là việc chống quan liêu, tham ô, tham nhũng 293
182. Người đứng đầu Nhà nước tự phê bình 295
183. Làm gương dễ mà khó vậy! 295
184. Đọc lại bài "Hy sinh" 297

185. "Thầy đọc", máy đọc 299
186. Bộ quần áo lụa 300
187. Định nghĩa "khiêm tốn" 303
188. "Chưa thật đúng bản chất của ngành Hậu cần" 304
189. Bàn danh dự dành cho ai? 307
190. Dân mà khôn quan không thể tham nhũng 308
191. Ngày xưa 310
192. Việc gì khó nhất trong mỗi cuộc đời? 312
193. Kỷ niệm của anh lính biển 314
194. Muốn đi xa, chân phải đặt từ trong nhà 315
195. Một câu chuyện rất bổ ích cho các nhà biên tập báo, sách 316
196. "Lộc bất tận hưởng" 318
197. Trát phấn lên bộ mặt gầy gò 320
198. Thiểu số phải phục tùng 321
199. Phương pháp Hồ Chí Minh 323
200. Bác nói về cờ Tổ quốc ta 325
201. Bác "phải nhượng bộ đa số" hay là vì "đa số chúng ta không thấy hết mức độ nghêm trọng của vấn đề" 326
202. Dạy mà không có lời 329
203. Chiến sĩ dân quân Trung Quốc tận tụy với Bác Hồ ... 331
204. Mỗi ngày một bài học 334

205. "Thủy tổ" của hai câu đối tết thời độc lập..... 336
206. Bốn lần "bất kỳ" trong thư của Bác gửi Tiểu đoàn 223 337
207. "Chú mặc cũng như tôi mặc" 338
208. Ta không ăn thì đồng bào ăn 340
209. Lọ kẹo của Bác Hồ..... 342
210. Được Bác làm mối 343
211. Đời sống của dân quan trọng hơn 344
212. Mấy lời giới thiệu cuốn "Tỉnh ủy bí mật" của Hồ Chí Minh..... 345
213. "Quà mình có vậy!" 348
214. Hò hét mà không làm 349
215. "Nhân dịp năm mới, Bác chúc các chú thất nghiệp" 351
216. Chia sẻ ngọt bùi..... 352
217. Phải có tinh thần dân tộc vững chắc và tinh thần quốc tế đúng đắn..... 354
218. Xa xỉ thì nhiều bệnh, cần kiệm thì sống lâu 355
219. Đạo đức người ăn cơm 356
220. Nhớ ơn đồng bào Việt Bắc 357
221. Bác cháu đều giữ ý 359
222. Vấn đề là phương pháp..... 360
223. "Lòng tôi tê tái vì điều ân hận năm xưa" 363
224. Bác không quyết định..... 364

225. Không quên một ai đã giúp 366
226. Bông cúc và điều ân hận của chiến sĩ điện ảnh 367
227. Xin tám, được mười sáu 369
228. "Ông Lý đại đoàn kết" 371
229. "Cầu trời cho cụ Chủ tịch mạnh khỏe sống lâu?" 374
230. Con người đã biết thế nào là đói khổ 375
231. Một lần nhớ mãi 376
232. "Ăn chay cũng tốt, nhưng ăn thịt thích hơn" 378
233. "Vừa đẹp vừa đỡ chói mắt đồng bào" 379
234. Bác tặng khăn quàng 381
235. Bữa cơm gia đình 382
236. "Lịch sử" ba bộ quần áo của Bác 384
237. Nhảy một nhảy 385
238. Tấm lòng Bác Hồ với thương binh, liệt sĩ 387
239. "Chú còn trẻ, chú vào hầm trú ẩn trước đi" 391
240. "Bác có phải là vua đâu?" 392
241. Phải bảo vệ từng cành cây 395
242. Cây sáo trúc 395
243. Việc gì làm được hãy tự làm lấy 396
244. "Chú ngã có đau không?" 397
245. "Ông kiến" nhà sàn của Bác 398

246. "Bác phục vụ dân chứ không phải dân phục vụ Bác" 400
247. Yêu ai yêu bằng cả tấm lòng 401
248. "Hỏi chú Việt ấy!" 402
249. "Nhà máy có khỉ" 403
250. "Hỡi ai bưng bát cơm đầy" 404
251. Dân chủ mà thành "quan chủ" 406
252. Chiếc áo ấm 407
253. "Thế có nước mắm ớt không?" 409
254. Bữa cơm ở bản 410
255. "Vận trù học" 411
256. "Chú để Bác thuyết minh cho" 413
257. "Của bụt ăn một đền mười" 415
258. "Không cứ phải đảng viên" 416
259. Một lần được gặp Bác Hồ 417
260. Hai loại bút, hai thời kỳ 420
261. "Găng nhưng không được bể..." 421
262. Bó hoa tặng bạn 422
263. "Cờ của ta phải bằng cờ các nước" 424
264. Quà tặng của Bác 425
265. "Không ai được vào đây" 428
266. Cái đuôi Tôn Ngộ Không 429

267. Bức ảnh muộn màng 431
268. "Quyền lực" của Hồ Chủ tịch 432
269. Cái ghế băng nhỏ 433
270. Trường học của Bác 434
271. Điều Bác Hồ yêu nhất, ghét nhất 436
272. Năm ấy Bác không đi thăm rừng Cúc Phương 437
273. "Tôi bị tấn công bằng tình thương yêu" 439
274. "Ăn no rồi hãy đến làm việc" 439
275. Một mình bác có 4 "Chánh Văn phòng" 441
276. Căn buồng người thợ điện 442
277. Bác thương chiến sĩ 445
278. "Ngân hàng Nhà nước phục vụ ai?" 445
279. "Thi đua về lòng yêu nước thì ta thắng" 447
280. "Mênh mông quá" 449
281. Bán "tru" mua chó, bán "ló" mua mèo 449
282. Bác Hồ "xin đồng bào và cán bộ cho biết" 450
283. Người Pháp, người Mỹ 452
284. Bác không phải là "ngài Chủ tịch" 454
285. Ba chiều trách nhiệm 455
286. "Tim sôi, đầu lạnh, bàn tay sạch" 458
287. Hồ Chí Minh với đường lối đại đoàn kết dân tộc trong cách mạng tháng Tám 460

288. Một mẫu số chung 463
289. Nhân tài thời cụ Hồ 466
290. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói về trách nhiệm cao quý của nhà báo 468
291. Chiếc áo mùa đông binh sĩ năm ấy 470
292. Nguyên tắc lắm có khi hỏng việc 472
293. Bài viết của Bác Hồ về chống tham nhũng, lãng phí .. 473
294. Chỉ đúng bệnh, uống đúng thuốc 475
295. Mười hai điều đó chớ quên điều nào 477
296. Ai cũng cần soi lại mình 480
297. Học và làm theo Bác Hồ 481

TẤM GƯƠNG BÁC
Ngọc quý của mọi nhà

ISBN: 978-604-80-4003-1

SÁCH KHÔNG BÁN